



Thuế thu nhập Liên bang của bạn

Dành cho Cá nhân

Ấn phẩm 17

Để sử dụng trong
việc chuẩn bị

Tờ khai **2024**

TAX GUIDE 2024



FOR INDIVIDUALS

Jan 29, 2025

Publication 17 (vie) (2024) Catalog Number 745850
Department of the Treasury **Internal Revenue Service** www.irs.gov



Thuế thu nhập Liên bang của bạn

Dành cho Cá nhân

Mục lục

Quy định mới	1	11 Các khoản thuế	96
Nhắc nhở	2	12 Khấu trừ từng khoản khác	101
Giới thiệu	4	Phần Bốn. Tính thuế của bạn, và Tín thuế có thể hoàn lại và không hoàn lại	106
Phần Một. Tờ khai thuế thu nhập	6	13 Cách tính thuế của bạn	106
1 Thông tin để nộp	6	14 Tín thuế Trẻ em và Tín thuế cho Người phụ thuộc khác	108
2 Tư cách khai thuế	22	Bảng Thuế năm 2024	111
3 Người phụ thuộc	27	Bảng Tính Thuế 2024	123
4 Khấu lưu thuế và Thuế ước tính	37	Khung Thuế Suất 2024	124
Phần Hai. Thu nhập và điều chỉnh thu nhập	46	Quyền của bạn với tư cách là Người đóng thuế	125
5 Tiền công, Tiền lương và Thu nhập khác	47	Cách nhận trợ giúp về thuế	126
6 Thu nhập từ tiền lãi	54	Chỉ mục	129
7 Phúc lợi An sinh Xã hội và Hưu trí đường sắt tương đương	62	Nơi nộp tờ khai	139
8 Thu nhập khác	67		
9 Quỹ Hưu trí Cá nhân (IRA)	78		
Phần Ba. Khấu trừ tiêu chuẩn, Khấu trừ từng khoản và các khoản Khấu trừ khác	92		
10 Khấu trừ tiêu chuẩn	92		

Tất cả các tài liệu trong ấn phẩm này đều có thể in lại tùy ý. Trích dẫn đến Thuế thu nhập Liên bang của bạn (2024) sẽ thích hợp.

Phần giải thích và ví dụ trong ấn phẩm này phản ánh cách diễn giải của Sở Thuế vụ (IRS) về:

- Luật thuế do Quốc Hội ban hành,
- Các quy định của Bộ Tài chính, và
- Phán quyết của Tòa án.

Tuy nhiên, thông tin được cung cấp không tính đến hết mọi tình huống và không có mục đích thay thế cho luật pháp hay thay đổi ý nghĩa của nó.

Ấn phẩm này trình bày một số chủ đề mà về chủ đề đó, tòa có thể ra phán quyết có lợi cho người đóng thuế hơn là theo sự

diễn giải của IRS. Cho đến khi những cách diễn giải khác này được giải quyết theo phán quyết của tòa thượng thẩm hoặc bằng một cách nào đó, ấn phẩm này vẫn tiếp tục thể hiện cách diễn giải của IRS.

Tất cả những người đóng thuế có các quyền quan trọng khi làm việc với IRS. Các quyền này được mô tả trong [Quyền của bạn với tư cách là Người đóng thuế](#) ở mặt sau của ấn phẩm này.

Quy định mới

Mục này tóm tắt các thay đổi quan trọng về thuế và có hiệu lực trong năm 2024. Hầu hết các thay đổi này được thảo luận chi tiết hơn xuyên suốt ấn phẩm này.

Phát triển trong tương lai. Để biết thông tin mới nhất về các chủ đề liên quan đến luật thuế được trình bày trong ấn phẩm này, như quy chế được ban hành sau khi ấn phẩm này được công bố, vui lòng truy cập [IRS.gov/pub17](https://www.irs.gov/pub17).

Ai phải nộp. Nhìn chung, số tiền thu nhập bạn có thể nhận được trước khi bạn phải nộp tờ khai đã được tăng lên. Để biết thêm thông tin, xem [chương 1](#), ở phần sau.

Ngày đến hạn nộp tờ khai thuế. Nộp Mẫu 1040 và 1040-SR trước ngày 15 tháng 4, 2025. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Số tiền tín thuế trẻ em bổ sung (ACTC) đã tăng lên. Số tiền ACTC tối đa đã tăng lên \$1.700 cho mỗi trẻ đủ điều kiện.

Mức khấu trừ tiêu chuẩn đã tăng. Với năm 2024, mức khấu trừ tiêu chuẩn đã tăng cho tất cả những người khai thuế. Số tiền là:

- Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế – \$14.600;
- Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện – \$29.200; và
- Chủ gia đình – \$21.900.

Xem [chương 10](#), ở phần sau.

Tài sản điện tử nhận được như thu nhập thông thường. Nếu bạn nhận được tài sản điện tử như thu nhập thông thường và thu nhập đó không được khai báo ở nơi khác trên tờ khai của bạn, bạn sẽ nhập số tiền đó vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8v.

Khai báo các khoản thanh toán vượt mức, tăng thuế và số tiền thu hồi liên quan đến một số khoản tín thuế đầu tư nhất định. Nếu bạn khai báo các khoản thanh toán vượt mức, tăng thuế và/hoặc số tiền thu hồi liên quan đến một số khoản tín thuế nhất định trên Mẫu 4255, Thu hồi một số khoản tín thuế nhất định, Khoản thanh toán vượt mức và Tiền phạt, bạn cũng sẽ cần khai báo các khoản đó trên Bảng 2 (Mẫu 1040). Xem hướng dẫn cho Mẫu 4255 và Bảng 2, dòng 1d, 1e, 1f, 1y, 17a, 17z và 19.

Khoản hoàn trả từ Mẫu 8936. Nếu bạn có khoản hoàn trả tín thuế cho xe sạch mới hoặc đã qua sử dụng được khai báo trên Mẫu 8936 và Bảng A (Mẫu 8936), thì các số tiền đó hiện sẽ được khai báo trên Bảng 2 (Mẫu 1040), dòng 1b và 1c.

Việc mua trái phiếu tiết kiệm đã dừng lại. Chương trình cho phép tiền

hoàn thuế của bạn được ký gửi vào tài khoản TreasuryDirect® của bạn để mua trái phiếu tiết kiệm, cũng như khả năng mua trái phiếu giấy bằng tiền hoàn thuế của bạn đã dừng lại. Mẫu 8888 hiện chỉ được sử dụng để chia tiền hoàn thuế được ký gửi trực tiếp giữa hai hoặc nhiều tài khoản hoặc để chia tiền hoàn thuế của bạn giữa ký gửi trực tiếp và séc giấy. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập [TreasuryDirect.gov/Research-Center/Fac-IRS-Tax-Feature](https://www.treasurydirect.gov/research-center/fac-irs-tax-feature) (tiếng Anh).

Thuế của Hoa Kỳ phân bổ cho Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ hiện được khai báo trên Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 13z. Nếu bạn sử dụng Mẫu 8689, Phân bổ Thuế thu nhập cá nhân cho Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ, để tính số tiền thuế Hoa Kỳ được phân bổ cho Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ, thì bây giờ bạn sẽ khai báo số tiền này trên Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 13z.

Chọn coi người nước ngoài tạm trú hoặc vợ/chồng của người nước ngoài có tình trạng kép như thường trú nhân Hoa Kỳ. Nếu bạn và vợ/chồng của bạn chọn coi người nước ngoài tạm trú hoặc vợ/chồng của người nước ngoài có tình trạng kép như thường trú nhân Hoa Kỳ cho năm 2024, hoặc nếu lựa chọn của năm trước để coi người nước ngoài tạm trú là thường trú nhân Hoa Kỳ vẫn có hiệu lực cho năm 2024, hãy đánh dấu vào ô trong phần (*Filing Status*) *Tư cách nộp* của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR và nhập tên của người nước ngoài tạm trú hoặc vợ/chồng là người nước ngoài có tình trạng kép vào ô nhập. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Khai báo việc chuyển khoản tín thuế cho xe sạch mới hoặc đã qua sử dụng cho đại lý tại thời điểm bán. Nếu bạn mua một chiếc xe sạch mới hoặc đã qua sử dụng từ một đại lý đã đăng ký và giảm số tiền bạn đã trả tại thời điểm bán bằng cách chuyển khoản tín thuế cho đại lý, bạn phải nộp tờ khai thuế và đính kèm Mẫu 8936 và Bảng A (Mẫu 8936) để khai báo việc chuyển khoản tín thuế và điều chỉnh tính điều kiện đủ của bạn trên tờ khai.

Một số khoản tiền cứu trợ dành cho những cá nhân bị ảnh hưởng bởi vụ trật ray tàu hỏa Đông Palestine không phải chịu thuế. Nếu bạn nhận được khoản thanh toán cứu trợ từ một cơ quan chính phủ, Norfolk Southern Railway hoặc công ty con, công ty bảo hiểm, đại diện hoặc người liên quan do bị ảnh hưởng bởi vụ trật ray tàu hỏa ngày 3 tháng 2, 2023 tại Đông Palestine, Ohio, thì các khoản thanh toán này có thể không phải chịu thuế. Xem Ấn phẩm 547 để biết thêm thông tin.

Các khoản thanh toán cứu trợ cháy rừng đủ điều kiện không phải chịu

thuế. Nếu bạn nhận được khoản thanh toán cứu trợ cháy rừng đủ điều kiện, các khoản thanh toán đó có thể không phải chịu thuế. Xem Ấn phẩm 547 để biết thêm thông tin.

Lựa chọn người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện để được coi như nhân viên. Bắt đầu từ năm 2024, người vợ/chồng còn lại đủ là người thụ hưởng được chỉ định của một nhân viên có một kế hoạch hưu trí đủ điều kiện (hoặc kế hoạch khác mà các quy tắc phân phối tối thiểu bắt buộc áp dụng) hoặc là người thụ hưởng được chỉ định của chủ sở hữu IRA, có thể chọn được coi là nhân viên cho mục đích của các quy tắc phân phối tối thiểu bắt buộc. Xem Ấn phẩm 575 và Ấn phẩm 590-B.

Giới hạn tiền lương cho các khoản đóng góp đuổi theo trước thuế. Nếu bạn là người tham gia đủ điều kiện vào một chương trình hiện hành của chủ lao động, bạn chỉ có thể đóng góp đuổi theo trước thuế nếu tiền lương của bạn từ chương trình do chủ lao động tài trợ không vượt quá \$145.000.

Hạn mức đóng góp IRA tăng lên. Bắt đầu từ năm 2024, hạn mức đóng góp IRA được tăng lên \$7.000 (\$8.000 cho cá nhân từ 50 tuổi trở lên) từ \$6.500 (\$7.500 cho cá nhân từ 50 tuổi trở lên).

Phân phối cho nạn nhân bị bạo hành gia đình. Bắt đầu với các khoản phân phối được thực hiện sau ngày 31 tháng 12, 2023, khoản phân phối cho nạn nhân bị bạo hành gia đình không phải chịu thuế bổ sung 10% đối với các khoản phân phối sớm nếu khoản phân phối đó đáp ứng các yêu cầu nhất định. Xem Ấn phẩm 590-B để biết thêm thông tin.

Phân phối cho chi phí cá nhân khẩn cấp. Bắt đầu với các khoản phân phối được thực hiện sau ngày 31 tháng 12, 2023, ngoại lệ đối với khoản thuế bổ sung 10% cho các khoản phân phối sớm được mở rộng để bao gồm các khoản phân phối cho một số chi phí cá nhân khẩn cấp. Xem Ấn phẩm 590-B để biết thêm thông tin.

Hạn mức đóng góp thù lao tri hoãn tăng lên. Nếu bạn tham gia kế hoạch 401(k), kế hoạch 403(b) hoặc Chương trình Tiết kiệm để dành của chính phủ liên bang, tổng số tiền hàng năm bạn có thể đóng góp sẽ tăng lên \$23.000 (\$30.500 nếu từ 50 tuổi trở lên) cho năm 2024. Điều này cũng áp dụng cho hầu hết các kế hoạch đoạn 457.

Năm 2024 là năm cuối cùng để nộp Mẫu 5405. Thời hạn hoàn trả 15 năm cho khoản tín thuế dành cho người mua nhà lần đầu đối với những ngôi nhà được mua vào năm 2008 bắt đầu từ tờ khai thuế năm 2010 của bạn và

kết thúc vào tờ khai thuế năm 2024 của bạn.

Các khoản thanh toán miễn trừ Medicaid không chịu thuế được báo cáo trên Mẫu W-2. Nếu bạn đã nhận được khoản thanh toán miễn trừ Medicaid không chịu thuế, thì số tiền đó hiện phải được báo cáo cho bạn trên Mẫu W-2 trong ô 12, mã II.

Direct File. Direct File là tùy chọn cố định cho người đóng thuế để nộp tờ khai thuế liên bang trực tuyến—miễn phí—trực tiếp và an toàn với IRS bắt đầu từ năm 2025. Truy cập [IRS.gov/DirectFile](https://www.irs.gov/directfile) (tiếng Anh). Direct File là tùy chọn khai thuế cho người đóng thuế ở các tiểu bang tham gia có tờ khai thuế tương đối đơn giản, chỉ khai báo một số loại thu nhập nhất định và yêu cầu một số khoản tín thuế và khấu trừ nhất định. Truy cập [IRS.gov/DirectFile](https://www.irs.gov/directfile) (tiếng Anh) để biết thông tin về các tiểu bang khác đã tham gia và các tình huống thuế mới mà Direct File đã thêm vào dịch vụ cho năm thuế 2024.

Quỹ Chi tiêu linh hoạt cho sức khỏe (FSA sức khỏe) theo kế hoạch tự chọn. Đối với những năm thuế bắt đầu từ năm 2024, giới hạn số tiền theo đoạn 1251(i) đối với việc giảm lương nhân viên tự nguyện để đóng góp cho FSA y tế là \$3.200.

Tri hoãn hoàn thuế cho tờ khai yêu cầu ACTC. IRS chưa thể tiến hành hoàn thuế trước thời điểm giữa tháng 2 năm 2025 cho những tờ khai thuế yêu cầu ACTC. Khung thời gian này áp dụng cho toàn bộ khoản tiền hoàn thuế, thay vì chỉ phần có liên quan đến ACTC.

Mức vận phí tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Mức vận phí năm 2024 đối với việc sử dụng phương tiện cho mục đích kinh doanh là 67 xu một dặm. Mức vận phí năm 2024 dành cho việc sử dụng phương tiện của bạn để làm công việc tình nguyện cho một số tổ chức từ thiện là 14 xu một dặm. Mức vận phí năm 2024 cho chi phí vận hành ô tô khi bạn sử dụng cho lý do y tế là 21 xu một dặm.

Giới hạn tổng thu nhập (AGI) đã sửa đổi cho đóng góp IRA truyền thống. Đối với năm 2024, nếu bạn có kế hoạch nghỉ hưu tại nơi làm việc, khoản khấu trừ của bạn cho các khoản đóng góp cho IRA truyền thống sẽ giảm (loại bỏ dần) nếu AGI đã sửa đổi của bạn là:

- Nhiều hơn \$123.000 nhưng ít hơn \$143.000 cho vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện,
- Nhiều hơn \$77.000 nhưng ít hơn \$87.000 cho cá nhân độc thân hoặc chủ gia đình, hoặc
- Ít hơn \$10.000 cho vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.

Nếu bạn sống với người vợ/chồng, và người vợ/chồng của bạn có kế hoạch nghỉ hưu ở nơi làm việc nhưng bạn không có, khoản khấu trừ của bạn sẽ bị loại bỏ dần nếu AGI đã sửa đổi của bạn nhiều hơn \$230.000 nhưng ít hơn \$240.000. Nếu AGI đã sửa đổi của bạn là \$240.000 trở lên, bạn không thể khấu trừ cho đóng góp của IRA truyền thống. Xem *Bạn có thể khấu trừ bao nhiêu* trong [chương 9](#), ở phần sau.

Giới hạn AGI đã sửa đổi cho đóng góp IRA Roth. Đối với năm 2024, đóng góp IRA Roth sẽ giảm (loại bỏ dần) trong những trường hợp sau đây.

- Tư cách khai thuế của bạn là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện và AGI đã sửa đổi của bạn ít nhất là \$230.000. Bạn không thể thực hiện đóng góp cho IRA Roth nếu AGI đã sửa đổi của bạn là \$240.000 hoặc nhiều hơn.
- Tư cách khai thuế của bạn là vợ độc thân, chủ gia đình, hoặc vợ

chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn không sống chung với vợ/chồng bất kỳ thời gian nào trong năm 2024 và AGI đã sửa đổi của bạn ít nhất là \$146.000. Bạn không thể thực hiện đóng góp cho IRA Roth nếu AGI đã sửa đổi của bạn là \$161.000 hoặc nhiều hơn.

- Tư cách khai thuế của bạn là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và bạn sống chung với vợ/chồng bất kỳ thời gian nào trong năm, và AGI đã sửa đổi của bạn nhiều hơn số không. Bạn không thể thực hiện đóng góp cho IRA Roth nếu AGI đã sửa đổi của bạn là \$10.000 hoặc nhiều hơn. Xem *Bạn có thể đóng góp cho IRA Roth không?* trong [chương 9](#), ở phần sau.

Giới hạn của AGI đã sửa đổi năm 2025. Bạn có thể tìm thấy thông tin về khoản đóng góp và giới hạn của AGI đã sửa đổi cho năm 2025 trong Ấn phẩm 590-A.

Luật thuế thay đổi cho năm 2025. Khi bạn tính số thuế thu nhập bạn muốn khấu trừ từ lương của mình và khi bạn tính thuế ước tính của mình, hãy cân nhắc các thay đổi luật thuế có hiệu lực vào năm 2025. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 505.

Số tiền miễn trừ thuế tối thiểu thay thế (AMT) tăng lên. Số tiền miễn trừ AMT đã tăng lên đến \$85.700 (\$133.300 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện; \$66.650 nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế). Mức thu nhập khi AMT bắt loại bỏ dần đã tăng lên đến \$609.350 (hoặc \$1.218.700 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hay người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện).

Yêu cầu khai báo mới cho Mẫu 1099-K. Đạo luật Kế hoạch Giải cứu người Mỹ năm 2021 (ARP) đã thay đổi các yêu cầu khai báo đối với các tổ chức giải quyết bên thứ ba. Bắt đầu từ năm 2024, có ngưỡng khai báo thấp

hơn đối với Mẫu 1099-K. Xem [chương 8](#), ở phần sau.

Cập nhật cho yêu cầu khai báo mới cho Mẫu 1099-K. Đối với năm 2024, các công ty thẻ thanh toán, ứng dụng thanh toán và thị trường trực tuyến sẽ được yêu cầu gửi cho bạn Mẫu 1099-K khi số tiền giao dịch kinh doanh của bạn trong năm vượt quá \$5.000. Trong năm dương lịch 2025, ngưỡng này sẽ giảm xuống còn hơn \$2.500; và đối với năm 2026 và những năm sau đó, ngưỡng này sẽ là hơn \$600.

Thay đổi số tiền khai báo cho Mẫu 1099-K. Bắt đầu từ năm 2024, nếu bạn nhận được Mẫu 1099-K hiển thị các khoản thanh toán được đưa vào do nhầm lẫn hoặc cho các mặt hàng cá nhân được bán lỗi, thì giờ đây bạn sẽ phải nhập các số tiền này vào ô nhập ở đầu Bảng 1 (Mẫu 1040).

Nhắc nhở

Liệt kê dưới đây là các nội dung nhắc nhở quan trọng và các mục khác có thể giúp bạn nộp tờ khai thuế 2024. Nhiều thay đổi trong số này được giải thích chi tiết hơn ở phần sau của ấn phẩm này.

Các quy tắc đặc biệt áp dụng cho lợi nhuận đủ điều kiện trong Quỹ Cơ hội đủ điều kiện. Nếu có lợi nhuận đủ điều kiện, bạn có thể đầu tư phần lợi nhuận đó vào Quỹ Cơ hội đủ điều kiện (QOF) và được chọn hoãn một phần hoặc toàn bộ phần lợi nhuận có thể tính vào trong thu nhập. Bạn được hoãn phần lợi nhuận này cho đến ngày bán hoặc quy đổi khoản đầu tư hoặc đến ngày 31 tháng 12, 2026, tùy theo ngày nào đến trước. Bạn cũng có thể không tính lợi nhuận trong hoạt động bán hay trao đổi hoặc một khoản đầu tư trong Quỹ QOF vô thời hạn nếu nắm giữ khoản đầu tư đó trong ít nhất 10 năm. Để biết thông tin về loại lợi nhuận nào cho phép bạn được chọn các quy định này, hãy xem Hướng dẫn cho Mẫu 8949.

Bảo mật hồ sơ thuế của bạn khỏi hành vi trộm cắp danh tính. Trộm cắp danh tính xảy ra khi có người sử dụng thông tin cá nhân của bạn, như tên, SSN hoặc thông tin nhận dạng khác, khi chưa có sự cho phép của bạn, để thực hiện hành vi gian lận hoặc phạm tội khác. Kẻ trộm cắp danh tính có thể sử dụng SSN của bạn để tìm việc làm hoặc nộp tờ khai thuế bằng SSN của bạn để nhận tiền hoàn thuế. Để biết thêm thông tin về trộm cắp danh tính và cách giảm nguy cơ này cho bản thân, xem [chương 1](#), ở phần sau.

Mã số thuế. Bạn phải cung cấp mã số thuế cho từng người mà bạn yêu cầu quyền lợi thuế nhất định. Quy định này áp dụng ngay cả khi người đó sinh ra trong năm 2024. Thông thường, số này là SSN của người đó. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Tên của tư cách khai thuế thay đổi thành người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện. Tư cách khai thuế người góa vợ/chồng đủ điều kiện bây giờ được gọi là người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện. Các quy tắc cho tư cách khai thuế này không thay đổi. Các quy tắc được áp dụng cho người góa vợ/chồng đủ điều kiện cũng áp dụng cho người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện.

Dòng 1a đến 1z trên Mẫu 1040 và 1040-SR. Bắt đầu từ năm 2022, dòng 1 được mở rộng và có các dòng mới 1a đến 1z. Một số tiền năm trước được khai báo trên Mẫu 1040, và một số được khai báo trên Mẫu 1040-SR, bây giờ được khai báo trên Bảng 1.

- Học bổng và tiền trợ cấp nghiên cứu bây giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8r.
- Lương hưu hoặc niên kiễm từ kế hoạch thu lao tri hoãn không đủ điều kiện hoặc kế hoạch phi chính phủ đoạn 457 bây giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8t.
- Tiền công kiếm được trong lúc bị giam bây giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8u.

Dòng 6c trên Mẫu 1040 và 1040-SR. Một hộp kiểm đã được thêm vào dòng 6c. Người đóng thuế chọn sử dụng phương pháp nhận tiền một lần cho những quyền lợi của họ sẽ đánh dấu vào ô này. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040.

Tín thuế Bảo phí (PTC). ARP đã mở rộng PTC bằng cách loại bỏ giới hạn rằng thu nhập hộ gia đình của người đóng thuế không được vượt quá 400% chuẩn nghèo khó của liên bang và nói chung là tăng số tiền tín thuế. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 974 và Mẫu 8962 và hướng dẫn.

Tín thuế cho tiền lương nghỉ ốm và nghỉ phép gia đình đủ điều kiện. Các khoản tín thuế cho tiền lương nghỉ ốm và nghỉ gia đình đủ điều kiện được trả vào năm 2023 cho các kỳ nghỉ được thực hiện trước ngày 1 tháng 4, 2021 và cho các kỳ nghỉ được thực hiện sau ngày 31 tháng 3, 2021 và trước ngày 1 tháng 10, 2021 hiện được khai báo cáo trên Bảng 3, dòng 13z. Xem Bảng H (Mẫu 1040) để biết thêm thông tin.

Lựa chọn phân phối từ thiện đủ điều kiện một lần. Bắt đầu từ năm 2023, bạn có thể chọn thực hiện phân phối một lần lên đến \$50.000 từ tài khoản hưu trí cá nhân cho các tổ chức từ thiện thông qua một quỹ tín thác từ thiện còn lại hoặc một tiền biếu từ thiện chỉ được tài trợ bởi các khoản phân phối đủ điều kiện. Xem Ấn phẩm 590-B để biết thêm thông tin.

Khấu trừ bảo hiểm y tế tự kinh doanh. Sử dụng Mẫu 7206 và hướng dẫn của mẫu này để xác định bất kỳ số tiền khấu trừ bảo hiểm y tế tự kinh doanh nào mà bạn có thể yêu cầu và khai báo trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 17.

Xác minh danh tính. IRS đã đưa ra quá trình xác minh danh tính và đăng nhập được cải tiến cho phép nhiều người hơn truy cập và sử dụng các công cụ và ứng dụng trực tuyến của IRS một cách an toàn. Để cung cấp

dịch vụ xác minh, IRS đang sử dụng ID.me, một nhà cung cấp công nghệ đáng tin cậy. Quá trình mới là một bước nữa mà IRS đang thực hiện để đảm bảo rằng thông tin về người đóng thuế chỉ được cung cấp cho người có quyền hợp pháp đối với dữ liệu. Người đóng thuế sử dụng quá trình xác minh thân thiện với thiết bị di động mới có thể truy cập vào các dịch vụ trực tuyến IRS hiện có như *Cổng Cập nhật Tin thuế Trẻ em*, *Tài khoản trực tuyến*, *Lấy Bản ghi trực tuyến*, *Lấy PIN bảo vệ danh tính (IP PIN)*, và *Thỏa thuận Thanh toán trực tuyến*. Các ứng dụng bổ sung của IRS sẽ chuyển sang phương pháp mới trong năm tới. Mỗi dịch vụ trực tuyến cũng sẽ cung cấp thông tin hướng dẫn người đóng thuế các bước họ cần làm để truy cập dịch vụ. Bạn cũng có thể xem IR-2021-228 để biết thêm thông tin.

Tín thuế nhận con nuôi. Tín thuế nhận con nuôi và loại trừ cho quyền lợi do nhận con nuôi được chủ lao động cung cấp là \$16.810 cho mỗi trẻ đủ điều kiện trong năm 2024. Số tiền bắt đầu loại bỏ dần nếu bạn có AGI đã sửa đổi vượt quá \$252.150 và loại bỏ hoàn toàn nếu AGI đã sửa đổi của bạn là \$292.150 hoặc nhiều hơn.

ACTC và cư dân chân thật của Puerto Rico. Cư dân chân thật của Puerto Rico không còn bắt buộc phải có ba hoặc nhiều hơn trẻ đủ điều kiện để đủ điều kiện yêu cầu ACTC. Cư dân chân thật của Puerto Rico có thể đủ điều kiện để yêu cầu ACTC nếu họ có một hoặc nhiều trẻ đủ điều kiện.

Ngoại lệ đối với mức thuế bổ sung 10% cho việc phân phối sớm. Ngoại lệ đối với mức thuế bổ sung

10% cho các khoản phân phối sớm bao gồm những điều sau đây.

- Phân phối từ một kế hoạch hưu trí liên quan đến thiên tai do liên bang tuyên bố.
- Phân phối từ một kế hoạch hưu trí được thực hiện cho người mắc bệnh nan y.
- Phân phối cho lính cứu hỏa ở độ tuổi 50 hoặc có 25 năm phục vụ theo kế hoạch.

Xem Mẫu 5329 và Ấn phẩm 590-B để biết thêm thông tin.

Tín thuế xe sạch mới. Tín thuế cho xe điện cầm sạc mới đủ điều kiện đã thay đổi. Tín thuế này hiện được gọi là tín thuế xe sạch. Số tiền tín thuế tối đa và một số điều để yêu cầu tín thuế đã thay đổi. Tín thuế vẫn được khai báo trên Mẫu 8936 và Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 6f. Để biết thêm thông tin, hãy xem Mẫu 8936.

Tín thuế xe sạch đã qua sử dụng. Khoản tín thuế này áp dụng cho các xe sạch đã qua sử dụng được mua và đưa vào sử dụng sau năm 2022. Để biết thêm thông tin, hãy xem Mẫu 8936.

Yêu cầu khai báo cho Mẫu 1099-K. Mẫu 1099-K do các tổ chức thanh toán bên thứ ba và các công ty thẻ tín dụng phát hành để báo cáo các giao dịch thanh toán được thực hiện cho bạn về hàng hóa và dịch vụ.

Bạn phải khai báo tất cả thu nhập trên tờ khai thuế của mình trừ khi được luật pháp loại trừ, cho dù bạn nhận được thu nhập qua phương tiện điện tử hay không và cho dù bạn nhận được Mẫu 1099-K hay không. Ở 1a và các số tiền khác được báo cáo trên Mẫu 1099-K là các thông tin bổ sung để giúp xác định số tiền chính xác để khai báo trên tờ khai của bạn.

Nếu bạn nhận được Mẫu 1099-K hiển thị các khoản thanh toán mà bạn không nhận được hoặc không chính xác, hãy liên hệ với bên phát hành Mẫu 1099-K. Đừng liên hệ với IRS; IRS không thể sửa Mẫu 1099-K không

chính xác. Nếu bạn không thể sửa được hoặc bạn đã bán một món đồ cá nhân với giá lỗ, hãy xem hướng dẫn cho Bảng 1, dòng 8z và 24z, sau đó, để biết thêm thông tin khai báo.

Tất cả thông tin của IRS về Mẫu 1099-K đều có sẵn bằng cách truy cập [IRS.gov/1099K](https://www.irs.gov/1099K).

Thu nhập từ nguồn nước ngoài. Nếu bạn là công dân Hoa Kỳ và có thu nhập từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ (thu nhập từ nước ngoài), bạn phải khai báo toàn bộ phần thu nhập đó trên tờ khai thuế, trừ khi được miễn thực hiện theo luật hoặc hiệp ước thuế. Điều này vẫn áp dụng dù bạn sống tại Hoa Kỳ hay ngoài Hoa Kỳ, không quan trọng là bạn có nhận Mẫu W-2 hay Mẫu 1099 từ người trả tiền nước ngoài hay không. Điều này áp dụng với thu nhập kiếm được (ví dụ như tiền công và tiền boia) cũng như thu nhập không kiếm được (ví dụ như tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận đầu tư, lương hưu, tiền cho thuê nhà và tiền bản quyền).

Nếu bạn sinh sống ngoài Hoa Kỳ, bạn có thể được loại trừ một phần hoặc toàn bộ thu nhập kiếm được ở nước ngoài của mình. Để biết chi tiết, xem Ấn phẩm 54.

Tài sản tài chính nước ngoài. Nếu bạn có tài sản tài chính nước ngoài trong năm 2024, bạn có thể phải nộp Mẫu 8938 cùng với tờ khai thuế. Xem Mẫu 8938 và hướng dẫn hoặc truy cập [IRS.gov/Form8938](https://www.irs.gov/Form8938) (tiếng Anh) để biết chi tiết.

Tự động gia hạn 6 tháng để nộp tờ khai thuế. Bạn có thể được tự động gia hạn 6 tháng thời gian nộp tờ khai thuế. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Thanh toán thuế. Bạn có thể trả tiền thuế bằng cách thanh toán điện tử trực tuyến; từ một thiết bị di động bằng ứng dụng IRS2Go; hoặc bằng tiền mặt, hoặc séc hoặc lệnh phiếu. Trả tiền bằng điện tử nhanh gọn, dễ dàng và nhanh hơn là gửi qua đường bưu điện với phương thức séc hoặc lệnh phiếu. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Các cách nộp tờ khai thuế nhanh hơn. IRS cung cấp các cách nhanh chóng, chính xác để nộp thông tin tờ khai thuế của bạn mà không cần khai thuế bằng giấy. Bạn có thể sử dụng e-file (khai thuế bằng điện tử) của IRS. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Khai thuế điện tử miễn phí. Bạn có thể khai thuế 2024 trực tuyến và miễn phí. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Thay đổi địa chỉ của bạn. Nếu bạn thay đổi địa chỉ, hãy thông báo cho IRS. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Hoàn thuế cho tờ khai thuế nộp muộn. Nếu bạn được tiền hoàn thuế nhưng không nộp tờ khai thuế, thường thì bạn phải nộp tờ khai thuế trong vòng 3 năm kể từ ngày đến hạn nộp tờ khai thuế (tính cả thời gian gia hạn) để nhận được số tiền hoàn thuế đó. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Tờ khai thuế phù phiếm. IRS đã công bố danh sách những lập trường được xác định là phù phiếm. Hình phạt do nộp tờ khai thuế phù phiếm là \$5.000. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Nộp đơn yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thuế không đúng. Bạn có thể phải trả tiền phạt nếu bạn nộp đơn yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thuế không đúng. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Truy cập tài khoản trực tuyến. Bạn phải xác thực danh tính của mình. Để đăng nhập an toàn vào tài khoản thuế liên bang của bạn, truy cập [IRS.gov/Account](https://www.irs.gov/Account). Xem số tiền bạn còn nợ, xem lại lịch sử thanh toán trong 5 năm qua, truy cập các tùy chọn thanh toán trực tuyến và tạo hoặc sửa đổi thỏa thuận thanh toán trực tuyến. Bạn cũng có thể truy cập hồ sơ thuế của mình trực tuyến.

Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe. Nếu bạn cần có bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, hãy truy cập [HealthCare.gov](https://www.healthcare.gov) (tiếng Anh) để tìm hiểu về các lựa chọn bảo hiểm y tế cho bản thân và gia đình, cách mua bảo hiểm y tế cũng như cách để đủ tiêu chuẩn được hỗ trợ tài chính khi mua bảo hiểm y tế.

Tiết lộ, Đạo luật về Quyền riêng tư và Đạo luật Giảm bớt thủ tục giấy tờ. Đạo luật Tái cơ cấu và Cải tổ của IRS năm 1998, Đạo luật về Quyền riêng tư năm 1974 và Đạo luật Giảm bớt thủ tục giấy tờ năm 1980 quy định rằng khi chúng tôi yêu cầu bạn cung cấp thông tin, trước hết chúng tôi phải cho bạn biết rằng chúng tôi có quyền hợp pháp để đề nghị cung cấp thông tin, lý do của đề nghị đó, thông tin sẽ được sử dụng như thế nào, điều gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi không nhận được thông tin, và việc bạn phản hồi là tự nguyện, bắt buộc để nhận phúc lợi hay là bắt buộc theo luật. Bạn có thể tìm thấy toàn văn tuyên bố về chủ đề này trong hướng dẫn mẫu đơn khai thuế của bạn.

Lệnh e-file cho người khai thuế. Hầu hết những người khai thuế được trả thù lao đều phải e-file tờ khai mà họ chuẩn bị và nộp. Người khai thuế của bạn có thể thông báo cho bạn về yêu cầu này cũng như các phương án phù hợp với bạn.

Tổng Thanh tra của Bộ Tài chính về Điều hành thuế vụ. Nếu muốn bí mật khai báo hành vi sai trái, lãng phí, gian lận hoặc lạm dụng do một nhân viên IRS thực hiện, bạn có thể gọi tới số 800-366-4484 (gọi số 800-877-8339 nếu bạn bị điếc, khiếm thính hoặc khuyết tật giọng nói và đang phải sử dụng thiết bị TTY/TDD). Bạn có thể tiếp tục ẩn danh.

Ảnh chụp trẻ mất tích. IRS tự hào là đối tác của [Trung tâm cho Trẻ mất tích và bị bóc lột Quốc Gia \(National Center for Missing & Exploited Children®. NCMEC\)](#) (tiếng Anh). Các bức ảnh chụp trẻ mất tích được Trung Tâm lựa chọn có thể xuất hiện trong ấn phẩm này, ở các trang mà lẽ ra có thể bỏ trống. Bạn có thể giúp đưa các em nhỏ này về nhà bằng cách xem ảnh và gọi số 1-800-THE-LOST (1-800-843-5678) nếu nhận ra một đứa trẻ nào đó.

Các thay đổi của Ấn phẩm 17

Ghi chú. Ấn phẩm này không đề cập đến các chủ đề được liệt kê trong bảng sau. Vui lòng xem ấn bản ban đầu.		
Chương bị xóa	Tiêu đề của Chương	Nguồn chính
6	Thu nhập tiền boa	Ấn phẩm 531, Khai báo thu nhập tiền boa (tiếng Anh)
8	Cổ tức và các khoản phân phối khác	Ấn phẩm 550, Thu nhập và chi phí đầu tư (tiếng Anh)
9	Thu nhập và chi phí cho thuê	Ấn phẩm 527, Tài sản nhà ở cho thuê (Bao gồm cả cho thuê nhà nghỉ mát) (tiếng Anh)
10	Chương trình Hưu trí, Lương hưu và Niên kim	Ấn phẩm 575, Thu nhập lương hưu và niên kim (tiếng Anh)
13	Giá gốc của tài sản	Ấn phẩm 551, Giá gốc của tài sản (tiếng Anh)
14	Bán tài sản	Ấn phẩm 550 (tiếng Anh)
15	Bán nhà của bạn	Ấn phẩm 523, Bán nhà của bạn (tiếng Anh)
16	Khai báo lãi và lỗ	Ấn phẩm 550 (tiếng Anh)
18	Tiền cấp dưỡng	Ấn phẩm 504, Cá nhân đã ly hôn hoặc ly thân (tiếng Anh)
19	Những điều chỉnh liên quan đến giáo dục	Ấn phẩm 970, Lợi ích thuế cho Giáo dục (tiếng Anh)
20	Các điều chỉnh thu nhập khác	Ấn phẩm 463, Chi phí đi lại, quà tặng, và xe hơi (tiếng Anh)
22	Chi phí Y tế và Nha khoa	Ấn phẩm 502, Chi phí Y tế và Nha khoa (tiếng Anh)
24	Chi phí lãi vay	Ấn phẩm 550 (tiếng Anh) Ấn phẩm 936, Khấu trừ lãi của khoản vay thế chấp nhà ở (tiếng Anh)
25	Đóng góp từ thiện	Ấn phẩm 561, Xác định giá trị tài sản quyên tặng (tiếng Anh) Ấn phẩm 526, Đóng góp từ thiện (tiếng Anh)
26	Tổn thất phi kinh doanh do thiệt hại và trộm cắp	Ấn phẩm 547, Thiệt hại, Thiên tai, và Trộm cắp
29	Thuế trên thu nhập phi lao động của một số trẻ em	Mẫu 8615, Thuế dành cho một số trẻ em có thu nhập phi lao động (tiếng Anh)
30	Tín thuế Chăm sóc Trẻ em và Người phụ thuộc	Ấn phẩm 503, Chi phí chăm sóc Trẻ em và Người phụ thuộc (tiếng Anh)
31	Tín thuế cho Người cao niên hoặc Người khuyết tật	Bảng R (Mẫu 1040), Tín thuế cho Người cao niên hoặc Người khuyết tật (tiếng Anh)
33	Tín thuế Giáo dục	Ấn phẩm 970 (tiếng Anh)
34	Tín thuế Thu nhập kiểm được(EIC)	Ấn phẩm 596, Tín thuế Thu nhập kiểm được
35	Tín thuế Bảo phí	Ấn phẩm 974, Tín thuế Bảo phí (PTC) (tiếng Anh)
36	Các tín thuế khác	

Giới thiệu

Ấn phẩm này đề cập các quy định chung đối với việc nộp thuế thu nhập liên bang. Nội dung này bổ sung cho thông tin được nêu trong hướng dẫn trên mẫu đơn khai thuế của bạn. Nó giải thích luật thuế để đảm bảo bạn chỉ nộp khoản thuế mà bạn nợ, không hơn.

Cách sắp xếp trong ấn phẩm này. Ấn phẩm 17 theo sát Mẫu 1040, Tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho Cá nhân, và Mẫu 1040-SR, Tờ khai thuế Hoa Kỳ cho Người cao niên, và ba Bảng từ 1 đến 3 của các mẫu này. Ấn phẩm 17 được chia thành bốn phần. Mỗi phần được chia nhỏ thành các chương, hầu hết các chương giải thích

về một dòng trên mẫu hoặc một dòng trên một trong ba bảng liệt kê. Phần giới thiệu ở đầu mỗi phần sẽ liệt (các) bảng liệt kê sẽ được nói đến trong phần đó.
Mục lục ở bên trong trang bìa, phần giới thiệu của từng phần và chỉ mục ở phía cuối của ấn phẩm là

những công cụ hữu ích giúp bạn tìm được thông tin mà bạn cần.
Nội dung trong ấn phẩm này. Ấn phẩm này bắt đầu từ quy tắc nộp tờ khai thuế. Nó giải thích:
1. Những ai phải nộp tờ khai thuế,
2. Khi nào đến hạn nộp tờ khai thuế,

3. Cách *e-file* tờ khai thuế của bạn, và
4. Thông tin tổng quan khác.

Ấn phẩm sẽ giúp bạn xác định xem mình đủ tiêu chuẩn cho tư cách khai thuế nào, bạn có thể yêu cầu người phụ thuộc nào không và thu nhập mà bạn nhận được có phải chịu thuế không. Ấn phẩm tiếp tục giải thích về mức khấu trừ tiêu chuẩn, các loại chi phí mà bạn có thể khấu trừ và các loại tín thuế mà bạn có thể nhận để giảm thuế.

Xuyên suốt ấn phẩm này là các ví dụ cho thấy luật thuế áp dụng ra sao ở các tình huống điển hình. Từ đầu đến cuối ấn phẩm cũng có các lưu đồ và bảng biểu giúp trình bày thông tin thuế một cách dễ hiểu.

Nhiều chủ đề trong số các chủ đề được nói đến trong ấn phẩm này được trình bày chi tiết hơn ở các ấn phẩm khác của IRS. Tham chiếu đến các ấn phẩm khác đó cũng được cung cấp để bạn được biết.

Biểu tượng. Các ký hiệu đồ họa nhỏ hoặc biểu tượng được sử dụng để thu hút sự chú ý của bạn tới những thông tin đặc biệt. Xem [Bảng 1](#) để xem giải thích về từng biểu tượng được sử dụng trong ấn phẩm này.

Nội dung nào không được nói đến trong ấn phẩm này. Có thể sẽ có một số tài liệu mà bạn thấy hữu ích nhưng không được đưa vào ấn phẩm này nhưng bạn có thể tìm thấy trong cẩm nang hướng dẫn của mẫu khai thuế của bạn. Điều này bao gồm danh sách:

- Nơi khai báo một số khoản nhất định được thể hiện trên các tài liệu thông tin, và
- Các Chủ Đề về Thuế mà bạn có thể đọc tại [IRS.gov/TaxTopics](#).

Nếu bạn điều hành doanh nghiệp riêng của mình hoặc có thu nhập do tự kinh doanh, như trông trẻ hoặc bán đồ thủ công, xem các ấn phẩm sau đây để biết thêm thông tin.

- Ấn phẩm 334, Hướng dẫn thuế cho Doanh nghiệp nhỏ.
- Ấn phẩm 225, Hướng dẫn thuế cho Nông gia.
- Ấn phẩm 587, Sử dụng nhà để kinh doanh.

Trợ giúp từ IRS. Có nhiều cách để bạn nhận sự trợ giúp từ IRS. Các cách này được giải thích trong phần [Cách nhận trợ giúp về thuế](#) ở cuối ấn phẩm này.

Ý kiến và đề xuất. Chúng tôi xin hoan nghênh ý kiến của bạn về ấn phẩm này cũng như đề xuất của bạn cho các lần tái bản trong tương lai.

Bạn có thể gửi ý kiến cho chúng tôi qua địa chỉ [IRS.gov/FormComments](#) (tiếng Anh). Hoặc bạn có thể gửi thư đến Internal Revenue Service, Tax Forms and Publications, 1111 Constitution Ave. NW, IR-6526, Washington, DC 20224.

Dù chúng tôi không thể trả lời từng người cho từng nhận xét nhận được, song chúng tôi trân trọng thông tin phản hồi của bạn và sẽ cân nhắc nhận xét cũng như gợi ý của bạn khi sửa đổi các mẫu đơn khai thuế, hướng dẫn và ấn phẩm của mình. Vui lòng **không** gửi những câu hỏi về thuế, tờ khai thuế hoặc các khoản thanh toán đến địa chỉ trên.

Nhận câu trả lời cho các thắc mắc về thuế của bạn. Nếu bạn có một câu hỏi nào đó về thuế nhưng chưa được giải đáp trong ấn phẩm này hoặc phần [Cách nhận trợ giúp về thuế](#) ở cuối ấn phẩm này, hãy truy cập trang Trợ lý thuế tương tác của IRS tại địa chỉ [IRS.gov/Help/ITA](#) (tiếng Anh). Tại trang này, bạn có thể tìm các chủ đề thông qua tính năng tìm kiếm hoặc

bằng cách hiển thị các danh mục được liệt kê.

Nhận mẫu đơn khai thuế, hướng dẫn và các ấn phẩm. Truy cập [IRS.gov/Forms](#) (tiếng Anh) để tải xuống các mẫu, hướng dẫn và ấn phẩm mới nhất và của năm trước.

Đặt mẫu đơn khai thuế, hướng dẫn và các ấn phẩm. Truy cập [IRS.gov/OrderForms](#) (tiếng Anh) để đặt các mẫu, hướng dẫn và ấn phẩm hiện hành; gọi 800-829-3676 để đặt các mẫu và hướng dẫn của năm trước. IRS sẽ xử lý đơn đặt các mẫu và ấn phẩm của bạn sớm nhất có thể. **Không** gửi lại các yêu cầu mà bạn đã gửi cho chúng tôi. Bạn có thể nhận được các mẫu và ấn phẩm nhanh hơn trực tuyến.

Sứ mệnh của IRS. Cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu cho người đóng thuế Hoa Kỳ bằng cách giúp họ hiểu và hoàn thành trách nhiệm thuế của mình cũng như thi hành luật pháp với sự liêm chính và công bằng với tất cả mọi người.

Bảng 1. Chú giải biểu tượng

Biểu tượng	Giải thích
	Mục có thể gây ra những vấn đề đặc biệt cho bạn, hoặc cảnh báo về quy chế đang chờ phê chuẩn và có thể sẽ được ban hành sau khi ấn phẩm này được in.
	Một trang mạng Internet hoặc địa chỉ thư điện tử.
	Một địa chỉ mà bạn có thể cần.
	Thứ bạn nên lưu giữ cho hồ sơ cá nhân.
	Thứ bạn có thể cần tính hoặc một bảng tính mà bạn có thể cần hoàn tất và lưu lại trong hồ sơ của bạn.
	Số điện thoại quan trọng.
	Thông tin hữu ích mà bạn có thể cần.

Phần Một.

Tờ khai thuế thu nhập

Bốn chương trong phần này cung cấp thông tin cơ bản về hệ thống thuế. Các chương này hướng dẫn bạn những bước đầu tiên để điền một tờ khai thuế. Phần này cũng cung cấp thông tin về người phụ thuộc và trình bày các yêu cầu về lưu giữ hồ sơ, tính năng khai thuế điện tử (việc khai thuế qua mạng thông tin điện tử) của IRS, các khoản hình phạt nhất định và hai phương pháp được sử dụng để nộp thuế trong năm: thuế khấu lưu và ước tính.

Các bảng liệt kê của Mẫu 1040 và 1040-SR được giải thích trong những chương này là:

- **Bảng 1, Thu nhập bổ sung và điều chỉnh cho thu nhập;** và
- **Bảng 3, Phần II, Các khoản thanh toán khác và Tín thuế có thể hoàn lại.**

1.

Thông tin để nộp

Quy định mới

Ngày đến hạn của tờ khai. Nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR trước ngày 15 tháng 4, 2025.

Ai phải nộp. Nhìn chung, thu nhập bạn có thể nhận được trước khi phải khai thuế đã tăng lên. Xem [Bảng 1-1](#), [Bảng 1-2](#), và [Bảng 1-3](#) để biết số tiền cụ thể.

Nhắc nhở

Nộp trực tuyến. Thay vì nộp tờ khai thuế trên giấy, bạn có thể nộp bằng điện tử thông qua hệ thống e-file của IRS. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo mục [Tại sao tôi nên nộp bằng điện tử](#), ở phần sau.

Truy cập tài khoản trực tuyến (chỉ áp dụng cho cá nhân đóng thuế). Truy cập [IRS.gov/Account](#) để truy cập thông tin về tài khoản thuế liên bang của bạn một cách an toàn.

- Xem số tiền bạn nợ và phân tích theo năm thuế.
- Xem chi tiết kế hoạch thanh toán hoặc đăng ký kế hoạch thanh toán mới.
- Thực hiện thanh toán, xem lịch sử thanh toán 5 năm và mọi khoản thanh toán đang chờ xử lý hoặc đã lên lịch.
- Truy cập hồ sơ thuế của bạn, bao gồm dữ liệu quan trọng từ tờ khai thuế gần đây nhất, số tiền thanh toán tác động kinh tế của bạn và bản ghi.
- Xem bản sao điện tử của các thông báo được chọn lọc từ IRS.
- Phê duyệt hoặc từ chối các yêu cầu ủy quyền từ các chuyên gia thuế.
- Xem địa chỉ của bạn trong hồ sơ hoặc quản lý các cách liên lạc ưa chuộng của bạn.
- Truy cập trang [IRS.gov/SecureAccess](#) để tìm hiểu quy trình xác thực danh tính bắt buộc.

Thay đổi địa chỉ. Nếu bạn thay đổi địa chỉ, bạn cần thông báo cho IRS. Bạn có thể sử dụng Mẫu 8822 để thông báo cho IRS về thay đổi này. Xem [Thay đổi địa chỉ](#), ở phần sau, trong mục [Điều gì sẽ xảy ra sau khi tôi nộp tờ khai thuế](#).

Nhập số an sinh xã hội của bạn. Bạn phải nhập số an sinh xã hội (SSN) của mình vào khoảng trống được cung cấp trên tờ khai thuế. Nếu bạn khai thuế chung, nhập các SSN tương ứng với thứ tự tên.

Ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế. Thay vì nhận séc giấy, bạn có thể yêu cầu ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế vào tài khoản của bạn mở tại ngân hàng hoặc tổ chức tài chính khác. Xem [Ký gửi trực tiếp](#) trong mục [Hoàn thuế](#). Nếu lựa chọn chuyển khoản hoàn thuế trực tiếp, bạn có thể chia tiền hoàn thuế vào hai hoặc ba tài khoản.

Thanh toán trực tuyến hoặc qua điện thoại. Nếu nợ thuế bổ sung, bạn có thể thanh toán trực tuyến hoặc qua điện thoại. Xem [Cách trả tiền](#), ở phần sau.

Thỏa thuận trả góp. Nếu bạn không thể trả toàn bộ số tiền đến hạn theo tờ khai thuế, bạn có thể đề nghị trả góp hàng tháng. Xem [Thỏa thuận trả góp](#), ở phần sau, trong mục [Số tiền bạn nợ](#). Bạn có thể đăng ký trực tuyến thỏa thuận thanh toán nếu bạn nợ thuế liên bang, tiền lãi và hình phạt.

Tự động gia hạn 6 tháng. Bạn có thể được tự động gia hạn 6 tháng để nộp tờ khai thuế nếu trước ngày đến hạn khai thuế, bạn nộp Mẫu 4868. Xem [Tự động gia hạn](#), ở phần sau.

Phục vụ trong khu vực chiến sự. Bạn sẽ có thêm thời gian để giải quyết các vấn đề thuế của mình nếu bạn là thành viên Lực lượng Vũ trang đã tham gia phục vụ trong khu vực chiến sự hoặc nếu bạn đã phục vụ trong khu vực chiến sự hỗ trợ Lực lượng Vũ trang. Xem [Cá nhân phục vụ trong khu vực chiến sự](#), trong mục [Khi nào tôi phải nộp](#).

Mã số người đóng thuế cho việc nhận con nuôi. Nếu trẻ được đưa đến nhà bạn với mục đích nhận con nuôi hợp pháp và bạn không kịp xin số an sinh xã hội cho trẻ để nộp tờ khai thuế, bạn có thể xin mã số người đóng thuế cho việc nhận con nuôi (ATIN). Để biết thêm thông tin, xem [Số An sinh Xã hội \(SSN\)](#), ở phần sau.

Mã số thuế cho người nước ngoài. Nếu bạn hoặc người phụ thuộc của bạn là người nước ngoài tạm trú hoặc thường trú không có và không đủ điều kiện xin cấp số an sinh xã hội, hãy nộp Mẫu W-7, Đơn xin cấp Mã số thuế Cá nhân của IRS đến IRS. Để biết thêm thông tin, xem [Số An sinh Xã hội \(SSN\)](#), ở phần sau.

Gia hạn mã số thuế cá nhân (ITIN). Một số ITIN phải được gia hạn. Nếu bạn chưa sử dụng ITIN của mình trên tờ khai thuế Hoa Kỳ ít nhất một lần trong năm thuế 2021, 2022, hoặc 2023, mã số này sẽ hết hạn và phải được gia hạn nếu bạn cần nộp tờ khai thuế liên bang Hoa Kỳ. Bạn không cần gia hạn ITIN nếu bạn không bắt buộc phải nộp tờ khai thuế liên bang. Bạn có thể tìm hiểu thêm thông tin tại [IRS.gov/ITIN](#).

Nộp tờ khai phụ phẩm. IRS đã công bố danh sách những lập trường được xác định là phụ phẩm. Hình phạt do nộp tờ khai thuế phụ phẩm là \$5.000. Ngoài ra, mức phạt \$5.000 sẽ áp dụng cho bản đệ trình phụ phẩm khác. Để biết thêm thông tin, xem [Hình phạt dân sự](#), ở phần sau.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về các chủ đề sau.

- Bạn có phải nộp tờ khai thuế không.
- Cách nộp hồ sơ điện tử.
- Cách nộp hồ sơ miễn phí.
- Thời gian, cách thức và địa điểm nộp tờ khai thuế.
- Điều gì xảy ra nếu bạn nộp quá ít hoặc quá nhiều thuế.
- Bạn nên giữ những hồ sơ nào và trong thời gian bao lâu.
- Cách thay đổi tờ khai thuế mà bạn đã nộp.

Tôi có phải nộp Tờ khai thuế không?

Bạn phải nộp tờ khai thuế thu nhập liên bang nếu bạn là công dân hoặc cư dân Hoa Kỳ hoặc cư dân Puerto Rico đồng thời đáp ứng yêu cầu khai thuế cho bất kỳ hạng mục nào dưới đây áp dụng với bạn.

1. Các cá nhân nói chung. (Có những quy tắc đặc biệt áp dụng với cá nhân có vợ/chồng đã qua đời, người thi hành, người quản lý, đại diện pháp lý, công dân Hoa Kỳ và cư dân sống bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ, cư dân Puerto Rico và cá nhân có thu nhập từ tài sản có nguồn gốc Hoa Kỳ.)
2. Người phụ thuộc.

3. Một số trẻ em dưới 19 tuổi hoặc học sinh/sinh viên học toàn thời gian.
4. Người tự kinh doanh.
5. Người nước ngoài.

Yêu cầu nộp cho từng hạng mục được giải thích trong chương này.

Yêu cầu nộp sẽ áp dụng ngay cả khi bạn không nợ thuế.

TIP Ngay cả khi bạn không phải nộp tờ khai thuế, sẽ có lợi cho bạn nếu bạn thực hiện việc này. Xem [Ai nên nộp](#), ở phần sau.

CAUTION Chỉ nộp một tờ khai thuế thu nhập liên bang trong năm bất kể bạn có bao nhiêu công việc, nhận được bao nhiêu Mẫu W-2 hay đã sống ở bao nhiêu tiểu bang trong năm. Không nộp nhiều hơn một tờ khai thuế gốc trong cùng một năm, ngay cả khi bạn chưa nhận được tiền hoàn thuế hoặc chưa nhận được phân hồi từ IRS sau khi bạn nộp hồ sơ.

Cá nhân - Nói chung

Nếu bạn là công dân hoặc cư dân Hoa Kỳ, việc bạn có phải nộp tờ khai thuế hay không phụ thuộc vào ba yếu tố.

1. Tổng thu nhập của bạn.
2. Tư cách khai thuế của bạn.
3. Tuổi của bạn.

Để tìm hiểu bạn có phải nộp tờ khai thuế hay không, tham khảo [Bảng 1-1](#), [Bảng 1-2](#), và [Bảng 1-3](#). Ngay cả khi không bằng nào cho thấy rằng bạn phải nộp tờ khai thuế, bạn có thể cần nộp tờ khai thuế để nhận tiền hoàn thuế. Xem [Ai nên nộp](#), ở phần sau.

Tổng thu nhập. Bao gồm tất cả thu nhập mà bạn nhận được dưới dạng tiền, hàng hóa, tài sản và dịch vụ không được miễn thuế. Cũng bao gồm thu nhập từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ hoặc từ việc bán căn nhà chính của bạn (ngay cả khi bạn có thể loại trừ tất cả hoặc một phần). Bao gồm một phần trợ cấp an sinh xã hội của bạn nếu:

1. Bạn đã lập gia đình, nộp tờ khai thuế riêng và bạn chung sống với vợ/chồng của mình bất kỳ thời điểm nào trong năm 2024; hoặc
2. Một nửa phúc lợi an sinh xã hội cộng với tổng thu nhập khác của bạn và bất kỳ khoản tiền lãi miễn thuế nào lớn hơn \$25.000 (\$32.000 nếu vợ chồng khai chung hồ sơ thuế).

Nếu (1) hoặc (2) áp dụng, xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040 hoặc Ấn phẩm 915 để tính mức phúc lợi an sinh xã hội mà bạn phải tính vào tổng thu nhập.

Các loại thu nhập phổ biến được thảo luận trong [Phần 2](#) của ấn phẩm này.

Tiểu bang có tài sản cộng đồng. Các tiểu bang có tài sản cộng đồng bao gồm Arizona, California, Idaho, Louisiana, Nevada, New Mexico, Texas, Washington, và Wisconsin. Nếu bạn và vợ/chồng sống tại tiểu bang có tài sản cộng đồng, bạn thường phải tuân theo luật tiểu bang để xác định cái gì là tài sản cộng đồng và cái gì là thu nhập riêng. Để biết chi tiết, xem Mẫu 8958 và Ấn phẩm 555.

Người cùng chung sống ở Nevada, Washington và California. Người cùng chung sống đã đăng ký ở Nevada, Washington hoặc California thường phải khai báo một nửa thu nhập

Bảng 1-1. Yêu cầu khai thuế năm 2024 đối với hầu hết người đóng thuế

NEU tư cách khai thuế của bạn là...	VÀ tại thời điểm cuối năm 2024 bạn ...*	THÌ hãy nộp tờ khai thuế nếu tổng thu nhập của bạn đạt tối thiểu...**
Độc thân	dưới 65 tuổi	\$14.600
	65 tuổi trở lên	\$16.550
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế***	dưới 65 tuổi (cả hai vợ chồng)	\$29.200
	65 tuổi trở lên (vợ/chồng)	\$30.750
	65 tuổi trở lên (cả hai vợ chồng)	\$32.300
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	ở độ tuổi bất kỳ	\$5
Chủ gia đình	dưới 65 tuổi	\$21.900
	65 tuổi trở lên	\$23.850
Vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	dưới 65 tuổi	\$29.200
	65 tuổi trở lên	\$30.750

- * Nếu bạn sinh ngày 1 tháng 1, 1960, bạn được coi là 65 tuổi tại thời điểm cuối năm 2024. (Nếu vợ/chồng của bạn qua đời trong năm 2024 hoặc nếu bạn đang chuẩn bị tờ khai thuế cho người đã qua đời trong năm 2024, tham khảo Ấn phẩm 501.)
- ** Tổng thu nhập nghĩa là tất cả thu nhập mà bạn nhận được dưới dạng tiền, hàng hóa, tài sản và dịch vụ không được miễn thuế, bao gồm thu nhập từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ hoặc từ việc bán căn nhà chính của bạn (ngay cả khi bạn có thể loại trừ tất cả hoặc một phần). Không bao gồm trợ cấp an sinh xã hội của bạn trừ khi (a) bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và đã sống với vợ/chồng của mình tại bất kỳ thời điểm nào trong năm 2024; hoặc (b) một nửa trợ cấp an sinh xã hội cộng với thu nhập khác và tiền lãi miễn thuế của bạn lớn hơn \$25.000 (\$32.000 đối với trường hợp vợ chồng khai chung hồ sơ thuế). Nếu (a) hoặc (b) áp dụng, tham khảo Hướng dẫn cho Mẫu 1040 hoặc Ấn phẩm 915 để tính phần phúc lợi an sinh xã hội chịu thuế mà bạn phải tính vào tổng thu nhập. Tổng thu nhập bao gồm lãi, nhưng không bao gồm lỗ, theo khai báo trên Mẫu 8949 hoặc Bảng D. Tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh, ví dụ số tiền trên Bảng C, dòng 7, hoặc Bảng F, dòng 9. Tuy nhiên, khi tính tổng thu nhập, không trừ các khoản lỗ để giảm thu nhập, bao gồm bất kỳ khoản lỗ nào trên Bảng C, dòng 7, hoặc Bảng F, dòng 9.
- *** Nếu bạn không sống với vợ/chồng tại thời điểm cuối năm 2024 (hoặc vào ngày vợ/chồng của bạn qua đời) và tổng thu nhập của bạn ở mức tối thiểu là \$5, bạn phải nộp tờ khai thuế bất kể tuổi tác của bạn.

cộng đồng của cá nhân và người cùng chung sống. Xem Ấn phẩm 555.

Cá nhân tự kinh doanh. Nếu bạn là người tự kinh doanh, tổng thu nhập của bạn bao gồm số tiền ở dòng 7 của Bảng C (Mẫu 1040), Lợi nhuận hoặc Lỗ từ kinh doanh; và dòng 9 của Bảng F (Mẫu 1040), Lợi nhuận hoặc Lỗ từ nông nghiệp. Xem [Người tự kinh doanh](#), ở phần sau để tìm hiểu thêm thông tin về yêu cầu khai thuế của bạn.

CAUTION Nếu bạn không khai báo tất cả thu nhập từ hoạt động tự kinh doanh của mình, mức phúc lợi an sinh xã hội của bạn có thể thấp hơn khi bạn nghỉ hưu.

Tư cách khai thuế. Tư cách khai thuế của bạn phụ thuộc vào việc bạn còn độc thân hay đã kết hôn và hoàn cảnh gia đình của bạn. Tư cách khai thuế của bạn được xác định vào ngày cuối cùng trong năm thuế của bạn, tức ngày 31 tháng 12 đối với hầu hết người đóng thuế. Xem [chương 2](#) để tìm hiểu về từng tư cách khai thuế.

Tuổi. Nếu bạn từ 65 tuổi trở lên tại thời điểm cuối năm, thông thường bạn có thể có mức tổng thu nhập cao hơn những người đóng thuế khác trước khi bạn phải khai thuế. Xem [Bảng 1-1](#). Bạn được coi là 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của bạn. Ví dụ, nếu sinh nhật lần thứ 65 của bạn là ngày 1 tháng 1, 2025, thì trong năm 2024 bạn được coi là 65 tuổi.

Người vợ/chồng còn lại, Người thi hành, Người quản lý, và Đại diện pháp lý

Bạn phải nộp tờ khai thuế cuối cùng cho người quá cố (một người đã qua đời) nếu đáp ứng hai điều kiện sau.

- Vợ/chồng của bạn qua đời trong năm 2024 hoặc bạn là người thi hành, người quản lý hoặc đại diện pháp lý.
- Người quá cố đáp ứng yêu cầu khai thuế vào ngày qua đời.

Để biết thêm thông tin về quy tắc nộp tờ khai thuế cuối cùng cho người quá cố, tham khảo Ấn phẩm 559.

Công dân Hoa Kỳ và Người nước ngoài thường trú sống ở nước ngoài

Để xác định bạn có phải nộp tờ khai thuế hay không, tính vào tổng thu nhập của bạn bất kỳ khoản thu nhập nào mà bạn nhận được từ nước ngoài, bao gồm thu nhập có thể loại trừ theo điều khoản miễn thuế đối với thu nhập kiếm được ở nước ngoài. Để tìm hiểu thông tin về các quy định thuế đặc biệt có thể áp dụng đối với bạn, tham khảo Ấn phẩm 54. Ấn phẩm này được đăng tải trực tuyến đồng thời được cung cấp tại hầu hết các đại sứ quán và lãnh sự quán Hoa Kỳ. Xem [Cách nhận trợ giúp về thuế](#) ở mặt sau của ấn phẩm này.

Cư dân Puerto Rico

Nếu bạn là công dân Hoa Kỳ đồng thời là cư dân hợp pháp của Puerto Rico, bạn thường phải nộp tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho năm mà bạn đáp ứng yêu cầu về thu nhập. Quy định này bổ sung cho yêu cầu pháp lý mà theo đó bạn có thể phải nộp tờ khai thuế thu nhập với Puerto Rico.

Nếu bạn là cư dân Puerto Rico chân thật trong cả năm, tổng thu nhập tại Hoa Kỳ của bạn không bao gồm thu nhập từ các nguồn bên trong Puerto Rico. Tuy nhiên, tổng thu nhập của bạn sẽ bao gồm phần thu nhập mà bạn nhận được cho những dịch vụ mà bạn cung cấp với tư cách là nhân viên của Hoa Kỳ hoặc một cơ quan Hoa Kỳ. Nếu bạn nhận thu nhập từ các nguồn Puerto Rico không chịu thuế Hoa Kỳ, bạn phải giảm mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của mình. Vì vậy, mức thu nhập mà bạn phải có trước khi bắt buộc nộp tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ thấp hơn số tiền quy định ở [Bảng 1-1](#) hoặc [Bảng 1-2](#). Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 570.

Cá nhân có thu nhập từ lãnh thổ của Hoa Kỳ

Nếu bạn có thu nhập từ Guam, Khối Thịnh vượng chung Quần đảo Bắc Mariana, Samoa thuộc Hoa Kỳ hoặc Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ, các quy tắc đặc biệt có thể áp dụng khi xác định liệu bạn có phải nộp tờ khai thuế thu nhập liên bang Hoa Kỳ hay không. Ngoài ra, bạn có thể phải khai thuế với chính quyền thuộc đảo. Xem Ấn phẩm 570 để tìm hiểu thêm thông tin.

Người phụ thuộc

Nếu bạn là người phụ thuộc (đối tượng đáp ứng thử thách phụ thuộc trong [chương 3](#)), xem [Bảng 1-2](#) để tìm hiểu liệu bạn có phải nộp tờ khai hay không. Bạn phải khai thuế nếu tình huống của bạn được mô tả trong [Bảng 1-3](#).

Trách nhiệm của cha mẹ. Thông thường, trẻ em chịu trách nhiệm nộp tờ khai thuế của bản thân và trả tiền thuế trên tờ khai thuế. Nếu trẻ phụ thuộc phải nộp tờ khai thuế thu nhập nhưng không thể nộp do tuổi tác hoặc bất kỳ lý do nào khác, thì cha mẹ, người giám hộ hoặc người chịu trách nhiệm pháp lý khác phải nộp tờ khai thuế cho trẻ. Nếu trẻ không thể ký tờ khai thuế, thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải ký tên của trẻ, tiếp đó ghi "By (chữ ký của bạn), parent for minor child (Bởi (chữ ký của bạn), cha mẹ của trẻ vị thành niên)."

Tiền kiếm được của trẻ em. Số tiền trẻ kiếm được từ hoạt động cung cấp dịch vụ được tính vào tổng thu nhập của trẻ chứ không tính vào tổng thu nhập của cha mẹ. Quy tắc này được áp dụng ngay cả khi theo pháp luật địa phương, cha mẹ của trẻ có quyền đối với thu nhập của con và có thể thực sự đã nhận khoản thu nhập này. Nhưng nếu trẻ không trả tiền thuế đến hạn trên thu nhập của mình, cha mẹ sẽ phải chịu trách nhiệm đối với khoản thuế này.

Một số trẻ em dưới 19 tuổi hoặc học sinh/sinh viên học toàn thời gian

Nếu thu nhập duy nhất của trẻ là tiền lãi và cổ tức (bao gồm phân phối lợi nhuận đầu tư và cổ tức Quỹ Thường trực Tiểu bang Alaska), trẻ dưới 19 tuổi tại thời điểm cuối năm 2024 hoặc là học sinh/sinh viên học toàn thời gian dưới 24 tuổi tại thời điểm cuối năm 2024 đồng thời đáp ứng một số điều kiện khác,

cha mẹ có thể lựa chọn tính thu nhập của trẻ vào tờ khai thuế của mình. Trong trường hợp này, trẻ không phải nộp tờ khai thuế. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 8814, Cha mẹ chọn khai báo Tiền lãi và Cổ tức của con mình.

Người tự kinh doanh

Bạn là người tự kinh doanh nếu bạn:

- Thực hiện hoạt động thương mại hay kinh doanh với tư cách doanh nghiệp tự nhân do một người làm chủ,
- Là một người làm việc theo hợp đồng độc lập,
- Là thành viên của công ty hợp doanh, hoặc
- Đang tự kinh doanh dưới bất kỳ hình thức nào khác.

Tự kinh doanh có thể bao gồm công việc ngoài hoạt động thương mại toàn thời gian thông thường của bạn, ví dụ như công việc bán thời gian mà bạn làm ở nhà hoặc ngoài công việc thường xuyên của bạn.

Bạn phải nộp tờ khai thuế nếu tổng thu nhập của bạn bằng ít nhất mức được yêu cầu khai thuế cho tư cách khai thuế và độ tuổi của bạn (được trình bày trong [Bảng 1-1](#)). Ngoài ra, bạn phải nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR và Bảng SE (Mẫu 1040), Thuế tự kinh doanh, nếu:

- Thu nhập ròng của bạn từ việc tự kinh doanh (không bao gồm thu nhập của nhân viên nhà thờ) là \$400 trở lên, hoặc
- Bạn có thu nhập nhân viên nhà thờ từ \$108,28 trở lên. (Xem [Bảng 1-3](#).)

Sử dụng Bảng SE (Mẫu 1040) để tính thuế tự kinh doanh của bạn. Thuế tự kinh doanh tương ứng với thuế an sinh xã hội và Medicare khấu trừ từ tiền lương của người lao động. Để biết thêm thông tin về loại thuế này, tham khảo Ấn phẩm 334.

Nhân viên của chính phủ nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế. Nếu bạn là công dân Hoa Kỳ làm việc tại Hoa Kỳ cho tổ chức quốc tế, chính phủ nước ngoài hoặc cơ quan thuộc sở hữu hoàn toàn của chính phủ nước ngoài và chủ lao động của bạn không phải khấu trừ thuế an sinh xã hội và Medicare từ tiền lương của bạn, thì bạn phải tính thu nhập từ các dịch vụ thực hiện ở Hoa Kỳ vào thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh.

Mục sư. Bạn phải tính thu nhập từ các dịch vụ mà bạn đã thực hiện với tư cách là mục sư vào thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh, trừ trường hợp bạn được miễn thuế tự kinh doanh. Quy tắc này đồng thời áp dụng đối với y sĩ Khoa Học Cơ Đốc và các thành viên của dòng tu, những người không tuyên thệ sống trong nghèo khó. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 517.

Người nước ngoài

Tình trạng người nước ngoài của bạn (thường trú, tạm trú hoặc tình trạng kép) quyết định bạn có phải nộp tờ khai thuế thu nhập hay không và bằng cách nào.

Các quy tắc được sử dụng để xác định tình trạng người nước ngoài của bạn được đề cập trong Ấn phẩm 519.

Người nước ngoài thường trú. Nếu bạn là người nước ngoài thường trú trong cả năm, bạn phải nộp tờ khai thuế theo các quy tắc tương tự áp dụng đối

với công dân Hoa Kỳ. Sử dụng những mẫu đơn được đề cập trong ấn phẩm này.

Người nước ngoài tạm trú. Nếu bạn là người nước ngoài tạm trú, quy tắc và mẫu đơn thuế áp dụng cho bạn khác với quy tắc và mẫu đơn áp dụng cho công dân Hoa Kỳ và người nước ngoài thường trú. Xem Ấn phẩm 519 để tìm hiểu liệu luật thuế thu nhập Hoa Kỳ có áp dụng với bạn hay không và bạn cần nộp những mẫu đơn nào.

Người đóng thuế có tình trạng kép. Nếu bạn là người nước ngoài thường trú trong một phần của năm tính thuế đồng thời là người nước ngoài tạm trú trong phần còn lại của năm, thì bạn là người đóng thuế có tình trạng kép. Những quy tắc khác nhau sẽ áp dụng cho mỗi phần của năm. Để tìm hiểu thông tin về người đóng thuế có tình trạng kép, tham khảo Ấn phẩm 519.

Ai nên nộp

Ngay cả khi bạn không bắt buộc phải nộp, bạn vẫn nên nộp tờ khai thuế thu nhập liên bang để nhận tiền hoàn thuế nếu bất kỳ điều kiện nào dưới đây áp dụng.

- Bạn có khoản khấu trừ thuế thu nhập liên bang hoặc đã nộp thuế ước tính.
- Bạn đủ điều kiện hưởng tín thuế thu nhập kiếm được. Tham khảo Ấn phẩm 596 để biết thêm thông tin.
- Bạn đủ điều kiện hưởng tín thuế trẻ em bổ sung. Xem [chương 14](#) để tìm hiểu thêm thông tin.
- Bạn đủ điều kiện hưởng tín thuế bảo phí. Tham khảo Ấn phẩm 974 để biết thêm thông tin.
- Bạn đủ điều kiện hưởng tín thuế cơ hội người Mỹ. Tham khảo Ấn phẩm 970 để biết thêm thông tin.

Xem [chương 13](#) để tìm hiểu thêm thông tin.

Mẫu 1040 hoặc 1040-SR

Sử dụng Mẫu 1040 hoặc 1040-SR để nộp tờ khai thuế. (Tuy nhiên, nên tham khảo thêm mục [Tại sao tôi nên nộp bằng điện tử](#), ở phần sau.)

Bạn có thể sử dụng Mẫu 1040 hoặc 1040-SR để khai báo tất cả các loại thu nhập, khấu trừ và tín thuế.

Tại sao tôi nên nộp bằng điện tử?

Nộp bằng điện tử

Nếu tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) của bạn nhỏ hơn một số tiền nhất định, bạn đủ điều kiện sử dụng [Free File](#), dịch vụ phần mềm thuế miễn phí do đối tác của IRS cung cấp, để chuẩn bị và nộp tờ khai thuế bằng e-file miễn phí. Nếu thu nhập của bạn cao hơn số tiền này, bạn vẫn đủ điều kiện nhận Mẫu Free File tự điền, phiên bản điện tử của các mẫu đơn bằng giấy của IRS. [Bảng 1-4](#) liệt kê cách thức miễn phí để khai thuế điện tử.

Direct File, Free File, và Mẫu đơn Free File tự điền tất cả đều cung cấp cho người đóng thuế đủ điều kiện khả năng e-file tờ khai của họ miễn phí. Xem [IRS.gov/DirectFile](#) (tiếng Anh) và [IRS.gov](#)

Xem [chương 3](#) để tìm hiểu liệu ai đó có thể khai bạn là người phụ thuộc.

Trong bảng này, thu nhập phi lao động bao gồm tiền lãi chịu thuế, cổ tức thông thường và phân phối lợi nhuận đầu tư. Ngoài ra, thu nhập phi lao động còn bao gồm bồi thường thất nghiệp, phúc lợi an sinh xã hội chịu thuế, lương hưu, niên kim và phân phối thu nhập phi lao động từ quỹ tín thác. Thu nhập kiểm được bao gồm tiền lương, tiền công, tiền boa, phí dịch vụ chuyên môn, học bổng và trợ cấp học tập nghiên cứu chịu thuế. (Xem [Hoc bổng và trợ cấp học tập nghiên cứu](#) ở chương 8.) Tổng thu nhập là tổng thu nhập kiểm được và thu nhập phi lao động của bạn.

☐ **Khôn** Bạn phải nộp tờ khai thuế nếu **bất kỳ** điều nào dưới đây áp dụng.
g.

- ☐ **Có.** Bạn phải nộp tờ khai thuế nếu **bất kỳ** điều nào dưới đây áp dụng.

- Người phụ thuộc đã kết hôn- Bạn 65 tuổi trở lên hoặc bị mù?**

☐ **Khôn** Bạn phải nộp tờ khai thuế nếu **bất kỳ** điều nào dưới đây áp dụng.

- ☐ **Có.** Bạn phải nộp tờ khai thuế nếu **bất kỳ** điều nào dưới đây áp dụng.

- 9

Bảng 1-3. Các tình huống khác mà bạn phải nộp tờ khai thuế năm 2024

Bạn phải nộp tờ khai thuế nếu các điều sau đây áp dụng cho năm 2024.	
1.	Bạn nợ thuế đặc biệt, bao gồm bất kỳ khoản nào dưới đây (xem hướng dẫn cho Bảng 2 (Mẫu 1040)). a. Thuế tối thiểu thay thế. b. Thuế bổ sung đối với chương trình đủ điều kiện, bao gồm quỹ hưu trí cá nhân (IRA) hoặc tài khoản được ưu đãi thuế khác. c. Thuế lao động tại gia. d. Thuế an sinh xã hội và Medicare trên tiền boa mà bạn không khai báo cho chủ lao động hoặc tiền lương bạn nhận được từ chủ lao động không khấu lưu thuế này. e. Thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu hoặc thuế RRTA trên tiền boa mà bạn đã khai báo cho chủ lao động của mình, hoặc trên bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn và thuế bổ sung đối với tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe. Xem hướng dẫn cho Bảng 2 (Mẫu 1040), dòng 8. f. Thuế thu hồi.
2.	Bạn (hoặc vợ/chồng của bạn, nếu nộp tờ khai thuế chung) đã nhận phân phối từ tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe, Archer MSA hoặc Medicare Advantage MSA.
3.	Bạn có thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh ở mức tối thiểu \$400.
4.	Bạn nhận mức lương từ \$108,28 trở lên từ nhà thờ hoặc tổ chức đủ điều kiện do nhà thờ kiểm soát được miễn thuế an sinh xã hội của chủ lao động và Medicare.
5.	Khoản ứng trước của tín thuế bảo phí đã được thanh toán cho bạn, vợ/chồng của bạn hoặc người phụ thuộc đã đăng ký bảo hiểm sức khỏe trên thị trường. Bạn hoặc bất cứ ai đã đăng ký cho bạn sẽ nhận được Mẫu 1095-A cho biết số tiền ứng trước.
6.	Bạn phải tính số tiền thu nhập theo mục 965 hoặc bạn có nợ thuế ròng theo mục 965 mà bạn đang trả góp theo mục 965(h) hoặc được hoãn bằng cách thực hiện lựa chọn theo mục 965(i).
7.	Bạn đã mua một chiếc xe sạch mới hoặc đã qua sử dụng từ một đại lý đã đăng ký và giảm số tiền bạn đã trả tại thời điểm bán bằng cách chuyển khoản tín thuế cho đại lý. Xem Mẫu 8936 và Bảng A (Mẫu 8936).

phương, cơ quan thuế tiểu bang, chuyên gia thuế hoặc truy cập trang web IRS tại [IRS.gov/efile](https://www.irs.gov/efile).

Hoàn thuế. Bạn có thể nhận séc hoàn thuế gửi qua đường bưu điện hoặc bạn có thể nhận tiền hoàn thuế trực tiếp vào tài khoản chi trả bằng séc hoặc tài khoản tiết kiệm của mình hoặc chia vào hai hay ba tài khoản. Với *e-file*, tiền hoàn thuế của bạn sẽ được trả nhanh hơn so với khi bạn nộp tờ khai thuế trên giấy.

Bạn có thể không nhận được toàn bộ tiền hoàn thuế nếu bạn nợ một khoản tiền nhất định, bao gồm thuế liên bang, thuế thu nhập tiểu bang, các khoản nợ bồi thường thất nghiệp của tiểu bang, trợ cấp con cái, trợ cấp vợ/chồng hoặc một số khoản nợ phi thuế liên bang khác, ví dụ như các khoản tiền vay sinh viên. Xem [Bù trừ các khoản nợ](#) trong mục *Hoàn thuế*, ở phần sau.

Truy vấn hoàn thuế. Thông tin về tờ khai thuế của bạn thường sẽ được cung cấp trong vòng 24 giờ sau khi IRS nhận được tờ khai *e-file* của bạn. Xem [Thông tin hoàn thuế](#), ở phần sau.

Số tiền bạn nợ. Để tránh bị phạt và lãi do chậm thanh toán, hãy trả tiền thuế đầy đủ không muộn hơn ngày 15 tháng 4, 2025 (cho hầu hết mọi người). Xem [Cách trả tiền](#), ở phần sau để tìm cách trả số tiền mà bạn nợ.

Sử dụng máy tính cá nhân của bạn



Bạn có thể khai thuế một cách nhanh chóng, dễ dàng và thuận tiện bằng máy tính cá nhân của mình. Máy tính có kết nối Internet và phần mềm khai thuế là tất cả những gì bạn cần. Hơn hết, bạn có thể thoải mái *e-file* tại nhà 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần.

Bảng 1-4. Cách thức miễn phí để *e-file*

Sử dụng Direct File để nộp tờ khai thuế liên bang trực tuyến, an toàn với IRS. - Người đóng thuế có tờ khai tương đối đơn giản ở các tiểu bang tham gia đủ điều kiện để dùng Direct File. - Truy cập IRS.gov/DirectFile (tiếng Anh) để biết thông tin về các tiểu bang bổ sung đã tham gia và tình hình thuế mới được thêm vào Direct File cho năm thuế 2024. Sử dụng Free File để nhận phần mềm thuế miễn phí và <i>e-file</i> miễn phí. - Đối tác của IRS cung cấp miễn phí các sản phẩm có thương hiệu. - Nhiều người đóng thuế đủ điều kiện sử dụng phần mềm Free File. - ất cả mọi người đủ điều kiện sử dụng các Mẫu Free File tự điền, phiên bản điện tử của các mẫu đơn bằng giấy của IRS. - Phần mềm Free File và các Mẫu Free File tự điền chỉ được cung cấp tại IRS.gov/FreeFile. Sử dụng VITA/TCE để nhận trợ giúp miễn phí về thuế từ các tình nguyện viên và <i>e-file</i> miễn phí. - Các tình nguyện viên chuẩn bị tờ khai thuế của bạn và <i>e-file</i> miễn phí. - Một số địa điểm còn cung cấp phần mềm tự khai. - Bạn đủ điều kiện dựa trên thu nhập hoặc tuổi của bạn. - Các địa điểm được đặt trên toàn quốc. Tìm địa điểm gần bạn bằng cách truy cập IRS.gov/VITA

Phần mềm khai thuế được IRS chấp thuận được cung cấp trực tuyến và tại các cửa hàng bán lẻ. Để tìm hiểu thông tin, truy cập [IRS.gov/efile](https://www.irs.gov/efile).

hình thức quyền lợi của nhân viên, thành viên và khách hàng hay không.

Thông Chủ lao động và các Tổ chức tài chính

Một số doanh nghiệp cung cấp *e-file* miễn phí cho nhân viên, thành viên hoặc khách hàng của mình. Các doanh nghiệp khác cung cấp với một khoản phí. Trao đổi với chủ lao động hoặc tổ chức tài chính của bạn xem họ có cung cấp dịch vụ *e-file* của IRS dưới

Trợ giúp miễn phí với tờ khai thuế của bạn

Tình nguyện hỗ trợ thuế thu nhập (VITA) cung cấp trợ giúp về thuế miễn phí cho những người thông thường có tổng thu nhập được điều chỉnh ít hơn \$67.000 và người đóng thuế có trình độ tiếng Anh hạn chế cần hỗ trợ chuẩn bị tờ khai thuế. Chương trình Tư vấn thuế cho Người cao niên (TCE) cung cấp trợ giúp về thuế miễn phí cho tất cả những

người đóng thuế, đặc biệt là những người từ 60 tuổi trở lên. Tình nguyện viên của TCE chuyên giải đáp các câu hỏi về lương hưu và các vấn đề liên quan đến hưu trí dành riêng cho người cao niên.

Bạn có thể truy cập [IRS.gov](https://www.irs.gov) để tìm hiểu các lựa chọn để chuẩn bị và nộp tờ khai thuế của mình, bao gồm:

- **Direct File.** Truy cập [IRS.gov/DirectFile](https://www.irs.gov/DirectFile) (tiếng Anh). Xem bạn có đủ điều kiện để nộp tờ khai thuế liên bang miễn phí trực tiếp với IRS không.
- **Free File.** Truy cập [IRS.gov/FreeFile](https://www.irs.gov/FreeFile). Xem bạn có đủ điều kiện sử dụng phần mềm thương hiệu để chuẩn bị và e-file tờ khai thuế liên bang miễn phí không.
- **VITA.** Truy cập [IRS.gov/VITA](https://www.irs.gov/VITA), tải ứng dụng IRS2Go miễn phí, hoặc gọi 800-906-9887 để tìm địa điểm VITA gần nhất cung cấp hỗ trợ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí.
- **TCE.** Truy cập [IRS.gov/TCE](https://www.irs.gov/TCE), tải ứng dụng IRS2Go miễn phí, hoặc gọi 888-227-7669 để tìm địa điểm TCE gần nhất cung cấp hỗ trợ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí.

Sử dụng một Chuyên gia thuế

Nhiều chuyên gia thuế khai thuế điện tử cho khách hàng của mình. Bạn có thể tự nhập mã PIN của mình hoặc hoàn thành Mẫu 8879, Ủy quyền Chữ ký e-file của IRS, để ủy quyền cho chuyên gia thuế nhập mã PIN trên tờ khai thuế của bạn.

Ghi chú. Các chuyên gia thuế có thể tính phí cho dịch vụ e-file của IRS. Mức phí có thể thay đổi tùy thuộc vào từng chuyên gia và các dịch vụ cụ thể được cung cấp.

Khi nào tôi phải nộp?

Ngày 15 tháng 4, 2025 là ngày đến hạn nộp tờ khai thuế thu nhập năm 2024 nếu bạn sử dụng niên lịch. Để xem nhanh ngày đến hạn nộp tờ khai thuế có hoặc không có gia hạn thời gian nộp hồ sơ (được thảo luận sau), tham khảo [Bảng 1-5](#).

Nếu bạn sử dụng năm theo lịch tài chính (năm kết thúc vào ngày cuối cùng của bất kỳ tháng nào ngoại trừ tháng 12 hoặc năm có 52-53 tuần), thì tờ khai thuế thu nhập của bạn sẽ đến hạn vào ngày 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc năm theo lịch tài chính của bạn.

Khi ngày đến hạn để thực hiện bất kỳ hành động nào vì mục đích thuế - nộp tờ khai, trả tiền thuế, v.v... - rơi vào Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp, thì ngày đến hạn sẽ được hoãn đến ngày làm việc tiếp theo.

Nộp tờ khai bằng giấy đúng hạn. Tờ khai bằng giấy của bạn sẽ được nộp đúng hạn nếu được gửi trong một phong bì để đúng địa chỉ, trả đủ bưu phí và được đóng dấu bưu điện trước ngày đến hạn. Nếu bạn gửi tờ khai bằng thư bảo đảm, ngày đăng ký là ngày đóng dấu bưu điện. Đăng ký là bằng chứng cho thấy tờ khai đã được gửi. Nếu bạn gửi tờ khai bằng thư bảo đảm và biên nhận của bạn được nhân viên bưu điện đóng dấu bưu điện, thì ngày trên biên nhận là ngày đóng dấu bưu điện. Biên nhận thư có đóng dấu bưu điện là bằng chứng cho thấy tờ khai đã được gửi.

Dịch vụ chuyển phát tư nhân. Nếu bạn chọn nộp tờ khai thuế qua đường bưu điện, bạn có thể sử dụng dịch vụ chuyển phát tư nhân nhất định đã

Bảng 1-5. Khi nào nộp tờ khai năm 2024 của bạn

Đối với công dân và thường trú nhân Hoa Kỳ nộp tờ khai thuế theo niên lịch.

	Đối với hầu hết người đóng thuế	Đối với một số người đóng thuế ngoài Hoa Kỳ
Không có yêu cầu gia hạn	Ngày 15 tháng 4, 2025	Ngày 16 tháng 6, 2025
Gia hạn tự động	Ngày 15 tháng 10, 2025	Ngày 15 tháng 10, 2025

được IRS chỉ định để đáp ứng việc “gửi đúng thời hạn được coi như nộp/trả đúng thời hạn” quy tắc của nộp hồ sơ thuế và thanh toán. Các dịch vụ chuyển phát tư nhân chỉ bao gồm sau đây.

- UPS Next Day Air Early A.M., UPS Next Day Air, UPS Next Day Air Saver, UPS 2nd Day Air, UPS 2nd Day Air A.M., UPS Worldwide Express Plus, và UPS Worldwide Express.
- FedEx First Overnight, FedEx Priority Overnight, FedEx Standard Overnight, FedEx 2 Day, FedEx International Next Flight Out, FedEx International Priority, FedEx International First, và FedEx International Economy.
- DHL Express 9:00, DHL Express 10:30, DHL Express 12:00, DHL Express Worldwide, DHL Express Envelope, DHL Import Express 10:30, DHL Import Express 12:00, và DHL Import Express Worldwide.

Để kiểm tra thông tin cập nhật về danh sách dịch vụ chuyển phát tư nhân được chỉ định, truy cập [IRS.gov/PDS](https://www.irs.gov/PDS) (tiếng Anh). Để tìm địa chỉ gửi thư của IRS nếu bạn sử dụng dịch vụ chuyển phát tư nhân, truy cập [IRS.gov/PDSStreetAddresses](https://www.irs.gov/PDSStreetAddresses) (tiếng Anh).

Dịch vụ chuyển phát tư nhân có thể cho bạn biết cách lấy bằng chứng văn bản về ngày gửi thư.



Chỉ có Dịch vụ Bưu chính Hoa Kỳ mới có thể giao thư đến hộp thư bưu điện. Bạn không thể sử dụng dịch vụ giao hàng tư nhân để thực hiện thanh toán thuế bắt buộc phải gửi đến hộp thư bưu điện.

Nộp tờ khai thuế điện tử đúng hạn. Nếu bạn sử dụng e-file của IRS, thì tờ khai thuế của bạn được coi là nộp đúng hạn nếu đơn vị truyền gửi tờ khai thuế điện tử được ủy quyền đóng dấu bưu điện trước ngày đến hạn. Đơn vị truyền gửi tờ khai thuế điện tử được ủy quyền là thành viên chương trình e-file của IRS, đơn vị này sẽ truyền thông tin khai thuế điện tử trực tiếp đến IRS.

Dấu bưu điện điện tử là một bản ghi về thời điểm đơn vị truyền gửi tờ khai thuế điện tử được ủy quyền nhận được truyền gửi tờ khai thuế điện tử của bạn trên hệ thống chủ. Ngày và giờ trong múi giờ của bạn quyết định liệu tờ khai thuế điện tử của bạn có nộp đúng hạn hay không.

Nộp trễ hạn. Nếu bạn không nộp tờ khai trước ngày đến hạn, bạn có thể phải trả tiền lãi và hình phạt do không khai thuế. Để biết thêm thông tin, xem [Hình phạt](#), ở phần sau. Đồng thời tham khảo phần [Tiền lãi](#) trong mục [Số tiền bạn nợ](#), ở phần sau.

Nếu bạn được tiền hoàn thuế nhưng bạn không nộp tờ khai thuế, bạn thường phải nộp tờ khai thuế trong vòng 3 năm kể từ ngày đến hạn của tờ khai (bao gồm thời gian gia hạn) để nhận số tiền hoàn thuế này.

Người nước ngoài tạm trú. Nếu bạn là người nước ngoài tạm trú và nhận tiền lương chịu khấu trừ

thuế thu nhập Hoa Kỳ, tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ năm 2023 của bạn (Mẫu 1040-NR) đến hạn vào:

- Ngày 15 tháng 4, 2025, nếu bạn sử dụng niên lịch; hoặc
- Ngày 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc năm theo lịch tài chính, nếu bạn sử dụng năm theo lịch tài chính.

Nếu bạn nhận tiền lương không phải chịu khấu trừ thuế thu nhập của Hoa Kỳ, tờ khai thuế của bạn đến hạn vào:

- Ngày 16 tháng 6, 2025 nếu bạn sử dụng niên lịch; hoặc
- Ngày 15 của tháng thứ 6 sau khi kết thúc năm theo lịch tài chính, nếu bạn sử dụng năm theo lịch tài chính.

Xem Ấn phẩm 519 để tìm hiểu thêm thông tin về khai thuế.

Khai thuế cho người quá cố. Nếu bạn phải nộp tờ khai thuế thu nhập cuối cùng cho người đóng thuế đã qua đời trong năm (người quá cố), tờ khai thuế sẽ đến hạn vào ngày thứ 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc năm tính thuế thường của người quá cố. Xem Ấn phẩm 559.

Gia hạn thời gian nộp

Bạn có thể được gia hạn thời gian nộp tờ khai. Có ba loại tình huống mà bạn có thể đủ điều kiện để được gia hạn.

- Gia hạn tự động.
- Bạn đang ở bên ngoài Hoa Kỳ.
- Bạn đang phục vụ trong khu vực chiến sự.

Tự động gia hạn

Nếu bạn không thể nộp tờ khai thuế năm 2024 của mình trước ngày đến hạn, bạn có thể được gia hạn 6 tháng tự động.

Ví dụ. Nếu tờ khai thuế của bạn đến hạn vào ngày 15 tháng 4, 2025, bạn sẽ có thêm thời gian cho đến ngày 15 tháng 10, 2025 để nộp.



Nếu bạn không trả tiền thuế trước ngày đến hạn thông thường (ngày 15 tháng 4 đối với hầu hết người đóng thuế), bạn sẽ nợ tiền lãi. Bạn cũng có thể bị tính phí phạt, được thảo luận sau.

Cách xin gia hạn tự động. Bạn có thể xin gia hạn tự động bằng cách:

1. Sử dụng e-file (khai thuế điện tử) của IRS, hoặc
2. Nộp mẫu bằng giấy.

Tùy chọn e-file. Có hai cách bạn có thể sử dụng e-file để gia hạn thời gian nộp. Hoàn thành Mẫu 4868 để sử dụng làm bảng tính. Nếu bạn nghĩ rằng

bạn có thể nợ thuế khi nộp tờ khai, sử dụng *Part II* (Phần II) của mẫu để ước tính số nợ đến hạn. Nếu bạn e-file Mẫu 4868 và gửi cho IRS, không gửi Mẫu 4868 bằng giấy.

Sử dụng máy tính cá nhân của bạn hoặc thông qua một chuyên gia thuế để e-file. Bạn có thể sử dụng gói phần mềm thuế với máy tính cá nhân của mình hoặc thông qua một chuyên gia thuế để nộp Mẫu 4868 bằng điện tử. Free File và các mẫu Free File tự điền có sẵn tại IRS.gov, cho phép bạn chuẩn bị và e-file Mẫu 4868 miễn phí. Bạn sẽ cần cung cấp một số thông tin nhất định từ tờ khai thuế năm 2023 của mình. Nếu bạn muốn thanh toán bằng cách chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của mình, tham khảo phần [Trả trực tuyến](#) trong mục *Cách trả tiền*, ở phần sau của chương này.

E-file và thanh toán bằng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ hoặc chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của bạn. Bạn có thể được gia hạn bằng cách thanh toán một phần hoặc toàn bộ số thuế ước tính đến hạn bằng thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ hoặc bằng cách chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của bạn. Bạn có thể thực hiện việc này qua điện thoại hoặc Internet. Bạn không nộp Mẫu 4868. Xem [Trả trực tuyến](#) trong mục *Cách trả tiền*, ở phần sau của chương này.

Nộp Mẫu 4868 bằng giấy. Bạn có thể xin gia hạn thời gian khai thuế bằng cách nộp Mẫu 4868 bằng giấy. Nếu bạn là người đóng thuế theo năm tài chính, bạn phải nộp Mẫu 4868 bằng giấy. Gửi đến địa chỉ được nêu trong hướng dẫn của mẫu.

Nếu bạn muốn thực hiện thanh toán với mẫu này, hãy viết séc hoặc lệnh phiếu trả cho “United States Treasury (Bộ Tài chính Hoa Kỳ).” Ghi SSN, số điện thoại ban ngày và “2024 Form 4868 (Mẫu 4868 năm 2024)” trên séc hoặc lệnh phiếu của bạn.

Khi nào nộp. Bạn phải yêu cầu gia hạn tự động trước ngày đến hạn nộp tờ khai. Bạn có thể nộp tờ khai bất kỳ lúc nào trước khi kết thúc thời gian gia hạn 6 tháng.

Khi nộp tờ khai của bạn. Nhập khoản thanh toán mà bạn đã thực hiện liên quan đến việc gia hạn thời gian khai thuế trên Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 10.

Cá nhân bên ngoài Hoa Kỳ

Bạn được cho phép tự động gia hạn 2 tháng, mà không cần nộp Mẫu 4868 (cho đến ngày 16 tháng 6, 2025, nếu bạn sử dụng niên lịch), để nộp tờ khai năm 2024 và trả mọi khoản tiền thuế thu nhập liên bang đến hạn nếu:

- 1. Bạn là công dân hoặc thường trú nhân Hoa Kỳ; và
- 2. Vào ngày đến hạn nộp tờ khai thuế:
 - a. Bạn đang sống bên ngoài Hoa Kỳ và Puerto Rico, đồng thời địa điểm kinh doanh hoặc vị trí làm việc chính của bạn ở bên ngoài Hoa Kỳ và Puerto Rico; hoặc
 - b. Bạn đang phục vụ trong quân đội hoặc hải quân và đang làm nhiệm vụ bên ngoài Hoa Kỳ và Puerto Rico.

Tuy nhiên, nếu bạn trả tiền thuế đến hạn sau ngày đến hạn thông thường (ngày 15 tháng 4 đối với hầu hết mọi người đóng thuế), tiền lãi sẽ được tính từ ngày đó cho đến ngày thuế được trả.

Nếu bạn phục vụ trong khu vực chiến sự hoặc khu vực nhiệm vụ nguy hiểm đủ tiêu chuẩn, bạn có

thể đủ điều kiện xin gia hạn thời gian nộp lâu hơn. Xem *Cá nhân phục vụ trong khu vực chiến sự*, ở phần sau để tìm hiểu những quy tắc đặc biệt áp dụng với bạn.

Người đóng thuế đã kết hôn. Nếu bạn nộp tờ khai thuế chung, chỉ cần vợ hoặc chồng đáp ứng điều kiện gia hạn tự động này. Nếu bạn và vợ/chồng của bạn nộp tờ khai thuế riêng, quy định gia hạn tự động chỉ áp dụng cho đối tượng đủ điều kiện.

Cách xin gia hạn. Để xin gia hạn tự động, bạn phải gửi bản tường trình giải thích tình huống giúp bạn đủ điều kiện xin gia hạn kèm theo tờ khai thuế. (Xem các tình huống được liệt kê trong mục (2) ở phần trên.)

Gia hạn sau 2 tháng. Nếu bạn không thể nộp tờ khai thuế trong khoảng thời gian 2 tháng gia hạn tự động, bạn có thể xin gia hạn thêm 4 tháng, tổng cộng là 6 tháng. Nộp Mẫu 4868 và đánh dấu vào ô ở dòng 8.

Không gia hạn thêm. Thông thường sẽ không được gia hạn hơn 6 tháng. Tuy nhiên, nếu bạn ở bên ngoài Hoa Kỳ và đáp ứng các thử thách nhất định, bạn có thể được gia hạn dài hơn. Để biết thêm thông tin, xem *When To File and Pay (Khi nào nộp và trả tiền)* trong Ấn phẩm 54.

Các cá nhân phục vụ trong khu vực chiến sự

Thời hạn nộp tờ khai thuế, trả tiền thuế mà bạn nợ và nộp đơn yêu cầu hoàn thuế sẽ tự động được gia hạn nếu bạn phục vụ trong khu vực chiến sự. Quy tắc này áp dụng cho thành viên của Lực lượng Vũ trang, cũng như thành viên đội thương thuyền phục vụ trên các tàu dưới quyền kiểm soát hoạt động của Bộ Quốc phòng, nhân viên Hội Chữ thập đỏ, phóng viên được công nhận và dân thường dưới sự chỉ đạo của Lực lượng Vũ trang hỗ trợ cho Lực lượng Vũ trang.

Khu vực chiến sự. Khu vực chiến sự là bất kỳ khu vực nào được Tổng thống Hoa Kỳ chỉ định thông qua lệnh hành pháp là khu vực mà Lực lượng Vũ trang Hoa Kỳ đang tham chiến hoặc đã tham chiến. Một khu vực sẽ trở thành khu vực chiến sự và không còn là khu vực chiến sự vào ngày do Tổng thống chỉ định thông qua lệnh hành pháp. Trong phạm vi gia hạn tự động, thuật ngữ “khu vực chiến sự” bao gồm những khu vực dưới đây.

- 1. Khu vực bán đảo Ả Rập, có hiệu lực từ ngày 17 tháng 1, 1991.
- 2. Khu vực Kosovo, có hiệu lực từ ngày 24 tháng 3, 1999.
- 3. Khu vực Afghanistan, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 9, 2001.

Xem Ấn phẩm 3 để tìm hiểu thêm thông tin chi tiết về các địa điểm trong từng khu vực chiến sự. Ấn phẩm 3 còn cung cấp thông tin về những lợi ích thuế khác dành cho quân nhân phục vụ trong khu vực chiến sự.

Thời gian gia hạn. Thời hạn nộp tờ khai , trả tiền thuế đến hạn, nộp đơn yêu cầu hoàn thuế và thực hiện những hành động khác với IRS được gia hạn theo hai bước. Thứ nhất, thời hạn của bạn được gia hạn thêm 180 ngày sau thời hạn muộn hơn của:

- 1. Ngày cuối cùng bạn ở trong khu chiến sự hoặc ngày cuối cùng khu vực đó đáp ứng điều kiện là khu chiến sự, hoặc

2. Ngày cuối cùng của bất kỳ lần [nhập viện đủ điều kiện](#) liên tục nào (được định nghĩa ở phần sau) do chấn thương khi phục vụ ở khu chiến sự.

Thứ hai, ngoài 180 ngày, thời hạn của bạn còn được gia hạn bằng số ngày còn lại để thực hiện hành động với IRS khi bạn vào khu vực chiến sự. Ví dụ, bạn có 3 1/2 tháng (1 tháng 1 – 15 tháng 4) để nộp tờ khai thuế. Số ngày còn lại trong khoảng thời gian này kể từ khi bạn vào khu vực chiến sự trước thời điểm đầu năm) sẽ được cộng vào 180 ngày. Xem *How Much Extra Time Do These Extensions Give Me? (Gia hạn thời gian này mang lại cho tôi thêm nhiều thời gian?)* trong Ấn phẩm 3 để tìm hiểu thêm thông tin.

Các quy tắc về gia hạn thời gian nộp tờ khai thuế cũng áp dụng khi bạn được triển khai bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ (cách xa địa điểm đóng quân thường trực của bạn) trong khi tham gia cuộc hành quân dự phòng được chỉ định.

Nhập viện đủ điều kiện. Việc nhập viện phải là kết quả của chấn thương gặp phải khi phục vụ trong khu vực chiến sự hoặc khi tham gia hành quân dự phòng. Nhập viện đủ điều kiện có nghĩa là:

- Bất kỳ lần nhập viện nào bên ngoài Hoa Kỳ, và
- Nhập viện trong thời gian tối đa 5 năm ở trong Hoa Kỳ.

Xem Ấn phẩm 3 để tìm hiểu thêm thông tin về nhập viện đủ điều kiện.

Cách chuẩn bị tờ khai?

Phần này giải thích cách chuẩn bị sẵn sàng để điền tờ khai thuế cùng thời điểm khai báo thu nhập và chi phí của bạn. Phần này cũng giải thích cách hoàn thành các mục nhất định trên mẫu. [Bảng 1-6](#) có thể giúp ích cho bạn khi chuẩn bị tờ khai bằng giấy.

Bảng 1-6. Sáu bước để chuẩn bị tờ khai bằng giấy

1	—	Tập hợp hồ sơ về thu nhập và chi phí của bạn.
2	—	Lấy các mẫu đơn, bản liệt kê và ấn phẩm mà bạn cần.
3	—	Điền tờ khai của bạn.
4	—	Kiểm tra tờ khai để đảm bảo thông tin chính xác.
5	—	Ký tên và ghi ngày trên tờ khai của bạn.
6	—	Đính kèm tất cả các mẫu đơn và bản liệt kê theo yêu cầu.

Tờ khai thuế điện tử. Để tìm hiểu thông tin mà bạn có thể thấy hữu ích khi chuẩn bị tờ khai thuế điện tử, tham khảo mục [Tại sao tôi nên nộp bằng điện tử?](#), ở phần trên.

Mẫu đơn thuế thay thế. Bạn không thể sử dụng mẫu đơn thuế của riêng bạn trừ trường hợp mẫu đơn này đáp ứng những yêu cầu được giải thích trong Ấn phẩm 1167.

Mẫu W-2. Nếu bạn là người lao động, bạn sẽ nhận được Mẫu W-2 từ chủ lao động của mình. Bạn sẽ cần thông tin từ mẫu này để chuẩn bị tờ khai thuế.

Xem [Mẫu W-2](#) trong mục [Giảm thuế cho Khấu lưu và Thuế ước tính cho năm 2024](#) ở chương 4.

Chủ lao động của bạn phải cung cấp hoặc gửi Mẫu W-2 cho bạn không muộn hơn ngày 31 tháng 1, 2025. Nếu mẫu đơn này được gửi qua đường bưu điện, bạn nên dành đủ thời gian để nhận trước khi liên hệ với chủ lao động. Nếu bạn vẫn không nhận được mẫu đơn trước đầu tháng 2, IRS có thể giúp bạn bằng cách yêu cầu chủ lao động cung cấp mẫu này. Khi bạn yêu cầu trợ giúp từ IRS, hãy chuẩn bị cung cấp những thông tin sau.

- Tên, địa chỉ (bao gồm mã bưu điện) và số điện thoại của bạn.
- SSN của bạn.
- Ngày nhận việc của bạn.
- Tên, địa chỉ (bao gồm mã bưu điện) và số điện thoại của chủ lao động.

Mẫu 1099. Nếu bạn nhận được một số hình thức thu nhập nhất định, bạn có thể nhận được Mẫu 1099. Ví dụ, nếu bạn nhận được tiền lãi chịu thuế từ \$10 trở lên, người trả tiền phải cung cấp hoặc gửi Mẫu 1099 cho bạn không muộn hơn ngày 31 tháng 1, 2025 (hoặc trước ngày 18 tháng 2, 2025, nếu do người môi giới cung cấp). Nếu mẫu đơn này được gửi qua đường bưu điện, bạn nên dành đủ thời gian để nhận trước khi liên hệ với người trả tiền. Nếu bạn vẫn không nhận được mẫu đơn muộn nhất vào ngày 18 tháng 2 (hoặc ngày 3 tháng 3, 2025, nếu do người môi giới cung cấp), hãy gọi đến IRS để được trợ giúp.

Khi nào khai báo thu nhập và chi phí?

Bạn phải tính thu nhập chịu thuế trên cơ sở năm chịu thuế. “Năm thuế” là chu kỳ kế toán hàng năm được sử dụng để lưu giữ hồ sơ cũng như để khai báo thu nhập và chi phí. Bạn phải hạch toán thu nhập và chi phí của mình theo cách thể hiện rõ ràng thu nhập chịu thuế của bạn. Cách bạn thực hiện quy trình hạch toán được gọi là phương pháp kế toán. Phần này giải thích bạn có thể sử dụng những chu kỳ và phương pháp kế toán nào.

Chu kỳ kế toán

Hầu hết tờ khai thuế cá nhân áp dụng một niên lịch - 12 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Nếu bạn không sử dụng niên lịch, chu kỳ kế toán của bạn là năm theo lịch tài chính. Năm theo lịch tài chính thông thường là khoảng thời gian 12 tháng kết thúc vào ngày cuối cùng của bất kỳ tháng nào ngoại trừ tháng 12. Năm tài chính 52-53 tuần thay đổi từ 52 đến 53 tuần và luôn kết thúc vào cùng một ngày trong tuần.

Bạn chọn chu kỳ kế toán (năm thuế) khi nộp tờ khai thuế thu nhập lần đầu. Chu kỳ kế toán không thể dài hơn 12 tháng.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về chu kỳ kế toán, bao gồm cách thay đổi chu kỳ kế toán của bạn, tham khảo Ấn phẩm 538.

Phương pháp kế toán

Phương pháp kế toán của bạn là cách bạn hạch toán thu nhập và chi phí của mình. Hầu hết người đóng thuế sử dụng phương pháp thu chi bằng tiền mặt hoặc phương pháp kế toán tích lũy. Bạn chọn phương pháp kế toán khi nộp tờ khai thuế thu nhập lần đầu. Nếu bạn muốn thay đổi phương pháp kế toán của mình sau đó, bạn thường phải xin chấp

thuận của IRS. Sử dụng Mẫu 3115 để đề nghị thay đổi phương pháp kế toán.

Phương pháp tiền mặt. Nếu bạn sử dụng phương pháp này, hãy khai báo tất cả các khoản thu nhập trong năm mà bạn nhận được trên thực tế hoặc suy định. Thông thường, bạn sẽ khấu trừ tất cả các chi phí trong năm mà bạn thực sự chi trả. Đây là phương pháp mà hầu hết cá nhân đóng thuế sử dụng.

Khoản nhận suy định. Nói chung, bạn nhận thu nhập suy định khi số tiền này được ghi có vào tài khoản của bạn hoặc để sẵn cho bạn tự do sử dụng. Bạn không cần thực sự sở hữu khoản tiền đó. Ví dụ, tiền lãi được ghi có trên tài khoản ngân hàng của bạn vào ngày 31 tháng 12, 2024 sẽ là thu nhập chịu thuế đối với bạn trong năm 2024 nếu bạn có thể rút tiền trong năm 2024 (ngay cả khi số tiền không được nhập trong hồ sơ của bạn hoặc tới năm 2025 bạn mới rút số tiền này).

Sai áp tiền lương. Nếu chủ lao động dùng tiền lương của bạn để trả các khoản nợ của bạn, hoặc nếu tiền lương của bạn bị lệnh tịch biên hoặc sai áp, toàn bộ khoản tiền này được coi là khoản nhận suy định của bạn. Bạn phải bao gồm khoản tiền lương này vào thu nhập trong năm bạn nhận được.

Các khoản nợ đã trả cho bạn. Nếu một người khác xóa bỏ hoặc trả các khoản nợ của bạn (nhưng không phải dưới hình thức quà tặng hoặc khoản vay), số tiền này được coi là khoản nhận suy định của bạn và thông thường bạn phải bao gồm khoản tiền này vào tổng thu nhập trong năm. Xem [Các khoản nợ được xóa bỏ](#) ở chương 8 để tìm hiểu thêm thông tin.

Thanh toán cho bên thứ ba. Nếu bên thứ ba được trả bằng thu nhập từ tài sản mà bạn sở hữu, phần thu nhập này được coi là khoản nhận suy định của bạn. Tình huống này giống như khi bạn thực sự nhận được thu nhập và sau đó mang trả cho bên thứ ba.

Thanh toán cho người đại diện. Thu nhập mà người đại diện nhận cho bạn là thu nhập nhận suy định của bạn trong năm mà người đại diện nhận được. Nếu bạn nêu rõ trong hợp đồng rằng thu nhập của bạn sẽ được trả cho người khác, bạn phải bao gồm vào tổng thu nhập của mình khi người đó nhận được số tiền này.

Séc đã nhận hoặc khả dụng. Séc hợp lệ được cung cấp cho bạn trước khi kết thúc năm thuế là khoản nhận suy định của bạn trong năm đó. Séc được “cung cấp cho bạn” bao gồm séc bạn đã nhận được, nhưng chưa chuyển thành tiền mặt hoặc kỳ gửi. Ví dụ, séc trả lương cuối cùng trong năm mà chủ lao động đưa cho bạn để nhận tại văn phòng trước khi kết thúc năm. Séc này được coi là khoản nhận suy định của bạn trong năm đó cho dù bạn có nhận được séc trước khi kết thúc năm hay không hoặc đợi nhận séc qua đường bưu điện sau khi kết thúc năm.

Không phải là khoản nhận suy định. Có thể có những dữ kiện cho thấy bạn đã không nhận thu nhập suy định.

Ví dụ. Lennon, là một giáo viên, đã đồng ý với điều kiện của hội đồng nhà trường rằng, khi Lennon vắng mặt, Lennon sẽ chỉ nhận được phần chênh lệch giữa lương bình thường và lương của giáo viên dạy thay do hội đồng nhà trường thuê. Vì vậy, Lennon đã không nhận suy định số tiền lương bị giảm để trả cho giáo viên dạy thay.

Phương pháp tích lũy. Nếu bạn sử dụng phương pháp tích lũy, bạn thường khai báo thu nhập khi kiểm được thay vì khi nhận được. Thông thường, bạn sẽ khấu trừ chi phí của mình tại thời điểm phát sinh thay vì tại thời điểm bạn thanh toán những chi phí này.

Thu nhập được ứng trước. Thu nhập được ứng trước thường được bao gồm vào tổng thu nhập trong năm bạn nhận được. Phương pháp kế toán của bạn không ảnh hưởng đến quy tắc này miễn là thu nhập khả dụng đối với bạn. Khoản ứng trước có thể bao gồm tiền thuê hoặc tiền lãi mà bạn nhận trước và tiền trả cho các dịch vụ mà bạn sẽ thực hiện sau đó.

Có thể được cho phép hoãn thuế có giới hạn cho đến năm chịu thuế tiếp theo đối với một số khoản ứng trước. Xem Ấn phẩm 538 để tìm hiểu thông tin cụ thể.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về các phương pháp kế toán, bao gồm cách thay đổi phương pháp kế toán của bạn, tham khảo Ấn phẩm 538.

Số An sinh Xã hội (SSN)

Bạn phải nhập SSN trên tờ khai. Nếu bạn đã kết hôn, hãy nhập SSN cho bạn và vợ/chồng của bạn, cho dù bạn khai thuế chung hay riêng.

Nếu bạn khai thuế chung, nhập SSN tương ứng với thứ tự tên. Sử dụng thứ tự này khi gửi các mẫu đơn và tài liệu khác cho IRS.



Nếu bạn hoặc vợ/chồng của bạn, nếu khai thuế chung, không có SSN (hoặc ITIN) được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn của tờ khai thuế năm 2024 (bao gồm thời gian gia hạn), bạn không thể yêu cầu một số lợi ích thuế nhất định trên tờ khai thuế năm 2024 ban đầu hoặc điều chỉnh.

Sau khi bạn được cấp SSN, hãy sử dụng nó để nộp tờ khai thuế. Sử dụng SSN của bạn để nộp tờ khai thuế ngay cả khi SSN của bạn không cho phép làm việc hoặc nếu bạn đã được cấp một SSN cho phép làm việc và bạn bị mất giấy phép làm việc của mình. ITIN sẽ không được cấp cho bạn sau khi bạn đã được cấp SSN. Nếu bạn đã nhận được SSN của mình sau khi sử dụng ITIN trước đó, hãy ngừng sử dụng ITIN của bạn. Sử dụng SSN của bạn thay vào đó.

Kiểm tra để đảm bảo rằng tên và SSN trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, W-2 và 1099 khớp với thông tin trên thẻ an sinh xã hội của bạn. Nếu không, một số khoản khấu trừ và tín thuế trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR có thể bị giảm hoặc không được cho phép và bạn có thể không nhận được ghi có cho thu nhập an sinh xã hội. Nếu Mẫu W-2 hiển thị SSN hoặc tên không chính xác, thông báo cho chủ lao động của bạn hoặc người đại diện phát hành mẫu đơn càng sớm càng tốt để đảm bảo thu nhập của bạn được ghi có vào hồ sơ an sinh xã hội. Nếu tên hoặc SSN trên thẻ an sinh xã hội của bạn không chính xác, hãy gọi cho Sở An sinh Xã hội (SSA) theo số 800-772-1213.

Thay đổi tên. Nếu bạn thay đổi tên của mình vì kết hôn, ly hôn, v.v..., bạn phải khai báo thay đổi cho văn phòng SSA địa phương trước khi nộp tờ khai thuế. Thủ tục này giúp tránh chậm trễ trong quá trình xử lý tờ khai thuế và hoàn thuế cho bạn. Thủ tục này cũng bảo vệ quyền lợi an sinh xã hội trong tương lai của bạn.

SSN của người phụ thuộc. Bạn phải cung cấp SSN của từng người phụ thuộc mà bạn khai, bất kể

tuổi của người phụ thuộc. Yêu cầu này áp dụng đối với tất cả người phụ thuộc (không chỉ trẻ em của bạn) được khai trên tờ khai thuế của bạn.



Trẻ em của bạn phải có SSN hợp lệ cho việc làm được cấp trước ngày đến hạn của tờ khai thuế năm 2024 (bao gồm thời gian gia hạn) để được coi là trẻ đủ điều kiện nhận một số lợi ích thuế nhất định trên tờ khai thuế năm 2024 bạn đầu hoặc điều chỉnh của bạn. Xem [chương 14](#).

Trường hợp ngoại lệ. Nếu trẻ em của bạn sinh ra và qua đời trong năm 2024 và không có SSN, hãy nhập “DIED (ĐÃ QUA ĐỜI)” vào cột (2) của phần *Dependents (Người phụ thuộc)* trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR và đính kèm bản sao giấy khai sinh, giấy chứng tử hoặc hồ sơ bệnh viện của trẻ. Tài liệu phải chứng minh rằng trẻ còn sống khi sinh.

Không có SSN. Nộp Mẫu SS-5, Đơn xin cấp thẻ An sinh Xã hội tới văn phòng SSA địa phương để xin cấp SSN cho bạn hoặc người phụ thuộc của bạn. Bình thường kéo dài khoảng 2 tuần để nhận được SSN. Nếu bạn hoặc người phụ thuộc của bạn không đủ điều kiện xin SSN, tham khảo mục [Mã số thuế cá nhân \(ITIN\)](#), ở phần sau.

Nếu bạn là công dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú, bạn phải xuất trình bằng chứng về tuổi, danh tính và quốc tịch hoặc tình trạng người nước ngoài với Mẫu SS-5. Nếu bạn từ 12 tuổi trở lên và chưa bao giờ được cấp SSN, bạn phải trực tiếp mang bằng chứng này đến văn phòng SSA.

Mẫu SS-5 được cung cấp tại văn phòng SSA, trên Internet tại [SSA.gov/forms/ss-5.pdf \(tiếng Anh\)](#), hoặc bằng cách gọi đến số 800-772-1213. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào về những tài liệu mà bạn có thể sử dụng làm bằng chứng về tuổi tác, danh tính hoặc quốc tịch, hãy liên hệ với văn phòng SSA.

Nếu người phụ thuộc của bạn không có SSN vào thời điểm đến hạn nộp tờ khai thuế, bạn có thể muốn xin gia hạn thời gian khai thuế, như đã giải thích ở phần trên trong mục [Khi nào tôi phải nộp](#).

Nếu bạn không cung cấp SSN theo yêu cầu hoặc nếu bạn cung cấp SSN không chính xác, tiền thuế của bạn có thể tăng và tiền hoàn thuế có thể giảm.

Mã số thuế cho việc nhận con nuôi (ATIN). Nếu bạn đang trong quá trình xin nhận con nuôi là công dân hoặc thường trú nhân Hoa Kỳ và không thể xin cấp SSN cho trẻ cho đến khi thủ tục nhận con nuôi hoàn tất, bạn có thể xin cấp ATIN để sử dụng thay vì SSN.

Nộp Mẫu W-7A, Đơn xin Mã số thuế cho việc nhận con nuôi ở Hoa Kỳ đang chờ xử lý cho IRS để xin cấp ATIN nếu tất cả những điều dưới đây đều đúng.

- Bạn có trẻ sống chung với bạn và trẻ đã được đưa đến nhà bạn để làm con nuôi hợp pháp.
- Bạn không thể lấy SSN hiện có của trẻ mặc dù bạn đã cố gắng hợp lý để lấy SSN từ cha mẹ đẻ, cơ quan sắp xếp nhận con nuôi và những người khác.
- Bạn không thể lấy SSN cho trẻ từ SSA do thủ tục nhận con nuôi chưa hoàn tất.
- Bạn có đủ điều kiện để khai trẻ là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của mình.

Sau khi thủ tục nhận con nuôi hoàn tất, bạn phải nộp đơn xin cấp SSN cho trẻ. Bạn không thể tiếp tục sử dụng ATIN.

Xem Mẫu W-7A để thêm thông tin.

Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú. Nếu vợ/chồng của bạn là người nước ngoài tạm trú, vợ/chồng của bạn phải có SSN hoặc ITIN nếu:

- Bạn nộp tờ khai thuế chung, hoặc
- Vợ/chồng của bạn nộp tờ khai thuế riêng.

Nếu vợ/chồng của bạn không đủ điều kiện xin cấp SSN, tham khảo [phần thảo luận dưới đây về ITIN](#).

Mã số thuế cá nhân (ITIN). IRS sẽ cấp cho bạn ITIN nếu bạn là người nước ngoài tạm trú hoặc thường trú và bạn không có cũng như không đủ điều kiện xin cấp SSN. Quy định này cũng áp dụng cho vợ/chồng hoặc người phụ thuộc là người nước ngoài. Để đăng ký ITIN, nộp Mẫu W-7 cho IRS. Quá trình này thường kéo dài khoảng 7 tuần trước khi bạn nhận được ITIN. Nhập ITIN trên tờ khai thuế của bạn ở bất kỳ mục nào yêu cầu SSN.

Đảm bảo rằng ITIN của bạn chưa hết hạn. Xem [Gia hạn mã số thuế cá nhân \(ITIN\)](#), trước đó, để biết thêm thông tin về hết hạn và gia hạn ITIN. Bạn có thể tìm hiểu thêm thông tin tại [IRS.gov/ITIN](#).



Nếu bạn đang nộp đơn xin cấp ITIN cho bản thân, vợ/chồng hoặc người phụ thuộc của bạn để khai thuế, hãy gửi kèm tờ khai thuế hoàn chỉnh với Mẫu W-7 của bạn. Xem hướng dẫn Mẫu W-7 để biết cách thức và nơi nộp đơn.



Bạn không thể e-file tờ khai với ITIN trong niên lịch mà ITIN được cấp; tuy nhiên, bạn có thể e-file tờ khai trong những năm tiếp theo.

ITIN chỉ sử dụng cho thuế. ITIN chỉ sử dụng cho thuế liên bang. Mã này không mang lại cho bạn quyền lợi an sinh xã hội hay thay đổi tình trạng việc làm hoặc nhập cư của bạn theo luật Hoa Kỳ.

Hình phạt cho hành vi không cung cấp số an sinh xã hội. Nếu bạn không cung cấp SSN của bạn hoặc SSN của vợ/chồng hoặc người phụ thuộc của bạn theo yêu cầu, bạn có thể phải trả tiền phạt. Xem nội dung thảo luận về [Hình phạt](#), ở phần sau để tìm hiểu thêm thông tin.

SSN trên thư từ. Nếu bạn gửi thư cho IRS về tài khoản thuế của mình, bao gồm SSN của bạn (cùng tên và SSN của vợ/chồng bạn, nếu bạn khai thuế chung) trong thư. Vì SSN được dùng để xác định tài khoản của bạn, điều này giúp IRS kịp thời phản hồi thư của bạn.

Quỹ Vận động tranh cử Tổng thống

Quỹ này tài trợ các chiến dịch tranh cử Tổng thống. Quỹ cũng tài trợ cho các nghiên cứu nhi khoa. Nếu bạn muốn đóng góp \$3 vào quỹ này, vui lòng đánh dấu vào ô. Nếu bạn khai thuế chung, vợ/chồng của bạn cũng có thể đóng góp \$3 vào quỹ. Nếu bạn đánh dấu ô này, tiền thuế hoặc tiền hoàn thuế của bạn sẽ không thay đổi.

Tính toán

Thông tin sau đây có thể hữu ích cho quá trình hoàn thiện tờ khai thuế.

Làm tròn số tiền. Bạn có thể làm tròn số tiền xu trên tờ khai và các bảng liệt kê. Nếu bạn làm tròn, bạn phải làm tròn tất cả các khoản tiền. Để làm tròn, giảm số tiền dưới 50 xu và tăng số tiền từ 50 đến 99 xu đến đồng đô la tiếp theo. Ví dụ, \$1,39 sẽ được

làm tròn thành \$1 và \$2,50 sẽ được làm tròn thành \$3.

Nếu bạn phải thêm hai hoặc nhiều khoản để tính số tiền cần nhập trên một dòng, giữ nguyên phần xu lẻ khi cộng và chỉ làm tròn tổng số.

Nếu bạn nhập số tiền bao gồm phần xu lẻ, hãy nhớ sử dụng dấu thập phân. Không có cột xu trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Số tiền bằng nhau. Nếu bạn được yêu cầu nhập số tiền nhỏ hơn hoặc lớn hơn trong hai số tiền bằng nhau, hãy nhập số tiền đó.

Số tiền âm. Nếu bạn nộp tờ khai thuế bằng giấy và bạn cần nhập số tiền âm, đặt số tiền đó trong dấu ngoặc đơn thay vì sử dụng dấu trừ. Để cộng số tiền dương và số âm, cộng tất cả các số tiền dương với nhau rồi trừ đi số tiền âm.

Đính kèm

Tùy thuộc vào hình thức bạn nộp tờ khai thuế và khoản mục được khai báo trên tờ khai thuế của bạn, bạn có thể phải hoàn thành các bảng liệt kê và mẫu đơn bổ sung đồng thời đính kèm vào tờ khai giấy của bạn.



Bạn có thể nộp tờ khai không giấy bằng cách sử dụng e-file của IRS. Bạn không phải đính kèm hay gửi bất kỳ mẫu đơn nào, kể cả Mẫu W-2 của bạn. Xem [Tại sao tôi nên nộp bằng điện tử](#), ở phần trên.

Mẫu W-2. Mẫu W-2 là báo cáo từ chủ lao động của bạn về tiền lương và các khoản thù lao khác đã trả cho bạn cũng như các khoản thuế đã khấu trừ từ lương của bạn. Bạn sẽ nhận Mẫu W-2 từ mỗi chủ lao động. Nếu bạn nộp tờ khai thuế bằng giấy, hãy đính kèm bản sao Mẫu W-2 vào vị trí chỉ định trên tờ khai thuế của bạn. Để biết thêm thông tin, xem [Mẫu W-2](#) trong chương 4.

Mẫu 1099-R. Nếu bạn nhận được Mẫu 1099-R cho biết thuế thu nhập liên bang đã khấu trừ và bạn nộp tờ khai thuế bằng giấy, hãy đính kèm bản sao mẫu này vào vị trí chỉ định trên tờ khai thuế của bạn.

Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Nếu bạn nộp tờ khai thuế bằng giấy, hãy đính kèm các mẫu đơn và bảng liệt kê vào sau Mẫu 1040 hoặc 1040-SR theo “Attachment Sequence No. (Số thứ tự đính kèm)” hiển thị ở góc trên bên phải của mẫu đơn hoặc bảng liệt kê. Sau đó, sắp xếp tất cả các báo cáo hoặc bảng liệt kê đính kèm khác có liên quan theo thứ tự tương ứng với các mẫu đơn và bảng liệt kê và đính kèm vào sau cùng. Không đính kèm những tài liệu không cần thiết.

Người được chỉ định làm Bên thứ ba

Nếu bạn muốn cho phép người khai thuế, một người bạn, người nhà hoặc bất kỳ người nào khác do bạn chọn để thảo luận về tờ khai thuế 2024 với IRS, hãy đánh dấu vào ô “Yes (Có)” trong mục “Third Party Designee (Người được chỉ định làm Bên thứ ba)” trên tờ khai thuế của bạn. Ngoài ra, nhập tên, số điện thoại của người được chỉ định và năm chữ số mà người được chỉ định chọn làm mã số nhận diện cá nhân (PIN).

Nếu bạn đánh dấu vào ô “Yes (Có)”, bạn và vợ/chồng bạn, trong trường hợp khai thuế chung, sẽ cho phép IRS gọi cho người được chỉ định để trả lời mọi câu hỏi phát sinh trong quá trình xử lý tờ khai

thuế của bạn. Bạn cũng ủy quyền cho người được chỉ định:

- Cung cấp thông tin còn thiếu trong tờ khai của bạn cho IRS;
- Gọi cho IRS để biết thông tin về việc xử lý tờ khai thuế hoặc tình trạng hoàn thuế hoặc các khoản thanh toán của bạn;
- Nhận bản sao của các thông báo hoặc bản ghi liên quan đến tờ khai thuế của bạn, theo yêu cầu; và
- Trả lời một số thông báo nhất định của IRS về lỗi toán học, bù trừ (xem phần [Hoàn thuế](#) ở sau) và sự chuẩn bị tờ khai thuế.

Bạn không ủy quyền cho người được chỉ định nhận séc hoàn thuế, ràng buộc bạn bởi bất kỳ điều khoản nào (bao gồm nghĩa vụ thuế bổ sung) hoặc đại diện cho bạn trước IRS. Nếu bạn muốn mở rộng phạm vi ủy quyền cho người được chỉ định, tham khảo Ấn phẩm 947.

Việc ủy quyền sẽ tự động hết hiệu lực không muộn hơn ngày đến hạn (không kể gia hạn) nộp tờ khai thuế năm 2025. Ngày này là ngày 15 tháng 4, 2026, đối với hầu hết mọi người.

Xem hướng dẫn cho mẫu đơn của bạn để tìm hiểu thêm thông tin.

Chữ ký

Bạn phải ký tên và ghi ngày trên tờ khai thuế. Nếu bạn khai thuế chung, cả bạn và vợ/chồng của bạn phải ký tên trên tờ khai thuế, kể cả khi chỉ một trong hai người có thu nhập.



Nếu bạn khai thuế chung, cả hai vợ chồng thường phải chịu thuế và toàn bộ nghĩa vụ thuế có thể được tính cho một trong hai người phối ngẫu. Xem [Chương 2](#).

Tờ khai của bạn không được coi là tờ khai hợp lệ trừ khi bạn ký tên theo các yêu cầu trong hướng dẫn cho tờ khai.

Bạn phải ký tay chữ ký của mình trên tờ khai nếu bạn nộp bằng giấy. Chữ ký kỹ thuật số, điện tử hoặc chữ ký đánh máy không phải là chữ ký hợp lệ cho Mẫu 1040 hoặc 1040-SR được nộp trên giấy.

Nếu bạn khai thuế bằng điện tử, bạn có thể sử dụng chữ ký điện tử để ký vào tờ khai thuế của mình theo các yêu cầu trong hướng dẫn của tờ khai.

Việc bạn không ký vào tờ khai thuế theo các yêu cầu này có thể khiến bạn không được hoàn thuế.

Nhập nghề nghiệp của bạn. Nếu bạn khai thuế chung, hãy nhập cả nghề nghiệp của bạn và nghề nghiệp của vợ/chồng bạn.

Khi nào người khác có thể ký thay bạn. Bạn có thể chỉ định người đại diện ký tên vào tờ khai thuế của bạn nếu bạn:

1. Không thể ký tờ khai thuế vì bệnh tật hoặc thương tích,
2. Vắng mặt tại Hoa Kỳ trong ít nhất 60 ngày liên tục trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế, hoặc
3. Được văn phòng IRS tại khu vực của bạn cho phép làm như vậy.

Giấy ủy quyền. Tờ khai thuế có chữ ký của người đại diện trong bất kỳ trường hợp nào trên đây phải có giấy ủy quyền (POA) đính kèm cho phép người đại diện ký thay bạn. Bạn có thể sử dụng POA nêu rõ người đại diện được ủy quyền ký tờ khai thuế hoặc bạn có thể sử dụng Mẫu 2848, Part I (Phần I) của Mẫu 2848 phải nêu rõ rằng người đại diện được ủy quyền ký tờ khai thuế.

Người bảo hộ, người giám hộ hoặc người được ủy thác khác do tòa án chỉ định. Nếu bạn là người bảo hộ, người giám hộ hoặc người được ủy thác khác do tòa án chỉ định cho một cá nhân không đủ năng lực về tinh thần hoặc thể chất phải khai thuế, hãy ký tên của bạn cho cá nhân đó. Nộp Mẫu 56.

Không thể ký. Nếu người đóng thuế có đủ năng lực về tinh thần nhưng không thể ký vào tờ khai thuế hoặc POA, “chữ ký” hợp lệ được xác định theo luật tiểu bang. Chữ ký hợp lệ có thể là bất cứ hình thức nào thể hiện rõ ràng ý định ký của người đóng thuế. Ví dụ, chữ “X” của người đóng thuế với chữ ký của hai nhân chứng có thể được coi là chữ ký hợp lệ theo luật tiểu bang.

Vợ/chồng không thể ký. Nếu vợ/chồng của bạn không thể ký vì bất kỳ lý do gì, tham khảo mục [Ký tờ khai thuế chung](#) ở chương 2.

Tờ khai của trẻ em. Nếu trẻ phải khai thuế nhưng không thể ký vào tờ khai thuế, cha mẹ, người giám hộ của trẻ hoặc một người chịu trách nhiệm pháp lý khác phải ký tên của trẻ, tiếp đó ghi “By (Bởi) (chữ ký của bạn), parent for minor child (cha mẹ của trẻ vì thành niên).”

Người khai thuế được trả tiền

Thông thường, bất kỳ ai được bạn trả tiền để chuẩn bị, hỗ trợ chuẩn bị hoặc xem xét tờ khai thuế của bạn phải ký tên và điền vào các ô trống khác, bao gồm Mã Số Thuế của Người Khai Thuế (PTIN), trong phần dành cho người khai thuế được trả tiền trên tờ khai thuế của bạn.

Nhiều người khai thuế được yêu cầu *e-file* cho tờ khai thuế mà họ chuẩn bị. Họ ký tờ khai *e-file* bằng phần mềm khai thuế của mình. Tuy nhiên, bạn có thể chọn hoàn thành tờ khai thuế trên giấy nếu muốn. Trong trường hợp này, người khai thuế được trả tiền có thể ký vào tờ khai thuế bằng tay, sử dụng con dấu cao su hoặc thiết bị cơ khí. Người khai thuế phải chịu trách nhiệm cá nhân cho việc đóng dấu chữ ký của mình trên tờ khai thuế.

Nếu người khai thuế là người tự kinh doanh (nghĩa là không được thuê bởi bất kỳ cá nhân hay doanh nghiệp nào để chuẩn bị tờ khai thuế), họ cần đánh dấu vào ô tự kinh doanh trong phần “Paid Preparer Use Only (Chỉ dành cho Người khai thuế được trả tiền)” trên tờ khai thuế.

Người khai thuế phải cung cấp cho bạn bản sao tờ khai thuế của bạn ngoài bản sao đã nộp cho IRS.

Nếu bạn tự chuẩn bị tờ khai thuế, để trống phần này. Nếu người khác chuẩn bị tờ khai thuế cho bạn và không tính phí, người đó không nên ký vào tờ khai thuế của bạn.

Nếu bạn có thắc mắc về việc liệu người khai thuế có phải ký vào tờ khai thuế của bạn hay không, liên hệ với bất kỳ một văn phòng nào của IRS.

Hoàn thuế

Khi hoàn thành tờ khai thuế của mình, bạn sẽ xác định liệu bạn có trả nhiều thuế thu nhập hơn số tiền bạn nợ hay không. Nếu có, bạn có thể được hoàn lại số tiền đã trả thừa hoặc bạn có thể chọn áp dụng toàn bộ hoặc một phần khoản thanh toán vượt mức cho tiền thuế ước tính của năm tiếp theo (2025).



Nếu bạn chọn áp dụng khoản thanh toán vượt mức năm 2024 cho tiền thuế ước tính năm 2025, bạn không thể thay đổi quyết định và sẽ không được hoàn thuế sau ngày đến hạn (không có gia hạn) của tờ khai thuế năm 2024.

Làm theo Hướng dẫn cho Mẫu 1040 để hoàn thành các mục nhập để yêu cầu hoàn thuế và/hoặc để áp dụng khoản thanh toán vượt mức cho tiền thuế ước tính năm 2025.



Nếu số tiền hoàn thuế cho năm 2024 lớn, bạn có thể muốn giảm số thuế thu nhập khấu lưu từ lương của mình trong năm 2025. Xem [Chương 4](#) để tìm hiểu thêm thông tin.

DIRECT DEPOSIT

Thay vì nhận séc giấy, bạn có thể yêu cầu ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế vào tài khoản thanh toán, tiết kiệm, tiết kiệm sức khỏe, đầu tư, hoặc tương tự, bao gồm quỹ hưu trí cá nhân (IRA). Làm theo Hướng dẫn cho Mẫu 1040 để yêu cầu ký gửi trực tiếp. Nếu không thể ký gửi trực tiếp, IRS sẽ gửi séc.

Không yêu cầu ký gửi tiền hoàn thuế vào tài khoản không đứng tên bạn. Không cho phép người khai thuế chuyển tiền hoàn thuế của bạn vào tài khoản của họ. Số lần ký gửi trực tiếp vào một tài khoản hoặc thẻ ghi nợ trả trước được giới hạn trong ba lần hoàn thuế một năm. Sau khi vượt quá giới hạn này, séc giấy sẽ được gửi thay thế. Tìm hiểu thêm tại [IRS.gov/DepositLimit](#) (tiếng Anh).

IRA. Bạn có thể yêu cầu ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế (hoặc một phần) vào IRA truyền thống hoặc IRA Roth, nhưng không thể yêu cầu chuyển vào IRA SIMPLE. Bạn phải thiết lập IRA tại một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính trước khi yêu cầu ký gửi trực tiếp.

Chia nhỏ tiền hoàn thuế. Nếu bạn chọn hình thức ký gửi trực tiếp, bạn có thể chia nhỏ tiền hoàn thuế và ký gửi vào nhiều hơn một tài khoản. Hoàn thành Mẫu 8888 và đính kèm vào tờ khai thuế của bạn.

Thanh toán vượt mức ít hơn một đô la. Nếu khoản thanh toán vượt mức của bạn ít hơn một đô la, bạn sẽ không được hoàn thuế trừ khi bạn có yêu cầu bằng văn bản.

Rút séc hoàn thuế. Rút séc hoàn thuế ngay sau khi bạn nhận được séc. Séc sẽ hết hạn vào ngày làm việc cuối cùng của tháng thứ 12 sau khi phát hành.

Nếu séc của bạn hết hạn, bạn có thể nộp đơn lên IRS để xin phát hành lại.

Tiền hoàn thuế nhiều hơn hoặc ít hơn mong đợi. Nếu bạn nhận được séc hoàn thuế mà bạn không được hưởng hoặc hoàn lại khoản thanh toán vượt mức lẽ ra phải được ghi có vào thuế ước tính, đừng rút séc. Hãy gọi cho IRS.

Nếu bạn nhận được séc với số tiền hoàn thuế nhiều hơn yêu cầu, đừng rút séc cho đến khi bạn nhận được thông báo giải thích khoản chênh lệch.

Nếu séc hoàn thuế của bạn ít hơn số tiền bạn đã yêu cầu, séc này phải kèm theo thông báo giải thích khoản chênh lệch. Việc rút séc không ngăn bạn yêu cầu hoàn thuế bổ sung.

Nếu bạn không nhận được thông báo và bạn có thắc mắc về số tiền hoàn thuế của mình, bạn nên đợi 2 tuần. Nếu bạn vẫn chưa nhận được thông báo, hãy gọi cho IRS.

Bù trừ các khoản nợ. Nếu bạn được hoàn thuế nhưng chưa thanh toán một số tiền nợ, thì toàn bộ hoặc một phần tiền hoàn thuế của bạn có thể được dùng để thanh toán toàn bộ hoặc một phần số tiền

quá hạn. Các khoản quá hạn bao gồm thuế thu nhập liên bang quá hạn, các khoản nợ liên bang khác (ví dụ như khoản vay sinh viên), thuế thu nhập tiểu bang, tiền cấp dưỡng cho con và vợ/chồng và nợ bồi thường thất nghiệp của tiểu bang. Bạn sẽ nhận được thông báo nếu số tiền hoàn thuế mà bạn yêu cầu đã được bù trừ cho các khoản nợ của bạn.

Tờ khai thuế chung và vợ/chồng bị tổn hại.

Khi nộp tờ khai thuế chung và chỉ có 1 người phối ngẫu có nợ quá hạn, người còn lại có thể được coi là vợ/chồng bị tổn hại. Người vợ/chồng bị thiệt hại nên nộp Mẫu 8379, Phân bổ cho Người vợ/chồng bị tổn hại, nếu cả hai điều kiện sau đây áp dụng và người vợ/chồng muốn được hoàn lại phần thanh toán vượt mức của mình trên tờ khai thuế chung.

1. Bạn không có nghĩa vụ pháp lý phải trả số tiền quá hạn.
2. Bạn đã thực hiện và khai báo các khoản thanh toán thuế (ví dụ như thuế thu nhập liên bang khấu lưu từ tiền lương của bạn hoặc các khoản thanh toán thuế ước tính), hoặc yêu cầu tín thuế được hoàn lại (tham khảo các khoản tín thuế được liệt kê trong mục [Ai nên nộp](#), ở phần trên).

Ghi chú. Nếu nơi cư trú của người vợ/chồng bị tổn hại nằm ở tiểu bang có tài sản chung vào bất kỳ thời điểm nào trong năm thuế, các quy tắc đặc biệt có thể áp dụng. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 8379.

Nếu bạn chưa khai thuế chung và bạn biết rằng khoản hoàn thuế chung của bạn sẽ bị bù trừ, nộp Mẫu 8379 với tờ khai của bạn. Bạn sẽ nhận được tiền hoàn thuế của mình trong vòng 14 tuần kể từ ngày nộp tờ khai thuế bằng giấy hoặc trong vòng 11 tuần kể từ ngày nộp tờ khai thuế điện tử.

Nếu bạn đã khai thuế chung và tiền hoàn thuế chung của bạn đã bị bù trừ, nộp riêng Mẫu 8379. Nếu nộp sau khi bù trừ, có thể mất tối đa 8 tuần để bạn nhận được tiền hoàn thuế. Không đính kèm tờ khai thuế đã nộp trước đó, mà đính kèm bản sao tất cả các Mẫu W-2 và W-2G cho cả hai vợ chồng và bất kỳ Mẫu 1099 nào cho thấy số thuế thu nhập đã khấu lưu. Việc xử lý Mẫu 8379 có thể bị trì hoãn nếu những mẫu đơn này không được đính kèm, hoặc nếu mẫu đơn không đầy đủ khi nộp.

Mẫu đơn 8379 riêng phải được nộp cho mỗi năm thuế để được xem xét.



Đơn yêu cầu của vợ/chồng bị tổn hại khác với yêu cầu của vợ/chồng vô can. Người vợ/chồng bị tổn hại sử dụng Mẫu 8379 để yêu cầu phân chia số tiền thuế thanh toán vượt mức được quy cho mỗi người. Người vợ/chồng vô can sử dụng Mẫu 8857, Yêu cầu miễn cho Người vợ/chồng vô can, để đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm liên đới về thuế, tiền lãi và hình phạt trên tờ khai thuế chung đối với các khoản mục của người kia (hoặc vợ/chồng cũ) đã được khai báo không chính xác trên tờ khai thuế chung. Để tìm hiểu thông tin về vợ/chồng vô can, tham khảo phần [Giảm nhẹ trách nhiệm liên đới](#) trong mục Nộp tờ khai thuế chung ở chương 2.

Số tiền bạn nợ

Khi hoàn thành tờ khai thuế của mình, bạn sẽ xác định liệu bạn đã trả đủ số tiền thuế mà bạn nợ hay chưa. Nếu bạn nợ thuế bổ sung, bạn nên trả kèm theo tờ khai thuế của mình.



Bạn không phải trả nếu số tiền bạn nợ nhỏ hơn \$1.

Nếu IRS tính thuế cho bạn, bạn sẽ nhận được hóa đơn tiền thuế đến hạn. Bạn phải thanh toán hóa đơn này trong vòng 30 ngày (hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế, nếu muộn hơn). Xem [Thuế do IRS tính](#) ở chương 13.



Nếu bạn không trả thuế khi đến hạn, bạn có thể phải trả tiền phạt do không trả thuế. Xem [Hình phạt](#), ở phần sau. Để biết thêm thông tin về nợ đến hạn của bạn, tham khảo Ấn phẩm 594.



Nếu số tiền bạn nợ cho năm 2024 lớn, bạn có thể muốn tăng số thuế thu nhập khấu lưu từ lương của mình hoặc thanh toán thuế ước tính cho năm 2025. Xem [chương 4](#) để tìm hiểu thêm thông tin.

Cách trả tiền

Bạn có thể thanh toán trực tuyến, qua điện thoại, bằng thiết bị di động, bằng tiền mặt, bằng séc hoặc lệnh chuyển tiền. Không gộp thuế ước tính cho năm 2025 vào khoản thanh toán này. Thay vào đó, hãy thanh toán riêng thuế ước tính.

Séc hoặc thanh toán không hợp lệ. Mức phạt cho hành vi gửi séc không hợp lệ cho IRS là \$25 hoặc 2% giá trị séc, tùy mức nào cao hơn. Mức phạt này cũng áp dụng cho những hình thức thanh toán khác nếu IRS không nhận được tiền.

Trả trực tuyến. Thanh toán trực tuyến rất tiện lợi và an toàn đồng thời giúp đảm bảo rằng chúng tôi nhận được tiền thanh toán của bạn đúng hạn.

Bạn có thể thanh toán trực tuyến bằng cách ký gửi trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của mình thông qua Direct Pay của IRS hoặc Hệ thống thanh toán thuế Liên bang bằng điện tử (EFTPS), hoặc bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng.

Để thanh toán thuế trực tuyến hoặc để tìm hiểu thêm thông tin, truy cập [IRS.gov/Payments](#).

Trả qua điện thoại. Thanh toán qua điện thoại là một cách trả tiền trực tuyến an toàn và bảo mật khác. Sử dụng một trong các phương thức sau.

- EFTPS.
- Thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng.

Để biết thêm thông tin về EFTPS hoặc để đăng ký EFTPS, truy cập [EFTPS.gov \(tiếng Anh\)](#) hoặc gọi 800-555-4477. Để liên hệ với EFTPS qua Dịch vụ Viễn thông chuyển tiếp (TRS) cho người bị điếc, khiếm thính, hoặc khuyết tật nói, gọi 711 và cung cấp cho người trợ tá của TRS số 800-555-4477 hoặc số 800-733-4829. Thông tin bổ sung về EFTPS cũng có sẵn trong Ấn phẩm 966.

Để thanh toán bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng, bạn có thể gọi cho một trong các nhà cung cấp dịch vụ sau. Phí dịch vụ của những nhà cung cấp này khác nhau tùy theo nhà cung cấp, loại thẻ và số tiền thanh toán.

ACI Payments, Inc.

888-UPAY-TAX™ (888-872-9829)

[fed.acipayonline.com \(tiếng Anh\)](#)

Link2Gov Corporation

888-PAY-1040™ (888-729-1040)

[www.PAY1040.com \(tiếng Anh\)](#)

Để cập nhật thông tin mới nhất về cách trả tiền qua điện thoại, truy cập [IRS.gov/Payments](#).

Trả bằng tiền mặt. Bạn có thể trả thuế bằng tiền mặt. Để tìm hiểu về các phương thức thanh toán tiền mặt khác nhau, truy cập [IRS.gov/PayCash](#). Đừng gửi tiền mặt qua bưu điện.

Trả bằng séc hoặc lệnh phiếu. Viết séc hoặc lệnh phiếu cho "United States Treasury (Bộ Tài chính Hoa Kỳ)" cho toàn bộ số tiền đến hạn. Không gửi tiền mặt. Không đính kèm tiền thanh toán với tờ khai thuế của bạn. Ghi chính xác tên, địa chỉ, SSN, số điện thoại ban ngày, năm chịu thuế và số mẫu đơn lên mặt trước của séc hoặc lệnh phiếu. Nếu bạn khai thuế chung, nhập SSN hiển thị đầu tiên trên tờ khai thuế của bạn.

Thông báo cho người đóng thuế xuất trình séc. Khi bạn viết séc để thanh toán, bạn cho phép chúng tôi sử dụng thông tin từ séc của bạn để thực hiện chuyển khoản điện tử một lần từ tài khoản của bạn hoặc để xử lý thanh toán dưới hình thức giao dịch séc. Khi chúng tôi sử dụng thông tin từ séc của bạn để thực hiện chuyển khoản điện tử, tiền có thể được rút khỏi tài khoản của bạn ngay ngày chúng tôi nhận được khoản thanh toán của bạn và bạn sẽ không nhận lại séc từ tổ chức tài chính của mình.

Không chấp nhận séc \$100 triệu trở lên. IRS không thể chấp nhận một séc duy nhất (bao gồm séc ngân hàng có bảo chứng) cho số tiền \$100.000.000 (\$100 triệu) trở lên. Nếu bạn thanh toán \$100 triệu trở lên bằng séc, bạn phải chia khoản thanh toán thành hai séc hoặc hơn với mỗi séc có giá trị thấp hơn \$100 triệu. Hạn mức này không áp dụng đối với các cách trả tiền khác (ví dụ như thanh toán điện tử). Vui lòng cân nhắc cách trả tiền khác ngoài séc nếu số tiền thanh toán trên \$100 triệu.

Thanh toán thuế ước tính. Không bao gồm thuế ước tính năm 2025 khi thanh toán cho tờ khai thuế thu nhập năm 2024 của bạn. Xem [chương 4](#) để tìm hiểu thông tin về cách trả thuế ước tính.

Tiền lãi

Tiền lãi sẽ được tính trên khoản thuế mà bạn không trả trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế. Tiền lãi sẽ được tính kể cả khi bạn được gia hạn thời gian nộp tờ khai thuế.



Nếu IRS tính thuế cho bạn, để tránh bị tính lãi do chậm thanh toán, bạn phải thanh toán hóa đơn trước ngày ấn định trên hóa đơn hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế của bạn, tùy ngày nào muộn hơn. Để tìm hiểu thông tin, tham khảo mục [Thuế do IRS tính](#) ở chương 13.

Lãi tính trên hình phạt. Tiền lãi được tính trên hình phạt do không khai thuế, hình phạt do thiếu chính xác và hình phạt do gian lận tính từ ngày đến hạn nộp tờ khai thuế (bao gồm thời gian gia hạn) cho đến ngày thanh toán. Tiền lãi tính trên các khoản hình phạt khác bắt đầu vào ngày thông báo và yêu cầu, nhưng không tính trên các khoản hình phạt được thanh toán trong vòng 21 ngày theo lịch kể từ ngày thông báo (hoặc trong vòng 10 ngày làm việc nếu thông báo yêu cầu thanh toán \$100.000 trở lên).

Tiền lãi do lỗi hoặc trì hoãn của IRS. Tất cả hoặc một phần tiền lãi tính cho bạn sẽ được xóa bỏ nếu khoản tiền lãi đó là do lỗi hoặc trì hoãn bất hợp lý của viên chức hoặc nhân viên IRS khi thực hiện hành vi thủ tục hoặc hành vi quản lý.

Hành vi thủ tục là hành động mang tính quy trình hoặc máy móc diễn ra trong quá trình xử lý vụ việc của bạn. Hành vi quản lý bao gồm hoạt động điều chuyển nhân sự và đào tạo nhân sự kéo dài. Quyết

định liên quan đến việc áp dụng đúng luật thuế liên bang không phải là hành vi thủ tục hay hành vi quản lý.

Tiền lãi chỉ được xóa bỏ nếu bạn không chịu trách nhiệm ở mọi khía cạnh quan trọng đối với tình huống sai sót hoặc trì hoãn và IRS đã thông báo cho bạn bằng văn bản về khoản thiếu hụt hoặc khoản thanh toán. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 556.

Tiền lãi và một số hình phạt nhất định có thể tạm dừng trong khoảng thời gian giới hạn nếu bạn nộp tờ khai thuế trước ngày đến hạn (bao gồm thời gian gia hạn) và IRS không cung cấp cho bạn thông báo cụ thể về trách nhiệm pháp lý của bạn cùng cơ sở của trách nhiệm đó trước khi kết thúc khoảng thời gian 36 tháng bắt đầu vào ngày muộn hơn của:

- Ngày nộp tờ khai thuế, hoặc
- Ngày đến hạn nộp tờ khai thuế mà không liên quan đến gia hạn.

Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 556.

Thỏa thuận trả góp

Nếu bạn không thể trả toàn bộ số tiền đến hạn theo tờ khai thuế, bạn có thể đề nghị trả góp hàng tháng toàn bộ hoặc một phần. Tuy nhiên, bạn sẽ bị tính lãi và có thể bị tính phí phạt chậm thanh toán đối với tiền thuế chưa thanh toán vào ngày đến hạn nộp tờ khai thuế, kể cả khi yêu cầu trả góp của bạn được chấp thuận. Nếu yêu cầu của bạn được chấp thuận, bạn cũng phải trả một khoản phí. Để hạn chế tiền lãi và phí phạt, hãy trả càng nhiều tiền thuế càng tốt theo tờ khai thuế của bạn. Nhưng trước khi yêu cầu thỏa thuận trả góp, bạn nên cân nhắc các phương án thay thế khác ít tốn kém hơn, ví dụ như vay ngân hàng hoặc thanh toán bằng thẻ tín dụng.

Để đăng ký thỏa thuận trả góp trực tuyến, truy cập [IRS.gov/OPA](https://irs.gov/OPA). Bạn cũng có thể sử dụng Mẫu 9465.

Ngoài thanh toán bằng séc hoặc lệnh phiếu, bạn có thể sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ hoặc thanh toán trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của mình để thực hiện thanh toán hoặc thỏa thuận trả góp. Xem [Cách trả tiền](#), ở phần trên.

Quà tặng để giảm nợ công



Bạn có thể đóng góp (tặng quà) để giảm phần nợ công. Nếu bạn muốn làm như vậy, truy cập [Pay.gov](https://pay.gov) và đóng góp bằng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, PayPal, tài khoản thanh toán hoặc tài khoản tiết kiệm. Nếu bạn ưa chuộng, bạn có thể lập séc cho "Bureau of Fiscal Service (Văn phòng Dịch vụ Tài chính)."

Gửi séc của bạn đến:

Bureau of the Fiscal Service
ATTN: Department G
P.O. Box 2188
Parkersburg, WV 26106-2188

Hoặc gửi séc riêng trong phong bì cùng với tờ khai thuế thu nhập của bạn. Không thêm quà tặng này vào bất kỳ khoản thuế nào mà bạn nợ.

Để tìm hiểu thông tin về cách tặng quà trực tuyến, truy cập TreasuryDirect.gov/Help-Center/Public-Debt-FAQs/#DebtFinance (tiếng Anh) và xem thông tin dưới "How do you make a contribution to reduce the debt? (Cách đóng góp để giảm nợ?)".

Bạn có thể khấu trừ quà tặng này như một khoản đóng góp từ thiện trên tờ khai thuế của năm tới nếu bạn khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040).

Tên và địa chỉ

Sau khi bạn hoàn thiện tờ khai thuế của mình, điền tên và địa chỉ của bạn vào vị trí thích hợp trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.



Bạn phải ghi SSN của mình vào đúng vị trí trên tờ khai thuế.

Hộp thư. Nếu bưu điện không gửi thư đến địa chỉ đường phố của bạn và bạn có hộp thư bưu điện, hãy nhập số hộp thư bưu điện ở dòng cho địa chỉ nhà hiện tại thay vì địa chỉ đường phố.

Địa chỉ nước ngoài. Nếu địa chỉ của bạn ở bên ngoài Hoa Kỳ hoặc lãnh thổ của Hoa Kỳ, nhập tên thành phố vào dòng thích hợp trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Không nhập bất kỳ thông tin nào khác trên dòng đó, nhưng cần điền thông tin vào khoảng trống phía dưới.

1. Tên quốc gia ở nước ngoài.
2. Tỉnh/bang/quận ở nước ngoài.
3. Mã bưu chính nước ngoài.

Không viết tắt tên quốc gia. Thực hiện theo thông lệ của quốc gia khi nhập mã bưu chính và tên tỉnh, quận hoặc tiểu bang.

Tôi nộp ở đâu?

Sau khi hoàn thành tờ khai, bạn phải gửi tờ khai cho IRS. Bạn có thể gửi qua đường bưu điện hoặc bạn có thể gửi dưới hình thức điện tử. Xem [Tại sao tôi nên nộp bằng điện tử](#), ở phần trên.

Gửi tờ khai bằng giấy của bạn qua đường bưu điện. Gửi tờ khai thuế của bạn qua đường bưu điện đến địa chỉ nêu trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040.

Điều gì xảy ra sau khi tôi nộp?

Sau khi gửi tờ khai của mình cho IRS, bạn có thể có một số câu hỏi. Phần này thảo luận về những thắc mắc của bạn liên quan đến việc lưu giữ hồ sơ, tiền hoàn thuế và những việc cần làm nếu bạn chuyển đi.

Tôi nên giữ những hồ sơ nào?

Phần này thảo luận lý do tại sao bạn nên lưu giữ hồ sơ, những loại hồ sơ bạn nên giữ và bạn nên giữ hồ sơ trong bao lâu.



Bạn phải lưu hồ sơ để có thể lập tờ khai thuế thu nhập đầy đủ và chính xác. Luật pháp không yêu cầu bất kỳ mẫu hồ sơ đặc biệt nào. Tuy nhiên, bạn nên giữ tất cả biên lai, séc đã hủy hoặc bằng chứng thanh toán khác và bất kỳ hồ sơ nào khác để hỗ trợ khoản khấu trừ và tín thuế mà bạn yêu cầu.

Nếu bạn nộp đơn yêu cầu hoàn thuế, bạn phải có khả năng chứng minh rằng bạn đã nộp thừa tiền thuế bằng hồ sơ.

Phần này không thảo luận về các loại hồ sơ mà bạn nên lưu giữ khi điều hành một doanh nghiệp. Để tìm hiểu thông tin về hồ sơ kinh doanh, tham khảo

Ấn phẩm 583, Khởi Nghiệp Kinh Doanh và Lưu Giữ Hồ Sơ.

Tại sao cần lưu giữ hồ sơ?

Hồ sơ đầy đủ giúp bạn:

- **Xác định nguồn thu nhập.** Hồ sơ có thể xác định các nguồn thu nhập để giúp bạn tách biệt thu nhập kinh doanh và thu nhập phi kinh doanh cũng như thu nhập chịu thuế và thu nhập không chịu thuế.
- **Theo dõi chi phí.** Bạn có thể sử dụng hồ sơ để xác định những chi phí mà bạn có thể yêu cầu khấu trừ. Điều này giúp bạn xác định liệu bạn có thể khấu trừ từng khoản trên tờ khai thuế của mình không.
- **Theo dõi giá gốc của tài sản.** Bạn cần lưu giữ hồ sơ thể hiện giá gốc của tài sản của bạn. Giá gốc của tài sản bao gồm chi phí ban đầu hoặc giá gốc khác của tài sản và bất kỳ cải tiến nào mà bạn đã thực hiện.
- **Chuẩn bị tờ khai thuế.** Bạn cần các hồ sơ để chuẩn bị tờ khai thuế.
- **Hỗ trợ các mục được khai báo trên tờ khai thuế.** IRS có thể đặt câu hỏi về một mục trên tờ khai thuế của bạn. Hồ sơ sẽ giúp bạn giải trình bất kỳ mục nào và tính toán mức thuế chính xác. Nếu bạn không thể xuất trình hồ sơ chính xác, bạn có thể phải trả thêm thuế và bị phạt.

Các loại hồ sơ cần lưu giữ

IRS không quy định cụ thể cách thức lưu giữ hồ sơ. Hãy lưu giữ hồ sơ theo cách cho phép bạn và IRS xác định mức thuế chính xác của bạn.

Bạn có thể sử dụng sổ séc để ghi chép thu nhập và chi phí của mình. Bạn cũng cần giữ các hồ sơ, ví dụ như biên lai và phiếu bán hàng, có thể giúp chứng minh khoản khấu trừ.

Trong phần này, bạn sẽ tìm thấy hướng dẫn về các loại hồ sơ cơ bản mà mọi người nên giữ. Phần này cũng cung cấp hướng dẫn về các loại hồ sơ cụ thể mà bạn nên giữ cho những mục nhất định.

Hồ sơ điện tử. Tất cả yêu cầu áp dụng cho sổ sách và hồ sơ bản cứng đồng thời áp dụng cho hệ thống lưu trữ điện tử duy trì sổ sách và hồ sơ thuế. Khi bạn thay thế sổ sách và hồ sơ bản cứng, bạn phải duy trì hệ thống lưu trữ điện tử trong khoảng thời gian cần thiết cho hoạt động quản lý luật thuế.

Để tìm hiểu chi tiết về yêu cầu đối với hệ thống lưu trữ điện tử, tham khảo Quy trình Thuế vụ 97-22, trên trang 9 của Bản tin Thuế vụ 1997-13 tại địa chỉ irs.gov/pub/irs-irbs/irb97-13.pdf (tiếng Anh).

Bản sao tờ khai thuế. Bạn nên giữ bản sao tờ khai thuế trong hồ sơ thuế của mình. Bản sao tờ khai thuế có thể giúp bạn chuẩn bị tờ khai thuế trong tương lai, và bạn sẽ cần tài liệu này nếu bạn nộp tờ khai được điều chỉnh hoặc khi bạn bị kiểm xét. Bản sao tờ khai thuế và những hồ sơ khác có thể hữu ích cho người còn sống, người thi hành hoặc người quản lý di sản của bạn.

Nếu cần, bạn có thể yêu cầu bản sao tờ khai thuế và tất cả các tài liệu đính kèm (bao gồm Mẫu W-2) từ IRS bằng cách sử dụng Mẫu 4506. Bạn phải trả phí để lấy bản sao tờ khai thuế. Để tìm hiểu thông tin về chi phí và nơi nộp, tham khảo Hướng dẫn cho Mẫu 4506.

Nếu bạn chỉ cần thông tin từ tờ khai thuế của mình, bạn có thể xin bản ghi theo một trong những cách sau.

- Truy cập tài khoản trực tuyến của bạn tại [IRS.gov/Account](https://irs.gov/Account).
- Truy cập [IRS.gov/Transcript](https://irs.gov/Transcript).
- Sử dụng Mẫu 4506-T hoặc Mẫu 4506T-EZ.
- Gọi 800-908-9946.

Không có lệ phí cho bản ghi. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 4506-T.

Hồ sơ cơ bản

Hồ sơ cơ bản là tài liệu mà mọi người nên giữ. Đây là những hồ sơ chứng minh thu nhập và chi phí của bạn. Nếu bạn sở hữu nhà hoặc các khoản đầu tư, hồ sơ cơ bản mà bạn nên giữ bao gồm những tài liệu liên quan đến các khoản mục đó.

Thu nhập. Hồ sơ cơ bản chứng minh số tiền bạn khai báo là thu nhập trên tờ khai thuế của mình. Thu nhập của bạn có thể bao gồm tiền lương, cổ tức, tiền lãi, và phân phối từ công ty hợp danh hoặc công ty S. Hồ sơ của bạn còn có thể chứng minh một số khoản nhất định không phải chịu thuế, ví dụ như tiền lãi được miễn thuế.

Ghi chú. Nếu bạn nhận được Mẫu W-2, giữ Bản sao C cho đến khi bạn bắt đầu nhận phúc lợi an sinh xã hội. Điều này sẽ giúp bảo vệ quyền lợi của bạn trong trường hợp có thắc mắc về hồ sơ việc làm hoặc thu nhập của bạn trong một năm cụ thể.

Chi phí. Hồ sơ cơ bản chứng minh các chi phí mà bạn yêu cầu khấu trừ (hoặc xin tín thuế) trên tờ khai thuế của mình. Các khoản khấu trừ của bạn có thể bao gồm tiền cấp dưỡng ly hôn, đóng góp từ thiện, lãi thế chấp và thuế bất động sản. Bạn còn có thể xin tín thuế cho chi phí giữ trẻ.

Nhà ở. Hồ sơ cơ bản cho phép bạn xác định giá gốc hoặc giá gốc được điều chỉnh của căn nhà. Bạn cần thông tin này để xác định liệu bạn có lãi hay lỗ khi bán nhà hoặc để tính khấu hao nếu bạn sử dụng một phần căn nhà của mình cho mục đích kinh doanh hoặc cho thuê. Hồ sơ của bạn phải thể hiện giá mua, chi phí quyết toán hoặc chi phí kết thúc cùng chi phí của bất kỳ cải tiến nào. Hồ sơ cũng có thể thể hiện bất kỳ tổn thất bất ngờ nào được khấu trừ và tiền bồi thường bảo hiểm cho những tổn thất bất ngờ này.

Để tìm hiểu thông tin chi tiết về giá gốc, bao gồm chi phí quyết toán hoặc chi phí kết thúc được tính vào căn nhà của bạn, tham khảo Ấn phẩm 551.

Khi bạn bán nhà, hồ sơ của bạn phải thể hiện giá bán và chi phí bán, ví dụ như hoa hồng. Để tìm hiểu thông tin về việc bán nhà, tham khảo Ấn phẩm 523.

Đầu tư. Hồ sơ cơ bản cho phép bạn xác định giá gốc của khoản đầu tư và liệu bạn có lãi hay lỗ khi thanh lý khoản đầu tư này. Các khoản đầu tư bao gồm cổ phiếu, trái phiếu và quỹ tương hỗ. Hồ sơ của bạn phải thể hiện giá mua, giá bán và hoa hồng. Hồ sơ còn có thể thể hiện các khoản cổ tức được tái đầu tư, chia tách cổ phiếu và cổ tức, phí bán và chiết khấu phát hành ban đầu (OID).

Để tìm hiểu thông tin về cổ phiếu, trái phiếu và quỹ tương hỗ, tham khảo Ấn phẩm 550 Ấn phẩm 551.

Bảng chứng thanh toán

Một trong những hồ sơ cơ bản cần giữ là bảng chứng thanh toán. Bạn nên giữ hồ sơ này để chứng

minh cho những số tiền nhất định ghi trên tờ khai thuế của bạn. Bảng chứng thanh toán không phải là bằng chứng cho thấy khoản mục yêu cầu của bạn được cho phép. Ngoài ra, bạn nên giữ những tài liệu khác giúp chứng minh khoản mục đó được cho phép.

Thông thường, bạn chứng minh việc thanh toán bằng biên lai tiền mặt, bảng sao kê tài khoản tài chính, bảng sao kê thẻ tín dụng, séc đã hủy hoặc séc thay thế. Nếu bạn thanh toán bằng tiền mặt, bạn sẽ nhận được biên lai ghi ngày tháng và có chữ ký cho biết số tiền và lý do thanh toán.

Nếu bạn thanh toán bằng tài khoản ngân hàng của mình, bạn có thể chứng minh việc thanh toán bằng bảng sao kê tài khoản.

Sao kê tài khoản. Bạn có thể chứng minh việc thanh toán bằng sao kê tài khoản tài chính hợp pháp do ngân hàng của bạn hoặc tổ chức tài chính khác lập.

Sao kê lương. Một số chi phí được khấu trừ có thể được khấu trừ từ lương của bạn, ví dụ như bảo phí bảo hiểm y tế. Bạn nên giữ bảng sao kê lương cuối năm hoặc cuối kỳ của mình để làm bằng chứng cho việc thanh toán những chi phí này.

Giữ hồ sơ trong bao lâu

Bạn phải lưu giữ hồ sơ cho đến khi những hồ sơ còn cần thiết cho công tác quản trị bất kỳ điều khoản nào của Bộ Luật Thuế vụ. Nói chung, quy định này có nghĩa là bạn phải lưu giữ hồ sơ hỗ trợ các khoản mục hiển thị trên tờ khai thuế của mình cho đến hết khoảng thời gian giới hạn cho tờ khai thuế đó.

Khoảng thời gian giới hạn là khoảng thời gian mà bạn có thể điều chỉnh tờ khai thuế của mình để yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế hoặc IRS có thể đánh thuế bổ sung. [Bảng 1-7](#) trình bày khoảng thời gian giới hạn áp dụng cho tờ khai thuế thu nhập. Trừ khi có quy định khác, các năm tham chiếu là khoảng thời gian bắt đầu sau khi tờ khai thuế được nộp. Tờ khai thuế nộp trước ngày đến hạn được coi là được nộp vào ngày đến hạn.

Bảng 1-7. Khoảng thời gian giới hạn

NẾU bạn...	THÌ khoảng thời gian là...
1 Nộp tờ khai và (2), (3) và (4) không áp dụng đối với bạn,	3 năm.
2 Không khai báo thu nhập mà bạn nên và điều này nhiều hơn 25% tổng thu nhập hiển thị trên tờ khai thuế của bạn,	6 năm.
3 Nộp tờ khai thuế gian lận,	Không giới hạn.
4 Không nộp tờ khai thuế,	Không giới hạn.
5 Nộp đơn yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế sau khi bạn nộp tờ khai thuế,	Thời điểm muộn hơn giữa 3 năm và 2 năm sau khi trả tiền thuế.
6 Nộp đơn xin xét lỗi từ chứng khoán vô giá trị hoặc khấu trừ nợ xấu,	7 năm.

Tài sản. Giữ hồ sơ liên quan đến tài sản cho đến hết khoảng thời gian giới hạn cho năm mà bạn thanh

lý tài sản theo diện chịu thuế. Bạn phải lưu giữ những hồ sơ này làm cơ sở tính toán lãi lỗ khi bạn bán hoặc thanh lý tài sản theo cách khác.

Nói chung, nếu bạn nhận được tài sản dưới hình thức trao đổi không chịu thuế, giá trị tài sản của bạn bằng giá trị tài sản mà bạn đã từ bỏ. Bạn phải lưu giữ hồ sơ về tài sản cũ, cũng như tài sản mới, cho đến hết khoảng thời gian giới hạn cho năm mà bạn thanh lý tài sản mới theo diện chịu thuế.

Thông tin hoàn thuế

Bạn có thể truy cập trực tuyến để kiểm tra tình trạng hoàn thuế năm 2024 24 giờ sau khi IRS nhận được tờ khai đã e-file của bạn hoặc 4 tuần sau khi bạn gửi tờ khai thuế bằng giấy qua đường bưu điện. Nếu bạn đã nộp Mẫu 8379 cùng với tờ khai thuế của mình, hãy đợi 14 tuần (11 tuần nếu bạn nộp tờ khai điện tử) trước khi kiểm tra tình trạng hoàn thuế của mình. Chuẩn bị sẵn bản sao tờ khai thuế năm 2024 vì bạn sẽ cần biết tư cách khai thuế, SSN đầu tiên hiển thị trên tờ khai thuế và số tiền hoàn thuế làm tròn chính xác. Để kiểm tra tiền hoàn thuế của bạn, thực hiện một trong các bước sau.

- Truy cập [IRS.gov/Refunds](https://irs.gov/Refunds).
- Tải ứng dụng IRS2Go miễn phí về điện thoại thông minh của bạn và sử dụng ứng dụng này để kiểm tra tình trạng hoàn thuế của bạn.
- Gọi đến đường dây nóng tự động về hoàn thuế theo số 800-829-1954.

Lãi trên tiền hoàn thuế

Nếu bạn được hoàn thuế, bạn có thể nhận được tiền lãi trên khoản tiền này. Lãi suất được điều chỉnh hàng quý.

Nếu việc hoàn thuế được thực hiện trong vòng 45 ngày sau ngày đến hạn nộp tờ khai thuế của bạn, bạn sẽ không được trả lãi. Nếu bạn nộp tờ khai thuế sau ngày đến hạn (bao gồm thời gian gia hạn), bạn sẽ không được trả lãi nếu việc hoàn thuế được thực hiện trong vòng 45 ngày sau ngày bạn nộp hồ sơ. Nếu việc hoàn thuế không được thực hiện trong khoảng thời gian 45 ngày trên, tiền lãi sẽ được trả kể từ ngày đến hạn nộp tờ khai thuế hoặc từ ngày bạn nộp hồ sơ, tùy ngày nào muộn hơn.

Chấp nhận séc hoàn thuế không thay đổi quyền yêu cầu hoàn thuế bổ sung và tiền lãi của bạn. Nộp đơn yêu cầu trong khoảng thời gian áp dụng. Xem [Tờ khai được điều chỉnh và yêu cầu hoàn thuế](#), ở phần sau. Nếu bạn không chấp nhận séc hoàn thuế, tiền lãi sẽ không được trả thêm cho khoản thanh toán vượt mức bao gồm trong séc.

Lãi trên tiền hoàn thuế sai sót. Tất cả hoặc một phần tiền lãi tính cho bạn do hoàn thuế sai thường sẽ được xóa bỏ. Tiền lãi được tính cho khoảng thời gian trước khi yêu cầu hoàn trả được thực hiện sẽ được xóa bỏ trừ khi:

1. Bạn, hoặc người có liên quan đến bạn, đã gây ra tình huống hoàn thuế sai theo bất kỳ cách nào; hoặc
2. Tiền hoàn thuế lớn hơn \$50.000.

Ví dụ. nếu bạn yêu cầu hoàn thuế \$100 trên tờ khai của mình, nhưng IRS đã sai sót và gửi cho bạn \$1.000, bạn sẽ không bị tính lãi cho khoảng thời gian giữ số tiền chênh lệch \$900. Tuy nhiên, bạn phải hoàn trả \$900 khi IRS yêu cầu.

Thay đổi địa chỉ

Nếu bạn đã chuyển đi, hãy khai thuế theo địa chỉ mới của mình.

Nếu bạn chuyển đi sau khi nộp tờ khai thuế, bạn cần cung cấp cho IRS thông tin rõ ràng và ngắn gọn về thông tin thay đổi địa chỉ của bạn. Thông báo có thể bằng văn bản, điện tử hoặc bằng miệng. Gửi thông báo bằng văn bản đến Trung tâm phục vụ của Sở Thuế vụ địa chỉ cũ của bạn. Bạn có thể dùng Mẫu 8822, Thay đổi địa chỉ. Nếu bạn đang đợi nhận tiền hoàn thuế, thông báo cho bưu điện phục vụ địa chỉ cũ của bạn. Điều này sẽ giúp chuyển tiếp séc đến địa chỉ mới của bạn (trừ khi bạn chọn ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế). Để biết thêm thông tin, xem Quy trình Thuế vụ 2010-16, 2010-19 I.R.B. 664, tại [IRS.gov/irb/2010-19_IRB/ar07.html](https://www.irs.gov/irb/2010-19_IRB/ar07.html) (tiếng Anh).

Đảm bảo ghi rõ SSN của bạn (cùng tên và SSN của vợ/chồng bạn nếu bạn khai thuế chung) trong thư từ gửi cho IRS.

Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi nhầm lẫn?

Sai sót có thể trì hoãn tiền hoàn thuế hoặc dẫn đến thông báo được gửi cho bạn. Nếu bạn phát hiện ra sai sót, bạn có thể nộp tờ khai được điều chỉnh hoặc yêu cầu hoàn thuế.

Tờ khai được điều chỉnh và Yêu cầu hoàn thuế

Bạn nên sửa đổi tờ khai thuế của mình nếu sau khi nộp, bạn nhận thấy rằng:

- 1. Bạn đã không khai báo một số khoản thu nhập,
- 2. Bạn yêu cầu khấu trừ hoặc tín thuế mà bạn không nên yêu cầu,
- 3. Bạn không yêu cầu khoản khấu trừ hoặc tín thuế mà bạn đáng ra có thể yêu cầu, hoặc
- 4. Bạn nên khai với tư cách khai thuế khác. (Sau khi bạn khai thuế chung, bạn không thể chọn nộp tờ khai thuế riêng cho năm đó sau ngày đến hạn nộp tờ khai thuế.) Tuy nhiên, người thi hành có thể thực hiện thay đổi này cho người vợ/chồng quá cố.)

Nếu bạn cần bản sao tờ khai thuế của mình, tham khảo phần [Bản sao tờ khai thuế](#) trong mục [Các loại hồ sơ cần lưu giữ](#), ở phần trước trong chương này.

Mẫu 1040-X. Sử dụng Mẫu 1040-X để sửa đổi tờ khai thuế mà bạn đã nộp.

Hoàn thành Mẫu 1040-X. Trên Mẫu 1040-X, nhập thu nhập, các khoản khấu trừ và tín thuế như bạn đã khai báo ban đầu trên tờ khai thuế; nội dung thay đổi cùng các khoản đã sửa đổi. Sau đó, tính thuế trên số thu nhập chịu thuế đã điều chỉnh và số tiền bạn nợ hoặc số tiền hoàn thuế của bạn.

Nếu bạn nợ thuế, IRS cung cấp một số tùy chọn thanh toán. Xem [Cách trả tiền](#), ở phần trên. Số thuế nợ sẽ không được khấu trừ vào bất kỳ số tiền nào bạn đã ghi có cho khoản thuế ước tính của mình.

Nếu bạn không thể trả toàn bộ số tiền đến hạn theo tờ khai thuế, bạn có thể đề nghị trả góp hàng tháng. Xem [Thỏa thuận trả góp](#), ở phần trên.

Nếu bạn đã nộp thừa tiền thuế, bạn có thể được hoàn trả toàn bộ hoặc một phần khoản thanh toán vượt mức, hoặc bạn có thể áp dụng tất cả hoặc một phần số tiền đó cho khoản thuế ước tính của mình. Nếu bạn chọn nhận tiền hoàn thuế, khoản tiền đó sẽ

được gửi riêng với khoản tiền hoàn thuế hiển thị trên tờ khai thuế ban đầu của bạn.

Nộp Mẫu 1040-X. Khi hoàn thành Mẫu 1040-X, đừng quên ghi rõ năm khai thuế ban đầu của bạn và giải thích tất cả những thay đổi mà bạn đã thực hiện. Đính kèm bất kỳ mẫu đơn hoặc bảng liệt kê nào cần thiết để giải trình nội dung thay đổi của bạn. Gửi Mẫu 1040-X tới Trung tâm Sở Thuế vụ phục vụ khu vực bạn hiện đang sống (theo Hướng dẫn cho Mẫu 1040-X). Tuy nhiên, nếu bạn nộp Mẫu 1040-X để phản hồi thông báo mà bạn nhận được từ IRS, hãy gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ trên thông báo.

Nộp một mẫu riêng cho mỗi năm thuế liên quan.

Bạn có thể nộp Mẫu 1040-X bằng điện tử để điều chỉnh Mẫu 1040 và 1040-SR cho năm hiện tại và hai năm trước đó. Để biết thêm thông tin, xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040-X.

Thời gian nộp yêu cầu hoàn thuế. Thông thường, bạn phải nộp yêu cầu tín thuế hoặc yêu cầu hoàn thuế trong vòng 3 năm sau ngày bạn nộp tờ khai thuế ban đầu hoặc trong vòng 2 năm sau ngày bạn trả thuế, tùy thời điểm nào muộn hơn. Tờ khai thuế nộp trước ngày đến hạn (không tính thời gian gia hạn) được coi là nộp vào ngày đến hạn (kể cả khi ngày đến hạn là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp). Khoảng thời gian này sẽ tạm dừng trong khi bạn [không có khả năng tài chính](#), nội dung này được thảo luận ở phần sau.

Nếu ngày cuối cùng để yêu cầu tín thuế hoặc yêu cầu hoàn thuế là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp, bạn có thể nộp đơn yêu cầu vào ngày làm việc tiếp theo.

Nếu bạn không nộp đơn yêu cầu trong khoảng thời gian này, bạn có thể không được nhận tín thuế hoặc tiền hoàn thuế.

Thiên tai được liên bang tuyên bố. Nếu bạn bị ảnh hưởng bởi một thiên tai được liên bang tuyên bố, bạn có thể có thêm thời gian để nộp tờ khai thuế được điều chỉnh. Xem Ấn phẩm 556 để biết chi tiết.

Yêu cầu hoàn thuế được bảo vệ. Nói chung, yêu cầu bảo vệ là yêu cầu chính thức hoặc tờ khai được điều chỉnh xin xét tín thuế hoặc yêu cầu hoàn thuế thường dựa trên tranh chấp pháp lý hiện tại hoặc những thay đổi dự kiến trong luật thuế hoặc luật khác. Bạn gửi yêu cầu bảo vệ khi quyền được hoàn thuế của bạn phụ thuộc vào sự kiện trong tương lai và có thể không xác định được cho đến khi hết thời hiệu. Yêu cầu bảo vệ hợp lệ không cần phải liệt kê số tiền cụ thể hoặc yêu cầu hoàn thuế ngay lập tức. Tuy nhiên, yêu cầu bảo vệ hợp lệ phải:

- Bằng văn bản và có chữ ký;
- Bao gồm tên, địa chỉ, SSN hoặc ITIN của bạn và những thông tin liên hệ khác;
- Xác định và mô tả tình huống bất thường ảnh hưởng đến đơn yêu cầu;
- Cảnh báo rõ ràng cho IRS về tính chất cơ bản của đơn yêu cầu; và
- Xác định (các) năm cụ thể yêu cầu hoàn thuế.

Gửi yêu cầu bảo vệ hoàn thuế của bạn đến địa chỉ được nêu trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040-X ở mục [Where To File \(Nộp ở đâu\)](#).

Nói chung, IRS sẽ trì hoãn hành động khi có yêu cầu bảo vệ cho đến khi tình huống bất thường được giải quyết.

Giới hạn số tiền hoàn thuế. Nếu bạn nộp đơn yêu cầu trong vòng 3 năm sau ngày bạn nộp tờ khai thuế, tín thuế và tiền hoàn thuế không thể nhiều hơn phần thuế đã trả trong khoảng thời gian 3 năm (cộng với thời gian gia hạn để khai thuế) ngay trước khi

bạn nộp yêu cầu. Khoảng thời gian này sẽ tạm dừng trong khi bạn [không có khả năng tài chính](#), nội dung này được thảo luận ở phần sau.

Thuế đã trả. Các khoản thanh toán, bao gồm cả các khoản thanh toán thuế ước tính, được thực hiện trước ngày đến hạn (không tính thời gian gia hạn) của tờ khai thuế ban đầu được coi là thanh toán vào ngày đến hạn. Ví dụ, thuế thu nhập khấu lưu trong năm được coi là đã thanh toán vào ngày đến hạn khai thuế, tức là ngày 15 tháng 4 đối với hầu hết người đóng thuế.

Ví dụ 1. Bạn đã thực hiện thanh toán thuế ước tính \$500 và được tự động gia hạn đến ngày 15 tháng 10, 2021 để nộp tờ khai thuế thu nhập năm 2020 của mình. Khi bạn khai thuế vào ngày đó, bạn trả thêm \$200 tiền thuế. Vào ngày 15 tháng 10, 2024, bạn nộp tờ khai thuế được điều chỉnh và yêu cầu hoàn lại \$700. Vì bạn đã nộp đơn yêu cầu trong vòng 3 năm sau khi bạn nộp tờ khai thuế ban đầu, bạn có thể được hoàn lại số tiền tối đa \$700, tiền thuế đã nộp trong vòng 3 năm cộng với thời gian gia hạn 6 tháng ngay trước khi bạn nộp đơn yêu cầu.

Ví dụ 2. Tình huống giống như ở *Ví dụ 1*, ngoại trừ bạn đã khai thuế vào ngày 30 tháng 10, 2021, 2 tuần sau khi thời gian gia hạn kết thúc. Bạn trả thêm \$200 vào ngày đó. Vào ngày 30 tháng 10, 2024, bạn nộp tờ khai được điều chỉnh và yêu cầu hoàn lại \$700. Mặc dù bạn đã nộp đơn yêu cầu trong vòng 3 năm kể từ ngày bạn nộp tờ khai thuế ban đầu, tiền hoàn thuế bị giới hạn ở mức \$200, tiền thuế đã nộp trong vòng 3 năm cộng với thời gian gia hạn 6 tháng ngay trước khi bạn nộp đơn yêu cầu. Khoản thuế ước tính \$500 đã nộp trước thời hạn đó sẽ không được hoàn lại hoặc ghi có.

Nếu bạn nộp đơn yêu cầu hơn 3 năm sau khi bạn khai thuế, tín thuế hoặc tiền hoàn thuế không thể nhiều hơn số thuế bạn đã nộp trong vòng 2 năm ngay trước khi bạn nộp đơn yêu cầu.

Ví dụ. Bạn nộp tờ khai thuế năm 2020 vào ngày 15 tháng 4, 2021. Bạn đã trả \$500 tiền thuế. Vào ngày 5 tháng 11, 2022, sau khi kiểm tra tờ khai thuế năm 2020, bạn phải trả thêm \$200 tiền thuế. Vào ngày 12 tháng 5, 2024, bạn gửi yêu cầu hoàn lại \$300. Tuy nhiên, vì bạn đã nộp đơn yêu cầu hơn 3 năm sau khi bạn khai thuế, tiền hoàn thuế bị giới hạn ở mức \$200 mà bạn đã nộp trong 2 năm ngay trước khi bạn nộp đơn yêu cầu.

Không có khả năng tài chính. Khoảng thời gian để yêu cầu hoàn thuế sẽ tạm dừng trong khoảng thời gian bạn không có khả năng tài chính. Đối với tờ khai thuế thu nhập chung, chỉ cần vợ hoặc chồng không có khả năng tài chính trong thời gian tạm dừng. Bạn không có khả năng tài chính khi bạn không thể quản lý các vấn đề tài chính của mình do suy giảm thể chất hoặc tinh thần có thể xác định được về mặt y tế có thể dẫn đến tử vong hoặc tình trạng này đã kéo dài hoặc có thể kéo dài trong khoảng thời gian liên tục không dưới 12 tháng. Tuy nhiên, bạn không được coi là không có khả năng tài chính trong bất kỳ khoảng thời gian nào mà vợ/chồng của bạn hoặc bất kỳ người nào khác được ủy quyền thay mặt bạn trong các vấn đề tài chính.

Để xin xét tình trạng không có khả năng tài chính, bạn phải gửi những văn bản dưới đây cùng với yêu cầu hoàn thuế của bạn.

1. Tuyên bố từ bác sĩ đủ tư cách của bạn nêu rõ:
 - a. Tên và mô tả về tình trạng suy giảm thể chất hoặc tinh thần của bạn;

- b. Ý kiến y tế của bác sĩ cho biết tình trạng suy giảm đã ngăn cản bạn quản lý các vấn đề tài chính của mình;
- c. Ý kiến y tế của bác sĩ cho biết tình trạng suy giảm này đã hoặc có thể dẫn đến tử vong, hoặc tình trạng này đã kéo dài, hoặc có thể kéo dài, ít nhất 12 tháng;
- d. Khoảng thời gian cụ thể (theo hiểu biết tốt nhất của bác sĩ); và
- e. Xác nhận sau do bác sĩ ký: "I hereby certify that, to the best of my knowledge and belief, the above representations are true, correct, and complete. (Tôi xin xác nhận rằng, theo hiểu biết và niềm tin của tôi, những tuyên bố trên là đúng, chính xác và đầy đủ.)"

2. Tuyên bố của người ký tên yêu cầu xét tin thuế hoặc hoàn thuế rằng không ai, kể cả vợ/chồng của bạn, được ủy quyền thay mặt bạn trong các vấn đề tài chính trong khoảng thời gian bạn không có khả năng tài chính (hoặc ngày chính xác mà một người được ủy quyền thay mặt bạn).

Ngoại lệ đối với các trường hợp hoàn thuế đặc biệt. Nếu bạn nộp đơn yêu cầu một khoản mục trong danh sách sau, quy định về ngày và hạn mức được thảo luận ở phần trên có thể không áp dụng. Những khoản mục này và nơi tìm hiểu thêm thông tin như sau.

- Nợ xấu. Xem Ấn phẩm 550.
- Chứng khoán không có giá trị. Xem Ấn phẩm 550.
- Thuế nước ngoài đã trả hoặc tích lũy. Xem Ấn phẩm 514.
- Chuyển lồi lỗ hoạt động rỗng. Xem Mẫu 172 và Hướng dẫn cho Mẫu 172.
- Chuyển lồi một số tín thuế kinh doanh. Xem Mẫu 3800.
- Yêu cầu dựa trên thỏa thuận với IRS về gia hạn thời gian định mức thuế.

Xử lý yêu cầu hoàn thuế. Yêu cầu hoàn thuế thường được xử lý trong 8-12 tuần sau khi yêu cầu được nộp. Yêu cầu của bạn có thể được chấp nhận là đã nộp, không được cho phép hoặc phải kiểm tra. Nếu yêu cầu được kiểm tra, thủ tục giống như khi kiểm tra tờ khai thuế sẽ được thực hiện.

Nếu yêu cầu của bạn không được cho phép, bạn sẽ nhận được giải thích về lý do không cho phép.

Đệ trình yêu cầu của bạn ra tòa. Bạn có thể kiện đòi tiền hoàn thuế trước tòa, nhưng trước tiên bạn phải nộp đơn khiếu nại kịp thời tới IRS. Nếu IRS từ chối yêu cầu của bạn hoặc không xử lý yêu cầu của bạn trong vòng 6 tháng sau khi bạn nộp đơn, bạn có thể đệ trình yêu cầu của mình ra tòa. Để tìm hiểu thông tin về nghĩa vụ chứng minh trong thủ tục tố tụng tại tòa án, tham khảo Ấn phẩm 556.

IRS cung cấp phương thức trực tiếp để chuyển yêu cầu của bạn ra tòa nếu:

- Bạn đang nộp đơn yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế chỉ dựa trên thuế thu nhập tranh chấp hoặc các vấn đề về thuế bất động sản hoặc thuế đã tặng được xem xét trong các tờ khai thuế đã kiểm tra trước đây của bạn và
- Bạn muốn đưa vụ việc của mình ra tòa thay vì kháng nghị trong IRS.

Khi bạn nộp đơn khiếu nại tới IRS, bạn sẽ được sử dụng phương thức trực tiếp bằng cách gửi yêu

cầu bằng văn bản đề nghị từ chối ngay lập tức khiếu nại của bạn. Thông báo về việc không cho phép khiếu nại sẽ được gửi cho bạn.

Bạn có 2 năm kể từ ngày gửi thông báo không cho phép khiếu nại để nộp đơn kiện đòi tiền hoàn thuế tại Tòa án Quận có thẩm quyền của Hoa Kỳ hoặc tại Tòa án Khu vực Liên bang Hoa Kỳ.

Tiền lãi từ tiền hoàn thuế. Nếu bạn nhận được tiền hoàn thuế do tờ khai được điều chỉnh, tiền lãi sẽ được trả trên số tiền này kể từ ngày đến hạn của tờ khai thuế ban đầu hoặc ngày bạn nộp tờ khai thuế ban đầu, tùy ngày nào muộn hơn, cho đến ngày bạn nộp tờ khai được điều chỉnh. Tuy nhiên, nếu việc hoàn thuế không được thực hiện trong vòng 45 ngày sau khi bạn nộp tờ khai được điều chỉnh, tiền lãi sẽ được trả cho đến ngày tiền hoàn thuế được thanh toán.

Giảm tiền hoàn thuế. Tiền hoàn thuế của bạn có thể giảm bởi nợ thuế bổ sung áp dụng đối với bạn.

Ngoài ra, tiền hoàn thuế của bạn có thể giảm bởi số tiền nợ thuế liên bang quá hạn, thuế thu nhập tiểu bang, nợ bồi thường thất nghiệp của tiểu bang, tiền cấp dưỡng cho con cái, tiền cấp dưỡng cho vợ/chồng hoặc các khoản nợ liên bang phi thuế khác, ví dụ như các khoản vay sinh viên. Nếu vợ/chồng bạn nợ những khoản này, tham khảo phần [Bù trừ các khoản nợ](#) trong mục *Hoàn thuế*, ở trên để nắm được quy trình hoàn thuế chính xác.

Ảnh hưởng đến nợ thuế tiểu bang. Nếu tờ khai thuế của bạn thay đổi vì bất kỳ lý do gì, thay đổi này có thể ảnh hưởng đến nợ thuế thu nhập tiểu bang của bạn. Điều này bao gồm những thay đổi được thực hiện do IRS kiểm tra tờ khai thuế của bạn. Liên hệ cơ quan thuế tiểu bang để tìm hiểu thêm thông tin.

Hình phạt

Luật pháp quy định các hình phạt đối với hành vi không khai thuế hoặc trả thuế theo yêu cầu.

Hình phạt dân sự

Nếu bạn không khai thuế và trả thuế trước ngày đến hạn, bạn có thể phải trả tiền phạt. Bạn cũng có thể phải trả tiền phạt nếu bạn khai thấp đáng kể tiền thuế của mình, khai thấp một giao dịch phải khai báo, nộp đơn yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thuế có sai sót, nộp tờ khai thuế phi phẩm hoặc không cung cấp SSN hoặc ITIN của bạn. Nếu bạn cung cấp thông tin gian lận khi khai thuế, bạn có thể phải trả tiền phạt gian lận dân sự.

Nộp trễ. Nếu bạn không nộp tờ khai thuế trước ngày đến hạn (bao gồm thời gian gia hạn), bạn có thể phải trả tiền phạt do không khai thuế. Mức phạt thường là 5% cho mỗi tháng hoặc một phần của tháng chậm nộp tờ khai thuế, nhưng không quá 25%. Hình phạt được tính trên số tiền thuế chưa thanh toán tại ngày đến hạn (không tính thời gian gia hạn).

Gian lận. Nếu việc bạn không nộp tờ khai thuế là do gian lận, hình phạt là 15% cho mỗi tháng hoặc một phần của tháng chậm nộp tờ khai thuế, tối đa là 75%.

Tờ khai muộn hơn 60 ngày. Nếu bạn nộp tờ khai thuế của mình hơn 60 ngày sau ngày đến hạn hoặc ngày đến hạn đã được gia hạn, mức phạt tối thiểu là số tiền nhỏ hơn của \$510 hoặc 100% số tiền thuế chưa thanh toán.

Ngoại lệ. Bạn sẽ không phải trả tiền phạt nếu bạn có thể chứng minh rằng bạn không nộp tờ khai thuế đúng hạn vì lý do chính đáng chứ không phải do cố ý bỏ qua.

Trả thuế trễ. Bạn sẽ phải trả tiền phạt do không trả thuế bằng 1/2 của 1% (0,50%) số tiền thuế chưa thanh toán của bạn cho mỗi tháng hoặc một phần của tháng, sau ngày đến hạn mà khoản thuế đó chưa được thanh toán. Hình phạt này không áp dụng trong thời gian tự động gia hạn 6 tháng để nộp tờ khai thuế nếu bạn đã thanh toán ít nhất 90% nợ thuế thực tế của mình vào hoặc trước ngày đến hạn khai thuế và thanh toán số nợ còn lại khi bạn nộp tờ khai thuế.

Mức phạt hàng tháng do không trả thuế bằng một nửa mức thông thường (0,25% thay vì 0,50%) nếu thỏa thuận trả góp có hiệu lực cho tháng đó. Bạn phải nộp tờ khai thuế trước ngày đến hạn (bao gồm thời gian gia hạn) để đủ điều kiện được giảm hình phạt này.

Nếu thông báo về ý định áp thuế được ban hành, mức phạt sẽ tăng lên 1% vào đầu tháng đầu tiên bắt đầu ít nhất 10 ngày sau ngày thông báo được ban hành. Nếu thông báo và yêu cầu thanh toán ngay lập tức được phát hành, mức phạt sẽ tăng lên 1% vào đầu tháng đầu tiên bắt đầu sau ngày thông báo và yêu cầu được ban hành.

Hình phạt không được nhiều hơn 25% số tiền thuế chưa thanh toán của bạn. Bạn sẽ không phải trả tiền phạt nếu bạn có thể chứng minh rằng bạn có lý do chính đáng khi không trả tiền thuế đúng hạn.

Hình phạt tổng hợp. Nếu cả hình phạt do không nộp tờ khai thuế và không trả tiền thuế (thảo luận ở trên) áp dụng trong bất kỳ tháng nào, mức phạt 5% (hoặc 15%) do không nộp tờ khai thuế được giảm xuống bằng mức phạt do không trả tiền thuế. Tuy nhiên, nếu bạn nộp tờ khai thuế của mình hơn 60 ngày sau ngày đến hạn hoặc ngày đến hạn đã được gia hạn, mức phạt tối thiểu là số tiền nhỏ hơn của \$510 hoặc 100% số tiền thuế chưa thanh toán.

Hình phạt liên quan đến tính chính xác. Bạn có thể phải trả tiền phạt liên quan đến tính chính xác nếu bạn trả thuế ít hơn vì:

1. Bạn thể hiện sự sơ suất hoặc coi thường các quy tắc hoặc quy định,
2. Bạn khai thấp đáng kể thuế thu nhập của mình,
3. Bạn yêu cầu quyền lợi về thuế cho một giao dịch thiếu bản chất kinh tế, hoặc
4. Bạn không khai báo tài sản tài chính nước ngoài.

Hình phạt là 20% số tiền thanh toán thiếu. Hình phạt là 40% đối với bất kỳ phần nào của khoản thanh toán thiếu nào liên quan đến giao dịch không có bản chất kinh tế không được khai báo hoặc giao dịch tài sản tài chính nước ngoài không được khai báo. Hình phạt sẽ không được tính trên bất kỳ phần nào của khoản thanh toán thiếu mà hình phạt do gian lận (thảo luận ở phần sau) được tính.

Sơ suất hoặc coi thường. Thuật ngữ "sơ suất" bao gồm việc không thực hiện một nỗ lực hợp lý để tuân thủ luật thuế hoặc thể hiện mức độ thận trọng thông thường và hợp lý khi chuẩn bị tờ khai thuế. Sơ suất cũng bao gồm việc không lưu giữ đầy đủ sổ sách và hồ sơ. Bạn sẽ không phải trả tiền phạt do sơ suất nếu bạn có cơ sở hợp lý cho lập trường của mình.

Thuật ngữ "coi thường" bao gồm hành vi coi thường có tính chất bất cần, thiếu thận trọng hoặc cố ý.

Tiết lộ thỏa đáng. Bạn có thể tránh được hình phạt do coi thường các quy tắc hoặc quy định nếu bạn tiết lộ thỏa đáng trên tờ khai thuế về lập trường có cơ sở hợp lý. Xem [Tuyên bố tiết lộ](#), ở phần sau.

Trường hợp ngoại lệ này sẽ không áp dụng cho khoản mục gắn với việc tránh thuế. Ngoài ra, quy tắc này sẽ không áp dụng nếu bạn không giữ sổ sách và hồ sơ thỏa đáng, hoặc không thể chứng minh các khoản mục một cách hợp lý.

Khai báo thấp đáng kể thuế thu nhập. Bạn khai thấp thuế của mình nếu thuế ghi trên tờ khai thuế của bạn thấp hơn số thuế chính xác. Mức khai thấp được coi là đáng kể nếu cao hơn mức lớn hơn của 10% số thuế chính xác hoặc \$5.000. Tuy nhiên, số tiền khai thấp có thể giảm xuống nếu việc khai thấp là do:

1. Thăm quyền đáng kể, hoặc
2. Tiết lộ thỏa đáng và cơ sở hợp lý.

Nếu một khoản mục trên tờ khai thuế của bạn gắn với việc tránh thuế, sẽ không có giảm trừ cho việc tiết lộ thỏa đáng. Tuy nhiên, sẽ có giảm trừ cho lập trường với thăm quyền đáng kể, nhưng chỉ khi bạn có cơ sở hợp lý để tin rằng cách xử lý thuế của bạn có nhiều khả năng là đúng chứ không phải là cách xử lý không chính xác.

Thăm quyền đáng kể. Việc có hay đã có thăm quyền đáng kể cho cách xử lý thuế đối với một khoản mục phụ thuộc vào sự kiện thực tế và hoàn cảnh. Một số khoản mục có thể được xem xét là ý kiến của tòa án, quy định của Bộ Tài chính, quy định thuế vụ, quy trình thuế vụ và các thông báo và tuyên bố do IRS ban hành và được xuất bản trong Bản Tin Thuế Vụ liên quan đến các trường hợp giống hoặc tương tự như của bạn.

Tuyên bố tiết lộ. Để tiết lộ thỏa đáng thông tin liên quan về cách xử lý thuế của bạn đối với một khoản mục, sử dụng Mẫu 8275. Bạn cũng phải có cơ sở hợp lý để xử lý khoản mục này theo cách bạn đã làm.

Trong các trường hợp chỉ khai thấp đáng kể, các khoản mục đáp ứng yêu cầu của Quy trình Thuế vụ 2023-40 (hoặc cập nhật mới hơn) được coi là tiết lộ thỏa đáng trên tờ khai thuế của bạn mà không cần nộp Mẫu 8275.

Sử dụng Mẫu 8275-R để tiết lộ các khoản mục hoặc lập trường trái với quy định.

Giao dịch thiếu bản chất kinh tế. Để biết thêm thông tin về bản chất kinh tế, xem đoạn 7701(o).

Tài sản tài chính nước ngoài. Để biết thêm thông tin về các tài sản tài chính nước ngoài chưa tiết lộ, xem đoạn 6662(j).

Nguyên nhân hợp lý. Bạn sẽ không phải trả tiền phạt nếu bạn đưa ra nguyên nhân chính đáng (nguyên nhân hợp lý) cho cách xử lý một khoản mục của bạn. Bạn cũng phải chứng minh rằng bạn đã hành động một cách thiện chí. Quy tắc này không áp dụng đối với giao dịch thiếu bản chất kinh tế.

Nộp đơn yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thuế có sai sót. Bạn có thể phải trả tiền phạt nếu bạn gửi yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thuế có sai sót. Mức phạt bằng 20% số tiền không được phép của yêu cầu, trừ khi bạn có thể trình bày cơ sở hợp lý cho cách xử lý một khoản mục của bạn. Tuy nhiên, số tiền không được cho phép do giao dịch thiếu bản chất kinh tế sẽ không được coi là có cơ sở hợp lý. Hình phạt sẽ không được tính trên bất kỳ phần nào của số tiền không được cho phép của yêu cầu liên quan đến tín thuế thu nhập kiểm tra được hoặc là cơ sở để tính tiền phạt liên quan đến tính chính xác hoặc do gian lận.

Nộp tờ khai thuế phụ phẩm. Bạn có thể phải trả tiền phạt là \$5.000 nếu bạn nộp tờ khai thuế phụ phẩm hoặc các bản đệ trình phụ phẩm khác. Tờ khai thuế phụ phẩm là tờ khai không bao gồm đủ thông tin để tính thuế chính xác hoặc chứa thông tin cho thấy rõ ràng rằng thuế được khai báo là không chính xác. Để biết thêm thông tin về tờ khai thuế phụ phẩm, bản đệ trình phụ phẩm và danh sách những lập trường được xác định là phụ phẩm, xem Thông báo 2010-33, 2010-17 I.R.B. 609, tại [IRS.gov/irb/2010-17_IRB/ar13.html](#) (tiếng Anh).

Bạn sẽ phải trả tiền phạt nếu bạn nộp tờ khai thuế hoặc bản đệ trình thuộc loại này trên cơ sở lập trường phụ phẩm hoặc mong muốn trì hoãn hoặc can thiệp vào công tác quản lý luật thuế liên bang. Điều này bao gồm việc thay đổi hoặc gạch đi ngôn ngữ in sẵn phía trên khoảng trống dành cho chữ ký của bạn.

Hình phạt này được bổ sung vào bất kỳ hình phạt nào khác do pháp luật quy định.

Gian lận. Nếu có khoản tiền thuế thanh toán thiếu trên tờ khai thuế của bạn là do gian lận, thì mức phạt 75% số tiền thuế thanh toán thiếu do gian lận sẽ được cộng vào thuế của bạn.

Tờ khai thuế chung. Hình phạt gian lận khi khai thuế chung không áp dụng cho người vợ/chồng trừ khi một phần của khoản thanh toán thiếu là do người vợ/chồng đó gian lận.

Không cung cấp SSN. Nếu bạn không cung cấp SSN của mình hoặc SSN của người khác khi được yêu cầu trên tờ khai, bản báo cáo hoặc tài liệu khác, bạn sẽ phải chịu khoản tiền phạt \$50 cho mỗi lần không cung cấp. Bạn cũng sẽ phải chịu khoản tiền phạt \$50 nếu bạn không cung cấp SSN của mình cho người khác khi được yêu cầu trong tờ khai thuế, bản báo cáo hoặc tài liệu khác.

Ví dụ, nếu bạn có tài khoản ngân hàng thu lãi, bạn phải cung cấp SSN của mình cho ngân hàng. Số này phải được ghi trên Mẫu 1099-INT hoặc bản báo cáo khác mà ngân hàng gửi cho bạn. Nếu bạn không cung cấp cho ngân hàng SSN của mình, bạn sẽ phải trả khoản tiền phạt \$50. (Bạn cũng có thể phải chịu khấu lưu “dự phòng” thuế thu nhập. Xem [chương 4](#).)

Bạn sẽ không phải trả tiền phạt nếu bạn có thể chứng minh rằng việc không cung cấp là do nguyên nhân hợp lý và không phải do cố ý bỏ qua.

Hình phạt hình sự

Bạn có thể bị truy tố hình sự (đưa ra xét xử) vì những hành vi như:

1. Trốn thuế;
2. Cố ý không nộp tờ khai thuế, không cung cấp thông tin hoặc không trả thuế đến hạn;
3. Gian lận và khai báo sai sự thật;
4. Chuẩn bị và nộp tờ khai thuế gian lận; hoặc
5. Trộm cắp danh tính.

Trộm cắp danh tính

Trộm cắp danh tính xảy ra khi ai đó sử dụng thông tin cá nhân của bạn như tên, SSN hoặc thông tin nhận diện khác mà không có sự cho phép của bạn, để thực hiện hành vi gian lận hoặc các hành vi tội phạm khác. Kẻ trộm cắp danh tính có thể sử dụng SSN của bạn để tìm việc làm hoặc nộp tờ khai thuế bằng SSN của bạn để nhận tiền hoàn thuế.

Để giảm rủi ro cho bạn:

- Bảo vệ SSN của bạn,
- Đảm bảo chủ lao động bảo vệ SSN của bạn và
- Thận trọng khi chọn người khai thuế chuyên nghiệp.

Nếu hồ sơ thuế của bạn bị ảnh hưởng bởi hành vi trộm cắp danh tính và bạn nhận được thông báo từ IRS, hãy phản hồi ngay lập tức tới tên và số điện thoại in trên thông báo hoặc thư của IRS.

Nếu SSN của bạn đã bị mất hoặc bị đánh cắp hoặc bạn nghi ngờ mình là nạn nhân của hành vi trộm cắp danh tính liên quan đến thuế, truy cập [IRS.gov/IdentityTheft](#) để tìm hiểu những bước bạn nên thực hiện.

Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 5027.

TIP Tất cả người đóng thuế đủ điều kiện để được cấp Mã số cá nhân bảo vệ danh tính (IP PIN). Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 5477. Để nộp đơn xin IP PIN, truy cập [IRS.gov/IPPIN](#) và sử dụng công cụ Lấy IP PIN.

Nạn nhân của hành vi trộm cắp danh tính đang chịu tổn hại về kinh tế hoặc gặp phải vấn đề có tính chất hệ thống hoặc đang tìm kiếm trợ giúp để giải quyết những vấn đề về thuế chưa được giải quyết thông qua các kênh thông thường, có thể đủ điều kiện nhận được trợ giúp của Dịch vụ Biện hộ Người đóng thuế (TAS). Bạn có thể liên hệ với TAS bằng cách gọi cho đường dây trợ giúp của Dịch vụ Biện hộ Người đóng thuế Quốc gia theo số 877-777-4778 hoặc 800-829-4059 (TTY/TDD). Người bị diếc hoặc khiếm thính cũng có thể liên hệ với IRS thông qua Dịch vụ Viễn thông chuyển tiếp (TRS), có sẵn tại [FCC.gov/TRS](#).

Bảo vệ bạn khỏi các email đáng ngờ hoặc những âm mưu mồi chài. Mồi chài là việc tạo và sử dụng email và trang web được thiết kế bắt chước email và trang web kinh doanh hợp pháp. Hình thức phổ biến nhất là hành động gửi email đến người dùng giả mạo là một doanh nghiệp hợp pháp có tiếng để lừa người dùng cung cấp thông tin cá nhân sẽ được sử dụng để trộm cắp danh tính.

IRS không bắt đầu liên hệ với người đóng thuế qua email. Ngoài ra, IRS không yêu cầu thông tin cá nhân chi tiết qua email hoặc yêu cầu người đóng thuế cung cấp PIN, mật khẩu hoặc thông tin truy cập bí mật tương tự cho thẻ tín dụng, ngân hàng hoặc tài khoản tài chính khác.

Nếu bạn nhận được một email không mong muốn tự xưng là từ IRS, hãy chuyển tiếp thư về địa chỉ [phishing@irs.gov](#). Bạn cũng có thể báo cáo hành vi sử dụng sai mục đích tên, biểu tượng, mẫu đơn hoặc tài sản khác của IRS cho Tổng Thanh tra của Bộ Tài chính về Điều hành thuế vụ theo số điện thoại miễn phí 800-366-4484. Bạn có thể chuyển tiếp các email đáng ngờ tới Ủy ban Thương mại Liên bang (FTC) theo địa chỉ [spam@uce.gov](#) hoặc báo cáo tại [ftc.gov/complaint](#) (tiếng Anh). Bạn có thể liên hệ theo địa chỉ [ftc.gov/idtheft](#) (tiếng Anh) hoặc gọi 877-IDTHEFT (877-438-4338). Nếu bạn là nạn nhân của hành vi trộm cắp danh tính, tham khảo [IdentityTheft.gov](#) (tiếng Anh) hoặc Ấn phẩm 5027. Người bị diếc, khiếm thính, hoặc khuyết tật nói và có thể sử dụng thiết bị TTY/TDD, gọi theo số 866-653-4261.

Truy cập [IRS.gov/IDProtection](#) để tìm hiểu thêm về hành vi trộm cắp danh tính và cách giảm thiểu rủi ro của bạn.

Tư cách khai thuế

Giới thiệu

Chương này giúp bạn xác định tư cách khai thuế để sử dụng. Có năm tư cách khai thuế.

- Độc thân.
- Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế.
- Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.
- Chủ gia đình.
- Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện.



Nếu có nhiều tư cách khai thuế áp dụng với bạn, chọn tư cách khai thuế nào sẽ cho bạn mức thuế thấp nhất.

Bạn phải xác định tư cách khai thuế của mình trước khi có thể xác định liệu bạn có phải khai thuế hay không ([chương 1](#)), mức khấu trừ tiêu chuẩn ([chương 10](#)) và các khoản thuế ([chương 11](#)). Bạn còn sử dụng tư cách khai thuế của mình để xác định liệu bạn có đủ điều kiện yêu cầu một số khoản khấu trừ và tín thuế nhất định hay không.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- ☐ **3** Hướng dẫn về thuế cho Lực lượng Vũ trang
- ☐ **501** Người phụ thuộc, khấu trừ tiêu chuẩn và thông tin khai thuế
- ☐ **503** Chi phí chăm sóc Trẻ em và Người phụ thuộc
- ☐ **519** Hướng dẫn thuế Hoa Kỳ cho Người nước ngoài
- ☐ **555** Tài sản chung
- ☐ **559** Người còn lại, Người thi hành, và Người quản lý
- ☐ **596** Tín thuế Thu nhập kiểm được
- ☐ **925** Quy tắc về các hoạt động thụ động và rủi ro
- ☐ **971** Miễn cho Vợ/Chồng vô can

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms](https://www.irs.gov/Forms) (tiếng Anh).

Tình trạng hôn nhân

Nhìn chung, tư cách khai thuế của bạn phụ thuộc vào việc bạn được coi là chưa kết hôn hay đã kết hôn.

Người chưa kết hôn. Bạn được coi là chưa kết hôn trong cả năm nếu, vào ngày cuối cùng của năm tính thuế, bạn:

- Chưa kết hôn, hoặc
- Đã ly thân hợp pháp với vợ/chồng của bạn theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh bảo dưỡng ly thân.

Luật của tiểu bang quản lý việc bạn đã kết hôn hay ly thân hợp pháp theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh bảo dưỡng ly thân của bạn.

Định nghĩa của hôn nhân. Hôn nhân của hai cá nhân được công nhận cho mục đích thuế liên bang nếu hôn nhân được tiểu bang hoặc lãnh thổ của Hoa Kỳ nơi diễn ra hôn nhân công nhận, bất kể nơi cư trú hợp pháp. Hai cá nhân tham gia vào mối quan hệ được coi là hôn nhân theo luật của một khu vực tài phán nước ngoài hoặc một bộ tộc người Mỹ bản địa được công nhận là đã kết hôn cho mục đích thuế liên bang nếu mối quan hệ đó được công nhận là hôn nhân theo luật của ít nhất một tiểu bang hoặc lãnh thổ của Hoa Kỳ, bất kể nơi cư trú hợp pháp. Những cá nhân đã tham gia vào quan hệ đối tác trong nước đã đăng ký, liên minh dân sự hoặc mối quan hệ tương tự khác không được coi là hôn nhân theo luật của tiểu bang hoặc lãnh thổ của Hoa Kỳ nơi diễn ra mối quan hệ đó không được coi là đã kết hôn hợp pháp cho mục đích thuế liên bang, bất kể nơi cư trú hợp pháp. Xem [Coi như đã kết hôn](#), tiếp theo.

Người đã ly hôn. Nếu bạn ly hôn theo án lệnh cuối cùng vào ngày cuối cùng của năm, bạn được coi là chưa kết hôn trong cả năm.

Ly hôn và tái hôn. Nếu bạn ly hôn với mục đích duy nhất là để nộp tờ khai thuế với tư cách cá nhân chưa kết hôn, đồng thời tại thời điểm ly hôn bạn dự định và trên thực tế tái hôn trong năm thuế tiếp theo, bạn và vợ/chồng của bạn phải nộp tờ khai thuế với tư cách là cá nhân đã kết hôn trong cả hai năm.

Hôn nhân bị hủy bỏ. Nếu bạn nhận được lệnh hủy bỏ của tòa án, trong đó đưa ra phán quyết rằng hôn nhân hợp lệ không tồn tại, bạn được coi là chưa kết hôn kể cả khi bạn đã khai thuế chung trong những năm trước đó. Nộp Mẫu 1040-X, Tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho Cá nhân được điều chỉnh, khai với tư cách độc thân hoặc chủ gia đình cho tất cả những năm thuế bị ảnh hưởng bởi lệnh hủy bỏ và chưa hết thời hiệu nộp tờ khai thuế. Thông thường, đối với tín thuế và hoàn thuế, bạn phải nộp Mẫu 1040-X trong vòng 3 năm (bao gồm thời gian gia hạn) sau ngày bạn nộp tờ khai thuế ban đầu hoặc trong vòng 2 năm sau ngày bạn trả tiền thuế, tùy thời điểm nào muộn hơn. Nếu bạn nộp tờ khai thuế ban đầu sớm (ví dụ vào ngày 1 tháng 3), tờ khai thuế của bạn được coi là nộp vào ngày đến hạn (thường là ngày 15 tháng 4). Tuy nhiên, nếu bạn được gia hạn thời gian nộp tờ khai thuế (ví dụ: đến ngày 15 tháng 10) nhưng bạn đã nộp sớm hơn và chúng tôi nhận được vào ngày 1 tháng 7, tờ khai thuế của bạn được coi là nộp vào ngày 1 tháng 7.

Chủ gia đình hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện. Nếu bạn được coi là chưa kết hôn, bạn có thể nộp tờ khai thuế với tư cách khai thuế chủ gia đình hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện. Xem mục [Chủ gia đình](#) và [Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện](#), ở phần sau để tìm hiểu liệu bạn có đủ tiêu chuẩn hay không.

Người đã kết hôn. Nếu bạn được coi là đã kết hôn, bạn và vợ/chồng của bạn có thể khai thuế chung hoặc khai thuế riêng.

Coi như đã kết hôn. Bạn được coi là đã kết hôn trong cả năm nếu, vào ngày cuối cùng của năm thuế, bạn và vợ/chồng của bạn đáp ứng một trong các thử thách sau.

1. Bạn đã kết hôn và sống chung.
2. Bạn sống chung dưới hình thức hôn nhân theo thông luật được công nhận ở tiểu bang nơi

bạn đang sống hoặc ở tiểu bang mà hôn nhân theo thông luật bắt đầu.

3. Bạn đã kết hôn và sống xa nhau, nhưng không ly thân hợp pháp theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh bảo dưỡng ly thân.
4. Bạn đang ly thân theo lệnh cho phép ly hôn tạm thời (chưa phải cuối cùng).

Vợ/chồng qua đời trong năm. Nếu vợ/chồng của bạn qua đời trong năm, bạn được coi là đã kết hôn trong cả năm cho mục đích xác định tư cách khai thuế.

Nếu bạn không tái hôn trước khi kết thúc năm thuế, bạn có thể khai thuế chung cho mình và người vợ/chồng đã qua đời của mình. Trong 2 năm tiếp theo, bạn có thể được hưởng các quyền lợi đặc biệt được mô tả ở phần sau trong mục [Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện](#).

Nếu bạn tái hôn trước khi kết thúc năm thuế, bạn có thể khai thuế chung với người vợ/chồng mới của mình. Tư cách khai thuế của người vợ/chồng đã qua đời của bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế cho năm đó.

Người đã kết hôn sống xa nhau. Nếu bạn sống xa vợ/chồng của mình và đáp ứng một số thử thách nhất định, bạn có thể nộp tờ khai thuế với tư cách khai thuế là chủ gia đình kể cả khi bạn chưa ly hôn hoặc ly thân hợp pháp. Nếu bạn đủ điều kiện nộp tờ khai thuế với tư cách khai thuế là chủ gia đình thay vì vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, mức khấu trừ tiêu chuẩn của bạn sẽ cao hơn. Ngoài ra, mức thuế của bạn có thể thấp hơn và bạn có thể yêu cầu tín thuế thu nhập kiểm được (EIC). Xem mục [Chủ gia đình](#) ở phần sau.

Độc thân

Tư cách khai thuế của bạn là độc thân nếu bạn được coi là chưa kết hôn và bạn không đủ điều kiện sử dụng tư cách khai thuế khác. Để xác định tình trạng hôn nhân của bạn, tham khảo mục [Tình trạng hôn nhân](#) ở phần trên.

Người vợ/chồng qua đời trước ngày 1 tháng 1, 2024. Tư cách khai thuế của bạn có thể là độc thân nếu vợ/chồng của bạn qua đời trước ngày 1 tháng 1, 2024 và không tái hôn trước cuối năm 2024. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng tư cách khai thuế khác mà sẽ cho bạn mức thuế thấp hơn. Xem mục [Chủ gia đình](#) và [Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện](#) ở phần sau để tìm hiểu liệu bạn có đủ tiêu chuẩn hay không.

Cách nộp tờ khai thuế. Trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, khai báo tư cách khai thuế độc thân của bạn bằng cách đánh dấu vào ô "Single (Độc thân)" ở dòng *Filing Status (Tư cách khai thuế)* gần trên đầu của mẫu. Sử dụng cột *Độc thân* của Bảng Thuế, hoặc Phần A của Bảng tính Thuế để tính thuế của bạn.

Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế

Bạn có thể chọn tư cách khai thuế vợ chồng khai chung hồ sơ thuế nếu bạn được coi là đã kết hôn và cả bạn và vợ/chồng của bạn đồng ý nộp tờ khai thuế chung. Khi khai thuế chung, bạn và vợ/chồng của bạn khai báo thu nhập kết hợp và khấu trừ chi phí kết hợp được phép của hai vợ/chồng. Bạn có thể khai thuế chung kể cả khi một trong hai người không có thu nhập hoặc các khấu trừ.

Nếu bạn và vợ/chồng của bạn quyết định khai thuế chung, thuế của bạn có thể thấp hơn tổng thuế cho các tư cách khai thuế khác. Ngoài ra, mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của bạn (nếu bạn không khấu trừ từng khoản) có thể cao hơn và bạn có thể đủ điều kiện nhận những lợi ích thuế không áp dụng cho các tư cách khai thuế khác.

Cách nộp tờ khai thuế. Trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, khai báo tư cách khai thuế vợ chồng khai chung hồ sơ thuế của bạn bằng cách đánh dấu vào ô “Married filing jointly (Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế)” ở dòng *Filing Status (Tư cách khai thuế)* gần trên đầu của mẫu. Sử dụng cột *Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế* của Bảng Thuế, hoặc Phần B của Bảng tính Thuế để tính thuế của bạn.

TIP Nếu bạn và vợ/chồng của bạn đều có thu nhập, bạn có thể tính thuế của mình trên cả tờ khai thuế chung và tờ khai thuế riêng (sử dụng tư cách khai thuế vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế). Bạn có thể chọn phương pháp cung cấp cho hai vợ/chồng mức thuế kết hợp thấp hơn trừ khi được yêu cầu khai riêng.

Vợ/chồng qua đời. Nếu vợ/chồng của bạn qua đời trong năm, bạn được coi là đã kết hôn trong cả năm và có thể chọn tư cách khai thuế là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế. Xem phần [Vợ/chồng qua đời trong năm](#), trong mục *Người đã kết hôn*, ở trên để tìm hiểu thêm thông tin.

Nếu vợ/chồng của bạn qua đời trong năm 2025 trước khi nộp tờ khai thuế năm 2024, bạn có thể chọn tư cách khai thuế là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế trên tờ khai thuế năm 2024 của mình.

Người đã ly hôn. Nếu bạn ly hôn theo án lệnh cuối cùng vào ngày cuối cùng của năm, bạn được coi là chưa kết hôn trong cả năm đó và bạn không thể chọn tư cách khai thuế vợ chồng khai chung hồ sơ thuế.

Nộp tờ khai thuế chung

Cả hai bạn và vợ/chồng của bạn phải bao gồm tất cả thu nhập và các khoản khấu trừ trên tờ khai thuế chung.

Chu kỳ kế toán. Cả hai người phải sử dụng cùng một chu kỳ kế toán nhưng có thể sử dụng các phương pháp kế toán khác nhau. Xem [Chu kỳ kế toán](#) và [Phương pháp kế toán](#) ở chương 1.

Trách nhiệm chung. Cả hai người có thể phải chịu trách nhiệm chung và riêng biệt đối với tiền thuế, tiền lãi hoặc tiền phạt phải trả trên tờ khai thuế chung. Điều này có nghĩa là nếu một người vợ/chồng không trả tiền thuế đáo hạn, người còn lại có thể phải trả. Hoặc, nếu một người vợ/chồng không khai báo thuế chính xác, cả hai vợ chồng có thể phải chịu trách nhiệm đóng thuế bổ sung theo định mức của IRS. Một người vợ/chồng có thể phải chịu trách nhiệm đối với tất cả tiền thuế phải trả kể cả trong trường hợp tất cả thu nhập là của người kia.

Bạn có thể muốn nộp tờ khai thuế riêng nếu:

- Bạn tin rằng vợ/chồng của bạn không khai báo hết toàn bộ thu nhập của họ, hoặc
- Bạn không muốn chịu trách nhiệm đối với số thuế phải trả nếu vợ/chồng của bạn không có đủ thuế đã khấu trừ hoặc không nộp đủ thuế ước tính.

Người đóng thuế đã ly hôn. Bạn có thể phải chịu trách nhiệm chung và riêng biệt đối với tiền thuế, tiền lãi và tiền phạt phải trả trên tờ khai thuế chung trước khi ly hôn. Trách nhiệm này có thể áp

dụng ngay cả khi lệnh cho phép ly hôn của bạn phán quyết rằng vợ/chồng cũ của bạn sẽ chịu trách nhiệm về bất kỳ số tiền nào phải trả trên các tờ khai thuế chung đã nộp trước đó.

Miễn trách nhiệm chung. Trong một số trường hợp, một người vợ/chồng có thể được giảm trách nhiệm chung về thuế, tiền lãi và tiền phạt trên tờ khai thuế chung cho các mục đã khai báo sai trong tờ khai thuế chung của người kia. Bạn có thể yêu cầu miễn bất kể số nợ nhỏ đến đâu.

Có ba hình thức được miễn.

- Miễn cho vợ/chồng vô can.
- Phân tách số nợ (chỉ áp dụng cho người nộp tờ khai thuế chung mà người vợ/chồng kia đã qua đời, hoặc đã ly hôn, ly thân hợp pháp, hoặc không sống cùng nhau trong 12 tháng tính đến ngày nộp lựa chọn miễn này).
- Miễn công bằng.

Bạn phải nộp Mẫu 8857, Yêu cầu miễn cho Người vợ/chồng vô can, để yêu cầu miễn trách nhiệm chung. Ấn phẩm 971 giải thích các hình thức miễn và đối tượng đủ điều kiện để được.

Ký tờ khai thuế chung. Để tờ khai thuế được coi là tờ khai thuế chung, cả hai vợ/chồng thường phải ký tên trên tờ khai.

Vợ/chồng qua đời trước khi ký. Nếu vợ/chồng của bạn qua đời trước khi ký tên trên tờ khai thuế, người thi hành hoặc người quản lý phải ký tên vào tờ khai thuế cho vợ/chồng của bạn. Nếu bạn hoặc người khác chưa được chỉ định làm người thi hành hoặc người quản lý, bạn có thể ký tên vào tờ khai thuế cho vợ/chồng của mình đồng thời điền “Filing as surviving spouse (Nộp đơn với tư cách là người vợ/chồng còn lại)” ở phần ký tên trên hồ sơ.

Vợ/chồng vắng nhà. Nếu vợ/chồng bạn vắng nhà, bạn cần chuẩn bị tờ khai thuế, ký tên và gửi cho vợ/chồng của bạn ký để có thể nộp đúng hạn.

Thương tích hoặc bệnh tật ngăn cản việc ký tên. Nếu vợ/chồng của bạn không thể ký tên do bệnh tật hoặc thương tích và yêu cầu bạn ký thay cho họ, bạn có thể ký tên của người vợ/chồng của bạn vào khoảng trống thích hợp trên tờ khai thuế sau đó ghi “By (Bởi) (tên của bạn), Spouse (Vợ/Chồng).” Đảm bảo ký vào đúng khoảng trống dành cho chữ ký của bạn. Gửi bản tường trình có ghi ngày và có chữ ký của bạn kèm theo tờ khai thuế. Bản tường trình phải ghi rõ số mẫu của tờ khai thuế mà bạn đang nộp, năm thuế và lý do vợ/chồng của bạn không thể ký tên đồng thời phải nêu rõ rằng vợ/chồng của bạn đã đồng ý để bạn ký thay họ.

Ký tên với tư cách là người giám hộ của vợ/chồng. Nếu bạn là người giám hộ cho vợ/chồng không đủ năng lực về tinh thần, bạn có thể ký tờ khai thuế cho vợ/chồng của bạn với tư cách là người giám hộ.

Vợ/chồng ở khu vực chiến sự. Bạn có thể ký tờ khai thuế chung cho vợ/chồng của bạn nếu vợ/chồng của bạn không thể ký do họ đang phục vụ trong khu vực chiến sự (ví dụ như Khu vực Vịnh Ba Tư, Serbia, Montenegro, Albania hoặc Afghanistan), kể cả trong trường hợp bạn không có giấy ủy quyền hoặc tuyên bố khác. Gửi bản tường trình có chữ ký giải thích rằng vợ/chồng của bạn đang phục vụ trong khu vực chiến sự kèm theo tờ khai thuế. Để biết thêm thông tin về các quy tắc thuế đặc biệt áp dụng với những người đang phục vụ trong khu vực chiến sự hoặc những người đang ở tình trạng mất tích khi

phục vụ trong khu vực chiến sự, tham khảo Ấn phẩm 3.

Giấy ủy quyền. Để bạn có thể ký tờ khai thuế cho vợ/chồng của bạn trong bất kỳ trường hợp nào trong số này, bạn phải gửi giấy ủy quyền (POA) cho phép bạn ký thay vợ/chồng của mình kèm theo tờ khai thuế. Bạn có thể sử dụng POA nêu rõ rằng bạn được ủy quyền ký tờ khai thuế hoặc bạn có thể sử dụng Mẫu 2848. Phần I của Mẫu 2848 phải nêu rõ rằng bạn được ủy quyền ký tờ khai thuế.

Người nước ngoài tạm trú hoặc người nước ngoài có tình trạng kép. Nói chung, một cặp vợ/chồng đã kết hôn không thể nộp tờ khai thuế chung nếu một trong hai người là người nước ngoài tạm trú tại bất kỳ thời điểm nào trong năm thuế. Tuy nhiên, nếu vợ hoặc chồng là người nước ngoài tạm trú hoặc người nước ngoài có tình trạng kép đã kết hôn với công dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú tại thời điểm cuối năm, hai vợ chồng có thể chọn nộp tờ khai thuế chung. Nếu bạn nộp tờ khai thuế chung, bạn và vợ/chồng của bạn đều được coi là thường trú nhân Hoa Kỳ trong cả năm thuế. Tham khảo chương 1 của Ấn phẩm 519.

Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế

Bạn có thể chọn tư cách khai thuế là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế khi bạn đã kết hôn. Tư cách khai thuế này có thể có lợi cho bạn nếu bạn chỉ muốn chịu trách nhiệm đối với số thuế của riêng bạn hoặc nếu tư cách khai thuế này dẫn tới mức thuế thấp hơn so với khi khai thuế chung.

Nếu bạn và vợ/chồng của bạn không đồng ý khai thuế chung, bạn phải sử dụng tư cách khai thuế này trừ khi bạn đủ tiêu chuẩn sử dụng tư cách khai thuế chủ gia đình, nội dung này sẽ được thảo luận ở phần sau.

Bạn có thể chọn tư cách khai thuế là chủ gia đình nếu bạn được coi là chưa kết hôn vì bạn sống xa vợ/chồng đồng thời đáp ứng một số thử thách nhất định (trình bày trong mục [Chủ gia đình](#) ở phần sau). Quy tắc này có thể áp dụng với bạn kể cả khi bạn chưa ly hôn hoặc ly hôn hợp pháp. Nếu bạn đủ điều kiện nộp tờ khai thuế với tư cách khai thuế là chủ gia đình, thay vì vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, mức thuế của bạn có thể thấp hơn, bạn có thể yêu cầu EIC và một số quyền lợi khác, đồng thời mức khấu trừ tiêu chuẩn của bạn sẽ cao hơn. Tư cách khai thuế là chủ gia đình cho phép bạn chọn áp dụng mức khấu trừ tiêu chuẩn kể cả khi vợ/chồng của bạn chọn khấu trừ từng khoản. Xem mục [Chủ gia đình](#) ở phần sau để tìm hiểu thêm thông tin.

TIP Bạn thông thường sẽ trả nhiều thuế kết hợp trên các tờ khai riêng lẻ hơn là bạn trả cho một tờ khai chung vì những lý do được liệt kê trong [Quy tắc đặc biệt](#) ở phần sau. Tuy nhiên, trừ trường hợp bạn được yêu cầu khai thuế riêng, bạn nên tính thuế theo cả hai cách (khai thuế chung và khai thuế riêng). Bằng cách này, bạn có thể đảm bảo rằng mình đang sử dụng tư cách khai thuế dẫn đến mức thuế kết hợp thấp nhất. Khi tính thuế kết hợp của một cặp vợ/chồng, bạn có thể cần xem xét thuế tiểu bang cũng như thuế liên bang.

Cách nộp tờ khai thuế. Nếu bạn khai thuế riêng, bạn thường chỉ khai báo thu nhập, tín thuế và khấu trừ của riêng mình.

Chọn tư cách khai thuế này bằng cách đánh dấu vào ô “Married filing separately (Vợ chồng khai riêng

hồ sơ thuế)” trên dòng *Filing Status (Tư cách khai thuế)* ở gần đầu Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Điền tên đầy đủ của vợ/chồng bạn và SSN hoặc ITIN vào ô trống ở cuối phần *Filing Status (Tư cách khai thuế)*. Nếu vợ/chồng của bạn không có và không bắt buộc phải có SSN hoặc ITIN, hãy điền “NRA” vào chỗ trống dành cho SSN của vợ/chồng bạn. Sử dụng cột *Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế* của Bảng Thuế, hoặc Phần C của Bảng tính Thuế, để tính thuế của bạn.

Quy tắc đặc biệt

Nếu bạn chọn tư cách khai thuế vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, các quy tắc đặc biệt sau sẽ được áp dụng. Do những quy tắc đặc biệt này, mức thuế bạn phải trả trên tờ khai thuế riêng thường cao hơn mức thuế với tư cách khai thuế khác mà bạn đủ điều kiện sử dụng.

- Thuế suất của bạn thường cao hơn so với tờ khai thuế chung.
- Số tiền miễn trừ để tính thuế tối thiểu thay thế của bạn bằng một nửa số tiền cho phép trên tờ khai thuế chung.
- Bạn không thể nhận tín thuế cho các chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc trong hầu hết các trường hợp, và số tiền bạn có thể loại trừ từ thu nhập theo chương trình hỗ trợ chăm sóc người phụ thuộc của chủ lao động sẽ giới hạn ở mức \$2.500 (thay vì mức \$5.000 áp dụng cho tờ khai thuế chung). Tuy nhiên, nếu bạn sống ly thân hợp pháp hoặc sống xa vợ/chồng, bạn có thể nộp tờ khai thuế riêng và vẫn được nhận tín thuế này. Để tìm hiểu thêm thông tin về các khoản chi phí, tín thuế và loại trừ này, xem *What's Your Filing Status? (Tư cách khai thuế của bạn là gì?)* trong Ấn phẩm 503.
- Bạn không thể xin EIC trừ khi bạn có một trẻ đủ điều kiện và đáp ứng một số yêu cầu nhất định khác. Xem Ấn phẩm 596.
- Trong hầu hết các trường hợp, bạn không thể xin loại trừ hoặc tín thuế cho chi phí nhận con nuôi.
- Bạn không thể xin tín thuế giáo dục (tín thuế cơ hội người Mỹ và tín thuế học tập trọn đời) hoặc khấu trừ lãi vay sinh viên.
- Bạn không thể loại trừ khỏi thu nhập tiền lãi trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện mà bạn đã sử dụng cho các chi phí giáo dục đại học.
- Nếu bạn đã sống cùng vợ/chồng của bạn tại bất kỳ thời điểm nào trong năm:
 - Bạn không thể yêu cầu tín thuế dành cho người cao niên hay người bị khuyết tật, và
 - Bạn phải tính phúc lợi an sinh xã hội hoặc phúc lợi hưu trí đường sắt tương đương mà bạn nhận được vào thu nhập với tỷ lệ cao hơn (tối đa 85%).
- Các khoản tín thuế và khấu trừ dưới đây sẽ giảm theo mức thu nhập và bằng một nửa so với mức áp dụng trong tờ khai thuế chung.
 - Tín thuế trẻ em và tín thuế dành cho những người phụ thuộc khác.
 - Tín thuế đóng góp cho tiết kiệm hưu trí.
- Giới hạn khấu trừ tiền lãi vốn của bạn là \$1.500 (thay vì \$3.000 áp dụng với tờ khai thuế chung).

- Nếu vợ/chồng của bạn khấu trừ từng khoản, bạn không thể yêu cầu khấu trừ tiêu chuẩn. Nếu bạn có thể yêu cầu khấu trừ tiêu chuẩn, khấu trừ tiêu chuẩn cơ bản của bạn bằng một nửa số tiền được cho phép đối với tờ khai thuế chung.

Giới hạn tổng thu nhập được điều chỉnh (AGI)
Nếu AGI của bạn trên tờ khai thuế riêng thấp hơn so với mức trên tờ khai thuế chung, bạn có thể khấu trừ số tiền lớn hơn đối với một số khoản khấu trừ bị AGI giới hạn, ví dụ như chi phí y tế.

Quỹ hưu trí cá nhân (IRA). Bạn không thể khấu trừ tất cả hoặc một phần tiền đóng góp vào IRA truyền thống nếu bạn hoặc vợ/chồng của bạn đã tham gia chương trình hưu trí dành cho nhân viên tại nơi làm việc trong năm. Mức khấu trừ của bạn sẽ giảm hoặc bị loại bỏ nếu thu nhập của bạn nhiều hơn một số tiền nhất định. Số tiền này thấp hơn nhiều đối với những cá nhân đã kết hôn nộp tờ khai thuế riêng và sống cùng nhau tại bất kỳ thời điểm nào trong năm. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem mục [Bạn có thể khấu trừ bao nhiêu](#) ở chương 9.

Lỗ từ hoạt động cho thuê. Nếu bạn tích cực tham gia hoạt động cho thuê bất động sản thụ động dẫn đến thua lỗ, bạn thường có thể khấu trừ tiền lỗ từ thu nhập không thụ động của mình với mức tối đa \$25.000. Khoản khấu trừ này được gọi là special allowance (phụ cấp đặc biệt). Tuy nhiên, những người đã kết hôn nộp tờ khai thuế riêng sống cùng nhau tại bất kỳ thời điểm nào trong năm không thể yêu cầu phụ cấp đặc biệt này. Những người đã kết hôn nộp tờ khai thuế riêng sống xa nhau tại mọi thời điểm trong năm được phép nhận khoản phụ cấp đặc biệt tối đa \$12.500 cho khoản lỗ từ hoạt động bất động sản thụ động. Xem *Rental Activities (Hoạt động cho thuê)* trong Ấn phẩm 925 để biết thêm thông tin.

Tiểu bang có tài sản chung. Nếu bạn sống tại tiểu bang có tài sản chung và nộp tờ khai thuế riêng, thu nhập của bạn có thể được coi là thu nhập riêng hoặc thu nhập chung cho các mục đích liên quan đến thuế thu nhập. Các tiểu bang có tài sản chung bao gồm Arizona, California, Idaho, Louisiana, Nevada, New Mexico, Texas, Washington, và Wisconsin. Tham khảo Ấn phẩm 555 để tìm hiểu thêm thông tin.

Tờ khai thuế chung sau Tờ khai thuế riêng

Bạn có thể thay đổi tư cách khai thuế của mình từ tờ khai thuế riêng thành tờ khai thuế chung bằng cách nộp tờ khai thuế đã sửa đổi bằng cách sử dụng Mẫu 1040-X.

Thông thường, bạn có thể đổi sang tư cách khai thuế chung bất kỳ lúc nào trong vòng 3 năm kể từ ngày đáo hạn tờ khai thuế riêng. Thời hạn này không bao gồm thời gian gia hạn. Tờ khai thuế riêng bao gồm tờ khai thuế do bạn hoặc vợ/chồng của bạn nộp sử dụng tư cách khai thuế vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, độc thân hoặc chủ gia đình.

Tờ khai thuế riêng sau Tờ khai thuế chung

Sau khi bạn khai thuế chung, bạn không thể chọn nộp tờ khai thuế riêng cho năm đó sau ngày đến hạn nộp tờ khai thuế.

Trường hợp ngoại lệ. Đại diện cá nhân cho người quá cố có thể thay đổi từ tư cách khai thuế chung do người vợ/chồng còn lại lựa chọn thành tư cách khai thuế riêng cho người quá cố. Đại diện cá nhân có 1

năm kể từ ngày đến hạn tờ khai thuế (bao gồm thời gian gia hạn) để thực hiện thay đổi. Xem Ấn phẩm 559 để tìm hiểu thêm thông tin về việc nộp tờ khai thuế cho người quá cố.

Chủ gia đình

Bạn có thể khai thuế với tư cách chủ gia đình nếu bạn đáp ứng tất cả những yêu cầu sau.

- Bạn chưa kết hôn hoặc được coi là chưa kết hôn vào ngày cuối cùng của năm. Xem mục [Tình trạng hôn nhân](#) ở phần trên, và [Được coi là chưa kết hôn](#) ở phần sau.
- Bạn đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở trong năm.
- Một người đủ điều kiện đã sống trong nhà với bạn hơn nửa năm (trừ trường hợp vắng mặt tạm thời, ví dụ như đi học). Tuy nhiên, nếu người đủ điều kiện là cha/mẹ phụ thuộc của bạn thì cha/mẹ phụ thuộc không nhất thiết phải sống với bạn. Xem [Quy tắc đặc biệt dành cho cha/me](#) ở phần sau, trong mục [Người đủ điều kiện](#).

TIP Nếu bạn đủ điều kiện nộp tờ khai thuế với tư cách chủ gia đình, mức thuế của bạn thường sẽ thấp hơn mức thuế áp dụng với tư cách khai thuế độc thân hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế. Bạn cũng sẽ nhận được mức khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn so với mức khấu trừ áp dụng nếu bạn nộp tờ khai thuế theo tình trạng độc thân hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.

Cách nộp tờ khai thuế . Chọn tư cách khai thuế của bạn bằng cách đánh dấu vào ô “Head of household (Chủ gia đình)” trên dòng *Filing Status (Tư cách khai thuế)* ở gần đầu Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Nếu đưa trẻ giúp bạn đủ điều kiện sử dụng tư cách khai thuế này không được khai báo là người phụ thuộc của bạn trong phần *Dependents (Người phụ thuộc)* của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điền tên trẻ vào khoảng trống ở cuối phần *Filing Status (Tư cách khai thuế)*. Sử dụng cột *Chủ gia đình* của Bảng Thuế, hoặc Phần D của Bảng tính Thuế để tính thuế của bạn.

Được coi là chưa kết hôn

Để đủ điều kiện sử dụng tư cách khai thuế chủ gia đình, bạn phải chưa kết hôn hoặc được coi là chưa kết hôn vào ngày cuối cùng của năm. Bạn được coi là chưa kết hôn vào ngày cuối cùng của năm thuế nếu bạn đáp ứng tất cả các thử thách sau.

- Bạn nộp tờ khai thuế riêng. Tờ khai thuế riêng bao gồm tờ khai thuế sử dụng tư cách khai thuế vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, độc thân hoặc chủ gia đình.
- Bạn đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở trong năm thuế.
- Vợ/chồng của bạn đã không sống trong nhà của bạn trong 6 tháng cuối cùng của năm thuế. Vợ/chồng của bạn được coi là sống trong nhà của bạn kể cả khi vợ/chồng của bạn tạm thời vắng mặt vì hoàn cảnh đặc biệt. Xem [Vắng mặt tạm thời](#) trong mục [Người đủ điều kiện](#) ở phần sau.
- Nhà của bạn là nơi ở chính của con, con kể hoặc con nuôi của bạn trong hơn nửa năm. (Xem [Nhà của người đủ điều kiện](#) trong mục [Người đủ điều kiện](#) ở phần sau để tìm hiểu các

Bảng tính 2-1. Chi phí duy trì nhà ở

Lưu giữ cho hồ sơ của bạn

	Số tiền bạn đã trả	Tổng chi phí
Thuế bất động sản	\$	\$
Chi phí lãi vay thế chấp		
Tiền thuê		
Phí tiện ích		
Sửa chữa/Bảo trì		
Bảo hiểm tài sản		
Thực phẩm ăn ở nhà		
Các chi phí gia đình khác		
Tổng cộng	\$	\$
Trừ tổng số tiền bạn đã trả		()
Số tiền người khác đã trả		\$

Nếu tổng số tiền bạn đã trả nhiều hơn số tiền người khác đã trả, bạn đáp ứng yêu cầu trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở.

Quy tắc áp dụng cho trẻ sinh ra, qua đời hoặc vắng mặt tạm thời trong năm.)

5. Bạn phải có thể khai trẻ là người phụ thuộc. Tuy nhiên, bạn đáp ứng thử thách này nếu bạn không thể khai trẻ là người phụ thuộc chỉ vì người cha/mẹ không giám hộ có thể khai trẻ là người phụ thuộc bằng cách sử dụng các quy tắc được mô tả ở phần [Con của cha/mẹ đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha/mẹ sống xa nhau\)](#) trong mục [Trẻ đủ điều kiện](#) ở chương 3, hoặc được nhắc tới trong phần [Thử thách hỗ trợ đối với con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha mẹ sống xa nhau\)](#) trong mục [Thân nhân thách hỗ trợ đối với con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha mẹ sống xa nhau\)](#) ở chương 3. Các quy tắc chung để khai báo trẻ là người phụ thuộc được giải thích ở chương 3.

Bạn có thể được coi là chưa kết hôn cho mục đích sử dụng tư cách chủ gia đình chứ không phải cho các mục đích khác, chẳng hạn như yêu cầu EIC. Các thử thách khác nhau được áp dụng tùy thuộc vào lợi ích thuế mà bạn yêu cầu.



Nếu bạn được coi là đã kết hôn trong một phần của năm và sống tại [tiểu bang có tài sản chung](#) (được liệt kê ở phần trên trong mục [Vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế](#)), các quy tắc đặc biệt có thể áp dụng khi xác định thu nhập và chi phí của bạn. Xem Ấn phẩm 555 để biết thêm thông tin.

Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú. Bạn được coi là chưa kết hôn cho mục đích xác định tình trạng chủ gia đình nếu vợ/chồng của bạn là người nước ngoài tạm trú tại bất kỳ thời điểm nào trong năm và bạn không chọn coi vợ/chồng tạm trú của mình là người nước ngoài thường trú. Tuy nhiên, vợ/chồng của bạn không phải là người đủ điều kiện cho mục đích xác định tình trạng chủ gia đình. Bạn phải có một người đủ điều kiện khác đồng thời đáp ứng các thử thách khác để đủ điều kiện nộp đơn với tư cách chủ gia đình.

Lựa chọn coi vợ/chồng là thường trú nhân. Bạn được coi là đã kết hôn nếu bạn chọn coi vợ/chồng của mình là người nước ngoài thường trú. Tham khảo chương 1 của Ấn phẩm 519.

Duy trì nhà ở

Để đủ điều kiện sử dụng tư cách khai thuế chủ gia đình, bạn phải trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở trong năm. Bạn có thể xác định liệu bạn đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở hay chưa bằng cách sử dụng [Bảng tính 2-1](#).

Chi phí bạn cần tính vào. Tính vào chi phí duy trì nhà ở, ví dụ như tiền thuê nhà, lãi vay thế chấp, thuế bất động sản, bảo hiểm cho ngôi nhà, sửa chữa, tiện ích và thực phẩm ăn ở nhà.

Chi phí bạn không tính vào. Không tính chi phí quần áo, giáo dục, điều trị y tế, nghỉ dưỡng, bảo hiểm nhân thọ hay di lại. Ngoài ra không tính giá trị các dịch vụ của bạn hoặc của một thành viên trong gia đình bạn.

Người đủ điều kiện

Xem [Bảng 2-1](#) để tìm hiểu về người đủ điều kiện. Bất kỳ người nào không được mô tả trong [Bảng 2-1](#) không phải là người đủ điều kiện.

Ví dụ 1 - Trẻ em. Trẻ chưa kết hôn sống với bạn cả năm và 18 tuổi vào cuối năm. Trẻ của bạn không tự cung cấp hơn một nửa số tiền cấp dưỡng cho bản thân và không đáp ứng các thử thách để trở thành trẻ đủ điều kiện của bất kỳ ai khác. Vì vậy, trẻ này là trẻ đủ điều kiện của bạn (tham khảo mục [Trẻ đủ điều kiện](#) ở chương 3) và, bởi vì trẻ này còn độc thân, là người đủ điều kiện của bạn cho mục đích chủ gia đình.

Ví dụ 2 - Trẻ không phải là người đủ điều kiện. Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 1](#), ngoại trừ trẻ của bạn 25 tuổi vào cuối năm và tổng thu nhập của trẻ là \$6.000. Vì trẻ không đáp ứng [thử thách tuổi tác](#) (được giải thích trong mục [Trẻ đủ điều kiện](#) ở chương 3), trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của bạn. Vì trẻ không đáp ứng [thử thách tổng thu nhập](#) (được giải thích trong mục [Thân nhân đủ điều kiện](#) ở chương 3), trẻ không phải là thân nhân đủ điều kiện của bạn. Vì vậy, trẻ không là người đủ điều kiện của bạn cho mục đích chủ gia đình.

Ví dụ 3 - Bạn. Bạn của bạn đã sống với bạn cả năm. Mặc dù bạn của bạn có thể là thân nhân đủ điều kiện của bạn nếu đáp ứng thử thách tổng thu nhập và hỗ trợ (được giải thích ở chương 3), bạn của bạn không phải là người đủ điều kiện của bạn cho mục đích chủ gia đình vì bạn của bạn không có quan hệ với bạn theo một trong những cách được liệt kê trong mục [Thân nhân không nhất thiết phải sống với bạn](#) ở chương 3. Xem [Bảng 2-1](#).

Ví dụ 4 - Con của bạn. Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 3](#), ngoại trừ đứa trẻ 10 tuổi của bạn của bạn cũng sống với bạn cả năm. Trẻ của bạn của bạn không phải là trẻ đủ điều kiện của bạn và vì trẻ này là trẻ đủ điều kiện của bạn của bạn, trẻ của bạn của bạn không phải là thân nhân đủ điều kiện của bạn (tham khảo mục [Thử thách không phải trẻ đủ điều kiện](#) ở chương 3). Vì vậy, trẻ của bạn của bạn không phải là người đủ điều kiện của bạn cho mục đích chủ gia đình.

Nhà của người đủ điều kiện. Thông thường, người đủ điều kiện phải sống với bạn hơn nửa năm.

Quy tắc đặc biệt dành cho cha/mẹ. Nếu người đủ điều kiện của bạn là cha/mẹ của bạn, bạn có thể đủ điều kiện nộp tờ khai với tư cách chủ gia đình kể cả khi cha/mẹ của bạn không sống với bạn. Tuy nhiên, bạn phải có thể khai cha/mẹ mình là người phụ thuộc. Ngoài ra, bạn phải trả hơn một nửa chi phí duy trì ngôi nhà là nơi ở chính trong cả năm cho cha/mẹ mình.

Nếu bạn trả hơn một nửa chi phí cho cha/mẹ ở nhà an dưỡng hoặc nhà dành cho người cao niên, bạn được coi là đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nơi ở chính cho cha/mẹ của bạn.

Qua đời hoặc sinh ra. Bạn có thể đủ điều kiện khai thuế với tư cách chủ gia đình kể cả khi cá nhân giúp bạn đủ điều kiện sử dụng tư cách khai thuế này được sinh ra hoặc qua đời trong năm. Nếu cá nhân đó là trẻ đủ điều kiện của bạn, thì trẻ phải sống với bạn hơn một thời gian mà trẻ còn sống. Nếu cá nhân đó là bất kỳ ai khác, tham khảo Ấn phẩm 501 để biết thêm thông tin.

Vắng mặt tạm thời. Bạn và người đủ điều kiện của bạn được coi là sống cùng nhau kể cả khi một hoặc cả hai người tạm thời vắng mặt ở nhà vì những hoàn cảnh đặc biệt, ví dụ như bệnh tật, giáo dục, kinh doanh, nghỉ dưỡng, nghĩa vụ quân sự hoặc bị giam giữ trong cơ sở dành cho trẻ vị thành niên. Bạn phải có thể giả định hợp lý rằng người vắng mặt sẽ trở về nhà sau thời gian tạm vắng. Bạn phải tiếp tục duy trì nhà ở trong thời gian vắng mặt.

Trẻ được nhận nuôi hoặc nuôi tạm. Bạn có thể đủ điều kiện để khai với tư cách là chủ gia đình nếu người đủ điều kiện của bạn cho tư cách khai này là trẻ được nhận nuôi hoặc nuôi tạm. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 501.

Trẻ bị bắt cóc. Bạn có thể đủ điều kiện khai thuế với tư cách chủ gia đình kể cả khi đứa trẻ là người đủ điều kiện của bạn bị bắt cóc. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 501.

Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện

Nếu vợ/chồng của bạn qua đời trong năm 2024, bạn có thể sử dụng tư cách khai thuế là vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế cho năm 2024 nếu bạn đủ điều kiện sử dụng tư cách khai thuế này khi vợ/chồng của bạn còn sống. Năm mất là năm cuối cùng mà bạn có thể khai thuế chung với người vợ/chồng quá cố của

Bảng 2-1. Ai là người đủ điều kiện giúp bạn đủ điều kiện khai thuế với tư cách Chủ gia đình?¹
Chú ý. Xem văn bản của chương này để nắm được những yêu cầu khác mà bạn phải đáp ứng để yêu cầu tư cách khai thuế là chủ gia đình.

NẾU với bạn người đó là . . .	VÀ. . .	THÌ người đó là. . .
trẻ đủ điều kiện (ví dụ như con trai, con gái hoặc cháu nội/ngoại đã sống với bạn hơn nửa năm và đáp ứng một số thử thách khác) ²	trẻ là độc thân	người đủ điều kiện, cho dù trẻ có đáp ứng Thử thách Quốc tịch hoặc Thường trú nhân trong chương 3 hay không.
	trẻ đã kết hôn và bạn khai trẻ là người phụ thuộc	người đủ điều kiện.
	trẻ đã kết hôn và bạn không thể khai trẻ là người phụ thuộc	không phải là người đủ điều kiện. ³
thân nhân đủ điều kiện ⁴ là cha hoặc mẹ của bạn	bạn có thể khai cha/mẹ của mình là người phụ thuộc ⁵	người đủ điều kiện. ⁶
	bạn không thể khai cha/mẹ của mình là người phụ thuộc	không phải là người đủ điều kiện.
thân nhân đủ điều kiện ⁴ ngoài cha hoặc mẹ của bạn (ví dụ như ông bà, anh/em trai hoặc chị/em gái đáp ứng các thử thách nhất định)	thân nhân này đã sống với bạn hơn nửa năm và thân nhân này có quan hệ với bạn theo một trong những cách được liệt kê trong mục Thân nhân không nhất thiết phải sống với bạn ở chương 3 và bạn có thể khai thân nhân này là người phụ thuộc ⁵	người đủ điều kiện.
	thân nhân này đã không sống với bạn hơn nửa năm	không phải là người đủ điều kiện.
	thân nhân này không có quan hệ với bạn theo một trong những cách được liệt kê trong mục Thân nhân không nhất thiết phải sống với bạn ở chương 3 và chỉ là thân nhân đủ điều kiện của bạn vì thân nhân này đã sống với bạn cả năm với tư cách là thành viên trong gia đình bạn	không phải là người đủ điều kiện.
	bạn không thể khai thân nhân này là người phụ thuộc	không phải là người đủ điều kiện.

¹ Một người không thể giúp nhiều hơn một người đóng thuế đủ điều kiện sử dụng tư cách khai thuế là chủ gia đình trong năm.
² Thuật ngữ [trẻ đủ điều kiện](#) được định nghĩa ở chương 3. **Ghi chú.** Nếu bạn là cha/mẹ không giám hộ, thì thuật ngữ “trẻ đủ điều kiện” cho tư cách khai thuế chủ gia đình không bao gồm trẻ đủ điều kiện chỉ dựa trên các quy tắc được mô tả ở phần [Con của cha/me đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha/me sống xa nhau\)](#) trong mục [Trẻ đủ điều kiện](#) ở chương 3. Nếu bạn là cha/mẹ giám hộ và những quy tắc trên áp dụng, thì đứa trẻ đó thường là trẻ đủ điều kiện của bạn cho tư cách khai thuế chủ gia đình mặc dù đứa trẻ đó không phải là trẻ đủ điều kiện mà bạn có thể khai báo là người phụ thuộc.
³ Người này là người đủ điều kiện nếu lý do duy nhất khiến bạn không thể khai người này là người phụ thuộc là vì bạn, hoặc vợ/chồng của bạn nếu nộp tờ khai thuế chung, có thể đã được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của người khác.
⁴ Thuật ngữ [thân nhân đủ điều kiện](#) được định nghĩa ở chương 3.
⁵ Nếu bạn có thể khai một người là người phụ thuộc chỉ vì thỏa thuận cấp dưỡng đa phương, người đó không phải là người đủ điều kiện. Xem mục [Thỏa thuận cấp dưỡng đa phương](#) ở chương 3.
⁶ Xem [Quy tắc đặc biệt dành cho cha/me](#) trong mục [Người đủ điều kiện](#), ở phần trước.

mình. Xem mục [Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế](#) ở phần trên.

Bạn có thể đủ điều kiện sử dụng tư cách khai thuế là người *vợ/chồng* còn lại đủ điều kiện trong 2 năm sau năm *vợ/chồng* của bạn qua đời. Ví dụ, nếu *vợ/chồng* của bạn qua đời vào năm 2023 và bạn chưa tái hôn, bạn có thể sử dụng tư cách khai thuế này cho năm 2024 và 2025.

Tư cách khai thuế này cho phép bạn sử dụng thuế suất khai thuế chung và mức khấu trừ tiêu chuẩn cao nhất (nếu bạn không khấu trừ từng khoản). Tình trạng này không cho phép bạn khai thuế chung.

Cách nộp tờ khai thuế. Chọn tư cách khai thuế của bạn bằng cách đánh dấu vào ô “Qualifying surviving spouse (Người *vợ/chồng* còn lại đủ điều kiện)” trên dòng *Filing Status (Tư cách khai thuế)* ở đầu Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Nếu đứa trẻ giúp bạn đủ điều kiện sử dụng tư cách khai thuế này không được khai là người phụ thuộc của bạn trong phần *Dependents (Người phụ thuộc)* của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điền tên trẻ vào khoảng trống ở cuối phần *Filing Status (Tư cách khai thuế)*. Sử dụng cột *Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế* của Bảng Thuế, hoặc Đoạn B của Bảng tính Thuế để tính thuế của bạn.

Quy tắc đủ điều kiện. Bạn đủ điều kiện nộp tờ khai thuế năm 2024 với tình trạng người *vợ/chồng* còn lại đủ điều kiện nếu bạn đáp ứng tất cả các thử thách sau.

- Bạn có quyền khai thuế chung với *vợ/chồng* của bạn trong năm *vợ/chồng* của bạn qua đời. Bạn không nhất thiết đã khai thuế chung trên thực tế.
- Vợ/chồng* của bạn đã qua đời trong năm 2022 hoặc 2023 và bạn không tái hôn trước khi kết thúc năm 2024.
- Bạn có con hoặc con kế (không phải con nuôi) mà bạn có thể khai là người phụ thuộc hoặc đã có thể khai là người phụ thuộc ngoại trừ trường hợp, cho năm 2024:
 - Trẻ có tổng thu nhập từ \$5.050 trở lên,
 - Trẻ đã khai thuế chung, hoặc
 - Bạn có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của người khác.

 Nếu trẻ không được khai là người phụ thuộc của bạn trong phần *Dependents (Người phụ thuộc)* của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điền tên trẻ vào khoảng trống ở cuối phần *Filing Status (Tư cách khai thuế)*. Nếu bạn không

diền tên, chúng tôi sẽ mất nhiều thời gian hơn để xử lý tờ khai thuế của bạn.

- Trẻ đã sống trong nhà bạn cả năm, ngoại trừ những lần vắng mặt tạm thời. Xem phần [Vắng mặt tạm thời](#), trong mục *Chủ gia đình*. Có một số trường hợp ngoại lệ, được mô tả ở phần sau, đối với trẻ được sinh ra hoặc qua đời trong năm và đối với trẻ bị bắt cóc.
- Bạn đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở trong năm. Xem phần [Duy trì nhà ở](#), trong mục *Chủ gia đình*.

Ví dụ: Vợ/chồng của bạn mất năm 2022 và bạn chưa tái hôn. Trong suốt năm 2023 và 2024 bạn tiếp tục duy trì nhà ở cho bản thân và con của mình, người sống với bạn và người mà bạn có thể khai là người phụ thuộc. Trong năm 2022, bạn có quyền nộp tờ khai thuế chung cho mình và người vợ/chồng quá cố. Trong năm 2023 và 2024, bạn có thể nộp tờ khai thuế với tư cách người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện. Sau năm 2024, bạn có thể khai thuế với tư cách chủ gia đình nếu bạn đủ điều kiện.

Qua đời hoặc sinh ra. Bạn có thể đủ điều kiện khai thuế với tư cách người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện khi đưa trẻ giúp bạn đủ điều kiện sử dụng tư cách khai thuế này được sinh ra hoặc qua đời trong năm. Bạn phải trả hơn một nửa chi phí duy trì ngôi nhà là nơi ở chính của trẻ trong suốt thời gian trẻ còn sống.

Trẻ được nhận nuôi. Bạn có thể đủ điều kiện để khai với tư cách là người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện nếu đưa trẻ đủ điều kiện của bạn cho tư cách khai này mà bạn đã nhận nuôi vào năm 2024 hoặc được bạn nhận làm con nuôi hợp pháp vào năm 2024. Đưa trẻ được coi là đã sống với bạn suốt thời gian qua vào năm 2024 nếu nhà chính của bạn là nhà chính của đứa trẻ này trong suốt thời gian kể từ khi đưa trẻ này được nhận nuôi hoặc giao cho bạn vào năm 2024.

Trẻ bị bắt cóc. Bạn có thể đủ điều kiện khai thuế với tư cách người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện kể cả khi đưa trẻ giúp bạn đủ điều kiện sử dụng tư cách khai thuế này đã bị bắt cóc. Xem Ấn phẩm 501 để biết thêm thông tin.

 *Như đã đề cập ở phần trên, tư cách khai thuế người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện chỉ có hiệu lực trong 2 năm sau năm vợ/chồng của bạn qua đời.*

3.

Người phụ thuộc

Giới thiệu

Chương này thảo luận về các chủ đề sau.

- Người phụ thuộc – Thông thường, bạn có thể khai trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện của mình là người phụ thuộc.
- Yêu cầu về số an sinh xã hội (SSN) đối với người phụ thuộc—bạn phải liệt kê SSN của bất kỳ người nào mà bạn khai là người phụ thuộc.

Cách khai người phụ thuộc. Trên trang 1 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điền tên người phụ thuộc của bạn vào phần *Dependents (Người phụ thuộc)*.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- ☐ **501** Người phụ thuộc, khấu trừ tiêu chuẩn và thông tin khai thuế
- ☐ **503** Chi phí chăm sóc Trẻ em và Người phụ thuộc
- ☐ **526** Đóng góp từ thiện

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ☐ **2120** Tuyên bố Cấp dưỡng đa phương
- ☐ **8332** Miễn/hủy bỏ của Miễn khai miễn trừ cho trẻ bởi Cha Mẹ giám hộ

Người phụ thuộc

Thuật ngữ “người phụ thuộc” có nghĩa là:

- Trẻ đủ điều kiện, hoặc
- Thân nhân đủ điều kiện.

Thuật ngữ [trẻ đủ điều kiện](#) và [thân nhân đủ điều kiện](#) được định nghĩa ở phần sau.

Tất cả những yêu cầu cần đáp ứng để khai người phụ thuộc được tóm tắt trong [Bảng 3-1](#).

Quản gia, người giúp việc hoặc người phục vụ. Nếu những người này làm việc cho bạn, bạn không thể khai họ là người phụ thuộc.

Tín thuế trẻ em. Bạn có thể được hưởng tín thuế trẻ em cho trẻ đủ điều kiện dưới 17 tuổi tại thời điểm cuối năm nếu bạn khai đứa trẻ đó là người phụ thuộc. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem [chương 14](#).

Tín thuế cho người phụ thuộc khác. Bạn có thể được hưởng tín thuế cho người phụ thuộc khác cho mỗi trẻ đủ điều kiện mà không làm cho bạn đủ điều kiện hưởng tín thuế trẻ em và đối với mỗi thân nhân đủ điều kiện. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem [chương 14](#).

Ngoại lệ

Kể cả khi bạn có trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện, bạn chỉ có thể khai người đó là người phụ thuộc khi đáp ứng ba thử thách dưới đây.

1. [Thử thách cho người đóng thuế là người phụ thuộc.](#)
2. [Thử thách về khai thuế chung.](#)
3. [Thử thách công dân hoặc thường trú nhân.](#)

Ba thử thách này được giải thích chi tiết ở đây.

Thử thách cho Người đóng thuế là Người phụ thuộc

Nếu bạn được khai là người phụ thuộc của một người đóng thuế khác, bạn không thể khai bất kỳ ai khác là người phụ thuộc. Kể cả khi bạn có trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện, bạn không thể khai người đó là người phụ thuộc.

Nếu bạn khai thuế chung và vợ/chồng của bạn có thể được khai là người phụ thuộc của người đóng thuế khác, bạn và vợ/chồng của bạn không thể

khai bất kỳ người phụ thuộc nào trên tờ khai thuế chung của mình.

Ngoại lệ. Nếu bạn có thể được người đóng thuế khác khai là người phụ thuộc, bạn có thể khai người khác là người phụ thuộc nếu người có thể khai bạn (hoặc vợ/chồng của bạn nếu khai thuế chung) là người phụ thuộc chỉ nộp tờ khai để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã trả.

Thử thách về khai thuế chung

Thông thường, bạn không thể khai một người đã kết hôn là người phụ thuộc nếu người đó khai thuế chung.

Ngoại lệ. Bạn có thể khai một người khai thuế chung là người phụ thuộc nếu người đó và vợ/chồng của họ khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp.

Ví dụ 1—Trẻ nộp tờ khai thuế chung. Bạn chu cấp cho trẻ 18 tuổi của mình mà đã sống với bạn cả năm trong khi vợ/chồng của trẻ tham gia Lực lượng Vũ trang. Người vợ/chồng của trẻ kiếm được \$35.000 trong năm. Cặp vợ/chồng này khai thuế chung. Bạn không thể khai trẻ của mình là người phụ thuộc.

Ví dụ 2—Trẻ nộp tờ khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn thuế đã khấu lưu. Trẻ 18 tuổi của bạn và người vợ/chồng 17 tuổi của trẻ có \$800 tiền lương từ công việc bán thời gian và không có thu nhập nào khác. Họ đã sống với bạn cả năm. Cả hai không bắt buộc phải nộp tờ khai thuế chung. Họ không có con. Thuế đã được trừ từ lương của họ nên họ khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn lại số tiền thuế khấu lưu. Trường hợp ngoại lệ cho thử thách về khai thuế chung được áp dụng, vì vậy bạn không mất quyền khai từng người trong số họ là người phụ thuộc chỉ vì họ khai thuế chung. Bạn có thể khai mỗi người trong số họ là người phụ thuộc nếu đáp ứng tất cả các thử thách xác định người phụ thuộc.

Ví dụ 3—Trẻ nộp tờ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội người Mỹ. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 2*, ngoại trừ không có khoản thuế nào được khấu trừ từ tiền lương của trẻ của bạn hoặc của vợ/chồng của trẻ. Tuy nhiên, họ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội người Mỹ với giá trị \$124 và được hoàn lại số tiền này. Vì họ nộp tờ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội người Mỹ, họ không nộp tờ khai thuế chỉ để xin hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã trả. Trường hợp ngoại lệ cho thử thách về khai thuế chung không áp dụng, vì vậy bạn không thể khai bất kỳ ai trong số họ là người phụ thuộc.

Thử thách công dân hoặc thường trú nhân

Thông thường, bạn không thể khai một người là người phụ thuộc trừ khi người đó là công dân Hoa Kỳ, thường trú nhân người nước ngoài tại Hoa Kỳ, quốc dân Hoa Kỳ hoặc thường trú nhân của Canada hoặc Mexico. Tuy nhiên, có một trường hợp ngoại lệ đối với con nuôi, như được giải thích ở phần kế tiếp.

Ngoại lệ đối với con nuôi. Nếu bạn là công dân Hoa Kỳ hoặc quốc dân Hoa Kỳ đã nhận nuôi hợp pháp một đứa trẻ không phải là công dân Hoa Kỳ, thường trú nhân người nước ngoài tại Hoa Kỳ hoặc quốc dân Hoa Kỳ, thì thử thách này được đáp ứng nếu đứa trẻ đó sống với bạn như một thành viên trong gia đình bạn cả năm. Trường hợp ngoại lệ này

Bảng 3-1. Tổng quan về các quy tắc khai Người phụ thuộc

Chú ý. Bảng này chỉ là tổng quan về các quy tắc. Để biết chi tiết, xem phần còn lại của chương này.

- Bạn không thể khai bất kỳ người phụ thuộc nào nếu bạn (hoặc vợ/chồng của bạn nếu khai thuế chung) có thể được khai là người phụ thuộc của một người đóng thuế khác, trừ khi người đóng thuế đó chỉ yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã trả. - Bạn không thể khai một người đã kết hôn khai thuế chung là người phụ thuộc trừ khi tờ khai thuế chung đó chỉ được nộp để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã trả. - Bạn không thể khai một người là người phụ thuộc trừ khi người đó là công dân Hoa Kỳ, người nước ngoài thường trú của Hoa Kỳ, quốc dân Hoa Kỳ hoặc thường trú nhân của Canada hoặc Mexico.¹ - Bạn không thể khai một người là người phụ thuộc trừ khi người đó là trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện của bạn.	
Thử thách để thành Trẻ đủ điều kiện	Thử thách để thành Thân nhân đủ điều kiện
- Trẻ phải là trẻ, con gái, con riêng, con nuôi tạm, anh/em trai, chị/em gái, anh/em trai cùng cha khác mẹ/cùng mẹ khác cha, chị/em gái cùng cha khác mẹ/cùng mẹ khác cha, anh/em trai là con riêng của mẹ kế/cha kế, chị/em gái là con riêng của mẹ kế/cha kế của bạn, hoặc hậu thế của bất kỳ người nào trong số những đối tượng trên. - Trẻ phải (a) dưới 19 tuổi tại thời điểm cuối năm và nhỏ tuổi hơn bạn (hoặc vợ/chồng của bạn nếu khai thuế chung); (b) dưới 24 tuổi tại thời điểm cuối năm, là học sinh và nhỏ tuổi hơn bạn (hoặc vợ/chồng của bạn nếu khai thuế chung); hoặc (c) ở bất kỳ độ tuổi nào nếu bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn. - Trẻ phải sống với bạn hơn nửa năm.² - Trẻ không được cấp dưỡng hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm. - Trẻ không được khai thuế chung trong năm (trừ khi tờ khai thuế chung đó được nộp chỉ để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã trả). Nếu trẻ đáp ứng các quy tắc để trở thành trẻ đủ điều kiện của nhiều người, thường chỉ một người có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện. Xem Trẻ đủ điều kiện của nhiều hơn một người ở phần sau để tìm hiểu ai là người có quyền khai trẻ là trẻ đủ điều kiện.	- Người đó không thể là trẻ đủ điều kiện của bạn hoặc trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người đóng thuế nào khác. - Người đó (a) phải có quan hệ với bạn theo một trong những cách được liệt kê trong mục Thân nhân không nhất thiết phải sống với bạn, hoặc (b) phải sống với bạn cả năm như một thành viên trong gia đình bạn² (và mối quan hệ của hai người không được vi phạm luật địa phương). - Tổng thu nhập trong năm của người đó phải dưới \$5.050.³ - Bạn phải cung cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ cho người đó trong năm.⁴
¹ Có ngoại lệ đối với trường hợp con nuôi. ² Có ngoại lệ đối với trường hợp vắng mặt tạm thời, trẻ được sinh ra hoặc qua đời trong năm, trẻ được nhận nuôi hoặc được nhận làm con nuôi hợp pháp trong năm, những trẻ em là con nuôi tạm đủ điều kiện được nhận trong năm, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau), và trẻ bị bắt cóc. ³ Có trường hợp ngoại lệ nếu người đó là người khuyết tật và có thu nhập từ xưởng che chở. ⁴ Có ngoại lệ đối với trường hợp thỏa thuận cấp dưỡng đa phương, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau), và trẻ bị bắt cóc.	

cũng áp dụng nếu trẻ được sắp xếp làm con nuôi hợp pháp của bạn và đứa trẻ đó đã sống với bạn trong phần còn lại của năm sau khi sắp xếp.

Nơi thường trú của trẻ. Trẻ thường là công dân hoặc thường trú nhân tại quốc gia của cha mẹ mình.

Nếu bạn là công dân Hoa Kỳ khi con bạn được sinh ra, trẻ có thể là công dân Hoa Kỳ và đáp ứng thử thách này kể cả khi người cha/mẹ kia là người nước ngoài tạm trú và trẻ được sinh ra ở nước ngoài.

Nơi thường trú của học sinh nước ngoài. Sinh viên nước ngoài được đưa đến đất nước này theo chương trình trao đổi giáo dục quốc tế đủ điều kiện và được đưa vào nhà người Mỹ trong một khoảng thời gian tạm thời thường không phải là thường trú

nhân Hoa Kỳ và không đáp ứng thử thách này. Bạn không thể khai họ là người phụ thuộc. Tuy nhiên, nếu bạn cung cấp nhà ở cho học sinh nước ngoài, bạn có thể được khấu trừ đóng góp từ thiện. Xem *Expenses Paid for Student Living With You (Chi phí trả cho học sinh sống cùng bạn)* trong Ấn phẩm 526.

Quốc dân Hoa Kỳ. Quốc dân Hoa Kỳ là một cá nhân, mặc dù không phải là công dân Hoa Kỳ, nhưng có nghĩa vụ trung thành với Hoa Kỳ. Quốc dân Hoa Kỳ bao gồm Người Samoa thuộc Hoa Kỳ và Cư dân Quần đảo Bắc Mariana đã chọn trở thành quốc dân Hoa Kỳ thay vì công dân Hoa Kỳ.

Trẻ đủ điều kiện

Trẻ phải đáp ứng năm thử thách để trở thành trẻ đủ điều kiện của bạn. Năm thử thách này bao gồm:

- [Mối quan hệ](#),
- [Tuổi tác](#),
- [Tình trạng cư trú](#),
- [Hỗ trợ](#), và
- [Khai thuế chung](#).

Các thử thách này được giải thích trong phần kế tiếp.



Nếu trẻ đáp ứng năm thử thách để trở thành trẻ đủ điều kiện của nhiều người, có các quy tắc mà bạn phải áp dụng để xác định người nào có thể thực sự khai trẻ là trẻ đủ điều kiện. Xem [Trẻ Đủ Điều Kiện của Nhiều Hơn Một Người](#) ở phần sau.

Thử thách mối quan hệ

Để đáp ứng thử thách này, trẻ phải là:

- Con trai, con gái, con riêng của vợ hay của chồng, hoặc con nuôi tạm của bạn, hoặc hậu thế (ví dụ, cháu gọi là ông/bà) của bất kỳ người nào trong số những đối tượng trên; hoặc
- Anh em trai, chị em gái, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha, hoặc con riêng của cha/mẹ, hoặc hậu thế (ví dụ như cháu) của bất kỳ người nào trong số những đối tượng trên.

Con nuôi. Con nuôi luôn được coi như con ruột của bạn. Thuật ngữ “con nuôi” bao gồm trẻ được sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng tại nhà bạn để làm con nuôi hợp pháp của bạn.

Con nuôi tạm. Con nuôi tạm là một cá nhân được đưa tới sống với bạn bởi một cơ quan có thẩm quyền sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em hoặc theo bản án, án lệnh hoặc phán quyết khác của tòa án có thẩm quyền.

Thử thách tuổi tác

Để đáp ứng thử thách này, trẻ phải là:

- Dưới 19 tuổi tại thời điểm cuối năm và nhỏ tuổi hơn bạn (hoặc vợ/chồng của bạn nếu khai thuế chung);
- Là một học sinh dưới 24 tuổi tại thời điểm cuối năm và nhỏ tuổi hơn bạn (hoặc vợ/chồng của bạn nếu khai thuế chung); hoặc
- Ở bất kỳ độ tuổi nào nếu bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn vào thời điểm bất kỳ trong năm.

Ví dụ. Trẻ của bạn tròn 19 tuổi vào ngày 10 tháng 12. Trừ khi trẻ bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn hoặc là học sinh, trẻ sẽ không đáp ứng thử thách tuổi tác vì, tại thời điểm cuối năm, trẻ không dưới 19 tuổi.

Trẻ phải nhỏ tuổi hơn bạn hoặc người vợ/chồng. Để trở thành trẻ đủ điều kiện của bạn, trẻ không bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn phải nhỏ tuổi hơn bạn. Tuy nhiên, nếu bạn là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, trẻ phải nhỏ tuổi hơn bạn hoặc vợ/chồng của bạn nhưng không nhất thiết phải nhỏ tuổi hơn cả hai vợ chồng.

Ví dụ 1—Trẻ không nhỏ tuổi hơn bạn hoặc người vợ/chồng. Anh chị em của bạn 23 tuổi, đang là sinh viên và chưa lập gia đình, sống với hai vợ chồng bạn. Bạn chu cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ cho anh chị em ấy. Anh chị em ấy không bị khuyết tật. Hai vợ chồng bạn đều 21 tuổi, và bạn khai thuế chung. Anh chị em của bạn không phải là trẻ đủ điều kiện của bạn vì anh chị em ấy không nhỏ tuổi hơn bạn hoặc vợ/chồng của bạn.

Ví dụ 2—Trẻ nhỏ tuổi hơn vợ/chồng của bạn nhưng không nhỏ tuổi hơn bạn. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ vợ/chồng của bạn 25 tuổi. Vì anh chị em của bạn nhỏ tuổi hơn vợ/chồng của bạn và hai vợ chồng bạn khai thuế chung, anh chị em của bạn là trẻ đủ điều kiện của bạn, mặc dù anh chị em ấy không nhỏ tuổi hơn bạn.

Định nghĩa học sinh. Để đủ điều kiện là học sinh, trong một khoảng thời gian nào đó của mỗi 5 tháng bất kỳ trong năm theo niên lịch, trẻ phải là:

- Học sinh toàn thời gian tại một trường học có đội ngũ giáo viên giảng dạy và có khóa học thường xuyên và một nhóm học sinh thường xuyên theo học tại trường; hoặc
- Học sinh tham gia khóa đào tạo toàn thời gian tại trang trại do một trường học được mô tả trong (1), hoặc của tiểu bang, quận hoặc cơ quan chính quyền địa phương tổ chức.

5 tháng theo niên lịch không nhất thiết phải diễn ra liên tiếp.

Học sinh toàn thời gian. Học sinh toàn thời gian là học sinh đăng ký số giờ học hoặc các khóa học mà theo tiêu chuẩn của trường học là toàn thời gian.

Định nghĩa trường học. Trường học có thể là một trường tiểu học; một trung học cơ sở hoặc một trường học phổ thông; một trường cao đẳng; một trường đại học; hoặc một trường kỹ thuật, dạy nghề, hoặc cơ khí. Tuy nhiên, khóa đào tạo tại chỗ, trường đào tạo từ xa hoặc trường chỉ cung cấp các khóa học qua Internet không được tính là trường học.

Học sinh trung học dạy nghề. Học sinh tham gia chương trình “co-op (giáo dục hợp tác)” trong ngành công nghiệp tư nhân như một phần của khóa học chính quy tại trường và đào tạo thực hành được coi là học sinh toàn thời gian.

Khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn. Trẻ của bạn bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn nếu cả hai điều sau áp dụng.

- Trẻ không thể tham gia vào bất kỳ hoạt động có lợi đáng kể nào vì tình trạng thể chất hoặc tinh thần.
- Bác sĩ xác định tình trạng này đã kéo dài hoặc có thể kéo dài liên tục trong ít nhất một năm hoặc có thể dẫn đến tử vong.

Thử thách tình trạng cư trú

Để đáp ứng thử thách này, trẻ phải sống với bạn hơn nửa năm. Có những ngoại lệ cho trường hợp vắng mặt tạm thời, trẻ sinh ra hoặc qua đời trong năm, trẻ được nhận nuôi hoặc nuôi tạm, trẻ bị bắt cóc, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân.

Vắng mặt tạm thời. Trẻ được coi là đã sống với bạn trong khoảng thời gian khi một trong hai người hoặc cả hai tạm thời vắng mặt vì những hoàn cảnh đặc biệt như:

- Bệnh tật,
- Giáo dục,
- Làm việc,
- Nghỉ dưỡng,
- Phục vụ trong quân ngũ, hoặc
- Bị giam giữ tại cơ sở dành cho trẻ vị thành niên.

Trẻ qua đời hoặc được sinh ra. Trẻ được sinh ra hoặc qua đời trong năm được coi là đã sống với bạn hơn nửa năm nếu nhà của bạn là nơi ở của trẻ trong hơn một nửa thời gian khi trẻ còn sống trong năm. Quy tắc này cũng áp dụng nếu trẻ sống với bạn hơn nửa năm ngoại trừ khoảng thời gian bắt buộc năm viện sau khi sinh.

Trẻ còn sống khi sinh. Bạn có thể khai người phụ thuộc đối với trẻ còn sống khi sinh trong năm, kể

cả khi trẻ chỉ sống trong giấy lát. Luật của tiểu bang hoặc địa phương phải coi trẻ là còn sống khi sinh. Phải có bằng chứng cho thấy trẻ còn sống khi sinh thể hiện trên tài liệu chính thức, ví dụ như giấy khai sinh. Trẻ phải là trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện của bạn và tất cả các thử thách khác để khai trẻ là người phụ thuộc phải được đáp ứng.

Trẻ chết trước khi sinh. Bạn không thể khai trẻ chết trước khi sinh là người phụ thuộc.

Trẻ được nhận nuôi hoặc nuôi tạm. Bạn có thể coi con nuôi hoặc con nuôi tạm của mình đáp ứng thử thách tình trạng cư trú như sau nếu bạn nhận nuôi đứa trẻ vào năm 2024, đứa trẻ được giao cho bạn làm con nuôi hợp pháp vào năm 2024 hoặc đứa trẻ đó là con nuôi đủ điều kiện được giao cho bạn trong năm 2024. Đứa trẻ này được coi là đã sống với bạn trong hơn nửa năm 2024 nếu nhà chính của bạn là nhà chính của đứa trẻ này trong hơn một nửa thời gian kể từ khi đứa trẻ này được nhận nuôi hoặc giao cho bạn vào năm 2024.

Trẻ bị bắt cóc. Bạn có thể coi trẻ đã đáp ứng thử thách xét tình trạng cư trú kể cả khi trẻ bị bắt cóc. Xem Ấn phẩm 501 để tìm hiểu chi tiết.

Con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau). Trong hầu hết các trường hợp, do thử thách xét tình trạng cư trú, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân là trẻ đủ điều kiện của cha/mẹ giám hộ. Tuy nhiên, trẻ sẽ được coi là trẻ đủ điều kiện của cha/mẹ không giám hộ nếu cả bốn điều kiện sau đều đúng.

1. Cha mẹ:

- Đã ly hôn hoặc ly thân hợp pháp theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân;
- Đã ly thân theo thỏa thuận ly thân bằng văn bản; hoặc
- Đã không sống cùng nhau vào mọi thời điểm trong 6 tháng cuối năm, cho dù họ đã hay đã từng kết hôn.

2. Trẻ đã nhận được hơn một nửa số tiền cấp dưỡng của mình trong năm từ cha mẹ.

3. Trẻ thuộc quyền giám hộ của cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ trong hơn nửa năm.

4. Một trong hai điều kiện sau đây là đúng.

- Cha/mẹ giám hộ ký văn bản tuyên bố, được thảo luận ở phần sau, rằng họ sẽ không khai trẻ là người phụ thuộc trong năm, và cha/mẹ không giám hộ sẽ đính kèm văn bản tuyên bố này vào tờ khai thuế của mình. (Nếu án lệnh hoặc thỏa thuận có hiệu lực sau năm 1984 và trước năm 2009, Xem [Lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân sau năm 1984 và trước năm 2009](#), được thảo luận ở phần sau. Nếu án lệnh hoặc thỏa thuận có hiệu lực sau năm 2008, Xem [Lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân sau năm 2008](#), được thảo luận ở phần sau.)
- Lệnh cho phép ly hôn, lệnh cấp dưỡng sau ly thân hoặc văn bản thỏa thuận ly thân trước năm 1985 áp dụng cho năm 2024 nêu rõ rằng cha/mẹ không giám hộ có thể khai trẻ là người phụ thuộc, án lệnh hoặc thỏa thuận không thay đổi sau năm 1984 để quy định rằng cha/mẹ không giám hộ không thể khai trẻ là người phụ thuộc đồng thời cha/mẹ không giám hộ

cung cấp tối thiểu \$600 tiền cấp dưỡng cho trẻ trong năm.

Nếu tất cả các điều kiện từ (1) đến (4) đều đúng, thì chỉ có cha/mẹ không giám hộ mới có thể:

- khai trẻ là người phụ thuộc; và
- khai trẻ là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế trẻ em, tín thuế cho những người phụ thuộc khác, hoặc tín thuế trẻ em bổ sung.

Tuy nhiên, điều này không cho phép cha/mẹ không giám hộ xin xét tư cách khai thuế chủ gia đình, tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc, loại trừ cho quyền lợi chăm sóc người phụ thuộc, hoặc tín thuế thu nhập kiểm được. Thao khảo mục [Áp dụng quy tắc phá hòa đối với cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha mẹ sống xa nhau\)](#) ở phần sau.

Ví dụ—Tín thuế thu nhập kiểm được. Kể cả khi các điều kiện từ (1) đến (4) đều đúng và cha/mẹ giám hộ ký Mẫu 8332 hoặc một tuyên bố cơ bản tương tự trong đó nêu rõ rằng họ sẽ không khai trẻ là người phụ thuộc trong năm 2024, điều này không cho phép cha/mẹ không giám hộ khai trẻ là trẻ đủ điều kiện để xin xét tín thuế thu nhập kiểm được. Cha/mẹ giám hộ hoặc người đóng thuế khác, nếu đủ điều kiện, có thể khai trẻ để nhận tín thuế thu nhập kiểm được.

Cha/mẹ giám hộ và cha/mẹ không giám hộ. Cha/mẹ giám hộ là cha/mẹ mà trẻ đã sống với số đêm nhiều hơn trong năm. Người cha/mẹ còn lại là cha/mẹ không giám hộ.

Nếu cha/mẹ đã ly hôn hoặc ly thân trong năm và trẻ sống với cả cha và mẹ trước khi ly thân thì cha/mẹ giám hộ là người mà trẻ em đã sống cùng nhiều đêm hơn trong thời gian còn lại của năm.

Trẻ được coi là sống với cha/mẹ trong một đêm nếu trẻ ngủ:

- Ở nhà của cha/mẹ, dù người đó có mặt hay không; hoặc
- Ở nơi có mặt cha/mẹ, khi trẻ không ngủ ở nhà của cha/mẹ (ví dụ, cha/mẹ và con đi nghỉ cùng nhau).

Số đêm bằng nhau. Nếu trẻ sống với cha và mẹ với một số đêm bằng nhau trong năm, cha/mẹ giám hộ là người có AGI cao hơn.

31 tháng 12. Đêm 31 tháng 12 được coi là một phần của năm mà đêm đó bắt đầu. Ví dụ, đêm ngày 31 tháng 12, 2024 được coi là một phần của năm 2024.

Trẻ sống độc lập. Nếu tình trạng của trẻ là sống độc lập theo luật tiểu bang, trẻ được coi là không sống với cha hoặc mẹ. Xem [Ví dụ 5](#) và [6](#).

Vắng mặt. Nếu trẻ không ở cùng cha/mẹ vào một đêm cụ thể (ví dụ, trẻ ở nhà một người bạn), trẻ được coi là sống với cha/mẹ mà trẻ thường sống cùng trong đêm đó, trừ trường hợp vắng mặt. Nhưng nếu không thể xác định trẻ thường sống với cha hay mẹ hoặc nếu đứa trẻ không sống với cha hoặc mẹ vào đêm đó, trẻ được coi là không sống với cha hoặc mẹ vào đêm đó.

Cha/mẹ làm việc vào ban đêm. Nếu do lịch trình làm việc ban đêm của cha/mẹ, trẻ sống trong nhiều ngày hơn, mà không phải đêm, với cha/mẹ làm việc vào ban đêm, người đó được coi là cha/mẹ giám hộ. Vào ngày đi học, trẻ được coi là đang sống tại nơi ở chính đã đăng ký với trường.

Ví dụ 1—Trẻ sống với cha hoặc mẹ trong nhiều đêm hơn. Hai vợ chồng bạn đã ly hôn và có con. Trong năm 2024, con sống với bạn 210 đêm và với vợ/chồng cũ của bạn 156 đêm. Bạn là cha/mẹ giám hộ.

Ví dụ 2—Trẻ đi trại hè. Trong năm 2024, trẻ của bạn luân phiên sống với cha/mẹ mỗi tuần. Vào mùa hè, trẻ đi trại hè 6 tuần. Trong thời gian 6 tuần đó, trẻ được coi là sống với bạn trong 3 tuần và với vợ/chồng cũ của bạn là cha/mẹ của trẻ trong 3 tuần vì đây là khoảng thời gian trẻ sẽ sống với mỗi người nếu trẻ không đi trại hè.

Ví dụ 3—Trẻ sống với cha và mẹ trong số đêm bằng nhau. Trẻ của bạn sống với bạn 180 đêm trong năm và cũng sống với vợ/chồng cũ của bạn, cha/mẹ của con, 180 đêm. AGI của bạn là \$40.000. AGI của vợ/chồng cũ của bạn là \$25.000. Bạn được coi là cha mẹ giám hộ của trẻ vì bạn có AGI cao hơn.

Ví dụ 4—Trẻ ở nhà của cha/mẹ nhưng với người cha/mẹ còn lại. Trẻ của bạn thường sống với bạn trong tuần và với vợ/chồng cũ của bạn là cha/mẹ của trẻ vào mỗi cuối tuần. Bạn bị ốm và phải nhập viện. Vợ/chồng cũ sống trong nhà của bạn với trẻ của bạn trong 10 ngày liên tục khi bạn ở bệnh viện. Trẻ của bạn được coi là sống với bạn trong khoảng thời gian 10 ngày này vì trẻ sống trong nhà của bạn.

Ví dụ 5—Trẻ sống độc lập từ tháng 5. Khi trẻ của bạn tròn 18 tuổi vào tháng 5 năm 2024, trẻ của bạn được coi là sống độc lập theo luật của bang nơi con sinh sống. Vì vậy, trẻ không thuộc quyền giám hộ của cha mẹ mình trong hơn nửa năm. Quy tắc đặc biệt đối với trẻ của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân không được áp dụng.

Ví dụ 6—Trẻ sống độc lập từ tháng 8. Trẻ của bạn sống với bạn từ ngày 1 tháng 1, 2024 đến ngày 31 tháng 5, 2024 và sống với vợ/chồng cũ của bạn là cha/mẹ của trẻ từ ngày 1 tháng 6, 2024 đến hết năm. Trẻ tròn 18 tuổi và được coi là sống độc lập theo luật tiểu bang vào ngày 1 tháng 8, 2024. Vì trẻ được coi là không sống với cha/mẹ kể từ ngày 1 tháng 8, trẻ được coi là sống với bạn với số đêm nhiều hơn trong năm 2024. Bạn là cha mẹ giám hộ.

Tuyên bố bằng văn bản. Cha mẹ giám hộ phải sử dụng Mẫu 8332 hoặc một tài liệu tương tự (với cùng thông tin theo yêu cầu trên mẫu đơn) để đưa ra tuyên bố bằng văn bản qua đó nhường quyền yêu cầu miễn thuế đối với trẻ cho cha mẹ không giám hộ. Mặc dù số tiền miễn thuế bằng 0 cho năm tính thuế 2024, nhưng văn bản này cho phép cha/mẹ không giám hộ xin xét tín thuế trẻ em, tín thuế trẻ em bổ sung và tín thuế cho những người phụ thuộc khác, nếu có, cho trẻ. Cha mẹ không giám hộ phải đính kèm bản sao của mẫu đơn hoặc tuyên bố vào tờ khai thuế của mình.

Quyền yêu cầu miễn thuế có thể có giá trị cho 1 năm, cho một số năm cụ thể (ví dụ: cách năm) hoặc cho tất cả các năm trong tương lai, như được nêu cụ thể trong tuyên bố.

Án lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân sau năm 1984 và trước năm 2009. Nếu án lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân có hiệu lực sau năm 1984 và trước năm 2009, cha mẹ không giám hộ có thể đính kèm một số trang nhất định từ án lệnh hoặc thỏa thuận thay cho Mẫu 8332. Án lệnh hoặc thỏa thuận phải nêu rõ ba nội dung sau.

1. Cha mẹ không giám hộ có thể khai con là người phụ thuộc mà không cần quan tâm đến bất kỳ điều kiện nào, ví dụ như trả tiền hỗ trợ.
2. Cha mẹ không giám hộ sẽ không khai con là người phụ thuộc trong năm.
3. Những năm mà cha mẹ không giám hộ, thay vì cha mẹ giám hộ, có thể khai con là người phụ thuộc.

Cha mẹ không giám hộ phải đính kèm tất cả các trang sau đây của án lệnh hoặc thỏa thuận vào tờ khai thuế của mình.

- Trang bìa (ghi SSN của người cha/mẹ còn lại trên trang này).
- Các trang bao gồm tất cả thông tin đã nêu trong mục (1) đến (3) ở trên.
- Trang chữ ký có chữ ký của người cha/mẹ còn lại và ngày của thỏa thuận.

Án lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân sau năm 2008. Cha mẹ không giám hộ không thể đính kèm các trang từ án lệnh hoặc thỏa thuận thay cho Mẫu 8332 nếu án lệnh hoặc thỏa thuận có hiệu lực sau năm 2008. Cha mẹ giám hộ phải ký Mẫu 8332 hoặc một tuyên bố tương tự với mục đích duy nhất là nhường quyền yêu cầu miễn thuế của cha mẹ giám hộ đối với con, và cha mẹ không giám hộ phải đính kèm một bản sao vào tờ khai thuế của họ. Mẫu đơn hoặc tuyên bố phải nhường quyền yêu cầu của cha mẹ giám hộ đối với con mà không kèm theo bất kỳ điều kiện nào. Ví dụ, việc nhường quyền không được phụ thuộc vào việc chi trả tiền hỗ trợ của cha mẹ không giám hộ.



Cha mẹ không giám hộ phải đính kèm những thông tin theo yêu cầu kể cả khi thông tin đó đã được nộp cùng với tờ khai thuế trong năm trước đó.

Hủy bỏ của miễn khai miễn trừ. Cha mẹ giám hộ có thể thu hồi tuyên bố nhường quyền yêu cầu miễn thuế. Để việc thu hồi có hiệu lực cho năm 2024, cha mẹ giám hộ phải gửi (hoặc nỗ lực hợp lý để gửi) thông báo bằng văn bản về việc thu hồi cho cha mẹ không giám hộ trong năm 2024 hoặc sớm hơn. Cha mẹ giám hộ có thể sử dụng Phần III của Mẫu 8332 cho mục đích này và phải đính kèm bản sao văn bản thu hồi vào tờ khai thuế của mình cho mỗi năm tính thuế mà người cha/mẹ giám hộ khai trẻ là người phụ thuộc do đã thu hồi.

Cha mẹ tái hôn. Nếu bạn tái hôn, tiền hỗ trợ do vợ/chồng mới của bạn cung cấp được coi như do bạn cung cấp.

Cha mẹ chưa từng kết hôn. Quy tắc đặc biệt dành cho cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân này cũng áp dụng cho cha mẹ chưa từng kết hôn và sống xa nhau tại mọi thời điểm trong 6 tháng cuối năm.

Thử thách hỗ trợ (để thành trẻ đủ điều kiện)

Để đáp ứng thử thách này, trẻ không thể tự cung cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm.

Thử thách này khác với thử thách đánh giá hỗ trợ để xác định thân nhân đủ điều kiện, được mô tả ở phần sau. Tuy nhiên, để tìm hiểu hỗ trợ bao gồm những gì và không bao gồm những gì, Xem [Thử thách hỗ trợ \(để thành thân nhân đủ điều kiện\)](#), ở phần sau. Nếu bạn không chắc liệu trẻ có cung cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân hay không, [Bảng Tính 3-1](#) có thể hữu ích với bạn.



Số tiền thuộc về người bạn đã hỗ trợ		
1. Nhập tổng số tiền thuộc về người mà bạn đã hỗ trợ, bao gồm thu nhập nhận được (chịu thuế và không chịu thuế) và số tiền đã vay trong năm, cộng với số tiền trong tài khoản tiết kiệm và các tài khoản khác vào đầu năm. Không bao gồm số tiền do tiểu bang cung cấp; thay vào đó ghi số tiền này ở dòng 23	1.	
2. Nhập số tiền ở dòng 1 đã được sử dụng để hỗ trợ người đó	2.	
3. Nhập số tiền ở dòng 1 đã được sử dụng cho các mục đích khác	3.	
4. Nhập tổng số tiền trong tài khoản tiết kiệm và các tài khoản khác của người đó vào cuối năm	4.	
5. Cộng các dòng từ 2 đến 4. (Số tiền này phải bằng số tiền ở dòng 1.)	5.	
Chi phí cho toàn bộ hộ gia đình (nơi người bạn hỗ trợ sống)		
6. Chỗ ở (hoàn thành dòng 6a hoặc 6b):		
a. Nhập tổng số tiền thuê đã trả	6a.	
b. Nhập giá trị cho thuê hợp lý của căn nhà. Nếu người được bạn hỗ trợ sở hữu căn nhà, điền số tiền này ở dòng 21	6b.	
7. Nhập tổng chi phí ăn uống	7.	
8. Nhập tổng chi phí tiện ích (sưởi ấm, chiếu sáng, nước, v.v., không bao gồm trong dòng 6a hoặc 6b)	8.	
9. Nhập tổng số tiền sửa chữa (không bao gồm trong dòng 6a hoặc 6b)	9.	
10. Nhập tổng các chi phí khác. Không bao gồm các chi phí duy trì nhà ở, ví dụ như lãi thế chấp, thuế bất động sản và bảo hiểm	10.	
11. Cộng các dòng từ 6a đến 10. Đây là tổng chi phí của hộ gia đình	11.	
12. Nhập tổng số người sống trong hộ gia đình	12.	
Chi phí cho người mà bạn hỗ trợ		
13. Chia dòng 11 cho dòng 12. Đây là phần của người đó trong chi phí của hộ gia đình	13.	
14. Nhập tổng chi phí quần áo của người đó	14.	
15. Nhập tổng chi phí giáo dục của người đó	15.	
16. Nhập tổng chi phí y tế và nha khoa của người đó không được bảo hiểm thanh toán hoặc hoàn lại	16.	
17. Nhập tổng chi phí du lịch và giải trí của người đó	17.	
18. Nhập tổng các chi phí khác của người đó	18.	
19. Cộng các dòng từ 13 đến 18. Đây là tổng chi phí hỗ trợ của người đó trong năm	19.	
Người đó có cung cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ cho bản thân không?		
20. Nhân dòng 19 với 50% (0,50)	20.	
21. Nhập số tiền từ dòng 2, cộng với số tiền từ dòng 6b nếu người bạn hỗ trợ sở hữu căn nhà. Đây là số tiền mà người đó đã cung cấp để hỗ trợ cho bản thân	21.	
22. Dòng 21 có lớn hơn dòng 20 không?		
☐ Không. Bạn đáp ứng thử thách đánh giá hỗ trợ để người này trở thành trẻ đủ điều kiện của bạn. Nếu người này cũng đáp ứng các thử thách khác để được xác định là trẻ đủ điều kiện, dừng ở đây; không hoàn thành các dòng 23–26. Nếu không, chuyển đến dòng 23 và điền vào phần còn lại của bảng tính để xác định liệu người này có phải là thân nhân đủ điều kiện của bạn hay không.		
☐ Có. Bạn không đáp ứng thử thách đánh giá hỗ trợ để xác định người này là trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện của bạn. Dừng ở đây.		
Bạn đã chu cấp nhiều hơn một nửa?		
23. Nhập số tiền mà những người khác đã chu cấp cho người đó. Bao gồm các khoản do tiểu bang, địa phương và các tổ chức hoặc cơ quan phúc lợi khác cung cấp. Không bao gồm bất kỳ số tiền nào đã nhập ở dòng 1	23.	
24. Cộng dòng 21 và 23	24.	
25. Lấy dòng 19 trừ đi dòng 24. Đây là số tiền bạn đã chu cấp cho người đó	25.	
26. Dòng 25 có lớn hơn dòng 20 không?		
☐ Có. Bạn đáp ứng thử thách đánh giá hỗ trợ để người này là thân nhân đủ điều kiện của bạn.		
☐ Không. Bạn không đáp ứng thử thách đánh giá hỗ trợ để người này là thân nhân đủ điều kiện của bạn. Bạn không thể khai người này là người phụ thuộc trừ khi bạn có thể làm như vậy theo thỏa thuận cấp dưỡng đa phương, thử thách đánh giá hỗ trợ cho con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau) hoặc quy tắc đặc biệt dành cho trẻ bị bắt cóc. Xem Thỏa thuận cấp dưỡng đa phương hoặc Thử thách hỗ trợ cho con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau) , hoặc Trẻ bị bắt cóc trong mục Thân nhân đủ điều kiện .		

Ví dụ. Bạn đã chu cấp \$4.000 cho trẻ 16 tuổi của mình trong năm và trẻ chu cấp \$6.000. Trẻ đã tự chu cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm. Trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của bạn.

Các khoản thanh toán và chi phí chăm sóc nuôi dưỡng. Các khoản thanh toán mà bạn nhận được để chu cấp cho con nuôi tạm từ cơ quan sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em được coi là tiền hỗ trợ do cơ quan này cung cấp. Tương tự, các khoản thanh toán mà bạn nhận được để chu cấp cho con nuôi tạm từ tiểu bang hoặc quận được coi là tiền hỗ trợ do tiểu bang hoặc quận cung cấp.

Nếu bạn không thực hiện hoạt động thương mại hoặc kinh doanh cung cấp dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng và các khoản chi phí tự chi trả chưa được hoàn trả của bạn khi chăm sóc con nuôi tạm chủ yếu là để mang lại lợi ích cho một tổ chức đủ điều kiện nhận các khoản đóng góp từ thiện được khấu trừ, những chi phí này sẽ được khấu trừ như các khoản đóng góp từ thiện nhưng không được coi là tiền hỗ trợ mà bạn đã chu cấp. Để tìm hiểu thêm thông tin về khấu trừ các khoản đóng góp từ thiện, xem Ấn phẩm 526. Nếu chi phí chưa được hoàn trả của bạn không được khấu trừ theo diện đóng góp từ thiện, những chi phí này có thể đủ điều kiện trở thành tiền hỗ trợ mà bạn đã chu cấp.

Nếu bạn thực hiện hoạt động thương mại hoặc kinh doanh cung cấp dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng, chi phí chưa được hoàn trả của bạn không được coi là tiền hỗ trợ mà bạn đã chu cấp.

Ví dụ 1. Một trẻ được nhận tạm nuôi sống với cặp vợ chồng, nhà Smith trong 3 tháng cuối năm. Nhà Smith chăm sóc cho trẻ vì họ muốn nhận trẻ làm con nuôi (mặc dù trẻ chưa được giao cho họ để làm con nuôi của họ). Họ không chăm sóc cho trẻ như một hoạt động thương mại hay công việc kinh doanh hay để mang lại lợi ích cho cơ quan đã sắp xếp cháu ở nhà của họ. Các khoản chi phí chưa được hoàn trả của gia đình Smith không được khấu trừ theo diện đóng góp từ thiện nhưng được coi là khoản hỗ trợ mà họ đã cung cấp cho trẻ nuôi tạm.

Ví dụ 2. Bạn đã chu cấp \$3.000 cho đứa trẻ 10 tuổi mà bạn nhận nuôi trong năm. Chính quyền tiểu bang đã chu cấp \$4.000 và số tiền này được coi là tiền hỗ trợ do tiểu bang chu cấp không phải do trẻ tự chu cấp. Xem [Hỗ trợ của tiểu bang \(trợ cấp, phiếu thực phẩm, nhà ở, v.v.\)](#) ở phần sau. con nuôi tạm của bạn đã không tự chu cấp một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm.

Học bổng. Học bổng mà trẻ là học sinh nhận được không được tính đến khi xác định liệu trẻ có tự chu cấp một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân hay không.

Thử thách về khai thuế chung (để thành trẻ đủ điều kiện)

Để đáp ứng thử thách này, trẻ không thể khai thuế chung trong năm.

Ngoại lệ. Trường hợp ngoại lệ đối với thử thách về khai thuế chung được áp dụng nếu trẻ và vợ/chồng của trẻ nộp tờ khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp.

Ví dụ 1—Trẻ nộp tờ khai thuế chung. Bạn chu cấp cho trẻ 18 tuổi của mình và trẻ đã sống với bạn cả năm trong khi vợ/chồng trẻ tham gia Lực lượng Vũ trang. Vợ/chồng của trẻ kiếm được \$35.000 trong năm. Cặp vợ chồng này khai thuế

chung vì vậy trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của bạn.

Ví dụ 2—Trẻ nộp tờ khai thuế chung để yêu cầu hoàn thuế đã khấu lưu. Trẻ 18 tuổi của bạn và người vợ/chồng 17 tuổi của trẻ có \$800 tiền lương từ công việc bán thời gian và không có thu nhập nào khác. Họ đã sống với bạn cả năm. Cả hai không bắt buộc phải nộp tờ khai thuế chung. Họ không có con. Thuế đã được trừ từ lương của họ nên họ khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn lại số tiền thuế khấu lưu. Trường hợp ngoại lệ đối với thử thách về khai thuế chung được áp dụng, vì vậy trẻ bạn có thể là trẻ đủ điều kiện của bạn nếu đáp ứng tất cả các thử thách khác.

Ví dụ 3—Trẻ nộp tờ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội người Mỹ. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 2*, ngoại trừ không có khoản thuế nào được khấu trừ từ tiền lương của cả hai vợ/chồng. Tuy nhiên, họ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội người Mỹ với giá trị \$124 và được hoàn lại số tiền này. Vì họ nộp tờ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội người Mỹ, họ không nộp tờ khai thuế chỉ để xin hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp. Trường hợp ngoại lệ đối với thử thách khai thuế chung không được áp dụng, vì vậy trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của bạn.

Trẻ đủ điều kiện của nhiều hơn một người

TIP Nếu trẻ đủ điều kiện của bạn không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ ai khác, chủ đề này không áp dụng cho bạn và bạn không cần phải đọc thêm. Chủ đề này cũng không áp dụng với bạn nếu trẻ đủ điều kiện của bạn không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ ai khác ngoại trừ vợ/chồng của bạn, người mà bạn dự định khai thuế chung.

CAUTION Nếu trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của cha mẹ không giám hộ theo các quy tắc dành cho con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau) được mô tả ở phần trên, Xem [Áp dụng quy tắc phá hòa đối với cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha mẹ sống xa nhau\)](#) ở phần sau.

Trong một số trường hợp, trẻ đáp ứng các thử thách về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung để trở thành trẻ đủ điều kiện của nhiều người. Mặc dù trẻ là trẻ đủ điều kiện của mỗi người trong số những người này, thường chỉ một người thực sự có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện để nhận tất cả các quyền lợi về thuế dưới đây (với điều kiện người đó đáp ứng tiêu chuẩn nhận từng khoản trợ cấp).

1. Tín thuế trẻ em, tín thuế dành cho những người phụ thuộc khác, và tín thuế trẻ em bổ sung.
2. Tư cách khai thuế chủ gia đình.
3. Tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc.
4. Loại trừ khỏi thu nhập đối với trẻ cấp chăm sóc người phụ thuộc.
5. Tín thuế thu nhập kiếm được.

Người còn lại không thể nhận bất kỳ quyền lợi nào trong số này dựa trên trẻ đủ điều kiện đó. Nói cách khác, bạn và người đó không thể thỏa thuận phân chia những quyền lợi này giữa hai người.

Quy tắc phá hòa. Để xác định người nào có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện để yêu cầu năm quyền lợi thuế này, quy tắc phá hòa sau đây sẽ được áp dụng. Cho mục đích của quy tắc phá hòa, thuật ngữ “cha mẹ” có nghĩa là cha mẹ ruột hoặc cha mẹ nuôi của một cá nhân. Nó không bao gồm cha mẹ kế hoặc cha mẹ nuôi tạm trừ khi người đó đã nhận nuôi cá nhân đó.

- Nếu chỉ một trong số những người này là cha/mẹ của trẻ, trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của người đó.
- Nếu cha mẹ khai thuế chung và có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện, trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của cha mẹ.
- Nếu cha mẹ không khai thuế chung nhưng cả cha và mẹ đều khai trẻ là trẻ đủ điều kiện của mình, IRS sẽ coi trẻ là trẻ đủ điều kiện của người mà trẻ đã sống cùng trong khoảng thời gian dài hơn trong năm. Nếu trẻ sống với cha và mẹ trong khoảng thời gian bằng nhau, IRS sẽ coi trẻ là trẻ đủ điều kiện của người có AGI cao hơn trong năm.
- Nếu không có cha/mẹ nào có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện, trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của người có AGI cao nhất trong năm.
- Nếu cha/mẹ của trẻ có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện nhưng không có người nào làm như vậy thì trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của người có AGI cao nhất trong năm, nhưng chỉ khi AGI của người đó cao hơn AGI cao nhất của bất kỳ cha mẹ nào của trẻ có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện.

Theo các quy tắc phá hòa này, bạn và những người khác có thể chọn người nào trong số bạn có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện.

TIP Bạn có thể đủ điều kiện nhận tín thuế thu nhập kiếm được theo các quy định đối với người đóng thuế không có trẻ đủ điều kiện nếu bạn có một trẻ đủ điều kiện cho tín thuế thu nhập kiếm được mà người đóng thuế khác khai là trẻ đủ điều kiện của họ. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 596.

Ví dụ 1—Trẻ em sống với cha mẹ và ông bà. Bạn và trẻ 3 tuổi Jordan sống với cha/mẹ của bạn cả năm. Bạn 25 tuổi, chưa kết hôn và AGI của bạn là \$9.000. AGI của cha/mẹ bạn là \$15.000. Người cha/mẹ kia của Jordan không sống với bạn hay trẻ của bạn. Bạn chưa ký Mẫu 8332 (hay một tuyên bố tương tự).

Jordan là trẻ đủ điều kiện của cả bạn và cha/mẹ bạn vì Jordan đáp ứng các thử thách về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả bạn và cha/mẹ của bạn. Tuy nhiên, chỉ một trong hai người có thể khai Jordan là trẻ đủ điều kiện. Trẻ của bạn không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ ai khác, kể cả người cha/mẹ của Jordan. Bạn đồng ý để cha/mẹ bạn khai Jordan là trẻ đủ điều kiện. Điều này có nghĩa là cha/mẹ bạn có thể khai Jordan là trẻ đủ điều kiện để nhận tất cả năm quyền lợi thuế được liệt kê ở trên, nếu cha/mẹ của bạn đáp ứng tiêu chuẩn nhận từng quyền lợi đó (và nếu bạn không khai Jordan là trẻ đủ điều kiện để nhận bất kỳ quyền lợi thuế nào trong số đó).

Ví dụ 2—Cha mẹ có AGI cao hơn ông bà. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ AGI của bạn là \$18.000. Vì AGI của cha/mẹ bạn không cao hơn của bạn, nên cha/mẹ bạn không thể khai Jordan là trẻ đủ điều kiện. Chỉ bạn mới có thể khai Jordan là trẻ đủ điều kiện.

Ví dụ 3—Hai người khai cùng một đứa trẻ.

Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ việc bạn và cha/mẹ bạn đều khai Jordan là trẻ đủ điều kiện. Trong trường hợp này, bạn, với tư cách là cha/mẹ của trẻ, là người duy nhất được phép khai đứa trẻ là trẻ đủ điều kiện. IRS sẽ không cho phép cha/mẹ bạn yêu cầu năm quyền lợi thuế được liệt kê trước đó dựa trên Jordan. Tuy nhiên, cha/mẹ của bạn có thể đủ điều kiện nhận tín thuế thu nhập kiếm được với tư cách là người đóng thuế không có trẻ đủ điều kiện.

Ví dụ 4—Trẻ đủ điều kiện được phân chia giữa hai người. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ bạn còn có hai trẻ khác là trẻ đủ điều kiện của cả bạn và cha/mẹ bạn. Chỉ một trong số bạn có thể khai mỗi đứa trẻ là trẻ đủ điều kiện. Tuy nhiên, nếu AGI của cha/mẹ bạn cao hơn của bạn, bạn có thể cho phép cha/mẹ bạn khai một hoặc nhiều trẻ là trẻ đủ điều kiện. Ví dụ, nếu bạn khai một trẻ, cha/mẹ bạn có thể khai hai trẻ còn lại.

Ví dụ 5—Người đóng thuế là trẻ đủ điều kiện. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ bạn chỉ 18 tuổi và không tự chu cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm. Vì vậy, bạn là trẻ đủ điều kiện của cha/mẹ mình. Nếu cha/mẹ của bạn có thể khai bạn là người phụ thuộc, bạn không thể khai trẻ của mình là người phụ thuộc do [Thử thách cho Người đóng thuế là Người phụ thuộc](#), được giải thích ở phần trên, trừ khi cha mẹ của bạn chỉ nộp tờ khai để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã trả.

Ví dụ 6—Cha mẹ ly thân. Bạn, vợ/chồng, và trẻ 10 tuổi tất cả sống trong Hoa Kỳ trọn năm 2024. Vào ngày 1 tháng 8, 2024 vợ/chồng bạn chuyển ra khỏi nhà. Trong tháng 8 và tháng 9, trẻ sống với bạn. Trong phần còn lại của năm, trẻ sống với vợ/chồng của bạn là cha/mẹ khác của trẻ. Trẻ của bạn là trẻ đủ điều kiện của cả bạn và vợ/chồng bạn vì trẻ đã sống với mỗi người hơn nửa năm đồng thời đáp ứng các thử thách về mối quan hệ, tuổi tác, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả hai người. Tại thời điểm cuối năm, bạn và vợ/chồng vẫn chưa ly hôn, ly thân hợp pháp hoặc ly thân theo văn bản thỏa thuận ly thân nên không thể áp dụng quy tắc đối với con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau).

Bạn và vợ/chồng của bạn sẽ khai thuế riêng. Vợ/chồng bạn đồng ý để bạn khai trẻ là trẻ đủ điều kiện. Điều này có nghĩa là, nếu vợ/chồng bạn không khai trẻ của bạn là trẻ đủ điều kiện, bạn có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế trẻ em và loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc (nếu bạn đủ điều kiện tiếp nhận từng quyền lợi thuế này). Tuy nhiên, bạn không thể sử dụng tư cách khai thuế chủ gia đình vì bạn và vợ/chồng bạn không sống xa nhau trong 6 tháng cuối năm. Vì vậy, tư cách khai thuế của bạn là vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn không thể yêu cầu tín thuế thu nhập kiếm được vì bạn không đáp ứng các yêu cầu đối với một số cấp vợ/chồng đã ly thân để yêu cầu tín thuế thu nhập kiếm được khi họ không khai thuế chung. Bạn và vợ/chồng đã không sống xa nhau trong 6 tháng cuối năm 2024, và tuy bạn đã sống xa nhau vào cuối năm 2024, bạn cũng không ly thân về mặt pháp lý theo một văn bản thỏa thuận tách biệt hoặc nghị định bảo trì riêng biệt. Do đó, bạn không đáp ứng các yêu cầu để nhận tín thuế thu nhập kiếm được như một vợ/chồng đã ly thân mà không khai thuế chung. Bạn cũng không thể nhận khoản khấu giảm cho chi phí chăm sóc con cái và người phụ thuộc vì tình trạng chung sống của bạn là đã kết hôn nộp hồ sơ riêng

và bạn và người vợ/chồng đã không sống xa nhau trong 6 tháng cuối năm 2024.

Ví dụ 7—Cha mẹ ly thân khai cùng một con.

Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 6*, ngoại trừ việc bạn và vợ/chồng bạn đều khai trẻ là trẻ đủ điều kiện. Trong trường hợp này, chỉ có vợ/chồng bạn mới được khai trẻ là trẻ đủ điều kiện. Điều này là do, trong suốt năm 2024, trẻ đã sống với người vợ/chồng ấy lâu hơn với bạn. Nếu bạn xin xét tín thuế trẻ em cho trẻ của mình, IRS sẽ không cho phép bạn yêu cầu tín thuế trẻ em. Nếu bạn không có trẻ đủ điều kiện hoặc người phụ thuộc khác, IRS cũng sẽ không cho phép bạn yêu cầu loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc. Ngoài ra, do bạn và vợ/chồng bạn không sống xa nhau trong 6 tháng cuối năm 2024, bạn đã không ly thân về mặt pháp lý theo một văn bản thỏa thuận tách biệt hoặc nghị định bảo trì ly thân. Do đó, bạn không đáp ứng các yêu cầu để nhận tín thuế thu nhập kiếm được như một người vợ/chồng mà không khai thuế chung. Bạn cũng không thể nhận khoản khấu giảm cho chi phí chăm sóc con cái và người phụ thuộc vì tình trạng chung sống của bạn là đã kết hôn nộp hồ sơ riêng và bạn và người vợ/chồng đã không sống xa nhau trong 6 tháng cuối năm 2024.

Ví dụ 8—Cha mẹ chưa kết hôn. Bạn, trẻ 5 tuổi của bạn, Marley, và cha/mẹ kia của trẻ đã sống với nhau tại Hoa Kỳ cả năm. Bạn và cha/mẹ kia của Marley không kết hôn. Marley là trẻ đủ điều kiện của cả bạn và cha/mẹ kia của Marley vì Marley đáp ứng các thử thách về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả hai người. AGI của bạn là \$12.000 và AGI của cha/mẹ kia của Marley là \$14.000. Cha/mẹ kia của Marley đồng ý để bạn khai Marley là trẻ đủ điều kiện. Điều này có nghĩa là bạn có thể khai Marley là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế trẻ em, tư cách khai thuế chủ gia đình, tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc, loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc và tín thuế thu nhập kiếm được, nếu bạn đáp ứng tiêu chuẩn nhận từng loại quyền lợi thuế này (và nếu cha/mẹ kia của Marley không khai Marley là trẻ đủ điều kiện để nhận bất kỳ quyền lợi thuế nào trong số này).

Ví dụ 9—Cha mẹ chưa kết hôn khai cùng một con. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 8*, ngoại trừ việc bạn và cha/mẹ kia của Marley đều khai Marley là trẻ đủ điều kiện. Trong trường hợp này, chỉ cha/mẹ kia của Marley mới được khai Marley là trẻ đủ điều kiện. Điều này là do AGI của cha/mẹ kia của Marley, \$14.000, cao hơn AGI của bạn, \$12.000. Nếu bạn xin xét tín thuế trẻ em cho Marley, IRS sẽ không cho phép bạn yêu cầu khoản tín thuế này. Nếu bạn không có trẻ đủ điều kiện hoặc người phụ thuộc khác, IRS cũng sẽ không cho phép bạn sử dụng tư cách khai thuế chủ gia đình, tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc cũng như loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc. Tuy nhiên, bạn có thể yêu cầu tín thuế thu nhập kiếm được với tư cách là người đóng thuế không có trẻ đủ điều kiện.

Ví dụ 10—Con không sống với cha mẹ. Bạn và con của anh chị em của bạn, Reid, sống với cha/mẹ của bạn cả năm. Bạn 25 tuổi và AGI của bạn là \$9.300. AGI của cha/mẹ bạn là \$15.000. Cha mẹ của Reid nộp tờ khai thuế chung, có AGI dưới \$9.000, và không sống với bạn hoặc Reid. Reid là trẻ đủ điều kiện của cả bạn và cha/mẹ bạn vì Reid đáp ứng các thử thách về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả bạn và cha/mẹ bạn. Tuy nhiên, chỉ cha/mẹ bạn mới có thể khai Reid là trẻ đủ điều kiện. Điều này là do AGI của cha/mẹ bạn, \$15.000, cao hơn AGI của bạn, \$9.300.

Áp dụng quy tắc phá hòa đối với cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau). Nếu trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của cha mẹ không giám hộ theo các quy tắc được mô tả trước đó đối với [con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha mẹ sống xa nhau\)](#), thì chỉ cha mẹ không giám hộ mới có thể khai trẻ là người phụ thuộc đồng thời yêu cầu tín thuế trẻ em, tín thuế trẻ em bổ sung, hoặc tín thuế cho những người phụ thuộc khác cho trẻ. Tuy nhiên, chỉ cha mẹ giám hộ mới có thể yêu cầu tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc hoặc loại trừ cho quyền lợi chăm sóc người phụ thuộc của trẻ. Ngoài ra, thường thì cha mẹ không giám hộ không được khai trẻ là trẻ đủ điều kiện cho tư cách khai thuế chủ gia đình hoặc tín thuế thu nhập kiếm được. Thay vào đó, thường thì cha mẹ giám hộ, nếu đủ điều kiện, hoặc người đủ điều kiện khác có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện để nhận hai quyền lợi đó. Nếu trẻ là trẻ đủ điều kiện của nhiều người để nhận những quyền lợi trên, quy tắc phá hòa được giải thích trên đây sẽ giúp xác định liệu cha mẹ giám hộ hay một người đủ điều kiện khác có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện hay không.

Ví dụ 1. Bạn và trẻ 5 tuổi, Kody, sống cả năm với cha/mẹ bạn tại Hoa Kỳ. Cha/mẹ bạn đã chi trả toàn bộ chi phí để duy trì ngôi nhà. AGI của bạn là \$10.000. AGI của cha/mẹ bạn là \$25.000. Cha/mẹ kia của Kody sống tại Hoa Kỳ nguyên năm nhưng không sống với bạn hay Kody.

Theo quy tắc được giải thích ở phần trên áp dụng với con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau), Kody được coi là trẻ đủ điều kiện của cha/mẹ kia của Kody, người có thể yêu cầu tín thuế trẻ em cho trẻ. Do đó, bạn không thể yêu cầu tín thuế trẻ em cho trẻ của bạn. Tuy nhiên, những quy tắc này không cho phép cha/mẹ kia của Kody khai Kody là trẻ đủ điều kiện để xin xét tư cách khai thuế chủ gia đình, tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc, loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc, hoặc tín thuế thu nhập kiếm được.

Bạn và cha/mẹ bạn không có quyền lợi về chi phí chăm sóc trẻ em hay trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc, vì vậy cả hai người đều không thể yêu cầu tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc hoặc loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc. Tuy nhiên, Kody là trẻ đủ điều kiện của cả bạn và cha/mẹ bạn cho tư cách khai thuế chủ gia đình và tín thuế thu nhập kiếm được vì Kody đáp ứng các thử thách về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả hai người. (Thử thách đánh giá hỗ trợ không áp dụng đối với tín thuế thu nhập kiếm được.) Tuy nhiên, bạn đồng ý để cha/mẹ mình khai Kody là trẻ đủ điều kiện. Điều này có nghĩa là cha/mẹ của bạn có thể khai Kody cho tư cách khai thuế chủ gia đình và tín thuế thu nhập kiếm được nếu đủ điều kiện và nếu bạn không khai Kody là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế thu nhập kiếm được. (Bạn không thể sử dụng tư cách khai thuế chủ gia đình vì cha/mẹ bạn đã trả toàn bộ chi phí duy

trì nhà ở.) Bạn có thể yêu cầu tín thuế thu nhập kiểm được với tư cách là người đóng thuế không có trẻ đủ điều kiện.

Ví dụ 2. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ AGI của bạn là \$25.000 và AGI của cha/mẹ bạn là \$21.000. Cha/mẹ của bạn không thể khai Kody là trẻ đủ điều kiện cho bất kỳ mục đích nào vì AGI của cha/mẹ bạn không cao hơn AGI của bạn.

Ví dụ 3. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ bạn và cha/mẹ của bạn đều khai Kody là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế thu nhập kiểm được. Cha/mẹ của bạn cũng khai Kody là trẻ đủ điều kiện để sử dụng tư cách khai thuế chủ gia đình. Bạn, với tư cách là cha/mẹ của Kody, sẽ là người duy nhất được phép khai Kody là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế thu nhập kiểm được. IRS sẽ không cho phép cha/mẹ bạn sử dụng tư cách khai thuế chủ gia đình trừ khi cha/mẹ của bạn có trẻ đủ điều kiện hoặc người phụ thuộc khác. Cha/mẹ của bạn không thể yêu cầu tín thuế thu nhập kiểm được với tư cách người đóng thuế không có trẻ đủ điều kiện vì AGI của cha/mẹ của bạn cao hơn mức \$18.591.

Thân nhân đủ điều kiện

Một người phải đáp ứng bốn thử thách để trở thành thân nhân đủ điều kiện của bạn. Bốn thử thách này bao gồm:

1. [Thử thách không phải là trẻ đủ điều kiện.](#)
2. [Thử thách thành viên hộ gia đình hoặc mối quan hệ.](#)
3. [Thử thách tổng thu nhập,](#) và
4. [Thử thách hỗ trợ.](#)

Tuổi. Không giống như trẻ đủ điều kiện, thân nhân đủ điều kiện có thể ở mọi lứa tuổi. Không áp dụng thử thách tuổi tác với thân nhân đủ điều kiện.

Trẻ bị bất cóc. Bạn có thể coi trẻ là thân nhân đủ điều kiện của mình ngay cả khi trẻ bị bất cóc. Xem Ấn phẩm 501 để tìm hiểu chi tiết.

Thử thách không phải là trẻ đủ điều kiện

Trẻ không phải là thân nhân đủ điều kiện của bạn nếu trẻ là trẻ đủ điều kiện của bạn hoặc trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người đóng thuế nào khác.

Ví dụ 1. Trẻ 22 tuổi của bạn, đang là sinh viên, sống với bạn và đáp ứng tất cả các thử thách để trở thành trẻ đủ điều kiện của bạn. Trẻ không phải là thân nhân đủ điều kiện của bạn.

Ví dụ 2. Trẻ 2 tuổi của bạn sống với cha mẹ bạn và đáp ứng tất cả các thử thách để trở thành trẻ đủ điều kiện của họ. Trẻ không phải là thân nhân đủ điều kiện của bạn.

Ví dụ 3. Trẻ 30 tuổi của bạn sống với bạn. Trẻ này không phải là trẻ đủ điều kiện vì không đáp ứng thử thách tuổi tác. Trẻ có thể là thân nhân đủ điều kiện của bạn nếu đáp ứng thử thách tổng thu nhập và thử thách đánh giá hỗ trợ.

Ví dụ 4. Cháu 13 tuổi của bạn chỉ sống với bạn 5 tháng trong năm. Cháu không phải là trẻ đủ điều kiện của bạn vì cháu không đáp ứng thử thách xét tình trạng cư trú. Cháu có thể là thân nhân đủ điều

kiện của bạn nếu đáp ứng thử thách tổng thu nhập và thử thách đánh giá hỗ trợ.

Trẻ của người không bắt buộc phải nộp tờ khai thuế. Trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người đóng thuế nào khác và do đó có thể đủ điều kiện là thân nhân đủ điều kiện của bạn nếu cha/mẹ của trẻ (hoặc người khác mà trẻ được xác định là trẻ đủ điều kiện của người đó) không bắt buộc phải khai thuế thu nhập hoặc:

- Không nộp tờ khai thuế thu nhập, hoặc
- Nộp tờ khai thuế chỉ để xin hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp.

Ví dụ 1—Không bắt buộc khai thuế. Bạn chu cấp cho một người bạn không có quan hệ quyền thuộc với bạn và đưa trẻ 3 tuổi của người ấy, và hai người đã sống với bạn cả năm trong nhà của bạn. Bạn của bạn không có thu nhập, không bắt buộc phải khai thuế năm 2024 và không khai thuế cho năm 2024. Cả hai bạn của bạn và trẻ của người ấy đều là thân nhân đủ điều kiện của bạn nếu đáp ứng thử thách hỗ trợ.

Ví dụ 2—Nộp tờ khai thuế để yêu cầu hoàn thuế. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ bạn của bạn có \$1.500 tiền lương trong năm và thuế đã được khấu lưu từ tiền lương của người ấy. Bạn của bạn khai thuế chỉ để xin hoàn thuế thu nhập đã khấu trừ và không yêu cầu tín thuế thu nhập kiểm được hay bất kỳ khoản tín thuế hoặc khấu trừ nào khác. Cả hai bạn và trẻ của người ấy đều là thân nhân đủ điều kiện của bạn nếu đáp ứng thử thách hỗ trợ.

Ví dụ 3—Yêu cầu tín thuế thu nhập kiểm được. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 2*, ngoại trừ bạn của bạn có \$8.000 tiền lương trong năm và yêu cầu tín thuế thu nhập kiểm được trên tờ khai thuế. Con của bạn là trẻ đủ điều kiện của một người đóng thuế khác (bạn của bạn), vì vậy bạn không thể khai trẻ là thân nhân đủ điều kiện của bạn. Ngoài ra, bạn không thể khai bạn của bạn là thân nhân đủ điều kiện do thử thách tổng thu nhập, được giải thích ở phần sau.

Trẻ ở Canada hoặc Mexico. Bạn có thể khai trẻ là người phụ thuộc kể cả trong trường hợp trẻ sống ở Canada hoặc Mexico. Nếu trẻ không sống với bạn, trẻ không đáp ứng thử thách xét tình trạng cư trú để trở thành trẻ đủ điều kiện của bạn. Tuy nhiên, trẻ vẫn có thể là thân nhân đủ điều kiện của bạn. Nếu những người mà trẻ sống cùng không phải là công dân Hoa Kỳ và không có thu nhập từ Hoa Kỳ, những người này không phải là “người đóng thuế,” thì trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người đóng thuế nào khác. Nếu trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người đóng thuế nào khác, trẻ là thân nhân đủ điều kiện của bạn khi đáp ứng thử thách tổng thu nhập và thử thách đánh giá hỗ trợ.

Bạn không thể khai người phụ thuộc đối với trẻ sống ở các quốc gia khác ngoài Canada hoặc Mexico, trừ khi trẻ là công dân Hoa Kỳ, thường trú nhân người nước ngoài tại Hoa Kỳ hoặc người mang quốc tịch Hoa Kỳ. Có trường hợp ngoại lệ đối với con nuôi đã sống với bạn cả năm. Xem [Thử thách công dân hoặc thường trú nhân](#) ở phần trên.

Ví dụ. Bạn chu cấp cho tất cả các con của mình, 6, 8 và 12 tuổi, các cháu sống ở Mexico với cha/mẹ của bạn và không có thu nhập. Bạn độc thân và sống ở Hoa Kỳ. Cha/mẹ bạn không phải là công dân Hoa Kỳ và không có thu nhập Hoa Kỳ, vì vậy cha/mẹ của bạn không phải là “người đóng thuế.” Con của

bạn không phải là trẻ đủ điều kiện của bạn vì các cháu không đáp ứng thử thách xét tình trạng cư trú. Nhưng vì các cháu không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người đóng thuế nào khác, các cháu có thể là thân nhân đủ điều kiện của bạn và bạn có thể được phép khai các cháu là người phụ thuộc. Bạn cũng có thể khai cha/mẹ mình là người phụ thuộc nếu đáp ứng thử thách tổng thu nhập và thử thách đánh giá hỗ trợ.

Thử thách thành viên hộ gia đình hoặc mối quan hệ

Để đáp ứng thử thách này, một người phải:

1. Sống với bạn cả năm như một thành viên trong gia đình bạn, hoặc
2. Có quan hệ với bạn theo một trong những cách được liệt kê trong mục [Thân nhân không nhất thiết phải sống với bạn](#) ở phần sau.

Nếu trong năm có bất kỳ thời điểm nào người đó là vợ/chồng của bạn, thì người đó không thể là thân nhân đủ điều kiện của bạn.

Thân nhân không nhất thiết phải sống với bạn. Một người có quan hệ với bạn theo bất kỳ cách nào sau đây không cần phải sống với bạn cả năm như một thành viên trong gia đình bạn để đáp ứng thử thách này.

- Con của bạn, con riêng của vợ/chồng bạn, hoặc con nuôi tạm hoặc hậu thế của bất kỳ người nào trong số họ (ví dụ: cháu của bạn). (Con nuôi hợp pháp được coi là con của bạn.)
- Anh em trai, chị em gái, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc con riêng của cha/mẹ của bạn.
- Cha, mẹ, ông bà hoặc tổ tiên trực hệ khác của bạn, nhưng không bao gồm cha mẹ nuôi.
- Cha dượng hoặc mẹ kế của bạn.
- Con trai hoặc con gái của anh/em trai hoặc chị/em gái của bạn.
- Con trai hoặc con gái của anh/em trai cùng cha khác mẹ/cùng mẹ khác cha hoặc chị/em gái cùng cha khác mẹ/cùng mẹ khác cha của bạn.
- Anh/em trai hoặc chị/em gái của cha hoặc mẹ bạn.
- Con rể, con dâu, cha vợ/cha chồng, mẹ vợ/mẹ chồng, anh/em rể hoặc chị/em dâu của bạn.

Bất kỳ mối quan hệ nào được thiết lập bởi hôn nhân sẽ không kết thúc khi qua đời hoặc ly hôn.

Ví dụ. Trong năm 2018, bạn và vợ/chồng của bạn bắt đầu chu cấp cho cha/mẹ không kết hôn của vợ/chồng bạn, Gene. Vợ/chồng của bạn qua đời năm 2023. Dù vợ/chồng của bạn đã qua đời, Gene vẫn tiếp tục đáp ứng thử thách này, kể cả khi Gene không sống cùng bạn. Bạn có thể khai Gene là người phụ thuộc nếu đáp ứng tất cả các thử thách khác, bao gồm thử thách tổng thu nhập và thử thách hỗ trợ.

Con nuôi tạm. Con nuôi tạm là một cá nhân được đưa tới sống với bạn bởi một cơ quan có thẩm quyền sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em hoặc theo bản án, án lệnh hoặc phán quyết khác của tòa án có thẩm quyền.

Tờ khai thuế chung. Nếu bạn khai thuế chung, người này có thể có quan hệ với bạn hoặc vợ/chồng bạn. Ngoài ra, người này không cần phải có quan hệ với người vợ/chồng cung cấp hỗ trợ.

Ví dụ, bạn cung cấp hơn nửa hỗ trợ cho cha/mẹ kế của vợ/chồng của bạn. , Cha/mẹ kế của vợ/

chồng của bạn có thể là thân nhân đủ điều kiện của bạn ngay cả khi người cha/mẹ kế không sống chung với bạn. Tuy nhiên, nếu bạn và vợ/chồng của bạn khai thuế riêng, cha/mẹ kế của vợ/chồng của bạn chỉ có thể là thân nhân đủ điều kiện của bạn nếu người cha/mẹ kế đó sống với bạn cả năm như một thành viên trong gia đình bạn.

Vắng mặt tạm thời. Một người được coi là sống với bạn như một thành viên trong gia đình bạn trong khoảng thời gian khi một trong hai người hoặc cả hai tạm thời vắng mặt vì những hoàn cảnh đặc biệt như:

- Bệnh tật,
- Giáo dục,
- Làm việc,
- Nghỉ dưỡng,
- Phục vụ trong quân ngũ, hoặc
- Bị giam giữ tại cơ sở dành cho trẻ vị thành niên.

Nếu người đó được đưa vào viện dưỡng lão trong một khoảng thời gian không xác định để chăm sóc y tế liên tục, trường hợp này được coi là vắng mặt tạm thời.

Qua đời hoặc sinh ra. Một người đã qua đời trong năm, nhưng sống với bạn như một thành viên trong gia đình bạn cho đến khi qua đời, sẽ đáp ứng thử thách này. Quy tắc này cũng áp dụng đối với trẻ được sinh ra trong năm và sống với bạn như một thành viên trong gia đình bạn trong suốt thời gian còn lại của năm. Thử thách này cũng được đáp ứng nếu trẻ sống với bạn như một thành viên trong gia đình bạn ngoại trừ khoảng thời gian bắt buộc năm viện sau khi sinh.

Nếu người phụ thuộc của bạn qua đời trong năm và bạn đủ điều kiện để khai người đó là người phụ thuộc khi họ còn sống, bạn vẫn có thể khai người đó là người phụ thuộc.

Ví dụ. Cha/mẹ của bạn đáp ứng các thử thách để trở thành thân nhân đủ điều kiện của bạn qua đời ngày 15 tháng 1. . Bạn có thể khai cha/mẹ của bạn là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của bạn.

Vi phạm luật địa phương. Một người sẽ không đáp ứng thử thách này nếu tại thời điểm bất kỳ trong năm mối quan hệ giữa bạn và người đó vi phạm luật địa phương.

Ví dụ. Người quan trọng của bạn sống với bạn như một thành viên trong gia đình bạn cả năm. Tuy nhiên, mối quan hệ của bạn đã vi phạm luật ở tiểu bang nơi bạn sống vì người quan trọng của bạn đã kết hôn với người khác. Do đó, người quan trọng của bạn không đáp ứng thử thách này và bạn không thể khai người đó là người phụ thuộc.

Con nuôi. Con nuôi luôn được coi như con ruột của bạn. Thuật ngữ “con nuôi” bao gồm trẻ được sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng tại nhà bạn để làm con nuôi hợp pháp của bạn.

Anh chị em họ. Anh chị em họ của bạn phải sống với bạn cả năm như một thành viên trong gia đình bạn để đáp ứng thử thách này. Anh chị em họ là hậu thế của anh/em trai hoặc chị/em gái của cha hoặc mẹ bạn.

Thử thách tổng thu nhập

Để đáp ứng thử thách này, tổng thu nhập của một người trong năm phải dưới \$5.050.

Định nghĩa tổng thu nhập. Tổng thu nhập bao gồm tất cả thu nhập dưới dạng tiền, tài sản và dịch vụ không được miễn thuế.

Trong hoạt động kinh doanh sản xuất, buôn bán hoặc khai thác mỏ, tổng thu nhập là tổng doanh thu thuần trừ đi giá vốn hàng bán, cộng với mọi thu nhập khác từ hoạt động kinh doanh.

Tổng các khoản thu từ bất động sản cho thuê được tính vào tổng thu nhập. Không khấu trừ thuế, tiền sửa chữa hoặc các chi phí khác khi xác định tổng thu nhập từ tài sản cho thuê.

Tổng thu nhập bao gồm phần của một đối tác trong tổng thu nhập từ hình thức hợp tác kinh doanh (không tính trên thu nhập ròng).

Tổng thu nhập còn bao gồm tất cả các khoản trợ cấp thất nghiệp chịu thuế, phúc lợi an sinh xã hội chịu thuế và một số khoản tiền nhận được như là trợ cấp học bổng và nghiên cứu. Học bổng mà học sinh nhận được và được sử dụng để trả học phí, lệ phí, mua đồ dùng học tập, sách và thiết bị cần thiết cho những khóa học cụ thể thường không được tính vào tổng thu nhập. Để tìm hiểu thêm thông tin về học bổng, xem [Chương 8](#).

Người phụ thuộc khuyết tật làm việc tại xưởng che chở. Cho mục đích xem xét thử thách tổng thu nhập, tổng thu nhập của một cá nhân bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn vào bất kỳ thời điểm nào trong năm không bao gồm thu nhập từ các dịch vụ mà cá nhân đó thực hiện tại nơi huấn nghiệp cho người khuyết tật. Các dịch vụ chăm sóc y tế được cung cấp tại nơi huấn nghiệp phải là lý do chính khiến cá nhân này làm việc ở đây. Ngoài ra, thu nhập phải bắt nguồn từ các hoạt động tại nơi huấn nghiệp gắn liền với hoạt động chăm sóc y tế.

“Xưởng che chở” là trường học:

- Tổ chức hướng dẫn hoặc đào tạo đặc biệt, được thiết kế để giảm nhẹ tình trạng khuyết tật của cá nhân; và
- Được điều hành bởi một số tổ chức được miễn thuế hoặc bởi tiểu bang, lãnh thổ của Hoa Kỳ, phân khúc chính trị thuộc tiểu bang hoặc lãnh thổ của Hoa Kỳ, hoặc Đặc khu Columbia.

[Khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn](#) được định nghĩa trong mục [Trẻ đủ điều kiện](#), ở phần trên.

Thử thách hỗ trợ (để thành thân nhân đủ điều kiện)

Để đáp ứng thử thách này, thông thường bạn phải chu cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của một người trong năm theo niên lịch.

Tuy nhiên, nếu hai người trở lên cùng chu cấp, nhưng không ai chu cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của một người, Xem [Thỏa thuận cấp dưỡng địa phương](#) ở phần sau.

Cách xác định liệu bạn có đáp ứng thử thách hỗ trợ hay không. Bạn xác định mình có chu cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của một người hay không bằng cách so sánh số tiền bạn đã đóng góp để hỗ trợ cho người đó với tổng số tiền hỗ trợ mà người đó nhận được từ tất cả các nguồn. Tổng số tiền hỗ trợ bao gồm số tiền mà người đó tự chu cấp cho bản thân.

Bạn có thể sử dụng [Bảng tính 3-1](#) để xác định liệu bạn có chu cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ của một người hay không.

Nguồn tiền riêng của một người không được sử dụng để hỗ trợ. Các nguồn tiền riêng của một người không được tính là tiền hỗ trợ trừ trường hợp nguồn tiền đó được sử dụng cho mục đích này.

Ví dụ. Cha/mẹ của bạn đã nhận được \$2.400 tiền phúc lợi an sinh xã hội và \$300 tiền lãi, trả \$2.000 cho chỗ ở và \$400 để giải trí, và gửi tiết kiệm \$300.

Mặc dù cha/mẹ của bạn nhận được tổng cộng \$2.700 (\$2.400 + \$300), cha/mẹ của bạn chỉ trả \$2.400 (\$2.000 + \$400) để chu cấp cho bản thân. Nếu bạn đã chi hơn \$2.400 để chu cấp cho cha/mẹ của bạn và không có nhận được khoản hỗ trợ nào khác, bạn đã chu cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ của cha/mẹ của bạn.

Tiền lương của trẻ được sử dụng để tự chu cấp. Bạn không thể tính khoản hỗ trợ mà trẻ tự chi trả từ tiền lương của mình vào phần đóng góp hỗ trợ của bạn, kể cả khi bạn là người trả lương.

Năm cung cấp hỗ trợ. Năm bạn cung cấp hỗ trợ là năm bạn trả tiền hỗ trợ, kể cả khi bạn trả tiền hỗ trợ bằng tiền đi vay mà bạn hoàn trả vào năm sau đó.

Nếu bạn sử dụng năm theo lịch tài chính để báo cáo thu nhập, bạn phải cung cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ của người phụ thuộc trong năm theo niên lịch mà năm theo lịch tài chính của bạn bắt đầu.

Tiền phân bổ cho người phụ thuộc của thành viên Lực lượng Vũ trang. Phần tiền phân bổ do chính phủ đóng góp và phần trích từ tiền lương quân đội của bạn đều được coi là do bạn chu cấp khi xác định bạn có chu cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ hay không. Nếu tiền phân bổ của bạn được sử dụng để hỗ trợ những người không phải những người mà bạn chỉ định, bạn có thể khai họ là người phụ thuộc nếu đủ điều kiện.

Ví dụ. Bạn đang phục vụ trong Lực lượng Vũ trang. Bạn ủy quyền phân bổ tiền cho người cha/mẹ còn lại của mình và người cha/mẹ còn lại dùng số tiền này để chu cấp cho bản thân và anh chị em của họ. Nếu tiền phân bổ chiếm hơn một nửa tiền hỗ trợ của mỗi người, bạn có thể khai mỗi người trong số họ là người phụ thuộc, nếu họ đủ điều kiện, mặc dù bạn chỉ ủy quyền phân bổ tiền cho cha/mẹ còn lại của mình.

Trợ cấp nhà ở quân đội được miễn thuế. Các khoản trợ cấp này được đối xử giống như tiền phân bổ cho người phụ thuộc khi tính toán tiền hỗ trợ. Tiền lương phân bổ và trợ cấp nhà ở cơ bản được miễn thuế đều được coi là tiền hỗ trợ do bạn chu cấp.

Thu nhập được miễn thuế. Khi tính toán tổng số tiền hỗ trợ của một người, hãy tính cả thu nhập được miễn thuế, tiền tiết kiệm và tiền đi vay được dùng để hỗ trợ người đó. Thu nhập được miễn thuế bao gồm một số khoản phúc lợi an sinh xã hội, trợ cấp xã hội, tiền bảo hiểm nhân thọ không chịu thuế, tiền phân bổ cho gia đình của thành viên Lực lượng Vũ trang, hưu bổng không chịu thuế và tiền lãi được miễn thuế.

Ví dụ 1. Bạn chu cấp \$4.000 để hỗ trợ cho cha/mẹ mình trong năm. Cha/mẹ của bạn có \$600 thu nhập kiếm được, \$4.800 phúc lợi an sinh xã hội không chịu thuế và \$200 tiền lãi được miễn thuế và tất cả số tiền này dùng để chu cấp cho bản thân. Bạn không thể khai cha/mẹ mình là người phụ thuộc vì \$4.000 mà bạn chu cấp không chiếm hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của cha/mẹ của bạn là \$9.600 (\$4.000 + \$600 + \$4.800 + \$200).

Ví dụ 2. Anh chị em của bạn có một khoản vay sinh viên trị giá \$2.500 và sử dụng số tiền này để trả học phí đại học. Anh chị em của bạn chịu trách nhiệm về khoản vay này. Bạn cung cấp \$2.000 để hỗ

trợ cho người đó. Bạn không thể khai người đó là người phụ thuộc vì bạn cung cấp ít hơn một nửa số tiền hỗ trợ của người đó.

Phúc lợi an sinh xã hội. Nếu một cặp vợ chồng nhận trợ cấp thông qua chi phiếu được trả cho cả hai người, một nửa tổng số tiền này được coi là tiền hỗ trợ cho mỗi người, trừ trường hợp họ có thể chứng minh khác đi.

Nếu trẻ nhận phúc lợi an sinh xã hội và sử dụng số tiền này để hỗ trợ cho bản thân thì khoản trợ cấp đó được coi là do trẻ tự chu cấp.

Hỗ trợ của tiểu bang (trợ cấp xã hội, phiếu thực phẩm, nhà ở, v.v.). Các khoản trợ cấp do tiểu bang cung cấp cho những người có hoàn cảnh khó khăn thường được coi là tiền hỗ trợ của tiểu bang. Tuy nhiên, các khoản thanh toán dựa trên nhu cầu của người nhận sẽ không được coi là được sử dụng hoàn toàn để hỗ trợ cho người đó nếu có thể chứng minh rằng một phần của những khoản thanh toán này không được sử dụng cho mục đích đó.

TANF và các khoản thanh toán khác của chính phủ. Theo các quy định được đề xuất của Bộ Tài chính, nếu bạn nhận được khoản thanh toán TANF hoặc các khoản thanh toán tương tự khác và sử dụng các khoản thanh toán đó để hỗ trợ người khác, thì các khoản thanh toán đó được coi là khoản hỗ trợ mà bạn cung cấp cho người đó, chứ không phải là khoản hỗ trợ do chính phủ hoặc bên thứ ba khác cung cấp.

Chăm sóc nuôi dưỡng. Các khoản thanh toán mà bạn nhận được để chu cấp cho con nuôi tạm từ cơ quan sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em được coi là tiền hỗ trợ do cơ quan này cung cấp. Xem [Các khoản thanh toán và chi phí chăm sóc nuôi dưỡng](#), ở phần trên.

Nhà cho người cao tuổi. Nếu bạn trả trước một lần tiền dịch vụ nhà cho người cao tuổi để chăm sóc thân nhân của bạn đến cuối đời và số tiền được thanh toán dựa trên tuổi thọ của người đó, số tiền hỗ trợ mà bạn chu cấp mỗi năm bằng số tiền trả trước một lần chia cho tuổi thọ của thân nhân. Số tiền hỗ trợ mà bạn chu cấp còn bao gồm bất kỳ khoản tiền nào khác mà bạn đã cung cấp trong năm.

Tổng số tiền hỗ trợ

Để xác định liệu bạn có chu cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ của một người hay không, trước tiên bạn phải xác định tổng số tiền hỗ trợ được cung cấp cho người đó. Tổng số tiền hỗ trợ bao gồm số tiền được chi trả để cung cấp thực phẩm, chỗ ở, quần áo, giáo dục, chăm sóc y tế và nha khoa, giải trí, phương tiện đi lại và các nhu cầu cần thiết tương tự.

Thông thường, số tiền của một khoản mục hỗ trợ là chi phí phát sinh để cung cấp khoản mục đó. Đối với chỗ ở, số tiền hỗ trợ là giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở.

Các chi phí không liên quan trực tiếp đến bất kỳ thành viên nào trong hộ gia đình, ví dụ như chi phí thực phẩm cho hộ gia đình, phải được chia cho các thành viên trong hộ gia đình.

Ví dụ 1. Một cặp vợ chồng chung sống cùng hai con của họ và một người cha/mẹ. Người cha/mẹ nhận được \$2.400 phúc lợi an sinh xã hội và dùng số tiền này để chi trả cho quần áo, phương tiện đi lại và giải trí. Người cha/mẹ không có thu nhập nào khác. Tổng chi phí thực phẩm của cặp vợ chồng là \$5.200. Họ trả \$1.200 chi phí thuốc men và y tế cho người cha/mẹ. Giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở được cung cấp cho người cha/mẹ là \$1.800 một

năm, dựa trên giá cho thuê của những chỗ ở có điều kiện tương tự. Tính tổng số tiền hỗ trợ của người cha/mẹ như sau.

Giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở	\$ 1.800
Quần áo, phương tiện đi lại và giải trí	2.400
Chi phí y tế	1.200
Thực phẩm (1/5 của \$5.200)	1.040
Tổng số tiền hỗ trợ	\$6.440

Tiền hỗ trợ mà cặp vợ chồng cung cấp, \$0.400 (\$1.800 chỗ ở + \$1.200 chi phí y tế + \$1.040 thực phẩm), chiếm hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ \$6.440 của người cha/mẹ.

Ví dụ 2. Cha mẹ của bạn, Aubrey và Bailey, sống với bạn, vợ/chồng và hai con bạn trong căn nhà mà bạn sở hữu. Giá trị cho thuê hợp lý của phần chỗ ở dành cho cha mẹ bạn là \$2.000 một năm (\$1.000 mỗi người), bao gồm đồ chi phí nội thất và dịch vụ tiện ích. Aubrey nhận được \$4.200 tiền hưu bổng không chịu thuế, Aubrey dùng số tiền này để chi trả các khoản hỗ trợ như quần áo, phương tiện đi lại và giải trí cho bản thân Aubrey và Bailey với mức bằng nhau. Tổng chi phí thực phẩm của bạn cho hộ gia đình là \$6.000. Giá trị hóa đơn điện, nước, sưởi ấm của bạn là \$1.200. Bailey có \$600 chi phí nằm viện và y tế mà bạn đã trả trong năm. Tính tổng số tiền hỗ trợ của cha mẹ bạn như sau.

Hỗ trợ được cung cấp	Aubrey	Bailey
Giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở	\$1.000	\$1.000
Hưu bổng được dùng để hỗ trợ cho họ	2.100	2.100
Thực phẩm (1/6 của \$6.000)	1.000	1.000
Chi phí y tế cho Bailey		600
Tổng số tiền hỗ trợ của cha mẹ	\$4.100	\$4.700

Bạn phải áp dụng thử thách đánh giá hỗ trợ riêng cho từng người. Bạn chu cấp \$2.000 (\$1.000 chỗ ở + \$1.000 thực phẩm) trong tổng số tiền hỗ trợ \$4.100 của Aubrey – ít hơn một nửa. Bạn chu cấp \$2.600 cho Bailey (\$1.000 chỗ ở + \$1.000 thực phẩm + \$600 y tế) – hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ \$4.700 của Bailey. Bạn đáp ứng thử thách hỗ trợ đối với Bailey, nhưng không đáp ứng thử thách này đối với Aubrey. Chi phí dịch vụ tiện ích và sưởi ấm được tính vào giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở, vì vậy chi phí này không được xem xét riêng.

Chỗ ở. Nếu bạn cung cấp chỗ ở cho một người, bạn được coi là cung cấp khoản hỗ trợ tương đương với giá trị cho thuê hợp lý của căn phòng, căn hộ, căn nhà hoặc nơi cư trú khác mà người đó sống. Giá trị cho thuê hợp lý bao gồm chi phí sử dụng đồ nội thất và đồ gia dụng cũng như chi phí sưởi ấm và các dịch vụ tiện ích khác được cung cấp.

Định nghĩa giá trị cho thuê hợp lý. Giá trị cho thuê hợp lý là số tiền mà bạn có thể mong đợi nhận được một cách hợp lý từ người lạ cho cùng loại hình chỗ ở. Giá trị này được sử dụng thay cho các chi phí thực tế như thuê, lãi vay, khấu hao, sơn, bảo hiểm, tiện ích cùng chi phí đồ nội thất và đồ gia dụng. Trong một số trường hợp, giá trị cho thuê hợp lý có thể bằng giá thuê đã trả.

Nếu bạn cung cấp toàn bộ chi phí chỗ ở, số tiền hỗ trợ mà bạn chu cấp là giá trị cho thuê hợp lý của căn phòng mà người đó sử dụng hoặc một phần giá

trị cho thuê hợp lý của toàn bộ nơi cư trú nếu người đó sử dụng toàn bộ căn nhà của bạn. Nếu bạn không cung cấp toàn bộ chi phí chỗ ở, tổng giá trị cho thuê hợp lý phải được chia dựa trên số tiền cho nơi ở mà bạn cung cấp. Nếu bạn chỉ cung cấp một phần và người đó cung cấp phần còn lại, giá trị cho thuê hợp lý phải được chia cho cả hai người theo số tiền mà mỗi người cung cấp.

Ví dụ. Cha mẹ bạn sống miễn phí trong căn nhà mà bạn sở hữu. Căn nhà có giá trị cho thuê hợp lý là \$5.400 một năm và được trang bị nội thất, bao gồm giá trị cho thuê hợp lý là \$3.600 cho căn nhà và \$1.800 cho đồ nội thất. Giá trị cho thuê hợp lý không bao gồm chi phí sưởi ấm và các dịch vụ tiện ích khác. Nhà có đầy đủ nội thất thuộc sở hữu của cha mẹ bạn. Bạn trả \$600 hóa đơn tiện ích cho họ. Chi phí dịch vụ tiện ích thường không được tính vào tiền thuê nhà ở khu vực mà cha mẹ bạn sống. Do đó, tổng giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở là \$6.000 (\$3.600 giá trị cho thuê hợp lý của căn nhà không có đồ đạc + \$1.800 dành cho đồ nội thất do cha mẹ bạn cung cấp + \$600 chi phí dịch vụ tiện ích) trong đó bạn được coi là đã cung cấp \$4.200 (\$3.600 + \$600).

Người sống trong nhà riêng của mình. Tổng giá trị cho thuê hợp lý của căn nhà mà một người sở hữu được coi là khoản hỗ trợ do người đó đóng góp.

Sống với ai đó không phải trả tiền thuê nhà. Nếu bạn sống với một người trong nhà của người đó mà không phải trả tiền thuê, bạn phải giảm số tiền mà bạn cung cấp để hỗ trợ cho người đó bằng giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở mà người đó cung cấp cho bạn.

Tài sản. Tài sản được cung cấp để hỗ trợ được tính bằng giá trị thị trường hợp lý của tài sản đó. Giá trị thị trường hợp lý là giá bán của tài sản trên thị trường. Đây là mức giá thỏa thuận giữa người mua và người bán có thiện chí, không bắt buộc phải hành động và cả hai đều có kiến thức hợp lý về các sự kiện liên quan.

Chi phí vốn. Tài sản cố định, ví dụ như đồ nội thất, đồ gia dụng và ô tô mua cho một người trong năm có thể được tính vào tổng số tiền hỗ trợ trong một số trường hợp nhất định.

Các ví dụ dưới đây cho biết khi nào tài sản cố định được hoặc không được tính vào tiền hỗ trợ.

Ví dụ 1. Bạn mua một chiếc máy cắt cỏ trị giá \$200 cho đứa con 13 tuổi của mình. Con được giao nhiệm vụ cắt tía bãi cỏ. Vì máy cắt cỏ mang lại lợi ích cho tất cả các thành viên trong gia đình, không tính chi phí máy cắt cỏ vào tiền hỗ trợ cho con bạn.

Ví dụ 2. Bạn mua một chiếc tivi trị giá \$150 làm quà sinh nhật cho đứa con 12 tuổi của mình. Tivi được đặt trong phòng ngủ của con. Bạn có thể tính chi phí mua tivi vào tiền hỗ trợ cho con bạn.

Ví dụ 3. Bạn trả \$5.000 mua xe và đăng ký xe dưới tên bạn. Bạn và trẻ 17 tuổi của bạn sử dụng chiếc xe với mức ngang nhau. Vì bạn sở hữu chiếc xe và không tặng cho trẻ của bạn để sử dụng riêng, không tính chi phí xe vào tổng số tiền hỗ trợ của trẻ của bạn. Tuy nhiên, bạn có thể tính các chi phí phụ để vận hành chiếc xe vì lợi ích của con vào tiền hỗ trợ của trẻ của bạn.

Ví dụ 4. Trẻ 17 tuổi của bạn sử dụng tiền cá nhân để mua một chiếc xe với giá \$4.500. Bạn chu cấp phần còn lại tiền hỗ trợ của trẻ, \$4.000. Vì chiếc xe do trẻ của bạn mua và sở hữu nên giá trị thị

trường hợp lý của chiếc xe (\$4.500) phải được tính vào tiền hỗ trợ của trẻ. Trẻ đã cung cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ \$8.500 của bản thân (\$4.500 + \$4.000), vì vậy trẻ không phải trẻ đủ điều kiện của bạn. Bạn đã không chu cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của trẻ, vì vậy trẻ không phải là thân nhân đủ điều kiện của bạn. Bạn không thể khai trẻ này là người phụ thuộc.

Phí bảo hiểm y tế. Phí bảo hiểm y tế mà bạn trả, bao gồm phí bảo hiểm Medicare bổ sung, được tính vào tiền hỗ trợ mà bạn cung cấp.

Quyền lợi bảo hiểm y tế. Các quyền lợi bảo hiểm y tế, bao gồm quyền lợi Medicare cơ bản và bổ sung, không phải là một phần của hỗ trợ.

Các khoản thanh toán học phí và phụ cấp của GI Bill. Số tiền mà các cựu chiến binh nhận được của GI Bill để thanh toán học phí và trợ cấp khi họ đi học được tính vào tổng số tiền hỗ trợ.

Ví dụ. Trong năm, trẻ của bạn nhận được \$2.200 từ chính phủ theo GI Bill. Trẻ sử dụng số tiền này cho việc học của mình. Bạn cung cấp số tiền hỗ trợ còn lại của trẻ, \$2.000. Vì quyền lợi GI được tính vào tổng số tiền hỗ trợ, tổng số tiền hỗ trợ của trẻ là \$4.200 (\$2.200 + \$2.000). Bạn không chu cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ của trẻ.

Chi phí chăm sóc trẻ em. Nếu bạn trả tiền cho ai đó để cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em hoặc người phụ thuộc, bạn có thể tính các khoản thanh toán này vào số tiền mà bạn đã cung cấp để hỗ trợ cho con hoặc người phụ thuộc bị khuyết tật, kể cả khi bạn yêu cầu tín thuế cho các khoản thanh toán này. Để tìm hiểu thông tin về tín thuế, xem Ấn phẩm 503.

Các khoản mục hỗ trợ khác. Các khoản mục khác có thể được coi là tiền hỗ trợ tùy theo dữ kiện thực tế trong từng trường hợp.

Không tính vào tổng số tiền hỗ trợ

Các khoản mục sau không được tính vào tổng số tiền hỗ trợ.

- Thuế thu nhập liên bang, tiểu bang và địa phương do một người trả từ thu nhập của bản thân.
- Thuế an sinh xã hội và Medicare do cá nhân trả từ thu nhập của bản thân.
- Phí bảo hiểm nhân thọ.
- Chi phí tang lễ.
- Học bổng mà con bạn nhận được nếu con là học sinh.
- Khoản thanh toán cho Hỗ trợ giáo dục cho những Người còn lại và Người phụ thuộc được sử dụng để hỗ trợ cho trẻ nhận được các khoản trợ cấp này.

Thỏa thuận cấp dưỡng đa phương

Trong một số trường hợp, không ai cung cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ của một người. Thay vào đó, hai hoặc nhiều người, mỗi người trong số đó có thể khai người đó là người phụ thuộc, nhưng về thử thách đánh giá hỗ trợ, tất cả họ đã cung cấp nhiều hơn một nửa số tiền hỗ trợ của người đó.

Khi tình huống này xảy ra, bạn có thể thỏa thuận rằng bất kỳ ai trong số bạn cung cấp hơn 10% số tiền hỗ trợ của người đó, nhưng chỉ một người, sẽ có thể khai người đó là người phụ thuộc. Mỗi người trong số những người còn lại phải ký tuyên bố đồng ý không khai người đó là người phụ thuộc trong

năm. Người khai người đó là người phụ thuộc phải lưu những tuyên bố có chữ ký này vào hồ sơ của mình. Tuyên bố cấp dưỡng đa phương của từng người đã đồng ý không khai người đó là người phụ thuộc phải được đính kèm tờ khai thuế của người khai người đó là người phụ thuộc. Có thể sử dụng Mẫu 2120 cho mục đích này.

Bạn có thể khai một người là người phụ thuộc theo thỏa thuận cấp dưỡng đa phương đối với người có quan hệ với bạn hoặc người đã sống với bạn cả năm như một thành viên trong gia đình bạn.

Ví dụ 1. Bạn, và anh chị em, Sam, Bobbi, Dani, chu cấp toàn bộ tiền hỗ trợ của cha/mẹ bạn trong năm. Bạn chu cấp 45%, Sam chu cấp 35%, và Bobbi và Dani mỗi người chu cấp 10%. Bạn hoặc Sam có thể khai cha/mẹ của bạn là người phụ thuộc; những người kia phải ký tuyên bố đồng ý không khai cha/mẹ của bạn là người phụ thuộc. Người khai cha/mẹ của bạn là người phụ thuộc phải đính kèm Mẫu 2120, hoặc một tờ khai tương tự, vào hồ sơ của họ và phải giữ tuyên bố có chữ ký của người kia trong hồ sơ của mình. Vì cả hai Bobbi và Dani không cung cấp nhiều hơn 10% số tiền hỗ trợ, cả hai không thể khai cha/mẹ của bạn là người phụ thuộc và không phải ký tuyên bố.

Ví dụ 2. Bạn và anh chị em của bạn mỗi người chu cấp 20% số tiền hỗ trợ cho cha/mẹ bạn trong năm. 60% số tiền hỗ trợ còn lại của cha/mẹ của bạn do hai người khác không có quan hệ quyền thuộc với bà cung cấp ở mức ngang nhau. Cha/mẹ của bạn không sống với họ. Vì hơn một nửa số tiền hỗ trợ của cha/mẹ của bạn được cung cấp bởi những người không đủ điều kiện khai cha/mẹ của bạn là người phụ thuộc, không ai có thể khai cha/mẹ của bạn là người phụ thuộc.

Thử thách hỗ trợ cho con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau)

Trong hầu hết các trường hợp, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau) sẽ là trẻ đủ điều kiện của một trong hai người. Xem phần [Con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha mẹ sống xa nhau\)](#) trong mục [Trẻ đủ điều kiện](#) ở phần trên. Tuy nhiên, nếu trẻ không đáp ứng yêu cầu để trở thành trẻ đủ điều kiện của cha hoặc mẹ, trẻ có thể là thân nhân đủ điều kiện của một trong hai người. Nếu bạn nghĩ rằng trường hợp này có thể áp dụng với bạn, xem Ấn phẩm 501.

Số An sinh Xã hội (SSN) cho Người phụ thuộc

Bạn phải khai SSN của bất kỳ người phụ thuộc nào mà bạn liệt kê trong phần *Dependents* (Người phụ thuộc) của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.



Nếu bạn không khai SSN của người phụ thuộc khi được yêu cầu, hoặc nếu bạn khai SSN không chính xác, một số quyền lợi thuế nhất định có thể không được cho phép.

Không có SSN. Nếu một người mà bạn muốn khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của bạn không có SSN, bạn hoặc người đó phải nộp đơn xin cấp SSN càng sớm càng tốt bằng cách nộp Mẫu SS-5, Đơn xin cấp thẻ An sinh Xã hội, tới Sở An sinh Xã hội (Social Security Administration, SSA). Bạn có thể

lấy Mẫu SS-5 trực tuyến tại [SSA.gov/forms/ss-5.pdf](#) (tiếng Anh) hoặc tại văn phòng SSA địa phương.

Thường mất khoảng 2 tuần để nhận SSN sau khi SSA có tất cả những thông tin cần thiết. Nếu bạn không có SSN cần thiết trước ngày đến hạn khai thuế, bạn có thể nộp Mẫu 4868 để gia hạn thời gian khai thuế.

Sinh và mất trong năm 2024. Nếu con bạn được sinh ra rồi qua đời trong năm 2024 và bạn không có SSN cho con, bạn có thể đính kèm bản sao giấy khai sinh, giấy chứng tử hoặc hồ sơ bệnh viện của con. Tài liệu phải cho thấy con còn sống khi sinh. Với trường hợp này, điền "DIED (ĐÃ QUA ĐỜI)" vào cột (2) trong phần *Dependents* (Người phụ thuộc) trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của bạn.

Người nước ngoài hoặc người được nhận làm con nuôi không có SSN. Nếu người phụ thuộc của bạn không có và không thể xin cấp SSN, bạn phải dùng Mã số thuế cá nhân (ITIN) hoặc mã số thuế cho việc nhận con nuôi (ATIN) thay cho SSN.

Mã số thuế cho người nước ngoài. Nếu người phụ thuộc của bạn là thường trú nhân người nước ngoài hoặc không thường trú không có và không đủ điều kiện xin cấp SSN, người phụ thuộc của bạn phải nộp đơn đăng ký ITIN. Để tìm hiểu chi tiết về cách đăng ký, xem Mẫu W-7, Đơn xin cấp Mã số thuế Cá nhân của IRS.

Mã số thuế cho người được nhận làm con nuôi. Nếu bạn có trẻ được một cơ quan sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em có thẩm quyền sắp xếp ở cùng bạn, bạn có thể khai trẻ là người phụ thuộc. Tuy nhiên, nếu bạn không thể xin cấp SSN hoặc ITIN cho trẻ, bạn phải xin IRS cấp ATIN cho trẻ. Xem Mẫu W-7A, Đơn xin cấp Mã số thuế cho việc nhận con nuôi đang chờ xử lý ở Hoa Kỳ, để tìm hiểu chi tiết.

4.

Khấu lưu thuế và Thuế ước tính

Quy định mới cho năm 2025

Những thay đổi về luật thuế cho năm 2025. Nếu bạn đang xem xét mức khấu lưu thuế thu nhập từ tiền lương của mình cũng như tính số tiền thuế ước tính, hãy cân nhắc những thay đổi của luật thuế có hiệu lực trong năm 2025. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 505, Khấu lưu thuế và Thuế ước tính.

Nhắc nhở

Càng an toàn cho thuế ước tính cho người đóng thuế có thu nhập cao hơn. Nếu tổng thu nhập đã điều chỉnh năm 2024 của bạn cao hơn \$150.000 (\$75.000 nếu bạn đã kết hôn và khai thuế riêng), để tránh bị phạt thuế ước tính, số tiền thuế bạn phải đóng là con số nhỏ hơn giữa 90% thuế ước

Giới thiệu

Nội dung của chương này trình bày cách thức đóng thuế dựa trên tiền lương hoặc thu nhập mà bạn nhận được trong năm. Nhìn chung, thuế thu nhập liên bang là loại thuế trả ngay. Có hai cách để trả ngay tiền thuế.

- Khấu lưu.** Nếu bạn là một nhân viên, chủ lao động của bạn có thể khấu lưu thuế thu nhập từ tiền lương của bạn. Ngoài ra, thuế thu nhập có thể bị khấu lưu từ một số nguồn thu nhập khác, chẳng hạn như lương hưu, tiền thưởng, hoa hồng và tiền thắng cược. Số tiền khấu lưu sẽ được trả cho IRS dưới danh nghĩa của bạn.
- Thuế ước tính.** Nếu bạn không trả thuế của mình thông qua khấu lưu, hoặc không trả đủ thuế theo cách đó, thì bạn có thể phải trả thuế ước tính. Nhìn chung, những người tự kinh doanh sẽ phải đóng thuế theo cách này. Ngoài ra, bạn có thể phải đóng thuế ước tính cho các khoản thu nhập như cổ tức, tiền lãi, lợi nhuận đầu tư, tiền cho thuê và tiền tác quyền. Thuế ước tính được sử dụng không chỉ để trả thuế thu nhập mà còn để chi trả thuế tự kinh doanh và thuế tối thiểu thay thế.

Chương này mô tả các phương pháp này. Ngoài ra, chương cũng giải thích những nội dung dưới đây.

- Khấu giảm cho khấu lưu và thuế ước tính.** Khi bạn nộp tờ khai thuế thu nhập năm 2024, hãy lấy khoản khấu giảm cho tất cả các khoản thuế thu nhập đã khấu lưu từ tiền lương, tiền công, lương hưu của bạn, v.v. và cho khoản thuế ước tính mà bạn đã đóng cho năm 2024. Ngoài ra hãy lấy khấu giảm cho bất kỳ khoản thuế an sinh xã hội hoặc thuế hưu trí đường sắt vượt mức nào đã được khấu lưu. Xem Ấn phẩm 505.
- Hình phạt do thanh toán thiếu.** Nếu bạn không trả đủ thuế trong năm, thông qua khấu lưu hoặc trả thuế ước tính, bạn có thể phải trả tiền phạt. Trong hầu hết các trường hợp, IRS có thể tính mức phạt này cho bạn. Tham khảo [Hình phạt do thanh toán thiếu cho năm 2024](#) ở cuối chương này.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

- Ấn phẩm**
- ☐ **505** Khấu lưu thuế và Thuế ước tính
- Mẫu (và Hướng dẫn)**
- ☐ **W-4** Chứng nhận Khấu lưu thuế của Nhân viên
 - ☐ **W-4P** Chứng nhận Khấu lưu cho thanh toán lương hưu định kỳ hoặc niên kim
 - ☐ **W-4S** Yêu cầu Khấu lưu thuế thu nhập liên bang từ tiền lương trả khi nghỉ bệnh
 - ☐ **W-4V** Yêu cầu Khấu lưu tự nguyện
 - ☐ **1040-ES** Thuế ước tính cho Cá nhân
 - ☐ **2210** Trả thiếu thuế ước tính bởi Cá nhân, Di sản và Quỹ tín thác
 - ☐ **2210-F** Trả thiếu thuế ước tính bởi Nông dân và Ngư dân

Khấu lưu thuế cho năm 2025

Nội dung của phần này trình bày khấu lưu thuế thu nhập đối với:

- Tiền lương và tiền công,
- Tiền boa,
- Các quyền lợi phụ chịu thuế,
- Nghỉ ốm có lương,
- Lương hưu và niên kim,
- Tiền thắng bạc,
- Bồi thường thất nghiệp, và
- Các thanh toán liên bang nhất định.

Phần này sẽ giải thích các quy tắc khấu lưu thuế cho mỗi loại hình thu nhập nêu trên.

Ngoài ra, phần này cũng đề cập đến khấu lưu thuế dự phòng đối với tiền lãi, cổ tức và các khoản thanh toán khác.

Tiền lương và Tiền công

Hầu hết nhân viên đóng thuế thu nhập thông qua hình thức khấu lưu từ lương. Tiền lương của bạn bao gồm tiền lương thông thường, tiền thưởng, hoa hồng và phụ cấp nghỉ phép. Nó bao gồm các khoản hoàn trả và các khoản phụ cấp chi phí khác được trả theo một kế hoạch không trách nhiệm. Tham khảo mục [Lương bổ sung](#) ở phần sau để biết thêm thông tin về các khoản hoàn trả và khoản phụ cấp được trả theo một kế hoạch không trách nhiệm.

Nếu thu nhập của bạn không đạt đến mức phải đóng thuế thu nhập trong năm, bạn có thể được miễn khấu lưu. Điều này sẽ được giải thích trong mục [Miễn khấu lưu](#) ở phần sau.

Bạn có thể yêu cầu chủ lao động của mình khấu lưu thuế thu nhập từ thù lao không phải tiền mặt và các khoản lương khác không phải chịu khấu lưu. Nếu chủ lao động của bạn không đồng ý khấu lưu thuế, hoặc lương không đủ để khấu lưu, bạn có thể phải đóng thuế ước tính, như được thảo luận ở sau trong phần [Thuế ước tính cho năm 2025](#).

Quản nhân về hưu. Tiền lương hưu quân đội cũng được khấu lưu thuế thu nhập cùng một cách như tiền lương thông thường, ngay cả khi nó được xem là lương hưu hoặc niên kim cho các mục đích thuế khác.

Người làm tại gia. Nếu bạn là người làm tại gia, bạn có thể yêu cầu chủ lao động khấu lưu thuế thu nhập từ tiền công trả cho bạn. Người làm tại gia là nhân viên làm công việc nhà tại nhà riêng, câu lạc bộ của đại học địa phương, hoặc hội nam sinh hoặc hội nữ sinh địa phương.

Thuế chỉ bị khấu lưu khi bạn muốn được khấu lưu và chủ lao động của bạn đồng ý khấu lưu. Nếu bạn không có đủ thuế thu nhập đã khấu lưu, bạn có thể phải nộp thuế ước tính, sẽ được thảo luận ở phần sau trong mục [Thuế ước tính cho năm 2025](#).

Công nhân nông trại. Nhìn chung, thuế thu nhập sẽ được khấu lưu từ tiền công bạn nhận được bằng tiền mặt cho công việc trên nông trại trừ khi chủ lao động của bạn thực hiện cả hai điều sau:

- Trả công cho bạn với số tiền dưới \$150 trong năm, và
- Có tổng chi tiêu cho lao động nông nghiệp dưới mức \$2.500 trong năm.

Thanh toán tiền lương chênh lệch. Khi người lao động nghỉ việc để thực hiện nghĩa vụ quân sự, một số chủ lao động bù đắp phần chênh lệch giữa lương quân sự và lương dân sự. Các khoản thanh toán cho người lao động đang tại ngũ trong thời gian hơn 30 ngày sẽ bị khấu lưu thuế thu nhập, nhưng sẽ không bị khấu lưu thuế an sinh xã hội, Medicare, hoặc thất nghiệp liên bang (FUTA). Tiền công và khấu lưu sẽ được báo cáo trên Mẫu W-2, Báo cáo Tiền lương và thu.

Xác định số tiền thuế khấu lưu bằng Mẫu W-4

Thuế thu nhập mà chủ lao động khấu lưu từ tiền lương thông thường của bạn phụ thuộc vào hai điều.

- Số tiền bạn nhận được trong mỗi kỳ lương.
- Thông tin bạn cung cấp cho chủ lao động của mình trên Mẫu W-4.

Mẫu W-4 đưa ra các bước để giúp bạn xác định khoản khấu lưu của mình. Chỉ hoàn thành các Bước 2 - 4 nếu chúng áp dụng cho trường hợp của bạn.

- Bước 1.** Nhập thông tin cá nhân của bạn bao gồm tư cách khai thuế của bạn.
- Bước 2.** Hoàn thành bước này nếu bạn làm nhiều công việc cùng một lúc hoặc là vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế và bạn cùng vợ/chồng của mình đều có việc làm.
- Bước 3.** Hoàn thành bước này nếu bạn yêu cầu người phụ thuộc và tín thuế khác.
- Bước 4.** Hoàn thành bước tùy chọn này để thực hiện các điều chỉnh khác.
*Thu nhập khác
*Các khoản khấu trừ
*Khấu lưu thêm

Công việc mới

Khi bạn bắt đầu một công việc mới, bạn phải điền vào Mẫu W-4 và đưa lại cho chủ lao động của bạn. Chủ lao động của bạn phải có bản sao của mẫu đơn này. Nếu sau này bạn cần thay đổi thông tin, bạn phải điền vào mẫu đơn mới.

Nếu bạn chỉ làm việc một phần trong năm (chẳng hạn như bắt đầu làm việc sau khi đã qua năm mới), mức khấu lưu thuế của bạn có thể rất cao. Bạn có thể tránh tình trạng khấu lưu vượt mức nếu chủ lao động của bạn đồng ý sử dụng phương pháp một phần của năm. Tham khảo *Part-Year Method (Phương pháp Một phần của năm)* trong chương 1 của Ấn phẩm 505 để tìm hiểu thêm thông tin.

Nhân viên cũng đang nhận thu nhập lương hưu. Nếu bạn đang nhận lương hưu hoặc thu nhập niên kim và bắt đầu một công việc mới, bạn sẽ cần phải nộp Mẫu W-4 cho chủ lao động mới của mình. Tuy nhiên, bạn có thể tách phần khấu lưu từ lương hưu và công việc mới theo bất kỳ cách nào.

Thay đổi mức khấu lưu của bạn

Trong năm có thể xảy ra những thay đổi về tình trạng hôn nhân của bạn, các điều chỉnh, khoản khấu trừ hoặc tín thuế mà bạn dự kiến yêu cầu trên tờ khai thuế của mình. Nếu xảy ra những thay đổi trên, bạn có thể cần nộp cho chủ lao động của mình Mẫu W-4 mới để thay đổi tình trạng khấu lưu của bạn.

Nếu sự thay đổi trong hoàn cảnh cá nhân làm giảm số tiền khấu lưu mà bạn có quyền yêu cầu, bạn phải cung cấp cho chủ lao động của mình Mẫu W-4 mới trong vòng 10 ngày sau khi thay đổi xảy ra

Thay đổi mức khấu trừ của bạn cho năm 2026. Nếu có sự kiện xảy ra trong năm 2025 làm thay đổi số tiền khấu trừ mà bạn phải đóng cho năm 2026, bạn phải cung cấp cho chủ lao động của mình Mẫu W-4 mới không muộn hơn ngày 1 tháng 12, 2025. Nếu sự kiện đó xảy ra vào tháng 12 năm 2025, hãy nộp Mẫu W-4 mới trong vòng 10 ngày.

Kiểm tra khoản khấu trừ của bạn

Sau khi đã nộp Mẫu W-4 cho chủ lao động của mình, bạn có thể kiểm tra xem liệu số thuế bị khấu trừ từ lương của mình là quá thấp hay quá cao. Nếu mức khấu trừ thuế của bạn quá thấp hoặc quá cao, bạn cần nộp Mẫu W-4 mới cho chủ lao động của mình để thay đổi mức khấu trừ của bạn. Bạn nên cố gắng để mức khấu trừ phù hợp với nợ thuế thực tế của mình. Nếu khấu trừ không đủ thuế, bạn sẽ bị nợ thuế vào cuối năm và có thể phải trả lãi và tiền phạt. Nếu mức khấu trừ thuế quá cao, bạn sẽ mất cơ hội sử dụng đồng tiền đó cho đến khi bạn được hoàn thuế. Thường xuyên kiểm tra mức khấu trừ của bạn nếu có những thay đổi về cuộc sống cá nhân hoặc tình hình tài chính hoặc những thay đổi về luật có thể ảnh hưởng đến nợ thuế của bạn.

Ghi chú. Bạn không thể cung cấp cho chủ lao động của bạn một khoản thanh toán để trang trải khoản khấu trừ trên tiền lương và tiền công cho các kỳ trả lương trước đây hoặc khoản thanh toán cho thuế ước tính.

Hoàn thành Mẫu W-4 và Bảng tính

Mẫu W-4 có các bảng tính để hỗ trợ bạn tính toán chính xác số tiền khấu trừ mà bạn có thể khai. Các bảng tính chỉ để bạn lưu lại. Bạn không cung cấp các bảng tính này cho chủ lao động của mình.

Bảng tính cho nhiều công việc. Nếu bạn có thu nhập từ hai công việc trở lên cùng một lúc, hoặc là vợ chồng khai chung tờ khai thuế và bạn cùng vợ/chồng của mình đều có việc làm, hãy hoàn thành Bảng tính cho nhiều công việc trong Mẫu W-4.

Nếu bạn và vợ/chồng của bạn muốn khai thuế riêng, hãy tính mức khấu trừ của bạn bằng bảng tính riêng dựa trên thu nhập cá nhân, khoản điều chỉnh, khoản khấu trừ và tín thuế của riêng bạn.

Bảng tính khoản khấu trừ. Sử dụng Bảng tính khoản khấu trừ trên Mẫu W-4 nếu bạn dự định khấu trừ từng khoản hoặc khai một số điều chỉnh đối với thu nhập và bạn muốn giảm mức khấu trừ của mình. Ngoài ra hãy hoàn thành bảng tính này khi bạn có thay đổi cho những khoản này để xem bạn có cần thay đổi mức khấu trừ không.

Tính được số tiền thuế khấu trừ chính xác

Trong hầu hết mọi trường hợp, thuế khấu trừ từ lương của bạn sẽ gần đúng với số tiền thuế mà bạn tính trên tờ khai thuế nếu tuân thủ hai quy tắc sau.

- Bạn hoàn thành chính xác tất cả các bảng tính của Mẫu W-4 áp dụng cho bạn.
- Bạn nộp Mẫu W-4 mới cho chủ lao động của mình khi có thay đổi.

Tuy nhiên, do các bảng tính này và phương pháp khấu trừ có thể không bao quát hết tất cả các tình huống có thể xảy ra, bạn có thể không tính được mức khấu trừ chính xác. Điều này có thể rơi vào các tình huống sau.

- Bạn đã kết hôn và cả hai vợ chồng bạn đều đi làm.

- Bạn có từ hai công việc trở lên cùng một lúc.
- Bạn có nguồn thu nhập ngoài lương như tiền lãi, cổ tức, tiền cấp dưỡng, trợ cấp thất nghiệp hoặc thu nhập do tự làm chủ.
- Bạn sẽ phải đóng thêm thuế cho hồ sơ của mình, chẳng hạn như thuế tư doanh.
- Mức khấu trừ của bạn dựa trên thông tin đã khai trong Mẫu W-4 cho phần lớn thời gian trong năm.
- Bạn chỉ làm việc một phần trong năm.
- Bạn thay đổi số tiền khấu trừ của mình trong năm.
- Bạn phải chịu Thuế Medicare bổ sung hoặc Thuế Thu nhập đầu tư ròng (NIIT). Nếu bạn biết trước sẽ nợ Thuế Medicare bổ sung hoặc NIIT, bạn có thể yêu cầu chủ lao động khấu trừ một số tiền khấu trừ thuế thu nhập bổ sung trên Mẫu W-4.

Phương pháp tiền công cộng dồn. Nếu bạn thay đổi số tiền khấu trừ của mình trong năm, số tiền thuế đã khấu trừ cho giai đoạn trước khi bạn thực hiện thay đổi có thể đã quá cao hoặc quá thấp. Bạn có thể bù đắp phần chênh lệch này nếu chủ lao động của bạn sử dụng phương pháp khấu trừ tiền lương cộng dồn cho thời gian còn lại trong năm. Bạn phải gửi yêu cầu bằng văn bản cho chủ lao động của mình để yêu cầu họ sử dụng phương pháp này.

Để đủ điều kiện, bạn phải được trả lương cho cùng một loại kỳ lương (hàng tuần, hai tuần một lần, v.v.) kể từ đầu năm.

Ấn phẩm 505

Để đảm bảo bạn tính đúng số tiền thuế khấu trừ, tham khảo Ấn phẩm 505. Nó sẽ giúp bạn so sánh giữa tổng số tiền thuế sẽ được khấu trừ trong năm với số thuế mà bạn có thể điền trên hồ sơ. Nó cũng sẽ giúp bạn xác định số tiền thuế cần khấu trừ bổ sung, nếu có, cho mỗi ngày lương để tránh tình trạng nợ thuế khi bạn nộp tờ khai thuế của mình. Nếu bạn đóng không đủ thuế khấu trừ, bạn có thể phải nộp thuế ước tính, như được giải thích trong phần sau tại mục [Thuế ước tính cho năm 2025](#).

TIP *Bạn có thể sử dụng Công cụ Ước tính khấu trừ thuế tại [IRS.gov/W4App](#), thay vì Ấn phẩm 505 hoặc các bảng tính đính kèm với Mẫu W-4, để xác định xem liệu bạn cần tăng hay giảm mức khấu trừ của mình hay không.*

Các quy tắc mà Chủ lao động của bạn phải tuân theo

Hiểu rõ một số quy tắc khấu trừ mà chủ lao động của bạn phải tuân thủ có thể hữu ích cho bạn. Những quy tắc này có thể ảnh hưởng đến cách điền Mẫu W-4 và cách xử lý các vấn đề có thể phát sinh.

Mẫu W-4 Mới. Khi bạn bắt đầu công việc mới, chủ lao động của bạn phải yêu cầu bạn hoàn thành Mẫu W-4. Bắt đầu từ ngày trả lương đầu tiên của bạn, chủ lao động của bạn sẽ sử dụng thông tin mà bạn khai trên mẫu đơn này để tính mức khấu trừ áp dụng cho bạn.

Nếu sau này bạn nộp Mẫu W-4 mới, chủ lao động của bạn có thể sử dụng mẫu mới trong thời gian sớm nhất có thể. Hạn chót để mẫu đơn mới có hiệu lực là bắt đầu kỳ lương đầu tiên kết thúc vào ngày 30 hoặc nhiều ngày hơn sau khi bạn nộp mẫu đơn này.

Không có Mẫu W-4. Nếu bạn không nộp Mẫu W-4 đã hoàn thành cho chủ lao động của mình, thì chủ

lao động của bạn phải khấu trừ thuế ở mức cao nhất, như áp dụng cho người độc thân.

Hoàn trả thuế đã khấu trừ. Nếu bạn phát hiện mình đang chịu mức thuế khấu trừ quá cao do bạn đã không kê khai đúng số tiền khấu trừ mà bạn được hưởng, bạn phải nộp cho chủ lao động của mình Mẫu W-4 mới. Chủ lao động của bạn không thể hoàn trả thuế đã khấu trừ trước đó. Thay vào đó, hãy khai đầy đủ số tiền đã khấu trừ khi bạn nộp tờ khai thuế.

Tuy nhiên, nếu chủ lao động của bạn đã khấu trừ nhiều hơn số tiền thuế khai trên Mẫu W-4 mà bạn đang áp dụng, bạn không phải hoàn thành Mẫu W-4 mới để giảm mức khấu trừ của bạn xuống đúng số tiền đã khai. Chủ lao động của bạn có thể hoàn trả số tiền đã được khấu trừ không chính xác. Nếu bạn không được hoàn trả, Mẫu W-2 của bạn sẽ phản ánh đầy đủ số tiền khấu trừ thực tế mà bạn sẽ kê khai trong tờ khai thuế của mình.

Miễn khấu trừ

Nếu bạn yêu cầu miễn khấu trừ thuế, chủ lao động của bạn sẽ không khấu trừ thuế thu nhập liên bang từ tiền lương của bạn. Miễn khấu trừ thuế chỉ áp dụng đối với thuế thu nhập, không áp dụng đối với khấu trừ thuế an sinh xã hội, Medicare, hoặc FUTA.

Bạn chỉ có thể yêu cầu miễn khấu trừ thuế cho năm 2025 nếu thuộc cả hai trường hợp sau.

- Cho năm 2024, bạn có quyền hoàn lại tất cả các khoản thuế thu nhập liên bang đã khấu trừ do bạn đã không phát sinh nợ thuế.
- Cho năm 2025, bạn dự kiến sẽ được hoàn lại tất cả các khoản thuế thu nhập liên bang đã khấu trừ do bạn dự kiến sẽ không phát sinh nợ thuế.

Sinh viên. Nếu bạn là sinh viên, bạn không được tự động miễn khấu trừ thuế. Xem chương 1 để tìm hiểu xem liệu bạn có phải khai thuế hay không. Nếu bạn chỉ làm việc bán thời gian hoặc chỉ trong thời gian hè, bạn có thể đủ điều kiện để được miễn khấu trừ thuế.

Từ 65 tuổi trở lên hoặc bị mù. Nếu bạn từ 65 tuổi trở lên hoặc bị mù, hãy sử dụng Bảng tính 1-1 hoặc 1-2 trong chương 1 của Ấn phẩm 505 để hỗ trợ bạn xác định liệu bạn có đủ điều kiện được miễn khấu trừ thuế hay không. Không sử dụng bảng tính nếu bạn sẽ khấu trừ từng khoản hoặc yêu cầu tín thuế trên tờ khai thuế năm 2025 của mình. Thay vào đó, xem *Itemizing deductions or claiming credits (Khấu trừ từng khoản hoặc yêu cầu tín thuế)* trong chương 1 của Ấn phẩm 505.

Yêu cầu miễn khấu trừ. Để yêu cầu miễn, bạn phải nộp Mẫu W-4 cho chủ lao động của mình. Ghi chữ “Exempt (Miễn)” vào mẫu đơn trong khoảng trống bên dưới Bước 4(c) và hoàn thành các bước của mẫu.

Nếu bạn đã yêu cầu miễn, nhưng sau đó có những tình huống thay đổi khiến cho cuối cùng bạn phải đóng thuế thu nhập, bạn phải nộp Mẫu W-4 mới trong vòng 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi. Nếu bạn đã yêu cầu miễn khấu trừ thuế cho năm 2025, tuy nhiên, bạn dự kiến sẽ có phát sinh thuế thu nhập cho năm 2026, bạn phải nộp Mẫu W-4 mới trước ngày 1 tháng 12, 2025.

Tình trạng yêu cầu miễn của bạn có thể được IRS xem xét.

Miễn khấu trừ chỉ áp dụng trong 1 năm. Bạn phải nộp Mẫu W-4 mới cho chủ lao động của mình

trước ngày 15 tháng 2 hàng năm để duy trì tình trạng miễn.

Lương bổ sung

Lương bổ sung bao gồm tiền thưởng, hoa hồng, tiền làm thêm giờ, nghỉ phép, một số tiền nghỉ bệnh và phụ cấp chi phí theo một số chương trình nhất định. Người trả có thể tính mức khấu lưu trên lương bổ sung theo cùng phương pháp đã áp dụng cho tiền lương thông thường của bạn. Tuy nhiên, nếu những khoản thanh toán này được xác định là tách biệt với tiền lương thường của bạn thì chủ lao động hoặc đơn vị khác trả lương bổ sung có thể khấu lưu thuế thu nhập từ các khoản tiền lương này theo tỷ lệ cố định.

Các khoản phụ cấp chi phí. Các khoản hoàn trả hoặc các khoản phụ cấp chi phí khác do chủ lao động của bạn chi trả theo một chương trình phi trách nhiệm sẽ được xem là lương bổ sung.

Các khoản hoàn trả hoặc các khoản phụ cấp chi phí khác được chi trả theo một chương trình có trách nhiệm ngoài các khoản chi phí đã được chứng minh sẽ được xem là chi trả theo chương trình phi trách nhiệm nếu bạn không hoàn trả số tiền vượt mức trong khoảng thời gian hợp lý.

Để biết thêm thông tin về các chương trình phụ cấp chi phí có trách nhiệm và phi trách nhiệm, tham khảo Ấn phẩm 505.

Hình phạt

Bạn có thể phải đóng khoản tiền phạt \$500 nếu cả hai điều sau áp dụng.

- Bạn tuyên bố hoặc yêu cầu mức khấu lưu trên Mẫu W-4 nhằm làm giảm số thuế cần khấu lưu.
- Bạn không có cơ sở hợp lý cho tuyên bố hoặc mức khấu lưu đó tại thời điểm bạn chuẩn bị Mẫu W-4.

Ngoài ra còn có hình phạt hình sự đối với trường hợp cố tình cung cấp thông tin sai lệch hoặc gian lận trong Mẫu W-4 hoặc cố ý không cung cấp thông tin có thể làm tăng số tiền khấu lưu. Hình phạt khi bị kết án có thể là phạt tiền lên đến \$1.000 hoặc phạt tù tối đa 1 năm, hoặc cả hai hình phạt trên.

Những hình phạt này sẽ được áp dụng nếu bạn cố tình và chủ ý khai sai Mẫu W-4 nhằm giảm hoặc loại bỏ mức khấu lưu thuế phù hợp. Sai sót đơn giản hoặc nhầm lẫn do sơ suất sẽ không dẫn đến một trong những hình phạt trên.

Tiền bo

Tiền bo bạn nhận được khi thực hiện công việc được xem là một phần tiền lương của bạn. Bạn phải khai tiền bo trên tờ khai thuế của mình trên cùng dòng với tiền lương thông thường của bạn. Tuy nhiên, thuế sẽ không được khấu lưu trực tiếp vào thu nhập từ tiền bo mà từ tiền lương thông thường của bạn. Tuy nhiên, chủ lao động sẽ căn cứ vào tiền bo bạn khai báo để xác định số tiền cần phải khấu lưu từ tiền lương thông thường của bạn.

Để biết thêm thông tin về cách khai báo tiền bo của bạn đến chủ lao động và về các quy tắc khấu lưu đối với thu nhập tiền bo, hãy tham khảo Ấn phẩm 531, Khai Báo Thu Nhập Tiền Bo.

Chủ lao động tính số tiền khấu lưu như thế nào. Tiền bo mà bạn khai báo cho chủ lao động của mình sẽ được tính vào thu nhập cho tháng mà bạn

khai thuế. Chủ lao động của bạn có thể tính mức khấu lưu của bạn theo một trong hai cách sau.

- Khấu lưu theo tỷ lệ thường trên tổng của tiền lương và tiền bo mà bạn đã khai báo.
- Khấu lưu theo tỷ lệ thường trên tiền lương của bạn cộng với tỷ lệ phần trăm tiền bo mà bạn đã khai báo.

Tiền lương không đủ để đóng thuế. Nếu tiền lương thông thường của bạn không đủ để chủ lao động của bạn khấu lưu tất cả các khoản thuế phải nộp (bao gồm thuế thu nhập, thuế an sinh xã hội và Medicare (hoặc thuế hưu trí đường sắt tương đương)) dựa trên tiền lương cộng với tiền bo của bạn, bạn có thể đưa thêm tiền cho chủ lao động của mình để nộp cho khoản thiếu hụt này. Xem Ấn phẩm 531 để biết thêm thông tin.

Tiền bo được phân bổ. Chủ lao động của bạn không phải khấu lưu thuế thu nhập, thuế Medicare, thuế an sinh xã hội hoặc thuế hưu trí đường sắt trên bất kỳ khoản tiền bo được phân bổ nào. Mức khấu lưu chỉ được tính trên tiền lương cộng với tiền bo mà bạn đã khai báo. Chủ lao động của bạn phải hoàn trả lại cho bạn bất kỳ khoản thuế nào đã bị khấu lưu không chính xác. Xem Ấn phẩm 531 để biết thêm thông tin.

Các quyền lợi phụ chịu thuế

Giá trị của một số quyền lợi phụ phi tiền mặt mà bạn nhận được từ chủ lao động được xem là một phần tiền lương của bạn. Thông thường, chủ lao động của bạn phải khấu lưu thuế thu nhập cho những quyền lợi này từ tiền lương thông thường của bạn.

Để biết thông tin về quyền lợi phụ, tham khảo mục [Quyền lợi phụ](#) trong phần *Thủ lao của Nhân viên* trong chương 5.

Mặc dù giá trị bạn có được từ việc sử dụng ô tô, xe tải hoặc phương tiện di chuyển cơ giới khác do chủ lao động cung cấp đều phải chịu thuế, tuy nhiên, chủ lao động của bạn có thể chọn không khấu lưu thuế thu nhập trên số tiền này. Chủ lao động phải thông báo cho bạn biết nếu áp dụng lựa chọn này.

Để biết thêm thông tin về việc khấu lưu các quyền lợi phụ chịu thuế, tham khảo chương 1 của Ấn phẩm 505.

Tiền nghỉ bệnh

Tiền nghỉ bệnh là khoản thanh toán cho bạn thay cho tiền lương thông thường trong thời gian bạn tạm thời nghỉ việc do ốm đau hoặc thương tật cá nhân. Tiền nghỉ bệnh chỉ được trả qua một chương trình mà chủ lao động của bạn là một bên tham gia.

Nếu bạn nhận tiền nghỉ bệnh từ chủ lao động của bạn hoặc đại diện của chủ lao động thì số tiền lương này sẽ chịu khấu lưu thuế thu nhập. Với đại diện không trả tiền lương thông thường cho bạn, họ có thể chọn khấu lưu thuế thu nhập theo tỷ lệ cố định.

Tuy nhiên, nếu bạn nhận tiền nghỉ bệnh từ bên thứ ba không phải là đại lý của chủ lao động của bạn, thuế thu nhập chỉ được khấu lưu khi bạn chọn hình thức khấu lưu. Tham khảo [Mẫu W-4S](#) ở phần sau.

Nếu bạn nhận được các khoản thanh toán theo một chương trình mà chủ lao động của bạn không tham gia (chẳng hạn như chương trình bảo hiểm tai nạn hoặc y tế mà bạn đã trả tất cả phí bảo hiểm), thì các khoản thanh toán đó không phải là tiền nghỉ bệnh và thường không phải chịu thuế.

Các thỏa thuận công đoàn. Nếu bạn nhận tiền nghỉ bệnh theo thỏa ước lao động tập thể giữa công đoàn của bạn và chủ lao động của bạn, số tiền khấu lưu thuế thu nhập có thể được xác định dựa trên thỏa thuận này. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại diện công đoàn hoặc chủ lao động của bạn.

Mẫu W-4S. Nếu bạn chọn khấu lưu thuế thu nhập từ tiền nghỉ bệnh do bên thứ ba trả, chẳng hạn như công ty bảo hiểm, bạn phải điền vào Mẫu W-4S. Bạn sẽ tìm thấy bảng tính trong phần hướng dẫn để giúp bạn tính được số tiền bạn muốn khấu lưu. Hướng dẫn cũng đưa ra một số hạn chế có thể được áp dụng.

Hãy nộp mẫu đơn đã điền cho đơn vị trả tiền nghỉ bệnh của bạn. Đơn vị trả này sẽ khấu lưu thuế thu nhập theo chỉ dẫn của bạn điền trong đơn.

Thuế ước tính. Nếu bạn không yêu cầu khấu lưu trên Mẫu W-4S, hoặc nếu bạn không có đủ tiền khấu lưu thuế, bạn có thể phải đóng thuế ước tính. Nếu bạn không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu lưu thuế, hoặc cả hai hình thức này, thì bạn có thể phải chịu hình phạt. Tham khảo mục [Hình phạt do thanh toán thiếu cho năm 2024](#) ở cuối chương này.

Lương hưu và Niên kim

Thuế thu nhập thường sẽ được khấu lưu từ lương hưu hoặc các khoản phân phối niên kim trừ khi bạn chọn không khấu lưu từ nguồn thu nhập này. Quy tắc này áp dụng cho các khoản phân phối đến từ:

- Quỹ hưu trí cá nhân (IRA) truyền thống;
- Một công ty bảo hiểm nhân thọ theo hợp đồng quyền tặng, niên kim hoặc bảo hiểm nhân thọ;
- Chương trình lương hưu, niên kim hoặc chia sẻ lợi nhuận;
- Chương trình thường cổ phiếu; và
- Bất kỳ chương trình nào khác làm trì hoãn thời gian bạn nhận thù lao.

Số tiền khấu lưu sẽ phụ thuộc vào việc bạn nhận các khoản thanh toán dần trải trong hơn một năm (khoản thanh toán định kỳ), hoặc trong vòng 1 năm (khoản thanh toán không định kỳ) hoặc là khoản phân phối chuyển tiếp đủ điều kiện (ERD). Việc khấu lưu thuế thu nhập từ ERD là bắt buộc.

Thông tin bổ sung. Để có thêm thông tin về khấu lưu thuế trên lương hưu và niên kim, bao gồm cả phần thảo luận của Mẫu W-4P, tham khảo mục *Pensions and Annuities (Lương hưu và Niên kim)* trong chương 1 của Ấn phẩm 505.

Tiền thắng cược

Thuế thu nhập được khấu lưu ở mức cố định là 24% đối với một số hình thức thắng cược.

Tiền thắng cược từ \$5.000 trở lên từ các nguồn sau sẽ chịu khấu lưu thuế thu nhập.

- Bất kỳ hình thức rút thăm trúng thưởng; góp vốn cá cược, bao gồm các thanh toán cho người thắng cuộc trong các giải đấu poker; hoặc tiền trúng xổ số.
- Bất kỳ các hình thức cá cược nào khác, nếu số tiền thắng cược ít nhất gấp 300 lần số tiền đặt cược.

Không phân biệt nếu bạn sẽ nhận tiền thắng cược bằng hình thức nào, tiền mặt, tài sản, hay niên kim. Việc thắng cược không trả bằng tiền mặt sẽ được quy đổi theo giá trị hợp lý của thị trường.

Ngoại lệ. Tiền thắng cược từ trò chơi bingo, keno và máy đánh bạc thường không bị khấu trừ thuế thu nhập. Tuy nhiên, bạn có thể cần cung cấp cho người trả tiền số an sinh xã hội để tránh bị khấu trừ thuế. Xem [Backup withholding on gambling winnings](#) (Khấu trừ thuế dự phòng trên tiền thắng cược) trong chương 1 của Ấn phẩm 505. Nếu bạn nhận tiền thắng cược không bị khấu trừ thuế, bạn có thể phải nộp thuế ước tính. Tham khảo mục [Thuế ước tính cho năm 2025](#) ở phần sau.

Nếu bạn không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu trừ thuế, hoặc cả hai hình thức này, thì bạn có thể phải trả tiền phạt. Xem [Hình phạt do thanh toán thiếu cho năm 2024](#) ở cuối chương này.

Mẫu W-2G. Nếu người trả tiền khấu trừ thuế thu nhập từ tiền thắng cược của bạn, bạn phải nhận được Mẫu W-2G. Một số khoản tiền thắng cược, thể hiện số tiền mà bạn thắng cược và số tiền khấu trừ. Khai báo thuế khấu trừ trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25c.

Bồi thường thất nghiệp

Bạn có thể chọn khấu trừ thuế thu nhập từ khoản bồi thường thất nghiệp. Để thực hiện lựa chọn này, hãy điền Mẫu W-4V (hoặc mẫu tương tự do người trả tiền cung cấp) và đưa mẫu này cho người trả tiền.

Tất cả các khoản bồi thường thất nghiệp đều chịu thuế. Nếu bạn không có khấu trừ thuế thu nhập, bạn có thể phải nộp thuế ước tính. Tham khảo mục [Thuế ước tính cho năm 2025](#) ở phần sau.

Nếu bạn không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu trừ thuế, hoặc cả hai hình thức này, thì bạn có thể phải đóng hình phạt. Tham khảo mục [Hình phạt do thanh toán thiếu cho năm 2024](#) ở cuối chương này.

Các khoản thanh toán Liên bang

Bạn có thể chọn khấu trừ thuế thu nhập từ một số khoản thanh toán liên bang mà bạn nhận được. Những thanh toán này gồm có.

1. Phúc lợi an sinh xã hội.
2. Phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1.
3. Các khoản vay của công ty tín dụng hàng hóa mà bạn chọn để tính vào tổng thu nhập của mình.
4. Các khoản thanh toán theo Đạo luật Nông nghiệp năm 1949 (7 U.S.C. 1421 và tiếp theo), được điều chỉnh, hoặc theo tiêu đề II của Đạo luật Cứu trợ Thiên tai năm 1988, được xem là tiền bảo hiểm với lý do nhận được vì:
 - a. Cây trồng của bạn bị phá hủy hoặc thiệt hại do hạn hán, lũ lụt, hoặc thiên tai khác; hoặc
 - b. Bạn không thể trồng trọt do ảnh hưởng của thiên tai được mô tả trong phần (a).
5. Bất kỳ các thanh toán nào khác theo luật liên bang được Bộ Trưởng phê duyệt.

Để thực hiện lựa chọn này, hãy điền Mẫu W-4V (hoặc mẫu tương tự do đơn vị chi trả cung cấp) và đưa mẫu này cho đơn vị chi trả.

Nếu bạn không chọn khấu trừ thuế thu nhập, bạn có thể phải đóng thuế ước tính. Tham khảo mục [Thuế ước tính cho năm 2025](#) ở phần sau.

Nếu bạn không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu trừ thuế, hoặc cả hai hình thức này, thì bạn có thể phải đóng hình phạt. Tham khảo mục [Hình phạt do thanh toán thiếu cho năm 2024](#) ở cuối chương này.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về việc xử lý thuế đối với phúc lợi an sinh xã hội và trợ cấp hưu trí đường sắt, tham khảo chương 7. Lấy Ấn phẩm 225, Hướng dẫn Thuế cho Nông Gia, để biết thêm thông tin về việc xử lý thuế đối với các khoản vay của công ty tín dụng hàng hóa hoặc các thanh toán cho vụ mùa do thiên tai.

Khấu trừ dự phòng

Ngân hàng hoặc doanh nghiệp có chi trả cho bạn hình thức thu nhập nhất định cần phải nộp tờ khai thông tin (Mẫu 1099) cho IRS. Tờ khai thông tin sẽ cho biết số tiền mà bạn được chi trả trong năm. Thông tin về họ tên và mã số thuế (TIN) của bạn sẽ được đưa vào tờ khai này. TIN này được giải thích trong chương 1 tại mục [Số An sinh Xã hội \(SSN\)](#).

Các khoản thanh toán này thường không bị khấu trừ thuế. Tuy nhiên, khấu trừ “dự phòng” là bắt buộc trong một số trường hợp nhất định. Khấu trừ dự phòng có thể áp dụng cho hầu hết các hình thức chi trả được khai báo trong Mẫu 1099.

Người trả tiền phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ cố định là 24% trong các trường hợp sau.

- Bạn không cung cấp cho người trả tiền TIN của mình theo quy định.
- Người trả tiền được thông báo từ IRS rằng TIN mà bạn cung cấp không chính xác.
- Bạn được yêu cầu phải xác nhận bạn không thuộc diện khấu trừ dự phòng, nhưng bạn đã không xác nhận.
- IRS thông báo cho người trả tiền bắt đầu khấu trừ thuế trên tiền lãi hoặc cổ tức của bạn vì bạn đã khai báo không đầy đủ tiền lãi hoặc cổ tức trên tờ khai thuế thu nhập của bạn. IRS sẽ chỉ thực thi biện pháp này sau khi đã gửi 4 thông báo nhắc nhở qua bưu điện cho bạn.

Truy cập [IRS.gov/Businesses/Small-Businesses-Self-Employed/Backup-Withholding](#) (tiếng Anh) để biết thêm thông tin về các hình thức thanh toán bị khấu trừ dự phòng.

Hình phạt. Việc cung cấp sai thông tin để tránh khấu trừ thuế dự phòng đều có thể dẫn đến các hình phạt dân sự và hình sự. Khoản hình phạt dân sự là \$500. Sau khi bị kết án, hình phạt hình sự sẽ là phạt tiền lên đến \$1.000 hoặc phạt tù đến 1 năm, hoặc cả hai hình phạt này.

Thuế ước tính cho năm 2025

Thuế ước tính là phương pháp được sử dụng để trả thuế đối với thu nhập không phải chịu khấu trừ. Phương pháp này áp dụng cho thu nhập do tự kinh doanh, tiền lãi, cổ tức, tiền cấp dưỡng, tiền cho thuê, tiền thu được từ việc bán tài sản, từ giải thưởng và phần thưởng. Bạn cũng có thể phải đóng thuế ước tính nếu số tiền thuế thu nhập được khấu trừ từ tiền lương, lương hưu hoặc thu nhập khác của bạn không đủ.

Thuế ước tính được áp dụng cho thuế thu nhập và thuế tự kinh doanh, cũng như các loại thuế và số tiền khác được khai báo cáo trong tờ khai thuế của bạn. Nếu bạn không đóng đủ thuế, thông qua hình

thức thuế ước tính hoặc khấu trừ, hoặc cả hai hình thức này, thì bạn có thể phải đóng tiền phạt. Nếu bạn không đóng đủ thuế trước ngày đến hạn của mỗi kỳ thanh toán (xem [Khi nào trả thuế ước tính](#) ở phần sau), bạn có thể sẽ bị phạt ngay cả khi bạn đến hạn được hoàn thuế khi nộp tờ khai thuế của mình. Để biết thông tin về thời điểm áp dụng khoản tiền phạt, vui lòng tham khảo [Hình phạt do thanh toán thiếu cho năm 2024](#) ở cuối chương này.

Ai không cần trả thuế ước tính

Nếu bạn có thu nhập từ tiền lương hoặc tiền công, bạn có thể tránh việc trả thuế ước tính bằng cách đề nghị chủ lao động của bạn khấu trừ mức thuế cao hơn từ thu nhập của bạn. Để đề nghị, vui lòng nộp Mẫu W-4 mới cho chủ lao động của bạn. Xem chương 1 của Ấn phẩm 505.

Thuế ước tính không bắt buộc. Bạn không phải nộp thuế ước tính cho năm 2024 nếu bạn đáp ứng cả ba điều kiện sau.

- Bạn không có nợ thuế cho năm 2024.
- Bạn là công dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú trong cả năm.
- Năm thuế 2024 của bạn bao gồm khoảng thời gian 12 tháng.

Bạn không có nợ thuế cho năm 2024 nếu tổng số thuế là không hoặc bạn không phải nộp tờ khai thuế thu nhập. Để hiểu về định nghĩa của “tổng số thuế” cho năm 2024, xem Ấn phẩm 505, chương 2.

Ai phải trả thuế ước tính

Nếu bạn nợ thuế bổ sung cho năm 2024, bạn có thể phải đóng thuế ước tính cho năm 2025.

Bạn có thể tham khảo các quy tắc chung sau đây làm hướng dẫn khai thuế cho cả năm để tính xem liệu bạn đã khấu trừ đủ thuế, hoặc có cần tăng mức khấu trừ hoặc nộp thuế ước tính hay không.

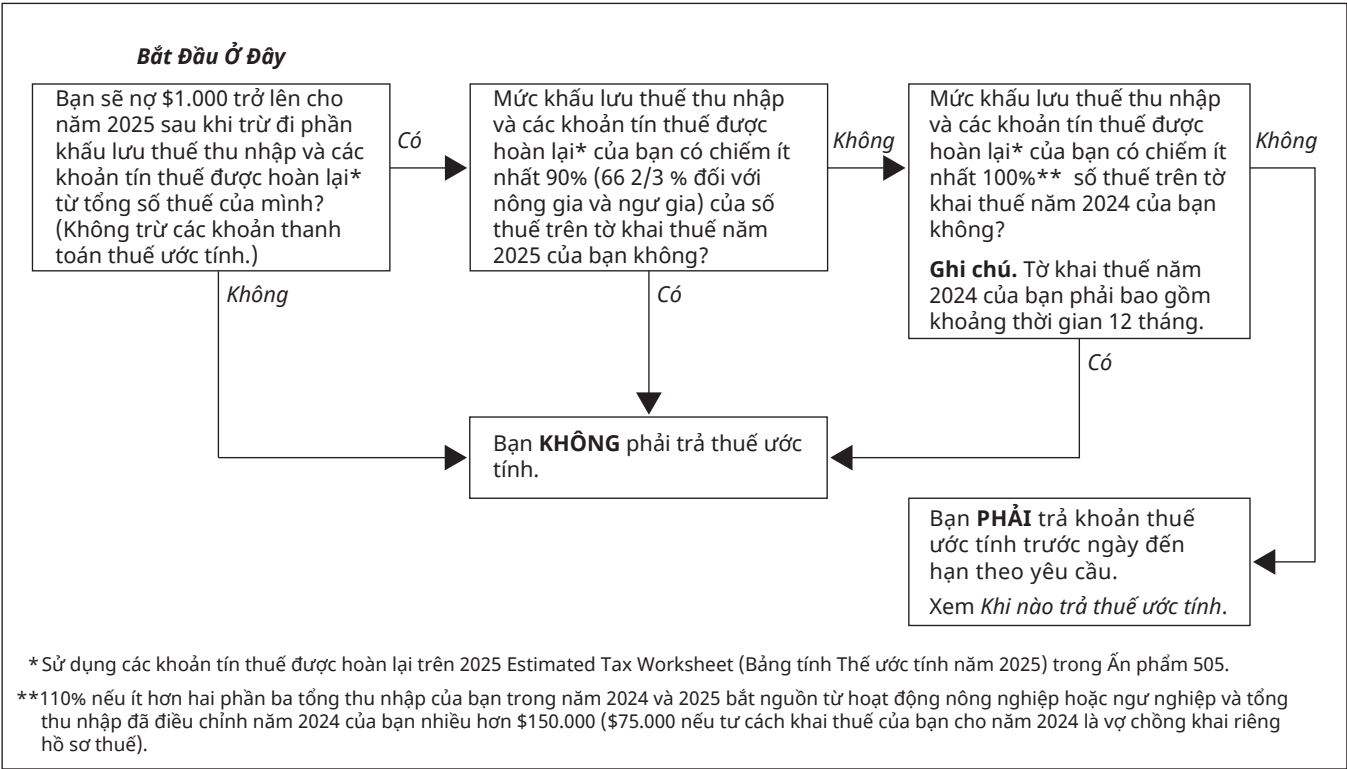
Quy tắc chung. Trong hầu hết các trường hợp, bạn phải trả thuế ước tính cho năm 2025 nếu cả hai điều sau áp dụng.

1. Bạn dự kiến nợ thuế ít nhất là \$1.000 cho năm 2025 sau khi trừ đi các khoản khấu trừ và tín thuế được hoàn lại.
2. Bạn dự kiến khoản khấu trừ cộng với tín thuế được hoàn lại của mình thấp hơn con số nhỏ hơn, giữa:
 - a. 90% số tiền thuế được thể hiện trên tờ khai thuế năm 2025 của bạn, hoặc
 - b. 100% số tiền thuế được thể hiện trên tờ khai thuế năm 2024 của bạn (tuy nhiên, cần tham khảo mục [Các quy tắc đặc biệt dành cho nông gia, ngư gia, và người đóng thuế có thu nhập cao hơn](#) ở phần sau). Tờ khai thuế năm 2024 của bạn phải bao gồm khoảng thời gian 12 tháng.

 Nếu kết quả từ việc áp dụng các quy tắc chung nêu trên cho thấy bạn chưa khấu trừ đủ thuế, hãy sử dụng *Estimated Tax Worksheet* (Bảng tính Thuế ước tính) năm 2024 trong Ấn phẩm 505 để tính toán chính xác hơn.

Các quy tắc đặc biệt dành cho nông gia, ngư gia, và người đóng thuế có thu nhập cao hơn. Nếu ít nhất hai phần ba tổng thu nhập của bạn trong năm 2024 hoặc 2025 bắt nguồn từ hoạt động nông

Hình 4-A. **Bạn có phải trả thuế ước tính không?**



ng nghiệp hoặc đánh bắt thủy hải sản, hãy áp dụng tỷ lệ 66 2/3% thay vì 90% trong dòng (2a) của mục [Quy tắc chung](#) ở phần trước đó. Nếu AGI của bạn cho năm 2024 cao hơn \$150.000 (\$75.000 nếu tư cách khai thuế của bạn cho năm 2024 là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế), hãy áp dụng tỷ lệ 110% thay vì 100% trong dòng (2b) của mục [Quy tắc chung](#) ở phần trước đó. Xem [Hình 4-A](#), Ấn phẩm 505, chương 2, để tìm hiểu thêm thông tin.

Người nước ngoài. Người nước ngoài thường trú và tạm trú có thể phải đóng thuế ước tính. Người nước ngoài thường trú phải tuân theo các quy tắc trong chương này trừ khi có ghi chú khác. Người nước ngoài tạm trú phải lấy Mẫu 1040-ES (NR), Thuế ước tính Hoa Kỳ cho Người nước ngoài tạm trú.

Bạn là người nước ngoài nếu bạn không phải là công dân hoặc quốc dân Hoa Kỳ. Bạn là người nước ngoài thường trú nếu bạn có thẻ xanh hoặc đáp ứng thử thách hiện diện đáng kể. Để biết thêm thông tin về thử thách hiện diện đáng kể, tham khảo Ấn phẩm 519, Hướng dẫn thuế Hoa Kỳ cho Người nước ngoài.

Người đóng thuế đã kết hôn. Nếu bạn đủ điều kiện để thanh toán các khoản thuế ước tính nộp chung, hãy áp dụng các quy tắc được thảo luận tại đây cho thu nhập ước tính nộp chung của bạn.

Bạn và vợ/chồng của bạn có thể thanh toán thuế ước tính chung ngay cả khi bạn không sống cùng nhau.

Tuy nhiên, bạn và vợ/chồng của bạn không thể thanh toán thuế ước tính chung trong các trường hợp sau:

- Bạn đã ly thân hợp pháp theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân,
- Bạn và vợ/chồng của bạn có các năm chịu thuế khác nhau, hoặc

- Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú (trừ khi người này lựa chọn được xem là người nước ngoài thường trú cho mục đích thuế (tham khảo chương 1 của Ấn phẩm 519)).

Nếu bạn và vợ/chồng của bạn không thể nộp thuế ước tính, hãy áp dụng các quy tắc này cho thu nhập ước tính riêng của bạn. Việc thanh toán các khoản thuế ước tính nộp chung hoặc riêng sẽ không ảnh hưởng đến việc lựa chọn khai chung hoặc khai riêng tờ khai thuế cho năm 2024.

Tờ khai thuế riêng năm 2024 và tờ khai thuế chung năm 2025. Nếu bạn dự định nộp tờ khai thuế chung với vợ/chồng của mình cho năm 2025 nhưng bạn đã khai thuế riêng cho năm 2024, thuế năm 2024 của bạn sẽ là tổng số thuế hiển thị trên tờ khai thuế riêng của bạn. Bạn đã nộp tờ khai thuế riêng nếu bạn thuộc diện độc thân, chủ gia đình hoặc vợ chồng khai riêng tờ khai thuế.

Tờ khai thuế chung năm 2024 và tờ khai thuế riêng năm 2025. Nếu bạn dự định nộp tờ khai thuế riêng cho năm 2025 nhưng bạn đã nộp tờ khai thuế chung cho năm 2024, thuế năm 2024 của bạn là phần thuế của bạn trên tờ khai thuế chung. Bạn nộp tờ khai thuế riêng nếu bạn thuộc diện độc thân, chủ gia đình hoặc vợ chồng khai riêng tờ khai thuế.

Để tính phần thuế của bạn trên tờ khai thuế chung, trước tiên hãy tính số tiền thuế mà bạn và vợ/chồng của bạn có thể đã đóng nếu bạn khai thuế riêng cho năm 2024 và sử dụng cùng tư cách khai thuế cho năm 2025. Sau đó, nhân số tiền thuế trên tờ khai chung với tỷ lệ sau.

Tiền thuế mà bạn có thể đã nộp nếu khai thuế riêng
Tổng số tiền thuế mà bạn và vợ/chồng của bạn có thể đã nộp nếu khai thuế riêng

Ví dụ. Người đóng thuế A và Người đóng thuế B đã khai thuế chung cho năm 2024 trên tổng thu nhập chịu thuế là \$48.500 và thuế là \$5.359. Trong tổng thu nhập chịu thuế \$48.500 thì phần thu nhập của Người đóng thuế A là \$40.100 và phần còn lại của Người đóng thuế B. Năm 2025, họ dự định khai như vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế. Người đóng thuế A tính thuế trên tờ khai thuế chung năm 2024 như sau.

Số tiền thuế trên thu nhập chịu thuế \$40.100 nếu khai thuế riêng . . .	\$4.583
Số tiền thuế trên thu nhập chịu thuế \$8.400 nếu khai thuế riêng . . .	843
Tổng	\$5.426
Tỷ lệ của Người đóng thuế A trong tổng số (\$4.583 ÷ \$5.426) . . .	85%
Phần thuế của Người đóng thuế A trên tờ khai thuế chung là (\$5.359 × 85%)	\$4.555

Cách tính Thuế ước tính

Để tính thuế ước tính, bạn phải tính tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI), thu nhập chịu thuế, các loại thuế, các khoản khấu trừ và các khoản tín thuế trong năm.

Sẽ hữu ích nếu bạn sử dụng thu nhập, khoản khấu trừ và tín thuế năm 2024 của mình làm điểm bắt đầu để tính thuế ước tính cho năm 2025. Sử

dụng tờ khai thuế liên bang năm 2024 của bạn làm hướng dẫn. Bạn có thể sử dụng Mẫu 1040-ES và Ấn phẩm 505 để tính thuế ước tính của bạn. Người nước ngoài tạm trú sử dụng Mẫu 1040-ES (NR) và Ấn phẩm 505 để tính thuế ước tính (xem chương 8 của Ấn phẩm 519 để tìm hiểu thêm thông tin).

Bạn phải thực hiện điều chỉnh nếu có những thay đổi về tình trạng cá nhân và những thay đổi trong luật thuế. Để thảo luận về những thay đổi này, hãy truy cập [IRS.gov](https://irs.gov).

Để tìm hiểu thêm thông tin đầy đủ về cách tính thuế ước tính của bạn cho năm 2025, tham khảo chương 2 của Ấn phẩm 505.

Khi nào trả thuế ước tính

Cho mục đích thuế ước tính, một năm thuế được chia thành bốn kỳ thanh toán. Mỗi kỳ sẽ có ngày đến hạn thanh toán cụ thể. Nếu bạn không trả đủ thuế trước ngày đến hạn của mỗi kỳ thanh toán, bạn có thể sẽ bị tính tiền phạt ngay cả khi bạn được hoàn thuế khi nộp tờ khai thuế thu nhập của mình. Dưới đây là các kỳ thanh toán thuế ước tính và ngày đến hạn.

Kỳ thuế:	Ngày đến hạn:*
Ngày 1 tháng 1–Ngày 31 tháng 3	Ngày 15 tháng 4
Ngày 1 tháng 4–Ngày 31 tháng 5	Ngày 16 tháng 6
Ngày 1 tháng 6–Ngày 31 tháng 8	Ngày 15 tháng 9
Ngày 1 tháng 9–Ngày 31 tháng 12	Ngày 15 tháng 1 năm sau

*Tham khảo [Thứ Bảy, Chủ Nhật, quy tắc ngày lễ và Thanh toán vào tháng 1](#).

Thứ Bảy, Chủ Nhật, quy tắc ngày lễ. Nếu ngày đến hạn thanh toán thuế ước tính rơi vào Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp, thì khoản thanh toán vẫn được xem là đúng hạn nếu bạn thực hiện vào ngày tiếp theo không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp.

Thanh toán vào tháng 1. Nếu bạn nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR cho năm 2025 trước ngày 2 tháng 2, 2026 và trả phần thuế còn nợ, bạn không cần phải thanh toán vào ngày 15 tháng 1, 2026.

Người đóng thuế theo năm tài chính. Nếu năm chịu thuế của bạn không bắt đầu vào ngày 1 tháng 1, tham khảo Hướng dẫn cho Mẫu 1040-ES cho ngày đến hạn thanh toán của bạn.

Khi nào bắt đầu

Bạn không phải thanh toán thuế ước tính cho đến khi bạn có thu nhập phát sinh nghĩa vụ đóng thuế thu nhập. Nếu bạn có thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ thanh toán đầu tiên, bạn phải thực hiện khoản thanh toán đầu tiên trước ngày đến hạn cho kỳ thanh toán đầu tiên. Bạn có thể thanh toán toàn bộ tiền thuế ước tính của mình tại thời điểm đó, hoặc bạn có thể trả dần. Nếu bạn chọn trả dần, hãy thanh toán khoản trả dần đầu tiên trước ngày đến hạn của kỳ thanh toán đầu tiên. Tiến hành thanh toán các khoản trả dần còn lại trước ngày đến hạn của mỗi kỳ thanh toán.

Không có thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ đầu tiên. Nếu bạn không có thu nhập chịu thuế ước tính cho đến kỳ thanh toán sau, bạn phải thực hiện

khoản thanh toán đầu tiên trước ngày đến hạn của kỳ đó. Bạn có thể thanh toán toàn bộ thuế ước tính trước ngày đến hạn cho kỳ đó hoặc bạn có thể trả dần trước ngày đến hạn của kỳ đó và ngày đến hạn cho các kỳ còn lại.

Bảng 4-1. Ngày đến hạn chung cho khoản trả dần thuế ước tính

Nếu đây là lần đầu tiên bạn có thu nhập chịu thuế ước tính:	Trả dần trước:*	Trả dần sau trước: *
Trước ngày 1 tháng 4	Ngày 15 tháng 4	Ngày 15 tháng 6 Ngày 15 tháng 9 Ngày 15 tháng 1 năm sau
Ngày 1 tháng 4–Ngày 31 tháng 5	Ngày 15 tháng 6	Ngày 15 tháng 9 Ngày 15 tháng 1 năm sau
Ngày 1 tháng 6–Ngày 31 tháng 8	Ngày 15 tháng 9	Ngày 15 tháng 1 năm sau
Sau ngày 31 tháng 8	Ngày 15 tháng 1 năm sau	(Không có)

*Tham khảo [Thứ Bảy, Chủ Nhật, quy tắc ngày lễ và Thanh toán vào tháng 1](#).

Số tiền thuế phải trả để tránh bị phạt. Để xác định số tiền thuế mà bạn phải trả cho mỗi kỳ đến hạn, tham khảo mục [Cách Tính Từng Khoản Thanh Toán](#) ở phần sau.

Cách tính từng khoản thanh toán

Bạn phải trả đủ số thuế ước tính trước ngày đến hạn của mỗi kỳ thanh toán để tránh bị phạt cho kỳ thanh toán đó. Bạn có thể xác định số tiền thuế phải trả cho mỗi kỳ thanh toán theo phương pháp trả dần định kỳ hoặc phương pháp trả dần thu nhập hàng năm. Các phương pháp này được mô tả trong chương 2 của Ấn phẩm 505. Nếu bạn không trả đủ thuế trong mỗi kỳ thanh toán, bạn có thể sẽ bị tính tiền phạt ngay cả khi bạn được hoàn thuế khi nộp tờ khai thuế của mình.

Nếu bạn thấy thảo luận trước đây về [Không có thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ đầu tiên](#) hoặc thảo luận sau đây về [Thay đổi thuế ước tính](#) áp dụng cho trường hợp của mình, bạn nên xem thêm [Annualized Income Installment Method \(Phương thức Trả dần thu nhập hàng năm\)](#) trong chương 2 của Ấn phẩm 505 để có thông tin giúp tránh bị phạt.

Hình phạt do trả thiếu. Theo phương pháp trả dần định kỳ, nếu số tiền đóng thuế ước tính của bạn cho mỗi kỳ thấp hơn một phần tư tổng số thuế ước tính của bạn, bạn có thể bị phạt do trả thiếu thuế ước tính cho kỳ đó khi bạn nộp tờ khai thuế. Theo phương pháp trả dần thu nhập hàng năm, các khoản thanh toán thuế ước tính của bạn sẽ thay đổi theo thu nhập, tuy nhiên, việc thanh toán thuế ước tính cho mỗi kỳ là bắt buộc. Tham khảo [Hướng dẫn cho Mẫu 2210](#) để tìm hiểu thêm thông tin.

Thay đổi thuế ước tính. Sau khi bạn thực hiện thanh toán thuế ước tính, bạn có thể phải tính lại số tiền thuế ước tính của mình nếu có những thay đổi về thu nhập, các điều chỉnh, các khoản khấu trừ hoặc tín thuế. Trả số tiền còn chưa thanh toán của thuế ước tính đã điều chỉnh trước ngày đến hạn của khoản thanh toán tiếp theo sau khi thay đổi hoặc

khoản trả dần trước ngày đến hạn cho kỳ này và ngày đến hạn cho các kỳ thanh toán còn lại.

Khoản thanh toán thuế ước tính không bắt buộc

Bạn không phải thanh toán thuế ước tính nếu khoản khấu lưu trong mỗi kỳ thanh toán tối thiểu bằng với:

- Một phần tư khoản thanh toán hàng năm bắt buộc của bạn, hoặc
- Khoản trả dần thu nhập hàng năm bắt buộc của bạn cho kỳ thanh toán đó.

Bạn cũng không phải nộp thuế ước tính nếu bạn đóng đủ thuế thông qua hình thức khấu lưu để giữ số tiền mà bạn nợ trên tờ khai thuế dưới \$1.000.

Cách trả thuế ước tính

Có nhiều cách để trả thuế ước tính.

- Khấu giảm khoản thanh toán vượt mức cho tờ khai thuế năm 2024 của bạn vào thuế ước tính năm 2025 của bạn.
- Trả bằng chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của bạn, hoặc thanh toán bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng thông qua hệ thống thanh toán qua điện thoại hoặc qua Internet.
- Gửi thanh toán của bạn (séc hoặc lệnh phiếu) kèm theo phiếu thanh toán từ Mẫu 1040-ES.

Khấu giảm cho khoản thanh toán vượt mức

Nếu bạn chứng minh khoản thanh toán vượt mức thuế quy định sau khi hoàn thành Mẫu 1040 hoặc 1040-SR năm 2023 của mình, bạn có thể bù trừ một phần hoặc toàn bộ khoản thanh toán vượt mức này vào thuế ước tính cho năm 2024 của bạn. Tại dòng 36 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, hãy nhập số tiền mà bạn muốn được khấu giảm vào thuế ước tính thay vì hoàn thuế. Hãy tính đến số tiền bạn được khấu giảm khi xác định các khoản thanh toán thuế ước tính.

Bạn không thể khấu giảm khoản thanh toán vượt mức vào thuế ước tính hoặc hoàn thuế cho đến khi bạn nộp tờ khai thuế cho năm tiếp theo. Bạn cũng không thể sử dụng khoản thanh toán vượt mức này dưới bất kỳ hình thức nào khác.

Thanh toán trực tuyến

IRS cung cấp tùy chọn thanh toán điện tử phù hợp cho bạn. Thanh toán trực tuyến rất tiện lợi, an toàn đồng thời giúp đảm bảo rằng chúng tôi nhận được tiền thanh toán của bạn đúng hạn. Để thanh toán thuế trực tuyến hoặc để tìm hiểu thêm thông tin, truy cập [IRS.gov/Payments](https://irs.gov/payments). Bạn có thể thanh toán bằng bất kỳ phương thức nào sau đây.

- Direct Pay của IRS.** Để chuyển khoản trực tuyến trực tiếp từ tài khoản thanh toán hoặc tài khoản tiết kiệm của bạn mà không tốn phí, hãy truy cập [IRS.gov/Payments](https://irs.gov/payments).
- Trả bằng thẻ hoặc ví điện tử.** Để trả bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng hoặc ví điện tử, hãy truy cập [IRS.gov/Payments](https://irs.gov/payments). Các nhà cung cấp dịch vụ này sẽ tính phí tiện lợi. Bạn cũng có thể thanh toán bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng qua điện thoại. Xem [Thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng](#) dưới mục [Thanh toán qua điện thoại](#) ở phần sau
- Trích ngân điện tử (EFW).** Đây là tùy chọn tích hợp *e-file/e-pay* chỉ được cung cấp khi bạn

nộp tờ khai thuế liên bang bằng điện tử thông qua phần mềm lập tờ khai thuế, thông qua chuyên gia thuế hoặc IRS tại [IRS.gov/POA](https://irs.gov/POA).

- **Thỏa thuận Thanh toán trực tuyến.** Nếu bạn không thể trả đầy đủ vào ngày đến hạn của tờ khai thuế, bạn có thể đăng ký thỏa thuận trả dần hàng tháng trực tuyến tại [IRS.gov/Payments](https://irs.gov/Payments). Sau khi hoàn thành quy trình trên mạng, bạn sẽ được thông báo ngay để biết thỏa thuận của mình có được chấp thuận hay không. Có tính phí người dùng.
- **IRS2Go.** Đây là ứng dụng trên thiết bị di động của IRS. Bạn có thể truy cập Direct Pay hoặc Thanh toán bằng thẻ bằng cách tải xuống ứng dụng.

Hệ thống thanh toán thuế Liên bang bằng điện tử (EFTPS)

Hệ thống này cho phép bạn nộp thuế trực tuyến hoặc qua điện thoại trực tiếp từ tài khoản séc hoặc tiết kiệm của bạn. Dịch vụ này không mất phí. Bạn phải đăng ký trực tuyến hoặc gửi đơn đăng ký qua đường bưu điện cho bạn. Xem *EFTPS* dưới mục *Thanh toán qua điện thoại*, ở phần sau.

Thanh toán qua điện thoại

Thanh toán qua điện thoại là một phương thức thanh toán điện tử an toàn và bảo mật khác. Sử dụng một trong các phương thức sau: **(1)** gọi đến một trong những nhà cung cấp thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng, hoặc **(2)** sử dụng Hệ thống thanh toán thuế Liên bang bằng điện tử (EFTPS) để trả trực tiếp từ tài khoản thanh toán hoặc tiết kiệm.

Thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng. Hãy gọi cho một trong những nhà cung cấp dịch vụ của chúng tôi. Phí dịch vụ của những nhà cung cấp này khác nhau tùy theo nhà cung cấp, loại thẻ và số tiền thanh toán.

ACI Payments, Inc. (trước đây là Official Payments)
888-272-9829
www.fed.acipayonline.com (tiếng Anh)

Link2Gov Corporation
888-PAY-1040™ (888-729-1040)
www.PAY1040.com (tiếng Anh)

EFTPS. Để biết thêm thông tin về EFTPS hoặc để đăng ký với EFTPS, truy cập www.EFTPS.gov (tiếng Anh) hoặc gọi 800-555-4477 (tiếng Anh). Để liên hệ với EFTPS bằng Dịch vụ Viễn thông chuyển tiếp (TRS) cho người bị điếc, khiếm thính, hoặc khuyết tật nói gọi 711 và sau đó cung cấp cho người trợ tá TRS số 800-555-4477 ở trên hoặc 800-733-4829. Thông tin bổ sung về EFTPS cũng có sẵn trong Ấn phẩm 966.

Trả bằng Thiết bị di động

Để thanh toán qua thiết bị di động của bạn, hãy tải xuống ứng dụng IRS2Go.

Trả bằng tiền mặt

Tiền mặt là tùy chọn thanh toán trực tiếp cho cá nhân được cung cấp thông qua các đối tác bán lẻ với tối đa \$1.000 mỗi ngày cho mỗi giao dịch. Để thanh toán bằng tiền mặt, chọn nhà xử lý trực tuyến với ACI Payments, Inc. tại fed.acipayonline.com (tiếng Anh) hoặc www.Pay1040.com (tiếng Anh) nhà cung cấp dịch vụ thanh toán chính thức của chúng

tôi. Để biết thêm thông tin, truy cập [IRS.gov/paywithcash](https://irs.gov/paywithcash) hoặc xem Ấn phẩm 5250. Không gửi tiền mặt qua đường bưu điện.

Dùng Phiếu thanh toán Thuế ước tính để trả bằng séc hoặc lệnh phiếu

Trước khi gửi thanh toán qua đường bưu điện thông qua phiếu thanh toán thuế ước tính, vui lòng cân nhắc các phương thức thay thế. Các phương thức thanh toán điện tử an toàn, nhanh chóng và dễ sử dụng mà chúng tôi cung cấp có thể phù hợp cho bạn.

Nếu bạn chọn gửi thanh toán qua đường bưu điện, mỗi khoản thanh toán thuế ước tính bằng séc hoặc lệnh phiếu phải kèm theo phiếu thanh toán lấy từ Mẫu 1040-ES.

Trong năm 2024, nếu bạn:

- Đã thực hiện ít nhất một khoản thanh toán thuế ước tính không thông qua phương tiện điện tử,
- Đã không sử dụng phần mềm hoặc người giúp khai thuế có trả phí để lập hoặc nộp tờ khai thuế của bạn,

thì bạn sẽ nhận được một bản sao của Mẫu 1040-ES cho năm 2025 cùng với phiếu thanh toán.

Các phiếu thanh toán kèm theo sẽ được in sẵn tên, địa chỉ và số an sinh xã hội của bạn. Hãy sử dụng phiếu in sẵn để giúp bạn tiết kiệm thời gian chuẩn bị hồ sơ, giảm sai sót và tiết kiệm chi phí xử lý.

Vui lòng sử dụng phong bì có cửa sổ giấy bóng được gửi kèm cùng với gói gồm Mẫu 1040-ES của bạn. Nếu bạn sử dụng phong bì của riêng mình, hãy đảm bảo rằng bạn gửi phiếu thanh toán của bạn đến địa chỉ được hiển thị trên hướng dẫn cho Mẫu 1040-ES dành cho khu vực bạn sinh sống.

Không chấp nhận séc \$100 triệu trở lên. IRS không thể chấp nhận một séc duy nhất (bao gồm séc ngân hàng có bảo chứng) cho số tiền \$100.000.000 (\$100 triệu) trở lên. Nếu bạn thanh toán \$100 triệu trở lên bằng séc, bạn phải chia khoản thanh toán thành hai séc hoặc hơn với mỗi séc có giá trị thấp hơn \$100 triệu. Hạn mức này không áp dụng đối với các phương thức thanh toán khác (ví dụ như thanh toán điện tử). Vui lòng cân nhắc phương thức thanh toán khác ngoài séc nếu số tiền thanh toán trên \$100 triệu.

Ghi chú. Những tiêu chí này có thể thay đổi mà không báo trước. Nếu bạn không nhận được gói hồ sơ có Mẫu 1040-ES và bạn được yêu cầu thanh toán thuế ước tính, bạn phải truy cập [IRS.gov/Form1040-ES](https://irs.gov/Form1040-ES) và in bản sao Mẫu 1040-ES có bao gồm bốn phiếu thanh toán chưa điền. Hoàn thành một trong những mẫu này và thực hiện thanh toán đúng hạn để tránh bị phạt do trả trễ.



Không sử dụng địa chỉ hiển thị trên Hướng dẫn cho Mẫu 1040 cho khoản thanh toán thuế ước tính của bạn.

Nếu bạn không trả thuế ước tính vào năm trước, bạn có thể yêu cầu Mẫu 1040-ES từ IRS (xem tại bìa sau bên trong ấn phẩm này) hoặc tải mẫu đơn này từ IRS.gov. Hãy làm theo hướng dẫn để đảm bảo bạn sử dụng đúng phiếu.

Các khoản thanh toán thuế ước tính chung. Nếu bạn khai tờ khai thuế chung và thanh toán thuế ước tính chung, hãy nhập tên và số an sinh xã hội vào phiếu thanh toán theo đúng thứ tự sẽ xuất hiện trên tờ khai thuế chung.

Thay đổi địa chỉ của bạn. Bạn phải thông báo cho IRS nếu bạn sẽ thanh toán thuế ước tính và đã thay đổi địa chỉ trong năm. Hoàn thành Mẫu 8822, Thay đổi địa chỉ, và gửi mẫu này đến địa chỉ được hiển thị trong hướng dẫn cho mẫu đơn đó.

Khấu giảm cho thuế đã khấu lưu và thuế ước tính cho năm 2024

Khi bạn nộp tờ khai thuế thu nhập năm 2024, hãy khấu giảm tất cả các khoản thuế thu nhập và thuế an sinh xã hội hoặc thuế hưu trí đường sắt vượt mức quy định đã được khấu lưu từ tiền lương, tiền công, lương hưu của bạn, v.v. Ngoài ra hãy khấu giảm thuế ước tính bạn đã đóng cho năm 2024. Các khoản khấu giảm này sẽ được trừ vào tổng số tiền thuế của bạn. Do các khoản khấu giảm này có thể được hoàn lại, bạn nên nộp tờ khai thuế và yêu cầu những khoản khấu giảm này ngay cả khi bạn không nợ thuế.

Hai chủ lao động hoặc nhiều hơn. Nếu bạn đã làm việc cho hai chủ lao động trở lên trong năm 2024 và được trả mức lương cao hơn \$168.600, mức thuế an sinh xã hội hoặc thuế hưu trí đường sắt bậc 1 khấu lưu từ tiền lương của bạn có thể rất cao. Bạn có thể yêu cầu khoản khấu lưu vượt mức được khấu giảm vào thuế thu nhập của mình khi bạn nộp tờ khai thuế. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040 để biết thêm thông tin.

Khấu lưu thuế

Nếu bạn có thuế thu nhập được khấu lưu trong năm 2024, bạn sẽ được gửi báo cáo có thể hiện thu nhập và thuế khấu lưu của bạn trước ngày 31 tháng 1, 2025. Tùy thuộc vào nguồn thu nhập của mình, bạn sẽ nhận được:

- Mẫu W-2, Báo cáo Tiền lương và thuế;
- Mẫu W-2G, Một số khoản tiền thắng cược; hoặc
- Một mẫu trong sổ—r 1099.

Mẫu W-2 và Mẫu W-2G. Nếu bạn nộp tờ khai bằng giấy, hãy đính kèm Mẫu W-2 cùng với tờ khai thuế thu nhập của bạn. Nộp Mẫu W-2G cùng với tờ khai của bạn chỉ nếu mẫu này thể hiện bất kỳ khoản thuế thu nhập liên bang nào được khấu lưu từ tiền thắng cược của bạn.

Bạn phải nhận được ít nhất hai bản sao của mỗi mẫu đơn này. Nếu bạn nộp tờ khai thuế bằng giấy, hãy đính kèm một bản sao ở mặt trước của tờ khai thuế thu nhập liên bang của bạn. Vui lòng giữ lại một bản sao để lưu trữ. Ngoài ra, bạn cũng sẽ nhận được bản sao để nộp cùng với tờ khai thuế của tiểu bang và địa phương.

Mẫu W-2

Chủ lao động của bạn phải cung cấp hoặc gửi Mẫu W-2 cho bạn không muộn hơn ngày 31 tháng 1, 2025. Bạn sẽ nhận được một Mẫu W-2 riêng từ mỗi chủ lao động nơi bạn đang làm việc.

Nếu bạn ngừng làm việc trước khi kết thúc năm 2024, chủ lao động của bạn có thể đã cung cấp cho bạn Mẫu W-2 vào bất kỳ lúc nào sau khi bạn ngừng làm việc. Tuy nhiên, chủ lao động của bạn phải cung cấp hoặc gửi mẫu đơn này cho bạn không muộn hơn ngày 31 tháng 1, 2025.

Nếu bạn yêu cầu cung cấp mẫu đơn này, chủ lao động của bạn phải gửi nó cho bạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của bạn hoặc trong vòng 30 ngày sau khi thanh toán khoản lương cuối cùng cho bạn, tùy thuộc thời điểm nào đến sau.

Nếu bạn chưa nhận được Mẫu W-2 trước ngày 31 tháng 1, bạn nên hỏi lại chủ lao động của mình. Nếu bạn không nhận được mẫu đơn này trước đầu tháng 2, hãy gọi cho IRS.

Mẫu W-2 cho biết tổng số tiền lương, trợ cấp khác, thuế thu nhập, thuế an sinh xã hội và thuế Medicare của bạn đã được khấu trừ trong năm. Bao gồm thuế thu nhập liên bang đã khấu trừ (giống như minh họa trong ô 2 của Mẫu W-2) trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25a.

Ngoài ra, Mẫu W-2 được sử dụng để báo cáo bất kỳ khoản tiền lương chịu thuế được chi trả khi nghỉ bệnh mà bạn nhận được và bất kỳ thuế thu nhập nào đã được khấu trừ từ tiền lương trả khi nghỉ bệnh.

Mẫu W-2G

Nếu bạn có tiền thắng cược trong năm 2024, bên thanh toán có thể đã khấu trừ thuế thu nhập. Nếu thuế đã được khấu trừ, bên thanh toán sẽ cung cấp cho bạn Mẫu W-2G thể hiện số tiền bạn thắng và số thuế đã khấu trừ.

Khai báo số tiền thắng cược của bạn trên Bảng 1 (Mẫu 1040). Lấy khấu trừ cho số tiền thuế đã khấu trừ trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25c.

Sê-ri 1099

Hầu hết các mẫu trong loạt 1099 sẽ không được nộp cùng tờ khai thuế của bạn. Những mẫu này sẽ được cung cấp cho bạn không muộn hơn ngày 31 tháng 1, 2025 (hoặc đối với Mẫu 1099-B, 1099-S và một số Mẫu 1099-MISC, sẽ được cung cấp không muộn hơn ngày 15 tháng 2, 2025). Trừ khi được hướng dẫn nộp bất kỳ biểu mẫu nào trong số này cùng với tờ khai thuế, hãy lưu giữ chúng trong hồ sơ của bạn. Trong loạt mẫu này có một số mẫu khác nữa nhưng không được liệt kê. Xem hướng dẫn cho Mẫu 1099 cụ thể để biết thêm thông tin.

Mẫu 1099-R. Đính kèm Mẫu 1099-R vào tờ khai bằng giấy của bạn nếu ô 4 cho thấy thuế thu nhập liên bang đã được khấu trừ. Gộp số tiền đã khấu trừ vào tổng số tiền ở dòng 25b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Khấu trừ dự phòng. Nếu bạn phải khấu trừ thuế dự phòng trên thu nhập nhận được trong năm 2024, gộp số tiền đã khấu trừ, thể hiện trên Mẫu 1099, vào tổng số tiền ở dòng 25b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Mẫu không chính xác

Nếu bạn nhận được biểu mẫu với thông tin không chính xác, bạn nên yêu cầu bên thanh toán cung cấp biểu mẫu sửa đổi. Gọi đến số điện thoại hoặc viết thư đến địa chỉ được cung cấp trên biểu mẫu để liên hệ với bên thanh toán. Mẫu W-2G hoặc Mẫu 1099 sửa đổi mà bạn nhận được sẽ có dấu “X” ở ô “CORRECTED (ĐÃ SỬA ĐỔI)” trên đầu biểu mẫu. Một biểu mẫu đặc biệt, Mẫu W-2c, Báo cáo Tiền lương và thuế đã sửa đổi, được dùng để sửa đổi Mẫu W-2.

Trong một số tình huống nhất định, bạn sẽ nhận được hai biểu mẫu thay cho biểu mẫu ban đầu không chính xác. Tình huống này xảy ra khi số nhận

diện người đóng thuế của bạn sai hoặc thiếu, tên và địa chỉ của bạn sai hoặc bạn nhận được loại biểu mẫu sai (ví dụ: Mẫu 1099-DIV, Cổ tức và Tiền phân phối thay vì Mẫu 1099-INT, Thu nhập từ tiền lãi). Một biểu mẫu mới mà bạn nhận được sẽ giống với biểu mẫu không chính xác hoặc có cùng thông tin không chính xác, nhưng tất cả số tiền sẽ bằng không. Biểu mẫu này có dấu “X” ở ô “CORRECTED (ĐÃ SỬA ĐỔI)” trên đầu biểu mẫu. Biểu mẫu mới thứ hai phải trình bày tất cả các thông tin chính xác, được lập như bản gốc (ô “CORRECTED (ĐÃ SỬA ĐỔI)” sẽ không được đánh dấu).

Mẫu nhận được sau khi nộp

Nếu bạn nộp tờ khai thuế và sau đó nhận được mẫu về thu nhập mà bạn đã không khai báo trên tờ khai thuế của mình, bạn nên khai báo khoản thu nhập này và nhận khấu trừ cho số tiền thuế thu nhập liên bang đã khấu trừ bằng cách nộp Mẫu 1040-X, Tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho Cá nhân được điều chỉnh.

Tờ khai thuế riêng

Nếu bạn đã kết hôn nhưng khai thuế riêng, bạn chỉ có thể nhận tín thuế cho phần thuế khấu trừ từ thu nhập của chính bạn. Không khai báo số tiền khấu trừ từ thu nhập của vợ/chồng bạn. Tuy nhiên, các quy tắc khác có thể áp dụng nếu bạn sống ở tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng.

Các bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng được liệt kê ở chương 2. Để tìm thêm thông tin về những quy tắc này và một số trường hợp ngoại lệ, tham khảo Ấn phẩm 555, Tài sản cộng đồng.

Thuế ước tính

Lấy khấu trừ cho tất cả các khoản thanh toán thuế ước tính cho năm 2024 trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 26. Bao gồm thanh toán vượt mức từ năm 2024 mà bạn đã khấu trừ vào thuế ước tính năm 2024 của mình.

Thay đổi tên. Nếu bạn đổi tên và bạn đã trả thuế ước tính bằng tên cũ, đính kèm một bản tường trình ngắn gọn trên mặt trước của tờ khai thuế bằng giấy, trong đó nêu rõ:

- Thời điểm bạn thanh toán,
- Số tiền thanh toán mỗi đợt,
- Tên của bạn khi bạn thực hiện thanh toán và
- Số an sinh xã hội của bạn.

Bản tường trình này phải bao gồm các khoản thanh toán mà bạn đã thực hiện chung với vợ/chồng của mình cũng như bất kỳ khoản thanh toán nào bạn thực hiện riêng.

Bạn phải báo cáo thay đổi cho Sở An sinh Xã hội. Thủ tục này giúp tránh chậm trễ trong quá trình xử lý tờ khai thuế và hoàn thuế cho bạn.

Tờ khai thuế riêng

Nếu bạn và vợ/chồng bạn thực hiện thanh toán riêng thuế ước tính cho năm 2024 và bạn nộp tờ khai thuế riêng, bạn chỉ có thể khấu trừ cho các khoản thanh toán của mình.

Nếu bạn thanh toán thuế ước tính chung, bạn phải quyết định cách phân chia các khoản thanh toán giữa hai tờ khai thuế. Một trong hai người có thể khai báo toàn bộ số thuế ước tính đã thanh toán và người còn lại sẽ không khai báo, hoặc bạn có thể

chia theo bất kỳ cách nào khác tùy vào thỏa thuận của hai vợ chồng. Nếu bạn không thể thống nhất cách thức phân chia, bạn phải chia các khoản thanh toán tương ứng với thuế cá nhân của mỗi người trên tờ khai thuế riêng cho năm 2024.

Người đóng thuế đã ly hôn

Nếu bạn thực hiện thanh toán chung thuế ước tính cho năm 2024 và bạn đã ly hôn trong năm, bạn hoặc vợ/chồng cũ của bạn có thể khai báo tất cả các khoản thanh toán chung hoặc mỗi người có thể khai báo một phần. Nếu bạn không thể thống nhất về cách thức phân chia, bạn phải chia các khoản thanh toán tương ứng với thuế cá nhân của mỗi người trên tờ khai thuế riêng cho năm 2024.

Nếu bạn khai báo bất kỳ khoản thanh toán chung nào trên tờ khai thuế của mình, nhập số an sinh xã hội (SSN) của vợ/chồng cũ vào khoảng trống trên mặt trước của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Nếu bạn ly hôn và tái hôn trong năm 2024, nhập SSN của người vợ/chồng hiện tại vào khoảng trống trên mặt trước của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Ngoài ra, trên dòng chấm bên cạnh dòng 26, nhập SSN của vợ/chồng cũ của bạn, sau đó điền “DIV.”

Hình phạt do thanh toán thiếu cho năm 2024

Nếu bạn không trả đủ thuế, thông qua hình thức khấu trừ thuế hoặc thanh toán đúng hạn thuế ước tính, bạn sẽ có thanh toán thiếu thuế ước tính và có thể bị phạt.

Nói chung, bạn sẽ không phải trả tiền phạt cho năm 2024 nếu bất kỳ điều nào sau đây áp dụng .

- Tổng số tiền khấu trừ và các khoản thanh toán thuế ước tính của bạn ít nhất bằng thuế năm 2023 của bạn (hoặc 110% thuế năm 2023 nếu AGI của bạn hơn \$150.000, \$75.000 nếu tư cách khai thuế năm 2024 của bạn là vợ chồng khai riêng tờ khai thuế) và bạn đã nộp thuế ước tính đúng hạn;
- Số nợ thuế đến hạn trên tờ khai thuế năm 2024 của bạn không vượt quá 10% tổng số thuế năm 2024 và bạn đã trả tất cả thuế ước tính bắt buộc đúng hạn;
- Tổng số thuế năm 2024 của bạn trừ đi số tiền đã khấu trừ và các khoản tín thuế được hoàn lại ở mức thấp hơn \$1.000;
- Bạn không có tiền nợ thuế cho năm 2023 và năm chịu thuế 2023 của bạn là 12 tháng; hoặc
- Bạn đã không có bất kỳ khoản thuế khấu trừ nào và tiền thuế cho năm hiện tại của bạn trừ đi thuế việc làm tại gia ở mức dưới \$1.000.

Nông gia và ngư gia. Các quy tắc đặc biệt được áp dụng nếu bạn là nông gia hoặc ngư gia. Tham khảo *Hướng dẫn cho Mẫu 2210-F* để tìm hiểu thêm thông tin.

IRS có thể tính hình phạt cho bạn. Nếu bạn nghĩ rằng bạn nợ tiền phạt nhưng bạn không muốn tự mình tính toán khi khai thuế, bạn có thể không phải làm vậy. Thông thường, IRS sẽ tính hình phạt cho bạn và gửi cho bạn hóa đơn. Tuy nhiên, nếu bạn nghĩ rằng bạn có thể giảm hoặc loại bỏ hình phạt của mình, bạn phải khai Mẫu 2210 hoặc Mẫu 2210-F và đính kèm vào tờ khai thuế bằng giấy của mình. Tham khảo *Hướng dẫn cho Mẫu 2210* để tìm hiểu thêm thông tin.

Phần Hai.

Thu nhập và điều chỉnh thu nhập

Năm chương trong phần này trình bày về nhiều loại thu nhập và các điều chỉnh đối với thu nhập. Các chương này giải thích thu nhập nào bị tính thuế và không bị tính thuế, cũng như thảo luận về một số điều chỉnh đối với thu nhập mà bạn có thể thực hiện để tính tổng thu nhập đã điều chỉnh của mình.

Các bảng liệt kê của Mẫu 1040 và 1040-SR được giải thích trong những chương này là:

- Bảng 1, Thu nhập bổ sung và điều chỉnh cho thu nhập;
- Bảng 2, Phần II, Các loại thuế khác; và
- Bảng 3, Phần II, Các khoản thanh toán khác và Tín thuế có thể hoàn lại.

Bảng V. Các điều chỉnh khác về thu nhập

Sử dụng bảng này để tìm thông tin về các nội dung điều chỉnh khác đối với thu nhập không được đề cập trong phần này của ấn phẩm.

NẾU bạn đang tìm kiếm thêm thông tin về khoản khấu trừ cho...	HÃY xem...
đóng góp vào tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe	Ấn phẩm 969, Tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe và các Chương trình sức khỏe được ưu đãi thuế khác (tiếng Anh).
chi phí di chuyển	Ấn phẩm 3, Hướng dẫn về thuế cho Lực lượng Vũ trang (tiếng Anh).
một phần trong thuế tự kinh doanh của bạn	chương 11.
bảo hiểm y tế cho những người tự kinh doanh	Ấn phẩm 502, Chi phí Y tế và Nha khoa (tiếng Anh).
khoản thanh toán các chương trình đủ điều kiện, SEP và SIMPLE của người tự doanh	Ấn phẩm 560, Kế hoạch hưu trí cho Doanh nghiệp nhỏ (tiếng Anh).
tiền phạt trên khoản rút tiết kiệm trước hạn	chương 6.
đóng góp vào Archer MSA	Ấn phẩm 969 (tiếng Anh).
khấu hao hoặc chi phí trồng rừng	chương 4 và 7 của Ấn phẩm 225, Hướng dẫn thuế cho Nông gia (tiếng Anh).
đóng góp vào chương trình hưu trí theo đoạn 501(c)(18)(D) Bộ Luật Thuế vụ	Ấn phẩm 525, Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế (tiếng Anh).
chi phí từ việc cho thuê tài sản cá nhân	chương 8.
một số khoản hoàn trả bắt buộc của khoản trợ cấp thất nghiệp bổ sung (sub-pay)	chương 8.
chi phí cho nhà ở nước ngoài	chương 4 của Ấn phẩm 54, Hướng dẫn thuế cho Công dân Hoa Kỳ và Người nước ngoài thường trú sống ở nước ngoài (tiếng Anh).
tiền nhiệm vụ bồi thẩm trả cho chủ lao động của bạn	chương 8.
đóng góp của một số mục sư hoặc tuyên úy cho chương trình theo đoạn 403(b) của Bộ Luật Thuế vụ	Ấn phẩm 517, An sinh Xã hội và những thông tin khác cho thành viên giới Tăng lữ và Người làm việc liên quan đến Tôn giáo (tiếng Anh).
phí luật sư và một số loại chi phí cho các hành động liên quan đến khoản thưởng của IRS cho người tố cáo	Ấn phẩm 525 (tiếng Anh).

Tiền công, Tiền lương và Thu nhập khác

Quy định mới

Giới hạn đóng góp thù lao hoãn thuế được tăng lên. Nếu bạn tham gia chương trình 401(k), 403(b), hoặc Chương trình Tiết kiệm Để dành của chính phủ liên bang, tổng số tiền hàng năm mà bạn có thể đóng góp được tăng lên \$23.000 (\$30.500 nếu 50 tuổi trở lên) cho năm 2024. Quy định này cũng áp dụng cho hầu hết các chương trình của đoạn 457.

Sắp xếp chi tiêu linh hoạt cho sức khỏe (FSA y tế) theo chương trình tự chọn. Đối với các năm thuế bắt đầu từ năm 2024, giới hạn số tiền theo đoạn 125(i) đối với việc tự nguyện giảm lương của nhân viên cho các khoản đóng góp cho FSA y tế là \$3.200.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về thù lao mà nhân viên nhận được cho các dịch vụ mà mình cung cấp, ví dụ như tiền công, tiền lương và quyền lợi phụ. Những chủ đề dưới đây sẽ được đề cập.

- Tiền thưởng và phần thưởng.
- Quy tắc đặc biệt đối với một số nhân viên.
- Quyền lợi ốm đau và thương tật.

Chương này giải thích khoản thu nhập nào được tính vào và không được tính vào tổng thu nhập của nhân viên.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- ☐ **463** Chi phí đi lại, quà tặng, và xe hơi
- ☐ **502** Chi phí y tế và nha khoa
- ☐ **524** Tín thuế cho Người cao niên hoặc Người khuyết tật
- ☐ **525** Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế
- ☐ **526** Đóng góp từ thiện
- ☐ **550** Thu nhập và chi phí đầu tư
- ☐ **554** Hướng dẫn thuế cho Người cao niên
- ☐ **575** Thu nhập lương hưu và niên kim
- ☐ **907** Những điểm nổi bật về thuế cho Người khuyết tật
- ☐ **926** Hướng dẫn thuế cho Chủ lao động tại gia
- ☐ **3920** Miễn giảm thuế cho Nạn nhân của các cuộc tấn công khủng bố

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms](https://www.irs.gov/Forms) (tiếng Anh).

Thù lao của Nhân viên

Phần này thảo luận về các hình thức thù lao khác nhau được trả cho nhân viên, bao gồm quyền lợi phụ, đóng góp chương trình hưu trí, quyền chọn cổ phiếu và tài sản bị hạn chế.

Mẫu W-2. Nếu bạn là một nhân viên, bạn sẽ nhận được Mẫu W-2 từ chủ lao động, cho biết mức lương bạn nhận được cho các dịch vụ của mình. Bao gồm tiền lương của bạn trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 1a, kể cả khi bạn không nhận được Mẫu W-2.

Trong một số trường hợp, chủ lao động không bắt buộc phải cung cấp Mẫu W-2 cho bạn. Chủ lao động không bắt buộc phải cung cấp cho bạn Mẫu W-2 nếu bạn làm công việc tại gia tại nhà của chủ lao động và nhận ít hơn \$2.700 bằng tiền mặt trong năm dương lịch đồng thời bạn không bị khấu lưu thuế thu nhập liên bang từ tiền công của mình. Công việc tại gia là công việc được thực hiện trong hoặc xung quanh nhà của chủ lao động. Một số ví dụ về nhân viên làm công việc tại gia bao gồm:

- Người trông trẻ,
- Quản gia,
- Người trông nom,
- Người nấu ăn,
- Người giúp việc gia đình,
- Tài xế,
- Trợ lý y tế,
- Nhân viên vệ sinh nhà cửa,
- Người trông nhà,
- Người giúp việc,
- Bảo mẫu,
- Y tá riêng, và
- Thợ làm vườn.

Xem Bảng H (Mẫu 1040), Thuế việc làm tại gia, hướng dẫn, và Ấn phẩm 926 để biết thêm thông tin.

Nếu bạn đã cung cấp các dịch vụ, ngoài các dịch vụ được thực hiện với tư cách nhà thầu độc lập, và chủ lao động không khấu lưu thuế an sinh xã hội và Medicare từ tiền lương của bạn, bạn phải nộp Mẫu 8919, Thuế An sinh Xã hội và Medicare chưa thu trên tiền công, với Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Xem Mẫu 8919 và hướng dẫn để tìm hiểu thêm thông tin về cách tính tiền công và thuế chưa khai báo cũng như cách khai báo những khoản này trên tờ khai thuế thu nhập của bạn.

Nhà giữ trẻ. Nếu bạn cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em, tại nhà của trẻ hoặc tại nhà của bạn hoặc địa điểm kinh doanh khác, tiền bạn nhận được phải được tính vào thu nhập của bạn. Nếu bạn không phải là một nhân viên, bạn có thể là người tự kinh doanh và phải khai báo các khoản thanh toán cho dịch vụ của bạn trên Bảng C (Mẫu 1040), Lợi nhuận hoặc Lỗ từ kinh doanh. Nói chung, bạn không phải là nhân viên trừ khi bạn phải tuân theo ý chỉ và chịu sự kiểm soát của người thuê bạn về nội dung công việc và cách thức thực hiện.

Trông trẻ. Nếu bạn được trả tiền để trông trẻ, kể cả thân nhân hay trẻ em hàng xóm, dù thường xuyên hay chỉ định kỳ, các quy tắc đối với nhà giữ trẻ sẽ áp dụng cho bạn.

Thuế tự kinh doanh. Cho dù bạn là nhân viên hay người tự kinh doanh, thu nhập của bạn có thể phải chịu thuế tự kinh doanh. Xem hướng dẫn cho Bảng C và SE (Mẫu 1040) nếu bạn là người tự doanh. Đồng thời xem Ấn phẩm 926 để biết thêm thông tin.

Thù lao hỗn hợp

Phần này thảo luận về các hình thức thù lao khác được trả cho nhân viên.

Tiền hoa hồng ứng trước và thu nhập kiếm được khác. Nếu bạn nhận được tiền hoa hồng ứng trước hoặc những khoản khác cho các dịch vụ sẽ được thực hiện trong tương lai và bạn là người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt, bạn phải tính các khoản này vào thu nhập của mình trong năm bạn nhận được.

Nếu bạn hoàn trả tiền hoa hồng chưa được hưởng hoặc các khoản khác trong cùng năm bạn nhận được, hãy giảm số tiền tính vào thu nhập của bạn, số tiền giảm bằng số tiền hoàn trả. Nếu bạn hoàn trả trong năm thuế sau đó, bạn có thể khấu trừ từng khoản tiền hoàn trả trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16, hoặc bạn có thể ghi có cho năm đó. Tham khảo mục [Các khoản hoàn trả](#) ở chương 8.

Các khoản phụ cấp và hoàn lại. Nếu bạn nhận được phụ cấp hoặc hoàn lại cho chi phí đi lại, vận chuyển hoặc các chi phí kinh doanh khác từ chủ lao động, xem Ấn phẩm 463, Chi phí đi lại, quà tặng, và xe hơi. Nếu bạn là một thành viên của quân đội và bạn được hoàn lại chi phí di chuyển, tham khảo Ấn phẩm 521, Chi phí di chuyển.

Phần thưởng của tiền truy lĩnh. Nếu bạn nhận được một khoản thanh toán của giải quyết hoặc phán quyết của tiền truy lĩnh, bạn phải tính số tiền này vào thu nhập của mình. Điều này bao gồm các khoản thanh toán cho bạn cho tổn thất, phí bảo hiểm nhân thọ chưa thanh toán, và phí bảo hiểm sức khỏe chưa thanh toán. Bạn Chủ lao động sẽ báo cáo khoản thanh toán này cho bạn trên Mẫu W-2.

Tiền thưởng và phần thưởng. Nếu bạn nhận được tiền thưởng hoặc phần thưởng (tiền mặt, hàng hóa, dịch vụ, v.v.) từ chủ lao động, bạn phải tính giá trị của tiền thưởng và phần thưởng vào thu nhập của mình. Tuy nhiên, nếu chủ lao động chỉ hứa sẽ trả cho bạn tiền thưởng hoặc phần thưởng vào một thời điểm nào đó trong tương lai, khoản tiền đó sẽ không chịu thuế cho đến khi bạn nhận được hoặc có thể sử dụng.

Phần thưởng thành tích cho nhân viên. Nếu bạn nhận được phần thưởng là tài sản cá nhân hữu hình (ngoài tiền mặt, phiếu quà tặng hoặc tương đương) cho thành niên công tác hoặc thành tích an toàn, bạn thường có thể loại trừ giá trị của phần thưởng khỏi thu nhập của mình. Số tiền bạn có thể loại trừ hạn mức ở mức chi phí của chủ lao động và không được nhiều hơn \$1.600 cho các phần thưởng chương trình đủ điều kiện hoặc \$400 cho các phần thưởng chương trình không đủ điều kiện đối với tất cả các phần thưởng mà bạn nhận được trong năm. Chủ lao động có thể cho bạn biết phần thưởng của bạn có phải là phần thưởng chương trình đủ điều kiện hay không. Chủ lao động phải tổ chức trao thưởng trang trọng, trong những điều kiện và hoàn cảnh không tạo ra nghi vấn rằng phần thưởng này là một khoản thù lao trả hình.

Tuy nhiên, quy định loại trừ không áp dụng đối với các loại phần thưởng sau.

- Phần thưởng thâm niên công tác nếu bạn nhận được phần thưởng này cho thời gian công tác dưới 5 năm hoặc nếu bạn đã nhận phần thưởng thâm niên công tác trong năm hoặc 4 năm trước đó.
- Phần thưởng thành tích an toàn nếu bạn là cán bộ quản lý, quản trị viên, nhân viên văn thư hoặc nhân viên chuyên môn khác hoặc nếu

hơn 10% nhân viên đủ điều kiện đã từng nhận được phần thưởng thành tích an toàn trong năm.

Ví dụ. Bạn nhận được ba phần thưởng thành tích cho nhân viên trong năm: một phần thưởng chương trình không đủ điều kiện là chiếc đồng hồ đeo tay trị giá \$250, hai phần thưởng chương trình đủ điều kiện là dàn âm thanh nổi trị giá \$1.000 và bộ gậy đánh gôn trị giá \$500. Giả sử các yêu cầu đối với phần thưởng chương trình đủ điều kiện được đáp ứng, giá trị mỗi phần thưởng kể trên sẽ được loại trừ khỏi thu nhập. Tuy nhiên, vì tổng giá trị phần thưởng \$1.750 lớn hơn mức \$1.600, bạn phải tính \$150 (\$1.750 – \$1.600) vào thu nhập của mình.

Thanh toán tiền công chênh lệch. Đây là bất kỳ khoản tiền nào mà chủ lao động trả cho bạn trong khoảng thời gian không quá 30 ngày khi bạn làm nhiệm vụ trong lực lượng đồng phục liên bang đồng thời tương ứng với toàn bộ hoặc một phần tiền lương mà bạn đáng lẽ được nhận từ chủ lao động trong khoảng thời gian đó. Khoản tiền này được coi là tiền công và phải chịu khấu trừ thuế thu nhập, nhưng không phải thuế FICA hay FUTA. Khoản thanh toán trên được khai báo là tiền công trên Mẫu W-2.

Phụ cấp sinh hoạt phí của chính phủ. Hầu hết các khoản thanh toán mà nhân viên dân sự của Chính phủ Hoa Kỳ nhận được khi làm việc ở nước ngoài đều phải chịu thuế. Tuy nhiên, một số khoản trợ cấp sinh hoạt phí được miễn thuế. Ấn phẩm 516, Nhân viên dân sự của Chính phủ Hoa Kỳ làm nhiệm vụ ở nước ngoài, giải thích quy tắc xử lý thuế đối với các khoản trợ cấp, chênh lệch cùng những khoản tiền lương đặc biệt khác mà bạn nhận được khi làm việc ở nước ngoài.

Chương trình thu lao hoàn thuế không đủ điều kiện. Chủ lao động có thể báo cáo cho bạn tổng số tiền hoàn thuế trong năm theo chương trình thu lao hoàn thuế không đủ điều kiện trên Mẫu W-2, ô 12, sử dụng mã Y. Số tiền này không tính vào thu nhập của bạn.

Tuy nhiên, nếu tại bất kỳ thời điểm nào trong năm thuế, chương trình không đáp ứng một số yêu cầu nhất định hoặc không vận hành theo những yêu cầu đó, tất cả số tiền hoàn thuế theo chương trình cho năm thuế hiện tại và tất cả các năm thuế trước đó trong phạm vi đã trả và chưa khai báo trong thu nhập sẽ được tính vào thu nhập của bạn cho năm hiện tại. Số tiền này được gộp trong tiền lương của bạn, ở Mẫu W-2, ô 1 hoặc ở Mẫu W-2, ô 12, sử dụng mã Z.

Phiếu nợ nhận được cho phục vụ. Nếu chủ lao động cung cấp cho bạn phiếu nợ bảo đảm để thanh toán cho các dịch vụ của bạn, bạn phải tính giá trị thị trường hợp lý (thường là giá trị chiết khấu) của phiếu nợ vào thu nhập trong năm bạn nhận được phiếu nợ. Sau đó, khi bạn nhận tiền thanh toán trên phiếu nợ, một phần tương ứng của mỗi khoản thanh toán là khoản thu hồi giá trị thị trường hợp lý mà bạn đã tính vào thu nhập của mình trước đó. Không tính số tiền này vào thu nhập của bạn một lần nữa. Tính phần còn lại của khoản thanh toán vào thu nhập của bạn trong năm nhận thanh toán.

Nếu chủ lao động cung cấp cho bạn phiếu nợ không có bảo đảm và không thể chuyển nhượng để thanh toán cho các dịch vụ của bạn, tiền thanh toán trên phiếu nợ được ghi có vào số tiền gốc của phiếu nợ là thu nhập thu lao khi bạn nhận được.

Bồi thường thôi việc. Nếu bạn nhận được bồi thường thôi việc khi việc làm của bạn với chủ lao

động chấm dứt hoặc bị hủy bỏ, bạn phải tính số tiền này vào thu nhập của mình.

Tiền lương nghỉ phép tích lũy. Nếu bạn là nhân viên liên bang và nhận thanh toán một lần cho số ngày nghỉ phép tích lũy hàng năm khi bạn nghỉ hưu hoặc từ chức, số tiền này sẽ được tính vào tiền lương trên Mẫu W-2 của bạn.

Nếu bạn từ chức ở một cơ quan và được một cơ quan khác tuyển dụng lại, bạn có thể phải hoàn trả một phần tiền nghỉ phép hàng năm thanh toán một lần của mình cho cơ quan thứ hai. Bạn có thể trừ số tiền bạn đã hoàn trả trong cùng năm thuế mà bạn nhận được từ tổng lương. Đính kèm tờ khai thuế của bạn bản sao biên lai hoặc bản sao kê do cơ quan nhận hoàn trả cung cấp để giải trình phần chênh lệch giữa tiền lương trên tờ khai thuế và tiền lương trên Mẫu W-2 của bạn.

Dịch vụ hỗ trợ tìm việc. Nếu bạn chấp nhận mức trợ cấp thôi việc thấp hơn để có thể nhận dịch vụ hỗ trợ tìm việc (ví dụ như đào tạo về kỹ năng viết sơ yếu lý lịch và phỏng vấn), bạn phải tính mức trợ cấp thôi việc khi chưa giảm vào thu nhập.

Tiền lương nghỉ bệnh. Tiền mà bạn nhận được từ chủ lao động khi bạn bị ốm hoặc bị thương là một phần tiền lương hoặc tiền công của bạn. Ngoài ra, bạn phải tính vào thu nhập của mình các khoản tiền lương trả khi nghỉ bệnh nhận được từ bất kỳ bên thanh toán nào dưới đây.

- Quỹ phúc lợi.
- Quỹ bệnh tật hoặc thương tật của tiểu bang.
- Hiệp hội chủ lao động hoặc nhân viên.
- Công ty bảo hiểm, nếu chủ lao động của bạn đã trả tiền cho chương trình.

Tuy nhiên, nếu bạn tự thanh toán phí hợp đồng bảo hiểm tai nạn hoặc bảo hiểm sức khỏe, quyền lợi được hưởng theo hợp đồng này sẽ không phải chịu thuế. Để tìm hiểu thêm thông tin, tham khảo Ấn phẩm 525, Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế.

Thuế an sinh xã hội và Medicare do chủ lao động trả. Nếu bạn và chủ lao động có thỏa thuận rằng chủ lao động sẽ trả thuế an sinh xã hội và Medicare mà không khấu trừ khoản tiền trên từ tổng lương của bạn, bạn phải khai báo số tiền thuế đã trả cho bạn là tiền lương chịu thuế trên tờ khai thuế. Khoản thanh toán này cũng được coi là tiền lương để tính thuế an sinh xã hội và Medicare cũng như phúc lợi an sinh xã hội và Medicare của bạn. Tuy nhiên, khoản thanh toán này không được coi là tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare nếu bạn là người làm việc tại gia hoặc người làm việc trong nông trại.

Quyền tăng giá cổ phiếu. Không tính quyền tăng giá cổ phiếu do chủ lao động cấp vào thu nhập cho đến khi bạn thực hiện (sử dụng) quyền. Khi bạn sử dụng quyền, bạn được nhận thanh toán tiền mặt bằng giá trị thị trường hợp lý của cổ phiếu công ty vào ngày sử dụng trừ đi giá trị thị trường hợp lý vào ngày quyền được cấp. Bạn phải tính khoản thanh toán bằng tiền mặt trên vào thu nhập của mình trong năm bạn sử dụng quyền.

Quyền lợi phụ

Quyền lợi phụ gắn với việc thực hiện các dịch vụ được tính vào thu nhập của bạn như một khoản thu lao trừ khi bạn trả giá trị thị trường hợp lý cho những quyền lợi này hoặc nếu được loại trừ theo luật. Việc hạn chế thực hiện dịch vụ (ví dụ: theo giao ước

không cạnh tranh) được coi là thực hiện dịch vụ cho mục đích của quy tắc này.

Chu kỳ kế toán. Bạn phải sử dụng cùng chu kỳ kế toán mà chủ lao động áp dụng để khai báo quyền lợi phụ không phải tiền mặt và phải chịu thuế của mình. Chủ lao động có thể lựa chọn khai báo quyền lợi phụ không phải tiền mặt và phải chịu thuế bằng cách sử dụng một trong các quy tắc sau.

- Quy tắc chung: quyền lợi được khai báo cho tròn một năm dương lịch (từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12).
- Quy tắc chu kỳ kế toán đặc biệt: quyền lợi được cung cấp trong 2 tháng cuối cùng của năm theo năm dương lịch (hoặc khoảng thời gian ngắn hơn) được coi là cung cấp trong năm theo năm dương lịch tiếp theo. Ví dụ, mỗi năm chủ lao động của bạn khai báo giá trị quyền lợi đã cung cấp trong 2 tháng cuối của năm trước và 10 tháng đầu của năm hiện tại.

Chủ lao động không bắt buộc phải sử dụng cùng một chu kỳ kế toán cho mỗi hình thức quyền lợi phụ, nhưng phải sử dụng cùng một chu kỳ kế toán cho tất cả nhân viên nhận một hình thức quyền lợi cụ thể.

Bạn phải sử dụng cùng chu kỳ kế toán mà bạn dùng để khai báo quyền lợi để yêu cầu khấu trừ chi phí kinh doanh cho nhân viên (ví dụ: sử dụng xe hơi).

Mẫu W-2. Chủ lao động phải khai báo tất cả quyền lợi phụ chịu thuế vào Mẫu W-2, ô 1, như tiền lương, tiền boa, và các khoản thù lao khác và, nếu có, vào ô 3 và 5 như tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare. Mặc dù không bắt buộc, chủ lao động có thể khai báo tổng giá trị quyền lợi phụ ở ô 14 (hoặc trên một tờ khai riêng). Tuy nhiên, nếu chủ lao động cung cấp xe cho bạn và tính 100% giá trị thuê hàng năm vào thu nhập của bạn, chủ lao động phải khai báo riêng giá trị này cho bạn trong ô 14 (hoặc trên một tờ khai riêng).

Chương trình Bảo hiểm Tai nạn hoặc Sức khỏe

Trong hầu hết các trường hợp, giá trị của chương trình bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe mà chủ lao động cung cấp cho bạn không được tính vào thu nhập của bạn. Quyền lợi mà bạn nhận được từ chương trình có thể phải chịu thuế, nội dung này được trình bày ở phần sau trong mục [Quyền lợi Ốm đau và Thương tật](#).

Để biết thông tin về các mục trong phần này, ngoài bảo hiểm chăm sóc dài hạn, tham khảo Ấn phẩm 969, Tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe và các Chương trình sức khỏe được ưu đãi thuế khác.

Bảo hiểm chăm sóc dài hạn. Phần đóng góp của chủ lao động để cung cấp bảo hiểm cho các dịch vụ chăm sóc dài hạn thường không được tính vào thu nhập của bạn. Tuy nhiên, phần đóng góp thông qua tài khoản chi tiêu linh hoạt hoặc một cơ chế tương tự do chủ lao động cung cấp sẽ được tính vào thu nhập của bạn. Số tiền này sẽ được khai báo là tiền lương trên Mẫu W-2, ô 1.

Phần đóng góp của bạn vào chương trình sẽ được thảo luận trong Ấn phẩm 502, Chi phí y tế và nha khoa.

Đóng góp cho Archer MSA. Phần đóng góp của chủ lao động cho Archer MSA của bạn thường không được tính vào thu nhập của bạn. Tổng số tiền đóng góp sẽ được khai báo trên Mẫu W-2, ô 12 với mã R. Bạn phải khai báo số tiền này trên Mẫu 8853, Archer MSA và Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn. Nộp mẫu này kèm theo tờ khai thuế.

Tài khoản chi tiêu linh hoạt cho sức khỏe (FSA sức khỏe). Nếu chủ lao động của bạn cung cấp FSA sức khỏe là chương trình bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe đủ điều kiện, số tiền giảm lương và hoàn lại chi phí chăm sóc sức khỏe của bạn, trong hầu hết các trường hợp, không được tính vào thu nhập của bạn.

Ghi chú. Có quy định về hạn mức đóng góp giảm lương đối với FSA sức khỏe cho các năm chương trình bắt đầu sau năm 2012. Đối với các năm thuế bắt đầu từ 2024, hạn mức (được điều chỉnh theo lạm phát) đối với phần giảm lương tự nguyện của nhân viên để đóng góp vào FSA y tế là \$3.200.

Tài khoản sức khỏe được hoàn lại (Health Reimbursement Arrangement, HRA). Nếu chủ lao động của bạn cung cấp HRA là chương trình bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe đủ điều kiện, tiền bảo hiểm và hoàn lại chi phí chăm sóc sức khỏe của bạn thường không được tính vào thu nhập của bạn.

Tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe (Health Savings Account, HSA). Nếu bạn là cá nhân đủ điều kiện, bạn và bất kỳ người nào khác, bao gồm chủ lao động hoặc một thành viên trong gia đình, có thể đóng góp vào HSA của mình. Các khoản đóng góp, ngoài phần đóng góp của chủ lao động, được khấu trừ trên tờ khai thuế của bạn cho dù bạn có khấu trừ từng khoản hay không. Phần đóng góp của chủ lao động không được tính vào thu nhập của bạn. Tiền phân phối từ HSA được sử dụng để thanh toán các chi phí y tế đủ điều kiện sẽ không được tính vào thu nhập của bạn. Tiền phân phối không được sử dụng cho các chi phí y tế đủ điều kiện sẽ được tính vào thu nhập của bạn. Xem Ấn phẩm 969 để tìm hiểu yêu cầu của HSA.

Phần đóng góp của công ty hợp danh vào HSA của thành viên không phải là phần đóng góp của chủ lao động. Phần đóng góp này được coi như một khoản phân phối tiền và sẽ không được tính vào tổng thu nhập của thành viên. Phần đóng góp của công ty hợp danh vào HSA của thành viên cho các dịch vụ được cung cấp được coi là khoản thanh toán bảo đảm và sẽ được tính vào tổng thu nhập của thành viên. Trong cả hai trường hợp, thành viên có thể khấu trừ phần đóng góp vào HSA của mình.

Phần đóng góp của công ty S vào HSA của cổ đông-nhân viên 2% cho các dịch vụ được cung cấp được coi là khoản thanh toán bảo đảm và sẽ được tính vào tổng thu nhập của cổ đông-nhân viên. Cổ đông-nhân viên có thể khấu trừ phần đóng góp vào HSA của mình.

Phân phối quỹ HSA đủ điều kiện. Bạn có thể thực hiện phân phối một lần từ tài khoản hưu trí cá nhân (IRA) vào HSA và bạn thường sẽ không phải tính số tiền phân phối này vào thu nhập của mình.

Hỗ trợ nhận con nuôi

Bạn có thể loại trừ khỏi thu nhập của mình số tiền hoặc chi phí mà chủ lao động đã chi trả cho chi phí nhận con nuôi đủ điều kiện liên quan đến việc bạn nhận nuôi một trẻ đủ điều kiện. Tham khảo Hướng dẫn cho Mẫu 8839, Chi phí nhận con nuôi đủ điều kiện, để tìm hiểu thêm thông tin.

Chủ lao động sẽ khai báo quyền lợi do nhận con nuôi trên Mẫu W-2, ô 12 với mã T. Quyền lợi này cũng được khai báo là tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare ở ô 3 và 5. Tuy nhiên, quyền lợi này không được khai báo là tiền lương ở ô 1. Để xác định số tiền chịu thuế và không chịu thuế, bạn phải

hoàn thành Phần III của Mẫu 8839. Nộp mẫu này kèm theo tờ khai thuế.

Quyền lợi cực tiểu (tối thiểu)

Nếu chủ lao động cung cấp cho bạn một sản phẩm hoặc dịch vụ với giá trị quá nhỏ để hạch toán hợp lý, bạn thường không phải tính giá trị của những sản phẩm hoặc dịch vụ này vào thu nhập của mình. Trong hầu hết các trường hợp, không tính vào thu nhập của bạn giá trị chiết khấu tại nhà ăn của công ty, tiền taxi về nhà khi làm thêm giờ và các buổi dã ngoại của công ty.

Quà tặng ngày lễ. Nếu chủ lao động tặng cho bạn gà tây, giảm bóng hoặc các vật phẩm chỉ có giá trị danh nghĩa khác vào lễ Giáng Sinh hoặc những ngày lễ khác, không tính giá trị món quà vào thu nhập của bạn. Tuy nhiên, nếu chủ lao động tặng bạn tiền mặt hoặc quà tặng tương đương tiền mặt, bạn phải tính khoản tiền này vào thu nhập của mình.

Hỗ trợ giáo dục

Bạn có thể loại trừ khỏi thu nhập của mình tối đa \$5.250 tiền hỗ trợ giáo dục đủ điều kiện do chủ lao động cung cấp. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 970, Lợi ích thuế cho Giáo dục (tiếng Anh).

Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn

Trong hầu hết các trường hợp, chi phí cho phạm vi bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn tối đa \$50.000 do chủ lao động (hoặc chủ lao động trước đây) cung cấp cho bạn sẽ không được tính vào thu nhập của bạn. Tuy nhiên, bạn phải tính vào thu nhập chi phí bảo hiểm do chủ lao động cung cấp cao hơn mức chi phí cho phạm vi bảo hiểm \$50.000 trừ đi số tiền bạn trả để mua bảo hiểm.

Để tìm hiểu các trường hợp ngoại lệ, tham khảo [Loại trừ toàn bộ chi phí](#) và [Tính thuế toàn bộ chi phí](#) ở phần sau.

Nếu chủ lao động của bạn cung cấp phạm vi bảo hiểm hơn \$50.000, số tiền tính vào thu nhập sẽ được báo cáo như một phần tiền lương của bạn trên Mẫu W-2, ô 1. Ngoài ra, số tiền này sẽ được khai báo riêng ở ô 12 với mã C.

Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn. Bảo hiểm này là bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn (bảo hiểm trong một khoảng thời gian cố định) và:

- Cung cấp quyền lợi bồi thường tử vong chung,
- Được cung cấp cho một nhóm nhân viên,
- Được cung cấp theo chính sách do chủ lao động thực hiện, và
- Cung cấp số tiền bảo hiểm cho mỗi nhân viên dựa trên một công thức gây cản trở đối với lựa chọn cá nhân.

Quyền lợi vĩnh viễn. Nếu hợp đồng bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn của bạn bao gồm các quyền lợi vĩnh viễn, ví dụ như giá trị đóng phí một lần hoặc giá trị giải ước, bạn phải tính vào thu nhập của mình, dưới dạng tiền lương, chi phí các quyền lợi vĩnh viễn trừ đi số tiền bạn phải trả để nhận những quyền lợi này. Chủ lao động có thể cho bạn biết số tiền cần tính vào thu nhập của bạn.

Tiền từ tuất do tai nạn. Bảo hiểm trả tiền từ tuất do tai nạn hoặc các quyền lợi bồi thường tử vong khác nhưng không cung cấp quyền lợi bồi thường tử vong chung (ví dụ: bảo hiểm du lịch) không phải là bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn.

Chủ lao động trước đây. Nếu chủ lao động trước đây của bạn cung cấp hơn \$50.000 phạm vi bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn trong năm, số tiền tính vào thu nhập của bạn được báo cáo là tiền lương trên Mẫu W-2, ô 1. Ngoài ra, số tiền này được khai báo riêng ở ô 12 với mã C. Ô 12 cũng sẽ thể hiện số tiền thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu trên phạm vi bảo hiểm vượt mức, với mã M và N. Bạn phải trả các khoản thuế này cùng với tờ khai thuế thu nhập của mình. Khai báo các khoản này trên Bảng 2 (Mẫu 1040), dòng 13.

Hai chủ lao động hoặc nhiều hơn. Số tiền loại trừ cho bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn do chủ lao động cung cấp không được vượt quá chi phí cho phạm vi bảo hiểm \$50.000, cho dù bảo hiểm được cung cấp bởi một chủ lao động hay nhiều chủ lao động. Nếu hai chủ lao động hoặc nhiều hơn cung cấp phạm vi bảo hiểm lớn hơn \$50.000, số tiền được khai báo là tiền lương trên Mẫu W-2 sẽ không đúng. Bạn phải tính toán số tiền để khai báo trong thu nhập của bạn. Lấy số tiền bạn tính ra trừ đi số tiền được khai báo trên Mẫu W-2, ô 12, mã C ở, cộng kết quả với số tiền lương được khai báo ở ô 1, sau đó khai báo tổng số trên tờ khai thuế của bạn.

Tính toán chi phí chịu thuế. Sử dụng [Bảng tính 5-1](#) để tính số tiền cần khai báo trong thu nhập của bạn.

Bảng tính 5-1. Tính toán Chi phí bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn để khai báo trong thu nhập



Lưu giữ cho hồ sơ của bạn

1. Nhập tổng giá trị phạm vi bảo hiểm của bạn từ (các) chủ lao động	1. _____
2. Hạn mức loại trừ đối với bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn do chủ lao động cung cấp	2. <u>50.000</u>
3. Lấy dòng 1 trừ dòng 2	3. _____
4. Chia dòng 3 cho \$1.000. Tính chẵn đến hàng chục	4. _____
5. Chuyển đến Bảng 5-1 . Sử dụng tuổi của bạn vào ngày cuối cùng của năm thuế, tìm nhóm tuổi ở cột bên trái và nhập chi phí từ cột bên phải tương ứng với nhóm tuổi của bạn.	5. _____
6. Nhân dòng 4 với dòng 5	6. _____
7. Nhập số tháng bảo hiểm đầy đủ với chi phí này	7. _____
8. Nhân dòng 6 với dòng 7	8. _____
9. Nhập phí bảo hiểm bạn đã trả mỗi tháng	9. _____
10. Nhập số tháng bạn đã trả phí bảo hiểm	10. _____
11. Nhân dòng 9 với dòng 10	11. _____
12. Lấy dòng 8 trừ đi dòng 11. Khai báo số tiền này vào thu nhập của bạn dưới dạng tiền lương	12. _____

Bảng 5-1. Chi phí \$1.000 bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn trong 1 tháng

Tuổi	Chi phí
Dưới 25	\$ 0,05
25 đến 29	0,06
30 đến 34	0,08
35 đến 39	0,09
40 đến 44	0,10
45 đến 49	0,15
50 đến 54	0,23
55 đến 59	0,43
60 đến 64	0,66
65 đến 69	1,27
70 trở lên	2,06

Ví dụ. Bạn 51 tuổi và làm việc cho công ty A và B. Cả hai công ty này đều cung cấp bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn cho bạn trong cả năm. Phạm vi bảo hiểm của bạn là \$35.000 với công ty A và \$45.000 với công ty B. Bạn trả phí bảo hiểm \$4,15 một tháng theo chương trình nhóm của công ty B. Bạn tính số tiền cần khai báo trong thu nhập của mình như trình bày ở [Bảng tính 5-1. Tính toán Chi phí bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn để cộng trong thu nhập—Minh họa](#) dưới đây.

Bảng tính 5-1. Tính toán Chi phí bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn để cộng trong thu nhập—Minh họa

Lưu giữ cho hồ sơ của bạn



1. Nhập tổng giá trị phạm vi bảo hiểm của bạn từ (các) chủ lao động	1.	80.000
2. Hạn mức loại trừ đối với bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn do chủ lao động cung cấp	2.	50.000
3. Lấy dòng 1 trừ dòng 2	3.	30.000
4. Chia dòng 3 cho \$1.000. Tính chẵn đến hàng chục	4.	30,0
5. Chuyển đến Bảng 5-1 . Sử dụng tuổi của bạn vào ngày cuối cùng của năm thuế, tìm nhóm tuổi ở cột bên trái và nhập chi phí từ cột bên phải tương ứng với nhóm tuổi của bạn.	5.	0,23
6. Nhân dòng 4 với dòng 5	6.	6,90
7. Nhập số tháng bảo hiểm đầy đủ với chi phí này	7.	12
8. Nhân dòng 6 với dòng 7	8.	82,80
9. Nhập phí bảo hiểm bạn đã trả mỗi tháng	9.	4,15
10. Nhập số tháng bạn đã trả phí bảo hiểm	10.	12
11. Nhân dòng 9 với dòng 10	11.	49,80
12. Lấy dòng 8 trừ đi dòng 11. Khai báo số tiền này vào thu nhập của bạn dưới dạng tiền lương	12.	33,00

Loại trừ toàn bộ chi phí. Bạn không phải chịu thuế đối với chi phí bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn nếu bất kỳ trường hợp nào dưới đây áp dụng.

1. Bạn bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn và đã nghỉ việc.
2. Chủ lao động là người thụ hưởng hợp đồng cho toàn bộ thời gian bảo hiểm có hiệu lực trong năm thuế.
3. Một tổ chức từ thiện (được định nghĩa ở Ấn phẩm 526, Đóng góp từ thiện) mà các khoản đóng góp cho tổ chức này được khấu trừ là người thụ hưởng duy nhất của hợp đồng bảo hiểm cho toàn bộ thời gian bảo hiểm có hiệu lực trong năm thuế. (Bạn không được khấu trừ tiền đóng góp từ thiện khi chỉ định tổ chức từ thiện là người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm của bạn.)
4. Chương trình đã tồn tại vào ngày 1 tháng 1, 1984, và:
 - a. Bạn đã nghỉ hưu trước ngày 2 tháng 1, 1984 và được bảo hiểm theo chương trình đó vào thời điểm bạn nghỉ hưu, hoặc
 - b. Bạn đủ 55 tuổi trước ngày 2 tháng 1, 1984 và được chủ lao động hoặc tổ chức tiền nhiệm của chủ lao động đó tuyển dụng trong năm 1983.

Tính thuế toàn bộ chi phí. Bạn phải chịu thuế đối với toàn bộ chi phí bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn nếu một trong các trường hợp dưới đây áp dụng.

- Bảo hiểm được cung cấp bởi chủ lao động thông qua quỹ tín thác của nhân viên đủ điều kiện, ví dụ như quỹ hưu trí hoặc chương trình niên kim đủ điều kiện.
- Bạn là nhân viên chủ chốt và chương trình của chủ lao động ưu đãi cho những nhân viên chủ chốt.

Dịch vụ Lập kế hoạch hưu trí

Nói chung, không khai báo giá trị các dịch vụ lập kế hoạch hưu trí đủ điều kiện được cung cấp cho bạn và vợ/chồng bạn bởi chương trình hưu trí đủ tiêu chuẩn của chủ lao động. Các dịch vụ đủ điều kiện bao gồm tư vấn lập kế hoạch hưu trí, thông tin về chương trình hưu trí của chủ lao động và thông tin cho biết chương trình này có thể phối hợp với chương trình thu nhập hưu trí cá nhân tổng thể của bạn như thế nào. Bạn không thể loại trừ giá trị dịch vụ hỗ trợ khai thuế, kế toán, pháp lý hoặc môi giới do chủ lao động cung cấp.

Vận chuyển

Nếu chủ lao động cung cấp cho bạn quyền lợi phụ về vận chuyển đủ điều kiện, bạn có thể loại trừ quyền lợi này khỏi thu nhập của mình, với hạn mức nhất định. Quyền lợi phụ về vận chuyển đủ điều kiện là:

- Vận chuyển bằng phương tiện giao thông trên đường cao tốc (ví dụ như xe van) giữa nhà ở và nơi làm việc của bạn,
- Vé phương tiện giao thông, hoặc
- Bãi đỗ xe đủ điều kiện.

Số tiền mặt mà chủ lao động hoàn lại cho những chi phí này theo thỏa thuận hoàn lại cũng được loại trừ. Tuy nhiên, tiền hoàn lại cho vé phương tiện giao thông chỉ được loại trừ nếu phiếu mua hàng hoặc vật phẩm tương tự chỉ có thể dùng để đổi lấy vé phương tiện giao thông không có sẵn để phân phát trực tiếp cho bạn.

Hạn mức loại trừ. Mức loại trừ đối với quyền lợi phụ về phương tiện đi lại và vé phương tiện giao thông không được nhiều hơn \$315 một tháng.

Mức loại trừ đối với quyền lợi phụ về bãi đỗ xe đủ tiêu chuẩn không được nhiều hơn \$315 một tháng.

Nếu quyền lợi có giá trị cao hơn các hạn mức này, phần vượt quá phải được tính vào thu nhập của bạn.

Xe đường cao tốc cho người đi lại thường xuyên. Đây là xe đường cao tốc có ít nhất sáu chỗ cho người lớn (không bao gồm lái xe). Tối thiểu 80% quãng đường đi chuyển của chiếc xe là:

- Để đưa đón nhân viên từ nhà đến nơi làm việc và ngược lại, và
- cho các chuyến đi mà nhân viên chiếm ít nhất một nửa số chỗ ngồi của người lớn trên xe (không bao gồm lái xe).

Vé phương tiện giao thông. Bao gồm vé, mã thông báo, thẻ, phiếu mua hàng hoặc vật phẩm tương tự cho phép một người sử dụng phương tiện giao thông đại chúng (bao gồm phương tiện công cộng và tư nhân) miễn phí hoặc với giá được giảm hoặc sử dụng phương tiện giao thông đường cao tốc do một người kinh doanh vận tải điều khiển được cung cấp như một khoản thù lao.

Bãi đỗ xe đủ điều kiện. Bao gồm bãi đỗ xe được cung cấp cho nhân viên tại hoặc gần địa điểm kinh doanh của chủ lao động. Còn bao gồm bãi đỗ xe được cung cấp tại hoặc gần địa điểm mà từ đó nhân viên đi tới nơi làm việc bằng phương tiện giao thông đại chúng, phương tiện giao thông đường cao tốc hoặc đi chung xe. Không bao gồm bãi đỗ xe tại hoặc gần nhà của nhân viên.

Đóng góp chương trình hưu trí

Phần đóng góp của chủ lao động vào chương trình hưu trí đủ điều kiện cho bạn không được tính vào thu nhập tại thời điểm đóng góp. (Chủ lao động có thể cho bạn biết chương trình hưu trí của bạn có đủ điều kiện hay không.) Tuy nhiên, chi phí bảo hiểm nhân thọ kèm theo chương trình sẽ có thể phải tính vào thu nhập. Tham khảo [Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn](#) ở phần trên, trong mục [Quyền lợi phụ](#).

Nếu chủ lao động đóng góp vào một chương trình không đủ điều kiện cho bạn, bạn phải khai báo phần đóng góp này trong thu nhập của mình như tiền lương cho năm thuế mà các khoản đóng góp được thực hiện. Tuy nhiên, nếu quyền lợi của bạn theo chương trình không thể chuyển nhượng hoặc có nguy cơ cao bị tịch thu (bạn có khả năng mất quyền lợi này) tại thời điểm đóng góp, bạn không phải khai báo giá trị quyền lợi trong thu nhập của mình cho đến khi quyền lợi này có thể chuyển nhượng hoặc không còn chịu nguy cơ cao bị tịch thu.

TIP Để tìm hiểu thông tin về tiền phân phối từ các chương trình hưu trí, tham khảo Ấn phẩm 575, Thu nhập lương hưu và niên kim (hoặc Ấn phẩm 721, Hướng dẫn về Thuế đối với quyền lợi hưu trí của Dịch vụ dân sự Hoa Kỳ, nếu bạn là nhân viên liên bang hoặc nhân viên liên bang đã về hưu).

Hoàn thuế tự chọn. Nếu bạn được bao trả bởi một số chương trình hưu trí nhất định, bạn có thể lựa chọn để chủ lao động đóng góp một phần thù lao

của bạn vào quỹ hưu trí, thay vì trả cho bạn. Số tiền bạn dành ra (được gọi là “hoãn thuế tự chọn”) được coi là phần đóng góp của chủ lao động cho một chương trình đủ điều kiện. Hoãn thuế tự chọn, ngoại trừ khoản đóng góp Roth được chỉ định (sẽ thảo luận ở phần sau), không được tính vào tiền lương chịu thuế thu nhập tại thời điểm đóng góp. Thay vào đó, khoản này sẽ chịu thuế thu nhập khi được phân bổ từ chương trình. Tuy nhiên, tiền hoãn thuế tự chọn sẽ được tính vào tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare tại thời điểm đóng góp.

Hoãn thuế tự chọn bao gồm đóng góp tự chọn vào các chương trình hưu trí sau.

1. Hợp đồng tiền mặt hoặc thu nhập hoãn thuế (chương trình 401(k)).
2. Chương trình Tiết kiệm để dành cho nhân viên liên bang.
3. Chương trình hưu trí đơn giản hóa trích từ lương cho nhân viên (Salary Reduction Simplified Employee Pension Plan, SARSEP).
4. Chương trình ưu đãi tiết kiệm tương ứng cho nhân viên (chương trình Savings Incentive Match Plans for Employees, SIMPLE).
5. Chương trình niên kim tránh thuế (các chương trình theo mục 403(b)).
6. Các chương trình theo mục 501(c)(18)(D).
7. Các chương trình theo mục 457.

Kế hoạch đóng góp tự động đủ điều kiện. Đối với kế hoạch đóng góp tự động đủ điều kiện, chủ lao động có thể coi như bạn đã lựa chọn đóng góp một phần thù lao của bạn vào một chương trình theo mục 401(k). Bạn sẽ nhận được thông báo bằng văn bản về quyền và nghĩa vụ của mình theo kế hoạch đóng góp tự động đủ điều kiện. Thông báo phải giải thích:

- Quyền lựa chọn không thực hiện đóng góp tự chọn hoặc thực hiện đóng góp với tỷ lệ khác; và
- Các khoản đóng góp sẽ được đầu tư như thế nào khi bạn không đưa ra quyết định đầu tư.

Bạn phải được cho một khoảng thời gian hợp lý sau khi nhận được thông báo và trước khi khoản đóng góp tự chọn đầu tiên được thực hiện để lựa chọn hình thức đóng góp.

Hạn mức hoãn thuế tổng thể. Cho năm 2024, trong hầu hết các trường hợp, bạn được phép hoãn thuế cho tối đa \$23.000 tiền đóng góp vào các chương trình được liệt kê ở mục (1) đến (3) và (5) trên đây. Hạn mức đối với các chương trình SIMPLE là \$16.000. Hạn mức cho các chương trình theo mục 501(c)(18)(D) là mức thấp hơn giữa \$7.000 và 25% số tiền đóng góp của bạn. Hạn mức cho các chương trình theo mục 457 là mức thấp hơn giữa số tiền thù lao phải tính vào và \$23.000. Số tiền hoãn thuế theo hạn mức của chương trình cụ thể là một phần của hạn mức hoãn thuế tổng thể.

Đóng góp Roth được chỉ định. Chủ lao động với các chương trình theo mục 401(k), 403(b), và mục 457 của chính phủ có thể xây dựng chương trình đóng góp Roth đủ điều kiện để bạn có thể lựa chọn chỉ định một phần hoặc toàn bộ tiền hoãn thuế tự chọn vào chương trình của bạn là khoản đóng góp Roth sau thuế. Đóng góp Roth được chỉ định được coi như các khoản hoãn thuế tự chọn, ngoại trừ việc khoản đóng góp này sẽ được tính vào thu nhập tại thời điểm đóng góp.

Hoãn thuế vượt mức. Chủ lao động hoặc người quản trị chương trình của bạn có thể áp dụng

hạn mức năm thích hợp khi xác định mức đóng góp vào chương trình của bạn. Tuy nhiên, bạn có trách nhiệm theo dõi tổng số tiền hoãn thuế để đảm bảo rằng số tiền này không vượt quá hạn mức chung.

Nếu bạn dành ra nhiều hơn hạn mức, phần vượt quá thường sẽ được tính vào thu nhập của bạn cho năm đó, từ khi bạn có khoản hoãn thuế vượt quá là đóng góp Roth được chỉ định. Xem Ấn phẩm 525 thảo luận về việc xử lý thuế đối với hoãn thuế vượt mức.

Đóng góp đuổi theo. Bạn có thể được phép đóng góp đuổi theo (hoãn thuế tự chọn bổ sung) nếu bạn từ 50 tuổi trở lên tại thời điểm cuối năm thuế.

Quyền chọn cổ phiếu

Nếu bạn nhận được quyền chọn mua/bán cổ phiếu hoặc tài sản khác không theo luật định để thanh toán cho dịch vụ của bạn, bạn thường sẽ có thu nhập khi nhận được quyền chọn, khi bạn thực hiện quyền chọn (sử dụng quyền chọn để mua/bán cổ phiếu hoặc tài sản khác), hoặc khi bạn bán hoặc thanh lý quyền chọn. Tuy nhiên, nếu quyền chọn của bạn là quyền chọn cổ phiếu luật định, bạn sẽ không có thu nhập cho đến khi bạn bán hoặc giao dịch cổ phiếu của mình. Chủ lao động có thể cho bạn biết quyền chọn của bạn là loại nào. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 525.

Tài sản bị hạn chế

Trong hầu hết các trường hợp, nếu bạn nhận tài sản cho các dịch vụ của mình, bạn phải khai báo giá trị thị trường hợp lý của tài sản vào thu nhập trong năm bạn nhận được tài sản này. Tuy nhiên, nếu bạn nhận được cổ phiếu hoặc tài sản khác có những hạn chế nhất định ảnh hưởng đến giá trị, bạn không phải khai báo giá trị của tài sản vào thu nhập cho đến khi tài sản thuộc quyền sở hữu của bạn. (Mặc dù bạn có thể lựa chọn tính giá trị của tài sản vào thu nhập của mình trong năm tài sản được chuyển cho bạn.) Để biết thêm thông tin, tham khảo mục *Restricted Property (Tài sản bị hạn chế)* trong Ấn phẩm 525.

Cổ tức nhận được trên cổ phiếu bị hạn chế. Cổ tức mà bạn nhận được trên cổ phiếu bị hạn chế được coi là thù lao chứ không phải là thu nhập cổ tức. Chủ lao động phải khai báo khoản thanh toán này trên Mẫu W-2 của bạn.

Cổ phiếu mà bạn lựa chọn tính vào thu nhập. Cổ tức bạn nhận được trên cổ phiếu bị hạn chế mà bạn đã chọn tính vào thu nhập của mình trong năm nhận chuyển nhượng được coi như bất kỳ khoản cổ tức nào khác. Hãy báo cáo khoản này như cổ tức trên tờ khai thuế của bạn. Để tìm hiểu nội dung thảo luận về cổ tức, tham khảo Ấn phẩm 550, Thu nhập và chi phí đầu tư.

Để tìm hiểu thông tin về cách xử lý cổ tức được báo cáo trên Mẫu W-2 và Mẫu 1099-DIV của bạn, xem *Dividends received on restricted stock (Cổ tức nhận được trên cổ phiếu bị hạn chế)* trong Ấn phẩm 525.

Quy tắc đặc biệt đối với một số nhân viên

Phần này trình bày các quy tắc đặc biệt đối với một số loại hình việc làm nhất định: thành viên của giới tăng lữ, thành viên của các dòng tu, người làm việc cho chủ lao động nước ngoài, quân nhân và tình nguyện viên.

Giáo sĩ

Thông thường, nếu bạn là thành viên giới tăng lữ, bạn phải tính vào thu nhập của mình tiền cúng dường và lệ phí cử hành đám cưới, lễ rửa tội, đám tang, thánh lễ, v.v. ngoài tiền lương của bạn. Nếu tiền cúng dường được gửi cho tổ chức tôn giáo, bạn sẽ không phải chịu thuế.

Nếu bạn là thành viên của một tổ chức tôn giáo và bạn đóng góp các khoản thu nhập từ bên ngoài của mình cho tổ chức tôn giáo, bạn vẫn phải khai báo những khoản thu nhập này vào thu nhập của mình. Tuy nhiên, bạn có thể được hưởng khấu trừ đóng góp từ thiện cho số tiền đã đóng góp cho tổ chức. Tham khảo Ấn phẩm 526.

Hưu bổng. Hưu bổng hoặc tiền hưu trí trả cho thành viên của giới tăng lữ thường được đối xử như bất kỳ khoản hưu bổng hoặc niên kim nào khác. Khoản tiền này phải được khai báo ở dòng 5a và 5b trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Nhà ở. Quy tắc đặc biệt về nhà ở áp dụng cho các thành viên của giới tăng lữ. Theo các quy tắc này, bạn sẽ không tính vào thu nhập của mình giá trị cho thuê nhà (bao gồm chi phí dịch vụ tiện ích) hoặc tiền trợ cấp thuê nhà chỉ định được cung cấp như một phần tiền lương của bạn. Tuy nhiên, mức loại trừ không thể nhiều hơn mức chi trả hợp lý cho các dịch vụ của bạn. Nếu bạn thanh toán chi phí dịch vụ tiện ích, bạn có thể loại trừ khoản trợ cấp được chỉ định cho chi phí dịch vụ tiện ích, lên tới mức chi phí thực tế của bạn. Nhà ở và trợ cấp phải được cung cấp như tiền thù lao cho dịch vụ của bạn với tư cách là mục sư đã được tấn phong, cấp phép và ủy nhiệm. Tuy nhiên, bạn phải khai báo giá trị cho thuê của căn nhà hoặc tiền trợ cấp thuê nhà là thu nhập tự doanh trên Bảng SE (Mẫu 1040) nếu bạn phải chịu thuế tự doanh. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 517, An sinh Xã hội và những thông tin khác cho Thành viên giới tăng lữ và Người làm việc liên quan đến tôn giáo.

Thành viên của các dòng tu

Nếu bạn là thành viên của một dòng tu đã tuyên thệ sống trong nghèo khó, cách bạn xử lý thu nhập mà bạn từ bỏ và chuyển cho dòng tu phụ thuộc vào việc các dịch vụ của bạn có được thực hiện cho dòng tu hay không.

Dịch vụ thực hiện cho dòng tu. Nếu bạn thực hiện các dịch vụ với tư cách là người đại diện của dòng tu khi thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của dòng tu, không khai báo vào thu nhập của bạn số tiền đã chuyển cho dòng tu.

Nếu dòng tu chỉ thị bạn thực hiện dịch vụ cho một cơ quan khác của nhà thờ giám sát hoặc tổ chức liên kết, bạn được coi là đang thực hiện các dịch vụ với tư cách là người đại diện của dòng tu. Tiền công bạn kiếm được với tư cách người đại diện của dòng tu mà bạn chuyển lại cho dòng tu sẽ không được tính vào thu nhập của bạn.

Ví dụ. Bạn là thành viên của dòng tu và đã tuyên thệ sống trong nghèo khó. Bạn từ bỏ quyền lợi đối với thu nhập của mình và chuyển cho dòng tu tất cả tiền lương và tiền công mà bạn kiếm được. Bạn là một y tá đã đăng ký, vì vậy dòng tu đã phân công bạn làm việc tại bệnh viện, một tổ chức liên kết của nhà thờ. Tuy nhiên, bạn vẫn chịu sự chỉ đạo và kiểm soát chung của dòng tu. Bạn được coi là người đại diện của dòng tu và tiền lương bạn kiếm được tại bệnh viện mà bạn chuyển lại cho dòng tu sẽ không được tính vào thu nhập của bạn.

Dịch vụ thực hiện bên ngoài dòng tu. Nếu bạn được chỉ thị làm việc bên ngoài dòng tu, dịch vụ của bạn không phải là thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của dòng tu trừ khi những dịch vụ này đáp ứng cả hai yêu cầu dưới đây.

- Dịch vụ này thường là nhiệm vụ của các thành viên trong dòng tu.
- Dịch vụ này là một phần nhiệm vụ mà bạn phải thực hiện cho hoặc thay mặt dòng tu với tư cách là người đại diện.

Nếu bạn là nhân viên của bên thứ ba, dịch vụ mà bạn thực hiện cho bên thứ ba sẽ không được coi là theo chỉ đạo hoặc yêu cầu của dòng tu. Số tiền bạn nhận được cho những dịch vụ này được tính vào thu nhập của bạn, kể cả khi bạn đã tuyên thệ sống trong nghèo khó.

Ví dụ. Bạn là thành viên của một dòng tu và đã tuyên thệ sống trong nghèo khó. Bạn từ bỏ toàn bộ quyền lợi đối với thu nhập của mình và chuyển thu nhập cho dòng tu.

Bạn là giáo viên. Bạn được cấp trên trong dòng tu chỉ thị xin việc tại một trường tư thực miễn thuế. Bạn trở thành nhân viên của trường và theo yêu cầu của bạn, trường trả tiền lương trực tiếp cho dòng tu.

Vì bạn là nhân viên của trường, bạn thực hiện dịch vụ cho trường thay vì với tư cách là người đại diện của dòng tu. Tiền lương bạn nhận được khi làm việc cho trường sẽ được tính vào thu nhập của bạn.

Chủ lao động nước ngoài

Các quy tắc đặc biệt sẽ áp dụng nếu bạn làm việc cho một chủ lao động nước ngoài.

Công dân Hoa Kỳ. Nếu bạn là công dân Hoa Kỳ làm việc tại Hoa Kỳ cho chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế, đại sứ quán nước ngoài hoặc bất kỳ chủ lao động nước ngoài nào, bạn phải khai báo tiền lương vào thu nhập của mình.

Thuế an sinh xã hội và Medicare. Bạn được miễn thuế an sinh xã hội và Medicare nếu bạn được tuyển dụng tại Hoa Kỳ bởi một tổ chức quốc tế hoặc chính phủ nước ngoài. Tuy nhiên, bạn phải nộp thuế tự kinh doanh trên thu nhập từ các dịch vụ thực hiện tại Hoa Kỳ, cho dù bạn không phải là người tự kinh doanh. Quy tắc này cũng áp dụng nếu bạn là nhân viên của một cơ quan thuộc sở hữu hoàn toàn của chính phủ nước ngoài đủ điều kiện.

Nhân viên của các tổ chức quốc tế hoặc chính phủ nước ngoài. Thù lao mà bạn nhận được khi làm việc chính thức cho tổ chức quốc tế được miễn thuế thu nhập liên bang nếu bạn không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc bạn là công dân Philippines (cho dù bạn có phải là công dân Hoa Kỳ hay không).

Thù lao mà bạn nhận được khi làm việc chính thức cho chính phủ nước ngoài được miễn thuế thu nhập liên bang nếu tất cả điều kiện sau đều đúng.

- bạn không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc bạn là công dân Philippines (cho dù bạn có phải là công dân Hoa Kỳ hay không).
- Công việc của bạn giống như công việc của nhân viên Hoa Kỳ ở nước ngoài.
- Chính phủ nước ngoài cung cấp quyền lợi miễn thuế ngang bằng cho nhân viên của Hoa Kỳ tại quốc gia của mình.

Từ bỏ tình trạng người nước ngoài. Nếu bạn là người nước ngoài làm việc cho chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế và bạn nộp đơn từ bỏ theo mục 247(b) của Đạo luật Nhập cư và Quốc tịch

để giữ tình trạng nhập cư của mình, các quy tắc khác có thể áp dụng. Tham khảo mục *Foreign Employer (Chủ lao động nước ngoài)* trong Ấn phẩm 525.

Việc làm ở nước ngoài. Để tìm hiểu thông tin về xử lý thuế đối với thu nhập kiếm được ở nước ngoài, tham khảo Ấn phẩm 54.

Quân đội

Các khoản thanh toán mà bạn nhận khi tham gia nghĩa vụ quân sự thường phải chịu thuế như tiền lương, ngoại trừ tiền hưu trí, phải chịu thuế như một khoản hưu bổng. Phụ cấp thường không phải chịu thuế. Để tìm hiểu thông tin về xử lý thuế đối với phụ cấp và trợ cấp quân sự, tham khảo Ấn phẩm 3, Hướng dẫn Thuế cho Lực lượng Vũ trang.

Thanh toán tiền lương chênh lệch. Khoản tiền mà chủ lao động trả cho bạn trong thời gian bạn phục vụ theo lực lượng được phục liên bang được coi là thù lao. Khoản tiền lương này phải chịu khấu lưu thuế thu nhập và được báo cáo trên Mẫu W-2. Tham khảo nội dung thảo luận trong mục [Thù lao hỗn hợp](#) ở phần trước.

Tiền hưu trí quân đội. Nếu tiền hưu trí của bạn dựa trên tuổi tác hoặc thời gian công tác, khoản tiền đó phải chịu thuế và sẽ được tính vào thu nhập của bạn như một khoản hưu bổng ở dòng 5a và 5b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Không tính vào thu nhập của bạn tiền hưu trí hoặc tiền lương trả trước để cung cấp niên kim cho vợ/chồng hoặc con của bạn theo Chương trình Bảo vệ gia đình của Quân nhân đã nghỉ hưu hoặc Chương trình Phúc lợi cho Người còn lại.

Để tìm hiểu nội dung thảo luận về niên kim cho người còn sống, tham khảo Ấn phẩm 575, Thu nhập lương hưu và niên kim.

Thương tật. Nếu bạn nghỉ hưu do thương tật, tham khảo [Hưu bổng thương tật của Chính phủ và Quân đội](#) trong mục *Quyền lợi ốm đau và thương tật*, ở phần sau.

Quyền lợi cho cựu chiến binh. Không tính vào thu nhập của bạn quyền lợi cho cựu chiến binh trả theo luật, quy định hoặc thông lệ hành chính do Bộ Cựu chiến binh (VA) quản lý. Các khoản tiền sau đây trả cho cựu chiến binh hoặc gia đình của họ không phải chịu thuế.

- Phụ cấp giáo dục, đào tạo và sinh hoạt phí.
- Bồi thường thương tật và lương hưu cho thương binh được trả cho cựu chiến binh hoặc gia đình của họ.
- Trợ cấp nhà ở được thiết kế cho người sử dụng xe lăn.
- Trợ cấp phương tiện cơ giới cho cựu chiến binh bị mất thị lực hoặc khả năng sử dụng các chi.
- Tiền bảo hiểm của cựu chiến binh và cổ tức được trả cho cựu chiến binh hoặc người thụ hưởng, bao gồm tiền thu được từ hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp của cựu chiến binh được trả trước khi qua đời.
- Tiền lãi từ cổ tức bảo hiểm mà bạn có thể ký gửi với VA.
- Quyền lợi theo chương trình chăm sóc người phụ thuộc.
- Tiền từ suất trả cho thân nhân còn sống của thành viên Lực lượng Vũ trang mất sau ngày 10 tháng 9, 2001.

- Các khoản thanh toán theo chương trình làm việc kết hợp trị liệu được trả lương.
- Tiền thưởng của tiểu bang hoặc phân khu chính trị cho việc phục vụ trong khu vực chiến sự.

Tình nguyện viên

Quy tắc xử lý thuế đối với số tiền mà bạn nhận được khi làm nhân viên tình nguyện cho Đoàn Hòa Bình hoặc một cơ quan tương tự được đề cập trong nội dung thảo luận dưới đây.

Đoàn Hòa bình Phụ cấp sinh hoạt mà bạn nhận được khi làm tình nguyện viên hoặc lãnh đạo tình nguyện cho Đoàn Hòa bình để trang trải chi phí nhà ở, dịch vụ tiện ích, đồ dùng gia đình, thực phẩm và quần áo thường được miễn thuế.

Phụ cấp chịu thuế. Tuy nhiên, các khoản phụ cấp sau đây phải được tính vào thu nhập của bạn và sẽ được báo cáo như tiền lương.

- Phụ cấp trả cho vợ/chồng và con nhỏ ở tuổi vị thành niên của bạn khi bạn là lãnh đạo tình nguyện tham gia huấn luyện ở Hoa Kỳ.
- Phụ cấp sinh hoạt mà Giám đốc Đoàn Hòa bình chỉ định là thù lao cơ bản. Đây là các khoản phụ cấp cho chi phí cá nhân như giúp việc, giặt là và bảo dưỡng quần áo, vui chơi, giải trí, đi lại, và các chi phí linh tinh khác.
- Phụ cấp nghỉ phép.
- Trợ cấp tái hòa nhập hoặc thanh toán nghỉ việc. Bạn được coi là đã nhận các khoản phụ cấp này khi tiền phụ cấp được ghi có vào tài khoản của bạn.

Ví dụ. Bạn là một tình nguyện viên của Đoàn Hòa bình và nhận được \$175 mỗi tháng tiền trợ cấp tái hòa nhập trong thời gian phục vụ của bạn, sẽ được trả một lần khi kết thúc thời gian phục vụ. Mặc dù bạn không thể sử dụng tiền trợ cấp cho đến khi kết thúc thời gian làm nhiệm vụ, bạn phải khai báo số tiền này vào thu nhập hàng tháng khi tài khoản của bạn được ghi có.

Tình nguyện viên phục vụ Mỹ (VISTA). Nếu bạn là tình nguyện viên VISTA, bạn phải khai báo các khoản phụ cấp ăn ở được trả cho bạn như tiền lương.

Các chương trình của Đoàn Phục vụ Người cao niên Quốc gia. Không tính vào thu nhập số tiền bạn nhận được cho các dịch vụ hỗ trợ hoặc tiền hoàn lại cho các chi phí tự chi trả từ các chương trình sau.

- Chương trình Tình nguyện viên cao niên đã nghỉ hưu (RSVP).
- Chương trình Ông Bà nuôi.
- Chương trình Đồng hành với Người cao niên.

Đoàn Phục vụ của các Lãnh đạo đã nghỉ hưu (SCORE). Nếu bạn nhận được tiền thanh toán cho các dịch vụ hỗ trợ hoặc tiền hoàn lại cho các chi phí tự chi trả từ SCORE, không khai báo số tiền này vào tổng thu nhập.

Tình nguyện tư vấn thuế. Không tính vào thu nhập của bạn số tiền hoàn lại mà bạn nhận được cho chi phí đi lại, ăn uống và các chi phí khác phát sinh trong quá trình bạn tiếp nhận đào tạo hoặc cung cấp dịch vụ tư vấn thuế thu nhập liên bang cho người cao niên (TCE).

bạn có thể khấu trừ như một khoản đóng góp từ thiện đối với các chi phí tự chi trả chưa được hoàn lại của mình khi tham gia chương trình tình nguyện

hỗ trợ thuế thu nhập (VITA). Tham khảo Ấn phẩm 526.

Nhân viên cứu hỏa tình nguyện và nhân viên ứng cứu y tế khẩn cấp. Nếu bạn là lính cứu hỏa tình nguyện hoặc nhân viên ứng cứu y tế khẩn cấp, đừng tính vào thu nhập của bạn những phúc lợi sau đây mà bạn nhận được từ chính quyền tiểu bang hoặc địa phương.

- Các khoản hoàn trả hoặc giảm thuế tài sản hoặc thuế thu nhập mà bạn nhận được do các dịch vụ mà bạn đã thực hiện với tư cách là lính cứu hỏa tình nguyện hoặc nhân viên cấp cứu y tế.
- Các khoản thanh toán bạn nhận được nhờ các dịch vụ bạn đã thực hiện với tư cách là lính cứu hỏa tình nguyện hoặc nhân viên ứng cứu y tế khẩn cấp, lên đến \$50 cho mỗi tháng mà bạn cung cấp dịch vụ.

Phần thu nhập bị loại trừ làm giảm tất cả các khoản khấu trừ thuế hoặc đóng góp liên quan.

Quyền lợi ốm đau và thương tật

Phần này thảo luận về quyền lợi ốm đau và thương tật, bao gồm hưu bổng thương tật, hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn, tiền bồi thường cho nhân viên và các phúc lợi khác.

Trong hầu hết các trường hợp, bạn phải báo cáo vào thu nhập số tiền mà bạn nhận được do bệnh tật và thương tật cả nhân thông qua chương trình bảo hiểm sức khỏe hoặc tai nạn do chủ lao động chi trả. Nếu bạn và chủ lao động cùng chi trả cho chương trình, chỉ số tiền mà bạn nhận được tương ứng với phần thanh toán của chủ lao động sẽ được báo cáo là thu nhập. Tuy nhiên, một số khoản thanh toán có thể không phải chịu thuế đối với bạn. Để tìm hiểu thông tin về các khoản thanh toán không chịu thuế, tham khảo mục [Hưu bổng thương tật của Chính phủ và Quân đội](#) và [Trợ cấp ốm đau và thương tật khác](#), ở phần sau.

TIP Không báo cáo vào thu nhập số tiền hoàn lại các chi phí y tế phát sinh của bạn sau khi chương trình được thiết lập.

Chi phí do bạn thanh toán. Nếu bạn thanh toán toàn bộ chi phí của chương trình bảo hiểm sức khỏe hoặc tai nạn, không tính số tiền bạn nhận được từ chương trình cho bệnh tật và thương tật cả nhân vào thu nhập trên tờ khai thuế của bạn. Nếu chương trình hoàn lại cho bạn những chi phí y tế mà bạn đã khấu trừ trong một năm trước đó, bạn có thể phải khai báo một phần hoặc toàn bộ số tiền hoàn lại vào thu nhập của mình. Tham khảo phần *What if You Receive Insurance Reimbursement in a Later Year?* (Sẽ thế nào nếu bạn nhận được khoản hoàn lại của bảo hiểm năm sau?) trong Ấn phẩm 502, Chi phí y tế và nha khoa.

Chương trình tự chọn. Trong hầu hết các trường hợp, nếu bạn được bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe thông qua chương trình tự chọn và phí bảo hiểm không được tính vào thu nhập của bạn, bạn không được coi là đã trả phí bảo hiểm và bạn phải khai báo bất kỳ quyền lợi nào nhận được vào thu nhập của mình. Nếu phí bảo hiểm được tính vào thu nhập của bạn, bạn được coi là đã trả phí bảo hiểm và bất kỳ quyền lợi nào mà bạn nhận được đều không phải chịu thuế.

Hưu bổng thương tật

Nếu bạn nghỉ hưu do thương tật, bạn phải khai báo trong thu nhập bất kỳ khoản trợ cấp thương tật nào mà bạn nhận được theo chương trình do chủ lao động chi trả. Bạn phải khai báo các khoản thanh toán thương tật chịu thuế của mình như tiền lương ở dòng 1h của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR cho đến khi bạn đến tuổi nghỉ hưu tối thiểu. Tuổi nghỉ hưu tối thiểu là tuổi mà bạn có thể nhận hưu bổng hoặc niên kim lần đầu tiên nếu bạn không bị thương tật.

TIP Bạn có thể được nhận tín thuế nếu bạn bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn khi bạn nghỉ hưu. Để tìm hiểu thông tin về khoản tín thuế này và định nghĩa về thương tật toàn bộ và vĩnh viễn, xem Ấn phẩm 524, Tín thuế cho Người cao niên hoặc Người khuyết tật.

Bắt đầu từ ngày sau khi bạn đến tuổi nghỉ hưu tối thiểu, các khoản thanh toán bạn nhận được sẽ phải chịu thuế như hưu bổng hoặc niên kim. Khai báo khoản tiền này ở dòng 5a và 5b trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Các quy tắc báo cáo hưu bổng được giải thích trong mục Disability Pensions (Hưu bổng thương tật) trong Ấn phẩm 575.

Để tìm hiểu thông tin về các khoản trợ cấp thương tật từ chương trình của chính phủ được cung cấp để thay thế cho bồi thường thất nghiệp, tham khảo [Quyền lợi thất nghiệp](#) trong chương 8.

Chương trình hưu trí và chia sẻ lợi nhuận. Nếu bạn nhận được tiền thanh toán từ chương trình hưu trí hoặc chương trình chia sẻ lợi nhuận không cung cấp tiền hưu trí cho thương tật, không coi các khoản thanh toán này là hưu bổng thương tật. Khoản thanh toán này phải được báo cáo là hưu bổng hoặc niên kim. Để tìm hiểu thêm thông tin về hưu bổng, xem Ấn phẩm 575.

Tiền lương nghỉ phép tích lũy. Nếu bạn nghỉ hưu do thương tật, khoản thanh toán một lần mà bạn nhận được cho tiền lương nghỉ phép tích lũy được coi là tiền lương. Số tiền này không phải là trợ cấp thương tật. Khai báo số tiền này vào thu nhập trong năm thuế mà bạn nhận được.

Hưu bổng thương tật của Chính phủ và Quân đội

Một số khoản hưu bổng thương tật của chính phủ và quân đội không phải chịu thuế.

Thương tật gắn với quá trình phục vụ. Bạn có thể loại trừ khỏi thu nhập số tiền mà bạn nhận được dưới hình thức hưu bổng, niên kim hoặc trợ cấp tương tự cho thương tật và bệnh tật cả nhân do làm nhiệm vụ tại một trong các lực lượng sau của chính phủ.

- Các lực lượng vũ trang của bất kỳ quốc gia nào.
- Cục Quản lý Khí quyển và Đại dương Quốc gia.
- Dịch vụ Y tế công cộng.
- Dịch vụ Ngoại giao.

Điều kiện để loại trừ. Không tính trợ cấp thương tật vào thu nhập của bạn nếu bất kỳ điều kiện nào dưới đây áp dụng.

1. Bạn có quyền nhận trợ cấp thương tật trước ngày 25 tháng 9, 1975.
2. Bạn là thành viên của một lực lượng chính phủ hoặc thành phần dự bị của lực lượng này, hoặc có cam kết ràng buộc bằng văn bản để

trở thành thành viên, vào ngày 24 tháng 9, 1975.

3. Bạn nhận được trợ cấp thương tật cho chấn thương liên quan đến chiến đấu. Đây là thương tật hoặc bệnh tật cả nhân:
 - a. Là kết quả trực tiếp của xung đột vũ trang;
 - b. Xảy ra khi Bạn tham gia vào lực lượng cực kỳ nguy hiểm;
 - c. Xảy ra trong điều kiện mô phỏng chiến tranh, bao gồm các bài tập huấn luyện như diễn tập; hoặc
 - d. Do phương tiện chiến tranh gây ra.
4. Bạn sẽ được quyền nhận tiền bồi thường thương tật từ Bộ Cựu chiến binh (VA) nếu bạn nộp đơn xin. Số tiền loại trừ của bạn theo điều kiện này bằng với số tiền bạn có thể được nhận từ VA.

Hưu bổng dựa trên số năm công tác. Nếu bạn nhận được hưu bổng dựa trên số năm công tác, trong hầu hết các trường hợp, bạn phải khai báo vào thu nhập của mình. Tuy nhiên, nếu tiền hưu bổng đủ điều kiện loại trừ theo diện [thương tật gắn với quá trình phục vụ](#) (đã thảo luận ở phần trên), không tính vào thu nhập phần hưu bổng mà bạn có thể đã nhận được nếu hưu bổng được chi trả dựa trên tỷ lệ thương tật. Bạn phải khai báo phần còn lại của tiền hưu bổng vào thu nhập của bạn.

Quyết định hồi tố của VA. Nếu bạn nghỉ hưu từ lực lượng vũ trang dựa trên số năm công tác và sau đó được VA xếp hạng thương tật có giá trị hồi tố gắn với quá trình phục vụ, trợ cấp thương tật của bạn cho khoảng thời gian hồi tố được loại trừ khỏi thu nhập với mức tối đa là số tiền trợ cấp thương tật của VA mà bạn có thể đã được nhận. Bạn có thể yêu cầu hoàn lại số thuế đã nộp trên khoản tiền được loại trừ (tùy thuộc vào thời hiệu) bằng cách nộp tờ khai thuế sửa đổi trên Mẫu 1040-X cho từng năm trong thời gian hồi tố. Bạn phải gửi kèm mỗi Mẫu 1040-X bản sao của quyết định chính thức cấp trợ cấp hồi tố của VA. Quyết định phải nêu rõ số tiền đã khấu trừ và ngày hiệu lực của trợ cấp.

Nếu bạn nhận được trợ cấp thôi việc do thương tật trả một lần và sau đó được nhận trợ cấp thương tật của VA, loại trừ 100% số tiền trợ cấp thôi việc khỏi thu nhập của bạn. Tuy nhiên, bạn phải tính vào thu nhập của mình mọi khoản trợ cấp tái hòa nhập trả một lần hoặc trợ cấp thôi việc không do thương tật khác mà bạn nhận được sau khi mãn hạn nghĩa vụ, kể cả khi sau đó bạn được VA xếp hạng thương tật có hiệu lực hồi tố.

Thời gian giới hạn đặc biệt. Trong hầu hết các trường hợp, theo thời gian giới hạn, yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế phải được nộp trong vòng 3 năm kể từ khi khai thuế hoặc 2 năm kể từ khi nộp thuế. Tuy nhiên, nếu bạn nhận được quyết định xếp hạng thương tật gắn với quá trình phục vụ có hiệu lực hồi tố, thời gian giới hạn sẽ được kéo dài thêm 1 năm bắt đầu từ ngày quyết định. Khoảng thời gian gia hạn 1 năm này áp dụng cho các yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế nộp sau ngày 17 tháng 6, 2008 và không áp dụng cho bất kỳ năm thuế nào bắt đầu hơn 5 năm trước ngày quyết định.

Tấn công khủng bố hoặc hành động quân sự. Không tính vào thu nhập của bạn tiền trợ cấp thương tật mà bạn nhận được cho thương tích do hậu quả trực tiếp của một cuộc tấn công khủng bố hoặc hành động quân sự nhằm vào Hòa Kỳ (hoặc các đồng minh), dù ở bên trong hay bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ hoặc do hành động quân sự. Xem Ấn

Hợp đồng Bảo hiểm chăm sóc dài hạn

Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn trong hầu hết các trường hợp được coi là hợp đồng bảo hiểm tai nạn và sức khỏe. Số tiền bạn nhận được từ hợp đồng này (ngoài cổ tức của chủ hợp đồng hoặc tiền hoàn lại phí bảo hiểm) trong hầu hết các trường hợp đều được loại trừ khỏi thu nhập như số tiền nhận được cho thương tật hoặc bệnh tật cá nhân. Để yêu cầu loại trừ cho các khoản thanh toán trên cơ sở hàng ngày hoặc định kỳ khác theo hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn, bạn phải nộp Mẫu 8853 cùng với tờ khai thuế của mình.

Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn là hợp đồng bảo hiểm chỉ cung cấp bảo hiểm cho các dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ tiêu chuẩn. Hợp đồng phải:

- Được bảo đảm có thể tái tục;
- Không quy định giá trị giải ước bằng tiền mặt hoặc các khoản tiền khác có thể được thanh toán, chuyển nhượng, cầm cố hoặc vay mượn;
- Quy định rằng khoản hoàn trả, ngoài khoản hoàn trả khi người được bảo hiểm tử vong hoặc giải ước hoàn toàn hoặc hủy bỏ hoàn toàn hợp đồng cũng như cổ tức theo hợp đồng chỉ có thể được sử dụng để giảm phí mua bảo hiểm trong tương lai hoặc gia tăng các quyền lợi trong tương lai; và
- Trong hầu hết các trường hợp, không thanh toán hay hoàn lại chi phí phát sinh cho các dịch vụ hoặc hạng mục có thể được hoàn lại theo Medicare, ngoại trừ trường hợp Medicare là bên chi trả phụ hoặc hợp đồng hiện thanh toán hàng ngày hoặc trên cơ sở định kỳ khác mà không liên quan đến chi phí.

Dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ tiêu chuẩn. Dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ tiêu chuẩn là:

- Các dịch vụ chẩn đoán, dự phòng, trị liệu, chữa trị, điều trị, giảm nhẹ và phục hồi chức năng cần thiết cũng như các dịch vụ chăm sóc cá nhân và duy trì; và
- Các dịch vụ được yêu cầu bởi một cá nhân bị bệnh mãn tính và được cung cấp theo chương trình chăm sóc do bác sĩ chăm sóc sức khỏe được cấp phép chỉ định.

Cá nhân bị bệnh mãn tính. Cá nhân bị bệnh mãn tính là người đã được chứng nhận bởi chuyên gia chăm sóc sức khỏe được cấp phép trong vòng 12 tháng trước đó là một trong những đối tượng sau.

- Một cá nhân, trong ít nhất 90 ngày, không thể thực hiện tối thiểu hai hoạt động sinh hoạt hàng ngày mà không cần trợ giúp đáng kể do mất khả năng hoạt động. Hoạt động sinh hoạt hàng ngày là ăn uống, đi vệ sinh, di chuyển, tắm rửa, mặc quần áo và tiết dục.
- Một cá nhân yêu cầu giám sát đáng kể để được bảo vệ khỏi các mối đe dọa đối với sức khỏe và an toàn do suy giảm nhận thức nghiêm trọng.

Hạn mức loại trừ. Bạn thường có thể loại trừ khỏi tổng thu nhập tối đa \$410 mỗi ngày cho năm 2024. Xem *Limit on exclusion (Hạn mức loại trừ)*, trong phần *Long-Term Care Insurance Contracts (Hợp đồng Bảo hiểm chăm sóc dài hạn)*, ở mục *Sickness and Injury Benefits (Quyền lợi ốm đau và thương tật)* trong Ấn phẩm 525 để tìm hiểu thêm thông tin.

Tiền bồi thường cho người lao động

Số tiền bạn nhận được dưới hình thức tiền bồi thường cho bệnh nghề nghiệp hoặc thương tật cho được miễn thuế hoàn toàn nếu được trả theo đạo luật tiền bồi thường cho người lao động hoặc một quy chế có cùng bản chất với đạo luật tiền bồi thường cho người lao động. Quy tắc loại trừ cũng được áp dụng cho thân nhân còn sống của bạn. Tuy nhiên, quy tắc loại trừ không áp dụng với các khoản trợ cấp từ chương trình hưu trí mà bạn nhận được dựa trên tuổi tác, thời gian công tác hoặc số tiền đã đóng góp vào chương trình, kể cả trong trường hợp bạn nghỉ hưu do bệnh nghề nghiệp hoặc thương tật.



Nếu một phần tiền bồi thường cho người lao động của bạn làm giảm phúc lợi an sinh xã hội hoặc phúc lợi hưu trí đường sắt tương đương nhận được, phần đó được coi là phúc lợi an sinh xã hội (hoặc phúc lợi hưu trí đường sắt tương đương) và có thể phải chịu thuế. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 915, Phúc lợi An sinh Xã hội và Hưu trí đường sắt tương đương.

Quay trở lại làm việc. Nếu bạn trở lại làm việc sau khi đủ điều kiện để nhận tiền bồi thường cho người lao động, tiền lương bạn nhận được để thực hiện các công việc nhẹ nhàng sẽ chịu thuế như tiền lương.

Quyền lợi ốm đau và thương tật khác

Ngoài hưu bổng thương tật và niên kim, bạn có thể nhận các khoản thanh toán khác cho bệnh tật hoặc thương tật.

Tiền lương nghỉ bệnh ngành đường sắt. Tiền lương nghỉ bệnh mà bạn nhận được theo Đạo luật Bảo hiểm thất nghiệp đường sắt phải chịu thuế và bạn phải khai báo số tiền này vào thu nhập. Tuy nhiên, không khai báo vào thu nhập nếu tiền được trả cho thương tật xảy ra khi đang làm nhiệm vụ.

Nếu bạn nhận được thu nhập do thương tật, xem [Hưu bổng thương tật](#) ở phần trên.

Đạo luật Lương bổng cho Nhân viên Liên bang (FECA). Tiền thanh toán nhận được theo Đạo luật này cho thương tật hoặc bệnh tật cá nhân bao gồm tiền thanh toán cho người thụ hưởng trong trường hợp tử vong không phải chịu thuế. Tuy nhiên, bạn phải chịu thuế trên số tiền lương tiếp tục trả mà bạn nhận được theo Đạo luật này cho tối đa 45 ngày trong khi yêu cầu được xem xét quyết định. Báo cáo khoản thu nhập này là tiền lương. Ngoài ra, tiền thanh toán cho thời gian nghỉ ốm trong khi yêu cầu được xử lý sẽ phải chịu thuế và phải được tính vào thu nhập của bạn như một khoản tiền lương.



Nếu một phần số tiền bạn nhận được theo FECA làm giảm phúc lợi an sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt tương đương nhận được, phần đó được coi là phúc lợi an sinh xã hội (hoặc hưu trí đường sắt tương đương) và có thể phải chịu thuế. Xem Ấn phẩm 554 để tìm hiểu thêm thông tin.

Các khoản bồi thường khác. Nhiều khoản tiền khác mà bạn nhận như tiền bồi thường cho bệnh tật

hoặc thương tật sẽ không phải chịu thuế. Bao gồm các khoản tiền sau.

- Các khoản bồi thường thiệt hại mà bạn nhận được cho thương tật hoặc bệnh tật thể chất, cho dù được trả một lần hay trả theo kỳ.
- Các quyền lợi nhận được theo chính sách bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe do bạn hoặc chủ lao động đóng phí bảo hiểm nhưng bạn phải tính những quyền lợi này vào thu nhập của mình.
- Trợ cấp thương tật mà bạn nhận được khi mất thu nhập hoặc khả năng kiếm tiền do thương tật theo hợp đồng bảo hiểm xe hơi không có lỗi.
- Tiền bồi thường mà bạn nhận được nếu mất vĩnh viễn hoặc mất khả năng sử dụng một bộ phận hoặc chức năng của cơ thể, hoặc bị biến dạng vĩnh viễn. Khoản bồi thường này chỉ dựa trên thương tật chứ không dựa trên thời gian bạn nghỉ việc. Những quyền lợi này sẽ không chịu thuế kể cả khi chủ lao động trả tiền cho chương trình bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cung cấp những quyền lợi này.

Bồi hoàn chi phí chăm sóc y tế. Tiền hoàn lại cho chi phí chăm sóc y tế thường không phải chịu thuế. Tuy nhiên, số tiền này có thể làm giảm mức khấu trừ chi phí y tế của bạn. Để tìm hiểu thêm thông tin, tham khảo Ấn phẩm 502.

6.

Thu nhập từ tiền lãi

Nhắc nhở

Thu nhập nguồn nước ngoài. Nếu bạn là công dân Hoa Kỳ có thu nhập từ tiền lãi từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ (thu nhập từ nước ngoài), bạn cần phải khai báo thu nhập đó trong tờ khai thuế của mình trừ khi thu nhập đó được miễn thuế theo luật pháp Hoa Kỳ. Điều này được áp dụng dù bạn đang sinh sống ở bên trong hay bên ngoài Hoa Kỳ và bạn có nhận được Mẫu 1099 từ người trả tiền nước ngoài hay không.

Tự động gia hạn 6 tháng. Nếu bạn nhận được Mẫu 1099 khai báo thu nhập từ tiền lãi của mình muộn và cần thêm thời gian để nộp tờ khai thuế, bạn có thể yêu cầu gia hạn thời gian nộp tờ khai thêm 6 tháng. Xem [Tự động gia hạn](#) trong chương 1.

Trẻ em có thu nhập phi lao động. Xem Mẫu 8615 và hướng dẫn để biết quy tắc và thuế suất áp dụng to một số trẻ có thu nhập phi lao động.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về các chủ đề sau.

- Các loại thu nhập từ tiền lãi.
- Tiền lãi nào phải chịu thuế và tiền lãi nào không chịu thuế.
- Khi nào khai báo thu nhập từ tiền lãi.

- Cách khai báo thu nhập từ tiền lãi trên tờ khai thuế của bạn.

Nói chung, tiền lãi mà bạn nhận được hoặc được ghi có trong tài khoản của mình và có thể rút ra đều được coi là thu nhập chịu thuế. Các ngoại lệ đối với quy định này sẽ được thảo luận sau trong chương này.

Bạn có thể khấu trừ các chi phí mà bạn đã bỏ ra để kiếm được thu nhập này trong Bảng A (Mẫu 1040) nếu bạn liệt kê từng khoản khấu trừ của mình. Xem [Tiền vay để đầu tư vào chứng thư gửi tiền định kỳ](#) ở phần sau và [chương 12](#).

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- ☐ **525** Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế
- ☐ **537** Bán trả góp
- ☐ **550** Thu nhập và Chi phí đầu tư
- ☐ **555** Tài sản cộng đồng
- ☐ **1212** Hướng dẫn về Công Cụ Giảm Giá Phát Hành Gốc cụ giảm giá phát hành gốc (OID)

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ☐ **1040** Mẫu 1040, Tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho Cá nhân
- ☐ **1040-SR** Mẫu 1040-SR, Tờ khai thuế Hoa Kỳ cho Người cao niên
- ☐ **Bảng A (Mẫu 1040)** Khấu trừ từng khoản
- ☐ **Bảng B (Mẫu 1040)** Tiền lãi và Cổ tức thông thường
- ☐ **Bảng K-1 (Mẫu 1041)** Phần thu nhập, khấu trừ, tín thuế, v.v., của Người thụ hưởng
- ☐ **Bảng K-1 (Mẫu 1065)** Phần thu nhập, khấu trừ, tín thuế, v.v., của Thành viên
- ☐ **Bảng K-1 (Mẫu 1120-S)** Phần thu nhập, khấu trừ, tín thuế, v.v., của Cổ đông
- ☐ **W-9** Yêu cầu Mã số thuế và chứng nhận
- ☐ **1099** Hướng dẫn tổng quát cho một số Tờ khai thông tin
- ☐ **1099-INT** Thu nhập từ tiền lãi
- ☐ **1099-DIV** Cổ tức và khoản phân phối
- ☐ **1099-OID** Giảm giá phát hành gốc
- ☐ **1099-R** Phân phối từ Lương hưu, Niên kim, Chương trình hưu hoặc chia lãi, IRA, Hợp đồng Bảo hiểm, v.v.
- ☐ **3115** Đơn xin Thay đổi phương pháp kế toán
- ☐ **6251** Thuế tối thiểu thay thế — Cá nhân
- ☐ **8615** Thuế cho một số trẻ em có thu nhập phi lao động
- ☐ **8814** Cha mẹ chọn khai báo Tiền lãi và Cổ tức của con mình
- ☐ **8815** Loại trừ tiền lãi từ loại trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ EE và I được phát hành sau năm 1989

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms \(tiếng Anh\)](#).

Thông tin tổng quan

Một vài mục quan tâm chung được đề cập ở đây.



Lưu giữ hồ sơ. Bạn nên lưu giữ danh sách thể hiện các nguồn thu nhập từ tiền lãi và số tiền lãi nhận được trong năm. Ngoài ra, hãy lưu giữ các mẫu đơn mà bạn nhận được có ghi thu nhập từ tiền lãi của bạn (ví dụ: Mẫu 1099-INT) như loại giấy tờ quan trọng trong hồ sơ của bạn.

Thuế trên thu nhập phi lao động của một số trẻ em. Một phần thu nhập phi lao động trong năm 2024 của trẻ có thể bị đánh thuế theo mức thuế của cha mẹ. Nếu vậy, bạn phải hoàn thành Mẫu 8615 và đính kèm với tờ khai thuế của trẻ. Nếu không, bạn không phải hoàn thành Mẫu 8615 và thu nhập của trẻ sẽ bị đánh thuế theo mức thuế riêng của trẻ.

Một số cha mẹ có thể lựa chọn bao gồm cả tiền lãi và cổ tức của trẻ vào tờ khai thuế của mình. Nếu được, hãy sử dụng Mẫu 8814 sử dụng cho mục đích này.

Để biết thêm thông tin về thuế đối với thu nhập phi lao động của trẻ em và sự lựa chọn của cha mẹ, hãy xem [Mẫu 8615 \(tiếng Anh\)](#).

Người thụ hưởng di sản hoặc quỹ tín thác. Tiền lãi bạn nhận được với tư cách là người thụ hưởng di sản hoặc quỹ tín thác thường là thu nhập chịu thuế. Bạn sẽ nhận được Bảng K-1 (Mẫu 1041) từ người được ủy thác. Bản sao của Bảng K-1 (Mẫu 1041) và các hướng dẫn của nó sẽ cho bạn biết nơi để khai báo thu nhập trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của bạn.

Mã số thuế (TIN). Bạn phải cung cấp tên và TIN của mình (hoặc số an sinh xã hội (SSN), hoặc mã số thuế của chủ lao động (EIN), hoặc mã số thuế cho việc nhận con nuôi (ATIN), hoặc mã số thuế cá nhân (ITIN)) đối với bất kỳ người nào được luật thuế liên bang yêu cầu để thực hiện tờ khai, báo cáo hoặc tài liệu khác liên quan đến bạn. Điều này bao gồm cả người trả lãi. Nếu bạn không cung cấp TIN của mình cho người trả lãi, người trả lãi thường sẽ phải khấu trừ dự phòng trên các khoản thanh toán tiền lãi với tỷ lệ là 24%, và bạn cũng có thể phải chịu một hình phạt. Dùng Mẫu W-9 để cung cấp thông tin cần thiết. Xem Mẫu W-9 và hướng dẫn.

TIN cho tài khoản chung. Nói chung, nếu tiền trong tài khoản chung thuộc về một cá nhân, hãy liệt kê tên của người đó trước trên tài khoản và cung cấp TIN của người đó cho người trả tiền. (Để biết thông tin về người sở hữu các quỹ trong tài khoản chung, xem [Tài khoản chung](#) sau đây.) Nếu tài khoản chung bao gồm nhiều quỹ kết hợp, hãy cung cấp TIN của người có tên được liệt kê đầu tiên trên tài khoản.

Những quy định này áp dụng cho cả quyền sở hữu chung của một cặp vợ chồng và quyền sở hữu chung của các cá nhân khác. Ví dụ: nếu bạn mở một tài khoản tiết kiệm chung với con cái bằng cách sử dụng quỹ của con, hãy liệt kê tên trẻ trước trên tài khoản và cung cấp TIN của trẻ.

Mẫu W-9 và hướng dẫn kèm theo cung cấp: Nếu Mẫu W-9 này dành cho một tài khoản chung (không phải là tài khoản do tổ chức tài chính nước ngoài (FFI) duy trì), hãy liệt kê trước, sau đó khoanh tròn tên của cá nhân hoặc tổ chức có số bạn đã nhập vào Phần I của Mẫu W-9. Nếu bạn cung cấp Mẫu W-9 cho một FFI để ghi lại tài khoản chung thì mỗi

chủ tài khoản là công dân Hoa Kỳ phải cung cấp Mẫu W-9. Xem Mẫu W-9 và hướng dẫn.

Tài khoản giám hộ cho trẻ. Nếu con của bạn là chủ sở hữu thực tế của một tài khoản được ghi tên bạn với tư cách là người giám hộ cho trẻ, hãy cung cấp TIN của trẻ cho người trả tiền. Ví dụ: bạn phải cung cấp SSN của con mình cho người trả lãi trên tài khoản mà trẻ sở hữu mặc dù bạn là người nhận tiền lãi với tư cách là người giám hộ.

Hình phạt nếu không cung cấp TIN. Nếu bạn không cung cấp TIN của mình cho người trả lãi, bạn có thể bị phạt tiền. Xem [Không cung cấp SSN](#) trong mục [Hình phạt](#) ở chương 1. Khấu trừ dự phòng cũng có thể được áp dụng.

Khấu trừ dự phòng. Thu nhập từ tiền lãi của bạn thường sẽ không bị khấu trừ như thường lệ. Tuy nhiên, nó có thể bị khấu trừ dự phòng để đảm bảo việc thu thuế trên thu nhập được thực hiện. Theo yêu cầu khấu trừ dự phòng, người trả lãi phải tạm giữ, như thuế thu nhập, trên khoản tiền bạn được trả, bằng cách áp dụng tỷ lệ khấu trừ thích hợp. Tỷ lệ hiện tại là 24%. Việc khấu trừ chỉ được yêu cầu nếu có điều kiện để khấu trừ dự phòng, chẳng hạn như không cung cấp TIN của bạn cho người trả tiền hoặc không chứng nhận TIN của bạn theo hình phạt của tội khai man, nếu được yêu cầu.

Khấu trừ dự phòng có thể được thực hiện nếu IRS xác định rằng bạn đã khai báo thiếu thu nhập từ tiền lãi hoặc cổ tức của mình. Để biết thêm thông tin, xem [Khấu trừ dự phòng](#) trong chương 4.

Khai báo khấu trừ dự phòng. Nếu khấu trừ dự phòng được khấu trừ từ thu nhập từ tiền lãi của bạn thì số tiền khấu trừ sẽ được khai báo trên Mẫu 1099-INT của bạn. Mẫu 1099-INT sẽ ghi bất kỳ khấu trừ dự phòng nào là “Federal income tax withheld (Khấu trừ thuế thu nhập Liên bang).”

Tài khoản chung. Nếu hai hoặc nhiều người nắm giữ tài sản (chẳng hạn như tài khoản tiết kiệm hoặc trái phiếu) với tư cách là người đồng hưởng dụng, người hưởng dụng toàn bộ hoặc người hưởng dụng chung thì phần thu nhập chia sẻ của mỗi người từ tài sản sẽ được xác định theo luật pháp địa phương.

Thu nhập từ tài sản trao tặng cho trẻ em. Tài sản mà bạn trao tặng với tư cách là cha mẹ cho con mình theo Đạo luật Quà tặng chứng khoán cho Trẻ vị thành niên, Đạo luật Đồng nhất về Quà tặng cho Trẻ vị thành niên hoặc bất kỳ luật nào tương tự sẽ trở thành tài sản của đứa trẻ.

Trẻ em sẽ bị đánh thuế đối với thu nhập từ tài sản, ngoại trừ phần được sử dụng để đáp ứng nghĩa vụ pháp lý để cấp dưỡng cho trẻ thì cha mẹ hoặc người giám hộ của trẻ sẽ phải chịu thuế.

Tài khoản tiết kiệm với cha mẹ là người được ủy thác. Trẻ em sẽ bị đánh thuế đối với thu nhập từ tiền lãi đến từ tài khoản tiết kiệm được mở cho trẻ vị thành niên nhưng cha mẹ lại đứng tên và có quyền quyết định với tư cách là người được ủy thác trong trường hợp, theo luật của bang nơi trẻ cư trú, cả hai điều sau đây đều đúng.

- Đứa trẻ là chủ sở hữu tài khoản tiết kiệm hợp pháp.
- Cha mẹ không được luật pháp cho phép sử dụng bất kỳ khoản tiền nào để cấp dưỡng cho trẻ.

Mẫu 1099-INT. Thu nhập từ tiền lãi thường được ghi trên Mẫu 1099-INT gửi cho bạn hoặc một khai báo tương tự từ các ngân hàng, khoản tiết kiệm và khoản vay, và những người trả lãi khác. Mẫu này sẽ cho bạn biết khoản thu nhập từ tiền lãi mà bạn nhận

được trong năm. Hãy lưu giữ mẫu này trong hồ sơ của bạn. Bạn không cần phải đính kèm nó vào tờ khai thuế của mình.

Khai báo trên tờ khai thuế của bạn tổng thu nhập từ tiền lãi mà bạn nhận được trong năm chịu thuế. Xem Instructions for Recipient (Hướng dẫn cho Người nhận) của Mẫu 1099-INT để xem bạn có cần điều chỉnh khoản tiền nào được khai báo cho bạn không.

Tiền lãi không được báo cáo trên Mẫu 1099-INT. Ngay cả khi không nhận được Mẫu 1099-INT, bạn vẫn phải khai báo tất cả thu nhập từ tiền lãi của mình. Ví dụ: bạn có thể nhận được phần lời phân phối từ công ty hợp danh hoặc công ty S. Phần lãi này được khai báo cho bạn trên Bảng K-1 (Mẫu 1065) hoặc Bảng K-1 (Mẫu 1120-S).

Người được chỉ định. Thông thường, nếu một người nhận tiền lãi với tư cách là người được bạn chỉ định thì người đó sẽ phải cung cấp cho bạn Mẫu 1099-INT có ghi số tiền lãi nhận thay bạn.

Nếu bạn nhận được Mẫu 1099-INT và tiền lãi như một người được chỉ định cho một người khác, xem phần thảo luận về phân phối cho người được chỉ định trong mục *How To Report Interest Income (Cách khai báo thu nhập từ tiền lãi)* trong chương 1 của Ấn phẩm 550, hoặc hướng dẫn cho Bảng B (Mẫu 1040).

Số tiền không chính xác. Nếu bạn nhận được Mẫu 1099-INT có ghi số tiền không chính xác hoặc thông tin khác không chính xác, hãy yêu cầu nhà phát hành cung cấp mẫu đã điều chỉnh. Mẫu 1099-INT mới mà bạn nhận được sẽ có ô đánh dấu "CORRECTED (ĐÃ SỬA ĐỔI)".

Mẫu 1099-OID. Thu nhập từ tiền lãi có thể khai báo cũng có thể được ghi trên Mẫu 1099-OID. Giảm giá phát hành gốc. Để biết thêm thông tin về số tiền được ghi trên mẫu này, xem [Giảm giá phát hành gốc \(OID\)](#) sau trong chương này.



Ô được đề cập thảo luận bên dưới là từ Mẫu 1099-INT và Mẫu 1099-DIV bản sửa đổi năm 2024. Các bản sửa đổi sau này có thể có các ô được đề cập khác nhau.

Lãi miễn thuế từ cổ tức. Lãi miễn thuế từ cổ tức mà bạn nhận được từ một quỹ góp vốn đầu tư hoặc đầu tư hoạt động theo các quy định của luật pháp khác sẽ không được tính vào thu nhập chịu thuế của bạn. (Tuy nhiên, xem *Yêu cầu khai báo thông tin tiếp sau đây*.) Cổ tức được miễn lãi phải được kê khai trên Mẫu 1099-DIV, ô số 12. Bạn không giảm giá gốc các khoản phân phối là lãi miễn thuế từ cổ tức.

Yêu cầu khai báo thông tin. Dù cổ tức được miễn lãi không phải chịu thuế nhưng bạn vẫn phải khai báo chúng trên tờ khai thuế nếu bạn phải khai thuế. Đây là yêu cầu khai báo thông tin và không biến cổ tức được miễn thuế thành thu nhập chịu thuế.

Ghi chú. Cổ tức được miễn thuế được trả bởi một quỹ tương hỗ hoặc RIC khác từ trái phiếu hoạt động tự nhân cụ thể có thể phải chịu mức thuế tối thiểu thay thế (AMT). Cổ tức được miễn thuế chịu AMT được thể hiện trên ô 13 của Mẫu 1099-DIV. Xem [Thuế tối thiểu thay thế \(AMT\)](#) tại chương 13 để biết thêm thông tin. Chương 1 của Ấn phẩm 550 có đề cập đến trái phiếu hoạt động tự nhân theo *State or Local Government Obligations (Công trái của Chính quyền Tiểu bang hoặc địa phương)*.

Lãi từ cổ tức của VA. Tiền lãi từ cổ tức bảo hiểm còn lại của khoản tiền gửi tại Bộ Cựu Chiến Binh

(VA) sẽ không bị đánh thuế. Nó bao gồm tiền lãi được trả từ cổ tức trong các Hợp đồng Bảo hiểm nhân thọ của Chính phủ Hoa Kỳ đã được chuyển đổi và các Hợp đồng Bảo hiểm nhân thọ phục vụ Quốc gia.

Quỹ hưu trí cá nhân (IRA). Tiền lãi trên IRA Roth thường không bị đánh thuế. Tiền lãi trên IRA truyền thống được hoãn thuế. Bạn thường không tính cả tiền lãi kiếm được từ IRA vào thu nhập của mình cho đến khi bạn thực hiện rút tiền từ IRA. Xem [chương 9](#).

Tiền lãi chịu thuế — Tổng quan

Tiền lãi chịu thuế bao gồm cả tiền lãi bạn nhận được từ tài khoản ngân hàng, các khoản bạn cho người khác vay và các nguồn khác. Sau đây là một số nguồn tiền lãi chịu thuế.

Cổ tức là tiền lãi trên thực tế. Một số khoản phân phối thường được gọi cổ tức là tiền lãi trên thực tế. Bạn phải khai báo dưới dạng tiền lãi được gọi là cổ tức trên số tiền gửi hoặc trên trương mục chung phân tại:

- Ngân hàng tập thể,
- Công đoàn tín dụng,
- Hiệp hội cho vay và xây dựng nội địa,
- Hiệp hội tiết kiệm và cho vay nội địa,
- Hiệp hội tiết kiệm và cho vay liên bang, và
- Ngân hàng tiết kiệm tương hỗ.

"Dividends (Cổ tức)" sẽ được hiển thị dưới dạng thu nhập từ tiền lãi trên Mẫu 1099-INT.

Quỹ thị trường tiền tệ. Các quỹ thị trường tiền tệ trả cổ tức và các quỹ này đến từ các tổ chức tài chính phi ngân hàng như các quỹ tương hỗ và công ty giao dịch chứng khoán. Thông thường, số tiền bạn nhận được từ quỹ thị trường tiền tệ phải được khai báo dưới dạng cổ tức thay vì tiền lãi.

Chứng thư gửi tiền định kỳ và các tài khoản tiền lãi hoãn thuế khác. Nếu bạn mua một chứng thư gửi tiền định kỳ hoặc mở một tài khoản tiền lãi hoãn thuế, tiền lãi có thể được trả theo khoảng thời gian cố định từ 1 năm trở xuống trong thời hạn của tài khoản. Bạn thường phải tính cả khoản tiền lãi này vào thu nhập của mình khi bạn thực nhận hoặc được quyền nhận khoản tiền này mà không phải trả một khoản tiền phạt lớn. Điều này cũng được áp dụng với các tài khoản có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống và trả lãi một lần khi đáo hạn. Nếu tiền lãi được hoãn trên 1 năm, xem [Giảm giá phát hành gốc \(OID\)](#).

Tiền lãi phải chịu phạt nếu rút trước hạn. Bạn có thể bị phạt tiền nếu rút tiền từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế trước hạn. Bạn phải khai báo tổng số tiền lãi đã được trả hoặc được ghi có vào tài khoản của mình trong năm mà chưa trừ hình phạt. Xem *Penalty on early withdrawal of savings (Phạt rút tiền tiết kiệm trước hạn)* tại chương 1 của Ấn phẩm 550 để biết thêm thông tin về cách khai báo tiền lãi và khấu trừ tiền phạt.

Tiền vay để đầu tư vào chứng thư gửi tiền định kỳ. Tiền lãi mà bạn phải trả cho khoản tiền vay từ ngân hàng hoặc tổ chức tiết kiệm để đáp ứng yêu cầu gửi tiền tối thiểu để có được chứng thư gửi tiền định kỳ từ tổ chức đó và tiền lãi bạn kiếm được trên chứng thư là hai khoản riêng biệt. Bạn phải khai báo tổng thu nhập từ tiền lãi mà mình kiếm được trên chứng thư vào thu nhập của bạn. Nếu chia nhỏ các

khoản khấu trừ, bạn có thể khấu trừ khoản tiền lãi mà bạn phải trả dưới dạng tiền lãi đầu tư, tối đa lên đến số tiền thu nhập đầu tư ròng của bạn. Xem *Interest Expenses (Chi phí tiền lãi)* trong chương 3 của Ấn phẩm 550.

Ví dụ. Bạn mua chứng thư gửi tiền định kỳ trị giá \$10.000 bằng cách vay \$5.000 từ ngân hàng và cộng thêm \$5.000 số tiền của mình. Chứng thư mang lại cho bạn \$575 khi đáo hạn vào năm 2024, tuy nhiên, bạn chỉ nhận được \$265, con số này tương ứng với \$575 bạn kiếm được trừ đi \$310 tiền lãi cho khoản vay \$5.000 của bạn trước đó. Ngân hàng sẽ cung cấp cho bạn Mẫu 1099-INT của năm 2024 ghi nhận khoản tiền lãi \$575 mà bạn kiếm được. Ngân hàng cũng sẽ cung cấp cho bạn một báo cáo cho thấy rằng bạn đã thanh toán \$310 tiền lãi cho năm 2024. Bạn phải bao gồm cả \$575 trong thu nhập của bạn. Nếu bạn khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040), bạn có thể khấu trừ đi \$310 theo đúng giới hạn thu nhập đầu tư ròng.

Quà tặng khi mở tài khoản. Nếu bạn nhận được quà tặng hoặc dịch vụ không bằng tiền mặt khi gửi tiền hoặc mở tài khoản tại một tổ chức tiết kiệm, bạn có thể phải khai báo giá trị của chúng dưới dạng tiền lãi.

Đối với các khoản tiền gửi dưới \$5.000, quà tặng hoặc dịch vụ có giá trị hơn \$10 phải được khai báo là tiền lãi. Đối với các khoản tiền gửi từ \$5.000 trở lên, quà tặng hoặc dịch vụ có giá trị hơn \$20 phải được khai báo là tiền lãi. Giá trị được xác định bởi chi phí cho tổ chức tài chính.

Ví dụ. Bạn mở tài khoản tiết kiệm tại ngân hàng địa phương và gửi vào đó \$800. Tài khoản này nhận được \$20 tiền lãi. Bạn cũng nhận được một máy tính trị giá \$15. Nếu không có khoản lãi nào khác được ghi có vào tài khoản của bạn trong năm, Mẫu 1099-INT mà bạn nhận được sẽ ghi nhận tiền lãi trong năm là \$35. Bạn phải khai báo chỉ định tiền lãi là \$35 trên tờ khai thuế của mình.

Tiền lãi từ cổ tức của bảo hiểm. Bạn sẽ bị đánh thuế đối với cổ tức bảo hiểm khi gửi tại công ty bảo hiểm có thể được rút ra hàng năm trong năm số tiền lãi này được ghi có vào tài khoản của bạn. Tuy nhiên, nếu bạn chỉ được rút tiền vào ngày kỷ niệm của hợp đồng (hoặc một ngày được chỉ định khác) thì số tiền lãi này sẽ bị đánh thuế trong năm đó.

Phí bảo hiểm trả trước. Bất kỳ sự tăng giá phí bảo hiểm trả trước, phí bảo hiểm ứng trước, hoặc quỹ tiền gửi bảo hiểm nào cũng đều được coi là tiền lãi nếu nó được áp dụng cho khoản thanh toán phí bảo hiểm đến hạn của hợp đồng bảo hiểm hoặc có thể rút mọi lúc.

Công trái của Hoa Kỳ. Tiền lãi trên công trái của Hoa Kỳ được phát hành bởi bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức phát hành nào của Hoa Kỳ, chẳng hạn như trái phiếu ngắn hạn, trái phiếu trung hạn và trái phiếu dài hạn của Bộ Tài chính Hoa Kỳ, sẽ bị đánh thuế cho các mục đích tính thuế thu nhập liên bang.

Tiền lãi hoãn thuế. Tiền lãi hoãn thuế mà bạn nhận được coi là thu nhập chịu thuế.

Tiền lãi từ thưởng xử phạt. Nếu cơ quan xử phạt trả tiền lãi cho bạn để bồi thường cho sự chậm trễ trong việc thanh toán thuế thì khoản tiền lãi đó sẽ phải chịu thuế.

Thanh toán bán hàng trả góp. Nếu một hợp đồng bán hàng hoặc trao đổi tài sản cho phép việc chưa phải trả tiền ngay thì hợp đồng đó thường sẽ quy định lãi suất phải trả khi trả chậm. Tiền lãi mà bạn

nhận được thường sẽ phải chịu thuế. Nếu một hợp đồng trả chậm không có lãi suất hoặc lãi suất thấp thì một phần của mỗi khoản thanh toán có thể được coi là tiền lãi. Xem *Unstated Interest and Original Issue Discount (OID)* (Tiền lãi chưa khai và Giảm giá phát hành gốc) trong Ấn phẩm 537.

Tiền lãi từ hợp đồng niên kim. Tiền lãi tích lũy từ hợp đồng niên kim mà bạn bán trước ngày đáo hạn sẽ phải chịu thuế.

Tiền lãi từ cho vay nặng lãi. Tiền lãi từ cho vay nặng lãi là tiền lãi được tính theo lãi suất bất hợp pháp. Khoản tiền này phải chịu thuế như tiền lãi trừ khi luật tiểu bang tự động thay đổi nó thành khoản thanh toán trên số tiền vốn.

Thu nhập từ tiền lãi từ tiền gửi đóng băng. Loại trừ tiền lãi trên tổng thu nhập từ các khoản tiền gửi đóng băng. Khoản tiền gửi sẽ bị đóng băng vào thời điểm cuối năm nếu bạn không thể rút bất kỳ phần nào từ khoản tiền gửi do:

- Cơ quan tài chính bị hoặc có thể bị phá sản hoặc vỡ nợ, hoặc
- Tiểu bang nơi tổ chức đặt trụ sở đã đặt giới hạn rút tiền vì các cơ quan tài chính khác ở tiểu bang bị phá sản hoặc vỡ nợ.

Số tiền lãi bạn phải loại trừ là tiền lãi đã được ghi có trên các khoản tiền gửi đóng băng trừ đi tổng của:

- Số tiền ròng bạn đã rút từ các khoản tiền gửi này trong năm, và
- Số tiền bạn đã có thể rút vào cuối năm (không bị giảm do trừ khoản tiền bị phạt nào vì rút tiền trước hạn quy định đối với khoản tiền gửi có kỳ hạn).

Nếu bạn nhận được Mẫu 1099-INT khai báo thu nhập từ tiền lãi đối với các khoản tiền gửi đóng băng vào cuối năm 2024, xem *Frozen deposits* (Tiền gửi đóng băng) trong mục *How To Report Interest Income* (Cách khai báo thu nhập từ tiền lãi) tại chương 1 của Ấn phẩm 550 để biết thông tin về việc khai báo loại trừ thu nhập từ tiền lãi này trên tờ khai thuế của bạn.

Tiền lãi mà bạn loại trừ sẽ được ghi có vào tài khoản của bạn trong năm tiếp theo. Bạn phải tính cả nó vào thu nhập trong năm mà bạn được phép rút nó.

Ví dụ. \$100 tiền lãi đã được ghi có vào khoản tiền gửi đóng băng của bạn trong năm. Bạn đã rút \$80 nhưng không thể rút thêm nữa vào cuối năm. Bạn phải tính cả \$80 vào thu nhập của mình và trừ \$20 khỏi thu nhập của mình trong năm. Bạn phải tính cả \$20 vào thu nhập của mình trong năm nếu bạn có thể rút nó.

Trái phiếu giao dịch không lãi. Nếu bạn mua trái phiếu với giá chiết khấu khi tiền lãi không được trả hoặc khi tiền lãi đã được cộng dồn nhưng chưa được trả thì giao dịch này được mô tả là giao dịch trái phiếu không lãi. Tiền lãi không trả được hoặc chưa trả không phải là thu nhập và không phải chịu thuế như tiền lãi nếu được trả sau. Khi bạn nhận được khoản tiền lãi đó thì đó là một khoản hoàn vốn làm giảm giá gốc còn lại của trái phiếu của bạn. Tuy nhiên, tiền lãi phát sinh sau ngày mua là thu nhập từ tiền lãi chịu thuế cho năm mà nó được trả hoặc được cộng dồn. Xem *Trái phiếu được bán giữa các ngày trả lãi* ở sau để biết thêm thông tin.

Khoản vay dưới giá thị trường. Thông thường, “khoản vay dưới giá thị trường” có nghĩa là bất kỳ khoản vay nào nếu (a) trong trường hợp khoản vay

quà tặng hoặc theo yêu cầu, tiền lãi phải trả cho khoản vay với lãi suất thấp hơn lãi suất liên bang hiện hành, hoặc (b) trong trường hợp khoản vay có kỳ hạn, số tiền được vay vượt quá giá trị hiện tại (sử dụng lãi suất chiết khấu bằng lãi suất Liên bang hiện hành) của tất cả các khoản thanh toán đến hạn theo khoản vay. (Xem Bộ luật Đoạn 7872 để biết chi tiết.) Đoạn 7872 áp dụng cho một số khoản vay dưới giá thị trường, bao gồm các khoản vay quà tặng, các khoản vay liên quan đến bồi thường và các khoản vay cổ đông công ty. (Xem Bộ luật Đoạn 7872(c).) Nếu bạn là người cho vay khoản vay dưới giá thị trường, bạn có thể có thu nhập bổ sung từ lãi. Xem *Below-Market Loans* (Khoản vay dưới giá thị trường) trong chương 1 của Ấn phẩm 550 để biết thêm thông tin.

Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ

Mục này cung cấp thông tin về thuế đối với trái phiếu tiết kiệm của Hoa Kỳ. Mục này giải thích cách thức khai báo thu nhập từ tiền lãi từ các trái phiếu này và cách xử lý việc chuyển nhượng các trái phiếu này.

Trái phiếu tiết kiệm của Hoa Kỳ hiện được cung cấp cho các cá nhân bao gồm trái phiếu Sê-ri EE và trái phiếu Sê-ri I.



Để biết thêm thông tin về trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ, truy cập [TreasuryDirect.gov/savings-bonds/](https://www.treasurydirect.gov/savings-bonds/) (tiếng Anh).



Nếu bạn ưa chuộng, hãy gửi thư tới:

Treasury Retail Securities Services
P.O. Box 9150
Minneapolis, MN 55480-9150

Người đóng thuế theo phương pháp kế toán tích lũy. Nếu bạn sử dụng phương pháp kế toán tích lũy thì bạn phải khai báo tiền lãi từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ hàng năm khi nó cộng dồn lại. Bạn không thể trì hoãn việc khai báo tiền lãi cho đến khi nhận được tiền lãi hoặc cho đến khi trái phiếu đáo hạn. Phương pháp kế toán tích lũy được giải thích tại chương 1 trong mục *Phương pháp kế toán*.

Người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt. Nếu bạn sử dụng phương pháp kế toán bằng tiền mặt như hầu hết những người đóng thuế cá nhân, bạn thường sẽ khai báo tiền lãi từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ khi nhận được tiền. Phương pháp kế toán bằng tiền mặt được giải thích tại chương 1 trong mục *Phương pháp kế toán*. Tuy nhiên, hãy tham khảo *Các lựa chọn khai báo dành cho người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt* sau đó.

Trái phiếu Sê-ri H và HH. Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã bán trái phiếu tiết kiệm HH từ năm 1980 đến tháng 8 năm 2004. Trái phiếu tiết kiệm HH trả lãi đến 20 năm. Vì vậy, trái phiếu HH cuối cùng sẽ ngừng hưởng tiền lãi vào năm 2024. (Xem [TreasuryDirect.gov/savings-bonds/hh-bonds/](https://www.treasurydirect.gov/savings-bonds/hh-bonds/) (tiếng Anh).)

Một số trái phiếu HH không mua được bằng tiền mặt. Để mua những trái phiếu HH đó, bạn phải giao dịch một chứng khoán khác mà bạn đã mua trước đó. Khi thực hiện giao dịch, bạn có thể đã sử dụng tiền lãi mà chứng khoán ban đầu kiếm được để giúp thanh toán cho trái phiếu HH. Nếu bạn sử dụng một trái phiếu cũ để mua nhiều hơn một trái phiếu HH, tiền lãi bạn sử dụng để mua trái phiếu sẽ được chia theo tỷ lệ giữa các trái phiếu HH. Khi đó, bạn có thể lựa chọn thuế đối với tiền lãi đó: trả ngay hoặc đợi và trả sau (hoàn lại). Tiền lãi mà bạn quyết định trả

sau là “tiền lãi suất được hoãn.” Nếu trái phiếu HH của bạn có tiền lãi được hoãn, bạn sẽ thấy số tiền được xác định ở mặt trước của trái phiếu. Bạn không phải khai báo tiền lãi được hoãn trên tờ khai thuế thu nhập liên bang của mình cho đến khi bạn nộp tờ khai cho năm xảy ra sự kiện đầu tiên sau đây: bạn đổi trái phiếu HH thành tiền mặt; trái phiếu HH ngừng thu lãi; trái phiếu HH được phát hành lại để thể hiện sự thay đổi quyền sở hữu là một sự kiện chịu thuế. (Xem [TreasuryDirect.gov/savings-bonds/hh-bonds/hh-bonds-tax-information](https://www.treasurydirect.gov/savings-bonds/hh-bonds/hh-bonds-tax-information) (tiếng Anh).)

Trái phiếu Sê-ri H được phát hành trước năm 1980. Tất cả trái phiếu Sê-ri H đã đáo hạn và không còn thu lãi.

Ngoài các khoản thanh toán lãi hai lần một năm, hầu hết trái phiếu H/HH đều có thành phần tiền lãi hoãn lại. Việc báo cáo đây là thu nhập sẽ được đề cập ở phần sau của chương này.

Trái phiếu Sê-ri EE và I. Phải trả tiền lãi từ những trái phiếu này khi bạn mua lại trái phiếu. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị hoàn lại được coi là tiền lãi chịu thuế.

Trái phiếu Sê-ri E và EE. Trái phiếu Sê-ri E được phát hành từ trước tháng 7, 1980. Toàn bộ trái phiếu Sê-ri E đều đã đáo hạn và không còn sinh lãi. Trái phiếu Sê-ri EE được chào bán lần đầu tiên vào tháng 1, 1980 và có thời gian đáo hạn là 30 năm; chúng được cung cấp dưới dạng trái phiếu giấy (trái phiếu xác định) cho đến năm 2012. Trái phiếu Sê-ri giấy EE và trái phiếu Sê-ri E được phát hành với một mức chiết khấu và tăng giá trị khi chúng sinh lãi. Trái phiếu Sê-ri EE điện tử (trái phiếu ghi số) được bán ra lần đầu tiên vào năm 2003; chúng được phát hành theo mệnh giá và tăng giá trị khi chúng sinh lãi. Đối với tất cả trái phiếu Sê-ri E và EE, khi tất toán bạn sẽ nhận được giá vốn cùng tiền lãi tích lũy.

trái phiếu Sê-ri I. Trái phiếu Sê-ri I được chào bán lần đầu vào năm 1998. Chúng là trái phiếu chống lạm phát được phát hành theo mệnh giá với thời gian đáo hạn là 30 năm. Trái phiếu Sê-ri I tăng giá trị khi chúng sinh lãi. Bạn sẽ được thanh toán mệnh giá của trái phiếu cộng với toàn bộ tiền lãi tích lũy khi quy đổi trái phiếu.

Các lựa chọn khai báo dành cho người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt. Nếu bạn sử dụng phương pháp khai báo thu nhập bằng tiền mặt, bạn có thể khai báo tiền lãi từ trái phiếu Sê-ri E và I theo một trong các phương pháp sau.

1. **Phương pháp 1.** Hoàn khai báo tiền lãi đến đầu năm bạn rút tiền mặt từ trái phiếu, thanh lý trái phiếu hoặc đến năm chúng đáo hạn. (Tuy nhiên, hãy tham khảo *Trái phiếu tiết kiệm được giao dịch* được đề cập sau.)
2. **Phương pháp 2.** Chọn để khai báo mức tăng giá trị hoàn lại dưới dạng tiền lãi mỗi năm.

Bạn phải sử dụng thống nhất một phương pháp cho tất cả Sê-ri E và I mà bạn sở hữu. Nếu không lựa chọn phương pháp 2 thì bạn sẽ phải sử dụng phương pháp 1.



Nếu bạn dự định rút tiền mặt từ trái phiếu của mình trong cùng năm phải thanh toán chi phí giáo dục đại học, bạn nên sử dụng phương pháp 1 vì bạn có thể trừ số tiền lãi này khỏi thu nhập của mình. Để tìm hiểu cách thực hiện, xem Chương trình Trái phiếu tiết kiệm giáo dục sau đây.

Thay đổi từ phương pháp 1. Nếu bạn muốn thay đổi phương pháp khai báo tiền lãi của mình từ phương pháp 1 sang phương pháp 2, bạn có thể tự

Bảng 6-1. Ai trả thuế cho Tiền lãi trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ

NEU...	THI khoản tiền lãi phải được khai báo bởi...
bạn mua một trái phiếu đứng tên của bạn và tên của một người khác với tư cách đồng sở hữu, chỉ sử dụng tiền riêng của bạn	bạn.
bạn mua một trái phiếu đứng tên của một người khác, người đó là chủ nhân duy nhất của trái phiếu	người mà bạn đã mua trái phiếu cho.
bạn và một người khác mua một trái phiếu với tư cách là người đồng sở hữu, mỗi người đóng góp một phần vào giá mua	cả bạn và người sở hữu đó, tương ứng với số tiền mỗi người đã trả cho trái phiếu.
bạn và vợ/chồng của bạn, sống ở tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng, mua một trái phiếu thì đó là tài sản chung của vợ chồng	bạn và vợ/chồng của bạn. Nếu bạn khai thuế riêng, cả bạn và vợ/chồng của bạn thường sẽ khai báo một nửa tiền lãi.

thay đổi mà không cần sự cho phép từ IRS. Trong năm thay đổi, bạn phải khai báo tất cả các khoản lãi đã được cộng dồn cho đến thời điểm hiện tại và các khoản tiền lãi chưa được khai báo trước đó cho tất cả các trái phiếu mà mình sở hữu.

Khi bạn chọn khai báo tiền lãi mỗi năm, bạn phải tiếp tục làm như vậy cho tất cả trái phiếu Sê-ri EE và I mà mình sở hữu và cho bất kỳ trái phiếu nào bạn nhận được sau này trừ khi bạn thay đổi phương pháp khai báo như được giải thích sau đây.

Thay đổi từ phương pháp 2. Để thay đổi từ phương pháp 2 thành phương pháp 1, bạn sẽ cần sự cho phép từ IRS. Bạn sẽ được tự động cấp quyền thay đổi nếu bạn gửi cho IRS một tuyên bố đáp ứng tất cả các yêu cầu sau.

- Bạn đã nhập hoặc in số sau ở đầu: "131."
- Nó nêu rõ tên và số an sinh xã hội của bạn theo "131."
- Nó nêu rõ năm thay đổi (cả ngày bắt đầu và ngày kết thúc).
- Nó nêu rõ các trái phiếu tiết kiệm mà bạn đang yêu cầu thay đổi.
- Nó nêu rõ bạn đồng ý:
 - Khai báo tất cả các khoản tiền lãi thu được từ bất kỳ trái phiếu nào trong hoặc sau năm có thay đổi khi trái phiếu được ghi nhận, mua lại hoặc đáo hạn lần cuối tùy điều kiện nào đến trước; và
 - Khai báo toàn bộ phần tiền lãi thu được từ trái phiếu trước năm có thay đổi khi trái phiếu được ghi nhận, mua lại hoặc đáo hạn lần cuối tùy điều kiện nào đến trước, ngoại trừ trường hợp phần tiền lãi đã được khai báo trong các năm thuế trước đó.

Bạn phải đính kèm tuyên bố này vào tờ khai thuế của mình cho năm thay đổi và bạn phải nộp trước ngày đến hạn (bao gồm cả thời gian gia hạn).

Bạn có thể tự động gia hạn thêm 6 tháng kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ cho năm thay đổi (không bao gồm thời gian gia hạn) để nộp bản khai báo cùng tờ khai thuế đã sửa đổi. Trên tuyên bố, ghi hoặc in "Filed pursuant to section 301.9100-2. (Nộp theo đoạn 301.9100-2)". Để được gia hạn, bạn phải nộp tờ khai thuế ban đầu của mình cho năm thay đổi trước ngày đến hạn (bao gồm cả thời gian gia hạn).

Thay vì nộp tuyên bố này, bạn có thể yêu cầu thay đổi từ phương pháp 2 sang phương pháp 1 bằng cách điền Mẫu 3115, Đơn xin Thay đổi phương pháp kế toán. Trong trường hợp đó, hãy làm theo hướng dẫn theo mẫu để tự động thay đổi. Không áp dụng phí người dùng.

Người đồng sở hữu. Nếu trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ được phát hành dưới danh nghĩa của nhiều người đồng sở hữu, chẳng hạn như tên của bạn và con cái hoặc tên của bạn và vợ/chồng của bạn thì

tiền lãi từ trái phiếu của người đồng sở hữu đã mua trái phiếu sẽ phải chịu thuế.

Khi một người đồng sở hữu sử dụng quỹ. Nếu bạn đã sử dụng quỹ của mình để mua trái phiếu thì bạn phải đóng thuế áp dụng cho khoản tiền lãi đó. Điều này được áp dụng ngay cả khi bạn cho phép người đồng sở hữu khác mua lại trái phiếu và giữ tất cả số tiền thu được. Trong những trường hợp này, người đồng sở hữu đã mua lại trái phiếu sẽ nhận được Mẫu 1099-INT tại thời điểm mua lại và phải cung cấp cho bạn Mẫu 1099-INT khác có ghi số tiền lãi từ trái phiếu mà bạn phải chịu thuế. Người đồng sở hữu đã mua lại trái phiếu là "nominee (người được chỉ định)." Xem *Nominee distributions (Phân phối của người được chỉ định)* trong mục *How To Report Interest Income (Cách khai báo thu nhập từ tiền lãi)* trong chương 1 của Ấn phẩm 550 để biết thêm thông tin về cách người được chỉ định khai báo thu nhập từ tiền lãi thuộc về một người khác.

Khi cả hai người đồng sở hữu sử dụng quỹ. Nếu bạn và một người đồng sở hữu khác cùng góp tiền để mua trái phiếu thì tiền lãi của từng người sẽ phải chịu thuế tương ứng với số tiền mà mỗi người đã bỏ ra.

Tài sản chung. Nếu bạn và vợ/chồng của bạn sinh sống tại tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung và nắm giữ trái phiếu là tài sản chung thì mỗi người sẽ nhận được một nửa số tiền lãi đó. Nếu bạn nộp các tờ khai thuế riêng thì mỗi người thường phải khai báo nửa số tiền lãi từ trái phiếu. Để biết thêm thông tin về tài sản chung, xem Ấn phẩm 555.

Bảng 6-1. Các quy tắc này cũng được thể hiện trong [Bảng 6-1](#).

Chuyển nhượng quyền sở hữu. Nếu bạn mua trái phiếu Sê-ri EE, hoặc I hoàn toàn bằng tiền riêng của bạn và phát hành lại chúng chỉ đứng tên người đồng sở hữu hoặc tên của người thụ hưởng, bạn phải đưa vào tổng thu nhập của mình cho năm phát hành lại toàn bộ tiền lãi mà bạn kiếm được từ những trái phiếu này và chưa được khai báo trước đó. Tuy nhiên, nếu trái phiếu được phát hành lại chỉ đứng tên của bạn, bạn không phải khai báo khoản tiền lãi tích lũy vào thời điểm đó.

Quy tắc tương tự áp dụng khi các trái phiếu (không phải trái phiếu được giữ như tài sản chung của vợ chồng) được chuyển giao giữa vợ/chồng hoặc khi xảy ra ly hôn.

Mua chung. Nếu bạn và một người đồng sở hữu từng góp vốn mua chung các trái phiếu Sê-ri EE, hoặc I và sau đó phát hành lại chúng chỉ đứng tên người đồng sở hữu làm người thụ hưởng, bạn phải đưa vào tổng thu nhập của mình cho năm phát hành lại phần trái phiếu của mình toàn bộ tiền lãi mà bạn kiếm được từ những trái phiếu này và chưa được khai báo trước đó. Người đồng sở hữu cũ không phải tính vào tổng thu nhập tại thời điểm phát hành lại phần lãi mà họ kiếm được và chưa được khai báo trước khi chuyển nhượng. Tuy nhiên, khoản lãi này, cũng như tất cả các khoản lãi kiếm được sau khi

phát hành lại, là thu nhập của người đồng sở hữu cũ.

Quy tắc khai báo thu nhập này cũng áp dụng khi trái phiếu được một người đồng sở hữu mới mua phần trái phiếu của bạn và trái phiếu đó được phát hành lại đứng tên người đồng sở hữu cũ của bạn hoặc một người đồng sở hữu mới. Nhưng người đồng sở hữu mới sẽ chỉ khai báo phần tiền lãi thu được sau khi chuyển nhượng.

Nếu trái phiếu mà bạn và người đồng sở hữu cùng mua được phát hành lại cho từng người một cách riêng biệt theo tỷ lệ tương đương với phần đóng góp của bạn vào giá mua, cả bạn và người đồng sở hữu đều không phải khai báo khoản lãi thu được vào thời điểm đó trước khi trái phiếu được phát hành lại.

Ví dụ 1. Bạn và vợ/chồng của bạn mỗi người đã chỉ một số tiền bằng nhau để mua \$1.000 trái phiếu tiết kiệm Sê-ri EE. Trái phiếu được phát hành cho bạn và vợ/chồng của bạn với tư cách là đồng sở hữu. Cả hai bạn đều hoàn việc khai báo khoản tiền lãi từ trái phiếu. Sau đó bạn cho phát hành lại trái phiếu làm hai trái phiếu trị giá \$500, một trái phiếu đứng tên bạn và một trái phiếu đứng tên vợ/chồng của bạn. Vào thời điểm đó, cả bạn lẫn vợ/chồng của bạn đều không phải khai báo lãi thu được vào ngày phát hành lại.

Ví dụ 2. Bạn đã mua trái phiếu tiết kiệm Sê-ri EE trị giá \$1.000 hoàn toàn bằng tiền của mình. Trái phiếu được phát hành cho bạn và vợ/chồng của bạn với tư cách là đồng sở hữu. Cả hai bạn đều hoàn việc khai báo khoản tiền lãi từ trái phiếu. Sau đó bạn cho phát hành lại trái phiếu làm hai trái phiếu trị giá \$500, một trái phiếu đứng tên bạn và một trái phiếu đứng tên vợ/chồng của bạn. Bạn phải khai báo một nửa số tiền lãi thu được vào ngày phát hành lại.

Chuyển nhượng cho một quỹ tín thác. Nếu bạn sở hữu trái phiếu Sê-ri EE hoặc I và chuyển nhượng chúng cho một quỹ tín thác, từ bỏ mọi quyền sở hữu, bạn phải tính vào thu nhập của mình cho năm đó tiền lãi thu được tính đến ngày chuyển nhượng nếu bạn chưa khai báo nó. Tuy nhiên, nếu bạn được coi là chủ sở hữu của quỹ tín thác đó và nếu sự gia tăng giá trị cả trước và sau khi chuyển nhượng vẫn tiếp tục bị đánh thuế đối với bạn, bạn có thể tiếp tục hoàn khai báo lãi thu được mỗi năm. Bạn phải tính cả tổng lãi vào thu nhập của mình trong năm bạn rút tiền mặt hoặc thanh lý trái phiếu hoặc năm đáo hạn cuối cùng, tùy theo ngày nào sớm hơn.

Quy tắc tương tự cũng áp dụng cho tiền lãi chưa được khai báo trước đây đối với trái phiếu Sê-ri EE hoặc E nếu việc chuyển nhượng cho quỹ tín thác bao gồm trái phiếu Sê-ri HH mà bạn có được trong một giao dịch trái phiếu Sê-ri EE hoặc E. Xem [Giao dịch trái phiếu tiết kiệm](#) ở phần sau.

Người quá cố. Phương thức khai báo thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu Sê-ri EE hoặc I, sau khi người sở hữu qua đời (người quá cố), phụ thuộc vào phương pháp kế toán và khai báo thu nhập mà người quá cố đã sử dụng trước đây. Phương thức này được trình bày ở chương 1 của Ấn phẩm 550.

Giao dịch trái phiếu tiết kiệm. Trước tháng 9 năm 2004, bạn có thể giao dịch (trao đổi) trái phiếu Sê-ri E hoặc EE lấy trái phiếu Sê-ri H hoặc HH. Vào thời điểm giao dịch, bạn có quyền lựa chọn dừng (hoãn) khai báo tiền lãi đã kiếm được trên trái phiếu Sê-ri E hoặc EE của bạn cho đến khi trái phiếu Sê-ri H hoặc HH nhận được trong giao dịch được mua lại hoặc đáo hạn. Bất kỳ khoản tiền mặt nào bạn nhận được trong giao dịch là thu nhập lên đến số tiền lãi đã tích

lấy trên trái phiếu Sê-ri E hoặc EE. Số thu nhập mà bạn chọn để hoàn khai báo đã được ghi nhận trên mặt trái phiếu Chuỗi H hoặc HH dưới dạng “Deferred Interest (Tiền lãi được hoãn)”¹; số tiền này cũng bằng chênh lệch giữa giá trị hoàn lại của trái phiếu Sê-ri H hoặc HH và chi phí của bạn. Chi phí của bạn là tổng số tiền bạn đã trả cho các trái phiếu Sê-ri E hoặc EE đã trao đổi cộng với bất kỳ số tiền nào bạn phải trả tại thời điểm giao dịch.

Ví dụ. Bạn đã giao dịch trái phiếu Sê-ri EE (mà bạn đã hoàn khai báo tiền lãi) để lấy \$2.500 trái phiếu Sê-ri HH và \$223 tiền mặt. Bạn đã khai báo \$223 là thu nhập chịu thuế trên tờ khai thuế của mình. Vào thời điểm giao dịch, các trái phiếu Sê-ri EE có lãi tích lũy là \$523 và giá trị mua lại là \$2.723. Bạn nắm giữ trái phiếu Sê-ri HH đến khi đáo hạn, khi bạn nhận được \$2.500. Bạn phải khai báo \$300 là khoản thu nhập từ tiền lãi trong năm đáo hạn. Đây là sự khác biệt giữa giá trị mua lại của chúng, \$2.500, và chi phí của bạn, \$2.200 (số tiền bạn đã trả để mua trái phiếu Sê-ri EE). Nó cũng là khoản chênh lệch giữa tiền lãi tích lũy là \$523 trái phiếu Sê-ri EE và \$223 tiền mặt đã nhận từ giao dịch.

Ghi chú. Số tiền \$300 có thể được khai báo khi mua lại hoặc khi đáo hạn có thể được tìm thấy trên mặt trái phiếu Sê-ri HH dưới dạng “Tiền lãi được hoãn.” Nếu nhận được nhiều hơn một trái phiếu Sê-ri HH trong cuộc trao đổi, tổng số tiền là tiền lãi hoãn / trả chậm trong giao dịch được chia theo tỷ lệ giữa các trái phiếu Sê-ri HH.

Chọn khai báo tiền lãi trong năm giao dịch. Bạn có thể đã chọn xử lý tất cả tiền lãi tích lũy chưa được khai báo trước đó từ trái phiếu Sê-ri EE đã giao dịch cho trái phiếu Sê-ri HH làm thu nhập trong năm giao dịch. Nếu đã thực hiện lựa chọn này, nó được coi là sự thay đổi của phương pháp 1. Xem [Thay đổi từ phương pháp 1](#), trước đó. Nếu bạn chọn khai báo tiền lãi, thì “Deferred Interest (Tiền lãi được hoãn lại)” ghi chú trên mặt của trái phiếu Sê-ri HH nhận được trong giao dịch là \$0 hoặc để trống.

Mẫu 1099-INT để biết tiền lãi trái phiếu tiết kiệm của Hoa Kỳ. Khi bạn rút tiền mặt một trái phiếu, ngân hàng hoặc người thanh toán khác mua lại trái phiếu đó phải cung cấp cho bạn Mẫu 1099-INT nếu phần lãi của khoản thanh toán bạn nhận được là \$10 trở lên. Ở 3 của Mẫu 1099-INT của bạn phải thể hiện tiền lãi là khoản chênh lệch giữa số tiền bạn nhận được và số tiền đã trả khi mua trái phiếu. Tuy nhiên, Mẫu 1099-INT của bạn có thể cho thấy nhiều tiền lãi hơn bạn phải đưa vào tờ khai thuế thu nhập của mình. Ví dụ, điều này có thể xảy ra nếu bất kỳ điều nào sau đây là đúng.

- Bạn chọn khai báo sự gia tăng giá trị mua lại của trái phiếu mỗi năm. Tiền lãi được thể hiện trong Mẫu 1099-INT của bạn sẽ không bị giảm đi các khoản tiền trước đó đã tính vào trong thu nhập.
- Bạn nhận được trái phiếu từ một người quá cố. Tiền lãi thể hiện trong Mẫu 1099-INT của bạn sẽ không bị giảm đi bất kỳ khoản lãi nào được khai báo bởi người quá cố trước khi qua đời, hoặc trên tờ khai thuế cuối cùng của người quá cố, hoặc theo tài sản trong tờ khai thuế thu nhập của tài sản.
- Chuyển nhượng quyền sở hữu trái phiếu. Tiền lãi thể hiện trên Mẫu 1099-INT của bạn sẽ không bị giảm đi lãi tích lũy trước khi chuyển.

Ghi chú. Điều này đúng với trái phiếu giấy, nhưng quy trình khai báo của Bộ Tài chính đối với trái phiếu điện tử được tính chính hơn —

nếu Bộ Tài chính biết rằng việc chuyển giao trái phiếu tiết kiệm điện tử là một sự kiện có thể khai báo, thì người chuyển sẽ nhận được Mẫu 1099-INT cho năm chuyển khoản đối với khoản lãi phát sinh tính đến thời điểm chuyển khoản; khi người được chuyển nhượng sau đó xử lý trái phiếu (mua lại, đáo hạn hoặc chuyển nhượng thêm), người được chuyển nhượng sẽ nhận được Mẫu 1099-INT giảm theo số tiền được khai báo cho người chuyển tại thời điểm chuyển giao ban đầu.

- Bạn đứng tên là đồng sở hữu và đồng sở hữu khác cùng góp vốn để mua trái phiếu. Tiền lãi thể hiện trên Mẫu 1099-INT của bạn sẽ không bị giảm đi số tiền bạn nhận được với tư cách là người được chỉ định làm đồng sở hữu khác. Xem [Người đồng sở hữu](#) ở phần trước của chương này để biết thêm thông tin về các yêu cầu khai báo.)
- Bạn đã nhận được trái phiếu dưới dạng khoản phân phối chịu thuế từ chương trình hưu trí hoặc chia sẻ lợi nhuận. Tiền lãi thể hiện trong Mẫu 1099-INT của bạn sẽ không bị giảm đi phần lãi của số tiền chịu thuế như khoản phân phối từ chương trình và không bị đánh thuế dưới dạng tiền lãi. (Số tiền này thường được thể hiện trong Mẫu 1099-R cho năm phân phối.)

Để biết thêm thông tin về việc nêu số tiền lãi chính xác trong tờ khai thuế của bạn, xem phần [Cách khai báo thu nhập từ tiền lãi](#) ở phần sau. Ấn phẩm 550 bao gồm các ví dụ chỉ dẫn cách khai báo những số tiền này.



Tiền lãi trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ được miễn thuế tiểu bang và địa phương.

Chương trình Trái phiếu tiết kiệm Giáo dục

Bạn có thể loại trừ khỏi thu nhập toàn bộ hoặc một phần lãi bạn nhận được từ việc mua lại trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện trong năm nếu bạn thanh toán các khoản chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện trong cùng năm đó. Việc loại trừ này được gọi là Chương trình Trái phiếu tiết kiệm Giáo dục.

Bạn không đủ điều kiện cho loại trừ này nếu tình trạng nộp hồ sơ của bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.

Mẫu 8815. Sử dụng Mẫu 8815 để tính phần loại trừ của bạn. Đính kèm Mẫu của bạn vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện. Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện là trái phiếu Sê-ri EE được phát hành sau năm 1989 hoặc trái phiếu Sê-ri I. Trái phiếu phải được phát hành dưới tên của bạn (chủ sở hữu duy nhất) hoặc dưới tên của bạn và tên vợ/chồng bạn (đồng sở hữu). Bạn phải đủ 24 tuổi trở lên trước ngày phát hành trái phiếu. Ví dụ: Trái phiếu do cha mẹ mua và phát hành đứng tên con của họ dưới 24 tuổi không đủ điều kiện để cha mẹ hoặc con cái được loại trừ.



Ngày phát hành trái phiếu có thể sớm hơn ngày mua trái phiếu vì ngày phát hành trái phiếu được ấn định là ngày đầu tiên của tháng trái phiếu được mua.

Người thụ hưởng. Bạn có thể chỉ định bất kỳ cá nhân nào (kể cả trẻ em) là người thụ hưởng trái phiếu.

Xác minh bởi IRS. Nếu bạn yêu cầu loại trừ, IRS sẽ kiểm tra bằng cách sử dụng thông tin mua lại trái phiếu từ Bộ Tài chính.

Chi phí đủ điều kiện. Chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện là học phí và lệ phí cần thiết để bạn, vợ/chồng của bạn, hoặc người phụ thuộc của bạn (người mà bạn yêu cầu miễn giảm) theo học tại một cơ sở giáo dục đủ điều kiện.

Các chi phí đủ điều kiện bao gồm bất kỳ khoản đóng góp nào mà bạn thực hiện cho một chương trình học phí đủ điều kiện hoặc vào Trường mục tiết kiệm giáo dục Coverdell (Coverdell education savings account, ESA).

Các chi phí đủ điều kiện không bao gồm chi phí ăn ở hoặc cho các khóa học liên quan đến thể thao, trò chơi, hoặc sở thích không thuộc chương trình cấp bằng hoặc chứng chỉ.

Cơ sở giáo dục đủ điều kiện. Các tổ chức này bao gồm hầu hết các trường đại học, cao đẳng và trường dạy nghề công lập, tư thục và phi lợi nhuận được công nhận và đủ điều kiện tham gia vào các chương trình hỗ trợ sinh viên do Bộ Giáo dục Hoa Kỳ điều hành.

Giảm một số lợi ích nhất định. Bạn phải giảm chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện của mình bằng tất cả các quyền lợi miễn thuế sau đây.

- Phần học bổng và nghiên cứu sinh được miễn thuế (xem [Học bổng và nghiên cứu sinh](#) ở chương 8).
- Các chi phí được sử dụng để tính phần phân phối miễn thuế từ Coverdell ESA.
- Các chi phí được sử dụng để tính phần phân phối miễn thuế từ một chương trình học phí đủ điều kiện.
- Bất kỳ khoản thanh toán miễn thuế nào (ngoài quà tặng hoặc thừa kế) nhận được để chi trả chi phí giáo dục, chẳng hạn như:
 - Trợ cấp hỗ trợ giáo dục của cựu chiến binh,
 - Giảm học phí đủ điều kiện, hoặc
 - Trợ cấp giáo dục do nhà tuyển dụng cung cấp.
- Bất kỳ chi phí nào sử dụng trong việc tính tín thuế cơ hội người Mỹ và học tập trọn đời.

Số tiền có thể loại trừ. Nếu tổng số tiền thu được (lãi và gốc) từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện mà bạn mua lại trong năm không nhiều hơn chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện đã điều chỉnh của bạn trong năm, bạn có thể loại trừ tất cả tiền lãi. Nếu số tiền thu được nhiều hơn chi phí, bạn có thể chỉ loại trừ một phần tiền lãi.

Để xác định số tiền có thể loại trừ, hãy nhân phần lãi của số tiền thu được với một phân số. Tử số của phân số là chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện mà bạn đã trả trong năm. Mẫu của phân số là tổng số tiền bạn nhận được trong năm.

Ví dụ. Tháng 1 năm 2024, Mark và Joan, một cặp vợ chồng đã kết hôn, đã rút tiền mặt từ trái phiếu tiết kiệm Sê-ri Hoa Kỳ EE với tổng mệnh giá \$10.000 mà họ đã mua tháng 1 năm 2008 với giá \$5.000. Họ nhận được số tiền là \$8.052, tương ứng với số tiền gốc \$5.000 và tiền lãi \$3.052. Năm 2024, họ đã trả \$4.000 học phí đại học của con gái. Họ không yêu cầu một khoản tín thuế giáo dục cho số tiền đó, và con gái của họ không có bất kỳ trợ cấp giáo dục miễn thuế nào. Họ có thể loại trừ \$1.516,15 (\$3.052 × (\$4.000 ÷ \$8.052)) tiền lãi trong năm 2024. Họ

phải tính số tiền lãi còn lại là \$1.516,15 (\$3.052 – \$1.516,15) vào trong tổng thu nhập.

Trái phiếu Hoa Kỳ ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn

Trái phiếu ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn là các khoản nợ trực tiếp (công trái) của Chính Phủ Hoa Kỳ.

Đánh thuế tiền lãi. Tiền lãi từ trái phiếu ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn phải chịu thuế thu nhập liên bang nhưng được miễn tất cả các loại thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương. Bạn sẽ nhận được Mẫu 1099-INT thể hiện tiền lãi được trả cho bạn trong năm ở ô 3.

Trái phiếu ngắn hạn. Các loại trái phiếu ngắn hạn này thường có thời gian đáo hạn 4 tuần, 8 tuần, 13 tuần, 26 tuần hoặc 52 tuần. Chúng thường được phát hành chiết khấu với số tiền \$100 và bội số của \$100. Chênh lệch giữa giá chiết khấu bạn trả cho trái phiếu ngắn hạn và mệnh giá bạn nhận được khi đáo hạn là thu nhập từ tiền lãi. Nói chung, bạn khai báo thu nhập tiền lãi này khi phiếu ngắn hạn được thanh toán khi đáo hạn. Nếu bạn đã trả một số tiền thêm cho một trái phiếu ngắn hạn (nhiều hơn mệnh giá), bạn thường khai báo số tiền trả thêm là khoản khấu trừ theo mục 171 khi trái phiếu ngắn hạn được thanh toán khi đáo hạn.

Nếu bạn tái đầu tư Trái phiếu ngắn hạn của mình khi đến hạn vào một Trái phiếu ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn mới, bạn sẽ nhận được khoản thanh toán chênh lệch giữa số tiền thu được từ trái phiếu đến hạn (mệnh giá trừ đi bất kỳ khoản thuế bị khấu lưu nào) và giá mua của Trái phiếu mới. Tuy nhiên, bạn phải khai báo toàn bộ số tiền thu nhập từ lãi trên mỗi Trái phiếu ngắn hạn của mình vào thời điểm nó đáo hạn.

Trái phiếu trung hạn và dài hạn. Trái phiếu trung hạn thông thường đáo hạn hơn 1 năm và lên đến 10 năm. Thời gian đáo hạn cho trái phiếu dài hạn thông thường nhiều hơn 10 năm. Cả hai thường được phát hành với mệnh giá từ \$100 đến \$1.000.000 và thường trả lãi 6 tháng một lần. Thông thường, bạn sẽ khai báo khoản lãi này cho năm được trả. Để biết thêm thông tin, xem phần *U.S. Treasury Bills, Notes, and Bonds (Trái phiếu Hoa Kỳ ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn ở chương 1 của Ấn phẩm 550.*



Để tìm hiểu thêm thông tin về trái phiếu trung hạn và dài hạn, vui lòng gửi thư về:

Treasury Retail Securities Services
P.O. Box 9150
Minneapolis, MN 55480-9150



Hoặc, trên Internet, truy cập [TreasuryDirect.gov/marketable-securities/](https://www.treasurydirect.gov/marketable-securities/) (tiếng Anh).

Để biết thêm thông tin về trái phiếu tiết kiệm Sê-ri EE, I, và HH, xem phần [Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ](#) trước đó.

Chứng khoán chống lạm phát của Bộ Tài chính (TIPS). Các loại chứng khoán này trả lãi hai lần một năm với tỷ lệ cố định, dựa vào số tiền gốc được điều chỉnh có tính đến lạm phát và giảm phát. Để biết cách xử lý thuế đối với những loại trái phiếu này, xem phần *Inflation-Indexed Debt Instruments (Công cụ Nợ điều chỉnh theo lạm phát)* trong phần

Original Issue Discount (Giảm giá phát hành gốc) (OID) của chương 1 của Ấn phẩm 550.

Trái phiếu bán giữa những ngày tính lãi

Nếu bạn bán trái phiếu giữa những ngày thanh toán lãi, một phần của giá bán biểu thị tiền lãi được tích lũy vào ngày bán. Bạn phải khai báo phần đó của giá bán dưới dạng thu nhập từ tiền lãi cho năm bán.

Nếu bạn mua một trái phiếu giữa những ngày thanh toán lãi, một phần của giá mua biểu thị tiền lãi được tích lũy trước ngày mua. Khi khoản lãi đó được trả cho bạn, hãy coi nó như một khoản hoàn vốn không chịu thuế cho khoản đầu tư vốn của bạn, chứ không phải là thu nhập từ tiền lãi. Xem *Tiền lãi tích lũy trên trái phiếu* trong phần *How To Report Interest Income (Cách khai báo thu nhập từ tiền lãi)* ở chương 1 của Ấn phẩm 550 để biết thông tin về việc khai báo thanh toán.

Bảo hiểm

Tiền bảo hiểm nhân thọ được trả cho bạn với tư cách là người thụ hưởng của người được bảo hiểm thường không bị đánh thuế. Nhưng nếu bạn nhận được tiền theo từng đợt, bạn thường phải khai báo một phần của mỗi đợt thanh toán dưới dạng thu nhập từ tiền lãi.

Để biết thêm thông tin về tiền bảo hiểm nhận được theo từng đợt, xem phần Ấn phẩm 525.

Niên kim. Nếu bạn mua một niên kim bằng tiền bảo hiểm, các khoản thanh toán niên kim mà bạn nhận được sẽ bị đánh thuế là thu nhập từ hưu bổng và niên kim từ một chương trình không đủ tiêu chuẩn, không phải là thu nhập từ tiền lãi. Xem [chương 5](#) để biết thông tin về thu nhập hưu bổng và niên kim từ các chương trình không đủ tiêu chuẩn.

Công trái của Chính quyền Tiểu bang hoặc Địa phương

Tiền lãi trên một trái phiếu được sử dụng để tài trợ cho các hoạt động của chính phủ thường không bị đánh thuế nếu trái phiếu được phát hành bởi tiểu bang, Đặc khu Columbia, lãnh thổ của Hoa Kỳ, hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào.

Trái phiếu được phát hành sau năm 1982 bởi một chính quyền bộ lạc (bao gồm các trái phiếu phát triển kinh tế bộ lạc được phát hành sau ngày 17 tháng 02, 2009) được coi như do một tiểu bang phát hành. Tiền lãi đối với trái phiếu này thường được miễn thuế nếu trái phiếu là một phần của một đợt phát hành mà về cơ bản tất cả số tiền thu được sẽ được sử dụng cho việc thực hiện bất kỳ chức năng thiết yếu nào của chính quyền. Tuy nhiên, yêu cầu về chức năng thiết yếu của chính phủ không áp dụng cho các trái phiếu phát triển kinh tế bộ lạc được phát hành sau ngày 17 tháng 2, 2009. Xem đoạn 7871 (f).

Để biết thêm thông tin về trái phiếu được bảo lãnh liên bang, trái phiếu doanh thu thế chấp, trái phiếu chênh lệch giá, trái phiếu hoạt động tư nhân, trái phiếu đủ điều kiện, và trái phiếu tín thuế, bao gồm liệu tiền lãi của những trái phiếu này có chịu thuế không, xem *State or Local Government Obligations (Công trái của Chính quyền Tiểu bang hoặc Địa phương)* ở chương 1 của Ấn phẩm 550.

Yêu cầu khai báo thông tin. Nếu bạn khai thuế, bạn phải trình bày bất kỳ khoản lãi được miễn thuế nào mà bạn nhận được trên tờ khai của mình. Khoản

lãi miễn thuế trả cho bạn sẽ được khai báo cho bạn trên Mẫu 1099-INT, ô 8. Đây chỉ là yêu cầu khai báo thông tin. Nó không thay đổi tiền lãi miễn thuế thành tiền lãi chịu thuế.

Giảm giá phát hành gốc (OID)

Giảm giá phát hành gốc (OID) là một hình thức tiền lãi. Bạn thường đưa OID vào thu nhập của mình khi nó tích lũy trong thời hạn của công cụ nợ, cho dù bạn có nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào từ tổ chức phát hành hay không.

Một công cụ nợ thường có OID khi công cụ đó được phát hành với giá thấp hơn giá mua lại đã nêu của nó khi đáo hạn. OID là chênh lệch giữa giá mua lại đã nêu khi đáo hạn và giá phát hành.

Tất cả các công cụ nợ không trả lãi trước hạn được coi là được phát hành với giá chiết khấu. Trái phiếu không nhận trái tức là một ví dụ của những công cụ này.

Các quy tắc tích lũy OID thường không áp dụng cho các công trái ngắn hạn (những công trái có ngày đáo hạn cố định từ 1 năm trở xuống kể từ ngày phát hành). Xem *Discount on Short-Term Obligations (Giảm giá Công trái ngắn hạn)* ở chương 1 của Ấn phẩm 550.

OID cực tiểu. Bạn có thể coi chiết khấu là không nếu nó nhỏ hơn một phần tư của 1% (0,0025) của giá mua lại đã nêu khi đáo hạn nhân với số năm đầy đủ kể từ ngày phát hành gốc đến ngày đáo hạn. Khoản chiết khấu nhỏ này được gọi là OID cực tiểu.

Ví dụ 1. Bạn mua trái phiếu 10 năm với giá mua lại đã nêu khi đáo hạn là \$1.000, được phát hành ở mức \$980 với OID là \$20. Một phần tư của 1% của \$1.000 (giá mua lại đã nêu) nhân với 10 (số năm đầy đủ từ ngày phát hành gốc đến khi đáo hạn) bằng \$25. Vì khoản chiết khấu \$20 nhỏ hơn \$25, OID được coi là 0. (Nếu bạn giữ trái phiếu khi đáo hạn, bạn sẽ ghi nhận \$20 (\$1.000 – \$980) tiền lãi gốc.)

Ví dụ 2. Các thông tin tương tự như ở *Ví dụ 1*, ngoại trừ việc trái phiếu được phát hành với giá \$950. OID là \$50. Vì khoản chiết khấu \$50 nhiều hơn số tiền \$25 được tính ở *Ví dụ 1*, bạn phải đưa OID vào thu nhập khi nó tích lũy trong thời hạn của trái phiếu.

Công cụ nợ đã mua sau phát hành gốc. Nếu bạn mua một công cụ nợ với OID tối thiểu ở mức phí mua bảo hiểm, OID tối thiểu sẽ không được tính vào thu nhập. Nếu bạn mua một công cụ nợ với OID tối thiểu ở mức chiết khấu, khoản chiết khấu được khai báo theo các quy tắc chiết khấu thị trường. Xem *Market Discount Bonds (Trái phiếu chiết khấu thị trường)* ở chương 1 của Ấn phẩm 550.

Các trường hợp ngoại lệ khai báo OID dưới dạng thu nhập hiện tại. Các quy tắc OID đã thảo luận trong chương này không áp dụng cho các công cụ nợ sau đây.

1. Các công trái được miễn thuế. (Tuy nhiên, xem *Công trái miễn thuế không nhận lãi* trong phần *Trái phiếu và Trái tức không nhận lãi* ở chương 1 của Ấn phẩm 550.)
2. Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ.
3. Các công cụ nợ ngắn hạn (những khoản có thời gian đáo hạn cố định không quá 1 năm kể từ ngày phát hành).
4. Các khoản vay giữa cá nhân nếu tất cả những điều sau đây là đúng.

- a. Khoản vay không được thực hiện trong quá trình giao dịch hoặc kinh doanh của người cho vay.
 - b. Số tiền vay, cộng với số tiền của bất kỳ khoản vay trước chưa trả nào giữa các cá nhân đó là \$10.000 trở xuống.
 - c. Tránh bất kỳ khoản thuế liên bang nào không phải là một trong những mục đích chính của khoản vay.
5. Một công cụ nợ được mua ở mức phí mua bảo hiểm.

Mẫu 1099-OID. Bạn có thể nhận được Mẫu 1099-OID cho một công cụ nợ mà bạn sở hữu. Nếu bạn nhận được Mẫu 1099-OID (Rev. 1-2024), ô 1 sẽ hiển thị bất kỳ “Original issue discount for the year (Giảm giá phát hành gốc cho năm)”; ô 2 sẽ hiển thị bất kỳ “Other periodic interest (Lãi suất định kỳ khác)”; và ô 8 sẽ hiển thị bất kỳ “Original issue discount on U.S. Treasury obligations (Giảm giá phát hành gốc trên công trái Bộ Tài chính).”

Trong hầu hết các trường hợp, bạn phải khai báo toàn bộ số tiền trong ô 1, 2, và 8 của Mẫu 1099-OID dưới dạng thu nhập từ tiền lãi. Nhưng hãy xem [Tinh toán lại OID thể hiện trong Mẫu 1099-OID](#) ở phần sau của thảo luận này, để biết thêm thông tin.

Không nhận được Mẫu 1099-OID. Nếu bạn có OID trong năm nhưng không nhận được Mẫu 1099-OID, bạn có thể phải tính số tiền OID chính xác để khai báo trong tờ khai thuế của mình. Xem Ấn phẩm 1212 để biết chi tiết về cách tính OID chính xác.

Người được chỉ định. Nếu người khác là người có tên trên hồ sơ (chủ sở hữu đã đăng ký) của công cụ OID thuộc về bạn và nhận được Mẫu 1099-OID thay mặt bạn, người đó phải cung cấp cho bạn Mẫu 1099-OID.

Tính toán lại OID thể hiện trên Mẫu 1099-OID. Bạn có thể cần phải tính toán lại OID thể hiện ở ô 1 hoặc ô 8 của Mẫu 1099-OID nếu một trong hai điều sau áp dụng.

- Bạn đã mua công cụ nợ sau khi phát hành gốc và đã trả phí hoặc một khoản phí mua lại.
- Công cụ nợ là trái phiếu không nhận lãi hoặc trái tức không nhận lãi (bao gồm một số công cụ không trái tức).

Nếu bạn mua công cụ nợ của mình trước năm 2014, người trả tiền của bạn chỉ phải khai báo tổng số tiền OID trong ô 1 hoặc ô 8 của Mẫu 1099-OID.

Xem Ấn phẩm 1212 và Mẫu 1099-OID để biết thông tin về cách tính toán lại số tiền OID chính xác để đưa vào tờ khai thuế thu nhập của bạn.

Nếu bạn mua công cụ nợ của mình vào hoặc sau năm 2013, trừ khi bạn đã thông báo cho người trả tiền của mình rằng bạn không muốn khấu hao tiền trả thêm cho trái phiếu, người trả tiền của bạn thường phải khai báo một trong hai (1) lượng OID ròng phản ánh khoản đền bù OID bằng số tiền trả thêm cho trái phiếu hoặc khấu hao tiền trả thêm để mua lại trong năm, hoặc (2) tổng số tiền cho cả OID và tiền trả thêm cho trái phiếu hoặc khấu hao tiền trả thêm để mua lại trong năm.

Tính toán lại tiền lãi định kỳ thể hiện trên Mẫu 1099-OID. Nếu bạn thanh lý một công cụ nợ hoặc mua lại nó từ một chủ sở hữu khác trong năm, xem [Trái phiếu bán giữa những ngày tính lãi](#) ở phần trước để biết thông tin về cách xử tiền lãi định kỳ có thể được hiển thị ở ô 2 của Mẫu 1099-OID cho công cụ đó.

Chứng thư gửi tiền định kỳ (CD). CD là một công cụ nợ. Nếu bạn mua CD có thời hạn thanh toán hơn 1 năm, bạn phải đưa vào trong thu nhập mỗi năm phần trong tổng tiền lãi đến hạn và khai báo theo cách tương tự như OID khác.

Điều này cũng áp dụng cho các thỏa thuận tiền gửi tương tự với các ngân hàng, hiệp hội xây dựng và cho vay, v.v..., bao gồm:

- Tiền gửi có kỳ hạn,
- Gói tiền thưởng,
- Chứng chỉ tiết kiệm,
- Chứng nhận thu nhập được tri hoãn,
- Chứng chỉ tiết kiệm thưởng, và
- Chứng chỉ tiết kiệm tăng trưởng.

CD vô danh. CD được phát hành sau năm 1982 thường phải ở dạng đã đăng ký. CD vô danh là các CD không ở dạng đã đăng ký. Chúng không được phát hành dưới tên của người gửi và có thể chuyển nhượng từ cá nhân này sang cá nhân khác.

Các ngân hàng phải cung cấp cho IRS và người mua lại một CD vô danh Mẫu 1099-INT.

Thông tin bổ sung. Xem chương 1 của Ấn phẩm 550 để biết thêm thông tin về OID và các chủ đề liên quan, chẳng hạn như trái phiếu chiết khấu thị trường.

Khi nào khai báo thu nhập từ tiền lãi

Thời điểm khai báo thu nhập từ tiền lãi phụ thuộc vào việc bạn sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt hay phương pháp kế toán tích lũy để khai báo thu nhập.

Phương pháp tiền mặt. Hầu hết cá nhân đóng thuế sử dụng phương pháp tiền mặt. Nếu bạn sử dụng phương pháp này, bạn thường khai báo thu nhập từ tiền lãi trong năm mà bạn thực nhận hoặc được suy định là nhận. Tuy nhiên, có những quy tắc đặc biệt để khai báo chiết khấu đối với một số công cụ nợ. Xem [Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ](#) và [Giảm giá phát hành gốc \(OID\)](#) trước đó.

Ví dụ. Vào ngày 31 tháng 8, 2022, bạn đã cho một cá nhân khác vay \$2.000 với lãi suất 4%, cộng dồn hàng năm. Bạn không kinh doanh cho vay tiền. Trái phiếu cho biết rằng tiền gốc và lãi sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 8, 2024. Năm 2024, bạn nhận được \$2.163,20 (\$2.000 tiền gốc và \$163,20 tiền lãi). Nếu bạn sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt, bạn phải đưa vào trong thu nhập trong tờ khai thuế 2024 của mình số tiền lãi \$163,20 mà bạn nhận được trong năm đó.

Kh khoản nhận suy định. Bạn được suy định nhận thu nhập khi nó được ghi có vào tài khoản của bạn hoặc được cung cấp sẵn cho bạn. Bạn không cần thực sự sở hữu khoản tiền đó. Ví dụ, bạn được coi là nhận tiền lãi, cổ tức, hoặc các khoản thu nhập khác trên bất kỳ khoản tiền gửi hoặc tài khoản nào trong ngân hàng, khoản tiết kiệm và khoản vay, hoặc tổ chức tài chính tương tự, hoặc tiền lãi từ cổ tức trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được để lại để tích lũy khi chúng được ghi có vào tài khoản và tùy thuộc vào việc rút tiền của bạn.

Bạn được suy định nhận thu nhập đối với khoản tiền gửi hoặc tài khoản ngay cả khi bạn phải:

- Rút tiền theo bội số của số tiền chẵn;
- Đưa ra thông báo rút tiền trước khi thực hiện rút tiền;

- Rút toàn bộ hoặc một phần tài khoản để rút số tiền kiếm được; hoặc
- Trả một khoản phạt trên số tiền rút trước hạn, trừ khi tiền lãi bạn được nhận khi rút tiền trước hạn hoặc tất toán về ít hơn đáng kể so với tiền lãi phải trả khi đáo hạn.

Phương pháp kế toán tích lũy. Nếu bạn sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, bạn sẽ khai báo thu nhập từ tiền lãi khi bạn kiếm được, dù bạn đã nhận được hay chưa. Tiền lãi thu được trong thời hạn của công cụ nợ.

Ví dụ. Nếu, trong ví dụ trước, bạn sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, bạn phải đưa tiền lãi vào thu nhập của mình khi bạn thu được nó. Bạn sẽ khai báo tiền lãi như sau: 2022, \$26,67; 2023, \$81,06; và 2024, \$55,47.

Trái phiếu cưỡng. Tiền lãi đối với trái phiếu vô danh với phiếu trả lãi tách rời thường bị đánh thuế trong năm phiếu trả lãi đó đến hạn và phải trả. Không quan trọng thời điểm bạn gửi phiếu trả lãi để thanh toán.

Cách khai báo thu nhập từ tiền lãi

Nhìn chung, bạn sẽ khai báo tất cả thu nhập chịu thuế từ tiền lãi theo Mẫu Form 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2b.

Bảng B (Mẫu 1040). Bạn phải hoàn thành Bảng B (Mẫu 1040), Phần I, nếu bạn nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR và bất kỳ trường hợp nào sau đây được áp dụng.

1. Thu nhập từ tiền lãi chịu thuế của bạn nhiều hơn \$1.500.
2. Bạn đang yêu cầu loại trừ tiền lãi theo [Chương trình Trái phiếu tiết kiệm Giáo dục](#) (đã thảo luận ở trên).
3. Bạn đã nhận được tiền lãi từ một khoản thế chấp do người bán tài trợ, và người mua đã sử dụng tài sản đó như một ngôi nhà.
4. Bạn đã nhận được Mẫu 1099-INT cho tiền lãi trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ bao gồm số tiền bạn đã khai báo trong năm tính thuế trước đó.
5. Bạn đã nhận được, với tư cách người được chỉ định, tiền lãi thực tế thuộc về người khác.
6. Bạn đã nhận được Mẫu 1099-INT cho tiền lãi từ tiền gửi bị đóng băng.
7. Bạn đã nhận được Mẫu 1099-INT cho tiền lãi từ trái phiếu mà bạn mua giữa những ngày trả lãi.
8. Bạn đang khai báo OID số tiền ít hơn số tiền thể hiện trên Mẫu 1099-OID.
9. Bạn giảm thu nhập từ tiền lãi trái phiếu bằng phí khấu hao tiền trả thêm có thể khấu hao cho trái phiếu.

Ở Phần I, dòng 1, liệt kê từng người thanh toán và số tiền nhận được từ mỗi người. Nếu bạn nhận được Mẫu 1099-INT hoặc Mẫu 1099-OID từ một công ty môi giới, hãy ghi công ty môi giới đó là người trả tiền.

 **Ô được đề cập thảo luận bên dưới là từ Mẫu 1099-INT và Mẫu 1099-DIV bản sửa đổi năm 2024. Các bản sửa đổi sau này có thể có các ô được đề cập khác nhau.**

Khai báo tiền lãi miễn thuế. Tổng số tiền lãi miễn thuế của bạn (chẳng hạn như tiền lãi hoặc OID tích lũy trên một số trái phiếu tiểu bang và đô thị, bao gồm cả trái phiếu đô thị không trái tức) được khai báo trên Mẫu 1099-INT, ô 8; Mẫu 1099-OID, ô 11; và cổ tức được miễn lãi từ quỹ tương hỗ hoặc công ty đầu tư khác hoạt động theo các quy định của pháp luật được khai báo trên Mẫu 1099-DIV, ô 12. Cộng các số tiền này với bất kỳ khoản lãi được miễn thuế nào khác mà bạn nhận được. Khai báo tổng số trên dòng 2a của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Mẫu 1099-INT, ô 9, và Mẫu 1099-DIV, ô 13, thể hiện tiền lãi miễn thuế chịu mức AMT trên Mẫu 6251. Các số tiền này đã được bao gồm trong các số tiền trên Mẫu 1099-INT, ô 8, và Mẫu 1099-DIV, ô 12. Không thêm số tiền trong Mẫu 1099-INT, ô 9, và Mẫu 1099-DIV, ô 13, vào, hoặc trừ khỏi số tiền trên Mẫu 1099-INT, ô 8, và Mẫu 1099-DIV, ô 12.



Không khai báo tiền lãi từ IRA dưới dạng tiền lãi miễn thuế.

Mẫu 1099-INT. Thu nhập từ tiền lãi chịu thuế của bạn, ngoại trừ lãi từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ và công trái Bộ Tài chính, được thể hiện trong ô 1 của Mẫu 1099-INT. Cộng số tiền này vào bất kỳ thu nhập từ tiền lãi chịu thuế nào khác mà bạn nhận được. Xem Instructions for Recipient (Hướng dẫn cho Người Nhận) của Mẫu 1099-INT nếu bạn có tiền lãi từ một chứng khoán có được bằng một số tiền trả thêm. Bạn phải khai báo tất cả thu nhập từ tiền lãi chịu thuế của mình ngay cả khi bạn không nhận được Mẫu 1099-INT. Liên hệ với tổ chức tài chính của bạn nếu bạn không nhận được Mẫu 1099-INT trước ngày 15 tháng 02. Số nhận dạng của bạn có thể bị cắt ngắn trên bất kỳ Mẫu 1099-INT nào mà bạn nhận được.

Nếu bạn bỏ đi thu nhập từ tiền lãi vì rút tiền trước hạn, số tiền khấu trừ sẽ được thể hiện trên Mẫu 1099-INT ở ô 2. Xem *Penalty on early withdrawal of savings* (Phạt rút tiền tiết kiệm trước hạn) tại chương 1 của Ấn phẩm 550.

Ô 3 của Mẫu 1099-INT thể hiện thu nhập từ lãi mà bạn nhận được từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ, Trái phiếu ngắn hạn, Trái phiếu trung hạn, và Trái phiếu dài hạn. Nói chung, hãy cộng số tiền thể hiện ở ô 3 vào bất kỳ thu nhập từ tiền lãi chịu thuế nào khác mà bạn nhận được. Nếu một phần của số tiền thể hiện trong ô 3 trước đây đã được bao gồm trong thu nhập từ tiền lãi, xem [Tiền lãi trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đã khai báo trước đó](#) ở phần sau. Nếu bạn có được chứng khoán bằng một số tiền trả thêm, xem Instructions for Recipient (Hướng dẫn cho Người nhận) của Mẫu 1099-INT.

Ô 4 của Mẫu 1099-INT sẽ chứa một số tiền nếu bạn phải duy trì khấu lưu dự phòng. Bao gồm số tiền từ ô 4 trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25b (đã khấu lưu thuế thu nhập liên bang).

Ô 5 của Mẫu 1099-INT thể hiện chi phí đầu tư. Số tiền này không được khấu trừ.

Ô 6 của Mẫu 1099-INT thể hiện thuế nước ngoài đã nộp. Bạn có thể yêu cầu khoản thuế này như một khoản khấu trừ hoặc một khoản tín dụng trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của bạn. Xem hướng dẫn khai thuế của bạn.

Ô 7 của Mẫu 1099-INT thể hiện quốc gia ngoại hoặc các vùng lãnh thổ Hoa Kỳ mà thuế nước ngoài đã trả cho nơi đó.

Tiền lãi trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đã khai báo trước đó. Nếu bạn nhận được Mẫu 1099-INT khai báo tiền lãi trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ, mẫu có thể hiển thị tiền lãi mà bạn không phải khai báo. Xem

[Mẫu 1099-INT để biết tiền lãi trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ trước đó.](#)

Ở Bảng B (Mẫu 1040), Phần I, dòng 1, khai báo tất cả tiền lãi được thể hiện trong Mẫu 1099-INT của bạn. Sau đó làm theo các bước sau.

1. Một số hàng bên trên dòng 2, hãy nhập tổng phụ của tất cả tiền lãi được liệt kê ở trên dòng 1.
2. Dưới tổng phụ, nhập “U.S. Savings Bond Interest Previously Reported (Tiền lãi trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đã khai báo trước đó)” và nhập số tiền đã khai báo trước đó hoặc tiền lãi đã tích lũy trước khi bạn nhận được trái phiếu.
3. Lấy tổng phụ trừ đi các số tiền này và nhập kết quả ở dòng 2.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về cách khai báo thu nhập từ lãi, hãy xem chương 1 của Ấn phẩm 550 hoặc hướng dẫn cho mẫu đơn bạn phải nộp.

7.

Phúc lợi An sinh Xã hội và Hưu trí đường sắt tương đương

Nhắc nhở

Dòng 1a đến 1z trên Mẫu 1040 và 1040-SR. Dòng 1 đã mở rộng và có các dòng 1a đến 1z. Một số tiền năm trước được khai báo trên Mẫu 1040, và một số được khai báo trên Mẫu 1040-SR, bây giờ được khai báo trên Bảng 1.

- Học bổng và tiền trợ cấp nghiên cứu bây giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8r.
- Lương hưu hoặc niên kim từ kế hoạch thủ lao tri hoãn không đủ điều kiện hoặc kế hoạch phi chính phủ đoạn 457 bây giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8t.
- Tiền công kiếm được trong lúc bị giam bây giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8u.

Dòng 6c trên Mẫu 1040 và 1040-SR. Một ô đánh dấu được bổ sung trên dòng 6c. Người đóng thuế chọn phương pháp lấy một lần cho phúc lợi của họ sẽ đánh vào ô này. Xem *Lump-Sum Election (Tùy chọn nhận một lần)* trong Ấn phẩm 915, Phúc lợi An sinh Xã hội và Hưu trí đường sắt tương đương, để biết thêm chi tiết.

Giới thiệu

Chương này giải thích các quy định thuế thu nhập liên bang dành cho phúc lợi an sinh xã hội và phúc

lợi hưu trí đường sắt tương đương bậc 1. Chương này giải thích các chủ đề sau đây.

- Cách xác định xem phúc lợi của bạn có phải chịu thuế hay không.
- Cách khai báo những phúc lợi chịu thuế của bạn.
- Cách sử dụng Bảng tính Phúc lợi An sinh Xã hội (kèm ví dụ).
- Các khoản khấu trừ liên quan đến phúc lợi của bạn và cách xử lý các khoản hoàn trả nhiều hơn phúc lợi bạn đã nhận trong năm.

Phúc lợi an sinh xã hội bao gồm phúc lợi hưu trí, người còn lại, và người khuyết tật hàng tháng. Trong đó không bao gồm có Tiền phụ cấp An sinh (SSI) vì khoản tiền này không chịu thuế.

Phúc lợi hưu trí đường sắt tương đương bậc 1 là một phần của phúc lợi bậc 1 mà nhân viên đường sắt hoặc người thụ hưởng có quyền được nhận theo hệ thống an sinh xã hội. Những phúc lợi này thường được gọi là phần phúc lợi an sinh xã hội tương đương (SSEB) của phúc lợi bậc 1.

Nếu nhận những phúc lợi này trong năm 2024, bạn hẳn đã nhận một Mẫu SSA-1099, Báo cáo Phúc lợi An sinh Xã hội; hoặc Mẫu RRB-1099, Khoản thanh toán của Ban Hưu trí đường sắt. Các mẫu này cho biết số tiền đã nhận và hoàn trả, và các khoản thuế đã khấu trừ trong năm. Bạn có thể nhận nhiều hơn một trong các mẫu này trong cùng một năm. Bạn nên cộng số tiền hiển thị trên tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099 mà bạn đã nhận trong năm để tính ra tổng số tiền đã nhận và hoàn trả, và các khoản thuế đã khấu trừ cho năm đó. Xem thêm thông tin trong Appendix (Phụ lục) ở cuối Ấn phẩm 915 để tìm hiểu thêm thông tin.

Ghi chú. Thuật ngữ “phúc lợi” sử dụng trong chương này chỉ cả phúc lợi an sinh xã hội và phần SSEB của phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1.

Tài khoản An sinh Xã hội của tôi. Những người thụ hưởng an sinh xã hội có thể nhanh chóng và dễ dàng tìm được thông tin trên trang web của SSA bằng một tài khoản *An sinh Xã hội của tôi* để:

- Theo dõi và xác minh thu nhập của bạn hàng năm,
- Ước tính các phúc lợi tương lai nếu bạn vẫn đang làm việc,
- Nhận thư với bằng chứng về phúc lợi mà bạn hiện đang nhận,
- Thay đổi địa chỉ,
- Bắt đầu hoặc thay đổi khoản tiền chuyển khoản trực tiếp,
- Nhận thẻ Medicare thay thế, và
- Nhận Mẫu SSA-1099 thay thế cho mùa thuế.

Để xem thêm thông tin và thiết lập tài khoản, truy cập [SSA.gov/myaccount](#) (tiếng Anh).

Những gì không đề cập đến trong chương này. Chương này không bao gồm các quy định về thuế cho các phúc lợi hưu trí đường sắt sau đây.

- Phần phúc lợi tương đương không phải an sinh xã hội (NSSEB) của phúc lợi bậc 1.
- Phúc lợi bậc 2.
- Phúc lợi kép được thụ hưởng.
- Phúc lợi niên kim bổ sung.

Để biết thêm thông tin về các phúc lợi này, vui lòng xem Ấn phẩm 575, Thu nhập lương hưu và niên kim.

Chương này không đề cập đến các quy định thuế cho phúc lợi an sinh xã hội được khai báo trên Mẫu SSA-1042S, Báo cáo Phúc lợi An sinh Xã hội; hoặc Mẫu RRB-1042S, Báo cáo cho người nhận là Người nước ngoài tạm trú của khoản thanh toán của Ban Hưu trí đường sắt. Để biết thêm thông tin về các phúc lợi này, vui lòng xem Ấn phẩm 519, Hướng dẫn thuế Hoa Kỳ cho Người nước ngoài; và Ấn phẩm 915.

Chương này không có các quy định về thuế cho các phúc lợi an sinh nước ngoài. Các phúc lợi này bị đánh thuế dưới dạng niên kim trừ khi được miễn thuế của Hoa Kỳ hoặc được coi là phúc lợi an sinh xã hội của Hoa Kỳ theo hiệp ước thuế.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- 501 Người phụ thuộc, khấu trừ tiêu chuẩn và thông tin khai thuế
- 505 Khấu lưu thuế và Thuế ước tính
- 519 Hướng dẫn thuế Hoa Kỳ cho Người nước ngoài
- 575 Thu nhập lương hưu và niên kim
- 590-A Đóng góp vào Quỹ Hưu trí Cá nhân (IRA)
- 915 Phúc lợi An sinh Xã hội và Hưu trí đường sắt tương đương

Mẫu (và Hướng dẫn)

- 1040-ES Thuế ước tính cho Cá nhân
- SSA-1099 Báo cáo Phúc lợi An sinh Xã hội
- RRB-1099 Khoản thanh toán của Ban Hưu trí đường sắt
- W-4V Yêu cầu Khấu lưu tự nguyện

Để xem các mục hữu ích này và các mục khác, vui lòng truy cập [IRS.gov/Forms](https://www.irs.gov/Forms) (tiếng Anh).

Bạn có phúc lợi nào phải chịu thuế không?

Để xem bạn có phúc lợi nào phải chịu thuế hay không, hãy so sánh mức cơ bản (giải thích ở phần sau) của tư cách khai thuế với tổng của:

- Một nửa các phúc lợi của bạn; cộng
- Toàn bộ thu nhập khác của bạn, bao gồm cả tiền lãi miễn thuế.

Loại trừ. Khi thực hiện so sánh, không giảm thu nhập khác của bạn bởi bất kỳ khoản loại trừ nào đối với:

- Lãi từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện,
- Lợi ích do nhận con nuôi được chủ lao động cung cấp,
- Lãi của khoản vay giáo dục,
- Thu nhập từ nước ngoài hoặc nhà ở nước ngoài, hoặc
- Thu nhập của cư dân chân thật của Samoa thuộc Hoa Kỳ hoặc Puerto Rico.

Phúc lợi của trẻ em. Các quy định trong chương này áp dụng cho các phúc lợi nhận được của trẻ em. Xem [Ai bị đánh thuế](#) ở phần sau.

Tính tổng thu nhập. Để tính được tổng của một nửa phúc lợi cộng với thu nhập khác của bạn, hãy sử dụng [Bảng tính 7-1](#) được đề cập ở phần sau. Nếu tổng lớn hơn mức cơ bản, một phần phúc lợi của bạn có thể bị đánh thuế.

Nếu bạn đã lập gia đình và khai thuế chung năm 2024, bạn và vợ/chồng phải kết hợp thu nhập và phúc lợi của cả hai vợ chồng để tính xem có khoản phúc lợi kết hợp nào phải chịu thuế không. Ngay cả khi vợ/chồng của bạn không nhận bất kỳ phúc lợi nào, bạn vẫn cần cộng tổng thu nhập của cả hai vợ chồng để tính xem có khoản phúc lợi kết hợp nào phải chịu thuế không.



Nếu thu nhập duy nhất bạn nhận được trong năm 2024 là an sinh xã hội hoặc một phần SSEB của phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1, thì phúc lợi của bạn thường không bị đánh thuế và bạn có thể không phải khai thuế. Nếu bạn có thêm thu nhập ngoài các phúc lợi, bạn có thể phải khai thuế ngay cả khi không phúc lợi nào phải chịu thuế. Xem [Tôi có phải khai thuế không?](#) trong chương 1 trước đó; Ấn phẩm 501; hoặc hướng dẫn của tờ khai thuế để xem bạn có phải khai thuế hay không.

Mức cơ bản. Mức cơ bản của bạn là:

- \$25.000 nếu bạn là người độc thân, chủ gia đình, hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện;
- \$25.000 nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2024;
- \$32.000 nếu bạn là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc
- \$0 nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống cùng nhau trong năm 2024.

Bảng tính 7-1. bạn có thể sử dụng Bảng tính 7-1 để tính tổng thu nhập và so với mức cơ bản của mình. Đây là một cách xác định nhanh chóng phần phúc lợi nào của bạn phải chịu thuế.

Bảng tính 7-1. Cách nhanh chóng xác định phúc lợi chịu thuế.

Ghi chú. Nếu bạn dự định khai thuế thu nhập chung, hãy bao gồm cả số tiền của vợ/chồng mình, nếu có, vào các dòng A, C và D.

A. Nhập tổng số tiền từ ô 5 trong tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099. Tính cả toàn bộ số tiền thanh toán phúc lợi một lần nhận được trong năm 2024, cho năm 2024 và những năm trước đó. (Nếu nhận được hơn một mẫu, bạn hãy gộp số tiền từ ô 5 và nhập tổng số tiền.) A.

Ghi chú. Nếu số tiền ở dòng A nhỏ hơn hoặc bằng 0, hãy dừng lại; bạn không có khoản phúc lợi nào phải chịu thuế năm nay.

B. Nhân dòng A với 50% (0,50) B.

C. Nhập tổng các khoản thu nhập chịu thuế (trừ dòng A), như lương hưu, tiền công, lãi suất, cổ tức thông thường và phần phối lợi nhuận đầu tư. Không trừ vào thu nhập các khoản khấu trừ, loại trừ (được liệt kê trước đó), hoặc miễn trừ C.

D. Nhập các khoản thu nhập từ lãi suất được miễn thuế như tiền lãi trái phiếu đô thị D.

E. Cộng dòng B, C và D E.

Ghi chú. So sánh khoản tiền ở dòng E với mức cơ bản cho tư cách khai thuế của bạn. Nếu khoản trên dòng E nhỏ hơn hoặc bằng mức cơ bản của tư cách khai thuế, không có phúc lợi nào của bạn phải chịu thuế năm nay. Nếu khoản trên dòng E lớn hơn mức cơ bản, một số phúc lợi của bạn có thể phải chịu thuế và bạn cần hoàn thiện Bảng tính 1 trong Ấn phẩm 915 (hoặc Bảng tính Phúc Lợi An sinh Xã hội trong hướng dẫn biểu mẫu thuế của bạn). Nếu không có phúc lợi nào phải chịu thuế, bạn vẫn phải khai thuế, hãy xem [Phúc lợi không chịu thuế](#), dưới đây, trong mục Cách khai báo phúc lợi.

Ví dụ. Bạn trên 65 tuổi và đang khai thuế với tư cách độc thân năm 2024 và đã nhận Mẫu SSA-1099 thể hiện phúc lợi ròng \$1.500 trong ô 5. Bạn cũng nhận được lương hưu chịu thuế là \$16.000 và thu nhập tiền lãi là \$700. Bạn không có bất kỳ thu nhập tiền lãi miễn thuế nào. Các khoản phúc lợi của bạn không chịu thuế cho năm 2024 vì thu nhập của bạn, như được tính trong Bảng tính 7-1, không vượt quá số tiền cơ bản của bạn (\$25.000) cho người độc thân.

Tuy không có phúc lợi nào phải chịu thuế, bạn vẫn phải khai thuế cho năm 2024 vì tổng thu nhập phải chịu thuế của bạn là (\$17.450) vượt quá yêu cầu khai thuế tối thiểu cho tư cách khai thuế của bạn.

Bảng tính 7-1 đã điền. **Cách nhanh chóng xác định phúc lợi chịu thuế.**

Ghi chú. Nếu bạn dự định khai thuế thu nhập chung, hãy bao gồm cả số tiền của vợ/chồng mình, nếu có, vào các dòng A, C và D.

A. Nhập tổng số tiền từ **ô 5** của **tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099**. Tính cả toàn bộ số tiền thanh toán phúc lợi một lần nhận được trong năm 2024, cho năm 2024 và những năm trước đó. (Nếu nhận được hơn một mẫu, bạn hãy gộp số tiền từ ô 5 và nhập tổng số tiền.) A. \$1.500

Ghi chú. Nếu số tiền ở dòng A nhỏ hơn hoặc bằng 0, hãy dừng lại; bạn không có khoản phúc lợi nào phải chịu thuế năm nay.

B. Nhân dòng A với 50% (0,50) B. 750

C. Nhập tổng các khoản thu nhập chịu thuế (trừ dòng A), như lương hưu, tiền công, lãi suất, cổ tức thông thường và phần phối lợi nhuận đầu tư. Không trừ vào thu nhập các khoản khấu trừ, loại trừ (được liệt kê trước đó), hoặc các khoản miễn thuế C. 16.700

D. Nhập các khoản thu nhập từ lãi suất được miễn thuế như tiền lãi trái phiếu đô thị D. -0-

E. Cộng dòng B, C và D E. \$17.450

Ghi chú. So sánh khoản tiền ở dòng E với **mức cơ bản** cho tư cách khai thuế của bạn. Nếu khoản trên dòng E nhỏ hơn hoặc bằng **mức cơ bản** của tư cách khai thuế, không có phúc lợi nào của bạn phải chịu thuế năm nay. Nếu khoản trên dòng E lớn hơn **mức cơ bản**, một số phúc lợi của bạn có thể phải chịu thuế và bạn cần hoàn thiện Bảng tính 1 trong Ấn phẩm 915 (hoặc Bảng tính Phúc lợi An sinh Xã hội trong hướng dẫn biểu mẫu thuế của bạn). Nếu không có phúc lợi nào phải chịu thuế, bạn vẫn phải khai thuế, hãy xem [Phúc lợi không chịu thuế](#), dưới đây, trong mục *Cách khai báo phúc lợi*.

Ái bị đánh thuế. Phúc lợi được tính vào thu nhập chịu thuế (trong phạm vi phải chịu thuế) của người có quyền hợp pháp nhận các phúc lợi. Chẳng hạn, nếu bạn và con mình nhận phúc lợi, nhưng séc phúc lợi của con bạn được thực hiện dưới tên bạn, bạn chỉ phải sử dụng phần phúc lợi của mình để xem phúc lợi nào của bạn phải chịu thuế. Một nửa của phần phúc lợi thuộc về con cái phải được cộng vào phần thu nhập khác của con để xem có phúc lợi nào của con bạn phải chịu thuế hay không.

Hoàn trả phúc lợi. Các khoản hoàn trả phúc lợi bạn thực hiện năm 2024 phải được trừ vào tổng phúc lợi bạn nhận trong năm 2024. Việc hoàn trả phúc lợi bạn nhận năm 2024 hay năm trước đó đều không quan trọng. Nếu bạn hoàn trả một khoản lớn hơn tổng phúc lợi bạn nhận được năm 2024, xem [Hoàn trả nhiều hơn tổng phúc lợi](#) ở phần sau.

Tổng phúc lợi của bạn thể hiện trong ô 3 của Mẫu SSA-1099 hoặc RRB-1099. Các khoản hoàn trả thể hiện trong ô 4. Khoản tiền trong ô 5 là phúc lợi ròng của bạn năm 2024 (ô 3 trừ ô 4). Sử dụng khoản tiền trong ô 5 để tính toán xem có khoản phúc lợi nào phải chịu thuế hay không.

Khấu lưu thuế và thuế ước tính. Bạn có thể chọn khấu lưu thuế thu nhập liên bang vào các phúc lợi an sinh xã hội và/hoặc phần SSEB của phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1 của mình. Nếu chọn khấu lưu như vậy, hãy hoàn thành Mẫu W-4V.

Nếu không chọn khấu lưu thuế thu nhập, bạn có thể yêu cầu khấu lưu bổ sung vào thu nhập khác hoặc đóng thuế ước tính trong suốt năm. Để biết cụ thể hơn, hãy xem [chương 4](#), được đề cập trước đó trong Ấn phẩm 505; hoặc Hướng dẫn cho Mẫu 1040-SR.

Cách khai báo phúc lợi

Nếu một phần phúc lợi của bạn phải chịu thuế, bạn phải sử dụng Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Khai báo trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Khai báo phúc lợi ròng của bạn (tổng các khoản trong ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và Mẫu RRB-1099) trên dòng 6a và phần chịu thuế trên dòng 6b. Nếu bạn là vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống xa vợ/chồng trong suốt năm 2024, hãy nhập “D” vào bên phải từ “benefits (phúc lợi)” trên dòng 6a.

Phúc lợi không chịu thuế. Khai báo phúc lợi ròng của bạn (tổng các khoản trong ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và Mẫu RRB-1099) trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu bạn là vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống xa vợ/chồng trong suốt năm 2024, hãy nhập “D” vào bên phải từ “benefits (phúc lợi)” trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.

Số tiền phải chịu thuế là bao nhiêu?

Nếu một phần phúc lợi của bạn phải chịu thuế thì số tiền phải chịu thuế tùy thuộc vào tổng phúc lợi và thu nhập khác của bạn. Nhìn chung, tổng các khoản càng cao, phần phúc lợi chịu thuế càng lớn.

Phần chịu thuế tối đa. Thông thường, tối đa 50% các phúc lợi của bạn phải chịu thuế. Tuy nhiên, có thể tối đa 85% các phúc lợi của bạn phải chịu thuế nếu bạn gặp một trong hai trường hợp sau.

- Tổng của một nửa phúc lợi và tất cả thu nhập khác lớn hơn \$34.000 (\$44.000 nếu vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế).
- bạn là vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống cùng với vợ/chồng trong năm 2024.

Dùng bảng tính nào. Bảng tính bạn có thể sử dụng để tính các phúc lợi chịu thuế của mình có trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040. bạn có thể dùng bảng tính đó hoặc Bảng tính 1 trong Ấn phẩm 915, trừ khi bạn gặp một trong các trường hợp sau.

1. bạn đã đóng góp vào một quỹ hưu trí cá nhân (IRA) và bạn hoặc vợ/chồng của bạn tham gia chương trình hưu trí ở chỗ làm. Khi đó, bạn phải sử dụng bảng tính đặc biệt trong Appendix (Phụ lục) B của Ấn phẩm 590-A để tính toán cả khấu trừ IRA và các phúc lợi chịu thuế.
2. Trường hợp 1 không áp dụng và bạn loại trừ lãi suất từ trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ (Mẫu 8815), cho phúc lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839), cho thu nhập kiếm được từ nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555), hoặc cho thu nhập kiếm được tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563) hoặc Puerto Rico bởi thường trú nhân trung thực. Khi đó, bạn phải sử dụng

Bảng tính 1 trong Ấn phẩm 915 để tính toán phúc lợi chịu thuế.

3. bạn đã được thanh toán một lần năm trước đó. Khi đó, bạn cũng cần hoàn thành Bảng tính 2 hoặc 3 và Bảng tính 4 trong Ấn phẩm 915. Xem [Tùy chọn nhận một lần](#) tiếp sau đây.

Tùy chọn nhận một lần. Bạn phải tính cả phần chịu thuế của khoản tiền được thanh toán một lần (truy lĩnh) cho các phúc lợi nhận được vào năm 2024 vào thu nhập năm 2024 của mình, ngay cả khi khoản thanh toán bao gồm phúc lợi của năm trước đó.

TIP Đánh dấu ô trên dòng 6c của Mẫu 1040, hoặc Mẫu 1040-SR nếu bạn chọn sử dụng phương pháp nhận tiền một lần cho phúc lợi của bạn. Nếu bất kỳ phúc lợi nào của bạn chịu thuế trong năm 2024 và bao gồm thanh toán nhận một lần cho năm trước đó, bạn có thể giảm số tiền chịu thuế với tùy chọn nhận tiền một lần. Xem Lump-Sum Election (Tùy chọn nhận một lần) trong Ấn phẩm 915 để biết thêm chi tiết.

TIP Tránh nhầm lẫn khoản thanh toán phúc lợi một lần này với phúc lợi tiền tử tuất trả một lần mà cả SSA và RRB thanh toán cho nhiều người thụ hưởng của họ. Phúc lợi tiền tử tuất trả một lần không chịu thuế.

Nói chung, bạn sử dụng thu nhập năm 2024 của mình để tính phần chịu thuế trong tổng phúc lợi nhận được năm 2024. Tuy nhiên, bạn có thể tính riêng phần chịu thuế của khoản thanh toán một lần cho một năm trước đó bằng cách sử dụng thu nhập năm trước đó của bạn. bạn có thể dùng phương pháp này nếu hạ thấp được phúc lợi chịu thuế của mình.

Thực hiện lựa chọn. Nếu bạn nhận khoản thanh toán phúc lợi một lần năm 2024 có bao gồm phúc lợi của một hay các năm trước đó, hãy làm theo hướng dẫn trong Ấn phẩm 915 mục *Lump-Sum Election (Tùy chọn nhận một lần)* để xem nếu chọn thì có hạ thấp phúc lợi chịu thuế hay không. Nội dung đó cũng giải thích cách đưa ra lựa chọn.

CAUTION Do các phúc lợi chịu thuế của năm trước đó được tính vào thu nhập năm 2024 của bạn, sẽ không có điều chỉnh nào đối với tờ khai thuế của năm trước đó. Không nộp tờ khai thuế được điều chỉnh cho năm trước đó.

Ví dụ

Dưới đây là một số trường hợp bạn có thể xem làm hướng dẫn tính phần chịu thuế trong phúc lợi của mình.

Ví dụ 1. Bạn đọc thân và nộp Mẫu 1040 cho năm 2024. Thu nhập của bạn trong năm 2024 như sau.

Lương hưu chịu thuế đầy đủ	\$18.600
Lương từ công việc làm thêm	9.400
Thu nhập từ tiền lãi chịu thuế	990
Tổng	<u>\$28.990</u>

Bạn cũng đã hưởng phúc lợi an sinh xã hội trong suốt năm 2024. Mẫu SSA-1099 bạn nhận vào tháng 01 năm 2025 có ghi \$5.980 trong ô 5. Để tính phúc lợi chịu thuế của mình, bạn hoàn thành bảng tính như dưới đây.

Bảng tính 1 đã điền. Tính phúc lợi chịu thuế

1. Nhập tổng tiền từ ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099 . Đồng thời nhập số tiền này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a	\$5.980
2. Nhân dòng 1 với 50% (0,50)	2.990
3. Kết hợp các khoản tiền trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, các dòng 1, 2b, 3b, 4b, 5b, 7, và 8	28.990
4. Nhập khoản tiền, nếu có vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2a	-0-
5. Nhập tổng số tiền loại trừ/điều chỉnh cho:	
• Phúc lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839, dòng 28),	
• Thu nhập kiếm được ở nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555, dòng 45 và 50), và	
• Thu nhập nhất định của cư dân có chân thật tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563, dòng 15) hoặc Puerto Rico	-0-
6. Kết hợp các dòng 2, 3, 4, và 5 ở trên	31.980
7. Nhập tổng các khoản vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 11 đến 20; và 23 và 25	-0-
8. Số tiền trên dòng 7 có ít hơn trên dòng 6 không?	
Không.  bạn không có phúc lợi an sinh nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b.	
Có. Lấy dòng 7 trừ dòng 6	31.980
9. Nếu bạn là:	
• Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, nhập \$32.000; hoặc	
• Độc thân, chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn không sống cùng vợ/chồng trong năm 2024, nhập \$25.000	25.000
Ghi chú. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống chung với vợ/chồng của bạn vào bất kỳ thời điểm nào năm 2024, bỏ qua các dòng 9 đến 16, nhân dòng 8 với 85% (0,85) và nhập kết quả vào dòng 17. Xong thì đến dòng 18.	
10. Số tiền ở dòng 9 có nhỏ hơn dòng 8 không?	
Không.  bạn không có phúc lợi nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng nhau trong suốt năm 2024, hãy nhập "D" vào bên phải từ "benefits (phúc lợi)" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.	
Có. Lấy dòng 9 trừ dòng 8	6.980
11. Nhập \$12.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc \$9.000 nếu độc thân, làm chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2024	9.000
12. Lấy dòng 11 trừ dòng 10. Nếu nhỏ hơn hoặc bằng không, nhập -0-	-0-
13. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 10 hoặc 11	6.980
14. Nhân dòng 13 với 50% (0,50)	3.490
15. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 2 hoặc 14	2.990
16. Nhân dòng 12 với 85% (0,85). Nếu dòng 12 bằng không, nhập -0-	-0-
17. Cộng dòng 15 với 16	2.990
18. Nhân dòng 1 với 85% (0,85)	5.083
19. Phúc lợi chịu thuế. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 17 hoặc 18. Đồng thời nhập số liệu này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b	\$2.990

Số liệu trên dòng 19 trong bảng tính của bạn cho thấy \$2.990 trong phúc lợi an sinh xã hội của bạn phải chịu thuế. Trên dòng 6a của Mẫu 1040, bạn nhập phúc lợi ròng của mình là \$5.980. Trên dòng 6b, bạn nhập phúc lợi chịu thuế là \$2.990.

Ví dụ 2. Casey và Pat Hopkins khai chung hồ sơ thuế vào Mẫu 1040 cho năm 2024. Casey đã nghỉ hưu và nhận lương hưu có tính thuế đầy đủ là \$15.500. Ông cũng được hưởng phúc lợi an sinh xã hội, và Mẫu SSA-1099 cho năm 2024 của ông cho thấy phúc lợi ròng là \$5.600 trong ô 5. Pat làm việc cả năm và có thù lao \$14.000. Cô ấy đã thực hiện thanh toán được khấu trừ vào trương mục IRA của mình là \$1.000 và không tham gia chương trình hưu trí tại cơ quan. Casey và Pat có hai tài khoản tiết kiệm với tổng thu nhập từ tiền lãi chịu thuế là \$250. Họ hoàn thành Bảng tính 1 phía dưới, nhập \$29.750 (\$15.500 + \$14.000 + \$250) vào dòng 3. Họ thấy không có phúc lợi an sinh xã hội nào của Casey phải chịu thuế. Trong Mẫu 1040, họ nhập \$5.600 vào dòng 6a và -0- vào dòng 6b.

Bảng tính 1 đã điền. Tính phúc lợi chịu thuế

1. Nhập tổng tiền từ ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099 . Đồng thời nhập số tiền này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a	\$5.600
2. Nhân dòng 1 với 50% (0,50)	2.800
3. Kết hợp các khoản tiền trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, các dòng 1, 2b, 3b, 4b, 5b, 7, và 8	29.750
4. Nhập khoản tiền, nếu có vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2a	-0-
5. Nhập tổng số tiền loại trừ/điều chỉnh cho:	
• Phúc lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839, dòng 28),	
• Thu nhập kiếm được ở nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555, dòng 45 và 50), và	
• Thu nhập nhất định của cư dân có chân thật tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563, dòng 15) hoặc Puerto Rico	-0-
6. Kết hợp các dòng 2, 3, 4, và 5 ở trên	32.550
7. Nhập tổng các khoản vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 11 đến 20; và 23 và 25	1.000
8. Số tiền trên dòng 7 có ít hơn trên dòng 6 không?	
Không.  bạn không có phúc lợi an sinh nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b.	
Có. Lấy dòng 7 trừ dòng 6	31.550
9. Nếu bạn là:	
• Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, nhập \$32.000; hoặc	
• Độc thân, chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn không sống cùng vợ/chồng trong năm 2024, nhập \$25.000	32.000
Ghi chú. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống chung với vợ/chồng của bạn vào bất kỳ thời điểm nào năm 2024, bỏ qua các dòng 9 đến 16, nhân dòng 8 với 85% (0,85) và nhập kết quả vào dòng 17. Xong thì đến dòng 18.	
10. Số tiền ở dòng 9 có nhỏ hơn dòng 8 không?	
Không.  bạn không có phúc lợi nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng nhau trong suốt năm 2024, hãy nhập "D" vào bên phải từ "phúc lợi" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.	
Có. Lấy dòng 9 trừ dòng 8	

11. Nhập \$12.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc \$9.000 nếu độc thân, làm chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2024	_____
12. Lấy dòng 11 trừ dòng 10. Nếu nhỏ hơn hoặc bằng không, nhập -0-	_____
13. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 10 hoặc 11	_____
14. Nhân dòng 13 với 50% (0,50)	_____
15. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 2 hoặc 14	_____
16. Nhân dòng 12 với 85% (0,85). Nếu dòng 12 bằng không, nhập -0-	_____
17. Cộng dòng 15 với 16	_____
18. Nhân dòng 1 với 85% (0,85)	_____
19. Phúc lợi chịu thuế. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 17 hoặc 18. Đồng thời nhập số liệu này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b	_____

Ví dụ 3. Jamie và Jessie Johnson khai chung hồ sơ thuế vào Mẫu 1040 cho năm 2024. Jamie là công nhân đường sắt đã nghỉ hưu và năm 2024 hưởng một phần SSEB của phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1. Mẫu RRB-1099 của Jamie ghi \$10.000 trong ô 5. Jessie là nhân viên nhà nước đã nghỉ hưu và nhận lương hưu chịu thuế đầy đủ là \$38.000. Họ có \$2.300 thu nhập từ lãi chịu thuế cộng với \$200 lãi trên một trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ. Lãi trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện để loại trừ. Họ sử dụng Bảng tính 1, đặt ở phía dưới, để tính toán phúc lợi chịu thuế của mình. Do có trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ, họ làm theo lưu ý ở phần đầu ở mẫu tính toán và sử dụng số liệu ở dòng 2 Bảng B (Mẫu 1040) thuộc dòng 3 của mẫu tính toán thay vì số liệu trên dòng 2b của Mẫu 1040. Ở dòng 3 của mẫu tính toán, họ nhập \$40.500 (\$38.000 + \$2.500).

Bảng tính 1 đã điền. Tính phúc lợi chịu thuế

Trước khi bắt đầu:

- Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2024, nhập "D" vào bên phải từ "benefits (phúc lợi)" của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.
- Không dùng mẫu thanh toán này nếu bạn đã hoàn trả các phúc lợi năm 2024 và tổng khoản hoàn trả (ô 4 của Mẫu SSA-1099 và RRB-1099) nhiều hơn tổng phúc lợi năm 2024 của bạn (ô 3 của Mẫu SSA-1099 và RRB-1099). Không có phúc lợi nào của bạn phải chịu thuế năm 2024. Để biết thêm thông tin, hãy xem mục [Hoàn trả nhiều hơn tổng phúc lợi](#) ở phần sau.
- Nếu bạn đang khai Mẫu 8815, Loại trừ lãi từ Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ sê-ri EE và I phát hành sau năm 1989, không tính số liệu ở dòng 2b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR ở dòng 3 của mẫu tính toán này. Thay vào đó, tính số liệu trong Bảng B (Mẫu 1040), dòng 2.

1. Nhập tổng tiền từ ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099. Đồng thời nhập số tiền này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a	_____
2. Nhân dòng 1 với 50% (0,50)	_____
3. Kết hợp các khoản tiền trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, các dòng 1, 2b, 3b, 4b, 5b, 7, và 8	_____
4. Nhập khoản tiền, nếu có vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2a	_____
5. Nhập tổng số tiền loại trừ/điều chỉnh cho:	
• Phúc lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839, dòng 28),	
• Thu nhập kiếm được ở nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555, dòng 45 và 50), và	
• Thu nhập nhất định của cư dân có chân thật tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563, dòng 15) hoặc Puerto Rico	_____
6. Kết hợp các dòng 2, 3, 4, và 5 ở trên	_____
7. Nhập tổng các khoản vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 11 đến 20, và 23 và 25	_____
8. Số tiền trên dòng 7 có ít hơn trên dòng 6 không?	_____

Không. 

bạn không có phúc lợi an sinh nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b.

Có. Lấy dòng 7 trừ dòng 6

9. Nếu bạn là:	
• Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, nhập \$32.000; hoặc	
• Độc thân, chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn không sống cùng vợ/chồng trong năm 2024, nhập \$25.000	_____

Ghi chú. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống chung với vợ/chồng của bạn vào bất kỳ thời điểm nào năm 2024, bỏ qua các dòng 9 đến 16, nhân dòng 8 với 85% (0,85) và nhập kết quả vào dòng 17. Xong thì đến dòng 18.

10. Số tiền ở dòng 9 có nhỏ hơn dòng 8 không?

Không. 

bạn không có phúc lợi nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và **không sống cùng nhau** trong suốt năm 2024, hãy nhập "D" vào bên phải từ "benefit (phúc lợi)" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.

Có. Lấy dòng 9 trừ dòng 8

11. Nhập \$12.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc \$9.000 nếu độc thân, làm chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2024	_____
12. Lấy dòng 11 trừ dòng 10. Nếu nhỏ hơn hoặc bằng không, nhập -0-	_____
13. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 10 hoặc 11	_____
14. Nhân dòng 13 với 50% (0,50)	_____
15. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 2 hoặc 14	_____
16. Nhân dòng 12 với 85% (0,85). Nếu dòng 12 bằng không, nhập -0-	_____
17. Cộng dòng 15 với 16	_____
18. Nhân dòng 1 với 85% (0,85)	_____
19. Phúc lợi chịu thuế. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 17 hoặc 18. Đồng thời nhập số liệu này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b	_____

Hơn 50% phúc lợi của Jamie phải chịu thuế do thu nhập ở dòng 8 của mẫu tính toán (\$45.500) lớn hơn \$44.000. (Xem [Phần chịu thuế tối đa](#) trong phần [Số tiền phải chịu thuế là bao nhiêu](#), được đề cập trước đó.) Jamie và Jessie nhập \$10.000 vào Mẫu 1040, dòng 6a; và \$6.275 vào Mẫu 1040, dòng 6b.

Các khoản khấu trừ liên quan đến phúc lợi của bạn

Bạn có thể có quyền khấu trừ một số tiền nhất định liên quan đến các phúc lợi được hưởng.

Thanh toán cho người khuyết tật. Có thể bạn đã nhận khoản thanh toán cho người khuyết tật từ đơn vị sử dụng lao động hoặc công ty bảo hiểm mà bạn đã kê vào thu nhập trong tờ khai thuế của mình trong năm trước đó. Nếu bạn được SSA hoặc RRB thanh toán một lần, và phải hoàn trả cho đơn vị sử dụng lao động hoặc công ty bảo hiểm khoản thanh toán cho người khuyết tật, bạn có thể lấy khấu trừ từng khoản cho khoản thanh toán đã tính vào tổng thu nhập của năm trước đó. Nếu số tiền hoàn trả lớn hơn \$3.000, bạn có thể xin hoàn lại một tín thuế thay thế. Yêu cầu khoản khấu trừ hoặc khoản tín dụng theo cách tương tự được giải thích tại phần [Hoàn trả phúc lợi đã nhận được trong năm trước](#) trong phần [Hoàn trả nhiều hơn tổng phúc lợi](#) tiếp theo.

Hoàn trả nhiều hơn tổng phúc lợi

Trong một số trường hợp, Mẫu SSA-1099 hoặc RRB-1099 sẽ thể hiện tổng thu nhập bạn đã hoàn trả (ô 4) nhiều hơn tổng thu nhập (ô 3) bạn nhận được. Nếu vậy, phúc lợi ròng của bạn trong ô 5 sẽ là số âm (một con số trong ngoặc đơn) và không có phúc lợi nào của bạn phải chịu thuế. Không dùng mẫu tính toán trong trường hợp này. Nếu nhận được nhiều hơn một mẫu, một số âm trong ô 5 của mẫu này được dùng để bù cho một số dương trong ô 5 của mẫu kia trong cùng năm đó.

Nếu có bất kỳ câu hỏi nào về số âm này, bạn hãy liên hệ với [văn phòng SSA](#) hoặc [văn phòng RRB khu vực](#) của địa phương của bạn.

Tờ khai thuế chung. Nếu bạn và vợ/chồng khai thuế chung, và Mẫu SSA-1099 hoặc RRB-1099 của bạn có số âm trong ô 5, nhưng của vợ/chồng bạn không có, lấy số tiền ở ô 5 trong mẫu của vợ/chồng

trừ đi số tiền ở ô 5 trong mẫu của bạn. Hãy làm vậy để tính phúc lợi ròng khi tính toán xem phúc lợi kết hợp của hai vợ chồng có phải chịu thuế không.

Ví dụ. John và Mary khai thuế chung cho năm 2024. John nhận Mẫu SSA-1099 hiển thị \$3.000 trong ô 5. Mary cũng nhận Mẫu SSA-1099 với số tiền trong ô 5 là (\$500). John và Mary sẽ sử dụng \$2.500 (\$3.000 trừ \$500) làm phúc lợi ròng của họ khi tính xem phúc lợi kết hợp của hai vợ chồng có phải chịu thuế không.

Hoàn trả phúc lợi đã nhận được trong năm trước. Nếu tổng số tiền trong ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099 là một số âm, bạn có thể khấu trừ một phần số âm này biểu thị cho phúc lợi bạn tính vào tổng thu nhập một năm trước đó nếu số tiền lớn hơn \$3.000. Nếu con số ít hơn hoặc bằng \$3.000, nó sẽ được xem là khoản khấu trừ từng khoản khác và không thể khấu trừ được nữa.

Khoản trừ vượt mức \$3.000. Nếu khoản khấu trừ trên \$3.000, bạn có thể tính thuế theo hai cách.

1. Tính thuế cho năm 2024 với khoản khấu trừ từng khoản tính trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16.
2. Tính thuế cho năm 2024 theo các bước sau.
 - a. Tính thuế không có khoản khấu trừ từng khoản tính trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16.
 - b. Đối với mỗi năm sau năm 1983 mà phần của số âm biểu thị phúc lợi đã hoàn trả, hãy tính lại các khoản phúc lợi chịu thuế của bạn như thể tổng phúc lợi của bạn trong năm đã bị giảm đi bằng đúng phần đó của số âm. Sau đó tính lại thuế của năm đó.
 - c. Lấy (b) tổng số tiền thuế thực tế của bạn trừ đi tổng số tiền thuế đã tính lại.
 - d. Lấy kết quả ở (a) trừ kết quả ở (c).

So sánh tiền thuế tính theo hai cách 1 và 2. Thuế của bạn năm 2024 là số nhỏ hơn trong hai số. Nếu cách 1 tính cho thuế ít hơn, hãy lấy khoản khấu trừ từng khoản trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16. Nếu cách 2 tính cho thuế ít hơn, yêu cầu hoàn lại tín thuế cho số tiền ở bước 2c ở trên trong Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 13z. Nhập "I.R.C. 1341" trên dòng để nhập. Nếu cả hai cách tính cho số thuế như nhau, khấu trừ khoản hoàn trả trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16.

8.

Thu nhập khác

Quy định mới

Yêu cầu báo cáo mới của Mẫu 1099-K. Đạo luật Kế hoạch giải cứu người Mỹ năm 2021 đã thay đổi các yêu cầu báo cáo đối với các tổ chức thanh toán bên thứ ba. Bắt đầu từ năm 2024, có ngưỡng báo cáo thấp hơn đối với Mẫu 1099-K. Xem [Thay đổi yêu cầu báo cáo của Mẫu 1099-K](#), ở phần sau.

Một số khoản thanh toán cứu trợ được thực hiện cho những cá nhân bị ảnh hưởng bởi vụ trật ray ở Đông Palestine không phải chịu thuế. Nếu bạn nhận được khoản thanh toán cứu trợ từ một cơ quan chính phủ, Norfolk Southern Railway hoặc công ty con, công ty bảo hiểm, đại lý hoặc người liên quan do bị ảnh hưởng bởi vụ trật ray ngày 3 tháng 2, 2023 tại Đông Palestine, Ohio, thì các khoản thanh toán này có thể không phải chịu thuế. Xem Ấn phẩm 547 để biết thêm thông tin.

Các khoản thanh toán cứu trợ cháy rừng đủ điều kiện không phải chịu thuế. Nếu bạn nhận được khoản thanh toán cứu trợ cháy rừng đủ điều kiện, các khoản thanh toán đó có thể không phải chịu thuế. Xem Ấn phẩm 547 để biết thêm thông tin.

Nhắc nhở

Việc tạm thời khấu trừ 100% bữa ăn kinh doanh đã hết hạn. Đoạn 210 của Đạo luật Sự chắc chắn của Người đóng thuế và Cứu trợ thuế do thiên tai năm 2020 quy định việc tạm thời khấu trừ 100% bữa ăn kinh doanh đối với thực phẩm hoặc đồ uống do nhà hàng cung cấp và được thanh toán hoặc phát sinh sau ngày 31 tháng 12, 2020 và trước ngày 1 tháng 1, 2023.

Bồi thường thất nghiệp. Nếu bạn đã nhận được bồi thường thất nghiệp nhưng chưa nhận được Mẫu 1099-G, Một số khoản thanh toán nhất định của Chính phủ qua thư, có thể bạn cần truy cập thông tin của mình qua trang web của tiểu bang để nhận Mẫu 1099-G điện tử.

Giới thiệu

Bạn phải khai báo vào tờ khai thuế của mình tất cả các khoản thu nhập mà bạn nhận được dưới dạng tiền, tài sản và dịch vụ trừ khi luật thuế quy định rằng bạn không cần khai báo những khoản mục này vào tờ khai thuế. Tuy nhiên, một số khoản mục chỉ được loại trừ một phần khỏi thu nhập. Chương này thảo luận về các loại thu nhập và xác định những thu nhập đó có phải chịu thuế hay không.

- Thu nhập chịu thuế phải được khai báo trên tờ khai thuế của bạn và phải chịu thuế.
 - Thu nhập không chịu thuế phải được khai báo trên tờ khai thuế của bạn nhưng không phải chịu thuế.
- Mở đầu chương là nội dung thảo luận về các khoản thu nhập dưới đây.
- Trao đổi.
 - Nợ được hủy.
 - Tiệc bán hàng mà bạn là người tổ chức.
 - Tiền bảo hiểm nhân thọ.
 - Thu nhập từ hợp danh.
 - Thu nhập từ công ty S.
 - Phục hồi (bao gồm tiền hoàn thuế thu nhập của tiểu bang).
 - Tiền cho thuê tài sản cá nhân.
 - Hoàn trả.
 - Tiền bản quyền.
 - Quyền lợi thất nghiệp.
 - Trợ cấp xã hội và các phúc lợi trợ giúp công cộng khác.

Sau những chủ đề này là nội dung thảo luận ngắn gọn về các khoản thu nhập khác.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- ☐ **502** Chi phí y tế và nha khoa
- ☐ **504** Cá nhân đã ly hôn hoặc ly thân
- ☐ **523** Bán nhà của bạn
- ☐ **525** Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế
- ☐ **544** Bán và cách xử lý khác của tài sản
- ☐ **547** Thiệt hại, Thiên tai, và Trộm cắp
- ☐ **550** Thu nhập và chi phí đầu tư
- ☐ **4681** Nợ được hủy, Tịch biên, Thu hồi, và Bỏ đi

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms \(tiếng Anh\)](#).

Trao đổi

Trao đổi là hoạt động hoán đổi tài sản hoặc dịch vụ. Bạn phải khai báo giá trị thị trường hợp lý của tài sản hoặc dịch vụ mà bạn nhận được từ giao dịch trao đổi vào thu nhập của mình tại thời điểm nhận được. Nếu bạn trao đổi dịch vụ với một người khác và cả hai đã đồng ý trước về giá trị của dịch vụ thì giá trị đó sẽ được coi là giá trị thị trường hợp lý trừ khi được chứng minh là không chính xác.

Bạn thường khai báo thu nhập này trên Bảng C (Mẫu 1040), Lợi nhuận hoặc Lỗ từ kinh doanh. Tuy nhiên, nếu giao dịch trao đổi liên quan tới loại hình khác ngoài dịch vụ, như trong [Ví dụ 3](#) dưới đây, bạn có thể phải sử dụng mẫu đơn hoặc bảng liệt kê khác để thay thế.

Ví dụ 1. Bạn là luật sư tự kinh doanh thực hiện các dịch vụ pháp lý cho khách hàng, một cơ sở kinh doanh cỡ nhỏ. Doanh nghiệp gửi cho bạn cổ phần chứng khoán của mình để thanh toán cho các dịch vụ đã sử dụng. Bạn phải gộp giá trị thị trường hợp lý của cổ phần chứng khoán vào thu nhập của bạn trên Bảng C (Mẫu 1040) trong năm bạn nhận được.

Ví dụ 2. Bạn đang tự kinh doanh và là thành viên của câu lạc bộ trao đổi. Câu lạc bộ sử dụng "đơn vị tín dụng" làm phương tiện trao đổi. Bạn nhận được đơn vị tín dụng vào trương mục của mình cho hàng hóa hoặc dịch vụ mà bạn cung cấp cho các thành viên, và bạn có thể sử dụng số đơn vị tín dụng trên để mua hàng hóa hoặc dịch vụ do những thành viên khác trong câu lạc bộ cung cấp. Câu lạc bộ trừ các đơn vị tín dụng từ trương mục của bạn khi bạn nhận hàng hóa hoặc dịch vụ từ các thành viên khác. Bạn phải tính vào thu nhập của mình giá trị của các đơn vị tín dụng được thêm vào trương mục, mặc dù bạn có thể không thực sự nhận được hàng hóa hoặc dịch vụ từ các thành viên khác cho đến năm thuế sau đó.

Ví dụ 3. Bạn đang sở hữu một tòa nhà chung cư nhỏ. Một nghệ sĩ tặng bạn một tác phẩm nghệ thuật của mình để đổi lấy 6 tháng sử dụng căn hộ miễn phí. Bạn phải khai báo thu nhập cho thuê nhà trên Bảng E (Mẫu 1040), Thu nhập và Lỗ bổ sung, đối với giá trị thị trường hợp lý của tác phẩm nghệ thuật và nghệ sĩ phải khai báo thu nhập trên Bảng C (Mẫu 1040) đối với giá trị cho thuê hợp lý của căn hộ.

Mẫu 1099-B từ hoạt động trao đổi. Nếu bạn đã trao đổi tài sản hoặc dịch vụ thông qua sàn giao dịch

trao đổi, Mẫu 1099-B, Tiền thu từ Giao dịch môi giới và Giao dịch trao đổi, hay một bản kê tương tự từ sân giao dịch trao đổi sẽ được gửi cho bạn không muộn hơn ngày 15 tháng 2, 2025. Tài liệu này phải hiển thị giá trị tiền mặt, tài sản, dịch vụ, tín dụng hoặc bản thảo mà bạn nhận được từ giao dịch trao đổi trong năm 2024. IRS cũng sẽ nhận một bản sao của Mẫu 1099-B.

Nợ được hủy

Trong hầu hết các trường hợp, nếu khoản nợ của bạn được hủy bỏ hay được bỏ qua, ngoài quà tặng hoặc di sản, bạn phải tính số tiền được hủy vào thu nhập của bạn. Bạn không có thu nhập từ khoản nợ được hủy nếu khoản tiền đó được dành cho bạn như quà tặng. Một khoản nợ bao gồm bất kỳ khoản nợ nào mà bạn phải chịu trách nhiệm hoặc gắn liền với tài sản mà bạn nắm giữ.

Nếu khoản nợ là khoản nợ phi kinh doanh, hãy khai báo số tiền được hủy trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8c. Nếu đó là một khoản nợ kinh doanh, hãy khai báo số tiền trên Bảng C (Mẫu 1040) (hoặc trên Bảng F (Mẫu 1040), Lợi nhuận hoặc Lỗ từ nông nghiệp, nếu nợ là nợ nông nghiệp và bạn là nhà nông).

Mẫu 1099-C. Nếu cơ quan chính quyền liên bang, cơ quan tài chính hoặc công đoàn tín dụng hủy bỏ hoặc bỏ qua khoản nợ của bạn từ \$600 trở lên, bạn sẽ nhận được Mẫu 1099-C, Hủy nợ. Số tiền nợ được hủy được thể hiện trong ô 2.

Tiền lãi nằm trong nợ được hủy. Nếu bất kỳ khoản lãi nào được bỏ qua và được gộp trong nợ được hủy trong ô 2, thì số tiền lãi cũng sẽ được hiển thị trong ô 3. Việc bạn có phải gộp phần lãi của khoản nợ được hủy vào thu nhập của bạn hay không phụ thuộc vào việc liệu khoản lãi đó có được khấu trừ khi bạn thanh toán hay không. Xem [Nợ có thể khấu trừ](#) trong mục [Ngoại lệ](#) ở phần sau.

Nếu tiền lãi không được khấu trừ (ví dụ lãi cho một khoản vay cá nhân), hãy gộp vào thu nhập của bạn số tiền từ ô 2 của Mẫu 1099-C. Nếu tiền lãi được khấu trừ (ví dụ khoản vay kinh doanh), hãy gộp vào thu nhập của bạn số tiền ròng của khoản nợ được hủy (số tiền được hiển thị trong ô 2 trừ đi số tiền lãi được trong hiển thị ô 3).

Vay thế chấp được chiết khấu. Nếu cơ quan tài chính của bạn đề nghị giảm giá cho khoản thanh toán sớm khoản vay thế chấp, số tiền giảm giá sẽ là nợ được hủy. Bạn phải gộp số tiền đã hủy vào thu nhập của bạn.

Giảm khoản vay thế chấp khi bán hoặc cách xử lý khác. Nếu bạn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với một khoản vay thế chấp (nợ truy đòi) và được giải chấp khi xử lý tài sản, bạn có thể thu được lãi hoặc lỗ theo giá trị thị trường hợp lý của tài sản. Ngoài ra, trong phạm vi việc xóa bỏ khoản vay thế chấp vượt quá giá trị thị trường hợp lý của tài sản, đây là thu nhập từ việc trả nợ trừ khi đủ điều kiện để loại trừ theo mục [Nợ được loại trừ](#), được trình bày ở phần sau. Khai báo bất kỳ thu nhập nào từ việc xóa bỏ khoản nợ phi kinh doanh không đủ điều kiện để loại trừ dưới dạng thu nhập khác trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8c.

Nếu bạn không phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với một khoản vay thế chấp (nợ không truy đòi) và được giải chấp khi bạn xử lý tài sản (ví dụ thông qua việc tịch thu tài sản), khoản tiền đền bù đó được gộp vào số tiền bạn nhận được. Bạn có thể có lợi nhuận chịu thuế nếu số tiền bạn nhận được vượt quá giá trị cơ bản đã điều chỉnh trong tài sản. Khai

báo bất kỳ khoản lợi nhuận nào đối với tài sản phi kinh doanh dưới dạng lãi vốn.

Xem Ấn phẩm 4681 để tìm hiểu thêm thông tin.

Nợ cổ đông. Nếu bạn là cổ đông trong một công ty và công ty hủy bỏ hoặc xóa nợ cho bạn, khoản nợ được hủy là khoản phân phối ngầm hiểu mà thường là thu nhập cổ tức của bạn. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 542, Công ty.

Nếu bạn là một cổ đông trong một công ty và hủy khoản nợ mà công ty nợ bạn, bạn thường không nhận được thu nhập. Bởi vì khoản nợ được hủy được coi như khoản đóng góp cho vốn của công ty bằng với số nợ gốc mà bạn đã hủy.

Hoàn trả nợ được hủy. Nếu bạn đã gộp số tiền được hủy vào thu nhập và sau đó trả nợ, bạn có thể nộp đơn yêu cầu hoàn trả cho năm số tiền đã được gộp trong thu nhập. Bạn có thể nộp đơn yêu cầu theo Mẫu 1040-X, Tờ khai thuế Thu Nhập Hoa Kỳ cho Cá Nhân Được Điều chỉnh nếu vẫn trong quy chế để nộp đơn yêu cầu. Thông thường, thời hạn quy chế sẽ kết thúc sau 3 năm sau ngày đáo hạn của tờ khai thuế ban đầu của bạn.

Ngoại lệ

Có một vài ngoại lệ đối với việc đưa khoản nợ được hủy vào thu nhập. Những nội dung này sẽ được giải thích ở phần tiếp theo.

Khoản vay sinh viên. Nói chung, nếu bạn chịu trách nhiệm thanh toán khoản vay và khoản vay được người khác hủy bỏ hoặc hoàn trả, bạn phải tính số tiền đã được hủy bỏ hoặc trả thay cho bạn vào tổng thu nhập của bạn cho mục đích tính thuế. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, bạn có thể loại trừ số tiền khỏi tổng thu nhập do hủy bỏ hoặc hoàn trả một số khoản vay sinh viên. Những loại trừ này dành cho:

- Hủy khoản vay sinh viên do đáp ứng các yêu cầu việc làm nhất định
- Hủy bỏ một số khoản vay sau ngày 31 tháng 12, 2020 và trước ngày 1 tháng 1, 2026 (xem [Quy tắc đặc biệt đối cho các khoản vay sinh viên được giảm trừ từ năm 2021 đến năm 2025](#), ở phần sau); hoặc
- Một số chương trình hỗ trợ trả nợ vay sinh viên.

Loại trừ khoản vay sinh viên được hủy do đáp ứng các yêu cầu việc làm nhất định. Nếu khoản vay sinh viên của bạn được hủy một phần hoặc toàn bộ vào năm 2024 do đáp ứng các yêu cầu việc làm nhất định, bạn có thể không phải tính khoản nợ đã hủy vào thu nhập của mình. Để đủ điều kiện cho loại trừ liên quan đến việc làm này, khoản vay của bạn phải được thực hiện bởi một người cho vay đủ điều kiện để hỗ trợ bạn theo học tại một tổ chức giáo dục đủ điều kiện được mô tả trong đoạn 170(b)(1)(A)(ii). Ngoài ra, việc hủy bỏ phải tuân theo một điều khoản trong khoản vay dành cho sinh viên rằng toàn bộ hoặc một phần khoản nợ sẽ được hủy bỏ nếu bạn làm việc:

- Cho một khoản thời gian nhất định,
- Trong một ngành nghề nhất định, và
- Cho bất kỳ lớp chủ lao động rộng lớn nào.



Việc hủy khoản vay của bạn sẽ không đủ điều kiện để được miễn thuế nếu việc đó được thực hiện bởi một tổ chức giáo dục hoặc tổ chức được miễn thuế theo đoạn 501(c)(3) và đã được hủy vì các dịch vụ bạn đã thực hiện cho một trong hai tổ chức đó. Xem [Ngoại lệ](#), ở phần sau.

Tổ chức giáo dục được mô tả trong đoạn 170(b)(1)(A)(ii). Đây là một tổ chức giáo dục duy trì đội ngũ giảng viên và chương trình giảng dạy thường xuyên và thường có một lượng sinh viên đăng ký thường xuyên theo học tại nơi tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục của mình..

Người cho vay đủ điều kiện. Những người này bao gồm những điều sau đây.

- Hoa Kỳ hoặc một công cụ hoặc cơ quan của Hoa Kỳ.
- Một tiểu bang hoặc lãnh thổ của Hoa Kỳ; hoặc Đặc khu Columbia; hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào trong đó.
- Một công ty công ích được miễn thuế theo đoạn 501(c)(3); và đã nắm quyền kiểm soát một bệnh viện tiểu bang, quận hoặc thành phố; và nhân viên của họ được coi là công chức theo luật tiểu bang..
- Một tổ chức giáo dục được mô tả trong đoạn 170(b)(1)(A)(ii), nếu khoản vay được thực hiện:
 - Là một phần của thỏa thuận với một tổ chức được mô tả trong (1), (2) hoặc (3) theo đó nguồn vốn để thực hiện khoản vay được cung cấp cho tổ chức giáo dục; hoặc
 - Theo một chương trình của tổ chức giáo dục được thiết kế để khuyến khích sinh viên của mình phục vụ trong những ngành nghề có nhu cầu chưa được đáp ứng hoặc ở những khu vực có nhu cầu chưa được đáp ứng, nơi các dịch vụ do sinh viên (hoặc cựu sinh viên) cung cấp là dành cho hoặc dưới sự chỉ đạo của một đơn vị chính phủ hoặc một tổ chức được miễn thuế theo đoạn 501(c)(3).

Quy tắc đặc biệt đối cho các khoản vay sinh viên được giảm trừ từ năm 2021 đến năm 2025. Đạo luật Kế hoạch giải cứu người Mỹ năm 2021 đã sửa đổi việc xử lý khoản vay của sinh viên được xóa bỏ được giảm trừ từ năm 2021 đến năm 2025. Nói chung, nếu bạn chịu trách nhiệm thanh toán khoản vay và khoản vay bị hủy hoặc được trả bởi người khác, bạn phải bao gồm số tiền đã hủy hoặc trả thay cho mình trong tổng thu nhập của bạn cho các mục đích thuế. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, bạn có thể loại trừ số tiền này khỏi tổng thu nhập nếu khoản vay thuộc một trong các khoản sau.

- Khoản vay cho chi phí giáo dục sau trung học.
- Khoản vay cho giáo dục tư nhân.
- Khoản vay từ một tổ chức giáo dục được mô tả trong đoạn 170(b)(1)(A)(ii).
- Khoản vay từ một tổ chức được miễn thuế theo đoạn 501(a) để tái cấp vốn cho khoản vay sinh viên.

Xem Ấn phẩm 4681 và Ấn phẩm 970 để biết thêm thông tin.

Khoản vay cho chi phí giáo dục sau trung học. Đây là bất kỳ khoản vay nào được cung cấp rõ ràng cho giáo dục sau trung học, bất kể được cung cấp thông qua tổ chức giáo dục hay trực tiếp cho người vay, nếu khoản vay đó được thực hiện, bảo hiểm hoặc bảo đảm bởi một trong những bên sau.

- Hoa Kỳ hoặc một công cụ hoặc cơ quan của Hoa Kỳ.

- Một tiểu bang hoặc lãnh thổ của Hoa Kỳ; hoặc Đặc khu Columbia; hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào trong đó.
- Một tổ chức giáo dục đủ điều kiện.

Tổ chức giáo dục đủ điều kiện. Tổ chức giáo dục đủ điều kiện thường là bất kỳ trường cao đẳng, đại học, trường dạy nghề hoặc tổ chức giáo dục sau trung học nào khác được công nhận, phi lợi nhuận hoặc độc quyền (thu lợi nhuận). Ngoài ra, tổ chức này phải đủ điều kiện tham gia chương trình hỗ trợ sinh viên do Bộ Giáo dục Hoa Kỳ quản lý.

Tổ chức giáo dục đủ điều kiện cũng bao gồm một số tổ chức giáo dục nhất định ở bên ngoài Hoa Kỳ đủ điều kiện tham gia chương trình hỗ trợ sinh viên do Bộ Giáo dục Hoa Kỳ quản lý.



Tổ chức giáo dục có thể cho bạn biết liệu tổ chức giáo dục đó có đủ điều kiện hay không.

Khoản vay giáo dục tư nhân. Khoản vay giáo dục tư nhân là khoản vay được cung cấp bởi người cho vay giáo dục tư nhân mà:

- Không được sản xuất, bảo hiểm hoặc bảo đảm theo Mục IV của Đạo luật Giáo dục Đại học năm 1965; and
- Được cấp rõ ràng để thanh toán chi phí giáo dục sau trung học cho người vay, bất kể khoản vay được cung cấp thông qua tổ chức giáo dục mà sinh viên theo học hay trực tiếp cho người vay từ người cho vay giáo dục tư nhân. Khoản vay giáo dục tư nhân không bao gồm việc gia hạn tín dụng theo kế hoạch tín dụng tiêu dùng mở, giao dịch thế chấp ngược, giao dịch thế chấp nhà ở hoặc bất kỳ khoản vay nào khác được bảo đảm bằng bất động sản hoặc nhà ở.

Người cho vay giáo dục tư nhân. Người cho vay giáo dục tư nhân là một trong những người sau đây.

- Một tổ chức tài chính kêu gọi, thực hiện hoặc gia hạn các khoản vay cho giáo dục tư nhân.
- Một hiệp hội tín dụng liên bang kêu gọi, thực hiện hoặc gia hạn các khoản vay cho giáo dục tư nhân.
- Bất kỳ người nào khác tham gia vào hoạt động kinh doanh chào mời, cấp hoặc gia hạn các khoản vay cho giáo dục tư nhân.



Việc hủy khoản vay của bạn sẽ không đủ điều kiện để được miễn thuế nếu khoản vay được hủy vì các dịch vụ bạn đã thực hiện cho người cho vay giáo dục tư nhân đã thực hiện khoản vay hoặc người khác tổ chức đã cung cấp vốn.

Khoản vay từ một tổ chức giáo dục được mô tả trong đoạn 170(b)(1)(A)(ii). Đây là bất kỳ khoản vay nào được tổ chức thực hiện nếu khoản vay được thực hiện:

- Là một phần của thỏa thuận với một thực thể được mô tả trước đó, theo đó nguồn vốn để thực hiện khoản vay được cung cấp cho tổ chức giáo dục; hoặc
- Theo một chương trình của tổ chức giáo dục được thiết kế để khuyến khích sinh viên của mình phục vụ trong những ngành nghề có nhu cầu chưa được đáp ứng hoặc ở những khu vực có nhu cầu chưa được đáp ứng, nơi các dịch vụ được cung cấp bởi sinh viên (hoặc cựu sinh viên) là dành cho hoặc dưới sự quản lý của chỉ đạo của một đơn vị chính phủ hoặc tổ chức được miễn thuế theo đoạn 501(c)(3).

Tổ chức giáo dục được mô tả trong đoạn 170(b)(1)(A)(ii). Đây là một tổ chức giáo dục duy trì đội ngũ giảng viên và chương trình giảng dạy thường xuyên và thường có lượng sinh viên đăng ký thường xuyên theo học tại nơi tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục của mình.



Việc hủy khoản vay của bạn sẽ không đủ điều kiện để được miễn thuế nếu việc đó được thực hiện bởi một tổ chức giáo dục, miễn thuế đoạn 501(c)(3) hoặc tổ chức cho vay giáo dục tư nhân (như được định nghĩa trong đoạn 140(a)(7) của Đạo luật Cho vay đúng sự thật) và đã được hủy vì các dịch vụ bạn đã thực hiện cho tổ chức đó hoặc người cho vay giáo dục tư nhân. Xem [Ngoại lệ](#), ở phần sau.

Tổ chức theo đoạn 501(c)(3). Đây là bất kỳ công ty cổ phần, tổ chức cộng đồng, quỹ hoặc tổ chức nào được tổ chức và vận hành riêng cho một hoặc nhiều mục đích sau.

- Từ thiện.
- Tôn giáo.
- Giáo dục.
- Khoa học.
- Văn học.
- Thử nghiệm vì an toàn công cộng.
- Thúc đẩy các cuộc thi đấu thể thao nghiệp dư trong nước hoặc quốc tế (nhưng chỉ khi không có hoạt động nào liên quan đến việc cung cấp cơ sở vật chất hoặc thiết bị thể thao).
- Ngăn chặn hành vi tàn ác đối với trẻ em hoặc động vật.

Ngoại lệ. Trong hầu hết các trường hợp, việc hủy bỏ khoản vay dành cho sinh viên do một tổ chức giáo dục thực hiện vì các dịch vụ bạn đã thực hiện cho tổ chức đó hoặc tổ chức khác đã cung cấp vốn cho khoản vay phải được tính vào tổng thu nhập trên tờ khai thuế của bạn..

Khoản vay tái cấp vốn. Nếu bạn tái cấp vốn cho khoản vay sinh viên bằng một khoản vay khác từ một tổ chức giáo dục đủ điều kiện hoặc một tổ chức được miễn thuế thì khoản vay đó cũng có thể được coi là do một người cho vay đủ điều kiện thực hiện. Khoản vay tái cấp vốn được coi là do người cho vay đủ điều kiện thực hiện nếu nó được thực hiện theo chương trình của tổ chức tái cấp vốn được thiết kế để khuyến khích sinh viên phục vụ trong những ngành nghề có nhu cầu chưa được đáp ứng hoặc ở những khu vực có nhu cầu chưa được đáp ứng nơi mà các dịch vụ được yêu cầu dành cho sinh viên là dành cho hoặc dưới mức sự chỉ đạo của một đơn vị chính phủ hoặc một tổ chức được miễn thuế theo đoạn 501(c)(3).

Hỗ trợ trả nợ vay sinh viên. Các khoản trả nợ khoản vay sinh viên cho bạn sẽ được miễn thuế nếu bạn nhận được chúng vì bất kỳ lý do nào sau đây.

- Chương trình hoàn trả khoản vay của Cơ quan Dịch vụ Y tế Quốc gia (NHSC).
- Chương trình hoàn trả khoản vay giáo dục của tiểu bang đủ điều kiện nhận tài trợ theo Đạo luật Dịch vụ Y tế công cộng.
- Bất kỳ chương trình hoàn trả khoản vay hoặc xóa nợ nào khác của tiểu bang nhằm cung cấp sự sẵn có ngày càng tăng của các dịch vụ y tế ở những khu vực thiếu hụt dịch vụ y tế hoặc thiếu hụt chuyên gia y tế (do tiểu bang đó xác định).



Bạn không thể khấu trừ tiền lãi bạn đã trả cho khoản vay sinh viên trong phạm vi các khoản thanh toán được thực hiện thông qua việc bạn tham gia vào bất kỳ chương trình nào ở trên.

Nợ có thể khấu trừ. Bạn không có thu nhập từ việc hủy nợ nếu khoản thanh toán khoản nợ của bạn được khấu trừ. Ngoại lệ này chỉ áp dụng nếu bạn sử dụng phương pháp kế toán bằng tiền mặt. Để biết thêm thông tin, xem chương 5 của Ấn phẩm 334, Hướng dẫn Thuế cho Doanh Nghiệp Nhỏ.

Giá được giảm sau khi mua. Trong hầu hết các trường hợp, nếu người bán giảm số nợ bạn phải trả cho bất động sản bạn đã mua, bạn sẽ không có thu nhập từ việc giảm giá. Việc giảm nợ được coi là điều chỉnh giá mua và giảm giá trị cơ bản của bạn trong tài sản.

Nợ được loại trừ. Không gộp khoản nợ được hủy vào tổng thu nhập của bạn trong các trường hợp sau.

- Khoản nợ được hủy trong một trường hợp vỡ nợ theo tiêu đề 11 của Bộ luật Hoa Kỳ. Xem Ấn phẩm 908, Hướng dẫn Thuế Khi Vỡ Nợ.
- Khoản nợ sẽ được hủy khi bạn phá sản. Tuy nhiên, bạn không thể loại trừ bất kỳ nợ được hủy nào nhiều hơn số tiền bạn mất khả năng thanh toán. Xem Ấn phẩm 908.
- Khoản nợ là nợ nông nghiệp đủ điều kiện và được hủy bỏ bởi một người có đủ điều kiện. Xem chương 3 của Ấn phẩm 225, Hướng dẫn Thuế Cho Nông Dân.
- Khoản nợ đủ điều kiện là khoản nợ kinh doanh bất động sản. Xem chương 5 của Ấn phẩm 334.
- Việc hủy bỏ với mục đích làm quà tặng.
- Khoản nợ đủ điều kiện là khoản nợ nơi cư trú chính.

Xóa các khoản vay của Chương trình Bảo vệ tiền lương (PPP). Việc xóa nợ khoản vay PPP tạo ra thu nhập được miễn thuế, do đó, mặc dù bạn không cần khai báo thu nhập từ việc xóa nợ khoản vay PPP trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, bạn vẫn cần phải khai báo một số thông tin nhất định liên quan đến khoản vay theo PPP của bạn.

Quy trình Thuế vụ 2021-48, 2021-49 I.R.B. 835, cho phép người đóng thuế coi thu nhập được miễn thuế từ việc xóa nợ khoản vay PPP là đã nhận hoặc tích lũy (1) và trong phạm vi mà các chi phí đủ điều kiện được thanh toán hoặc phát sinh; (2) khi bạn nộp đơn xin xóa khoản vay PPP; hoặc (3) khi được phép xóa khoản vay PPP. Nếu bạn có thu nhập được miễn thuế do được miễn khoản vay PPP, hãy đính kèm bản tường trình vào tờ khai thuế của bạn để khai báo mỗi năm thuế để mà bạn áp dụng Quy trình Thuế vụ 2021-48 và phần nào của Quy trình Thuế vụ 2021-48 bản đang áp dụng – phần 3.01(1), (2) hoặc (3). Mọi tường trình đều phải bao gồm thông tin sau cho mỗi khoản vay PPP.

1. Tên, địa chỉ và ITIN hoặc SSN của bạn;
2. Bản tường trình rằng bạn đang áp dụng hoặc đã áp dụng mục 3.01(1), (2) hoặc (3) của Quy trình Thuế vụ 2021-48, và cho năm thuế nào;
3. Số tiền thu nhập được miễn thuế từ việc xóa nợ khoản vay PPP mà bạn đang coi là đã nhận hoặc tích lũy và cho năm thuế; và
4. Liệu khoản vay PPP có được miễn kể từ ngày bạn nộp tờ khai hay không.

Người tổ chức

Nếu bạn tổ chức một bữa tiệc hoặc sự kiện mà tại đó hoạt động bán hàng được thực hiện, bất kỳ món quà hoặc khoản tiền thưởng nào bạn nhận được cho sự kiện đó đều là khoản thanh toán cho người bán trực tiếp bán hàng. Bạn phải khai báo mặt hàng này dưới dạng thu nhập theo giá trị thị trường hợp lý của nó.

Chi phí ngoài bữa tiệc của bạn phải tuân theo giới hạn 50% cho chi phí ăn uống. Đối với các năm tính thuế từ 2018 và sau đó, không được phép khấu trừ bất kỳ khoản chi phí nào liên quan đến các hoạt động được coi là tiêu khiển, vui chơi hoặc giải trí. Người đóng thuế có thể tiếp tục khấu trừ 50% chi phí bữa ăn kinh doanh nếu người đóng thuế (hoặc nhân viên của người đóng thuế) có mặt và thực phẩm hoặc đồ uống không được coi là xa hoa hoặc hoang phí. Các bữa ăn có thể được phục vụ cho khách hàng doanh nghiệp hiện tại hoặc tiềm năng, khách hàng, nhà tư vấn hoặc người liên hệ kinh doanh tương tự. Thực phẩm và đồ uống được phục vụ trong các sự kiện giải trí sẽ không được coi là mang tính giải trí nếu được mua riêng ngoài sự kiện.

Để tìm hiểu thêm thông tin về giới hạn cho chi phí bữa ăn, tham khảo Ấn phẩm 463, Chi phí đi lại, quà tặng, và xe hơi.

Tiền bảo hiểm nhân thọ

Tiền bảo hiểm nhân thọ được trả cho bạn vì người được bảo hiểm qua đời sẽ không phải chịu thuế trừ khi hợp đồng bảo hiểm được chuyển cho bạn với một mức giá cụ thể. Điều này đúng ngay cả khi tiền thu được thanh toán theo hợp đồng bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe hoặc hợp đồng hỗn hợp. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi được nhận từ tiền bảo hiểm nhân thọ có thể bị đánh thuế.

Tiền được nhận không phải là trả góp. Nếu tiền từ suất được trả cho bạn một lần hoặc khác với định kỳ, chỉ tính vào thu nhập của bạn quyền lợi mà nó nhiều hơn số tiền phải trả tại thời điểm người được bảo hiểm qua đời. Nếu quyền lợi bồi thường từ vong không được nêu rõ, bạn sẽ gộp vào thu nhập của bạn khoản thanh toán quyền lợi nhiều hơn giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tại thời điểm có sự kiện qua đời.

Tiền được nhận là trả góp. Nếu bạn nhận tiền bảo hiểm nhân thọ theo từng đợt, bạn có thể loại trừ một phần của khoản thanh toán theo từng đợt khỏi thu nhập của bạn.

Để xác định phần bị loại trừ, hãy chia số tiền mà công ty bảo hiểm nắm giữ (thường là tổng số tiền phải trả một lần khi người được bảo hiểm qua đời) cho số lần trả góp. Tính bất cứ điều gì trên phần bị loại trừ này vào thu nhập của bạn dưới dạng tiền lãi.

Vợ/chồng còn lại. Nếu người vợ/chồng của bạn qua đời trước ngày 23 tháng 10, 1986 và số tiền bảo hiểm được trả vì cái chết của bạn vợ/chồng của bạn được nhận theo từng đợt, bạn có thể loại trừ tiền lãi lên đến \$1.000 một năm theo từng đợt. Nếu bạn tái hôn, bạn có thể tiếp tục thực hiện trường hợp loại trừ.

Giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt. Nếu bạn giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt, bạn phải tính vào thu nhập bất kỳ khoản tiền nhận được mà nhiều hơn chi phí của hợp đồng bảo

hiểm nhân thọ. Trong hầu hết các trường hợp, chi phí của bạn (hay khoản đầu tư vào hợp đồng) là tổng số phí bảo hiểm mà bạn đã trả theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, trừ đi mọi khoản phí bảo hiểm được hoàn lại, khoản giảm giá, cổ tức hay các khoản cho vay chưa thanh toán không được gộp trong thu nhập của bạn.

Bạn sẽ nhận được Mẫu 1099-R thể hiện tổng số tiền thu được và phần chịu thuế. Khai báo số tiền này trên dòng 5a và 5b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin, xem mục *Tiền bảo hiểm Nhân thọ* trong Ấn phẩm 525.

Tiền thu được từ Hợp đồng Bảo hiểm hỗn hợp

Hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp là một hợp đồng mà theo đó bạn được trả một số tiền cụ thể vào một ngày nhất định trừ khi bạn chết trước ngày đó, trong trường hợp đó, số tiền được trả cho người thụ hưởng được chỉ định của bạn. Tiền từ hợp đồng trên được trả một lần cho bạn khi đáo hạn chỉ bị đánh thuế nếu số tiền thu được nhiều hơn chi phí của hợp đồng. Để xác định chi phí, hãy trừ bất kỳ số tiền nào mà bạn đã nhận trước đó theo hợp đồng và loại trừ thu nhập của bạn khỏi tổng phí bảo hiểm (hoặc trường hợp khác) đã trả cho hợp đồng. Tính vào thu nhập của bạn phần thanh toán một lần nhiều hơn chi phí của bạn.

Quyền lợi Bồi thường tử vong trả trước

Một số khoản tiền nhất định được thanh toán như quyền lợi bồi thường tử vong trả trước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ hoặc dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ trước khi người được bảo hiểm qua đời sẽ bị loại trừ khỏi thu nhập nếu người được bảo hiểm bị bệnh giai đoạn cuối hoặc bệnh mãn tính.

Dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ. Đây là việc mua bán hoặc chuyển nhượng bất kỳ phần nào của quyền lợi bồi thường tử vong theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho bên có dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ. Bên có dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ thường xuyên tham gia vào hoạt động kinh doanh mua bán hoặc nhận chuyển nhượng các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho những cá nhân được bảo hiểm bị bệnh giai đoạn cuối hoặc bệnh mãn tính và đáp ứng các yêu cầu của mục 101 (g) (2) (B) của Luật Thuế Vụ.

Loại trừ đối với bệnh giai đoạn cuối. Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước hoàn toàn có thể được loại trừ nếu người được bảo hiểm là người bệnh giai đoạn cuối. Đây là người đã được bác sĩ chứng nhận là mắc bệnh hoặc có tình trạng thể chất có thể dẫn đến tử vong một cách hợp lý trong vòng 24 tháng kể từ ngày được xác nhận.

Loại trừ đối với bệnh mãn tính. Nếu người được bảo hiểm là cá nhân bị bệnh mãn tính không phải giai đoạn cuối, có thể loại trừ hoàn toàn quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được trả trên cơ sở chi phí phát sinh cho các dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ điều kiện. Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được trả mỗi lần hoặc chu kỳ khác được loại trừ đến một giới hạn. Đối với năm 2024, hạn mức là \$410. Quy định áp dụng cho tổng quyền lợi bồi thường tử vong trả trước và bất kỳ khoản thanh toán theo kỳ nào nhận được từ các hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn. Để tìm hiểu thông tin về hạn mức và định nghĩa

của cá nhân bị bệnh mãn tính, dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ điều kiện và hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn, tham khảo *Long-Term Care Insurance Contracts (Hợp đồng Bảo hiểm chăm sóc dài hạn)* trong mục *Sickness and Injury Benefits (Quyền lợi Ốm đau và thương tật)* trong Ấn phẩm 525.

Ngoại lệ. Loại trừ không áp dụng cho bất kỳ số tiền nào trả cho một người (không phải người được bảo hiểm) có quyền lợi được bảo hiểm trong cuộc đời của người được bảo hiểm vì người được bảo hiểm:

- Là giám đốc, lãnh đạo cấp cao hoặc nhân viên của người đó; hoặc
- Có lợi ích tài chính trong hoạt động kinh doanh của người đó.

Mẫu 8853. Để yêu cầu loại trừ quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được thực hiện mỗi lần hoặc theo chu kỳ khác, bạn phải nộp Mẫu 8853, Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA và Hợp đồng Bảo hiểm Chăm sóc Dài hạn, kèm theo tờ khai thuế i của bạn. Bạn không cần phải nộp Mẫu 8853 để loại trừ quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được trả trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

Nhân viên An ninh Công cộng tử vong hoặc bị thương trong nhiệm vụ

Vợ/chồng, vợ/chồng cũ và con của một nhân viên an ninh công cộng bị giết trong khi thi hành công vụ có thể loại bỏ tra khỏi tổng thu nhập khoản quyền lợi cho người còn sống được nhận từ chương trình mục 401 (a) của chính quyền trí ân cho sự phục vụ của nhân viên. Xem phần 101(h).

Một nhân viên an ninh công cộng bị tàn tật vĩnh viễn và toàn bộ hay chết trong quá trình thi hành công vụ và vợ/chồng hay con còn sống có thể loại khỏi thu nhập khoản tiền từ suất hay quyền lợi cho người khuyết tật được nhận từ Cục Hỗ trợ Tư pháp liên bang hoặc tiền từ suất do chương trình của tiểu bang trả. Xem phần 104(a)(6).

Vi mục đích này, thuật ngữ “nhân viên an ninh công cộng” bao gồm các nhân viên thi hành pháp luật, lính cứu hỏa, tuyên úy và đội cứu hộ và thành viên đội cứu thương. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 559, Người Còn Sống, Người Thi Hành và Người Quản Lý.

Thu nhập từ Công ty Hợp danh

Công ty Hợp danh thường không phải là thực thể chịu thuế. Thu nhập, lãi, lỗ, khấu trừ và tín thuế của công ty hợp danh được chuyển cho các thành viên dựa trên tỷ lệ phân phối của mỗi thành viên trong các khoản này.

Bảng K-1 (Mẫu 1065). Mặc dù công ty hợp danh thường không trả thuế, nhưng phải nộp tờ khai thông tin trên Mẫu 1065, Tờ khai của Hoa Kỳ cho thu nhập từ Công ty Hợp danh và gửi Bảng K-1 (Mẫu 1065) cho từng thành viên. Ngoài ra, hợp danh sẽ gửi cho mỗi thành viên một bản sao của Hướng dẫn cho Thành viên trên Bảng K-1 (Mẫu 1065) để giúp thành viên khai báo phần thu nhập, khấu trừ, tín thuế và các khoản ưu đãi thuế của thành viên.



Giữ Bảng K-1 (Mẫu 1065). Đừng đính kèm vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của bạn, trừ khi bạn được yêu cầu một cách cụ thể.

Để biết thêm thông tin về hình thức hợp tác kinh doanh, tham khảo Ấn phẩm 541, Hợp Danh.

Liên doanh đủ điều kiện. Nếu bạn và vợ/chồng của bạn đều tham gia với tư cách là thành viên duy nhất của một doanh nghiệp đồng sở hữu và điều hành, và bạn khai thuế chung cho năm tính thuế, bạn có thể thực hiện lựa chọn chung một lần để được coi là một liên doanh đủ điều kiện thấy vì hợp danh. Để thực hiện điều này, bạn phải phân chia tất cả các khoản thu nhập, lãi, lỗ, khoản khấu trừ và tín thuế cho công việc kinh doanh giữa bạn và vợ/chồng của bạn sao cho phù hợp với lợi ích tương ứng của bạn trong liên doanh. Để biết thêm thông tin về cách thực hiện lựa chọn và (các) bản liệt kê để nộp, hãy tham khảo hướng dẫn cho tờ khai thuế cá nhân của bạn.

Thu nhập từ Công ty S

Trong hầu hết các trường hợp, công ty S không trả thuế trên thu nhập của mình. Thay vào đó, thu nhập, khoản lỗ, khoản khấu trừ và tín thuế của công ty được chuyển cho các cổ đông dựa trên tỷ lệ cổ phần của mỗi cổ đông.

Bảng K-1 (Mẫu 1120-S). Công ty S phải nộp tờ khai thuế trên Mẫu 1120-S, Tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho Công ty S và gửi Bảng K-1 (Mẫu 1120-S) cho từng cổ đông. Ngoài ra, công ty S sẽ gửi cho mỗi cổ đông bản sao Hướng dẫn dành cho Cổ đông trên Bảng K-1 (Mẫu 1120-S) để giúp mỗi cổ đông khai báo phần thu nhập, thua lỗ, tín dụng, và các khoản khấu trừ của họ.



Giữ Bảng K-1 (Mẫu 1120-S). Đừng đính kèm vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của bạn, trừ khi bạn được yêu cầu một cách cụ thể.

Để biết thêm thông tin về công ty S và các cổ đông, tham khảo Hướng dẫn cho Mẫu 1120-S.

Phục hồi

Phục hồi là việc trả lại số tiền mà bạn được khấu trừ hoặc ghi tín thuế trong một năm trước đó. Các khoản thu hồi phổ biến nhất là tiền hoàn thuế, hoàn trả, và tiền hoàn lại của khoản khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040). Bạn cũng có thể có phục hồi từ khoản khấu trừ không theo từng khoản (ví dụ khoản thanh toán cho khoản nợ khó đòi đã khấu trừ trước đó) và phục hồi các khoản mà bạn đã yêu cầu tín thuế trước đó.

Quy tắc lợi ích thuế. Bạn phải bao gồm khoản phục hồi vào thu nhập trong năm bạn nhận được tiền đến số tiền được khấu trừ hoặc ghi tín thuế cho số tiền được thu hồi đã giảm thuế của bạn trong năm trước đó. Vì mục đích này, bất kỳ khoản gia tăng nào đối với số tiền được chuyển sang năm hiện tại do khấu trừ hoặc ghi tín thuế đều được coi là đã được giảm thuế của bạn trong năm trước đó. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 525.

Hoàn thuế thu nhập liên bang. Khoản hoàn thuế thu nhập liên bang không bao gồm trong thu nhập của bạn vì chúng không bao giờ được phép khấu trừ từ thu nhập.

Hoàn thuế tiểu bang. Nếu bạn nhận được khoản hoàn thuế thu nhập của tiểu bang hoặc địa phương (hay tín thuế hay khoản bù trừ) vào năm 2024, bạn thường phải bao gồm khoản đó vào thu nhập nếu bạn đã khấu trừ thuế trong năm trước đó. Bên thanh toán phải gửi Mẫu 1099-G cho bạn trước ngày 31 tháng 1, 2025. IRS cũng sẽ nhận được một bản sao của Mẫu 1099-G. Nếu bạn nộp Mẫu 1040 hoặc

1040-SR, sử dụng Bảng tính Hoàn thuế thu nhập của Tiểu bang và Địa phương trong Hướng dẫn năm 2024 của Bảng 1 (Mẫu 1040) để tính số tiền (nếu có) cần bao gồm vào thu nhập của bạn. Xem Ấn phẩm 525 để tìm hiểu trong trường hợp nào bạn phải sử dụng mẫu bảng tính khác.

Nếu bạn có thể chọn khấu trừ cho một năm thuế:

- Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, hoặc
- Thuế bán hàng chung của tiểu bang và địa phương, thì

số tiền hoàn thuế tối đa mà bạn có thể phải gộp vào thu nhập được giới hạn để vượt quá số thuế bạn đã chọn khấu trừ cho năm đó so với số thuế bạn không chọn khấu trừ cho năm đó. Để xem ví dụ, tham khảo Ấn phẩm 525.

Hoàn thuế từ lãi vay thế chấp. Nếu bạn đã nhận được khoản hoàn thuế hay tín thuế vào năm 2024 của lãi của khoản vay thế chấp đã trả trong một năm trước đó, số tiền sẽ được hiển thị trong ô 4 của Mẫu 1098, Báo cáo Lãi vay thế chấp. Không trừ số tiền hoàn thuế vào tiền lãi bạn đã trả trong năm 2024. Bạn có thể phải gộp nó vào thu nhập theo các quy tắc được giải thích trong các cuộc thảo luận sau đây.

Lãi từ khoản phục hồi. Tiền lãi đối với bất kỳ số tiền nào bạn phục hồi phải được khai báo là thu nhập từ tiền lãi trong năm nhận được. Ví dụ, khai báo bất kỳ khoản lãi nào bạn đã nhận trên khoản hoàn thuế thu nhập của tiểu bang hoặc địa phương trên Mẫu 1040, 1040-SR, hoặc 1040-NR dòng 2b.

Phục hồi và chi phí trong cùng một năm. Nếu khoản hoàn thuế hay khoản phục hồi khác và chi phí phát sinh trong cùng một năm, khoản phục hồi đó sẽ làm giảm khoản khấu trừ hoặc tín thuế và không được coi là thu nhập.

Phục hồi cho 2 năm hoặc nhiều hơn. Nếu bạn nhận được tiền hoàn thuế hoặc phục hồi khác cho số tiền đã trả trong 2 năm riêng biệt trở lên, bạn phải phân phối, theo tỷ lệ, số tiền phục hồi giữa các năm bạn đã trả. Sự phân phối này cần thiết để xác định số tiền phục hồi từ bất kỳ năm nào trước đó và xác định khoản khấu trừ được phép của bạn cho mục này cho năm hiện tại, nếu có. Để tìm hiểu thông tin về cách tính phân bổ, tham khảo mục *Recoveries (Phục hồi)* trong Ấn phẩm 525.

Phục hồi Khấu trừ từng khoản

Nếu bạn phục hồi bất kỳ số tiền nào đã được khấu trừ trong một năm trước đó trên Bảng A (Mẫu 1040), bạn phải gộp toàn bộ số tiền phục hồi vào thu nhập trong năm bạn nhận nó.

Nơi khai báo. Nhập tiền hoàn thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương của bạn trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 1 và tổng tất cả các khoản phục hồi khác dưới dạng thu nhập khác trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z.

Hạn mức khấu trừ tiêu chuẩn. Bạn được phép yêu cầu mức khấu trừ tiêu chuẩn nếu bạn không khấu trừ từng khoản. Chỉ các khoản khấu trừ từng khoản nhiều hơn mức khấu trừ tiêu chuẩn của bạn mới thực hiện theo quy tắc thu hồi (trừ khi bạn được yêu cầu phải liệt kê chi tiết khoản khấu trừ của bạn). Nếu tổng khoản khấu trừ của bạn trên tờ khai thuế của năm trước không nhiều hơn thu nhập của bạn trong năm đó, hãy tính vào thu nhập của bạn trong năm nay phần nhỏ hơn:

- Khoản phục hồi của bạn, hoặc

- Số tiền mà khoản khấu trừ từng khoản của bạn đã vượt quá mức khấu trừ tiêu chuẩn.

Ví dụ. Vào năm 2023, bạn đã nộp tờ khai thuế chung. Thu nhập chịu thuế của bạn là \$60.000 và bạn không được hưởng bất kỳ khoản tín thuế nào. Mức khấu trừ tiêu chuẩn của bạn là \$27.700 và bạn đã khấu trừ từng khoản là \$29.200. Vào năm 2024, bạn đã nhận được các khoản thu hồi sau đây cho số tiền đã khấu trừ trên tờ khai thuế năm 2023 của bạn.

Chi phí y tế	\$200
Hoàn thuế thu nhập tiểu bang và địa phương	400
Hoàn thuế của lãi vay thế chấp	325
Tổng số phục hồi	<u>\$925</u>

Không có khoản thu hồi nào nhiều hơn khoản khấu trừ được thực hiện cho năm 2023. Chênh lệch giữa thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương mà bạn được khấu trừ và thuế tiêu thụ tổng quát tại địa phương của bạn là hơn \$400.

Tổng số tiền thu hồi của bạn nhỏ hơn số tiền mà khoản khấu trừ từng khoản của bạn đã vượt quá mức khấu trừ tiêu chuẩn (\$29.200 – \$27.700 = \$1.500), vì vậy bạn phải gộp tổng số tiền thu hồi vào thu nhập của bạn cho năm 2024. Khai báo hoàn thuế thu nhập tiểu bang và địa phương \$400 trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 1, và số dư các khoản thu hồi của bạn, \$525, trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z.

Mức khấu trừ tiêu chuẩn cho những năm trước.

Để xác định xem số tiền hoàn trả trong năm hiện tại có phải được tính trong thu nhập của bạn hay không, bạn phải biết mức khấu trừ tiêu chuẩn cho tình trạng Khai thuế của bạn cho năm khoản khấu trừ được yêu cầu. Xem hướng dẫn cho tờ khai thuế của bạn từ những năm trước để tìm mức khấu trừ tiêu chuẩn cho tư cách khai thuế trong năm trước đó. Nếu bạn đã nộp Mẫu 1040-NR, bạn không thể yêu cầu khoản khấu trừ tiêu chuẩn ngoại trừ một số người nước ngoài tạm trú từ Ấn Độ (xem Ấn phẩm 519)

Ví dụ. Bạn đã khai thuế chung trên Mẫu 1040 cho năm 2023 với thu nhập chịu thuế là \$45.000. Khoản khấu trừ từng khoản của bạn là \$27.950. Mức khấu trừ tiêu chuẩn mà bạn có thể đã yêu cầu là \$27.700. Vào năm 2024, bạn đã phục hồi được \$2.100 từ các khoản khấu trừ từng khoản trong năm 2023 của bạn. Không có khoản phục hồi nào nhiều hơn khoản khấu trừ thực tế cho năm 2023. Bao gồm \$250 tiền phục hồi vào thu nhập năm 2024 của bạn. Đây là số tiền nhỏ hơn giữa số tiền phục hồi của bạn (\$2.100) hoặc số tiền mà khoản khấu trừ từng khoản của bạn nhiều hơn mức khấu trừ tiêu chuẩn (\$27.950 - \$27.700 = \$250).

Khoản phục hồi giới hạn ở mức khấu trừ. Bạn không tính vào thu nhập của bạn bất kỳ khoản phục hồi nào nhiều hơn số tiền bạn được khấu trừ trong năm trước đó. Số tiền bạn tính trong thu nhập của bạn được giới hạn ở mức nhỏ hơn của:

- Số tiền được khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040), hoặc
- Số tiền phục hồi được.

Ví dụ. Trong suốt năm 2023, bạn đã thanh toán \$1.700 cho chi phí y tế. Trong số tiền này, bạn đã khấu trừ \$200 trên Bảng A năm 2023 (Mẫu 1040). Vào năm 2024, bạn đã nhận được khoản hoàn trả \$500 từ bảo hiểm y tế cho các chi phí năm 2023 của bạn. Số tiền hoàn trả \$500 duy nhất phải được tính trong thu nhập của bạn cho năm 2024 là \$200- số tiền thực sự được khấu trừ.

Khoản phục hồi khác. Xem *Recoveries (Phục hồi)* trong Ấn phẩm 525 nếu:

- Bạn có khoản phục hồi từ các mục khác với các khoản khấu trừ từng khoản hoặc
- Bạn đã nhận được khoản phục hồi cho mục mà bạn đã yêu cầu tín thuế (trừ tín thuế đầu tư hoặc tín thuế nước ngoài) trong năm trước.

Tiền cho thuê tài sản cá nhân

Nếu bạn cho thuê tài sản cá nhân, ví dụ như thiết bị hoặc xe cộ, cách bạn khai báo thu nhập và chi phí của bạn trong hầu hết các trường hợp được xác định bởi:

- Hoạt động cho thuê có phải là hoạt động kinh doanh hay không, và
- Hoạt động cho thuê có được thực hiện để thu lợi nhuận hay không.

Trong hầu hết các trường hợp, nếu mục đích chính của bạn là thu nhập hoặc lợi nhuận và bạn liên quan đến hoạt động cho thuê với tính liên tục và thường xuyên thì hoạt động cho thuê của bạn là một hoạt động kinh doanh.

Khai báo thu nhập và chi phí kinh doanh. Nếu bạn đang kinh doanh cho thuê tài sản cá nhân, hãy khai báo thu nhập và chi phí của bạn trên Bảng C (Mẫu 1040). Hướng dẫn mẫu có thông tin về cách hoàn thành chúng.

Khai báo thu nhập phi kinh doanh. Nếu bạn không kinh doanh cho thuê tài sản cá nhân, khai báo thu nhập cho thuê của bạn trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 81.

Khai báo chi phí phi kinh doanh. Nếu bạn cho thuê tài sản cá nhân vì lợi nhuận, bao gồm chi phí thuê của bạn trong tổng số tiền bạn nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 24b và tham khảo hướng dẫn ở đó.

Nếu bạn không cho thuê tài sản cá nhân vì lợi nhuận, khoản khấu trừ của bạn bị giới hạn và bạn không thể khai báo khoản lỗ để bù trừ thu nhập khác. Xem [Hoạt động không vì lợi nhuận](#) trong mục *Thu nhập khác* ở phần sau.

Hoàn trả

Nếu bạn phải hoàn trả một số tiền mà bạn đã góp trong thu nhập trong một năm trước đó, bạn có thể khấu trừ số tiền đã được hoàn trả khỏi thu nhập cho năm mà bạn đã hoàn trả. Hay, nếu số tiền bạn hoàn trả nhiều hơn \$3.000, bạn có thể được khấu trừ thuế cho năm mà bạn đã hoàn trả. Nói chung, bạn chỉ có thể yêu cầu khấu trừ hoặc cùng một hình thức hoặc bản khai mà trước đây bạn đã khai báo là thu nhập. Ví dụ, nếu bạn đã khai báo đó là thu nhập tự doanh, hãy khấu trừ nó như một chi phí kinh doanh trên Bảng C (Mẫu 1040) hoặc Bảng F (Mẫu 1040). Nếu bạn đã khai báo đó là lãi vốn, hãy khấu trừ đó như là khoản lỗ vốn được giải thích trong Hướng dẫn cho Bảng D (Mẫu 1040). Nếu bạn đã khai báo nó dưới dạng tiền lương, tiền trợ cấp thất nghiệp hoặc thu

Loại khấu trừ. Loại khấu trừ bạn được phép sử dụng trong năm hoàn trả phụ thuộc vào loại thu nhập bạn đã tính trong năm trước đó. Bạn thường khấu trừ khoản hoàn trả theo cùng một hình thức hoặc bản khai mà trước đây bạn đã khai báo là thu nhập. Ví dụ, nếu bạn đã khai báo đó là thu nhập tự doanh, hãy khấu trừ nó như một chi phí kinh doanh trên Bảng C (Mẫu 1040) hoặc Bảng F (Mẫu 1040). Nếu bạn đã khai báo đó là lãi vốn, hãy khấu trừ đó như là khoản lỗ vốn được giải thích trong Hướng dẫn cho Bảng D (Mẫu 1040). Nếu bạn đã khai báo nó dưới dạng tiền lương, tiền trợ cấp thất nghiệp hoặc thu

nhập phi kinh doanh khác, bạn có thể khấu trừ nó như một khoản khấu trừ từng khoản khác nếu số tiền hoàn trả trên \$3.000.



Bắt đầu từ năm 2018, bạn không còn có thể yêu cầu bất kỳ khoản khấu trừ từng khoản linh tinh nào nữa, vì vậy nếu số tiền được hoàn trả từ \$3.000 trở xuống, bạn sẽ không thể khấu trừ số tiền đó vào thu nhập trong năm bạn hoàn trả.

Phúc lợi an sinh xã hội được hoàn trả. Nếu bạn hoàn trả phúc lợi an sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt tương đương, tham khảo mục [Hoàn trả quyền lợi](#) ở chương 7.

Hoàn trả từ \$3.000 trở xuống. Nếu số tiền bạn hoàn trả từ \$3.000 trở xuống, hãy khấu trừ số tiền đó vào thu nhập của bạn trong năm bạn hoàn trả.

Hoàn trả trên \$3.000. Nếu bạn hoàn trả trên \$3.000, bạn có thể khấu trừ tiền hoàn trả như một khoản khấu trừ từng khoản khác trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16, nếu bạn bao gồm thu nhập theo quyền yêu cầu. Điều này có nghĩa là tại thời điểm bạn tính thu nhập, có vẻ như bạn có quyền không hạn chế đối với thu nhập đó. Tuy nhiên, bạn có thể chọn lấy tín thuế trong năm hoàn trả. Tín thuế của bạn theo cả hai phương pháp và so sánh kết quả. Sử dụng phương pháp (khấu trừ hoặc ghi tín thuế) phải trả ít thuế hơn.



Khí xác định xem số tiền bạn đã hoàn trả nhiều hơn hoặc ít hơn \$3.000, hãy xem xét tổng số tiền được trả khi hoàn trả. Mỗi trường hợp hoàn trả không được xem xét riêng biệt.

Phương pháp 1. Tính thuế của bạn cho năm 2024 yêu cầu khấu trừ cho số tiền đã hoàn trả. Nếu bạn khấu trừ nó như một khoản khấu trừ từng khoản khác, hãy nhập nó vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16.

Phương pháp 2. Xác định thuế của bạn cho năm 2024 yêu cầu tín dụng cho số tiền đã hoàn trả. Thực hiện theo các bước sau.

- Tính thuế của bạn cho năm 2024 mà không khấu trừ số tiền đã trả.
- Xác định thuế của bạn từ năm trước mà không tính vào thu nhập số tiền bạn đã hoàn trả vào năm 2024.
- Trừ khoản thuế (2) vào tiền thuế ghi trên tờ khai của bạn cho năm trước. Đây chính là khoản tín thuế.
- Trừ kết quả ở (3) khỏi thuế cho năm 2024 được tính mà không có khấu trừ (bước 1).

Nếu phương pháp 1 dẫn đến việc trả ít thuế hơn, hãy khấu trừ số tiền đã hoàn trả. Nếu phương pháp 2 dẫn đến trả ít thuế hơn, hãy yêu cầu khoản tín dụng được nêu trong (3) ở trên Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 13b, bằng cách cộng số tiền tín thuế vào bất kỳ khoản tín thuế nào khác trên dòng này và tham khảo hướng dẫn ở đó.

Có thể tìm ví dụ về tính toán này trong Ấn phẩm 525.

Hoàn trả tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare. Nếu bạn đã phải trả lại một số tiền mà bạn đã góp trong tiền lương hoặc tiền trợ cấp của bạn trong một năm trước đó mà các khoản thuế an sinh xã hội, Medicare hoặc RRTA bậc 1 đã được trả, hãy yêu cầu chủ lao động hoàn lại số tiền vượt quá cho bạn. Nếu chủ lao động từ chối hoàn lại thuế, hãy yêu cầu một bản kê khai cho biết số tiền thu thừa để hỗ trợ cho yêu cầu của bạn. Nộp đơn yêu cầu hoàn

trả bằng cách sử dụng Mẫu 843, Yêu cầu Hoàn trả và Đề nghị bãi bỏ.

Hoàn trả tiền lương chịu Thuế Medicare Bổ sung. Chủ lao động không thể thực hiện điều chỉnh hoặc nộp đơn yêu cầu hoàn lại khấu lưu Thuế Medicare Bổ sung khi có khoản hoàn trả tiền lương mà nhân viên đã nhận trong năm trước vì nhân viên xác định trách nhiệm đối với Thuế Medicare Bổ sung trên tờ khai thuế thu nhập của nhân viên đối với năm trước. Nếu bạn phải hoàn trả một số tiền mà bạn đã tính trong tiền lương hoặc tiền trợ cấp của bạn trong một năm trước đó, và trên đó Thuế Medicare Bổ sung đã được trả, bạn có thể lấy lại Thuế Medicare Bổ sung đã trả trên số tiền đó. Để thu hồi Thuế Medicare Bổ sung đối với tiền lương hoặc tiền trợ cấp đã hoàn trả, bạn phải nộp Mẫu 1040-X cho năm trước mà tiền lương hoặc tiền trợ cấp được nhận. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040-X.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền từ bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản dầu, khí đốt và khoáng sản bị đánh thuế như thu nhập thông thường.

Trong hầu hết các trường hợp, bạn khai báo tiền bản quyền trong Phần I của Bảng E (Mẫu 1040). Tuy nhiên, nếu bạn nắm giữ lợi nhuận kinh doanh dầu, khí đốt hoặc khoáng sản hoặc đang kinh doanh với tư cách là nhà văn, nhà phát minh, nghệ sĩ tự làm chủ, v.v..., hãy khai báo thu nhập và chi phí của bạn trên Bảng C (Mẫu 1040).

Bản quyền và bằng sáng chế. Tiền bản quyền từ bản quyền đối với các tác phẩm văn học, âm nhạc hoặc nghệ thuật và tài sản tương tự, hoặc từ các bằng sáng chế về phát minh, là số tiền trả cho bạn để có quyền sử dụng tác phẩm của bạn trong một khoảng thời gian nhất định. Tiền bản quyền nói chung dựa trên số lượng đơn vị đã bán, ví dụ như số lượng sách, vé xem buổi biểu diễn hoặc máy móc được bán.

Tên, Hình ảnh, Chân dung (NIL). NIL là thuật ngữ mô tả phương tiện mà các vận động viên sinh viên được phép nhận được khoản bồi thường tài chính. NIL đề cập đến việc sử dụng tên, hình ảnh hoặc chân dung của một vận động viên sinh viên cho mục đích thương mại thông qua các nỗ lực tiếp thị và quảng cáo. Điều này có thể bao gồm những thứ như ký tặng, quảng bá sản phẩm, thỏa thuận cấp phép và bán hàng, tham gia vào các chiến dịch quảng cáo, bài đăng trên phương tiện truyền thông xã hội, trại giảng dạy hoặc bài học, v.v.

Dầu mỏ, khí đốt và khoáng sản. Thu nhập bản quyền từ tài sản dầu, khí đốt và khoáng sản là số tiền bạn nhận được khi tài nguyên thiên nhiên được khai thác từ tài sản của bạn. Tiền bản quyền dựa trên đơn vị, chẳng hạn như thùng, tấn, v.v, và được trả cho bạn bởi một người hay công ty thuê tài sản từ bạn.

Hao hụt. Nếu bạn là chủ của quyền lợi kinh tế đối với các mỏ khoáng sản hay giếng dầu và khí đốt, bạn có thể thu hồi khoản đầu tư thông qua khoản trợ cấp hao hụt.

Than và quặng sắt. Trong một số trường hợp nhất định, bạn có thể coi số tiền bạn nhận được từ việc xử lý than và quặng sắt là khoản thanh toán từ việc bán tài sản vốn chứ không phải là thu nhập bản quyền. Để biết thêm thông tin về lãi hoặc lỗ từ tiêu thụ than và quặng sắt, tham khảo chương 2 của Ấn phẩm 544.

Bán quyền lợi của tài sản. Nếu bạn bán toàn bộ quyền lợi của bạn đối với dầu, khí đốt hoặc quyền khoáng sản, số tiền bạn nhận được coi là khoản thanh toán cho việc bán tài sản được sử dụng trong thương mại hoặc kinh doanh theo mục 1231, không phải thu nhập từ bán quyền. Trong một số trường hợp nhất định, việc bán hàng phải được xử lý lãi hoặc lỗ vốn như được giải thích trong Hướng dẫn cho Bảng D (Mẫu 1040). Để biết thêm thông tin về việc bán tài sản đoạn 1231, tham khảo chương 3 của Ấn phẩm 544.

Nếu bạn giữ lại tiền bán quyền, tiền bán quyền ghi nợ hoặc tiền lãi ròng từ tài sản khoáng sản trong suốt thời gian tồn tại của tài sản đó, bạn đã thực hiện một hợp đồng thuê hoặc cho thuê lại và bất kỳ khoản tiền mặt nào bạn nhận được để chuyển nhượng các quyền lợi khác trong tài sản đó là thu nhập bình thường có trợ cấp hao hụt.

Phần sản xuất trong tương lai đã bán. Nếu bạn sở hữu tài sản khoáng sản nhưng bán một phần sản xuất trong tương lai, trong hầu hết các trường hợp, bạn coi số tiền bạn nhận được từ người mua tại thời điểm bán như một khoản vay từ người mua. Đừng đưa nó vào thu nhập của bạn hoặc tính sự hao hụt dựa trên nó.

Khi sản xuất bắt đầu, bạn tính tất cả số tiền thu được vào thu nhập của bạn, khấu trừ tất cả các chi phí sản xuất và khấu trừ phần hao hụt từ số tiền đó để tính thu nhập chịu thuế từ tài sản.

Quyền lợi thất nghiệp

Việc xử lý thuế đối với quyền lợi thất nghiệp mà bạn nhận được tùy thuộc vào loại chương trình chi trả trợ cấp.

Bồi thường thất nghiệp. Bạn phải tính vào thu nhập tất cả các khoản bồi thường thất nghiệp mà bạn nhận được. Bạn sẽ nhận được Mẫu 1099-G thể hiện trong ô 1 tổng số tiền bồi thường thất nghiệp đã trả cho bạn. Trong hầu hết các trường hợp, bạn nhập khoản bồi thường thất nghiệp trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 7.

 Nếu bạn đã nhận được bồi thường thất nghiệp nhưng chưa nhận được Mẫu 1099-G qua thư, có thể bạn cần truy cập thông tin của mình qua trang web của tiểu bang để nhận Mẫu 1099-G điện tử.

Các loại bồi thường thất nghiệp. Tiền bồi thường thất nghiệp thường bao gồm bất kỳ số tiền nhận được theo luật bồi thường thất nghiệp của Hoa Kỳ hoặc của một tiểu bang. Bồi thường thất nghiệp bao gồm các khoản bồi thường dưới đây.

- Quyền lợi được trả bởi một tiểu bang hoặc Đặc khu Columbia từ Quỹ tín thác thất nghiệp Liên bang.
- Trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp tiểu bang.
- Quyền lợi trợ cấp thất nghiệp đường sắt.
- Các khoản trợ cấp khuyết tật từ một chương trình của chính quyền được trả thay thế cho trợ cấp thất nghiệp. (Số tiền nhận được dưới dạng trợ cấp khuyết tật hoặc bệnh tật cho nhân viên không phải là trợ cấp thất nghiệp. Xem [chương 5](#) để tìm hiểu thêm thông tin.)
- Trợ cấp điều chỉnh thương mại theo Đạo luật Thương mại năm 1974.
- Khoản hỗ trợ thất nghiệp theo Đạo luật Cứu trợ thiên tai và Hỗ trợ khẩn cấp.
- Hỗ trợ thất nghiệp theo Chương trình Đạo luật Bãi bỏ quy định hàng không năm 1978.

Chương trình của chính phủ. Nếu bạn đóng góp vào chương trình trợ cấp thất nghiệp của chính phủ và khoản đóng góp của bạn không được khấu trừ, số tiền bạn nhận được theo chương trình sẽ không được tính vào trợ cấp thất nghiệp cho đến khi bạn khôi phục được khoản đóng góp của mình. Nếu bạn khấu trừ tất cả các khoản đóng góp cho chương trình, toàn bộ số tiền bạn nhận được theo chương trình sẽ được tính vào thu nhập của bạn.

Hoàn trả bồi thường thất nghiệp. Nếu bạn đã hoàn trả trợ cấp thất nghiệp năm 2024 mà bạn đã nhận vào năm 2024, hãy trừ số tiền bạn đã hoàn trả khỏi tổng số tiền bạn nhận được và nhập phần chênh lệch vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 7. Trên dòng chấm bên cạnh mục bạn phải nhập, hãy nhập "Repaid (Đã hoàn trả)" và số tiền bạn đã hoàn trả. Nếu bạn đã hoàn trả trợ cấp thất nghiệp vào năm 2024 mà bạn đã tính vào thu nhập của một năm trước đó, bạn có thể khấu trừ số tiền được hoàn trả trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16, nếu bạn chia từng khoản khấu trừ và số tiền là hơn \$3.000. Xem mục [Hoàn trả](#), ở phần trên.

Khấu lưu thuế. Bạn có thể chọn khấu lưu thuế thu nhập liên bang từ trợ cấp thất nghiệp của mình. Để đưa ra lựa chọn này, hãy hoàn thành Mẫu W-4V, Yêu Cầu Khấu Lưu Tự Nguyện, và gửi tới văn phòng chi trả. Thuế sẽ được khấu lưu ở mức 10% khoản thanh toán của bạn.

 Nếu bạn không chọn khấu lưu thuế từ trợ cấp thất nghiệp, bạn có thể phải chịu thuế ước tính. Nếu bạn không trả đủ thuế, thông qua khấu lưu hoặc thuế ước tính, hoặc kết hợp cả hai, bạn có thể phải trả tiền phạt. Để biết thêm thông tin về thuế ước tính, hãy tham khảo [chương 4](#).

Quyền lợi thất nghiệp bổ sung. Quyền lợi nhận được từ quỹ do chủ lao động chi trả (mà nhân viên không đóng góp) không phải là khoản bồi thường thất nghiệp. Khoản này phải chịu thuế như tiền lương. Để biết thêm thông tin, xem *Supplemental Unemployment Compensation Benefits (Quyền lợi Bồi thường thất nghiệp bổ sung)* trong phần 5 của Ấn phẩm 15-A, Hướng dẫn bổ sung cho thuế của Chủ lao động. Khai báo khoản thanh toán trên dòng 1a của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Hoàn trả quyền lợi. Bạn có thể phải hoàn trả một số quyền lợi thất nghiệp bổ sung để đủ điều kiện nhận các khoản trợ cấp điều chỉnh thương mại theo Đạo luật Thương mại năm 1974. Nếu bạn hoàn trả các quyền lợi thất nghiệp bổ sung trong cùng năm bạn nhận chúng, hãy giảm tổng số tiền trợ cấp sao cho bằng số tiền bạn hoàn trả. Nếu bạn hoàn trả các khoản trợ cấp trong một năm sau đó, bạn phải tính toàn bộ số tiền trợ cấp nhận được vào thu nhập cho năm bạn đã nhận chúng.

Khấu trừ tiền hoàn trả vào năm sau như một sự điều chỉnh cho tổng thu nhập trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Khai báo tiền hoàn trả vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 24e, và tham khảo hướng dẫn ở đó. Nếu số tiền bạn hoàn trả trong năm sau nhiều hơn \$3.000, bạn có thể được khấu trừ thuế vào năm sau đó thay vì khấu trừ số tiền đã hoàn trả. Để biết thêm thông tin về nội dung này, tham khảo mục [Hoàn trả](#), ở phần trên.

Quỹ thất nghiệp tư nhân. Các khoản thanh toán quyền lợi thất nghiệp từ quỹ tư nhân (phi công đoàn) mà bạn tự nguyện đóng góp chỉ bị đánh thuế nếu số tiền bạn nhận được nhiều hơn tổng số tiền bạn phải trả vào quỹ. Khai báo số tiền chịu thuế trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z.

Thanh toán bởi công đoàn. Quyền lợi được trả cho bạn như một thành viên thất nghiệp của một công đoàn từ chi phí công đoàn thông thường được tính vào thu nhập của bạn trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z. Tuy nhiên, nếu bạn đóng góp vào quỹ công đoàn đặc biệt và các khoản thanh toán của bạn cho quỹ không được khấu trừ, quyền lợi thất nghiệp bạn nhận được từ quỹ chỉ được tính vào thu nhập của bạn trong phạm vi nhiều hơn khoản đóng góp của bạn.

Lương hàng năm được đảm bảo. Các khoản thanh toán bạn nhận được từ chủ lao động trong thời gian thất nghiệp, theo một thỏa thuận công đoàn đảm bảo bạn được trả đủ lương trong năm, sẽ bị đánh thuế dưới dạng tiền lương. Tính chúng trên dòng 1a của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Nhân viên của tiểu bang. Các khoản thanh toán tương tự như khoản trợ cấp thất nghiệp của tiểu bang có thể được tiểu bang thực hiện cho những nhân viên của mình, những người không thuộc phạm vi điều chỉnh của luật trợ cấp thất nghiệp của tiểu bang. Mặc dù các khoản thanh toán phải chịu thuế đầy đủ, không khai báo số tiền này là trợ cấp thất nghiệp. Khai báo khoản thanh toán này trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z.

Phúc lợi xã hội và Quyền lợi hỗ trợ công cộng khác

Không bao gồm vào thu nhập của bạn các khoản thanh toán phúc lợi công cộng từ quỹ phúc lợi công cộng dựa trên nhu cầu, ví dụ như các khoản thanh toán cho người mù theo luật hỗ trợ công cộng của tiểu bang. Các khoản thanh toán từ quỹ của tiểu bang cho các nạn nhân của tội phạm sẽ không được tính vào thu nhập của nạn nhân nếu bản chất của chúng thuộc về các khoản thanh toán phúc lợi. Không khấu trừ các chi phí y tế được hoàn trả bởi quỹ đó. Bạn phải đưa vào thu nhập của mình bất kỳ khoản thanh toán quyền lợi nào là tiền bồi thường cho các dịch vụ hoặc thu được một cách gian lận.

Các khoản thanh toán Hỗ trợ điều chỉnh nghề nghiệp tuyển dụng lại (RTAA). Các khoản thanh toán RTAA nhận được từ một tiểu bang phải được tính vào thu nhập của bạn. Tiểu bang phải gửi cho bạn Mẫu 1099-G để thông báo cho bạn về số tiền bạn nên tính vào thu nhập. Số tiền phải được khai báo trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8.

Người khuyết tật. Nếu bạn là người khuyết tật, bạn phải tính khoản trợ cấp thu nhập mà bạn nhận được cho các dịch vụ bạn thực hiện trừ khi khoản trợ cấp được loại trừ. Tuy nhiên, bạn không tính vào thu nhập giá trị hàng hóa, dịch vụ và tiền mặt mà bạn nhận được, không phải để đổi lại các dịch vụ của bạn, mà là để đào tạo và phục hồi vì bạn bị khuyết tật. Các khoản được loại trừ bao gồm các khoản thanh toán cho phương tiện đi lại và chăm sóc người phục vụ, ví dụ như dịch vụ phiên dịch cho người khiếm thính, dịch vụ đọc cho người mù và các dịch vụ giúp những người khuyết tật trí tuệ làm việc của họ.

Trợ cấp cứu trợ thiên tai. Không tính các khoản trợ cấp sau thảm họa nhận được theo Đạo luật Cứu trợ thiên tai và Hỗ trợ Khẩn cấp Liberia T. Stafford vào thu nhập của bạn nếu khoản trợ cấp được thực hiện để giúp bạn đáp ứng các chi phí cần thiết hoặc nhu cầu nghiêm trọng về y tế, nha khoa, nhà ở, tài sản cá nhân, phương tiện đi lại, chăm sóc con cái, hoặc chi phí tang lễ. Không khấu trừ tiền thất nghiệp

vong hoặc chi phí y tế được hoàn trả cụ thể bằng các khoản trợ cấp cứu trợ thiên tai này. Nếu bạn đã khấu trừ tổn thất thương vong do mất nơi cư trú cá nhân và sau đó bạn nhận được khoản trợ cấp cứu trợ thiên tai cho việc mất nơi ở đó, bạn có thể phải tính một phần hoặc toàn bộ khoản trợ cấp đó vào thu nhập chịu thuế của bạn. Xem mục [Phục hồi](#), ở phần trên. Các khoản hỗ trợ thất nghiệp theo Đạo luật là khoản bồi thường thất nghiệp chịu thuế. Xem [Bồi thường thất nghiệp](#) trong mục [Quyền lợi Thất nghiệp](#), ở phần trên.

Thanh toán cứu trợ thiên tai. Bạn có thể loại trừ khỏi thu nhập bất kỳ số tiền nào bạn nhận được là khoản thanh toán cứu trợ thiên tai đủ điều kiện. Khoản thanh toán cứu trợ thiên tai đủ điều kiện là số tiền được trả cho bạn:

- Để hoàn trả hoặc thanh toán các chi phí cá nhân, gia đình, sinh hoạt hoặc tang lễ hợp lý và cần thiết do một thảm họa đủ điều kiện gây ra;
- Hoàn trả hoặc thanh toán các chi phí hợp lý và cần thiết phát sinh cho việc sửa chữa hoặc phục hồi ngôi nhà của bạn hoặc sửa chữa hoặc thay thế các phần ngôi nhà trong phạm vi do thảm họa đủ điều kiện;
- Bởi một người tham gia cung cấp hoặc bán phương tiện vận chuyển với tư cách là người vận chuyển thông thường vì cái chết hoặc thương tật cá nhân phát sinh do thảm họa đủ điều kiện; hoặc
- Bởi chính quyền, cơ quan liên bang, tiểu bang hoặc địa phương; hoặc tổ chức có liên quan đến một thiên tai đủ điều kiện để thực hiện các phúc lợi chung.

Bạn chỉ có thể loại trừ số tiền này trong phạm vi bất kỳ khoản chi phí nào mà nó phải trả không được bảo hiểm hoặc cách khác thanh toán. Loại trừ không áp dụng nếu bạn là người tham gia hoặc chủ mưu trong một hành động khủng bố hoặc đại diện của một hành động khủng bố.

Thiên tai đủ điều kiện là:

- Một thảm họa do khủng bố hoặc hành động quân sự;
- Một thảm họa được liên bang tuyên bố; hoặc
- Một thảm họa do tai nạn liên quan đến người vận chuyển thông thường hoặc từ bất kỳ sự kiện nào khác, được xác định là thảm khốc bởi Bộ trưởng Ngân khố hoặc đại biểu của người đó.

Đối với số tiền được thanh toán theo mục (4) ở trên, thảm họa đủ điều kiện nếu nó được xác định bởi chính quyền liên bang, tiểu bang hoặc địa phương hiện hành để đảm bảo sự hỗ trợ từ chính quyền, văn phòng hoặc tổ chức liên bang, tiểu bang hoặc địa phương.

Khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai. Bạn có thể loại trừ khỏi thu nhập bất kỳ số tiền nào bạn nhận được là khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai đủ điều kiện. Các khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai đủ tiêu chuẩn thường được trả cho bạn trong khoảng thời gian ngay sau khi có thiệt hại về tài sản do hậu quả của thiên tai. Tuy nhiên, các khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai được sử dụng để giảm nhẹ (giảm mức độ nghiêm trọng của) thiệt hại tiềm ẩn do các thảm họa thiên nhiên trong tương lai. Chúng được trả cho bạn thông qua chính quyền tiểu bang và địa phương dựa trên các quy định của Đạo luật Cứu trợ thiên tai và Hỗ trợ khẩn cấp hoặc Đạo luật Bảo hiểm lũ lụt Quốc gia của Robert T. Stafford.

Bạn không thể tăng mức cơ sở hoặc mức cơ sở được điều chỉnh của tài sản cho các cải tiến được thực hiện với các khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai không chịu thuế.

Chương trình Điều chỉnh giá nhà hợp lý (HAMP). Nếu bạn được lợi từ Thanh toán thành công theo hiệu suất trong HAMP, thì khoản thanh toán đó sẽ không bị đánh thuế.

Khoản thanh toán hỗ trợ vay thế chấp theo đoạn 235 của Đạo luật Nhà ở Quốc gia. Các khoản thanh toán được thực hiện theo mục 235 của Đạo luật Nhà ở Quốc gia để được hỗ trợ vay thế chấp không được tính vào thu nhập của chủ nhà. Tiền lãi trả cho chủ nhà theo chương trình hỗ trợ vay thế chấp không được khấu trừ.

Medicare. Quyền lợi Medicare nhận được theo tiêu đề XVIII của Đạo luật An sinh Xã hội không được tính vào tổng thu nhập của những cá nhân được trả. Điều này bao gồm cơ bản (Phần A (Quyền lợi bảo hiểm bệnh viện cho người cao tuổi)) và bổ sung (Phần B (Quyền lợi bảo hiểm y tế bổ sung cho người cao tuổi)).

Các phúc lợi an sinh xã hội (bao gồm các khoản thanh toán một lần cho những năm trước), các phúc lợi Thu nhập An sinh bổ sung (SSI), và các khoản trợ cấp từ tuất một lần. Sở An sinh Xã hội (SSA) cung cấp các quyền lợi như trợ cấp tuổi già, trợ cấp cho người lao động tàn tật, và phúc lợi cho vợ/chồng và người phụ thuộc. Những phúc lợi này có thể phải chịu thuế thu nhập liên bang tùy thuộc vào tình trạng nộp đơn và thu nhập khác của bạn. Xem [chương 7](#) trong ấn phẩm này và Ấn phẩm 915, Phúc lợi An sinh Xã hội và Hưu trí đường sắt tương đương, để tìm hiểu thêm thông tin. Một cá nhân ban đầu bị từ chối quyền lợi, nhưng sau đó được chấp thuận, có thể nhận được khoản thanh toán một lần cho khoảng thời gian quyền lợi bị từ chối (có thể là những năm trước). Xem Ấn phẩm 915 để biết thông tin về cách thực hiện việc chi trả một lần, điều này có thể làm giảm nghĩa vụ thuế của bạn. Ngoài ra còn có các loại phúc lợi khác do SSA chi trả. Tuy nhiên, trợ cấp SSI và trợ cấp từ tuất một lần (trả một lần cho vợ/chồng và con cái của người đã chết) không phải chịu thuế thu nhập liên bang. Để biết thông tin về các quyền lợi này, đi đến trang [SSA.gov \(tiếng Anh\)](#).

Chương trình Dinh dưỡng cho Người cao niên. Trợ cấp thực phẩm bạn nhận được theo Chương trình Dinh dưỡng cho Người cao niên không chịu thuế. Nếu bạn chuẩn bị và phục vụ các bữa ăn miễn phí cho chương trình, hãy tính vào thu nhập của bạn dưới dạng tiền lương mà bạn nhận được, ngay cả khi bạn cũng đủ điều kiện nhận trợ cấp thực phẩm.

Trợ cấp để giảm chi phí sử dụng năng lượng vào mùa đông. Khoản thanh toán do tiểu bang thực hiện cho những người đủ điều kiện để giảm chi phí sử dụng năng lượng vào mùa đông của họ sẽ không bị đánh thuế.

Thu nhập khác

Các cuộc thảo luận ngắn sau đây được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái. Các khoản thu nhập khác được thảo luận ngắn gọn dưới đây được tham chiếu đến các ấn phẩm cung cấp nhiều thông tin thời sự hơn.

Hoạt động không vì lợi nhuận. Bạn phải đưa vào thu nhập hoàn thuế của bạn từ một hoạt động mà bạn không mong đợi tạo ra lợi nhuận. Một ví dụ về loại hoạt động này là một sở thích hoặc một nông trại mà bạn vận hành chủ yếu để giải trí và vui chơi.

Nhập thu nhập này vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8j. Các khoản khấu trừ cho các chi phí liên quan đến hoạt động bị hạn chế. Chúng không thể có tổng nhiều hơn thu nhập bạn khai báo và chỉ có thể được lấy nếu bạn giảm thiểu các khoản khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040).

Cổ tức Quỹ Thường trực Tiểu bang Alaska. Nếu bạn nhận được khoản thanh toán từ quỹ thu nhập khoáng sản của Alaska (cổ tức của Quỹ Thường trực Tiểu bang Alaska), hãy khai báo khoản đó dưới dạng thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8g. Tiểu bang Alaska gửi cho mỗi người một tài liệu cho biết số tiền thanh toán bằng séc. Số tiền phải được khai báo cho IRS.

Cấp dưỡng. Tính vào thu nhập của bạn trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 2a, bất kỳ tiền cấp dưỡng phải chịu thuế nào mà bạn nhận được. Số tiền bạn nhận được để trợ cấp cho con không phải là thu nhập của bạn. Cấp dưỡng và trợ cấp cho con được thảo luận tại Ấn phẩm 504.

 **Không tính các khoản thanh toán cấp dưỡng mà bạn nhận được theo thỏa thuận ly hôn hoặc ly thân (1) được thực hiện sau năm 2018 hoặc (2) được thực hiện trước năm 2019 nhưng được sửa đổi sau đó nếu sửa đổi nêu rõ việc bãi bỏ khoản khấu trừ cho các khoản cấp dưỡng áp dụng cho sửa đổi.**

Tiền hối lộ. Nếu bạn nhận tiền hối lộ, hãy tính khoản đó vào thu nhập của bạn.

Đóng góp cho bầu cử. Những đóng góp này không phải là thu nhập cho một ứng viên trừ khi được chuyển cho mục đích sử dụng cá nhân của ứng viên này. Để không bị đánh thuế, các khoản đóng góp phải được chi tiêu cho các mục đích bầu cử hay được giữ trong một quỹ để sử dụng cho các bầu cử trong tương lai. Tuy nhiên, tiền lãi thu được từ tiền gửi ngân hàng, cổ tức nhận được từ chứng khoán góp vốn và lãi ròng thu được từ việc bán chứng khoán góp vốn đều phải chịu thuế và phải được khai báo trên Mẫu 1120-POL, Tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho một số Tổ chức chính trị. Số tiền vượt mức của bầu cử được chuyển vào tài khoản văn phòng phải được tính vào thu nhập của chủ văn phòng trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z, trong năm được chuyển.

Đi chung xe. Đừng tính số tiền thu nhập mà bạn nhận được từ hành khách để lái xe và đi chung xe đi làm. Số tiền này được coi là khoản hoàn trả cho chi phí của bạn. Tuy nhiên, quy tắc này sẽ không áp dụng nếu bạn đã phát triển đi chung xe thành một hoạt động kinh doanh dịch vụ đưa đón công nhân để thu lợi nhuận.

Hoàn lại tiền mặt. Khoản hoàn lại tiền mặt mà bạn nhận được từ đại lý hoặc nhà sản xuất của mặt hàng bạn mua không phải là thu nhập, nhưng bạn phải giảm mức giá gốc bằng số tiền giảm giá.

Ví dụ. Bạn mua một chiếc ô tô mới với giá \$24.000 tiền mặt và nhận được séc hoàn lại \$2.000 từ nhà sản xuất. \$2.000 không phải là thu nhập đối với bạn. Giá gốc của bạn với chiếc xe là \$22.000. Đây là giá gốc để bạn tính toán lãi lỗ nếu bán xe và khấu hao nếu dùng vào mục đích kinh doanh.

Bảo hiểm thiệt hại và khoản hoàn trả khác. Thông thường, bạn không nên khai báo những khoản hoàn trả này vào tờ khai trừ khi bạn đang tìm ra lợi ích hoặc tổn thất do thiệt hại và trộm cắp. Tham khảo Ấn phẩm 547 để biết thêm thông tin.

Thanh toán trợ cấp cho con. Bạn không nên khai báo các khoản thanh toán này vào tờ khai. Tham khảo Ấn phẩm 504 để biết thêm thông tin.

Phán quyết của tòa án và tổn thất. Để xác định xem liệu số tiền thanh toán mà bạn nhận được do thỏa hiệp hoặc phán quyết có được tính vào thu nhập của bạn hay không, bạn phải cân nhắc việc khoản thanh toán được thay thế. Đặc tính của thu nhập là thu nhập thông thường hoặc lãi vốn phụ thuộc vào bản chất của sự đòi bồi thường. Bao gồm các khoản sau đây vào thu nhập thông thường.

1. Tiền lãi đối với bất kỳ phán quyết nào.
2. Bồi thường cho tiền lương bị mất hoặc lợi nhuận bị mất trong hầu hết các trường hợp.
3. Tổn thất mang tính chất trừng phạt, trong hầu hết các trường hợp. Không quan trọng nếu chúng liên quan đến chấn thương thể chất hoặc bệnh tật.
4. Số tiền nhận được trong giải quyết quyền lợi về hưu bổng (nếu bạn không đóng góp vào chương trình).
5. Tổn thất do:
 - a. Vi phạm bằng sáng chế hoặc bản quyền,
 - b. Vi phạm hợp đồng, hoặc
 - c. Cản trở hoạt động kinh doanh.
6. Khoản hoàn trả và tiền bồi thường thiệt hại do thiệt hại về tinh thần nhận được để đáp ứng yêu cầu bồi thường theo tiêu đề VII của Đạo luật Quyền dân sự năm 1964.
7. Phí và chi phí luật sư (bao gồm cả phí dự phòng) trong đó khoản thu hồi cơ bản được tính vào tổng thu nhập.
8. Phí luật sư và các chi phí liên quan đến phần thưởng của người tố giác trong đó khoản thu hồi cơ bản được tính vào tổng thu nhập.

Không tính vào thu nhập của bạn những khoản bồi thường thiệt hại cho thương tật cá nhân hoặc bệnh tật (cho dù nhận một lần hoặc nhiều lần).

Cảm xúc đau khổ. Bản thân đau khổ về tinh thần không phải là một tổn thương về thể chất hoặc bệnh tật, nhưng những thiệt hại mà bạn trải qua do đau khổ về tinh thần do chấn thương thể chất hoặc bệnh tật được coi như đã nhận được đối với chấn thương thể chất hoặc bệnh tật. Không đưa chúng vào thu nhập của bạn.

Nếu đau khổ về tinh thần là do thương tích cá nhân mà không phải do chấn thương thể chất hoặc bệnh tật (ví dụ: phân biệt đối xử trong việc làm hoặc tổn thương danh tiếng), bạn phải đưa các thiệt hại trong thu nhập của mình, ngoại trừ bất kỳ thiệt hại nào không nhiều hơn số tiền phải trả cho chăm sóc y tế do đau khổ về tinh thần đó. Cảm xúc đau khổ bao gồm các triệu chứng thể chất do cảm xúc, ví dụ như đau đầu, mất ngủ và rối loạn dạ dày.

Bảo hiểm thẻ tín dụng. Trong hầu hết các trường hợp, nếu bạn nhận trợ cấp theo chương trình bảo hiểm khuyết tật hoặc thất nghiệp bằng thẻ tín dụng, thì bạn phải chịu thuế. Các chương trình này thực hiện khoản thanh toán hàng tháng tối thiểu trên thẻ tín dụng của bạn nếu bạn không thể thanh toán do thương tật, bệnh tật, tàn tật hoặc thất nghiệp. Khai báo trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z, số tiền trợ cấp bạn nhận được trong năm nhiều hơn số phí bảo hiểm bạn đã trả trong năm.

Hỗ trợ thanh toán trước. Nếu bạn mua nhà và nhận hỗ trợ từ một công ty phi lợi nhuận để thực hiện khoản trả trước, khoản hỗ trợ đó không được

tính vào thu nhập của bạn. Nếu công ty đủ điều kiện là một tổ chức từ thiện được miễn thuế, khoản hỗ trợ được coi như một món quà và được tính trong mức giá trị cơ sở căn nhà của bạn. Nếu công ty không đủ điều kiện, hỗ trợ được coi là khoản giảm giá hoặc giảm giá mua và không được tính vào giá trị cơ sở của bạn.

Phí môi giới việc làm. Nếu bạn nhận được một công việc thông qua văn phòng môi giới việc làm và phí do chủ lao động trả, khoản phí này sẽ không được tính vào thu nhập của bạn nếu bạn không phải chịu trách nhiệm về khoản phí đó. Tuy nhiên, nếu bạn trả số tiền đó và chủ lao động hoàn lại tiền cho bạn thì số tiền đó sẽ tính vào thu nhập của bạn.

Trợ cấp bảo tồn năng lượng. Bạn có thể loại trừ khỏi tổng thu nhập bất kỳ khoản trợ cấp nào được cung cấp, trực tiếp hoặc gián tiếp, bởi các tiện ích công cộng để mua hoặc thực hiện một phương pháp bảo tồn năng lượng cho một đơn vị cư trú.

Phương pháp bảo tồn năng lượng. Điều này bao gồm các phương pháp hoặc sửa đổi được thiết kế chủ yếu để giảm tiêu thụ điện hoặc khí đốt tự nhiên hoặc cải thiện việc quản lý nhu cầu năng lượng.

Đơn vị cư trú. Nó bao gồm một ngôi nhà, căn hộ, chung cư, nhà di động, thuyền hoặc tài sản tương tự. Nếu một tòa nhà hoặc công trình kiến trúc có cả nhà ở và các đơn vị khác, thì bất kỳ khoản trợ cấp nào cũng phải được phân phối hợp lý.

Thu nhập từ di sản và quỹ tín thác. Quỹ di sản hoặc quỹ tín thác, không giống như hình thức hợp tác kinh doanh, có thể phải trả thuế thu nhập liên bang. Nếu bạn là người thụ hưởng quỹ di sản hoặc quỹ tín thác, bạn có thể bị đánh thuế trên phần thu nhập được phân phối hay bắt buộc phải phân phối cho bạn. Tuy nhiên, không bao giờ bạn bị đánh thuế hai lần. Các quỹ di sản và quỹ tín thác nộp tờ khai thuế theo Mẫu 1041, Tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho Di sản và Quỹ tín thác, và phần thu nhập được khai báo cho bạn trên Bảng K-1 (Mẫu 1041).

Thu nhập hiện tại được yêu cầu phân phối. Nếu bạn là người thụ hưởng di sản hoặc quỹ tín thác mà phải phân phối tất cả thu nhập hiện tại của nó, bạn phải khai báo phần thu nhập ròng có thể phân phối của mình, cho dù bạn có thực sự nhận được hay không.

Thu nhập hiện tại không được yêu cầu phân phối. Nếu bạn là người thụ hưởng di sản hoặc quỹ tín thác và người được ủy thác có quyền lựa chọn phân phối toàn bộ hay một phần thu nhập hiện tại, bạn phải khai báo:

- Tất cả thu nhập bắt buộc phải được phân phối cho bạn, cho dù nó có thực sự được phân phối hay không, cộng với
- Tất cả các khoản tiền khác đã thực trả hay được ghi có cho bạn,

lên đến số tiền chia sẻ thu nhập ròng có thể phân phối của bạn.

Cách khai báo. Coi từng khoản thu nhập giống như cách mà quỹ di sản hoặc quỹ tín thác sẽ đối xử với nó. Ví dụ, nếu thu nhập từ cổ tức của quỹ tín thác được phân phối cho bạn, bạn sẽ khai báo việc phân phối dưới dạng thu nhập cổ tức trên lợi tức của bạn. Quy tắc tương tự cũng được áp dụng cho việc phân phối tiền lãi và lãi từ vốn được miễn thuế.

Người được ủy thác di sản hoặc quỹ tín thác phải cho bạn biết loại khoản mục tạo nên phần thu nhập từ di sản hoặc quỹ tín thác của bạn và bất kỳ

khoản tín dụng nào bạn được phép trên tờ khai thuế thu nhập cá nhân.

Lỗ. Khoản lỗ từ di sản và tín thác của người thụ hưởng thường không được khấu trừ thu.

Quỹ tín thác của người ký thác. Thu nhập kiếm được của quỹ tín thác của người ký thác phải chịu thuế bởi người ký thác, không phải người thụ hưởng, nếu người ký thác giữ quyền kiểm soát nhất định đối với quỹ ủy thác. (Người ký thác là người đã chuyển tài sản cho quỹ tín thác.) Quy tắc này áp dụng nếu tài sản (hoặc thu nhập từ tài sản) đặc vào quỹ tín thác sẽ hoặc có thể hoàn lại(được trả lại) cho người ký thác hoặc vợ/chồng của người ký thác.

Nói chung, quỹ tín thác là quỹ tín thác của người ký thác nếu người ký thác có lợi ích có thể hồi chuyển trị giá (tại ngày chuyển nhượng) trên 5% giá trị của tài sản được chuyển nhượng.

Chi phí được trả bởi người khác. Nếu chi phí cá nhân của bạn được thanh toán bởi một người khác, chẳng hạn như một công ty, khoản thanh toán đó có thể phải chịu thuế tùy thuộc vào mối quan hệ của bạn với người đó và bản chất của khoản thanh toán. Nhưng nếu khoản thanh toán bù đắp cho tổn thất do người đó gây ra và giúp bạn trở về vị trí trước khi có tổn thất, khoản thanh toán đó sẽ không được tính vào thu nhập của bạn.

Chi phí dịch vụ. Tính tất cả các chi phí dịch vụ vào thu nhập của bạn. Ví dụ về khoản phí là số tiền nhận được cho các dịch vụ bạn thực hiện như:

- Giám đốc công ty cổ phần;
- Người thi hành, quản lý hoặc cá nhân đại diện của di sản;
- Người quản lý của một giao dịch thương mại hoặc kinh doanh mà bạn đã điều hành trước khi tuyên bố phá sản theo chương 11;
- Công chứng viên; hoặc
- Viên chức khu bầu cử.

Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên. Nếu bạn không phải là nhân viên và chi phí dịch vụ của bạn từ một người thanh toán duy nhất trong quá trình giao dịch hoặc kinh doanh của người thanh toán có tổng từ \$600 trở lên trong năm, người thanh toán sẽ gửi cho bạn Mẫu 1099-NEC. Bạn có thể cần phải khai báo chi phí của bạn dưới dạng thu nhập từ việc tự kinh doanh. Xem [Người tự kinh doanh](#) trong chương 1 để thảo luận về thời điểm bạn được cho là tự kinh doanh.

Quản trị công ty. Chi phí quản trị công ty là thu nhập tự kinh doanh. Khai báo khoản thanh toán này trên Bảng C (Mẫu 1040).

Người đại diện cá nhân. Tất cả người đại diện cá nhân phải tính trong tổng thu nhập được trả cho họ từ di sản. Nếu bạn không tham gia giao dịch hay kinh doanh để trở thành người thi hành(ví dụ: bạn là người thi hành tài sản của bạn bè hay người thân), hãy khai báo các khoản phí này trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8. Nếu bạn đang kinh doanh thương mại hoặc kinh doanh với tư cách là người thi hành công việc, hãy khai báo các khoản phí này dưới dạng thu nhập từ tự làm chủ trên Bảng C (Mẫu 1040). Chi phí này không được tính vào thu nhập nếu chúng được miễn.

Người quản lý thương mại hoặc kinh doanh cho di sản vỡ nợ. Tính trong thu nhập của bạn tất cả các khoản thanh toán nhận được từ di sản vỡ nợ của bạn khi quản lý hoặc điều hành một hoạt động thương mại hay kinh doanh mà bạn đã điều hành

trước khi nộp đơn phá sản. Khai báo thu nhập này vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z.

Công chứng viên. Khai báo khoản thanh toán cho dịch vụ này trên Bảng C (Mẫu 1040). Khoản thanh toán này không được đánh thuế tự làm chủ. Xem Hướng dẫn riêng cho Bảng SE (Mẫu 1040) để biết chi tiết.

Viên chức khu bầu cử. Bạn sẽ nhận được một Mẫu W-2 thể hiện khoản thanh toán cho dịch vụ được thực hiện bởi viên chức bầu cử hay nhân viên bầu cử. Khai báo khoản thanh toán trên dòng 1a của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Người chăm sóc nuôi dưỡng. Nói chung, khoản thanh toán bạn nhận được từ một tiểu bang, một khu vực chính trị hay một văn phòng sắp xếp việc chăm sóc nuôi dưỡng đủ điều kiện để chăm sóc một cá nhân được nuôi dưỡng đủ điều kiện tại nhà của bạn bị loại trừ khỏi thu nhập của bạn. Tuy nhiên, bạn phải đưa vào khoản thanh toán thu nhập trong phạm vi số tiền đó nhận được để chăm sóc hơn năm người được nuôi dưỡng đủ điều kiện từ 19 tuổi trở lên.

Cá nhân nuôi dưỡng đủ điều kiện là người:

1. Đang được nhận nuôi trong một gia đình; và
2. Được ở đó theo quyết định của:
 - a. Một văn phòng của tiểu bang hay một trong các phân khu chính trị của nó, hay
 - b. Văn phòng sắp xếp việc chăm sóc nuôi dưỡng đủ điều kiện.

Thanh toán cho dịch vụ chăm sóc khó khăn. Đây là các khoản thanh toán được người trả chỉ định là khoản thù lao cho việc cung cấp dịch vụ chăm sóc bổ sung cần thiết cho các cá nhân được nuôi dưỡng đủ điều kiện về thể chất, tinh thần hay cảm xúc. Một tiểu bang phải xác định rằng khoản thù lao này là cần thiết và việc chăm sóc mà các khoản thanh toán được thực hiện phải được cung cấp tại nhà của nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng nơi người nuôi dưỡng đủ điều kiện được đặt.

Một số khoản tiền trả miễn trừ Medicaid nhất định được coi là khoản thanh toán cho dịch vụ chăm sóc khó khăn khi được một chăm sóc cá nhân nhận để chăm sóc cho một cá nhân đủ điều kiện sống trong nhà của người chăm sóc. Xem Thông báo 2014-7, có sẵn tại [IRS.gov/irb/2014-04_IRB#NOT-2014-7](https://www.irs.gov/irb/2014-04_IRB#NOT-2014-7) (tiếng Anh), và các câu hỏi và câu trả lời liên quan, có sẵn tại [IRS.gov/Individuals/Certain-Medicaid-Waiver-Payments-May-Be-Excludable-From-Income](https://www.irs.gov/Individuals/Certain-Medicaid-Waiver-Payments-May-Be-Excludable-From-Income) (tiếng Anh) để tìm hiểu thêm thông tin.

Bạn phải gộp khoản thanh toán cho dịch vụ chăm sóc khó vào thu nhập của bạn trong phạm vi chúng nhận được nhiều hơn:

- 10 cá nhân nhận nuôi đủ điều kiện dưới 19 tuổi, hoặc
- 5 cá nhân nhận nuôi đủ điều kiện từ 19 tuổi trở lên.

Đảm bảo không gian trong nhà. Nếu bạn được trả tiền để đảm bảo không gian trong nhà cho chăm sóc nuôi dưỡng khẩn cấp, bạn phải gộp khoản thanh toán này vào thu nhập của bạn.

Khai báo số tiền chịu thuế. Nếu bạn nhận được các khoản thanh toán mà bạn phải tính trong thu nhập và bạn đang kinh doanh với tư cách là người chăm sóc nuôi dưỡng, hãy khai báo các khoản thanh toán trên Bảng C (Mẫu 1040). Xem Ấn phẩm 587, Sử dụng nhà của bạn cho việc kinh doanh, để giúp bạn xác định số tiền bạn có thể khấu trừ để sử dụng ngôi nhà.

Tài sản được tìm thấy. Nếu bạn tìm thấy và giữ tài sản thứ đã bị thất lạc hay bị bỏ rơi (kho báu) không thuộc về bạn, tài sản đó sẽ bị đánh thuế theo giá trị thị trường hợp lý trong năm đầu tiên khi nó là tài sản không thể tranh cãi của bạn.

Du lịch miễn phí. Nếu bạn nhận được một chuyến du lịch miễn phí từ một công ty du lịch khi tổ chức du lịch một nhóm khách, bạn phải tính giá trị của nó vào thu nhập của bạn. Khai báo giá cả phải chăng trên trị trường hợp lý của chuyến du lịch trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z, nếu bạn không kinh doanh hay kinh doanh tổ chức các chuyến du lịch. Bạn không thể khấu trừ chi phí của bạn khi phục vụ với tư cách là người lãnh đạo tự nguyện theo yêu cầu của nhóm. Nếu bạn tổ chức các chuyến du lịch với tư cách thương mại hoặc kinh doanh, hãy khai báo giá trị của chuyến du lịch trên Bảng C (Mẫu 1040).

Tiền thắng cược. Bạn phải gộp tiền thắng cược của bạn vào thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8b. Tiền thắng từ các giải đấu thể thao tưởng tượng là tiền thắng cược. Nếu bạn chia từng khoản khấu trừ của bạn trên Bảng A (Mẫu 1040), bạn có thể khấu trừ các khoản thua bạc mà bạn đã có trong năm, nhưng cao nhất chỉ bằng số tiền thắng cược của bạn. Nếu bạn đang buôn bán hoặc kinh doanh dịch vụ cá cược, hãy sử dụng Bảng C (Mẫu 1040).

Xổ số và rút thưởng. Tiền thắng từ xổ số và rút thưởng là tiền thắng cược. Ngoài tiền thắng cược, bạn phải tính vào thu nhập của bạn giá trị thị trường hợp lý của trái phiếu, ô tô, nhà ở và các giải thưởng không bằng tiền mặt khác.

TIP Nếu bạn giành được giải thưởng xổ số của tiểu bang và được trả nhiều lần, tham khảo Ấn phẩm 525 để tìm hiểu thêm thông tin.

Mẫu W-2G. Bạn có thể đã nhận được Mẫu W-2G. Một số khoản tiền thắng cược, thể hiện số tiền thắng đánh bạc của bạn và bất kỳ khoản thuế nào được trích từ chúng. Bao gồm số tiền từ ô 1 trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8b. Bao gồm số tiền được hiển thị trong ô 4 trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25c, dưới dạng thuế thu nhập liên bang được khấu trừ.

Khai báo tiền thắng và lưu hồ sơ. Để tìm hiểu thêm thông tin về cách khai báo số tiền thắng đánh bạc và lưu trữ hồ sơ, hãy tham khảo [Sổ tiền thua cược lên đến số tiền thắng đánh cược trong](#) chương 12.

Quà tặng và thừa kế. Trong hầu hết các trường hợp, tài sản bạn nhận được dưới dạng quà tặng, vật di tặng hoặc tài sản thừa kế không được tính vào thu nhập của bạn. Tuy nhiên, nếu tài sản bạn nhận được theo cách này sau đó tạo ra thu nhập như tiền lãi, cổ tức, hoặc tiền cho thuê, thì thu nhập đó bị đánh thuế đối với bạn. Nếu tài sản được trao cho một quỹ ủy thác và thu nhập từ nó được trả, được tín thuế hoặc được phân phối cho bạn, thì thu nhập đó cũng phải chịu thuế. Nếu quà tặng, vật di tặng hoặc di sản thừa kế là thu nhập từ tài sản, thì thu nhập đó phải chịu thuế.

Hưu bổng hoặc quỹ hưu trí cá nhân (IRA) được thừa kế. Nếu bạn được thừa kế một khoản hưu bổng hoặc IRA, bạn có thể phải gộp một phần của số tiền được thừa kế vào thu nhập của bạn. Xem *Survivors and Beneficiaries* (Người sống sót và Người thụ hưởng) trong Ấn phẩm 575 nếu bạn được thừa kế khoản tiền hưu bổng. Xem *What if You Inherit an IRA?* (Phải làm gì nếu bạn thừa kế IRA?) trong Ấn phẩm 590-A và 590-B nếu bạn thừa kế IRA.

Khoản lỗ từ sở thích. Các khoản lỗ từ một sở thích không được khấu trừ từ thu nhập khác. Sở thích là một hoạt động mà bạn không mong tạo ra lợi nhuận. Xem [Hoạt động không vì lợi nhuận](#), trước đó.

CAUTION Nếu bạn thu thập tem, tiền xu hoặc các vật phẩm khác như một sở thích để giải trí và đam mê, và bạn bán bất kỳ vật phẩm nào, khoản thu nhập của bạn sẽ bị đánh thuế như một khoản lãi vốn. (Xem Ấn phẩm 550) Tuy nhiên, nếu bạn bán các mặt hàng trong bộ sưu tập bị lỗ, bạn không thể khấu trừ khoản lỗ.

Hoạt động bất hợp pháp. Thu nhập từ các hoạt động bất hợp pháp, ví dụ như tiền từ buôn bán ma túy bất hợp pháp, phải được tính vào thu nhập của bạn trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z hoặc trên Bảng C (Mẫu 1040) nếu chúng từ hoạt động tự kinh doanh của bạn.

Quyền đánh cá của Thổ dân. Nếu bạn là thành viên của một bộ lạc thổ dân đủ điều kiện có quyền đánh cá được bảo đảm bởi hiệp ước, Lệnh Hành Pháp, hoặc Đạo luật của Quốc Hội kể từ ngày 17 tháng 3, 1988, không tính vào thu nhập của bạn số tiền nhận được từ các hoạt động liên quan đến các quyền đánh cá đó. Thu nhập này không phải chịu thuế thu nhập, thuế tự kinh doanh hoặc thuế việc làm.

Lãi từ tiền gửi đóng băng. Nói chung, bạn loại trừ khỏi thu nhập của bạn số tiền lãi từ khoản tiền gửi đóng băng. Xem [Thu nhập từ tiền lãi trên tiền gửi đóng băng](#) trong chương 6.

Lãi từ trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện. Bạn có thể loại trừ khỏi thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ mà bạn mua lại nếu bạn thanh toán chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện trong cùng một năm. Để tìm hiểu thêm thông tin về loại trừ này, hãy tham khảo [Chương trình Trái phiếu tiết kiệm Giáo dục](#) theo [Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ](#) trong chương 6.

Chi phí phòng vấn việc làm. Nếu nhà tuyển dụng tiềm năng yêu cầu bạn xuất hiện trong một cuộc phỏng vấn và trả cho bạn một khoản trợ cấp hoặc hoàn trả cho bạn chi phí vận chuyển và các chi phí đi lại khác, số tiền bạn nhận được không phải chịu thuế. Bạn chỉ tính vào thu nhập số tiền bạn nhận được nhiều hơn chi phí thực tế của bạn.

Nhiệm vụ bồi thẩm. Khoản thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm mà bạn nhận được phải được tính trong thu nhập của bạn trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8h. Nếu bạn đã trả bất kỳ khoản thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm nào cho chủ lao động vì chủ lao động của bạn tiếp tục trả tiền cho bạn trong khi bạn thực hiện nhiệm vụ bồi thẩm, hãy gộp số tiền bạn đã đưa cho chủ lao động của bạn để điều chỉnh thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 24a và tham khảo hướng dẫn ở đó.

Tiền lại quả. Bạn phải tính tiền lại quả, tiền hoa hồng phụ, tiền thúc đẩy hoặc các khoản thanh toán tương tự mà bạn nhận được trong thu nhập của bạn trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8 hoặc trên Bảng C (Mẫu 1040) nếu từ hoạt động tự kinh doanh của bạn.

Ví dụ. Bạn bán xe hơi và giúp thu xếp bảo hiểm xe hơi cho người mua. Các công ty môi giới bảo hiểm trả lại một phần tiền hoa hồng của họ cho bạn khi giới thiệu khách hàng cho họ. Bạn phải tính các khoản lại quả trong thu nhập của mình.

Tài khoản tiết kiệm y tế (Tài khoản Tiết kiệm Y tế Archer và Medicare Advantage). Trong hầu hết các trường hợp, bạn không tính số tiền thu nhập mà

bạn rút từ Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA hay Medicare Advantage nếu bạn sử dụng số tiền này để thanh toán các chi phí y tế đủ điều kiện. Nói chung, các chi phí y tế đủ điều kiện là những khoản bạn có thể khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040). Để tìm hiểu thêm thông tin về chi phí y tế đủ điều kiện, hãy tham khảo Ấn phẩm 502. Để biết thêm thông tin về Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA hay Medicare Advantage, hãy tham khảo Ấn phẩm 969, Tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe và các Chương trình sức khỏe được ưu đãi thuế khác.

Giải thưởng và phần thưởng. Nếu bạn giành được giải thưởng trong một cuộc quay số may mắn, chương trình đồ vui trên truyền hình hay đài phát thanh, cuộc thi sắc đẹp hay các sự kiện khác, bạn phải tính nó vào thu nhập của bạn. Ví dụ, nếu bạn giành được giải thưởng \$50 trong một cuộc thi nhiếp ảnh, bạn phải khai báo thu nhập này trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8i. Nếu bạn từ chối nhận giải thưởng, không tính giá trị của nó vào thu nhập của bạn.

Giải thưởng và phần thưởng về hàng hóa hoặc dịch vụ phải được tính trong thu nhập của bạn theo giá trị thị trường hợp lý của chúng.

Phần thưởng hoặc tiền thưởng cho nhân viên. Phần thưởng tiền mặt hoặc tiền thưởng mà chủ lao động của bạn trao cho bạn vì công việc tốt hay đề xuất thường phải được tính trong thu nhập của bạn dưới dạng tiền lương. Tuy nhiên, một số phần thưởng thành tích của nhân viên không bằng tiền mặt có thể được loại trừ khỏi thu nhập, tham khảo [Tiền thưởng và Phần thưởng](#) trong chương 5.

Giải thưởng Pulitzer, Nobel, và giải thưởng tương đương. Nếu bạn được trao giải thưởng nhằm công nhận những thành tích trong các lĩnh vực tôn giáo, từ thiện, khoa học, nghệ thuật, giáo dục, văn học hoặc công dân, bạn thường phải tính giá trị của giải thưởng vào thu nhập của bạn. Tuy nhiên, bạn sẽ không tính giải thưởng này vào thu nhập của mình nếu bạn đáp ứng tất cả các yêu cầu sau.

- Bạn đã được chọn mà không cần thực hiện bất kỳ hành động nào từ phía bạn để tham gia cuộc thi hoặc tiếp tục cuộc thi.
- Bạn không bắt buộc phải thực hiện các dịch vụ quan trọng trong tương lai như một điều kiện để nhận giải thưởng.
- Phần thưởng hoặc giải thưởng được chuyển trực tiếp bởi người trả cho một đơn vị chính quyền hoặc tổ chức từ thiện được miễn thuế theo chỉ định của bạn.

Xem Ấn phẩm 525 để tìm hiểu thêm thông tin về các điều kiện áp dụng cho việc chuyển nhượng.

Quý Cơ hội đủ điều kiện (QOF). Hiệu lực từ ngày 22 tháng 12, 2017, phần 1400Z-2 của Đạo luật quy định tạm thời hoãn việc tính vào tổng thu nhập khoản lãi vốn đầu tư vào QOF và loại trừ vĩnh viễn thu nhập vốn từ việc tiêu thụ hoặc trao đổi khoản đầu tư trong QOF nếu khoản đầu tư được tổ chức ít nhất 10 năm. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 8949 về cách khai báo cuộc bầu cử của bạn để trì hoãn khoản lãi đủ điều kiện được đầu tư vào QOF. Xem hướng dẫn cho Mẫu 8997, Khai báo ban đầu và hàng năm về các khoản đầu tư của Quý Cơ hội đủ điều kiện (QOF), để biết thông tin khai báo. Để biết thêm thông tin, xem mục Các câu hỏi thường gặp về Khu vực Cơ hội tại địa chỉ [IRS.gov/Newsroom/Opportunity-Zones-Frequently-Asked-Questions](https://www.irs.gov/Newsroom/Opportunity-Zones-Frequently-Asked-Questions).

Chương trình Tiền học đủ điều kiện (QTP). QTP (còn được gọi là chương trình 529) là một chương trình được đưa ra cho phép bạn trả trước hoặc đóng

góp vào tài khoản được thiết lập để thanh toán các chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện của sinh viên tại một cơ sở giáo dục đủ điều kiện. Một chương trình có thể được thiết lập và duy trì bởi một tiểu bang, một văn phòng hoặc cơ quan của tiểu bang, hoặc một cơ sở giáo dục đủ điều kiện.

Phần phân phối đại diện cho số tiền đã trả hoặc đóng góp cho QTP không được tính trong thu nhập. Đây là khoản hoàn vốn đầu tư vào chương trình.

Trong hầu hết các trường hợp, người thụ hưởng không tính vào thu nhập bất kỳ khoản thu nhập nào được phân phối từ QTP nếu tổng số tiền phân phối nhỏ hơn hoặc bằng chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện đã điều chỉnh. Xem Ấn phẩm 970 để tìm hiểu thêm thông tin.

Niên kim hưu trí đường sắt. Các loại thanh toán sau đây được coi là thu nhập từ hưu bổng hoặc niên kim và phải chịu thuế theo các quy tắc được giải thích trong Ấn phẩm 575, Thu nhập lương hưu và niên kim.

- Quyền lợi hưu trí ngành đường sắt bậc 1 nhiều hơn quyền lợi tương đương với an sinh xã hội.
- Quyền lợi Bậc 2.
- Quyền lợi kép được xác nhận.

Thường. Nếu bạn nhận được thường cho việc cung cấp thông tin, hãy tính vào thu nhập của bạn.

Bán nhà. Bạn có thể loại trừ khỏi thu nhập tất cả hoặc một phần bất kỳ khoản lợi nhuận nào từ việc bán hoặc trao đổi chính căn nhà của bạn. Tham khảo Ấn phẩm 523.

Bán mặt hàng cá nhân. Nếu bạn đã bán một mặt hàng mà bạn sở hữu để sử dụng cho mục đích cá nhân, ví dụ như ô tô, tủ lạnh, đồ nội thất, dàn âm thanh nổi, đồ trang sức hoặc đồ bạc, khoản thu nhập của bạn sẽ bị đánh thuế dưới như lãi vốn. Khai báo nó theo phần hướng dẫn được giải thích tại Bảng D (Mẫu 1040). Bạn không thể khấu trừ một khoản tiền vốn bị lỗ.

Tuy nhiên, nếu bạn đã bán một mặt hàng bạn nắm giữ để đầu tư, ví dụ như vàng hoặc bạc thời, tiền xu hoặc đá quý, thì bất kỳ khoản thu đều bị đánh thuế như lãi vốn và mọi khoản lỗ đều được khấu trừ như tiền vốn bị lỗ trong việc đầu tư.

Ví dụ. Bạn bán một bức tranh trên một trang web đấu giá trực tuyến với giá \$100. Bạn đã mua bức tranh với giá \$20 tại một hội chợ giảm giá nhiều năm trước. Khai báo khoản lãi của bạn như lãi vốn được giải thích trong Hướng dẫn cho Bảng D (Mẫu 1040).

Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh. Một thí sinh học để lấy bằng có thể loại trừ số tiền nhận được như một học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm đủ điều kiện. Học bổng hoặc trợ cấp nghiên cứu sinh đủ điều kiện là số tiền bạn nhận được bao gồm:

- Tiền học và phí để đăng ký hoặc theo học tại một cơ sở giáo dục; hoặc
- Phí, sách, vật tư và thiết bị cần thiết cho khóa học tại cơ sở giáo dục.

Số tiền được sử dụng cho phí ăn và ở không đủ điều kiện để loại trừ. Xem Ấn phẩm 970 để tìm hiểu thêm thông tin về trợ cấp học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm đủ điều kiện.

Chi phí dịch vụ. Trong hầu hết các trường hợp, bạn phải tính phần thu nhập của bất kỳ học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm nào đại diện cho khoản thanh toán cho việc giảng dạy,

nghiên cứu trong quá khứ, hiện tại, hay tương lai, hay các dịch vụ khác. Quy định này áp dụng ngay cả khi tất cả các thí sinh học để lấy bằng phải thực hiện các dịch vụ để nhận được bằng.

Để biết thông tin về các quy tắc áp dụng cho việc giảm học phí đủ điều kiện miễn thuế do một tổ chức giáo dục cung cấp cho nhân viên và gia đình của họ, hãy tham khảo Ấn phẩm 970.

Thanh toán của Bộ Cựu Chiến binh (VA). Khoản trợ cấp do VA trả không được tính vào thu nhập của bạn. Khoản trợ cấp này không được coi là trợ cấp bồi thường hoặc học bổng cho người đi làm.

Giải thưởng. Giải thưởng học bổng giành được trong một cuộc thi không phải là học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm nếu bạn không sử dụng giải thưởng cho mục đích giáo dục. Bạn phải khai báo số tiền này vào thu nhập của mình trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8i, cho dù bạn có sử dụng số tiền này cho mục đích giáo dục hay không.

Kinh tế chia sẻ/gig. Nền kinh tế chia sẻ là nền kinh tế trong đó tài sản được chia sẻ giữa các cá nhân với một khoản phí, thường là thông qua internet. Ví dụ: bạn cho thuê ô tô khi không cần đến hoặc bạn chia sẻ tài khoản wi-fi của mình với một khoản phí.

Nền kinh tế gig là nền kinh tế trong đó hợp đồng ngắn hạn hoặc công việc tự do là tiêu chuẩn, trái ngược với công việc lâu dài. Ví dụ: bạn lái xe cho một dịch vụ đi chung xe hoặc làm huấn luyện viên thể dục, người trông trẻ hoặc gia sư.

Nói chung, nếu bạn có thu nhập do giao dịch trong nền kinh tế chia sẻ hay đã làm công việc gig, bạn phải gộp cả thu nhập nhận được từ tất cả các công việc cho dù bạn đã nhận được Mẫu 1099-K, Giao dịch qua thẻ thanh toán và mạng của bên thứ ba hay không. Xem Hướng dẫn cho Bảng C (Mẫu 1040) và Hướng dẫn cho Bảng SE (Mẫu 1040).

Thay đổi cho yêu cầu báo cáo của Mẫu 1099-K. Đối với các năm dương lịch sau năm 2023, ngưỡng báo cáo thấp hơn sẽ dẫn đến nhiều người nhận được Mẫu 1099-K hơn. Đối với năm dương lịch 2024, người đóng thuế chấp nhận thanh toán từ tổ chức thanh toán bên thứ ba sẽ nhận được Mẫu 1099-K nếu tổng số tiền họ nhận được cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ vượt quá \$5.000 trong năm dương lịch. Sử dụng số tiền được báo cáo trên Mẫu 1099-K với các hồ sơ thuế khác của bạn để tính thu nhập chịu thuế của bạn. Người đóng thuế nhận được thanh toán dưới dạng tổng thu nhập trong hoạt động thương mại hoặc kinh doanh nên khai báo tổng thu nhập của họ trên Bảng C (Mẫu 1040). Người đóng thuế nhận được thanh toán cho việc bán tài sản vốn có lãi nên khai báo việc bán trên Mẫu 8949 và Bảng D (Mẫu 1040). Người đóng thuế nhận được khoản thanh toán cho việc bán tài sản được sử dụng trong thương mại hoặc kinh doanh hoặc nắm giữ để sản xuất thu nhập, đối với khoản khấu hao đã hoặc đáng lẽ phải được yêu cầu khấu hao, hãy khai báo việc bán trên Mẫu 4797. Người đóng thuế nhận được khoản thanh toán từ việc bán một vật dụng cá nhân được bán có lãi sẽ coi việc bán này là việc bán một tài sản vốn như đã thảo luận ở trên. Nếu vật dụng cá nhân được bán lỗ, thì khoản lỗ thường không được khấu trừ. Khai báo số tiền bán là thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z, và cùng số tiền đó là khoản khấu trừ trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 24z. Nếu khoản lỗ là kết quả của một mất mát trong thiên tai do liên bang tuyên bố, hãy xem hướng dẫn cho Bảng A (Mẫu 1040), dòng 15. Nếu Mẫu 1099-K báo cáo sai khoản hoàn trả cho các chi phí cá nhân, hãy khai báo số tiền trên cả Bảng 1 (Mẫu 1040), các dòng 8z và 24z. Để biết

thêm thông tin về Mẫu 1099-K, hãy xem *Hướng dẫn cho Người nhận tiền* có trong mẫu đó và các câu hỏi thường gặp và thông tin khác tại [IRS.gov/1099K](https://www.irs.gov/1099K).

Thanh toán thuế tiểu bang. Không bao gồm các khoản thanh toán trên tờ khai thuế của bạn được thực hiện bởi các tiểu bang theo các chương trình phúc lợi xã hội được luật pháp quy định nhằm thúc đẩy phúc lợi chung. Để đủ điều kiện được loại trừ phúc lợi chung, các khoản thanh toán của tiểu bang phải được thanh toán từ quỹ chính phủ, nhằm mục đích thúc đẩy phúc lợi chung (nghĩa là dựa trên nhu cầu của cá nhân hoặc gia đình nhận các khoản thanh toán đó) và không phải là thù lao cho các dịch vụ.

Tài sản đánh cắp. Nếu bạn đánh cắp tài sản, bạn phải khai báo giá trị thị trường hợp lý của nó trong thu nhập của bạn trong năm bạn đánh cắp, trừ khi bạn trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp của nó trong cùng năm đó.

Đưa đón trẻ em đến trường. Không tính vào thu nhập của bạn khoản trợ cấp theo từng dặm đường của hội đồng nhà trường để đưa trẻ đến trường nếu bạn không kinh doanh dịch vụ đưa trẻ đến trường. Bạn không thể khấu trừ chi phí cung cấp việc đưa đón này.

Trợ cấp và lệ phí công đoàn. Số tiền được khấu trừ từ khoản thanh toán của bạn cho phí công đoàn, đánh giá, đóng góp hay các khoản thanh toán khác cho công đoàn không được loại trừ khỏi thu nhập của bạn.

Trợ cấp do hành động đình công và khóa xưởng. Các quyền lợi do công đoàn trả cho bạn dưới dạng Trợ cấp do hành động đình công hay khóa xưởng, bao gồm cả tiền mặt và giá trị thị trường hợp lý của tài sản khác, thường được gộp trong thu nhập của bạn như một khoản bồi thường. Bạn chỉ có thể loại trừ những quyền lợi này khỏi thu nhập của bạn khi các dữ kiện cho thấy rõ ràng rằng công đoàn dùng chúng làm quà tặng cho bạn.

Tiền hoàn lại của tiện ích. Nếu bạn là khách hàng của một công ty tiện ích về điện và bạn tham gia vào chương trình bảo tồn năng lượng của công ty, bạn có thể nhận được trên hóa đơn điện hàng tháng của bạn:

- Giảm giá mua điện cung cấp cho bạn (giảm đơn giá), hoặc
- Tín thuế không hoàn lại trên giá mua điện.

Số tiền giảm giá hoặc tín thuế không hoàn lại không được tính trong thu nhập của bạn.

9.

Quỹ Hưu trí Cá nhân (IRA)

Quy định mới

Hạn mức đóng góp cho IRA được tăng lên. Bắt đầu từ năm 2024, hạn mức đóng góp IRA sẽ tăng

lên \$7.000 (\$8.000 cho những cá nhân từ 50 tuổi trở lên) từ \$7.000 (\$7.500 cho những cá nhân từ 50 tuổi trở lên).

Phân phối cho nạn nhân của bạo hành gia đình. Bắt đầu với các khoản phân phối được thực hiện sau ngày 31 tháng 12, 2023, khoản phân phối cho nạn nhân của bạo hành gia đình không phải chịu mức thuế bổ sung 10% đối với các khoản phân phối sớm nếu đáp ứng được một số yêu cầu nhất định. Xem Ấn phẩm 590-B để biết thêm thông tin.

Phân phối cho chi phí cá nhân khẩn cấp. Bắt đầu từ các khoản phân phối được thực hiện sau ngày 31 tháng 12, 2023, khoản phân phối cho một cá nhân để chi trả một số chi phí cá nhân khẩn cấp sẽ không phải chịu mức thuế bổ sung 10% đối với các khoản phân phối sớm nếu đáp ứng được một số yêu cầu nhất định.

Hạn mức tổng thu nhập được điều chỉnh (AGI) đã sửa đổi cho các khoản đóng góp IRA truyền thống. Đối với năm 2024, nếu bạn được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc, khoản khấu trừ của bạn cho các khoản đóng góp cho IRA truyền thống sẽ được cắt giảm (loại bỏ dần) nếu AGI đã sửa đổi của bạn là:

- Hơn \$123.000 nhưng ít hơn \$143.000 đối với vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện,
- Hơn \$77.000 nhưng ít hơn \$87.000 đối với một cá nhân độc thân hoặc chủ gia đình, hoặc
- Dưới \$10.000 đối với một cá nhân đã kết hôn khai riêng hồ sơ thuế.

Nếu bạn sống với vợ/chồng của mình hoặc khai chung hồ sơ thuế và vợ/chồng của bạn được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc nhưng bạn thì không, khoản khấu trừ của bạn sẽ được loại bỏ dần nếu AGI đã sửa đổi của bạn nhiều hơn \$230.000 nhưng ít hơn \$240.000. Nếu AGI đã sửa đổi của bạn từ \$240.000 trở lên, bạn sẽ không được khấu trừ các khoản đóng góp cho IRA truyền thống. Xem [Sổ tiện bạn có thể khấu trừ](#), ở phần sau.

Hạn mức AGI đã sửa đổi cho các khoản đóng góp IRA Roth. Đối với năm 2024, hạn mức đóng góp IRA Roth của bạn được cắt giảm (loại bỏ dần) trong các trường hợp sau.

- Tư cách khai thuế của bạn là vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại và AGI đã sửa đổi của bạn tối thiểu là \$230.000. Bạn không thể đóng góp IRA Roth nếu AGI đã sửa đổi của bạn là từ \$240.000 trở lên.
- Tư cách khai thuế của bạn là độc thân, chủ gia đình hoặc vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn không sống cùng vợ/chồng của mình trong năm 2024 và AGI đã sửa đổi của bạn tối thiểu là \$146.000. Bạn không thể đóng góp IRA Roth nếu AGI đã sửa đổi của bạn là từ \$161.000 trở lên.
- Tư cách khai thuế của bạn là vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế, bạn đã sống cùng với vợ/chồng của mình trong năm và AGI đã sửa đổi của bạn lớn hơn 0. Bạn không thể đóng góp IRA Roth nếu AGI đã sửa đổi của bạn là từ \$10.000 trở lên.

Xem [Bạn có thể đóng góp cho IRA Roth không?](#), ở phần sau.

Hạn mức AGI đã sửa đổi năm 2025. Bạn có thể tìm kiếm thông tin về việc đóng góp cho năm 2025 và hạn mức AGI trong Ấn phẩm 590-A.

Nhắc nhở

Đóng góp cho cả hai IRA truyền thống và Roth. Để tìm hiểu thông tin về hạn mức đóng góp kết hợp của bạn nếu bạn đóng góp cho cả IRA truyền thống và Roth, xem [IRA Roth và IRA truyền thống](#), ở phần sau.

Báo cáo về phân phối tối thiểu cần thiết. Nếu có yêu cầu phân phối tối thiểu từ IRA của bạn thì người được ủy thác, người trông coi hoặc tổ chức phát hành đã năm giữ IRA vào cuối năm trước đó phải báo cáo số tiền phân phối tối thiểu bắt buộc của bạn hoặc đề nghị tính nó cho bạn. Báo cáo hoặc đề nghị phải bao gồm ngày mà số tiền phải được phân phối. Hạn báo cáo là vào ngày 31 tháng 1 của năm có yêu cầu phân phối tối thiểu. Nó có thể được cung cấp cùng với báo cáo giá trị thị trường hợp lý cuối năm mà bạn thường nhận được mỗi năm. Không cần báo cáo IRA của người đã qua đời.

Tiền lãi của IRA. Mặc dù tiền lãi kiếm được từ IRA của bạn thường không phải chịu thuế trong năm kiếm được nhưng nó không phải là tiền lãi được miễn thuế. Thuế đối với IRA truyền thống của bạn thường được hoãn lại cho đến khi bạn nhận được phân phối. Không báo cáo khoản tiền lãi này trên tờ khai thuế của bạn là tiền lãi được miễn thuế.

Thuế thu nhập đầu tư ròng (NIIT). Để phục vụ mục đích của NIIT, thu nhập đầu tư ròng không bao gồm các khoản phân phối từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện tính cả IRA (ví dụ: chương trình 401 (a), 403 (a), 403 (b), 408, 408A, hoặc 457 (b)). Tuy nhiên, các khoản phân phối này sẽ được xem xét khi xác định ngưỡng AGI đã được sửa đổi. Các khoản phân phối từ kế hoạch hưu trí không đủ tiêu chuẩn sẽ được tính vào thu nhập đầu tư ròng. Xem Mẫu 8960, Thuế thu nhập đầu tư ròng-Cá nhân, Di sản và Quỹ tín thác và các hướng dẫn để tìm hiểu thêm thông tin.

Mẫu 8606. Để chỉ định các khoản đóng góp là không thể khấu trừ, bạn phải khai nó trên Mẫu 8606.

TIP Thuật ngữ “50 trở lên” được sử dụng nhiều lần trong chương này. Nó dùng để chỉ chủ sở hữu IRA từ 50 tuổi trở lên vào thời điểm cuối năm tính thuế.

Giới thiệu

IRA là một kế hoạch tiết kiệm để dành cá nhân mang lại cho bạn các lợi ích về thuế khi để dành tiền hưu trí.

Chương này sẽ thảo luận về các chủ đề sau.

- Các quy định đối với IRA truyền thống (bất kỳ IRA nào không phải là Roth hoặc SIMPLE).
- IRA Roth với các khoản đóng góp không hạn mức và phân phối miễn thuế.

Đơn giản hóa Hưu trí cho Nhân viên (SEP) và Kế hoạch Khuyến khích tiết kiệm tương ứng cho Nhân viên (SIMPLE) sẽ không được thảo luận trong chương này. Để biết thêm thông tin về các chương trình này và IRA SEP và IRA SIMPLE của nhân viên nằm trong chương trình này, tham khảo Ấn phẩm 560.

Để biết thêm thông tin về các khoản đóng góp, khấu trừ, rút tiền, chuyển qua, chuyển tiếp và các giao dịch khác, xem Ấn phẩm 590-A và Ấn phẩm 590-B.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

- Ấn phẩm
- 560 Kế hoạch hưu trí cho Doanh nghiệp nhỏ
 - 575 Thu nhập lương hưu và niên kim
 - 590-A Đóng góp vào Quỹ Hưu trí Cá nhân (IRA)
 - 590-B Phân phối từ Quỹ Hưu trí Cá nhân (IRA)
- Mẫu (và Hướng dẫn)
- 5329 Thuế bổ sung cho các Chương trình đủ điều kiện (kể cả IRA) và các Tài khoản được ưu đãi về thuế khác
 - 8606 IRA không được khấu trừ
 - 8915-F Phân phối và hoàn trả cho kế hoạch hưu trí do thiên tai đủ điều kiện

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms](https://www.irs.gov/Forms) (tiếng Anh).

IRA truyền thống

Trong chương này, IRA ban đầu (đôi khi được gọi là IRA thông thường hoặc bình thường) được gọi là “IRA truyền thống.” IRA truyền thống là tất cả IRA không phải là IRA Roth hoặc IRA SIMPLE. Hai lợi thế của IRA truyền thống là:

- Bạn có thể khấu trừ một số hoặc tất cả các khoản đóng góp của mình vào đó tùy theo hoàn cảnh của bạn; và
- Số tiền trong IRA của bạn, tính cả thu nhập và lãi, thường sẽ không phải chịu thuế cho đến khi chúng được phân phối.

Ai có thể mở một IRA truyền thống?

Bạn có thể mở và đóng góp vào một IRA truyền thống nếu bạn (hoặc vợ/chồng của bạn nếu bạn khai thuế chung) nhận được thù lao chịu thuế trong năm.

TIP Đối với các năm tính thuế bắt đầu sau năm 2019, không có giới hạn độ tuổi đóng góp cho IRA truyền thống của bạn. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 590-A.

Thù lao là gì? Thông thường, thù lao là những gì bạn kiếm được từ việc lao động. Thù lao bao gồm tiền công, tiền lương, tiền boa, phí chuyên môn, tiền thưởng và các khoản tiền khác mà bạn nhận được khi cung cấp các dịch vụ cá nhân. IRS coi tất cả các khoản tiền nào được ghi trong ô 1 (Tiền lương, tiền boa, các khoản thù lao khác) của Mẫu W-2, Báo cáo Tiền lương và thuế là thù lao với điều kiện số tiền này được giảm bởi bất kỳ khoản tiền nào đã được ghi trong ô 11 (Kế hoạch không đủ điều kiện).

Học bổng thường và tiền trợ cấp nghiên cứu là thù lao cho mục đích này nếu được hiển thị trong ô 1 của Mẫu W-2 của bạn. Tuy nhiên, đối với các năm tính thuế bắt đầu sau năm 2019, một số tiền trợ cấp nghiên cứu không phải học phí và tiền trợ cấp thực tập không được khai báo trên Mẫu W-2 của bạn được coi là thù lao chịu thuế cho các mục đích của IRA. Những khoản tiền này bao gồm tiền trợ cấp nghiên cứu không phải học phí và tiền trợ cấp thực tập được thực hiện để hỗ trợ bạn theo đuổi học tập cao học hoặc sau tiến sĩ và bao gồm trong tổng thu nhập của bạn theo các quy tắc được thảo luận trong

Chương 1 của Ấn phẩm 970, Lợi ích thuế cho Giáo dục.

Thù lao cũng bao gồm tiền hoa hồng và tiền cấp dưỡng chịu thuế và tiền bảo trì sau ly thân.

Thu nhập tự kinh doanh. Nếu bạn là người tự kinh doanh (doanh nghiệp cá thể hoặc hội viên) thù lao là thu nhập ròng từ việc buôn bán hoặc kinh doanh của bạn (với điều kiện các dịch vụ cá nhân của bạn là một yếu tố tạo ra thu nhập vật chất) cắt giảm đi tổng của:

- Khoản khấu trừ cho các khoản đóng góp trên danh nghĩa của bạn cho các kế hoạch hưu trí, và
- Phần được khấu trừ từ thuế tự kinh doanh của bạn.

Thù lao bao gồm thu nhập từ việc tự kinh doanh ngay cả khi chúng không phải chịu thuế tự kinh doanh nhờ vào niềm tin tôn giáo của bạn.

Lương chiến đấu không chịu thuế. Đối với các mục đích của IRA, nếu bạn là thành viên của Lực lượng Vũ trang Hoa Kỳ thì thù lao của bạn sẽ bao gồm tất cả tiền lương chiến đấu mà bạn nhận được.

Khoản nào không phải là thù lao? Thù lao không bao gồm các mục sau đây.

- Thu nhập và lợi nhuận từ tài sản, chẳng hạn như thu nhập cho thuê nhà, thu nhập từ tiền lãi và thu nhập cổ phần.
- Thu nhập hưu trí hoặc niên kim.
- Thù lao hoãn thuế đã nhận (thù lao bị hoãn trả từ một năm trước).
- Thu nhập từ hợp danh mà bạn không cung cấp các dịch vụ được coi là yếu tố tạo ra thu nhập vật chất.
- Các khoản thanh toán cho Chương trình Dự trữ bảo tồn (Conservation Reserve Program, CRP) được khai báo trên Bảng SE (Mẫu 1040), dòng 1b.
- Bất kỳ khoản tiền nào (ngoài tiền lương chiến đấu) mà bạn loại trừ khỏi thu nhập, chẳng hạn như thu nhập kiếm được từ nước ngoài và chi phí nhà ở.

Khi nào và làm thế nào để mở một IRA truyền thống?

Bạn có thể mở một IRA truyền thống vào bất kỳ lúc nào. Tuy nhiên, thời gian đóng góp cho từng năm là có giới hạn. Xem [Thời điểm có thể thực hiện đóng góp](#), ở phần sau.

Bạn có thể mở các loại IRA khác nhau với nhiều tổ chức khác nhau. Bạn có thể mở IRA tại một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính khác hoặc với một quỹ tương hỗ hoặc công ty bảo hiểm nhân thọ. Bạn cũng có thể mở IRA thông qua công ty môi giới chứng khoán của mình. Tất cả IRA phải đáp ứng các yêu cầu của Bộ Luật Thuế Vụ.

Các loại IRA truyền thống. IRA truyền thống của bạn có thể là tương tự như kế hoạch hưu trí cá nhân hoặc niên kim. Nó có thể là một phần của SEP hoặc tài khoản ủy thác của chủ lao động hoặc hiệp hội nhân viên.

Có thể đóng góp bao nhiêu?

IRA truyền thống có các hạn mức và các quy định khác ảnh hưởng đến số tiền đóng góp. Những hạn

mức này và các quy định khác sẽ được giải thích dưới đây.

Luật tài sản chung. Trừ trường hợp như được trình bày ở sau theo [Hạn mức của IRA của Người phối ngẫu Kay Bailey Hutchison](#), mỗi người vợ/chồng sẽ tính hạn mức riêng của họ bằng cách sử dụng số thù lao của riêng họ. Quy định này được áp dụng ở cả các tiểu bang có luật tài sản chung.

Hoa hồng môi giới. Hoa hồng của công ty môi giới được trả liên quan đến IRA truyền thống của bạn phải tuân theo hạn mức đóng góp.

Phí ủy thác. Phí hành chính của người được ủy thác không phải tuân theo hạn mức đóng góp.

Các khoản hoàn trả của lĩnh dự bị đủ điều kiện. Nếu bạn đang (hoặc đã từng) là thành viên thuộc thành phần dự bị và bạn được lệnh hoặc được gọi đi làm nhiệm vụ tại ngũ sau ngày 11 tháng 9 năm 2001, bạn có thể đóng góp (hoàn trả) cho IRA khoản tiền tương đương với bất kỳ phân phối của lĩnh dự bị đủ điều kiện nào mà bạn đã nhận được. Bạn có thể thực hiện các khoản đóng góp hoàn trả này ngay cả khi chúng khiến tổng số tiền đóng góp của bạn cho IRA vượt quá hạn mức chung cho phép đóng góp. Để đủ điều kiện thực hiện các khoản đóng góp hoàn trả này, bạn phải nhận được phân phối dự phòng đủ điều kiện từ IRA hoặc từ chương trình đợt 401 (k) hoặc 403 (b) hoặc thỏa thuận tương tự.

Để biết thêm thông tin, xem *Qualified reservist repayments (Các khoản hoàn trả của lĩnh dự bị đủ điều kiện)* trong mục *How Much Can Be Contributed? (Số tiền có thể đóng góp?)* tại chương 1 của Ấn phẩm 590-A.

CAUTION Các khoản đóng góp trên danh nghĩa của bạn cho IRA truyền thống sẽ làm giảm hạn mức đóng góp cho IRA Roth. (Xem [IRA Roth](#) ở phần sau.)

Hạn mức tổng quát. Đối với năm 2024, số tiền lớn nhất bạn có thể đóng góp cho IRA truyền thống thường sẽ nhỏ hơn các con số sau đây.

- \$7.000 (\$8.000 nếu bạn từ 50 tuổi trở lên).
- Thù lao** chịu thuế của bạn (đã được xác định trước đó) trong năm.

Đây là số tiền lớn nhất có thể được đóng góp mà không tính đến việc các khoản đóng góp đó là cho một hay nhiều IRA truyền thống hay tất cả hoặc một phần đóng góp là không thể khấu trừ. (Xem [Đóng góp không thể khấu trừ](#), ở phần sau.) Các khoản hoàn trả của lĩnh dự bị đủ điều kiện không ảnh hưởng đến hạn mức này.

Ví dụ 1. Bạn 34 tuổi và độc thân và có thu nhập là \$24.000 trong năm 2024. Các khoản đóng góp IRA của bạn cho năm 2024 được giới hạn ở mức là \$7.000.

Ví dụ 2. Bạn là một sinh viên đại học chưa lập gia đình làm việc bán thời gian và kiếm được \$3.500 trong năm 2024. Các khoản đóng góp IRA của bạn cho năm 2024 được giới hạn ở mức là \$3.500, bằng với số thù lao của bạn.

Hạn mức của IRA của Người phối ngẫu Kay Bailey Hutchison. Đối với năm 2024, nếu bạn khai chung hồ sơ thuế và thù lao chịu thuế của bạn ít hơn của vợ/chồng mình thì số tiền tối đa bạn có thể đóng góp trong năm cho IRA của mình sẽ nhỏ hơn các con số sau đây.

- 1. \$7.000 (\$8.000 nếu bạn từ 50 tuổi trở lên).

2. Tổng số thù lao được bao gồm trong tổng thu nhập của cả bạn và vợ/chồng của bạn trong năm sẽ được giảm đi hai khoản sau.

- Khoản đóng góp IRA của vợ/chồng bạn trong năm cho IRA truyền thống.
- Bất kỳ khoản đóng góp nào trong năm cho IRA Roth trên danh nghĩa vợ/chồng của bạn.

Điều này có nghĩa là tổng số tiền đóng góp kết hợp có thể được thực hiện trong năm cho IRA của bạn và IRA của vợ/chồng bạn có thể lên tới \$14.000 (\$15.000 nếu chỉ một trong hai người từ 50 tuổi trở lên hoặc \$16.000 nếu cả hai từ 50 tuổi trở lên).

Thời điểm có thể thực hiện đóng góp?

Bạn có thể thực hiện đóng góp ngay sau khi mở IRA truyền thống thông qua người bảo trợ mà bạn đã chọn (người được ủy thác hoặc quản trị viên khác). Các khoản đóng góp phải dưới dạng tiền (tiền mặt, séc hoặc lệnh phiếu). Không được đóng góp bằng tài sản.

Đóng góp phải được thực hiện trước ngày đến hạn. Bạn có thể đóng góp vào IRA truyền thống của mình trong một năm tại bất kỳ thời điểm nào trong năm hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế của năm đó, không bao gồm thời gian gia hạn.

Chỉ định năm đóng góp. Nếu một khoản tiền được đóng góp cho IRA truyền thống của bạn trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 15 tháng 4, bạn nên cho người bảo trợ biết khoản tiền đó đóng góp cho năm nào (năm hiện tại hoặc năm trước). Nếu bạn không cho người bảo trợ biết chính xác năm thì người đó có thể giả định và khai báo với IRS rằng khoản đóng góp đó là cho năm hiện tại (năm mà người bảo trợ nhận được khoản đóng góp).

Khai thuế trước khi đóng góp. Bạn có thể nộp tờ khai thuế yêu cầu khoản đóng góp IRA truyền thống trước khi thực hiện đóng góp. Khoản đóng góp thường phải được thực hiện trước ngày đến hạn của tờ khai thuế của bạn, không bao gồm thời gian gia hạn.

Không bắt buộc phải đóng góp. Bạn không cần phải đóng góp cho IRA truyền thống của mình cho mỗi năm chịu thuế dù có thể đóng góp.

Số tiền bạn có thể khấu trừ?

Thông thường, bạn có thể khấu trừ phần nhỏ hơn của:

- Những khoản đóng góp cho IRA truyền thống của bạn trong năm, hoặc
- Hạn mức chung (hoặc Hạn mức của IRA của Người phối ngẫu Kay Bailey Hutchison nếu có thể áp dụng).

Tuy nhiên, nếu bạn hoặc vợ/chồng của bạn được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động thì bạn có thể sẽ không thể khấu trừ số tiền này. Xem [Hạn mức nếu được bao trả theo chương trình của Chủ lao động](#), ở phần sau.



Bạn có thể yêu cầu tín thuế cho những khoản đóng góp cho IRA truyền thống của mình. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem chương 3 của Ấn phẩm 590-A.

Phí ủy thác. Phí hành chính của người được ủy thác được lập hóa đơn riêng và được thanh toán theo IRA truyền thống của bạn sẽ không được khấu trừ dưới dạng đóng góp IRA. Bạn cũng không thể khấu trừ các khoản phí này như một khoản khấu trừ từng khoản.

Hoa hồng môi giới. Hoa hồng của công ty môi giới là một phần trong khoản đóng góp IRA của bạn và do đó nó phải được khấu trừ theo các giới hạn.

Khấu trừ toàn bộ. Nếu cả bạn và vợ/chồng của bạn đều không được bao trả trong một phần của năm theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động, bạn có thể khấu trừ tổng số tiền đóng góp cho một hoặc nhiều IRA truyền thống lên đến con số thấp hơn:

- \$7.000 (\$8.000 nếu bạn 50 tuổi trở lên vào năm 2024), hoặc
- 100% thù lao của bạn.

Bất kỳ khoản đóng góp nào vào chương trình của đoạn 501 (c) (18) trên danh nghĩa của bạn sẽ làm giảm hạn mức đóng góp này.

IRA của Người phối ngẫu Kay Bailey Hutchison. Trong trường hợp một cặp vợ chồng có mức thù lao không bằng nhau khai chung hồ sơ thuế thì khoản khấu trừ cho các khoản đóng góp cho IRA truyền thống của người vợ/chồng có số thù lao thấp hơn được giới hạn ở mức thấp hơn các con số sau.

- \$7.000 (\$8.000 nếu người vợ/chồng có mức thù lao thấp hơn đủ 50 tuổi trở lên vào năm 2024).
- Tổng số thù lao được bao gồm trong tổng thu nhập của cả hai vợ chồng trong năm sẽ được giảm đi ba khoản sau.
 - Khoản khấu trừ IRA trong năm đó của người vợ/chồng có số thù lao lớn hơn.
 - Bất kỳ khoản đóng góp không giới hạn nào được chỉ định trong năm được thực hiện trên danh nghĩa của người vợ/chồng có số thù lao lớn hơn.
 - Bất kỳ khoản đóng góp nào trong năm đó vào IRA Roth trên danh nghĩa của người vợ/chồng có số thù lao hơn.

Hạn mức này được giảm trừ tất cả khoản đóng góp vào chương trình 501 (c) (18) trên danh nghĩa của người vợ/chồng có số thù lao thấp hơn.

Ghi chú. Nếu bạn đã ly hôn hoặc ly thân hợp pháp (và không tái hôn) trước thời điểm cuối năm thì bạn không thể khấu trừ bất kỳ khoản đóng góp nào cho IRA của vợ/chồng của mình. Sau khi ly hôn hoặc ly thân hợp pháp, bạn chỉ có thể khấu trừ các khoản đóng góp cho IRA của riêng mình. Các khoản khấu trừ của bạn phải tuân theo các quy định dành cho người độc thân.

Được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động. Nếu bạn hoặc vợ/chồng của bạn được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động trong năm mà bạn đã thực hiện các khoản đóng góp thì khoản khấu trừ của bạn có thể bị giới hạn hơn nữa. Nội dung này sẽ được thảo luận sau trong [Hạn mức nếu được bao trả theo chương trình của Chủ lao động](#). Hạn mức về số tiền bạn có thể khấu trừ không ảnh hưởng đến số tiền có thể đóng góp. Xem [Đóng góp không thể khấu trừ](#) sau đây.

Bạn có được bao trả theo kế hoạch hưu trí của Chủ lao động không?

Mẫu W-2 mà bạn nhận được từ chủ lao động của mình có một ô được sử dụng để cho biết liệu bạn có được bao trả trong năm hay không. Ô “Retirement plan (Kế hoạch hưu trí)” sẽ được đánh dấu trong trường hợp bạn được bao trả.

Quản nhân dự bị và lính cứu hỏa tình nguyện cũng nên tham khảo [Các trường hợp không được bao trả](#), ở phần sau.

Nếu bạn không chắc liệu mình có được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động hay không, hãy hỏi chủ lao động của bạn.

Các thẩm phán liên bang. Để phục vụ mục đích khấu trừ IRA, các thẩm phán liên bang được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động.

Bạn được bao trả cho (những) năm nào?

Các quy định đặc biệt được áp dụng để xác định các năm chịu thuế mà bạn được bao trả theo chương trình của chủ lao động. Các quy định này có sự khác biệt tùy theo chương trình này là một chương trình đóng góp xác định hay một chương trình phúc lợi xác định.

Năm chịu thuế. Năm chịu thuế của bạn là chu kỳ kế toán hàng năm để bạn lưu giữ và báo cáo thu nhập và chi phí trên tờ khai thuế thu nhập của mình. Đối với hầu hết mọi người, năm chịu thuế là năm theo niên lịch.

Chương trình đóng góp được xác định. Thông thường, bạn sẽ được bao trả theo một chương trình đóng góp xác định cho một năm chịu thuế nếu số tiền được đóng góp hoặc phân bổ vào tài khoản của bạn cho năm chương trình kết thúc cùng hoặc trong năm chịu thuế đó.

Một chương trình đóng góp xác định là chương trình cung cấp một tài khoản riêng cho mỗi người tham gia chương trình. Các loại chương trình đóng góp xác định bao gồm chương trình chia sẻ lợi nhuận, chương trình thưởng cổ phiếu và kế hoạch hưu trí mua tiền. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 590-A.

Chương trình quyền lợi được xác định. Nếu bạn đủ điều kiện để tham gia vào chương trình quyền lợi xác định của chủ lao động cho năm chương trình kết thúc trong năm chịu thuế của bạn thì tức là bạn đang được bao trả theo chương trình này. Quy định này áp dụng ngay cả khi bạn:

- Từ chối tham gia chương trình,
- Không đóng góp theo quy định, hoặc
- Không thực hiện dịch vụ tối thiểu cần thiết để tích lũy quyền lợi trong năm.

Một chương trình quyền lợi xác định là tất cả các chương trình không phải là chương trình đóng góp xác định. Trong một chương trình quyền lợi xác định, mức quyền lợi đối với mỗi người tham gia được nêu cụ thể trong chương trình. Nhà quản lý chương trình sẽ tính toán số tiền cần thiết để cung cấp những quyền lợi đó và số tiền đó sẽ được đóng góp vào chương trình. Các chương trình quyền lợi xác định bao gồm các kế hoạch hưu trí và chương trình niên kim.

Không có quyền lợi được đảm bảo. Nếu bạn tích lũy được một khoản trợ cấp cho một năm của chương trình, bạn sẽ được hưởng bao trả theo chương trình đó ngay cả khi bạn không có quyền lợi

Bảng 9-1. Ảnh hưởng của AGI đã sửa đổi¹ đối với Khấu trừ nếu bạn được bao trả theo Kế hoạch Hưu trí tại nơi làm việc.

Nếu bạn được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc, hãy sử dụng bảng này để xác định xem AGI đã sửa đổi của bạn có ảnh hưởng đến số tiền khấu trừ của bạn hay không.

NẾU tư cách khai thuế của bạn là...	VÀ AGI đã sửa đổi của bạn là...	THÌ bạn có thể nhận được...
Độc thân hoặc	\$77.000 trở xuống	khấu trừ đầy đủ.
	nhiều hơn \$77.000 nhưng ít hơn \$87.000	khấu trừ một phần.
Chủ gia đình	\$87.000 trở lên	không được khấu trừ.
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc	\$123.000 trở xuống	khấu trừ đầy đủ.
	nhiều hơn \$123.000 nhưng ít hơn \$143.000	khấu trừ một phần.
Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	\$143.000 trở lên	không được khấu trừ.
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế²	dưới \$10.000	khấu trừ một phần.
	\$10.000 trở lên	không được khấu trừ.

¹ AGI đã sửa đổi . Xem [AGI đã sửa đổi](#) ở phần sau.
² Nếu bạn không chung sống cùng vợ/chồng của mình trong năm thì tư cách khai thuế của bạn được coi là Độc thân cho mục đích này (do đó, khoản khấu trừ IRA của bạn được xác định trong cột "Độc thân").

được đảm bảo (quyền hợp pháp) đối với khoản tích lũy đó.

Các trường hợp không được bao trả

Trừ trường hợp bạn đang được bao trả theo chương trình của chủ lao động khác, bạn sẽ không được bao trả theo chương trình của chủ lao động khi thuộc một trong các trường hợp được mô tả dưới đây.

An sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt. Bao trả theo an sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt không phải là bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động.

Quyền lợi từ kế hoạch của chủ lao động trước. Nếu bạn đang nhận quyền lợi hưu trí từ chương trình của chủ lao động trước đây thì bạn sẽ không được bao trả theo chương trình này.

Lính dự bị. Nếu lý do duy nhất mà bạn tham gia vào một chương trình là do đang là một thành viên thuộc một đơn vị dự bị của Lực lượng Vũ trang Hoa Kỳ thì bạn có thể sẽ không được bao trả theo chương trình này. Bạn không được bao trả theo chương trình này nếu có đủ cả hai điều kiện sau.

- 1. Chương trình bạn tham gia được lập ra cho nhân viên của mình tại:
 - a. Hoa Kỳ,
 - b. Một tiểu bang hoặc phân khu chính trị thuộc một tiểu bang, hoặc
 - c. Một cơ quan phát hành của (a) hoặc (b) ở trên.
- 2. Bạn không phục vụ tại ngũ quá 90 ngày trong năm (không tính thời gian đào tạo nghĩa vụ).

Lính cứu hỏa tình nguyện. Nếu lý do duy nhất mà bạn tham gia vào một chương trình là do đang là một lính cứu hỏa tình nguyện thì bạn có thể sẽ không được bao trả theo chương trình này. Bạn không được bao trả theo chương trình này nếu có đủ cả hai điều kiện sau.

- 1. Chương trình bạn tham gia được lập ra cho nhân viên của mình tại:
 - a. Hoa Kỳ,
 - b. Một tiểu bang hoặc phân khu chính trị thuộc một tiểu bang, hoặc
 - c. Một cơ quan phát hành của (a) hoặc (b) ở trên.
- 2. Trợ cấp hưu trí tích lũy của bạn vào đầu năm sẽ không quá \$1.800 mỗi năm khi nghỉ hưu.

Hạn mức nếu được bao trả theo chương trình của Chủ lao động

Nếu bạn hoặc vợ/chồng của bạn được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động thì bạn có thể chỉ được hưởng một phần khấu trừ (đã giảm) hoặc không khấu trừ tùy vào thu nhập và tư cách khai thuế của bạn.

Khoản khấu trừ của bạn sẽ bắt đầu giảm đi (loại bỏ dần) khi thu nhập của bạn tăng vượt quá một số tiền nhất định và bị loại bỏ hẳn khi nó đạt đến số tiền cao hơn. Những con số này sẽ thay đổi tùy vào tư cách khai thuế của bạn.

Để xác định xem khoản khấu trừ của bạn có bị giảm dần hay không, bạn phải xác định AGI đã sửa đổi và tư cách khai thuế của mình. Xem mục [Tư cách khai thuế](#) và [AGI đã sửa đổi](#), ở phần sau. Sau đó sử dụng [Bảng 9-1](#) hoặc [Bảng 9-2](#) để xác định mức giảm dần được áp dụng.

Người nhận phúc lợi an sinh xã hội. Thay vì sử dụng [Bảng 9-1](#) hoặc [Bảng 9-2](#), hãy sử dụng bảng tính trong *Appendix B (Phụ lục B)* của Ấn phẩm 590-A cho năm áp dụng đủ tất cả các điều kiện sau đây.

- Bạn đã nhận được phúc lợi an sinh xã hội.
- Bạn đã nhận được thù lao chịu thuế.
- Bạn đã đóng góp cho IRA truyền thống của mình.

- Bạn hoặc vợ/chồng của bạn đã được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động.

Sử dụng các bảng tính đó để tính khoản khấu trừ IRA, khoản đóng góp không thể khấu trừ của bạn và phần chịu thuế, nếu có, trong quyền lợi an sinh xã hội của bạn.

Khấu trừ giảm dần. Nếu bạn được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động và bạn không nhận được bất kỳ khoản trợ cấp hưu trí an sinh xã hội nào thì khoản khấu trừ IRA của bạn có thể bị giảm hoặc loại bỏ tùy vào tư cách khai thuế và AGI đã sửa đổi của bạn như được ghi trong [Bảng 9-1](#).

Nếu vợ/chồng của bạn được bao trả. Nếu bạn không được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động nhưng vợ/chồng của bạn thì có và bạn không nhận được bất kỳ khoản trợ cấp an sinh xã hội nào thì khoản khấu trừ IRA của bạn có thể được giảm bớt hoặc loại bỏ hoàn toàn tùy vào tư cách khai thuế và AGI đã sửa đổi của bạn như trong [Bảng 9-2](#).

Tư cách khai thuế. Tư cách khai thuế của bạn chủ yếu dựa vào tình trạng hôn nhân của bạn. Để khai thuế, bạn cần biết tư cách khai thuế của mình là độc thân, chủ gia đình, vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hay vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế. Nếu bạn cần thêm thông tin về tư cách khai thuế, vui lòng tham khảo [chương 2](#).

Sống xa vợ/chồng. Nếu bạn không chung sống với vợ/chồng của mình trong năm và bạn khai thuế riêng thì tư cách khai thuế của bạn, cho mục đích này, được coi là độc thân.

AGI đã sửa đổi. Bạn có thể sử dụng [Bảng tính 9-1](#) để tính AGI đã sửa đổi của mình. Tuy nhiên, nếu bạn đã đóng góp cho IRA của mình cho năm 2024 và nhận được phân phối từ IRA của bạn vào năm 2024, xem Ấn phẩm 590-A.

 **Đừng cho rằng AGI đã sửa đổi của bạn bằng với thù lao của bạn. AGI đã sửa đổi của bạn có thể bao gồm thu nhập cộng thù lao (đã đề cập trước đó) chẳng hạn như tiền lãi, cổ tức và thu nhập từ việc phân phối IRA.**

Khi khai thuế theo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, hãy báo trước số tiền AGI tại dòng 11 mà không bao gồm các khoản sau đây.

- Khoản khấu trừ IRA.
- Khoản khấu trừ lãi vay sinh viên.
- Loại trừ thu nhập kiếm được từ nước ngoài.
- Loại trừ hoặc khấu trừ thuế cho chi phí về nhà cửa ở nước ngoài.
- Loại trừ lãi suất trái phiếu tiết kiệm đủ tiêu chuẩn được ghi trên Mẫu 8815, Lãi được loại trừ từ Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ Sê-ri EE và I được phát hành sau năm 1989.
- Loại trừ các quyền lợi do nhận con nuôi mà chủ lao động cung cấp được ghi trên Mẫu 8839, Chi phí nhận con nuôi đủ điều kiện.

Đây là AGI đã sửa đổi của bạn.

Cả hai khoản đóng góp cho năm 2024 và phân phối trong năm 2024. Nếu có đủ cả ba điều sau thì bất kỳ phân phối IRA nào mà bạn nhận được trong năm 2024 có thể sẽ được miễn thuế một phần và chịu thuế một phần.

- Bạn đã nhận được phân phối trong năm 2024 từ một hoặc nhiều IRA truyền thống.
- Bạn đã đóng góp cho IRA truyền thống cho năm 2024.

Bảng 9-2. Ảnh hưởng của AGI đã sửa đổi¹ đối với Khấu trừ nếu bạn không được bao trả theo Kế hoạch Hưu trí tại nơi làm việc

Nếu bạn không được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc, hãy sử dụng bảng này để xác định xem AGI đã sửa đổi của bạn có ảnh hưởng đến số tiền khấu trừ của bạn hay không.

NẾU tư cách khai thuế của bạn là...	VÀ AGI đã sửa đổi của bạn là...	THÌ bạn có thể nhận được...
Độc thân, Chủ gia đình, hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	bất kỳ số tiền	khấu trừ đầy đủ.
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế trong đó một người không được bao trả theo chương trình tại nơi làm việc	bất kỳ số tiền	khấu trừ đầy đủ.
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế trong đó một người được bao trả theo chương trình tại nơi làm việc	\$230.000 trở xuống	khấu trừ đầy đủ.
	nhiều hơn \$230.000 nhưng ít hơn \$240.000	khấu trừ một phần.
	\$240.000 trở lên	không được khấu trừ.
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế trong đó một người được bao trả theo chương trình tại nơi làm việc ²	dưới \$10.000	khấu trừ một phần.
	\$10.000 trở lên	không được khấu trừ.

¹ AGI đã sửa đổi . Xem [AGI đã sửa đổi](#) ở trang trước.
² Bạn có thể được khấu trừ đầy đủ nếu bạn không chung sống cùng với vợ/chồng của mình trong năm.

- Một số khoản đóng góp đó có thể là đóng góp không thể khấu trừ.

Nếu bạn gặp phải trường hợp này thì bạn phải tính phần chịu thuế của phân phối IRA truyền thống trước khi có thể tính toán AGI đã sửa đổi của mình. Để làm điều này, bạn có thể sử dụng Bảng tính 1-1 trong Ấn phẩm 590-B.

Nếu một trong ba điều trên không áp dụng, tính toán AGI đã sửa đổi của bạn bằng cách dùng [Bảng tính 9-1](#).

Cách tính khoản khấu trừ IRA đã giảm của bạn. Bạn có thể tính khoản khấu trừ IRA đã giảm của mình cho Mẫu 1040 hoặc 1040-SR bằng cách sử dụng các bảng tính thuế trong chương 1 của Ấn phẩm 590-A. Ngoài ra, Hướng dẫn cho Mẫu 1040 cũng bao gồm các bảng tính thuế tương tự để bạn có thể lựa chọn.

Khai báo đóng góp có thể khấu trừ

Khi khai thuế theo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, hãy nhập khoản khấu trừ IRA của bạn trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 20.

Đóng góp không thể khấu trừ

Mặc dù khoản khấu trừ của bạn cho các khoản đóng góp cho IRA có thể bị giảm hoặc bị loại bỏ, các khoản đóng góp cho IRA của bạn có thể lên đến [hạn mức tổng quát](#) hoặc [Hạn mức của IRA của Người phối ngẫu Kay Bailey Hutchison](#) nếu áp dụng. Sự khác biệt giữa tổng đóng góp được cho phép và khoản khấu trừ IRA của bạn, nếu có, là đóng góp không thể khấu trừ của bạn.

Ví dụ. Bạn 30 tuổi và độc thân. Bạn được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc trong năm 2024. Lương của bạn là \$67.000. AGI đã sửa đổi của bạn là \$90.000. Bạn đã đóng góp \$7.000 cho IRA cho năm 2024. Do bạn đã được bao trả theo một kế hoạch hưu trí và AGI đã sửa đổi của bạn là hơn \$87.000 nên bạn sẽ không thể khấu trừ khoản đóng góp \$7.000 cho IRA. Bạn sẽ phải chỉ định khoản đóng góp này là khoản đóng góp không thể khấu trừ bằng cách khai báo nó trên Mẫu 8606, như hướng dẫn tiếp theo đây.

Bảng tính 9-1. Tính toán AGI đã sửa đổi của bạn

Sử dụng bảng tính này để tính AGI đã sửa đổi của bạn cho mục đích của IRA truyền thống.

1. Nhập tổng thu nhập được điều chỉnh của bạn (AGI) từ Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 11, tính toán mà không bao gồm các khoản từ Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 20	1. _____
2. Nhập tất cả khoản khấu trừ lãi vay sinh viên từ Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 21	2. _____
3. Nhập tất cả khoản thu nhập kiểm được từ nước ngoài và/hoặc chi phí về nhà cửa ở nước ngoài bị loại trừ từ Mẫu 2555, dòng 45	3. _____
4. Nhập tất cả các khoản khấu trừ chi phí về nhà cửa ở nước ngoài từ Mẫu 2555, dòng 50	4. _____
5. Nhập tất cả khoản tiền lãi từ trái phiếu tiết kiệm bị loại trừ từ Mẫu 8815, dòng 14	5. _____
6. Nhập tất cả quyền lợi do nhận con nuôi mà chủ lao động cung cấp bị loại trừ từ Mẫu 8839, dòng 28	6. _____
7. Thêm các dòng từ 1 đến 6. Đây là AGI đã sửa đổi của bạn cho IRA truyền thống	7. _____

Mẫu 8606. Để chỉ ra các khoản đóng góp là không thể khấu trừ, bạn phải khai nó trên Mẫu 8606.

Bạn không phải chỉ định một khoản đóng góp là không thể khấu trừ cho đến khi nộp tờ khai thuế. Khi nộp tờ khai thuế, bạn thậm chí có thể chỉ định các khoản đóng góp được khấu trừ khác là không được khấu trừ.

Bạn phải khai Mẫu 8606 để báo cáo các khoản đóng góp không thể khấu trừ ngay cả khi không phải nộp tờ khai thuế trong năm.

 **Không sử dụng Mẫu 8606 cho năm mà bạn chuyển tiếp từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện sang IRA truyền thống và tiền chuyển tiếp bao gồm cả các khoản không phải chịu thuế. Trong những trường hợp đó, bạn sẽ hoàn thành Mẫu 8606 cho năm mà mình nhận phân phối từ IRA đó. Xem [Mẫu 8606](#) trong Phần phối chịu thuế đầy đủ hoặc một phần ở phần sau.**

Không khai báo đóng góp không thể khấu trừ. Nếu bạn không khai báo các khoản đóng góp không thể khấu trừ thì tất cả các khoản đóng góp cho IRA truyền thống của bạn sẽ được coi là khoản đóng góp được khấu trừ khi được rút ra. Tất cả các phân phối từ IRA của bạn sẽ phải chịu thuế trừ khi bạn có các chứng cứ thỏa đáng rằng đã thực hiện các khoản đóng góp không thể khấu trừ.

Hình phạt đối với khai báo thừa. Nếu bạn khai báo thừa đóng góp không thể khấu trừ trên Mẫu 8606 cho bất kỳ năm chịu thuế nào, bạn sẽ phải trả một khoản tiền phạt là \$100 cho mỗi lần khai báo thừa trừ khi có lý do hợp lý.

Hình phạt đối với việc không khai Mẫu 8606. Bạn sẽ phải trả \$50 tiền phạt nếu bạn không khai Mẫu 8606 theo yêu cầu trừ khi bạn có thể chứng minh rằng mình có lý do hợp lý.

Thuế trên thu nhập kiểm được trên đóng góp không thể khấu trừ. Miễn là các khoản đóng góp nằm trong hạn mức đóng góp thì các khoản thu nhập kiểm được hoặc lãi trên khoản đóng góp (có thể khấu trừ hoặc không thể khấu trừ) sẽ không bị thuế cho đến khi chúng được phân phối. Xem [Khi nào bạn có thể rút hoặc sử dụng tài sản của IRA](#).

Vốn giá gốc. Bạn sẽ có vốn giá gốc trong IRA truyền thống của mình khi thực hiện các khoản đóng góp không thể khấu trừ. Vốn giá gốc của bạn là tổng các khoản đóng góp không thể khấu trừ cho IRA của bạn trừ đi số tiền đã rút hoặc phân phối của các khoản đóng góp không thể khấu trừ.

Lưu giữ cho hồ sơ của bạn 

IRA thừa kế

Nếu bạn thừa kế một IRA truyền thống, bạn sẽ được gọi là người thụ hưởng. Người thụ hưởng có thể là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào mà người chủ sở hữu chọn để nhận các quyền lợi của IRA sau khi người đó qua đời. Những người thụ hưởng IRA truyền thống phải đưa vào tổng thu nhập của họ mọi khoản phân phối chịu thuế mà họ nhận được.

Thừa kế từ vợ/chồng. Nếu bạn thừa kế một IRA truyền thống từ vợ/chồng của mình, bạn thường sẽ có ba lựa chọn sau. B

1. Coi nó là IRA thuộc sở hữu riêng bằng cách chỉ định bản thân bạn là chủ sở hữu tài khoản.
2. Coi nó là sở hữu riêng bằng cách chuyển tiếp nó vào IRA của bạn, hoặc trong phạm vi nó vẫn phải chịu thuế thành một:
 - a. Chương trình của chủ lao động đủ điều kiện,
 - b. Chương trình niên kim của chủ lao động đủ điều kiện (chương trình theo đoạn 403(a)),
 - c. Chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình theo đoạn 403(b)), hoặc
 - d. Chương trình thủ lao hoãn thuế của một tiểu bang hoặc chính quyền địa phương (chương trình theo đoạn 457).
3. Coi bản thân là người thụ hưởng thay vì coi IRA là sở hữu riêng.

Coi nó là sở hữu riêng. Bạn sẽ được cho là đã chọn IRA là sở hữu riêng khi:

- Thực hiện đóng góp (bao gồm cả đóng góp chuyển tiếp) cho IRA thừa kế, hoặc
- Bạn không nhận khoản phân phối tối thiểu bắt buộc trong một năm với tư cách là người thụ hưởng IRA.

Bạn sẽ chỉ được cho là đã chọn IRA là sở hữu riêng khi:

- Bạn là người thụ hưởng IRA duy nhất, và
- Bạn không bị giới hạn quyền rút tiền từ đó.

Tuy nhiên, nếu bạn nhận một phân phối từ IRA từ người vợ/chồng đã qua đời của mình thì bạn có thể chuyển phân phối đó vào IRA của riêng mình trong thời hạn 60 ngày, miễn là nó không phải là phân phối bắt buộc, ngay cả khi bạn không phải là người thụ hưởng duy nhất của IRA từ người vợ/chồng đã qua đời.

Được thừa kế từ một người khác không phải là vợ/chồng. Nếu bạn thừa kế IRA truyền thống từ bất kỳ ai đó khác không phải là vợ/chồng đã qua đời của bạn, bạn sẽ không thể coi IRA được thừa kế đó là sở hữu riêng. Điều này có nghĩa là bạn không thể thực hiện đóng góp cho IRA đó. Nó cũng có nghĩa là bạn không thể chuyển tiếp bất kỳ số tiền nào vào hoặc ra khỏi IRA thừa kế. Tuy nhiên, bạn có thể thực hiện chuyển qua từ người được ủy thác sang người được ủy thác khác miễn là IRA mà số tiền được chuyển vào đó được thiết lập và duy trì dưới danh nghĩa của chủ sở hữu IRA đã qua đời có chỉ định bạn là người thụ hưởng.

Để biết thêm thông tin, xem [IRA thừa kế](#) trong mục [Chuyển tiếp từ IRA này sang IRA khác](#) ở phần sau.

Bạn có thể chuyển tài sản trong kế hoạch hưu trí không?

Bạn có thể chuyển qua các tài sản (tiền hoặc tài sản) mà không mất thuế từ các kế hoạch hưu trí khác (bao gồm các IRA truyền thống) sang IRA truyền thống. Bạn có thể thực hiện các hình thức chuyển qua như sau.

- Chuyển qua từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác.
- Chuyển tiếp.
- Chuyển qua do ly hôn.

Chuyển qua RA Roth. Trong một số điều kiện nhất định, bạn có thể chuyển tài sản từ IRA truyền thống hoặc từ tài khoản Roth được chỉ định sang một IRA Roth. Bạn cũng có thể chuyển tài sản từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện sang IRA Roth. Xem [Bạn có thể chuyển tiền vào IRA Roth không?](#) trong mục [IRA Roth ở phần sau](#).

Chuyển qua từ người được ủy thác sang người được ủy thác

Việc chuyển tiền từ IRA truyền thống của bạn từ người được ủy thác này trực tiếp sang một người khác theo ý của bạn hoặc của người được ủy thác không được coi là tiền chuyển tiếp. Điều này bao gồm trường hợp người được ủy thác hiện tại phát hành séc cho người được ủy thác mới nhưng lại đưa séc cho bạn để gửi tiền. Do không có phân phối gửi đến bạn nên việc chuyển qua sẽ được miễn thuế. Vì đây không phải là tiền chuyển tiếp nên nó phải tuân theo quy định chờ 1 năm bắt buộc giữa các lần chuyển như được thảo luận trong [Chuyển tiếp từ IRA này sang IRA khác](#). Để biết thông tin về việc chuyển qua trực tiếp từ các kế hoạch hưu trí không phải IRA đến IRA, tham khảo [Can You Move Retirement Plan Assets? \(Bạn có thể chuyển tài sản của kế hoạch hưu trí không?\)](#) trong chương 1 và [Can You Move Amounts Into a IRA Roth? \(Bạn có thể chuyển tiền vào một IRA Roth không?\)](#) trong chương 2 của Ấn phẩm 590-A.

Chuyển tiếp

Chuyển tiếp thường là phân phối miễn thuế dành cho bạn dưới hình thức tiền mặt hoặc các tài sản khác từ một kế hoạch hưu trí mà bạn đóng góp (chuyển tiếp) sang một kế hoạch hưu trí khác. Đóng góp cho kế hoạch hưu trí thứ hai được gọi là đóng góp chuyển tiếp.

Ghi chú. Một khoản tiền được chuyển miễn thuế từ kế hoạch hưu trí này sang kế hoạch hưu trí khác thường được sẽ được tính trong thu nhập khi nó được phân phối từ chương trình thứ hai.

Các loại chuyển tiếp sang một IRA truyền thống. Bạn có thể chuyển tiền từ các chương trình sau vào một IRA truyền thống.

- Một IRA truyền thống.
- Kế hoạch hưu trí đủ điều kiện của chủ lao động dành cho nhân viên.
- Một chương trình thủ lao hoãn thuế của một tiểu bang hoặc chính quyền địa phương (chương trình theo đoạn 457).
- Một chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình theo đoạn 403(b)).

Xử lý của chuyển tiếp. Bạn không thể khấu trừ khoản đóng góp chuyển tiếp nhưng bạn phải báo cáo phân phối chuyển tiếp trong tờ khai thuế của mình như được đề cập ở sau trong [Khai báo chuyển tiếp từ IRA và Khai báo chuyển tiếp từ chương trình của chủ lao động](#).

Thông báo chuyển tiếp. Chương trình (không phải là IRA) thực hiện việc phân phối phải cung cấp cho bạn một lời giải thích bằng văn bản về việc xử lý tiền chuyển tiếp. Xem phần *Written explanation to recipients (Giải thích bằng văn bản cho người nhận)* trong Ấn phẩm 590-A.

Các loại chuyển tiếp từ một IRA truyền thống. Bạn có thể chuyển tiếp mà không mất thuế một phân phối từ IRA truyền thống của bạn sang một chương trình đủ điều kiện. Các chương trình này bao gồm Chương trình Tiết kiệm để dành liên bang (dành cho nhân viên liên bang), chương trình thủ lao hoãn thuế của chính quyền tiểu bang hoặc địa phương (chương trình 457) và chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình 403(b)). Phần phân phối mà bạn có thể chuyển tiếp là phần có thể phải chịu thuế (được bao gồm trong thu nhập của bạn). Các chương trình đủ điều kiện có thể, dù không bắt buộc, chấp nhận các khoản tiền chuyển tiếp này.

Thời hạn để thực hiện đóng góp chuyển tiếp. Thông thường, bạn sẽ phải thực hiện đóng góp chuyển tiếp không muộn hơn ngày thứ 60 sau ngày bạn nhận được phân phối từ IRA truyền thống hoặc từ chương trình của chủ lao động.

IRS có thể từ bỏ quy tắc 60 ngày trong trường hợp việc không thực hiện đúng yêu cầu là bất khả kháng, chẳng hạn như trong trường hợp có thương vong, thiên tai hoặc sự kiện khác nằm ngoài tầm kiểm soát của bạn. Để biết thêm thông tin, xem [Can You Move Retirement Plan Assets? \(Bạn có thể chuyển tài sản của kế hoạch hưu trí không?\)](#) trong chương 1 của Ấn phẩm 590-A.

Gia hạn thời gian chuyển tiếp. Nếu một khoản tiền được phân phối cho bạn từ một IRA truyền thống hoặc kế hoạch hưu trí của chủ lao động đủ điều kiện là tiền gửi đóng băng tại bất kỳ một thời điểm nào trong khoảng thời gian 60 ngày được phép thực hiện chuyển tiếp thì thời gian chuyển tiếp sẽ được gia hạn. Để biết thêm thông tin, xem [Can You Move Retirement Plan Assets? \(Bạn có thể chuyển tài sản của kế hoạch hưu trí không?\)](#) trong chương 1 của Ấn phẩm 590-A.

Chuyển tiếp từ IRA này sang IRA khác

Bạn có thể rút mà không mất thuế tất cả hoặc một phần tài sản từ một IRA truyền thống nếu bạn tái đầu tư chúng trong vòng 60 ngày trong chính IRA truyền thống đó hoặc một IRA khác. Vì đây là tiền chuyển tiếp nên bạn sẽ không thể khấu trừ số tiền mà mình tái đầu tư vào IRA.

Thời gian chờ giữa các lần chuyển tiếp. Thông thường, nếu bạn thực hiện việc chuyển tiếp không mất thuế đối với bất kỳ phần nào trong phân phối từ một IRA truyền thống thì bạn sẽ không thể thực hiện chuyển tiếp không mất thuế đối với bất kỳ phân phối nào sau này từ cùng IRA đó trong vòng 1 năm. Bạn cũng không thể thực hiện chuyển tiếp không mất thuế đối với bất kỳ số tiền nào được phân phối, trong cùng khoảng thời gian 1 năm, từ IRA mà bạn đã thực hiện chuyển tiếp không mất thuế.

Thời gian 1 năm được tính từ ngày bạn nhận được phân phối của IRA, không phải vào ngày bạn chuyển nó vào một IRA. Các quy định áp dụng cho

số lần được phép chuyển tiếp đối với IRA truyền thống của bạn. Xem phần [Áp dụng của hạn mức một lần chuyển tiếp](#) tiếp theo.

Áp dụng của hạn mức một lần chuyển tiếp. Bạn chỉ có thể thực hiện một lần chuyển từ IRA này sang IRA khác (hoặc tương tự) trong thời gian 1 năm bất kể số lượng IRA mà bạn sở hữu. Hạn mức áp dụng bằng cách tổng hợp tất cả các IRA của một cá nhân, bao gồm các IRA SEP và SIMPLE cũng như các IRA truyền thống và Roth, coi chúng như một IRA. Tuy nhiên, việc chuyển qua từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác giữa các IRA không bị giới hạn và tiền chuyển tiếp từ IRA truyền thống sang IRA Roth (chuyển đổi) cũng không bị giới hạn.

Ví dụ. Bạn sở hữu ba IRA truyền thống: IRA-1, IRA-2, and IRA-3. Bạn đã không nhận bất kỳ phân phối nào từ IRA của mình trong năm 2024. Vào ngày 1 tháng 1, 2025, bạn nhận một khoản phân phối từ IRA-1 và chuyển nó sang IRA-2 trong cùng ngày. Trong năm 2025, bạn không thể chuyển bất kỳ phân phối IRA trong năm 2024 nào khác, bao gồm cả phân phối chuyển tiếp của IRA-3. Điều này sẽ không áp dụng cho chuyển qua từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác hoặc chuyển đổi thành IRA Roth.

Chuyển tiếp một phần. Nếu rút tài sản từ một IRA truyền thống, bạn có thể chuyển phần tiền rút không mất thuế và giữ phần còn lại. Số tiền bạn giữ lại thường sẽ phải chịu thuế (ngoại trừ phần là khoản hoàn trả của các khoản đóng góp không thể khấu trừ). Số tiền bạn giữ lại có thể phải chịu thuế bổ sung 10% đối với các khoản phân phối sớm, được thảo luận ở sau trong [Hành vi nào sẽ phát sinh hình phạt hoặc thuế bổ sung](#).

Phân phối bắt buộc. Số tiền phải được phân phối trong một năm cụ thể theo quy định [phân phối tối thiểu bắt buộc](#) (sẽ được đề cập đến sau) không hợp chuẩn cho việc xử lý chuyển tiếp.

IRA thừa kế. Nếu bạn thừa kế IRA truyền thống từ vợ/chồng của mình, thông thường bạn có thể chuyển nó qua hoặc có thể biến nó thành của riêng mình. Xem [Coi nó là sở hữu riêng](#) ở trước đó.

Không được thừa kế từ vợ/chồng. Nếu bạn thừa kế một IRA truyền thống từ một người khác không phải là vợ/chồng của mình thì bạn sẽ không thể chuyển nó qua hoặc cho phép nó nhận một khoản đóng góp chuyển qua. Bạn phải rút tài sản IRA trong một khoảng thời gian nhất định. Để biết thêm thông tin, xem *When Must You Withdraw Assets? (Required Minimum Distributions) (Khi nào bạn phải rút tài sản?) (Phân phối tối thiểu bắt buộc)* trong chương 1 của Ấn phẩm 590-B.

Khai báo chuyển tiếp từ IRA. Khai báo bất kỳ khoản chuyển tiếp nào từ một IRA truyền thống sang một IRA tương tự hoặc IRA truyền thống khác theo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR như sau.

Nhập tổng số tiền phân phối vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a. Nếu tổng số tiền trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a, đã được chuyển tiếp, hãy nhập số 0 vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b. Nếu tổng phân phối không được chuyển tiếp, hãy nhập phần chịu thuế của phần chưa được chuyển tiếp trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b. Nhập "Rollover (Chuyển tiếp)" bên cạnh Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b. Để biết thêm thông tin, xem mục Hướng dẫn cho Mẫu 1040.

Nếu bạn đã chuyển phân phối vào một chương trình đủ điều kiện (không phải IRA) hoặc bạn thực hiện chuyển qua trong năm 2025, hãy đính kèm một báo cáo giải thích những việc bạn đã thực hiện.

Chuyển tiếp từ chương trình của Chủ lao động sang IRA

Bạn có thể chuyển tiếp sang một IRA truyền thống tất cả hoặc một phần của phân phối chuyển tiếp hợp chuẩn mà bạn nhận được từ (hoặc từ người vợ/chồng đã qua đời của bạn):

- Chương trình hưu bổng, lợi nhuận chia sẻ, hoặc thưởng cổ phiếu của chủ lao động;
- Chương trình niên kim;
- Chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình theo đoạn 403(b)); hoặc
- Chương trình lương được trì hoãn của chính phủ (chương trình theo đoạn 457).

Một chương trình đủ điều kiện là chương trình đáp ứng các yêu cầu của Bộ Luật thuế vụ.

Phân phối chuyển tiếp hợp chuẩn. Phân phối chuyển tiếp hợp chuẩn là các phân phối toàn bộ hoặc một phần số dư vào tín thuế của bạn trong một kế hoạch hưu trí đủ điều kiện ngoại trừ các phân phối sau đây.

1. Phân phối tối thiểu bắt buộc (được giải thích sau tại [Khi nào bạn phải rút tài sản IRA? \(Phân phối tối thiểu bắt buộc\)](#)).
2. Phân phối do hoàn cảnh khó khăn.
3. Bất kỳ khoản phân phối nào trong một chuỗi các khoản phân phối định kỳ có giá trị bằng nhau được trả ít nhất một lần mỗi năm trong:
 - a. Trọn đời bạn hoặc theo tuổi thọ trung bình,
 - b. Trọn đời bạn hoặc theo tuổi thọ trung bình của bạn và người thụ hưởng của bạn, hoặc
 - c. Khoảng thời gian từ 10 năm trở lên.
4. Phân phối điều chỉnh các khoản đóng góp vượt mức hoặc hoãn thuế quá mức cùng bất kỳ thu nhập nào được phân bổ cho phần thặng dư, hoặc của các khoản bổ sung hàng năm vượt mức và của bất kỳ khoản thu nhập phân bổ nào.
5. Một khoản vay được coi là một khoản phân phối vì nó không thỏa mãn các yêu cầu nhất định khi được thực hiện hoặc sau đó (chẳng hạn như khi vỡ nợ) trừ trường hợp quyền lợi tích lũy của người tham gia bị giảm đi (bù trừ) để trả khoản vay. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem phần *Plan loan offsets (Bù trừ khoản vay của kế hoạch)* trong *Time Limit for Making a Rollover Contribution (Giới hạn thời gian để thực hiện đóng góp chuyển tiếp)* trong Ấn phẩm 590-A.
6. Cổ tức trên chứng khoán của chủ lao động.
7. Chi phí bảo hiểm nhân thọ.

Chuyển tiếp của bạn vào IRA truyền thống có thể bao gồm cả số tiền phải chịu thuế và không phải chịu thuế nếu chúng được phân phối cho bạn thay vì được chuyển tiếp. Trong trường hợp phân phối được chuyển tiếp vào IRA truyền thống, nó sẽ không được tính vào thu nhập của bạn.

TIP Tất cả số tiền không chịu thuế mà bạn chuyển vào IRA truyền thống đều trở thành một phần trong cơ sở (chi phí) trong IRA của bạn. Để khôi phục cơ sở của bạn khi bạn nhận phân phối từ IRA của mình, bạn phải hoàn thành Mẫu 8606 cho năm phân phối. Xem [Mẫu 8606](#) trong Phân phối chịu thuế đầy đủ hoặc một phần sau đây.

Chuyển tiếp từ người thụ hưởng không phải là vợ/chồng. Chuyển qua trực tiếp từ chương trình hưu bổng đủ điều kiện, chia sẻ lợi nhuận hoặc thưởng cổ phiếu của một nhân viên đã qua đời; chương trình niên kim; chương trình niên kim được hoãn thuế (đoạn 403 (b)); hoặc chương trình lương được trì hoãn của chính phủ (đoạn 457) cho IRA được thiết lập để nhận phân phối thay mặt bạn có thể được coi là phân phối chuyển tiếp đủ điều kiện nếu bạn là người thụ hưởng được chỉ định của chương trình chứ không phải vợ/chồng của nhân viên. IRA được coi như IRA thừa kế. Để biết thêm thông tin về IRA thừa kế, tham khảo [IRA thừa kế](#) trước đó.

Khai báo chuyển tiếp từ chương trình của chủ lao động. Nhập tổng phân phối (trước khi khấu trừ thuế thu nhập hoặc thuế khác) vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a. Số liệu này cần được hiển thị trong ô 1 của Mẫu 1099-R, Phân phối từ Lương hưu, Niên kim, Chương trình hồi hưu hoặc chia lãi, IRA, Hợp đồng Bảo hiểm, v.v. Lấy số liệu này trừ đi các khoản đóng góp (thường hiển thị trong ô 5 Mẫu 1099-R) mà bạn phải chịu thuế khi thực hiện. Lấy kết quả đó trừ đi số tiền được chuyển tiếp trực tiếp hoặc trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được phân phối. Nhập số tiền còn lại, kể cả bằng không, vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b. Đồng thời, điền "Rollover (Chuyển tiếp)" vào cạnh Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b.

Chuyển qua do ly hôn

Nếu một quyền lợi trong IRA truyền thống được chuyển qua từ vợ/chồng hoặc vợ/chồng cũ sang bạn bằng một văn bản ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân hoặc một văn bản có liên quan, thì bắt đầu từ ngày chuyển qua, quyền lợi trong IRA được coi như IRA của bạn. Việc chuyển qua được miễn thuế. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo *Distributions under divorce or similar proceedings (alternate payees) (Phân phối theo thủ tục ly hôn hoặc các thủ tục tương tự (người nhận thay thế))* trong *Rollover From Employer's Plan Into an IRA (Chuyển tiếp từ chương trình của chủ lao động sang IRA)* trong Ấn phẩm 590-A.

Chuyển đổi từ bất kỳ IRA truyền thống nào sang IRA Roth

Được phép chuyển đổi. Bạn có thể rút tất cả hoặc một phần tài sản từ IRA truyền thống và tái đầu tư vào IRA Roth (trong vòng 60 ngày). Số tiền bạn rút và đóng góp kịp thời (chuyển đổi) vào IRA Roth được gọi là đóng góp chuyển đổi. Nếu chuyển tiếp đúng cách (và kịp thời), các khoản phân phối sớm sẽ không phải chịu thuế bổ sung 10%. Tuy nhiên, có một phần hoặc toàn bộ đóng góp chuyển đổi từ IRA truyền thống được tính vào tổng thu nhập của bạn.

Phân phối bắt buộc. Bạn không thể chuyển đổi số tiền phải được phân phối từ IRA truyền thống của mình cho một năm cụ thể (bao gồm cả năm theo niên lịch mà bạn đủ 73 tuổi theo quy định [phân phối tối thiểu bắt buộc](#) (được thảo luận ở phần sau)).

Thu nhập. Bạn phải tính vào tổng thu nhập cả phân phối tổng thu nhập của mình từ IRA truyền thống mà bạn sẽ phải tính nếu chưa chuyển đổi thành IRA Roth. Những khoản tiền này thường được tính vào thu nhập trên tờ khai thuế cho năm mà bạn chuyển đổi các khoản đó từ IRA truyền thống thành IRA Roth.

Bạn không tính vào tổng thu nhập bất kỳ phần nào của phân phối từ IRA truyền thống là [phân khai vốn giá gốc](#), như được nêu dưới đây.

Bạn phải gửi Mẫu 8606 để khai báo các chuyển đổi năm 2024 từ IRA truyền thống, SEP hoặc SIMPLE sang IRA Roth vào năm 2024 (trừ khi bạn tái xác định toàn bộ số tiền) và để tính số tiền cần đưa vào thu nhập.

Nếu phải tính vào tổng thu nhập khoản tiền bất kỳ, bạn có thể phải tăng khấu lưu và thực hiện thanh toán thuế ước tính. Xem [chương 4](#).

Tái xác định

Bạn có thể coi khoản đóng góp cho một loại IRA như là đã đóng cho một loại IRA khác. Đây gọi là tái xác định khoản đóng góp. Xem *Can You Move Retirement Plan Assets?* (*Bạn có thể di chuyển tài sản kế hoạch hưu trí không?*) trong chương 1 của Ấn phẩm 590-A để biết thêm thông tin chi tiết.

Làm thế nào để tái xác định một khoản đóng góp. Để tái xác định một khoản đóng góp, thông thường bạn phải chuyển qua đóng góp từ IRA đầu tiên (điều đầu tiên nó thực hiện) sang IRA thứ hai bằng cách chuyển qua từ người được ủy thác sang người được ủy thác. Nếu chuyển qua được thực hiện trước ngày đến hạn (tính cả gia hạn) cho tờ khai thuế của bạn trong năm thực hiện khoản đóng góp, bạn có thể chọn coi khoản đóng góp đó được thực hiện ban đầu cho IRA thứ hai thay vì cho IRA đầu tiên. Nếu tái xác định khoản đóng góp của mình, bạn phải thực hiện cả ba việc sau.

- Tính các khoản thu nhập phân bổ cho khoản đóng góp vào chuyển qua. Nếu bị lỗi, thu nhập ròng bạn phải chuyển qua có thể là số âm.
- Báo cáo tái xác định trên tờ khai thuế của bạn cho năm thực hiện khoản đóng góp.
- Coi như đã thực hiện đóng góp cho IRA thứ hai vào ngày thực hiện cho IRA đầu tiên.

Không có chuyển đổi nào tái xác định từ năm 2018 trở đi. Việc chuyển đổi IRA truyền thống thành IRA Roth và chuyển tiếp từ các kế hoạch hưu trí đủ điều kiện khác sang IRA Roth, được thực hiện trong các năm chịu thuế bắt đầu từ sau năm thuế 2017, không thể tái xác định là đã được thực hiện cho IRA truyền thống. Nếu thực hiện chuyển đổi trong năm chịu thuế 2017, bạn phải đợi đến ngày đáo hạn (bao gồm gia hạn) để nộp tờ khai thuế cho năm chịu thuế đó để tái xác định chuyển qua đó.

Không được phép khấu trừ. Bạn không thể khấu trừ khoản đóng góp cho IRA đầu tiên. Các khoản thu nhập ròng bạn chuyển qua với khoản đóng góp được tái xác định đều được coi là kiếm được trong IRA thứ hai.

Cách tái xác định khoản đóng góp? Để tái xác định khoản đóng góp, bạn phải thông báo cho cả người được ủy thác của IRA đầu tiên (người ban đầu mà khoản đóng góp dành cho) và người được ủy thác của IRA thứ hai (người được nhận khoản đóng góp chuyển đến) mà bạn đã chọn để xử lý khoản đóng góp như là thực hiện cho IRA thứ hai thay vì IRA đầu tiên. Bạn phải thông báo vào ngày chuyển qua. Chỉ cần thực hiện một thông báo nếu người được ủy thác của cả hai IRA là cùng một người. Thông báo phải bao gồm các thông tin sau.

- Loại và số tiền đóng góp cho IRA đầu tiên được tái xác định.
- Ngày thực hiện đóng góp cho IRA đầu tiên và năm thực hiện.

- Hướng dẫn cho người được ủy thác của IRA đầu tiên để thực hiện chuyển qua từ người được ủy thác đến người được ủy thác số tiền đóng góp và các thu nhập ròng (hoặc lỗ) có thể phân bổ cho khoản đóng góp cho người được ủy thác của IRA thứ hai.
- Tên của người được ủy thác của IRA đầu tiên và tên của người được ủy thác của IRA thứ hai.
- Các thông tin bổ sung cần thiết để thực hiện chuyển qua.

Khai báo tái xác định. Nếu chọn tái xác định một khoản đóng góp cho IRA này thành khoản đóng góp cho IRA khác, bạn phải báo cáo về việc tái xác định trong tờ khai thuế của mình theo hướng dẫn trong Mẫu 8606 và hướng dẫn của mẫu. Bạn phải coi như thực hiện khoản đóng góp cho IRA thứ hai.

Khi nào bạn có thể rút hoặc sử dụng tài sản của IRA?

Có một số quy định giới hạn việc sử dụng tài sản IRA của bạn và phân phối việc sử dụng. Thông thường việc vi phạm các quy định có thể làm phát sinh các khoản thuế bổ sung trong năm vi phạm. Xem phần [Hành vi nào sẽ phát sinh hình phạt hoặc thuế bổ sung](#), dưới đây.

Các khoản đóng góp được khai thuế trước ngày đến hạn khai thuế. Nếu thực hiện đóng góp IRA vào năm 2024, bạn có thể rút các khoản này miễn thuế không muộn hơn ngày đến hạn nộp tờ khai thuế của mình. Nếu có gia hạn thời gian khai nộp tờ khai thuế, bạn có thể rút các khoản này miễn thuế trước ngày đến hạn được gia hạn. Bạn có thể làm như vậy nếu áp dụng cả hai điều kiện sau cho mỗi khoản đóng góp muốn rút.

- Bạn không khấu trừ khoản đóng góp.
- Bạn đã rút lãi hoặc thu nhập khác kiếm được từ khoản đóng góp. Khi tính toán số tiền được rút, bạn có thể tính đến những tổn thất đối với khoản đóng góp khi còn thuộc IRA. Nếu bị lỗi, thu nhập ròng kiếm được từ khoản đóng góp có thể là số âm.

Ghi chú. Để tính được số tiền bạn phải rút, tham khảo Bảng tính 1-4 trong phần *When Can You Withdraw or Use Assets?* (*Khi nào bạn có thể rút tiền hoặc sử dụng tài sản?*) trong chương 1 của Ấn phẩm 590-A.

Lợi tức tính vào thu nhập. Bạn phải tính vào thu nhập lợi tức trên các khoản đóng góp bạn rút ra. Tính lợi tức vào thu nhập cho năm bạn thực hiện đóng góp, không phải cho năm rút các khoản này.

 **Thông thường, trừ các khoản thuộc khoản rút ra để trả lại các khoản đóng góp không được khấu trừ (vốn giá gốc), các khoản đóng góp rút ra sau ngày đến hạn (hoặc ngày đến hạn đã gia hạn) của tờ khai thuế sẽ được coi là một khoản phân phối chịu thuế. Số tiền đóng góp vượt mức cũng có thể được thu hồi miễn thuế như được nhắc đến trong phần [Hành vi nào sẽ phát sinh hình phạt hoặc thuế bổ sung](#), dưới đây.**

Thuế do phân phối sớm. Khoản thuế bổ sung 10% đối với các khoản phân phối được thực hiện trước khi bạn 59 tuổi^{1/2} không áp dụng cho việc rút các khoản đóng góp miễn thuế này của bạn. Tuy nhiên, bạn phải báo cáo việc phân phối tiền lãi hoặc thu nhập khác theo Mẫu 5329 và phải chịu thuế này trừ khi việc phân phối đủ điều kiện là một [ngoại lệ](#)

đối với quy định tuổi 59^{1/2}. Xem *Early Distributions (Phân phối sớm)* trong phần *What Acts Result in Penalties or Additional Taxes?* (*Hành vi nào sẽ phát sinh hình phạt hoặc thuế bổ sung?*) trong Ấn phẩm 590-B.

Khi nào bạn phải rút tài sản IRA? (Phân phối tối thiểu bắt buộc)

Bạn không thể giữ tiền vô thời hạn trong IRA truyền thống. Sau vùng, tiền sẽ được phân phối. Nếu không phân phối, hoặc phân phối không đủ lớn, bạn có thể phải trả thuế gián thu 25% trên số tiền không phân phối được theo yêu cầu. Xem phần [Tích lũy vượt mức \(Phân phối không đủ\)](#), dưới đây. Yêu cầu phân phối các khoản tiền IRA khác nhau tùy thuộc bạn là chủ sở hữu IRA hay người thụ hưởng IRA của người quá cố.

Phân phối tối thiểu bắt buộc. Số tiền phải phân phối mỗi năm được gọi là “phân phối tối thiểu bắt buộc.”

Phân phối không đủ điều kiện để chuyển tiếp. Số tiền phải phân phối (phân phối tối thiểu bắt buộc) trong một năm cụ thể không đủ điều kiện để thực hiện chuyển tiếp.

Chủ sở hữu IRA. Nếu đang là chủ sở hữu của một IRA truyền thống, thông thường bạn phải bắt đầu nhận phân phối từ IRA của mình không muộn hơn ngày 1 tháng 4 của năm sau năm bạn đủ 73 tuổi. Ngày 1 tháng 4 của năm sau năm 73 tuổi được gọi là “ngày bắt đầu bắt buộc.”

Phân phối trước ngày bắt đầu bắt buộc. Bạn phải nhận ít nhất số tiền tối thiểu cho mỗi năm bắt đầu từ năm bạn 73 tuổi. Nếu bạn không (đã không) nhận số tiền tối thiểu đó vào năm đủ 73 tuổi, bạn phải nhận khoản phân phối cho năm 73 tuổi của mình không muộn hơn ngày 1 tháng 4 năm sau đó.

Nếu chủ sở hữu IRA qua đời trước năm 73 tuổi nhưng là trước ngày 1 tháng 4 năm sau đó, thì không yêu cầu khoản phân phối tối thiểu nào do qua đời trước ngày bắt đầu bắt buộc.

 **Những cá nhân đạt 72 tuổi sau ngày 31 tháng 12, 2023 có thể hoãn nhận khoản phân phối tối thiểu bắt buộc cho đến ngày 1 tháng 4 của năm sau năm mà họ đạt 73 tuổi.**

 **Ngay cả khi bạn bắt đầu nhận phân phối trước khi đạt 73 tuổi, bạn phải bắt đầu tính toán và nhận phân phối tối thiểu bắt buộc không muộn hơn ngày bắt đầu bắt buộc của mình.**

Phân phối sau ngày bắt đầu bắt buộc. Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc cho các năm sau năm 73 tuổi phải được thực hiện không muộn hơn ngày 31 tháng 12 của năm sau.

Người thụ hưởng. Nếu bạn là người thụ hưởng IRA truyền thống của người quá cố, yêu cầu phân phối từ IRA đó thường phụ thuộc vào thời điểm chủ sở hữu IRA qua đời trước hay sau ngày bắt đầu bắt buộc phân phối.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin, bao gồm cả cách tính toán khoản phân phối tối thiểu bắt buộc mỗi năm nếu bạn là người thụ hưởng IRA của người quá cố, tham khảo phần *When Must You Withdraw Assets?* (*Required Minimum Distributions*) (*Khi nào bạn phải rút tài sản?*) (*Phân phối tối thiểu bắt buộc*) trong chương 1 của Ấn phẩm 590-B.

Các khoản phân phối có chịu thuế không?

Thông thường, các khoản phân phối từ IRA truyền thống phải chịu thuế vào năm bạn nhận phân phối.

Trường hợp ngoại lệ. Các trường hợp ngoại lệ đối với các khoản phân phối từ IRA truyền thống phải chịu thuế trong năm nhận phân phối gồm có:

- Chuyển tiếp;
- [Phân phối từ thiện đủ điều kiện \(QCDD\)](#), được thảo luận sau;
- [Khoản tiền đóng góp rút về được miễn thuế](#), đã thảo luận trước đó; và
- Tiền đóng góp không được khấu trừ trả lại, sẽ được thảo luận sau trong phần [Phân phối chịu thuế toàn bộ hoặc một phần](#).



Tuy việc chuyển đổi IRA truyền thống được coi là chuyển tiếp các mục đích IRA Roth, nhưng quy định phân phối từ IRA truyền thống phải chịu thuế trong năm bạn nhận phân phối sẽ không phải là ngoại lệ. Phân phối chuyển đổi được tính vào tổng thu nhập của bạn tuân theo quy định này và các quy định đặc biệt về chuyển đổi được nêu rõ trong mục Converting From Any Traditional IRA Into a Roth IRA (Chuyển đổi từ bất kỳ IRA truyền thống nào IRA Roth) thuộc phần Can You Move Retirement Plan Assets? (Bạn có thể di chuyển tài sản kế hoạch hưu trí không?) trong chương 1 của Ấn phẩm 590-A.

Phân phối từ thiện đủ điều kiện (QCDD). Một phân phối từ thiện đủ điều kiện thường do người được ủy thác IRA của bạn thực hiện trực tiếp một khoản phân phối không chịu thuế cho một tổ chức đủ điều kiện nhận các khoản đóng góp được khấu trừ thuế. Xem phần *Qualified Charitable Distributions (Phân phối từ thiện đủ điều kiện)* trong Ấn phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.



QCDD sẽ được tính vào khoản phân phối bắt buộc tối thiểu của bạn. Xem mục Qualified charitable distributions (Phân phối từ thiện đủ điều kiện) thuộc phần Are Distributions Taxable? (Phân phối có chịu thuế không?) trong chương 1 của Ấn phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Thu nhập thông thường. Các khoản phân phối từ IRA truyền thống mà bạn tính vào thu nhập bị đánh thuế như thu nhập thông thường.

Không có xử lý đặc biệt. Khi xác định thuế của mình, bạn không thể sử dụng tùy chọn thuế 10 năm hoặc tính thuế cho lợi nhuận đầu tư áp dụng cho các khoản phân phối một lần từ các kế hoạch hưu trí đủ điều kiện.

Phân phối chịu thuế toàn bộ hoặc một phần

Phân phối từ IRA truyền thống của bạn có thể phải chịu thuế toàn bộ hoặc một phần, tùy thuộc IRA của bạn có bao gồm khoản đóng góp không khấu trừ nào không.

Chịu thuế toàn bộ. Nếu chỉ thực hiện các khoản đóng góp được khấu trừ cho IRA truyền thống (hoặc nếu có nhiều hơn một IRA), bạn không có vốn giá gốc trong IRA của mình, các khoản phân phối khi nhận được sẽ chịu thuế toàn bộ. Xem phần [Khai báo phân phối chịu thuế trên tờ khai thuế của bạn](#), dưới đây.

Chịu thuế một phần. Nếu thực hiện đóng góp không khấu trừ hoặc chuyển tiếp các khoản tiền sau thuế bất kỳ sang IRA truyền thống bất kỳ, bạn có chi phí vốn giá gốc (đầu tư vào hợp đồng) bằng số tiền đóng góp đó. Các khoản đóng góp không khấu trừ này không bị đánh thuế khi được phân phối cho bạn. Đó là khoản hoàn vốn đầu tư vào IRA của bạn.

Chỉ có phần đóng góp thể hiện đóng góp không khấu trừ và chuyển số tiền sau thuế (chi phí vốn giá gốc) được miễn thuế. Nếu đã thực hiện đóng góp không khấu trừ hoặc chuyển số tiền sau thuế sang IRA của bạn, phân phối bao gồm một phần đóng góp không khấu trừ (vốn giá gốc) và một phần đóng góp có khấu trừ, thu nhập, và tiền lãi (nếu có). Cho tới khi đã phân phối hết tất cả vốn giá gốc, mỗi khoản phân phối phải chịu thuế toàn bộ hoặc một phần.

Mẫu 8606. Bạn cần hoàn thành Mẫu 8606 và đính kèm vào tờ khai thuế nếu bạn nhận được một khoản phân phối từ IRA truyền thống và đã thực hiện đóng góp không khấu trừ hoặc chuyển số tiền sau thuế qua một IRA truyền thống bất kỳ của mình. Khi sử dụng mẫu, bạn sẽ tính được phân phối không thuế cho năm 2024 và tổng giá trị IRA cơ bản cho năm 2024 và những năm trước đó.

Ghi chú. Nếu bạn được yêu cầu nộp Mẫu 8606 nhưng không được yêu cầu nộp tờ khai thuế thu nhập cá nhân, bạn vẫn phải nộp Mẫu 8606. Gửi mẫu đến IRS vào thời điểm và địa điểm mà bạn sẽ nộp tờ khai thuế thu nhập.

Phân phối được khai báo trên Mẫu 1099-R. Nếu nhận phân phối từ IRA truyền thống của mình, bạn sẽ nhận Mẫu 1099-R hoặc một mẫu tương tự. Phân phối IRA được thể hiện trong các ô 1 và 2a của Mẫu 1099-R. Các mã số hoặc chữ cái trong ô 7 cho bạn biết loại phân phối nhận được từ IRA của mình.

Khấu lưu. Thuế thu nhập liên bang bị khấu lưu từ IRA truyền thống trừ khi bạn chọn không có khấu lưu thuế. Xem [chương 4](#).

Phân phối IRA được giao bên ngoài Hoa Kỳ.

Nhìn chung, nếu bạn là công dân hoặc người nước ngoài thường trú tại Hoa Kỳ và địa chỉ nhà của bạn nằm ngoài Hoa Kỳ hoặc lãnh thổ liên quan, bạn không thể chọn miễn trừ khấu lưu đối với các phân phối IRA truyền thống của bạn.

Khai báo phân phối chịu thuế trên tờ khai thuế của bạn. Khai báo phân phối chịu thuế toàn bộ, gồm cả phân phối sớm, trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b (để trống Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a). Nếu chỉ một phần phân phối chịu thuế, hãy nhập tổng số tiền vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a, và phần chịu thuế vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b.

Hành vi nào sẽ phát sinh hình phạt hoặc thuế bổ sung?

Lợi ích về thuế khi sử dụng IRA truyền thống để tiết kiệm hưu trí có thể được đền bù bằng các khoản thuế và tiền phạt bổ sung nếu bạn không tuân theo các quy định.

Nếu bạn sử dụng tiền IRA của mình cho các giao dịch bị cấm sẽ phải chịu thêm thuế bổ sung ngoài thuế thông thường. Ngoài ra còn có các loại thuế bổ sung cho các hoạt động sau đây.

- Đầu tư vào đồ sưu tầm.

- Có thu nhập kinh doanh không liên quan; tham khảo Ấn phẩm 590-B.
- Đóng góp vượt mức.
- Thực hiện phân phối sớm.
- Cho phép tích lũy vượt mức (không thực hiện phân phối theo yêu cầu).

Việc phóng đại số tiền đóng góp không khấu trừ và không nộp Mẫu 8606, nếu được yêu cầu sẽ bị phạt.

Giao dịch bị cấm

Thông thường, giao dịch bị cấm là việc bạn, người thụ hưởng của bạn, hoặc người không đủ tư cách sử dụng IRA truyền thống không đúng cách.

Người không đủ tư cách gồm người được ủy thác, thành viên trong gia đình vợ/chồng (vợ/chồng, tổ tiên, dòng dõi họ hàng, và bắt chuyện với tất cả mọi người).

Dưới đây là ví dụ về giao dịch bị cấm với một IRA truyền thống.

- Mượn tiền từ IRA; tham khảo Ấn phẩm 590-B.
- Bán tài sản cho IRA.
- Sử dụng IRA làm bảo đảm cho một khoản vay.
- Mua tài sản vì mục đích sử dụng cá nhân (hiện tại hoặc tương lai) với quỹ IRA.

Ảnh hưởng lên tài khoản IRA. Thông thường, nếu bạn hoặc người thụ hưởng của bạn tham gia vào một giao dịch bị cấm liên quan đến tài khoản IRA truyền thống của bạn bất kỳ lúc nào trong năm, thì tài khoản đó sẽ ngừng là IRA kể từ ngày đầu tiên của năm đó.

Ảnh hưởng lên bạn hoặc người thụ hưởng của bạn. Nếu tài khoản không còn là IRA do bạn hoặc người thụ hưởng của bạn tham gia vào một giao dịch bị cấm, tài khoản được coi là phân phối tất cả tài sản của nó cho bạn theo giá trị thị trường hợp lý của chúng vào ngày đầu tiên của năm. Nếu tổng những giá trị này lớn hơn vốn giá gốc của bạn trong IRA, bạn sẽ có khoản lãi chịu thuế được tính vào thu nhập của mình. Để nắm cụ thể cách tính toán tiền lãi và báo cáo trong thu nhập, tham khảo phần [Các khoản phân phối có chịu thuế không](#), trước đó. Việc phân phối có thể phải chịu thêm thuế hoặc tiền phạt.

Thuế đánh vào giao dịch bị cấm. Nếu ai đó không phải là chủ sở hữu hoặc người thụ hưởng IRA truyền thống tham gia vào một giao dịch bị cấm, người đó có thể phải chịu một số khoản thuế nhất định. Nhìn chung, có 15% thuế đối với số tiền của giao dịch bị cấm và 100% thuế bổ sung nếu giao dịch không được sửa chữa.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về giao dịch bị cấm, tham khảo phần *Hành vi nào sẽ phát sinh hình phạt hoặc thuế bổ sung?* trong chương 1 của Ấn phẩm 590-A.

Đầu tư vào đồ sưu tầm

Nếu IRA truyền thống đầu tư vào đồ sưu tầm, số tiền được phân phối cho bạn trong năm. Bạn có thể phải đóng 10% thuế bổ sung trên [phân phối sớm](#), như được nêu dưới đây.

Đồ sưu tầm. Những lựa chọn này bao gồm:

- Tác phẩm nghệ thuật,
- Thảm,
- Đồ cổ,
- Kim loại,

- Đá quý,
- Tem,
- Tiền xu,
- Đồ uống có cồn, và
- Một số tài sản cá nhân thực hữu khác.

Trường hợp ngoại lệ. IRA của bạn có thể đầu tư vào toàn bộ, một nửa, một phần tư, hoặc toàn bộ, hoặc các đồng tiền vàng của Hoa Kỳ hoặc toàn bộ, hoặc một phần mười ounce đồng xu bạc do Bộ Tài chính đúc. IRA cũng có thể đầu tư vào một số đồng tiền bạch kim và vàng, bạc, paladi và thời bạch kim nhất định.

Đóng góp vượt mức

Thông thường, đóng góp vượt mức là số tiền đã đóng góp cho (các) IRA truyền thống của bạn trong năm lớn hơn số tiền nhỏ hơn trong:

- Số tiền khấu trừ tối đa cho năm đó (năm 2024, số tiền này là \$7.000 (\$8.000 nếu bạn 50 trở lên)); hoặc
- Thu lao chịu thuế của bạn cho năm đó.

Đóng góp vượt mức có thể từ đóng góp của bạn, của vợ/chồng bạn, của chủ lao động, hoặc một khoản đóng góp chuyển tiếp không hợp lý. Nếu chủ lao động thay mặt bạn thực hiện đóng góp cho IRA SEP, tham khảo chương 2 của Ấn phẩm 560.

Thuế trên đóng góp vượt mức. Nói chung, nếu bạn không rút tiền đóng góp vượt mức của một năm trước ngày tờ khai thuế của bạn đến hạn trong năm đó (tính cả gia hạn), bạn phải chịu thuế 6%. Bạn phải trả thuế 6% mỗi năm trên số tiền vượt mức còn trong IRA truyền thống vào cuối năm chịu thuế của mình. Thuế không được cao hơn 6% tổng giá trị của tất cả IRA của bạn tính đến cuối năm chịu thuế. Thuế bổ sung được tính toán trên Mẫu 5329.

Số tiền vượt mức được rút trước ngày đến hạn của tờ khai thuế. Bạn sẽ không phải trả thuế 6% nếu rút tiền đóng góp vượt mức đã đóng trong một năm chịu thuế và đồng thời rút tiền lãi hoặc thu nhập khác kiếm được từ tiền đóng góp vượt mức đó. Bạn phải hoàn tất việc rút tiền trước ngày đến hạn khai thuế cho năm đó, tính cả gia hạn.

Xử lý các khoản đóng góp đã rút như thế nào. Không tính vào tổng thu nhập của bạn số tiền đóng góp vượt mức mà bạn đã rút khỏi IRA truyền thống của mình trước khi tờ khai thuế đến hạn nếu đáp ứng cả hai điều kiện sau.

- Không được khấu trừ cho số tiền đóng góp vượt mức.
- Bạn rút tiền lãi hoặc thu nhập khác kiếm được trên tiền đóng góp vượt mức.

Khi tính toán số tiền được rút, bạn có thể tính đến những tổn thất đối với khoản đóng góp khi còn thuộc IRA. Nếu bị lỗ, thu nhập ròng bạn phải rút có thể là số âm.

Xử lý tiền lãi hoặc thu nhập khác đã rút ra như thế nào. Bạn phải tính vào tổng thu nhập tiền lãi hoặc thu nhập khác kiếm được trên số tiền đóng góp vượt mức. Báo cáo khoản tiền đó trong tờ khai thuế của bạn cho năm thực hiện số tiền đóng góp vượt mức. Việc rút khoản tiền lãi hoặc thu nhập khác của bạn có thể phải chịu 10% thuế bổ sung trên [các khoản phân phối sớm](#), như được nêu dưới đây.

Bắt đầu vào hoặc sau ngày 29 tháng 12, 2022, khoản thuế bổ sung 10% sẽ không áp dụng cho việc bạn rút tiền lãi hoặc thu nhập khác nếu rút tiền vào hoặc trước ngày đến hạn (bao gồm cả thời gian gia

hạn) của tờ khai thuế thu nhập. Xem Ấn phẩm 590-B để biết thêm thông tin.

Rút tiền đóng góp vượt mức sau ngày đến hạn khai thuế. Thông thường, bạn phải tính vào tổng thu nhập tất cả khoản phân phối (khoản rút ra) từ IRA truyền thống của mình. Tuy nhiên, nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây, bạn có thể rút tiền đóng góp vượt mức từ IRA của mình và không tính số tiền đã rút vào tổng thu nhập.

- Tổng các khoản đóng góp (ngoài đóng góp chuyển qua) cho năm 2024 vào IRA của bạn không lớn hơn \$7.000 (\$8.000 nếu bạn từ 50 tuổi trở lên).
- Bạn không khấu trừ cho tiền đóng góp vượt mức đã rút.

Có thể thực hiện rút tiền vào bất kỳ thời điểm nào, kể cả sau ngày đến hạn khai thuế cho năm đó, tính cả gia hạn.

Số tiền đóng góp vượt mức khấu trừ trong năm trước đó. Nếu bạn đã khấu trừ số tiền đóng góp vượt mức trong năm trước đó mà tổng đóng góp không lớn hơn khoản khấu trừ tối đa của năm đó (tham khảo bảng dưới đây), bạn vẫn có thể xóa bỏ phần vượt mức trong IRA truyền thống của mình và không tính vào tổng thu nhập. Để làm như vậy, hãy khai Mẫu 1040-X cho năm đó và khấu trừ số tiền đóng góp vượt mức vào tờ khai thuế sửa đổi. Thông thường, bạn có thể nộp tờ khai thuế sửa đổi trong vòng 3 năm khi khai thuế hoặc 2 năm từ thời điểm nộp thuế, tùy ngày nào muộn hơn.

(Các) năm	Hạn mức đóng góp	Hạn mức đóng góp từ 50 tuổi trở lên vào cuối năm
2023	\$6.500	\$7.500
2019 đến 2022	\$6.000	\$7.000
Từ 2013 đến 2018	\$5.500	\$6.500
Từ 2008 đến 2012	\$5.000	\$6.500
Từ 2006 đến 2007	\$4.000	\$5.000
2005	\$4.000	\$4.500
Từ 2002 đến 2004	\$3.000	\$3.500
Từ 1997 đến 2001	\$2.000	—
Trước năm 1997	\$2.250	—

Vượt mức do thông tin chuyển tiếp không chính xác. Nếu vượt mức trong IRA truyền thống của bạn là do chuyển tiếp và có vượt mức do thông tin mà chương trình yêu cầu cung cấp cho bạn không chính xác, bạn có thể rút số tiền đóng góp vượt mức. Hạn mức được nhắc đến ở trên tăng lên bằng số tiền vượt mức do thông tin không chính xác. Bạn sẽ phải sửa đổi tờ khai thuế cho năm có vượt mức để sửa báo cáo số tiền chuyển tiếp trong năm đó. Không tính vào tổng thu nhập phần nào của tiền đóng góp vượt mức do thông tin không chính xác. Để tìm hiểu thêm thông tin về tích lũy vượt mức, tham khảo *Excess Contributions (Đóng góp vượt mức)* tại phần *What Acts Result in Penalties or Additional Taxes?* (Hành vi nào sẽ phát sinh hình phạt hoặc thuế bổ sung?) trong Ấn phẩm 590-A.

Phân phối sớm

Bạn phải tính vào tổng thu nhập các khoản tiền chịu thuế phân phối sớm từ IRA truyền thống. Phân phối sớm cũng phải chịu thuế bổ sung 10%. Xem thông tin về Mẫu 5329 trong mục [Khái báo thuế bổ sung](#), dưới đây, để tính toán và khai báo thuế.

Định nghĩa của phân phối sớm . Các khoản phân phối sớm thường là số tiền được phân phối từ tài khoản IRA truyền thống của bạn hoặc niên kim trước khi bạn 59 tuổi^{1/2}.

Quy tắc tuổi 59^{1/2}. Thông thường, nếu bạn dưới 59 ¹/₂ tuổi, bạn phải trả 10% thuế bổ sung đối với việc phân phối bất kỳ tài sản nào (tiền hoặc tài sản khác) từ IRA truyền thống của mình. Phân phối trước khi bạn 59 ¹/₂ tuổi gọi là phân phối sớm.

Thuế bổ sung 10% áp dụng cho khoản phân phối bạn phải tính vào tổng thu nhập. Đây là phần bổ sung vào thuế thu nhập thông thường đánh lên số tiền.

Sau tuổi 59¹/₂ và trước tuổi 73. Sau khi bạn 59 ¹/₂ tuổi, bạn có thể nhận phân phối mà không phải đóng thuế bổ sung 10%. Kể cả khi bạn có thể nhận phân phối sau khi đến tuổi 59¹/₂, phân phối cũng không bắt buộc cho đến năm bạn 73 tuổi. Xem mục [Khi nào bạn phải rút tài sản IRA? \(Phân phối tối thiểu bắt buộc\)](#), ở phần trước.

Trường hợp ngoại lệ. Có nhiều ngoại lệ ngoài quy định tuổi 59¹/₂. Thậm chí nếu nhận phân phối trước năm 59 tuổi¹/₂, bạn cũng có thể không phải trả 10% thuế bổ sung nếu thuộc trong những trường hợp dưới đây.

- Bạn có chi phí y tế chưa hoàn trả lớn hơn 7,5% của AGI của bạn.
- Khoản phân phối cho chi phí bảo hiểm y tế trong thời gian thất nghiệp.
- Bạn bị tàn tật hoàn toàn và vĩnh viễn.
- Bạn được chứng nhận có bệnh nan y.
- Bạn là người thụ hưởng của chủ sở hữu IRA đã qua đời.
- Bạn đang nhận phân phối dưới dạng một sê-ri các khoản thanh toán định kỳ bằng nhau về cơ bản.
- Khoản phân phối là thu nhập của phân phối được điều chỉnh.
- Khoản phân phối cho chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện của bạn.
- Bạn sử dụng khoản phân phối để mua sắm, xây dựng hoặc sửa lại nhà mua lần đầu.
- Phân phối do một khoản áp thuế của IRS của IRA hoặc chương trình hưu trí.
- Phân phối là phân phối của lĩnh vực bị đủ điều kiện.
- Bạn là nạn nhân của bạo hành gia đình.
- Khoản phân phối cho các chi phí cá nhân khẩn cấp đủ điều kiện.

Hầu hết các ngoại lệ này đều được nêu rõ trong mục *Early Distributions (Phân phối sớm)* thuộc phần *What Acts Result in Penalties or Additional Taxes?* (Hành vi nào sẽ phát sinh hình phạt hoặc thuế bổ sung?) trong chương 1 của Ấn phẩm 590-B.

Ghi chú. Phân phối được chuyển hợp lý và đúng thời gian [qua](#), như đã nêu trước đó, không phải chịu thuế thu nhập thông thường hay thuế bổ sung 10%. Việc rút tiền đóng góp vượt mức nhất định sau ngày đến hạn của tờ khai thuế cũng được miễn thuế và do đó không phải chịu thuế bổ sung 10%. (Xem mục [Rút tiền đóng góp vượt mức sau ngày đến hạn khai thuế](#), trước đó.) Quy định này cũng áp dụng cho [chuyển qua do ly hôn](#), như đã nêu ở phần trước.

Phân phối cho quyền thụ lý. Phân phối sớm (được hoặc không được bạn đồng ý) từ cơ quan tiết

kiệm được quyền thụ lý phải chịu thuế này trừ khi áp dụng một trong những ngoại lệ liệt kê ở trên. Điều này đúng ngay cả khi việc phân phối từ quyền thụ lý là cơ quan nhà nước.

Thuế bổ sung 10%. Thuế bổ sung trên phân phối sớm là 10% số tiền phân phối sớm mà bạn phải tính vào tổng thu nhập của mình. Thuế này bổ sung vào thuế thu nhập thông thường phát sinh do tính phân phối vào thu nhập.

Khoản đóng góp không được khấu trừ. Thuế đánh trên phân phối sớm không áp dụng cho phần phân phối được coi như phần hoàn lại của các khoản đóng góp không khấu trừ của bạn (giá gốc).

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về phân phối sớm, xem *What Acts Result in Penalties or Additional Taxes?* (Hành vi nào sẽ phát sinh hình phạt hoặc thuế bổ sung?) trong chương 1 của Ấn phẩm 590-B.

Tích lũy vượt mức (Phân phối không đủ)

Bạn không thể giữ tiền vô thời hạn trong IRA truyền thống. Thông thường, bạn phải nhận phân phối không muộn hơn ngày 1 tháng 4 của năm sau năm bạn 73 tuổi. Phân phối tối thiểu bắt buộc cho năm bất kỳ sau năm bạn 73 tuổi phải được thực hiện không muộn hơn ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

TIP Những cá nhân đạt 72 tuổi sau ngày 31 tháng 12, 2023 có thể trì hoãn nhận khoản phân phối tối thiểu bắt buộc cho đến ngày 1 tháng 4 của năm sau năm mà họ đạt 73 tuổi.

Thuế trên số tiền vượt mức. Nếu phân phối dưới mức phân phối tối thiểu bắt buộc cho năm, bạn có thể phải trả 25% thuế gián thu cho năm đó trên số tiền không được phân phối theo yêu cầu.

TIP Thuế gián thu đối với các khoản phân phối ít hơn số tiền phân phối tối thiểu bắt buộc sẽ giảm xuống 25% cho các năm tính thuế bắt đầu sau ngày 29 tháng 12, 2022. Ngoài ra, còn có mức giảm bổ sung xuống 10% đối với những người đóng thuế đáp ứng các yêu cầu bổ sung. Xem Ấn phẩm 590-B để biết thêm thông tin.

Yêu cầu miễn thuế. Nếu tích lũy vượt mức do lỗi hợp lý và bạn đã hoặc đang thực hiện các bước để khắc phục việc phân phối còn thiếu, bạn có thể yêu cầu miễn thuế. Nếu bạn cho rằng mình đủ điều kiện để được miễn thuế, vui lòng đính kèm một bản tường trình và hoàn thành Mẫu 5329 như hướng dẫn trong mục *Waiver of tax for reasonable cause* (Miễn thuế vì lý do hợp lý) trong phần Hướng dẫn cho Mẫu 5329.

Miễn thuế. Nếu bạn không thể thực hiện được phân phối bắt buộc đã đầu tư IRA truyền thống vào hợp đồng được phát hành bởi một công ty bảo hiểm phát hành đang tiến hành tố tụng vi phạm pháp luật của nhà bảo hiểm cấp tiểu bang, thì không áp dụng thuế gián thu 25% nếu đáp ứng được các điều kiện và yêu cầu của Quy trình Thuế vụ 92-10.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về tích lũy vượt mức, tham khảo phần *Hành vi nào sẽ phát sinh hình phạt hoặc thuế bổ sung?* trong chương 1 của Ấn phẩm 590-B.

Khai báo thuế bổ sung

Thông thường, bạn phải sử dụng Mẫu 5329 để khai báo đóng góp vượt mức, phân phối sớm và tích lũy vượt mức.

Nộp tờ khai thuế. Nếu bạn phải nộp tờ khai thuế thu nhập cá nhân, hãy hoàn thành Mẫu 5329 và đính kèm với Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của mình. Nhập tổng số thuế bổ sung đến hạn vào Bảng 2 (Mẫu 1040), dòng 8.

Không nộp tờ khai thuế. Nếu bạn không phải nộp tờ khai thuế nhưng phải trả một trong những khoản thuế bổ sung được nêu trên, hãy nộp Mẫu 5329 đã điền hoàn chỉnh cùng với IRS vào thời điểm và địa điểm mà bạn sẽ khai Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Hãy đảm bảo ghi địa chỉ của bạn ở trang 1 và ký tên và ghi ngày tháng ở trang 2. Gửi kèm, nhưng không đính kèm, séc hoặc lệnh phiếu trả cho “United States Treasury (Bộ Tài chính Hoa Kỳ)” cho khoản thuế bạn nợ, như được thể hiện trên Mẫu 5329. Nhập số an sinh xã hội của bạn và “2024 Form 5329 (Mẫu 5329 năm 2024)” trên séc hoặc lệnh phiếu.

Mẫu 5329 không bắt buộc. Bạn không phải sử dụng Mẫu 5329 trong bất kỳ trường hợp nào sau đây.

- Mã phân phối 1 (phân phối sớm) được thể hiện đúng trong ô 7 của tất cả các Mẫu 1099-R của bạn. Nếu bạn không nợ bất kỳ khoản thuế bổ sung nào trên phân phối, nhân phần phân phối sớm phải chịu thuế với 10% (0,10) và điền kết quả vào Bảng 2 (Mẫu 1040), dòng 6. Nhập “No (Không)” vào bên trái dòng để thể hiện bạn không phải khai Mẫu 5329. Tuy nhiên, nếu bạn nợ thuế này và cũng nợ thuế bổ sung trên phân phối, không trực tiếp điền thuế bổ sung 10% này vào Mẫu 1040 hay 1040-SR. Bạn phải khai Mẫu 5329 để báo cáo thuế bổ sung của mình.
- Nếu bạn chuyển một phần hoặc toàn bộ phân phối từ một kế hoạch hưu trí đủ điều kiện, phần chuyển tiếp không phải chịu thuế trên phân phối sớm.
- Nếu bạn có một khoản phân phối đủ điều kiện do thiên tai.

IRA Roth

Dù bạn bao nhiêu tuổi, bạn có thể thiết lập và thực hiện đóng góp không khấu trừ cho một chương trình hưu trí được gọi là IRA Roth.

Đóng góp không được khai báo. Bạn không khai báo đóng góp IRA Roth trên tờ khai thuế của mình.

IRA Roth là gì?

IRA Roth là một kế hoạch hưu trí cá nhân mà, ngoài được giải thích trong chương này, còn tuân theo các quy định áp dụng cho một [IRA truyền thống](#) (được định nghĩa ở trên). Đây có thể là một tài khoản hoặc một niên kim. Tài khoản hưu trí cá nhân và niên kim được mô tả ở phần *How Can a Traditional IRA Be Opened?* (Làm thế nào để mở IRA truyền thống?) trong chương 1 của Ấn phẩm 590-A.

Để trở thành một IRA Roth, tài khoản hoặc niên kim phải được chỉ định là IRA Roth khi được mở. Một IRA mô phỏng có thể được coi là IRA Roth. Bắt

đầu vào năm thuế 2024 cả hai IRA SEP hoặc SIMPLE đều có thể được chỉ định là IRA Roth.

Không giống như IRA truyền thống, bạn không thể khấu trừ đóng góp vào IRA Roth. Nhưng nếu đáp ứng các yêu cầu, [phân phối đủ điều kiện](#) (được nêu dưới đây) được miễn thuế. Bạn có thể để các khoản tiền trong IRA Roth của mình suốt đời.

Khi nào có thể mở một IRA Roth?

Bạn có thể mở IRA Roth bất kỳ thời điểm nào. Tuy nhiên, thời gian đóng góp cho từng năm là có giới hạn. Xem [Khi nào bạn có thể thực hiện đóng góp](#), dưới đây, trong phần [Bạn có thể đóng góp cho IRA Roth không?](#) tiếp theo.

Bạn có thể đóng góp cho IRA Roth không?

Thông thường, bạn có thể đóng góp vào IRA Roth nếu có [thù lao chịu thuế](#) (được định nghĩa dưới đây) và [AGI đã sửa đổi của bạn](#) (được định nghĩa dưới đây) dưới:

- \$240.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện;
- \$161.000 cho người độc thân, chủ gia đình hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn đã không sống cùng vợ/chồng của bạn tại bất kỳ thời điểm nào trong năm; hoặc
- \$10.000 đối với vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn đã sống cùng vợ/chồng của bạn tại bất kỳ thời điểm nào trong năm.

TIP Bạn có thể đủ điều kiện để yêu cầu một khoản tín dụng cho khoản đóng góp vào IRA Roth. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem chương 3 của Ấn phẩm 590-A.

Đóng góp có giới hạn tuổi không? Bạn có thể thực hiện đóng góp cho IRA Roth ở mọi độ tuổi.

Bạn có thể đóng góp cho IRA Roth cho vợ/chồng mình không? Bạn có thể đóng góp vào IRA Roth cho vợ/chồng mình miễn là đóng góp đáp ứng giới hạn của IRA của Người phối ngẫu Kay Bailey Hutchison (được nêu trong phần [Có thể đóng góp bao nhiêu](#), đề cập trước đó trong phần *IRA truyền thống*), vợ chồng bạn khai chung hồ sơ thuế, và AGI đã sửa đổi ít hơn \$240.000.

Thù lao. Thù lao bao gồm tiền công, tiền lương, tiền boa, phí chuyên môn, tiền thưởng và các khoản khác nhận được khi cung cấp dịch vụ cá nhân. Thù lao cũng bao gồm hoa hồng, thu nhập tự doanh, lương chiến đấu không chịu thuế, tiền trả chênh lệch quân đội, và tiền cấp dưỡng ly hôn chịu thuế, các khoản thanh toán bảo dưỡng ly thân, và các khoản thanh toán học bổng phí học phí chịu thuế và trợ cấp.

Xem [Thù lao là gì](#) để biết thêm thông tin.

AGI đã sửa đổi. AGI đã sửa đổi của bạn cho mục đích IRA Roth là AGI của bạn như thể hiện trong tờ khai thuế với một số điều chỉnh. Sử dụng [Bảng tính 9-2](#) dưới đây để xác định AGI đã sửa đổi của bạn.



Sử dụng bảng tính này để tính tổng thu nhập được điều chỉnh theo luật thuế mới của bạn cho mục đích IRA Roth.

1.	Nhập AGI của bạn từ Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 11	1.	_____
2.	Nhập các khoản thu nhập có được từ việc chuyển đổi IRA (không phải IRA Roth) sang IRA Roth (có trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b) và chuyển từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện sang IRA Roth (có trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 5b)	2.	_____
3.	Lấy dòng 1 trừ dòng 2	3.	_____
4.	Nhập bất kỳ khoản khấu trừ IRA truyền thống nào vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 20	4.	_____
5.	Nhập tất cả khoản khấu trừ lãi vay sinh viên từ Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 21	5.	_____
6.	Nhập tất cả khoản thu nhập kiếm được từ nước ngoài và/hoặc chi phí về nhà cửa ở nước ngoài bị loại trừ từ Mẫu 2555, dòng 45	6.	_____
7.	Nhập tất cả các khoản khấu trừ chi phí về nhà cửa ở nước ngoài từ Mẫu 2555, dòng 50	7.	_____
8.	Nhập các khoản lãi suất trái phiếu tiết kiệm được loại trừ từ Mẫu 8815, dòng 14	8.	_____
9.	Nhập tất cả quyền lợi do nhận con nuôi mà chủ lao động cung cấp bị loại trừ từ Mẫu 8839, dòng 28	9.	_____
10.	Cộng số liệu các dòng từ 3 đến 9	10.	_____
11.	Nhập: • \$240.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, • \$10.000 đối với vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn đã sống cùng vợ/chồng của bạn tại bất kỳ thời điểm nào trong năm, hoặc • \$161.000 cho tất cả các trường hợp khác.	11.	_____

Số liệu ở dòng 10 có lớn hơn ở dòng 11 không?
Nếu có, hãy tham khảo *Ghi chú* dưới đây.
Nếu không, thì số liệu ở dòng 10 là AGI đã sửa đổi của bạn cho mục đích IRA Roth.

Ghi chú. Nếu số liệu ở dòng 10 lớn hơn dòng 11 và bạn có các mục thu nhập hoặc lỗ khác, như thu nhập an sinh xã hội hay lỗ hoạt động thụ động, đó là thuế bãi miễn tính theo AGI, bạn có thể tính toán lại AGI chỉ cho mục đích tính toán AGI đã sửa đổi cho mục đích IRA Roth. (Nếu bạn nhận trợ cấp an sinh xã hội, hãy sử dụng Bảng tính 1 trong *Phụ lục B* của Ấn phẩm 590-A để tính AGI của bạn.) Sau đó đến dòng 3 ở trên Bảng tính 9-2 để tính toán lại AGI đã sửa đổi của bạn. Nếu bạn không có mục thu nhập hay lỗ khác chịu thuế bãi miễn tính theo AGI, AGI đã sửa đổi của bạn cho mục đích IRA Roth là số liệu ở dòng 10.

Có thể đóng góp bao nhiêu?

Hạn mức đóng góp cho IRA Roth thường phụ thuộc vào việc các khoản đóng góp chỉ được thực hiện cho IRA Roth hay cho cả IRA truyền thống và IRA Roth.

Chỉ IRA Roth. Nếu các khoản đóng góp chỉ được thực hiện cho IRA Roth, thông thường hạn mức đóng góp của bạn sẽ nhỏ hơn trong các số tiền sau.

- \$7.000 (\$8.000 nếu bạn 50 tuổi trở lên vào năm 2024).
- Thù lao chịu thuế của bạn.

Tuy nhiên, nếu AGI đã sửa đổi của bạn ở trên một mức nhất định, hạn mức đóng góp có thể được

giảm, như được nêu dưới đây trong phần [Hạn mức đóng góp bị giảm](#).

IRA Roth và IRA truyền thống. Nếu đóng góp được thực hiện cho cả IRA Roth và IRA truyền thống thiết lập cho quyền lợi của bạn, hạn mức đóng góp của bạn cho IRA Roth thường tương đương với hạn mức đóng góp khi chỉ thực hiện cho IRA Roth, nhưng sau đó được giảm tất cả các khoản đóng góp trong năm cho tất cả các IRA khác ngoài IRA Roth. Đóng góp của chủ lao động trong chương trình SEP hoặc SIMPLE không ảnh hưởng đến hạn mức này.

Tức là hạn mức đóng góp của bạn thường là khoản nhỏ hơn trong các khoản dưới đây.

- \$7.000 (\$8.000 nếu bạn 50 tuổi trở lên vào năm 2024) trừ đi tất cả các khoản đóng góp (ngoài

đóng góp của chủ lao động theo chương trình SEP hoặc SIMPLE) trong năm cho tất cả IRA ngoài IRA Roth.

- Thù lao chịu thuế của bạn trừ đi tất cả các khoản đóng góp (ngoài đóng góp của chủ lao động theo chương trình SEP hoặc SIMPLE) trong năm cho tất cả IRA ngoài IRA Roth.

Tuy nhiên, nếu AGI đã sửa đổi lớn hơn một mức nhất định, hạn mức đóng góp của bạn có thể được giảm, như được giải thích dưới đây trong phần *Hạn mức đóng góp bị giảm*.

Hạn mức đóng góp bị giảm. Nếu AGI đã sửa đổi lớn hơn một mức nhất định, hạn mức đóng góp của bạn sẽ giảm dần. Sử dụng [Bảng 9-3](#) để xác định hạn mức áp dụng với bạn.

Bảng 9-3. Ảnh hưởng của AGI đã sửa đổi đối với đóng góp IRA Roth

Bảng này thể hiện đóng góp của bạn vào IRA Roth có bị ảnh hưởng bởi AGI đã sửa đổi của bạn không.

NẾU bạn có thù lao chịu thuế và tư cách khai thuế của bạn là...	VÀ AGI đã sửa đổi của bạn là...	THÌ...
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	ít hơn \$230.000	bạn có thể đóng góp tối đa \$7.000 (\$8.000 nếu bạn 50 tuổi trở lên vào năm 2024).
	ít nhất \$230.000 nhưng dưới \$240.000	số tiền bạn có thể đóng góp được giảm như được nêu trong phần <i>Contribution limit reduced (Hạn mức đóng góp bị giảm)</i> trong chương 2 của Ấn phẩm 590-A.
	\$240.000 trở lên	bạn không thể đóng góp cho IRA Roth.
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn đã sống cùng vợ/chồng của bạn tại bất kỳ thời điểm nào trong năm	không (-0-)	bạn có thể đóng góp tối đa \$7.000 (\$8.000 nếu bạn 50 tuổi trở lên vào năm 2024).
	lớn hơn không (-0-) nhưng nhỏ hơn \$10.000	số tiền bạn có thể đóng góp được giảm như được nêu trong phần <i>Contribution limit reduced (Hạn mức đóng góp bị giảm)</i> trong chương 2 của Ấn phẩm 590-A.
	\$10.000 trở lên	bạn không thể đóng góp cho IRA Roth.
Độc thân, Chủ gia đình, hoặc Vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn đã không sống cùng vợ/chồng của bạn tại bất kỳ thời điểm nào trong năm	ít hơn \$146.000	bạn có thể đóng góp tối đa \$7.000 (\$8.000 nếu bạn 50 tuổi trở lên vào năm 2024).
	ít nhất \$146.000 nhưng dưới \$161.000	số tiền bạn có thể đóng góp được giảm như được nêu trong phần <i>Contribution limit reduced (Hạn mức đóng góp bị giảm)</i> trong chương 2 của Ấn phẩm 590-A.
	\$161.000 trở lên	bạn không thể đóng góp cho IRA Roth.

Tính toán mức giảm. Nếu khoản tiền bạn đóng góp cho IRA Roth của mình được giảm, hãy tham khảo Bảng tính 2-2 thuộc phần *Can You Contribute to a Roth IRA (Bạn có thể đóng góp cho IRA Roth không)?* trong chương 2 của Ấn phẩm 590-A để xem cách tính toán mức giảm.

Khi nào bạn có thể thực hiện đóng góp?

Bạn có thể đóng góp cho IRA Roth trong một năm vào bất kỳ thời điểm nào trong năm hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế cho năm đó (không tính gia hạn).



Bạn có thể đóng góp cho năm 2024 không muộn hơn ngày đến hạn (không tính gia hạn) khai thuế 2024.

Nếu bạn đóng góp quá nhiều thì sao?

Thuế gián thu 6% áp dụng cho số tiền đóng góp vượt mức cho IRA Roth.

Đóng góp vượt mức. Đây là những khoản đóng góp cho IRA Roth của bạn trong một năm bằng với tổng của:

- 1. Các khoản đóng góp cho năm chịu thuế vào IRA Roth của bạn (ngoài số tiền đã chuyển tiếp hợp lý và đúng hạn từ một IRA Roth hoặc chuyển đổi hợp lý từ một kế hoạch hưu trí đủ điều kiện, như được nêu ở phần sau) mà lớn hơn hạn mức đóng góp cho năm đó; cộng với
- 2. Mọi số tiền đóng góp vượt mức cho năm trước, trừ đi tổng của:
 - a. Các khoản đóng góp ngoài IRA Roth của bạn trong năm đó, cộng
 - b. Hạn mức đóng góp của bạn cho năm đó trừ đi đóng góp cho tất cả IRA của bạn trong năm.

Rút tiền đóng góp vượt mức. Với mục đích xác định tiền đóng góp vượt mức, các khoản đóng góp được rút ra vào hoặc trước ngày đến hạn (tính cả gia hạn) để khai thuế cho năm được coi như khoản tiền không được đóng góp. Chỉ áp dụng như vậy nếu rút đồng thời các khoản thu nhập kiếm được trên các khoản đóng góp. Các khoản thu nhập được coi là kiếm được và nhận được trong năm có số tiền đóng góp vượt mức.

Áp dụng số tiền đóng góp vượt mức. Nếu khoản đóng góp cho IRA của bạn trong một năm lớn hơn hạn mức, bạn có thể áp dụng số tiền đóng góp vượt mức trong một năm cho năm sau đó nếu khoản đóng góp cho năm sau đó thấp hơn hạn mức tối đa cho phép trong năm đó.

Bạn có thể chuyển tiền vào IRA Roth không?

Bạn có thể chuyển đổi các khoản tiền từ một IRA truyền thống, SEP, hoặc SIMPLE sang IRA Roth. Bạn có thể chuyển tiếp các khoản tiền từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện sang IRA Roth. Bạn có thể tái xác định các khoản phân phối cho một IRA như phân phối trực tiếp cho một IRA khác. Bạn có thể chuyển các khoản tiền từ tài Roth được chỉ định hoặc từ IRA Roth này sang IRA Roth khác.

Chuyển đổi

Bạn có thể chuyển đổi một IRA truyền thống sang IRA Roth. Việc chuyển đổi được coi như chuyển tiếp, dù sử dụng phương pháp chuyển đổi nào. Hầu hết các quy định chuyển tiếp được nêu cụ thể trước đó trong mục *Chuyển tiếp từ IRA này sang IRA khác* thuộc phần *IRA truyền thống*, đều áp dụng cho chuyển tiếp. Tuy nhiên, không áp dụng khoảng thời gian đợi 1 năm.

Phương pháp chuyển đổi. Bạn có thể chuyển đổi khoản tiền từ một IRA truyền thống sang IRA Roth bằng một trong những cách dưới đây.

- **Chuyển tiếp.** Bạn có thể nhận một khoản phân phối từ IRA truyền thống và chuyển khoản đó (đóng góp) qua IRA Roth trong vòng 60 ngày sau khi phân phối.
- **Chuyển qua từ người được ủy thác tới người được ủy thác khác.** Bạn có thể ra lệnh người được ủy thác của IRA truyền thống chuyển qua khoản tiền từ IRA truyền thống cho người được ủy thác của IRA Roth.
- **Chuyển qua cùng người ủy thác.** Nếu người được ủy thác của IRA truyền thống cũng duy trì IRA Roth, bạn có thể ra lệnh người được ủy thác chuyển qua một khoản tiền từ IRA truyền thống sang IRA Roth.

Cùng người được ủy thác. Có thể thực hiện chuyển đổi với cùng một người được ủy bằng cách thiết kế lại IRA truyền thống thành IRA Roth, thay vì mở tài khoản mới hoặc phát hành hợp đồng mới.

Chuyển từ chương trình nghỉ hưu đủ điều kiện qua IRA Roth. Bạn có thể chuyển tiếp IRA Roth tất cả hoặc một phần của phân phối chuyển tiếp đủ điều kiện mà bạn nhận được từ (hoặc vợ/chồng quá cố của bạn):

- Chương trình hưu bổng, lợi nhuận chia sẻ, hoặc thưởng cổ phiếu của chủ lao động;
- Chương trình niên kim;
- Chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình theo đoạn 403(b)); hoặc
- Chương trình lương được trì hoãn của chính phủ (chương trình theo đoạn 457).

Các khoản tiền được chuyển tiếp tuân theo các quy định tương tự như khi chuyển đổi từ IRA truyền thống sang IRA Roth. Đồng thời, khoản đóng góp chuyển tiếp phải đáp ứng các yêu cầu chuyển tiếp áp dụng cho từng loại kế hoạch hưu trí cụ thể.

Thu nhập. Bạn phải tính vào tổng thu nhập các khoản phân phối từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện mà bạn phải tính vào thu nhập nếu không chuyển tiếp IRA Roth. Bạn không tính vào tổng thu nhập phần nào của phân phối từ một kế hoạch hưu trí đủ điều kiện là khoản hoàn lại vốn giá gốc (đóng góp sau thuế) cho chương trình bạn đã chịu thuế khi được thanh toán. Những khoản tiền này thường được tính vào thu nhập trong tờ khai thuế của bạn cho năm chuyển từ chương trình của chủ lao động đủ điều kiện qua IRA Roth.



Nếu phải tính vào tổng thu nhập khoản tiền bất kỳ, bạn có thể phải tăng khấu lưu và thực hiện thanh toán thuế ước tính. Xem Ấn phẩm 505, *Khấu lưu thuế và Thuế ước tính*.

Để biết thêm thông tin, xem phần *Rollover From Employer's Plan Into a Roth IRA* (*Chuyển qua từ chương trình của chủ lao động sang IRA Roth*) trong chương 2 của Ấn phẩm 590-A.

Chuyển đổi từ IRA SIMPLE. Thông thường, bạn có thể chuyển đổi một khoản tiền trong IRA SIMPLE của mình sang một IRA Roth áp dụng các quy định tương tự được nêu cụ thể trước đó trong mục [Chuyển đổi từ bất kỳ IRA truyền thống nào sang IRA Roth](#) thuộc phần *IRA truyền thống*.

Tuy nhiên, bạn không thể chuyển đổi khoản tiền phân phối từ IRA SIMPLE trong khoảng thời gian 2 năm bắt đầu từ ngày bạn lần đầu tham gia chương trình IRA SIMPLE do chủ lao động duy trì.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về chuyển đổi, xem *Can You Move Amounts Into a IRA Roth?* (*Bạn có thể chuyển tiền vào một IRA Roth không?*) trong chương 2 của Ấn phẩm 590-A.

Chuyển tiếp từ IRA Roth

Bạn có thể rút tiền, miễn thuế, toàn bộ hoặc một phần những tài sản này từ một IRA Roth nếu bạn đóng góp các khoản này trong vòng 60 ngày vào một IRA Roth khác. Hầu hết các quy định chuyển tiếp đã được nêu cụ thể trước đó trong mục [Chuyển tiếp từ IRA này sang IRA khác](#) thuộc phần *IRA truyền thống*, áp dụng cho các khoản chuyển tiếp này.

Chuyển từ tài khoản Roth được chỉ định. Chỉ có thể thực hiện chuyển tiếp tài khoản Roth được chỉ

định sang tài khoản Roth được chỉ định khác hoặc tới IRA Roth. Để tìm hiểu thêm thông tin về tài khoản Roth được chỉ định, tham khảo *Designated Roth accounts* (*các tài khoản Roth được chỉ định*) ở phần *Rollovers* (*Chuyển tiếp*) trong Ấn phẩm 575.

Các khoản phân phối có chịu thuế không?

Bạn không tính vào tổng thu nhập của mình các khoản phân phối đủ điều kiện hoặc phân phối là các khoản đóng góp thông thường hoàn lại từ (các) IRA Roth. Bạn cũng không tính các khoản phân phối từ IRA Roth mà bạn chuyển miễn thuế sang IRA Roth khác. Bạn có thể phải tính một phần phân phối vào thu nhập của mình. Xem mục [Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối](#), dưới đây.

Thế nào là phân phối đủ điều kiện? Phân phối đủ điều kiện là bất kỳ khoản thanh toán hoặc phân phối nào từ IRA Roth của bạn đáp ứng các yêu cầu sau.

1. Phân phối được thực hiện sau khoảng thời gian 5 năm bắt đầu từ năm chịu thuế đầu tiên thực hiện khoản đóng góp cho IRA Roth được thiết lập vì lợi ích của bạn.
2. Khoản thanh toán hoặc phân phối:
 - a. Được thực hiện vào hoặc sau ngày bạn đủ 59 tuổi^{1/2},
 - b. Được thực hiện do bạn là người tàn tật,
 - c. Được thực hiện cho người thụ hưởng hoặc tài sản của bạn sau khi bạn qua đời, hoặc
 - d. Để trả tối đa \$10.000 (hạn mức trọn đời) số tiền tín thuế cho người mua nhà lần đầu đủ điều kiện nhất định. Xem mục *Mua nhà lần đầu* thuộc phần *What Acts Result in Penalties or Additional Taxes?* (*Hành vi nào sẽ phát sinh hình phạt hoặc thuế bổ sung?*) trong chương 1 của Ấn phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Thuế bổ sung trên một số khoản phân phối chuyển đổi và đóng góp chuyển tiếp trong khoảng thời gian 5 năm. Nếu, trong khoảng thời gian 5 năm bắt đầu từ ngày đầu tiên của năm chịu thuế mà bạn chuyển đổi một số tiền từ IRA truyền

thống hoặc chuyển một số tiền từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện qua IRA Roth, bạn sẽ nhận được phân phối từ IRA Roth, bạn có thể phải trả thêm 10% thuế bổ sung cho các khoản phân phối sớm. Thông thường, bạn phải trả thuế bổ sung 10% trên các khoản được quy cho một phần của số tiền được chuyển đổi hoặc chuyển tiếp (khoản đóng góp chuyển đổi hoặc chuyển tiếp) mà bạn phải tính vào thu nhập. Khoảng thời gian 5 năm riêng biệt áp dụng cho mỗi lần chuyển đổi và chuyển tiếp. Xem mục [Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối](#), dưới đây, để xác định khoản tiền phân phối, nếu có, được quy cho phần đóng góp chuyển đổi hoặc chuyển tiếp mà bạn phải tính vào thu nhập.

Thuế bổ sung trên các khoản phân phối sớm khác. Trừ khi có ngoại lệ, bạn phải trả thêm 10% thuế bổ sung cho phần phân phối chịu thuế không phải là khoản phân phối đủ điều kiện. Xem Ấn phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối. Nếu phân phối từ IRA Roth bạn nhận không phải là phân phối đủ điều kiện, một phần phân phối có thể bị đánh thuế. Có một thử tự nhất định để xem xét các khoản đóng góp (bao gồm các khoản đóng góp chuyển đổi và chuyển tiếp từ các kế hoạch hưu trí đủ điều kiện) và thu nhập là phân phối từ IRA Roth của bạn. Các khoản đóng góp thường xuyên được phân phối trước. Xem mục *Ordering Rules for Distributions* (*Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối*) thuộc phần *Are Distributions Taxable?* (*Các khoản phân phối có chịu thuế không?*) trong chương 2 của Ấn phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Bạn có phải rút tiền hay sử dụng tài sản IRA Roth? Bạn không bắt buộc phải nhận phân phối từ IRA Roth của mình ở bất kỳ tuổi nào. Các quy định phân phối tối thiểu áp dụng cho IRA truyền thống không áp dụng cho IRA Roth khi chủ sở hữu còn sống. Tuy nhiên, sau khi chủ sở hữu IRA Roth qua đời, các quy định phân phối tối thiểu nhất định áp dụng cho IRA truyền thống cũng áp dụng cho IRA Roth.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về IRA Roth, tham khảo chương 2 của Ấn phẩm 590-A và Ấn phẩm 590-B.

Khấu trừ tiêu chuẩn,
Khấu trừ từng khoản
và các khoản Khấu
trừ khác

Sau khi bạn tính được tổng thu nhập đã điều chỉnh của mình, bạn đã sẵn sàng trừ đi các khoản khấu trừ được sử dụng để tính thu nhập chịu thuế. Bạn có thể trừ đi mức khấu trừ tiêu chuẩn hoặc khấu trừ từng khoản, và cả tiền khấu trừ thu nhập kinh doanh đủ tiêu chuẩn nếu bạn đủ tiêu chuẩn. Khấu trừ từng khoản là các khoản khấu trừ cho một số chi phí nhất định được liệt kê trên Bảng A (Mẫu 1040). Ba chương trong phần này trình bày về khoản khấu trừ tiêu chuẩn và một số khoản khấu trừ từng khoản. Xem [chương 10](#) để biết các yếu tố cần cân nhắc khi quyết định nên áp dụng mức giảm thuế tiêu chuẩn hay khấu trừ từng khoản.

Các bảng liệt kê của Mẫu 1040 và 1040-SR được giải thích trong những chương này là:

- *Bảng 1, Thu nhập bổ sung và điều chỉnh cho thu nhập;*
- *Bảng 2, Phần II, Các loại thuế khác; và*
- *Bảng 3, Phần I, Tín thuế không hoàn lại.*

10.

Khấu trừ tiêu chuẩn

Quy định mới

Khấu trừ tiêu chuẩn đã tăng lên. Khoản khấu trừ tiêu chuẩn cho những người đóng thuế không ghi lại từng khoản khấu trừ của họ trong Bảng A (Mẫu 1040) đã tăng lên. Số tiền khấu trừ tiêu chuẩn của bạn phụ thuộc vào tư cách khai thuế của bạn và các yếu tố khác. Sử dụng [Bảng Khấu trừ tiêu chuẩn 2024](#) ở gần cuối chương này để tính khấu trừ tiêu chuẩn của bạn.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về các chủ đề sau.

- Cách tính số tiền khấu trừ tiêu chuẩn của bạn.
- Khấu trừ tiêu chuẩn cho người phụ thuộc.
- Ai nên khấu trừ từng khoản.

Hầu hết người đóng thuế có thể chọn khấu trừ tiêu chuẩn hoặc khấu trừ từng khoản. Nếu bạn có quyền lựa chọn, bạn có thể sử dụng phương pháp giúp bạn giảm bớt tiền thuế.

Khấu trừ tiêu chuẩn là số tiền làm giảm thu nhập chịu thuế của bạn. Đây là lợi ích giúp nhiều người đóng thuế không phải kê chi tiết các khoản khấu trừ thực tế, chẳng hạn như chi phí y tế, đóng góp từ thiện và thuế, trên Bảng A (Mẫu 1040). Khấu trừ tiêu chuẩn sẽ cao hơn đối với người đóng thuế là người:

- Từ 65 tuổi trở lên, hoặc
- Bị mù.

TIP *Bạn được hưởng lợi từ khấu trừ tiêu chuẩn nếu khấu trừ tiêu chuẩn của bạn lớn hơn tổng các mức khấu trừ từng khoản được phép của bạn.*

Những người không đủ điều kiện để được khấu trừ tiêu chuẩn. Khấu trừ tiêu chuẩn của bạn bằng 0 và bạn nên khấu trừ từng khoản mà bạn có nếu:

- Tư cách khai thuế là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, và vợ/chồng của bạn cũng liệt kê từng khoản khấu trừ đối với thu nhập của họ;
- Bạn đang khai thuế cho một năm thuế ngắn do có sự thay đổi trong chu kỳ kế toán hàng năm của bạn; hoặc
- Bạn là người nước ngoài tạm trú hoặc người nước ngoài có tình trạng kép trong năm. Bạn được coi là người nước ngoài có tình trạng kép nếu bạn vừa là người nước ngoài tạm trú vừa là người nước ngoài thường trú trong năm.

Nếu bạn là người nước ngoài tạm trú lập gia đình với công dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú vào cuối năm, bạn có thể chọn được đối xử như một công dân Hoa Kỳ. (Xem Ấn phẩm 519.) Nếu bạn thực hiện lựa chọn, bạn có thể dùng khấu trừ tiêu chuẩn.

CAUTION *Nếu bạn có thể được coi là người phụ thuộc từ khai thuế của người khác (ví dụ trên tờ khai thuế của cha mẹ), khấu trừ tiêu chuẩn của bạn có thể bị giới hạn. Xem [Khấu trừ tiêu chuẩn cho Người phụ thuộc](#) ở phần sau.*

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- ☐ **501** Người phụ thuộc, khấu trừ tiêu chuẩn và thông tin khai thuế
- ☐ **502** Chi phí y tế và nha khoa
- ☐ **526** Đóng góp từ thiện
- ☐ **530** Thông tin thuế cho Chủ nhà
- ☐ **547** Thiệt hại, Thiên tai, và Trộm cắp
- ☐ **550** Thu nhập và chi phí đầu tư
- ☐ **936** Khấu trừ lãi của khoản vay thế chấp nhà ở
- ☐ **970** Lợi ích thuế cho Giáo dục

Mẫu (và Hướng dẫn)

☐ **Bảng A (Mẫu 1040)** Khấu trừ từng khoản

Số tiền khấu trừ tiêu chuẩn

Số tiền khấu trừ tiêu chuẩn phụ thuộc vào tư cách khai thuế của bạn, bạn có phải người từ 65 tuổi trở lên hay bị mù, và liệu người đóng thuế khác có thể khai bạn là người phụ thuộc hay không. Nói chung, khấu trừ tiêu chuẩn được điều chỉnh mỗi năm theo lạm phát. Khấu trừ tiêu chuẩn cho hầu hết mọi người được trình bày trong [Bảng 10-1](#).

Tờ khai cuối cùng của người quá cố. Khấu trừ tiêu chuẩn cho tờ khai thuế cuối cùng của người quá cố tương tự như mức khấu trừ nếu người đã mất tiếp tục sống. Tuy nhiên, nếu người quá cố không đủ 65 tuổi trở lên vào thời điểm qua đời, thì không thể yêu cầu khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn.

Khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn cho tuổi (65 trở lên)

Nếu bạn từ 65 tuổi trở lên vào ngày cuối cùng của năm và không khấu trừ từng khoản, bạn được hưởng khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn. Bạn được coi là 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của bạn. Do đó, bạn có thể nhận khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn cho năm 2024 nếu bạn sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960.

Sử dụng [Bảng 10-2](#) để tính khấu trừ tiêu chuẩn.

Người đóng thuế đã mất. Nếu bạn đang chuẩn bị tờ khai thuế cho một người đã qua đời vào năm 2024, hãy đọc phần này trước khi sử dụng [Bảng 10-2](#) hoặc [Bảng 10-3](#). Chỉ xem xét người đóng thuế đủ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2024 nếu qua đời khi đã 65 tuổi hoặc cao hơn. Ngay cả khi người đóng thuế sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960, người đó không được coi là đủ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2024 trừ khi người đó đủ 65 tuổi trở lên vào thời điểm qua đời.

Một người được xem là đủ 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của người đó.

Khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn cho người mù

Nếu bạn bị mù vào ngày cuối cùng của năm và bạn không khấu trừ từng khoản, bạn sẽ được hưởng một khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn.

Không bị mù hoàn toàn. Nếu bạn không bị mù hoàn toàn, bạn phải có chứng nhận từ bác sĩ nhãn khoa (bác sĩ nhãn khoa hoặc chuyên viên đo thị lực) là:

- Bạn không thể nhìn được 20/200 ở mắt tốt hơn khi đeo kính hoặc kính áp tròng, hoặc
- Thị trường của bạn là từ 20 độ trở xuống.

Nếu điều kiện mắt của bạn không thể cải thiện vượt quá những giới hạn này, giấy chứng nhận cần nêu thông tin này. Để giấy chứng nhận đó trong hồ sơ của bạn.

Nếu thị lực của bạn chỉ có thể điều chỉnh được vượt quá những giới hạn này bằng kính áp tròng mà bạn chỉ có thể đeo trong thời gian ngắn vì đau, nhiễm trùng hoặc viêm nhiễm, bạn có thể nhận được khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn dành cho người mù nếu bạn đủ điều kiện.

Vợ/chồng 65 tuổi trở lên hoặc bị mù

Bạn có thể nhận được khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn nếu vợ/chồng của bạn 65 tuổi trở lên hoặc bị mù và:

- Bạn nộp tờ khai thuế chung, hoặc
- Bạn khai thuế riêng và vợ/chồng của bạn không có tổng thu nhập và không thể được tuyên bố là người phụ thuộc bởi một người đóng thuế khác.

Vợ/chồng qua đời. Nếu vợ/chồng của bạn đã qua đời năm 2024 trước khi đủ 65 tuổi, bạn có thể nhận khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn nhờ vợ/chồng của bạn. Ngay cả khi vợ/chồng của bạn sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960, người đó không được coi là từ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2024 trừ khi người đó đủ 65 tuổi trở lên vào thời điểm qua đời.

Một người được xem là đủ 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của người đó.

Ví dụ: Vợ/chồng của bạn sinh ngày 14 tháng 2, 1960, và mất ngày 13 tháng 2, 2024. Vợ/chồng của bạn được xem là đủ 65 tuổi vào thời điểm qua đời. Tuy nhiên, nếu vợ/chồng của bạn mất ngày 12 tháng 2, 2024, vợ/chồng của bạn không được xem là đủ 65 tuổi vào thời điểm qua đời và không đủ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2024.



Bạn không thể yêu cầu khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn cho một cá nhân không khác không phải bạn hoặc vợ/chồng của bạn.

Khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn cho thiệt hại rỗng vì thiên tai

Khấu trừ tiêu chuẩn của bạn có thể tăng lên khi có bất kỳ thiệt hại rỗng vì thảm họa đủ điều kiện nào.

Xem hướng dẫn cho Mẫu 1040, và Hướng dẫn cho Bảng A (Mẫu 1040) để biết thêm thông tin về cách tính khấu trừ tiêu chuẩn tăng lên và cách báo cáo trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Ví dụ

Các ví dụ sau minh họa cách xác định khấu trừ tiêu chuẩn sử dụng [Bảng 10-1](#) và [10-2](#).

Ví dụ 1. Một cặp vợ chồng 46 tuổi 33 tuổi khai thuế chung cho năm 2024. Không ai bị mù, và không ai có thể được coi là người phụ thuộc. Họ quyết định không khấu trừ từng khoản. Họ sử dụng [Bảng 10-1](#). Khấu trừ tiêu chuẩn của họ là \$29.200.

Ví dụ 2. Thông tin tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ việc một người vợ/chồng bị mù vào cuối năm 2024. Họ sử dụng [Bảng 10-2](#). Khấu trừ tiêu chuẩn của họ là \$30.750.

Ví dụ 3. Một cặp vợ chồng khai thuế chung cho năm 2024. Cả hai đều trên 65 tuổi. Không ai bị mù, và không ai có thể được coi là người phụ thuộc. Nếu họ không khấu trừ từng khoản, họ sử dụng [Bảng 10-2](#). Khấu trừ tiêu chuẩn của họ là \$32.300.

Khấu trừ tiêu chuẩn cho Người phụ thuộc

Khấu trừ tiêu chuẩn cho một cá nhân có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của người khác thường được giới hạn ở mức lớn hơn:

- \$1.300, hoặc
- Thu nhập kiếm được của cá nhân trong năm cộng với \$450 (nhưng không nhiều hơn khấu trừ tiêu chuẩn thông thường, thường là \$14.600).

Tuy nhiên, nếu cá nhân 65 tuổi trở lên hoặc bị mù, thì khấu trừ tiêu chuẩn có thể cao hơn.

Nếu bạn (hoặc vợ/chồng của bạn, nếu làm tờ khai thuế chung) có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của người khác, hãy sử dụng [Bảng 10-3](#) để xác định khấu trừ tiêu chuẩn của bạn.

Định nghĩa thu nhập kiếm được. Thu nhập kiếm được là tiền lương, tiền công, tiền boa, phí chuyên môn, và các khoản tiền khác được trả cho công việc bạn làm trên thực tế.

Vì mục đích khấu trừ tiêu chuẩn, thu nhập kiếm được cũng bao gồm bất kỳ phần nào của học bổng hoặc trợ cấp nghiên cứu sinh chịu thuế. Tham khảo chương 1 của Ấn phẩm 970, để biết thêm thông tin về những khoản tiền được đủ điều kiện được coi là học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh.

Ví dụ 1. Bạn 16 tuổi và độc thân. Cha mẹ của bạn có thể khai bạn là người phụ thuộc trong tờ khai thuế 2024 của họ. Bạn có thu nhập từ lãi là \$780 và tiền công \$150 và không có các khoản khấu trừ từng khoản và sử dụng [Bảng 10-3](#) để xác định khấu trừ tiêu chuẩn của mình. Bạn nhập \$150 (thu nhập kiếm được) vào dòng 1, \$600 (\$150 + \$450) vào dòng 3, \$1.300 (số lớn hơn giữa \$600 và \$1.300) vào dòng 5, và \$14.600 vào dòng 6. Khấu trừ tiêu chuẩn của bạn, ở dòng 7a, là \$1.300 (số nhỏ hơn giữa \$1.300 và \$14.600).

Ví dụ 2. Bạn là một sinh viên đại học 22 tuổi và có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế năm 2024 của cha mẹ bạn. Bạn đã kết hôn và khai thuế riêng. Vợ/chồng của bạn không khấu trừ từng khoản. Bạn có thu nhập từ lãi \$1.500 và lương \$3.800 và không có các khoản khấu trừ từng khoản. Bạn xác định khấu trừ tiêu chuẩn của mình bằng cách sử dụng [Bảng 10-3](#). Bạn nhập thu nhập kiếm được của mình, \$3.800, vào dòng 1. Bạn cộng dòng

1 và 2 và nhập \$4.250 (\$3.800 + \$450) vào dòng 3. Ở dòng 5, bạn nhập \$4.250, số lớn hơn của dòng 3 và 4. Vì bạn đã kết hôn và khai thuế riêng, bạn nhập \$14.600 vào dòng 6. Ở dòng 7a, bạn nhập \$4.250 là khấu trừ tiêu chuẩn của bạn vì nó nhỏ hơn \$14.600, số tiền ở dòng 6.

Ví dụ 3. Bạn là một người độc thân và có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế 2024 của cha mẹ bạn. Bạn 18 tuổi và bị mù và có thu nhập từ lãi là \$1.300 và lương \$2.900 và không khấu trừ từng khoản. Bạn sử dụng [Bảng 10-3](#) để xác định khấu trừ tiêu chuẩn của mình. Bạn nhập mức lương của mình là \$2.900 vào dòng 1 và cộng dòng 1 và 2 và nhập \$3.350 (\$2.900 + \$450) vào dòng 3. Ở dòng 5, bạn nhập \$3.350, số lớn hơn của dòng 3 và 4. Vì bạn là độc thân, bạn nhập \$14.600 vào dòng 6 và nhập \$3.350 vào dòng 7a. Đây là số nhỏ hơn của số tiền ở dòng 5 và 6. Vì bạn đã đánh dấu vào một ô ở phần trên cùng của bảng tính, bạn nhập \$1.850 vào dòng 7b sau đó bạn cộng số tiền của dòng 7a và 7b và nhập khấu trừ tiêu chuẩn của mình là \$5.300 (\$3.350 + \$1.950) vào dòng 7c.

Ví dụ 4. Bạn 18 tuổi và độc thân và có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế 2024 của cha mẹ bạn. Bạn có mức lương là \$7.000, thu nhập từ lãi là \$500, một khoản lỗ kinh doanh \$3.000 và không có các khoản khấu trừ từng khoản. Bạn sử dụng [Bảng 10-3](#) để tính khấu trừ tiêu chuẩn của mình. Bạn nhập \$4.000 (\$7.000 - \$3.000) vào dòng 1, và cộng dòng 1 và 2 và nhập \$4.450 (\$4.000 + \$450) ở dòng 3. Ở dòng 5, bạn nhập \$4.450, số lớn hơn của dòng 3 và 4 và vì bạn là độc thân, và nhập \$14.600 vào dòng 6. Ở dòng 7a, bạn nhập \$4.450 là số khấu trừ tiêu chuẩn vì nó nhỏ hơn \$14.600, số tiền ở dòng 6.

Ai nên khấu trừ từng khoản

Bạn nên khấu trừ từng khoản nếu tổng các khoản khấu trừ của bạn nhiều hơn khấu trừ tiêu chuẩn của chính mình. Ngoài ra, bạn nên khấu trừ từng khoản nếu bạn không đủ điều kiện khấu trừ tiêu chuẩn, như thảo luận trước đó ở phần [Những người không đủ điều kiện khấu trừ tiêu chuẩn](#).

Đầu tiên, bạn nên tính toán mức khấu trừ từng khoản của mình và so sánh với khấu trừ tiêu chuẩn để xem bạn nên sử dụng phương pháp nào đem lại lợi ích lớn hơn.

Khi nào khấu trừ từng khoản. Bạn có thể hưởng lợi từ việc khấu trừ từng khoản theo Bảng A (Mẫu 1040) nếu bạn:

- Bạn không đủ điều kiện khấu trừ tiêu chuẩn,
- Có nhiều chi phí y tế và nha khoa không được bảo hiểm trong năm,
- Tiền lãi và thuế đã trả cho căn nhà của bạn,
- Có tổn thất lớn do tai biến hoặc trộm cắp không được bảo hiểm,
- Đóng góp lớn cho các tổ chức từ thiện đủ điều kiện, hoặc
- Có tổng các khoản khấu trừ từng khoản lớn hơn khấu trừ tiêu chuẩn mà bạn lẽ ra được hưởng.

Những khoản khấu trừ này được giải thích trong [chương 11](#) và trong các ấn phẩm được liệt kê trong *Các nội dung hữu ích* đã đề cập trước đó.

Nếu bạn quyết định khấu trừ từng khoản, hãy hoàn thành Bảng A (Mẫu 1040) và đính kèm vào

Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của bạn. Nhập số tiền từ Bảng A (Mẫu 1040), dòng 17, ở Mẫu 1040 hoặc Mẫu 1040-SR, dòng 12.

Chọn khấu trừ từng khoản cho mục đích thuế tiểu bang hoặc các mục đích khác. Ngay cả khi các khoản khấu trừ từng khoản của bạn nhỏ hơn khấu trừ tiêu chuẩn, bạn có thể chọn khấu trừ từng khoản trên tờ khai thuế liên bang của mình thay vì lấy khoản khấu trừ tiêu chuẩn. Bạn có thể muốn làm việc này, nếu chẳng hạn, mức thuế được miễn từ khấu trừ từng khoản trên tờ khai thuế tiểu bang của bạn lớn hơn mức thuế được miễn mà bạn mất trên tờ khai thuế liên bang khi không lấy khoản khấu trừ

tiêu chuẩn. Để đưa ra lựa chọn này, bạn phải đánh dấu vào ô ở dòng 18 của Bảng A (Mẫu 1040).

Đổi ý. Nếu bạn không khấu trừ từng khoản và sau đó thấy rằng bạn nên khấu trừ từng khoản-hoặc nếu bạn khấu trừ từng khoản nhưng sau đó thấy rằng không nên-bạn có thể thay đổi tờ khai thuế của mình bằng cách nộp Mẫu 1040-X, Tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho Cá nhân được điều chỉnh. Xem [Tờ khai được điều chỉnh và Yêu cầu hoàn thuế](#) ở chương 1 để biết thêm thông tin về tờ khai thuế sửa đổi.

Những người đã kết hôn đã khai thuế riêng. Bạn có thể thay đổi phương pháp khấu trừ chỉ khi bạn và vợ/chồng đều thực hiện những thay đổi

giống nhau. Cả hai bạn phải nộp đơn đồng ý đánh giá bất kỳ khoản thuế bổ sung nào mà một người có thể nợ do thay đổi.

Bạn và vợ/chồng của bạn có thể sử dụng phương pháp giúp bạn chịu mức tổng thuế thấp hơn, mặc dù một trong hai người có thể phải trả nhiều hơn số thuế bạn phải trả bằng cách sử dụng phương pháp khác. Cả hai bạn phải sử dụng cùng một phương pháp yêu cầu khấu trừ. Nếu một người khấu trừ từng khoản, người kia cần khấu trừ từng khoản vì người đó sẽ không đủ điều kiện được khấu trừ tiêu chuẩn. Xem [Những người không đủ điều kiện khấu trừ tiêu chuẩn](#) ở phần trước.

Bảng Khấu trừ tiêu chuẩn 2024



Nếu bạn đã lập gia đình và khai riêng hồ sơ thuế và vợ/chồng của bạn khấu trừ từng khoản, hoặc nếu bạn là người nước ngoài có tình trạng kép, bạn không được nhận khấu trừ tiêu chuẩn ngay cả khi bạn sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960, hoặc bị mù.

Bảng 10-1. Biểu đồ Khấu trừ tiêu chuẩn cho hầu hết mọi người*

NẾU tư cách khai thuế của bạn là...	THÌ khấu trừ tiêu chuẩn của bạn là...
Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	\$14.600
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	29.200
Chủ gia đình	21.900

*Không sử dụng biểu đồ này nếu bạn sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960, bị mù, hoặc nếu ai đó có thể khai bạn (hoặc vợ/chồng của bạn, nếu khai chung) là người phụ thuộc. Thay vào đó sử dụng Bảng 10-2 hoặc 10-3.

Bảng 10-2. Biểu đồ Khấu trừ tiêu chuẩn cho người sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960, hoặc người bị mù*

Đánh dấu đúng số ô bên dưới. Sau đó chuyển đến biểu đồ.

Bạn: ☐ Sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960 ☐ Bị mù ☐

Vợ/chồng của bạn: ☐ Sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960 ☐ Bị mù ☐

Tổng số ô đã đánh dấu ☐

NẾU tư cách khai thuế của bạn là...	VÀ số trong ô trên là...	THÌ khấu trừ tiêu chuẩn của bạn là...
Độc thân	1	\$16.550
	2	18.5000
Vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế	1	\$30.750
	2	32.300
	3	33.850
	4	35.400
Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	1	\$30.750
	2	32.300
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế**	1	\$16.150
	2	17.700
	3	19.250
	4	20.800
Chủ gia đình	1	\$23.850
	2	25.800

*Nếu ai đó khác có thể khai bạn (hoặc vợ/chồng của bạn, nếu khai chung hồ sơ thuế) là người phụ thuộc, thay vào đó hãy sử dụng Bảng 10-3.

**Bạn có thể đánh dấu vào ô *Your Spouse (Vợ/chồng của bạn)* nếu tư cách khai thuế của bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và vợ/chồng của bạn không có thu nhập, không khai thuế, và không thể được khai là người phụ thuộc trên hồ sơ thuế của người khác.

Bảng 10-3. Bảng tính Khấu trừ tiêu chuẩn cho người phụ thuộc

Chỉ sử dụng bảng tính này nếu ai đó khác có thể khai bạn (hoặc vợ/chồng của bạn, nếu khai chung hồ sơ thuế) là người phụ thuộc.

Đánh dấu đúng số ô bên dưới. Sau đó chuyển đến bảng tính.

Bạn: ☐ Sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960 ☐ Bị mù ☐

Vợ/chồng của bạn: ☐ Sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960 ☐ Bị mù ☐

Tổng số ô đã đánh dấu ☐

1.	Nhập thu nhập kiểm được của bạn (được xác định bên dưới). Nếu không có, nhập -0-.	1.	_____
2.	Số tiền bổ sung.	2.	_____ \$450
3.	Thêm dòng 1 và 2.	3.	_____
4.	Mức khấu trừ thuế tối thiểu.	4.	_____ \$1.300
5.	Nhập số lớn hơn của dòng 3 hoặc dòng 4.	5.	_____
6.	Nhập số tiền hiển thị bên dưới cho tư cách khai thuế của bạn. - Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế – \$14.600 - Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế – \$29.200 - Chủ gia đình – \$21.900	6.	_____
7.	Khấu trừ tiêu chuẩn. a. Nhập số nhỏ hơn của dòng 5 hoặc dòng 6. Nếu sinh sau ngày 1 tháng 1, 1960, và không bị mù, vui lòng dừng lại ở đây. Đây là khấu trừ tiêu chuẩn của bạn. Nếu không, chuyển đến dòng 7b. b. Nếu bạn sinh trước ngày 2 tháng 1, 1960, hoặc bị mù, nhân \$1.950 (\$1.550 nếu đã kết hôn) với số trong ô bên trên. c. Thêm dòng 7a và 7b. Đây là khấu trừ tiêu chuẩn của bạn cho năm 2024.	7a.	_____
		7b.	_____
		7c.	_____

Thu nhập kiểm được bao gồm tiền công, lương, tiền boa, phí chuyên môn, và các khoản thù lao khác nhận được cho các dịch vụ cá nhân mà bạn đã thực hiện. Nó cũng bao gồm bất kỳ khoản trợ cấp học bổng hoặc nghiên cứu sinh chịu thuế nào.

Các khoản thuế

Nhắc nhở

Giới hạn khoản khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương. Đạo luật Giảm thuế và việc làm quy định giới hạn tạm thời đối với các khoản khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương. Xem *Giới hạn khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương* ở phần sau.

Không được khấu trừ thuế nước ngoài đã trả cho bất động sản. Bạn không còn có thể khấu trừ thuế nước ngoài mà bạn đã trả cho bất động sản.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về những loại thuế bạn có thể khấu trừ nếu bạn khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040). Tại đây các loại thuế nào bạn có thể khấu trừ trên các bảng liệt kê hoặc mẫu khác và loại thuế nào bạn không thể khấu trừ cũng được giải thích.

Chương này trình bày về các chủ đề sau.

- Thuế thu nhập (liên bang, tiểu bang, địa phương, và nước ngoài).
- Thuế tiêu thụ tổng quát (tiểu bang và địa phương).
- Thuế bất động sản (tiểu bang, địa phương, và nước ngoài).
- Thuế tài sản cá nhân (tiểu bang và địa phương).
- Thuế và lệ phí bạn không thể khấu trừ.

Sử dụng [Bảng 11-1](#) làm hướng dẫn để xác định loại thuế nào bạn có thể khấu trừ.

Phần cuối chương có giải thích các mẫu bạn sử dụng để khấu trừ các loại thuế khác nhau.

Thuế kinh doanh. Bạn chỉ có thể khấu trừ một số loại thuế nếu chúng là những chi phí cần thiết theo thông lệ thường phát sinh từ hoạt động buôn bán hoặc kinh doanh của bạn hoặc để tạo ra thu nhập. Để biết thông tin về các loại thuế này, xem *Chi phí kinh doanh* trong Chương 8 của Ấn phẩm 334.

Thuế tiểu bang và địa phương. Đây là các loại thuế được áp đặt bởi 50 tiểu bang, các vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ, hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào của họ (chẳng hạn như một quận hoặc thành phố), hoặc bởi Đặc khu Columbia.

Chính phủ bộ lạc thổ dân. Một chính quyền bộ lạc thổ dân được Bộ Trưởng Tài Chính công nhận thực hiện các chức năng chính trọng yếu của chính quyền sẽ được xem như một bang cho mục đích yêu cầu khấu trừ thuế. Thuế thu nhập, thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân được áp dụng bởi chính quyền bộ lạc thổ dân đó (hoặc bởi bất kỳ phân khu nào được coi là phân khu chính trị của một bang) có thể được khấu trừ.

Thuế tiêu thụ tổng quát. Đây là loại thuế được áp dụng theo một tỷ lệ trên doanh số bán lẻ của nhiều loại mặt hàng.

Thuế từ nước ngoài. Đây là loại thuế do một quốc gia nước ngoài hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào của quốc gia đó áp đặt.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- ☐ **502** Chi phí y tế và nha khoa
- ☐ **503** Chi phí chăm sóc Trẻ em và Người phụ thuộc
- ☐ **504** Cá nhân đã ly hôn hoặc ly thân
- ☐ **514** Tín thuế nước ngoài cho Cá nhân
- ☐ **525** Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế
- ☐ **530** Thông tin thuế cho Chủ nhà

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ☐ **Bảng A (Mẫu 1040)** Khấu trừ từng khoản
- ☐ **Bảng C (Mẫu 1040)** Lợi nhuận hoặc Lỗ từ kinh doanh (Doanh nghiệp cá thể)
- ☐ **Bảng E (Mẫu 1040)** Thu nhập và Lỗ bổ sung
- ☐ **Bảng F (Mẫu 1040)** Lợi nhuận hoặc Lỗ từ nông nghiệp
- ☐ **Bảng SE (Mẫu 1040)** Thuế tự kinh doanh
- ☐ **1116** Tín thuế nước ngoài

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms](https://irs.gov/forms) ([tiếng Anh](#)).

Thử thách để khấu trừ thuế

Bạn phải đáp ứng hai thử thách sau để được khấu trừ bất kỳ khoản thuế nào.

- Thuế phải được áp dụng cho bạn.
- Bạn phải trả thuế trong năm tính thuế.

Thuế phải được áp đặt cho bạn. Nói chung, bạn chỉ có thể khấu trừ các khoản thuế được áp đặt cho bạn.

Thông thường, chỉ khi bạn là chủ sở hữu của bất động sản, bạn có thể khấu trừ thuế tài sản. Nếu vợ/chồng của bạn sở hữu bất động sản và đóng thuế bất động sản, thuế sẽ được khấu trừ trên hồ sơ thuế khai riêng của vợ/chồng hoặc trên hồ sơ thuế khai chung của bạn.

Bạn phải trả thuế trong năm tính thuế. Nếu bạn là người đóng thuế trên căn bản tiền mặt, bạn chỉ có thể khấu trừ những khoản thuế đã thực trả trong năm tính thuế của bạn. Nếu bạn thanh toán thuế bằng chi phiếu đã được cam kết bởi tổ chức tài chính của bạn, ngày bạn gửi qua bưu điện hoặc chuyển chi phiếu là ngày thanh toán. Nếu bạn sử dụng tài khoản thanh toán qua điện thoại (chẳng hạn như thẻ tín dụng hoặc rút tiền điện tử), ngày được báo cáo trên bảng sao kê của tổ chức tài chính cho biết thời điểm thanh toán được thực hiện là ngày thanh toán. Nếu bạn có tranh chấp về trách nhiệm phải đóng thuế và là người đóng thuế trên căn bản tiền mặt, bạn chỉ có thể khấu trừ thuế vào năm bạn thực sự trả khoản thuế đó (hoặc chuyển tiền hoặc tài

sản khác để giải quyết trách nhiệm bị tranh chấp). Xem Ấn phẩm 538 để biết chi tiết.

Nếu bạn sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, xem Ấn phẩm 538 để biết thêm thông tin.

Thuế thu nhập

Phần này thảo luận về khả năng khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương (bao gồm đóng góp của nhân viên vào quỹ quyền lợi của tiểu bang) và thuế thu nhập từ nước ngoài.

Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương

Bạn có thể khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương.

Trường hợp ngoại lệ. Bạn không thể khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương mà bạn đã trả đối với thu nhập được khấu trừ từ thuế thu nhập liên bang, trừ khi thu nhập khấu trừ là thu nhập từ tiền lãi. Ví dụ, bạn không thể khấu trừ một phần thuế thu nhập của tiểu bang vào khoản trợ cấp sinh hoạt phí được miễn thuế thu nhập liên bang.

Khấu trừ những gì

Khoản khấu trừ của bạn có thể dành cho khoản thuế được khấu trừ, khoản thanh toán thuế ước tính hoặc các khoản thanh toán thuế khác như sau.

Thuế được khấu trừ. Bạn có thể khấu trừ thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương đã khấu trừ vào tiền lương của bạn trong năm chúng bị khấu trừ. (Các) Mẫu W-2 của bạn sẽ thể hiện các khoản này. Mẫu W-2G, 1099-B, 1099-DIV, 1099-G, 1099-K, 1099-MISC, 1099-NEC, 1099-OID và 1099-R cũng thể hiện thuế thu nhập tiểu bang và địa phương được khấu trừ.

Các khoản thuế ước tính. Bạn có thể khấu trừ các khoản thuế ước tính mà bạn đã thực hiện trong năm cho chính quyền tiểu bang hoặc địa phương. Tuy nhiên, bạn phải có cơ sở hợp lý để thực hiện các khoản thuế ước tính. Bất kỳ khoản thuế tiểu bang hoặc địa phương ước tính nào không được thực hiện một cách trung thực tại thời điểm thanh toán sẽ không được khấu trừ.

Ví dụ. Bạn đã đóng thuế thu nhập tiểu bang ước tính. Tuy nhiên, ước tính về trách nhiệm đóng thuế tiểu bang cho thấy bạn sẽ được hoàn lại toàn bộ số tiền thanh toán ước tính của bạn. Bạn không có cơ sở hợp lý để chứng minh bạn có bất kỳ trách nhiệm bổ sung nào đối với thuế thu nhập tiểu bang, thì bạn không thể khấu trừ khoản thuế ước tính đó.

Tiền hoàn thuế áp dụng trả thuế. Bạn có thể khấu trừ bất kỳ phần nào của khoản hoàn thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương từ năm trước mà bạn đã tính vào thuế thu nhập địa phương hoặc tiểu bang ước tính năm 2024 của bạn.

Không khấu trừ khoản khấu trừ của bạn theo một trong các mục sau.

- Bất kỳ khoản hoàn thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương (hoặc tín thuế) bạn muốn nhận cho năm 2024.
- Mọi khoản hoàn thuế của (hoặc tín dụng cho) thuế thu nhập địa phương và tiểu bang của năm trước mà bạn thực sự nhận được vào năm 2024.

Tuy nhiên, một phần hoặc toàn bộ khoản hoàn thuế (hoặc tín thuế) này có thể bị đánh thuế. Xem

[Hoàn thuế \(hoặc tín thuế\) thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương](#) ở phần sau.

Tờ khai liên bang riêng. Nếu bạn và vợ/chồng của bạn khai thuế thu nhập tiểu bang, địa phương và liên bang riêng biệt, mỗi người chỉ có thể khấu trừ trên tờ khai liên bang của người đó số thuế thu nhập tiểu bang và địa phương mà người đó đã trả trong năm tính thuế.

Tờ khai tiểu bang và địa phương khai chung. Nếu bạn và vợ/chồng của bạn khai chung thuế tiểu bang và địa phương và khai riêng thuế liên bang, mỗi người có thể khấu trừ trên hồ sơ thuế liên bang khai riêng của người đó một phần thuế thu nhập tiểu bang và địa phương đã trả trong năm tính thuế. Bạn chỉ có thể khấu trừ tổng số thuế tương ứng với tổng thu nhập của bạn so với tổng thu nhập của bạn và vợ/chồng của bạn. Tuy nhiên, bạn không thể khấu trừ nhiều hơn số tiền bạn đã thực trả trong năm. Bạn có thể tránh phương pháp tính này nếu bạn và vợ/chồng của bạn phải chịu trách nhiệm chung và cá nhân đối với toàn bộ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương. Nếu vậy, bạn và vợ/chồng của bạn có thể khấu trừ vào hồ sơ khai riêng thuế liên bang mà mỗi người đã thực trả.

Khai thuế liên bang chung. Nếu bạn khai thuế liên bang chung, bạn có thể khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương mà cả hai người đã trả.

Đóng góp vào quỹ quyền lợi tiểu bang. Là người lao động, bạn có thể khấu trừ các khoản đóng góp bắt buộc vào quỹ quyền lợi của tiểu bang từ tiền lương của bạn để bảo toàn lương. Ví dụ, một số bang yêu cầu người lao động đóng góp vào quỹ của bang cung cấp trợ cấp bảo hiểm tàn tật hoặc thất nghiệp. Các khoản thanh toán bắt buộc vào các quỹ quyền lợi của tiểu bang sau đây được khấu trừ dưới dạng thuế thu nhập của tiểu bang trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a.

- Quỹ Trợ cấp thất nghiệp Alaska.
- Quỹ Quyền lợi cho Người bị khuyết tật không nghề nghiệp California.
- Quỹ Quyền lợi cho Người bị khuyết tật không nghề nghiệp New Jersey.
- Quỹ Trợ cấp thất nghiệp New Jersey.
- Quỹ Quyền lợi cho Người bị khuyết tật không nghề nghiệp New York.
- Quỹ Trợ cấp thất nghiệp Pennsylvania.
- Quỹ Quyền lợi cho người bị khuyết tật tạm thời Đảo Rhode.
- Quỹ Trợ cấp công nhân bổ sung Tiểu bang Washington.



Khoản đóng góp của người lao động cho các chương trình dành cho người khuyết tật tự nhân hoặc tự nguyện không được khấu trừ.

Khoản hoàn thuế (hoặc tín thuế) của thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương. Nếu bạn nhận được khoản hoàn thuế của (hoặc tín thuế cho) thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương trong năm sau năm bạn quyết toán, bạn có thể phải bao gồm khoản hoàn thuế vào thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 1, vào năm bạn nhận được. Các khoản này bao gồm các khoản tiền hoàn lại do các khoản thuế bị khấu trừ, áp dụng từ hồ sơ khai thuế năm trước, không được tính chính xác hoặc được tính lại do hồ sơ khai thuế đã sửa đổi. Nếu bạn không khấu trừ từng khoản trong năm trước, thì đừng gộp khoản hoàn thuế vào thu nhập. Nếu bạn đã khấu trừ các khoản thuế trong năm trước, hãy gộp toàn bộ hoặc

một phần khoản hoàn thuế trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 1, vào năm bạn nhận được khoản hoàn thuế. Để xem hướng dẫn về số tiền cần gộp, xem *Recoveries (Phục hồi)* trong Ấn phẩm 525, Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế, để biết thêm thông tin.

Thuế thu nhập từ nước ngoài

Nói chung, bạn có thể khấu trừ hoặc lấy tín thuế đối với thuế thu nhập được áp dụng cho bạn bởi một quốc gia nước ngoài hoặc một vùng lãnh thổ thuộc Hoa Kỳ. Tuy nhiên, bạn không thể khấu trừ hoặc lấy tín thuế cho các khoản thuế thu nhập từ nước ngoài được trả dựa trên thu nhập đã được miễn thuế từ Hoa Kỳ theo loại trừ thu nhập kiểm được từ nước ngoài hoặc loại trừ thu nhập từ nhà ở nước ngoài. Để biết thông tin về các loại trừ này, xem Ấn phẩm 54, Hướng dẫn thuế cho Công dân Hoa Kỳ và Người nước ngoài thường trú sống ở nước ngoài. Để biết thông tin về tín thuế nước ngoài, xem Ấn phẩm 514.

Thuế Tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương

Bạn có thể chọn khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương thay vì thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương, như một khoản khấu trừ tổng quát trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a. Bạn có thể sử dụng chi phí thực tế hoặc bảng thuế tiêu thụ của tiểu bang và địa phương để tính khoản khấu trừ thuế tiêu thụ của bạn.

Chi phí thực tế. Thông thường, bạn có thể khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương thực tế (bao gồm cả thuế sử dụng bù) nếu thuế suất giống như thuế suất tiêu thụ tổng quát.

Thực phẩm, quần áo, và vật tư y tế. Thuế tiêu thụ đối với thực phẩm, quần áo và vật tư y tế được khấu trừ như thuế tiêu thụ tổng quát ngay cả khi thuế suất thấp hơn thuế suất tiêu thụ tổng quát.

Xe có động cơ. Thuế tiêu thụ đối với xe có động cơ được khấu trừ như thuế tiêu thụ tổng quát ngay cả khi thuế suất nhỏ hơn thuế suất tiêu thụ tổng quát. Tuy nhiên, nếu bạn đã trả thuế tiêu thụ cho một chiếc xe có mức thuế suất cao hơn thuế tiêu thụ tổng quát, bạn chỉ có thể khấu trừ số thuế có thể đã phải trả theo thuế suất thuế tiêu thụ tổng quát cho chiếc xe đó. Bao gồm mọi khoản thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương đã trả cho một chiếc xe có động cơ được cơ thuế. Theo mục đích của phần này, xe có động cơ bao gồm ô tô, xe máy, nhà trên xe có động cơ, xe giải trí, xe thể thao đa dụng, xe tải, xe van và xe địa hình.



Nếu bạn sử dụng phương pháp chi phí thực tế, bạn phải có biên lai để thể hiện các khoản thuế tiêu thụ tổng quát đã nộp.

Hàng hóa thương mại hoặc kinh doanh. Không bao gồm thuế tiêu thụ được trả cho các mặt hàng được sử dụng trong thương mại hoặc kinh doanh của bạn trên Bảng A (Mẫu 1040). Thay vào đó, hãy chuyển đến hướng dẫn dành cho mẫu bạn đang sử dụng để báo cáo thu nhập và chi phí kinh doanh để xem bạn có thể khấu trừ các khoản thuế này hay không.

Bảng thuế tiêu thụ tùy chọn. Thay vì sử dụng các chi phí thực tế, bạn có thể tính khoản khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương bằng cách sử dụng bảng thuế tiêu thụ của tiểu bang và địa phương trong Hướng dẫn cho Bảng A (Mẫu 1040). Bạn cũng có thể thêm thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương đã trả cho một số mặt hàng cụ thể.

Số thuế trên bảng có thể áp dụng của bạn dựa trên tiểu bang nơi bạn sống, thu nhập của bạn và số người trong gia đình bạn. Thu nhập của bạn là tổng thu nhập đã điều chỉnh cộng với bất kỳ khoản nào không chịu thuế như sau.

- Tiền lãi miễn thuế.
- Quyền lợi của cựu chiến binh.
- Lương chiến đấu không chịu thuế.
- Tiền bồi thường cho người lao động.
- Phần không chịu thuế của phúc lợi an sinh xã hội và phúc lợi hưu trí đường sắt.
- Phần không chịu thuế của IRA, hưu bổng, hoặc phân phối niên kim, không bao gồm trường hợp gia hạn.
- Khoản hỗ trợ cộng.

Nếu bạn sống ở các tiểu bang khác nhau trong cùng một năm tính thuế, bạn phải chia tỷ lệ số thuế bằng có thể áp dụng cho mỗi tiểu bang dựa trên những ngày bạn sống ở mỗi tiểu bang. Xem hướng dẫn cho Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a, để biết thêm chi tiết.

Thuế Bất động sản của tiểu bang và địa phương

Thuế bất động sản được khấu trừ là bất kỳ loại thuế nào của tiểu bang và địa phương áp cho bất động sản để phục vụ cho phúc lợi cộng đồng chung. Bạn chỉ có thể khấu trừ các khoản thuế này nếu chúng được đánh giá thống nhất đối với tất cả tài sản thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế. Tiền thu được phải dành cho mục đích cộng đồng hoặc chính quyền nói chung và không phải là khoản chi trả cho một đặc quyền đặc biệt hoặc dịch vụ được cung cấp cho bạn.

Các khoản thuế bất động sản được khấu trừ thường không bao gồm thuế tính cho các lợi ích địa phương và các cải tiến làm tăng giá trị của bất động sản. Chúng cũng không bao gồm các khoản phí từng phần cho các dịch vụ (chẳng hạn như thu gom rác) được đánh giá dựa trên tài sản cụ thể hoặc một số người nhất định, ngay cả khi khoản phí được trả cho cơ quan thuế. Để biết thêm thông tin về các loại thuế và phí không được khấu trừ, hãy xem [Các mục liên quan đến bất động sản bạn không thể khấu trừ](#) ở phần sau.

Người thuê nắm cổ phần trong một doanh nghiệp hợp tác xã nhà ở. Thông thường, nếu bạn là người chủ nắm cổ phần trong một doanh nghiệp hợp tác xã nhà ở, bạn có thể khấu trừ số tiền trả cho doanh nghiệp đại diện cho phần của bạn đối với thuế bất động sản mà công ty đã trả hoặc phải chịu cho đơn vị cư trú của bạn. Doanh nghiệp phải cung cấp bản kê khai cho thấy phần thuế của bạn. Để biết thêm thông tin, xem *Special Rules for Cooperatives (Quy tắc đặc biệt cho Hợp tác xã)* trong Ấn phẩm 530.

Phân chia thuế bất động sản giữa người bán và người mua. Nếu bạn mua hoặc bán bất động sản

trong năm, thuế bất động sản phải được phân chia giữa người mua và người bán.

Người mua và người bán phải phân chia thuế bất động sản theo số ngày trong năm tính thuế bất động sản (thời gian áp thuế liên quan) mà mỗi người sở hữu bất động sản đó. Người bán được coi là đã thanh toán các khoản thuế đến, nhưng không bao gồm, ngày bán. Người mua được coi là thanh toán các khoản thuế bắt đầu từ ngày bán. Điều này áp dụng bất kể ngày sai áp theo luật địa phương. Thông thường, thông tin này được ghi nhận trong báo cáo quyết toán được cung cấp vào thời điểm kết thúc việc mua bán.

Nếu bạn (người bán) không thể khấu trừ thuế cho đến khi chúng được thanh toán vì bạn sử dụng phương pháp kế toán bằng tiền mặt và người mua tài sản phải chịu trách nhiệm cá nhân về thuế, bạn được coi là đã thanh toán phần thuế của bạn tại thời điểm bán hàng. Điều này cho phép bạn khấu trừ phần thuế đó cho đến ngày bán mặc dù bạn không thực sự đã thanh toán nó. Tuy nhiên, bạn cũng phải tính số thuế đó vào giá bán bất động sản. Người mua phải tính số tiền tương tự vào giá vốn của mình đối với tài sản.

Bạn tính khoản khấu trừ thuế cho mỗi tài sản được mua hoặc bán trong năm tính thuế bất động sản như sau.

Bảng Tính 11-1. Tính khoản khấu trừ Thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương của bạn

Lưu giữ cho hồ sơ của bạn



1.	Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản	_____
2.	Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà bạn sở hữu bất động sản đó	_____
3.	Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)	_____
4.	Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của bạn. Nhập kết quả vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b	=====

Ghi chú. Lặp lại các bước từ 1 đến 4 cho từng tài sản bạn đã mua hoặc bán trong năm tính thuế bất động sản. Tổng số tiền khấu trừ của bạn là tổng số tiền trên dòng 4 cho tất cả các tài sản.

Thuế bất động sản cho những năm trước. Không phân chia các khoản thuế còn nợ giữa người mua và người bán nếu các khoản thuế này dành cho bất kỳ năm tính thuế bất động sản nào trước năm tài sản được bán. Ngay cả khi người mua đồng ý thanh toán các khoản thuế còn nợ, người mua cũng không thể khấu trừ chúng. Người mua phải cộng chúng vào giá tài sản. Người bán có thể khấu trừ các khoản thuế người mua đã trả. Tuy nhiên, người bán phải bao gồm chúng trong giá bán.

Ví dụ. Các ví dụ sau đây giải thích cách phân chia thuế bất động sản giữa người mua và người bán.

Ví dụ 1. Năm tính thuế bất động sản của Porter và Riley White cho cả nhà cũ và nhà mới của họ là năm dương lịch với thời hạn thanh thuế là ngày 1 tháng 8. Thuế cho ngôi nhà cũ của họ, được bán vào ngày 7 tháng 5, là \$620. Thuế cho ngôi nhà mới của họ, mua vào ngày 3 tháng 5, là \$732. Porter và Riley được coi là đã trả một phần tương xứng thuế bất động sản cho ngôi nhà cũ mặc dù họ không thực sự nộp cho cơ quan thuế. Mặt khác, họ chỉ có thể yêu cầu một phần tương xứng trong số thuế họ đã trả cho bất động sản mới của họ mặc dù họ đã trả toàn bộ số tiền.

Porter và Riley sở hữu ngôi nhà cũ của họ trong năm tính thuế bất động sản cho 126 ngày (từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 6 tháng 5, một ngày trước khi bán). Họ tính khoản khấu trừ thuế đối với ngôi nhà cũ của họ như sau.

Bảng Tính 11-1. Tính khoản khấu trừ Thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương của bạn – Các khoản thuế đối với nhà cũ

1.	Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản	\$620
2.	Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà bạn sở hữu bất động sản đó	127
3.	Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)	0.3470
4.	Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của bạn. Nhập kết quả vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b	\$215

Vì người mua căn nhà cũ của họ đã trả tất cả các loại thuế nên Porter và Riley cũng tính cả \$215 vào giá bán căn nhà cũ. (Người mua thêm \$215 vào chi phí mua nhà của họ.)

Porter và Riley sở hữu ngôi nhà mới trong năm tính thuế bất động sản trong 243 ngày (từ ngày 3 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12, tính cả ngày mua). Họ tính toán khoản khấu trừ thuế cho ngôi nhà mới của họ như sau.

Bảng Tính 11-1. Tính khoản khấu trừ Thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương của bạn – Các khoản thuế đối với nhà mới

1.	Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản	\$732
2.	Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà bạn sở hữu bất động sản đó	243
3.	Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)	0.6639
4.	Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của bạn. Nhập kết quả vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b	\$486

Vì Porter và Riley đã trả tất cả các khoản thuế cho ngôi nhà mới, họ cộng thêm \$246 (\$732 đã trả trừ đi khoản khấu trừ \$486) vào chi phí của họ cho ngôi nhà mới. (Người bán cộng \$246 này vào giá bán của họ và khấu trừ \$246 như thuế bất động sản.)

Khoản khấu trừ thuế bất động sản của Porter và Riley cho ngôi nhà cũ và mới của họ là tổng của \$215 và \$486, là \$701. Họ sẽ nhập số tiền này vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b.

Ví dụ 2. Reese và Quin Brown mua một ngôi nhà mới vào ngày 03 tháng 05, 2024. Năm tính thuế bất động sản đối với ngôi nhà mới là năm dương lịch. Thuế bất động sản năm 2023 ở tiểu bang của họ được tính vào ngày 01 tháng 01, 2024. Các khoản thuế sẽ đến hạn vào ngày 31 tháng 5, 2024 và ngày 31 tháng 10, 2024.

Nhà Browns đồng ý thanh toán tất cả các khoản thuế đến hạn sau ngày mua. Thuế bất động sản năm 2023 là \$680. Họ đã trả \$340 vào ngày 31 tháng 5, 2024 và \$340 vào ngày 31 tháng 10, 2024. Khoản thuế này dành cho năm tính thuế bất động sản 2023.

Nhà Browns không thể khấu trừ chúng vì họ không sở hữu tài sản cho đến năm 2024. Thay vào đó, họ phải cộng thêm \$680 vào chi phí của ngôi nhà mới.

Tháng 1 năm 2025, nhà Browns nhận được báo cáo thuế bất động sản năm 2024 với giá \$752, số tiền họ sẽ trả vào năm 2025. Nhà Browns sở hữu ngôi nhà mới của họ trong năm tính thuế bất động sản 2024 trong 243 ngày (từ ngày 3 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12). Họ sẽ tính khoản khấu trừ thuế vào năm 2025 như sau.

Bảng Tính 11-1. Tính khoản khấu trừ Thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương của bạn – Thuế đối với nhà mới

1.	Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản	\$752
2.	Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà bạn sở hữu bất động sản đó	243
3.	Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)	0.6639
4.	Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của bạn. Yêu cầu kết quả trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b	\$499

\$253 còn lại (\$752 đã trả trừ đi khoản khấu trừ \$499) thuế đã trả vào năm 2025, cùng với \$680 đã trả vào năm 2024, được thêm vào chi phí của ngôi nhà mới.

Vì các khoản thuế tính đến ngày bán được cho là do người bán thanh toán vào ngày bán, người bán được khấu trừ thuế năm 2024 là \$933. Đây là tổng số tiền \$680 cho năm 2023 và \$253 trong 123 ngày mà người bán sở hữu ngôi nhà vào năm 2024. Người bán cũng phải gộp \$933 vào giá bán khi họ tính toán lãi hoặc lỗ khi bán. Người bán nên liên hệ với nhà Brown vào tháng 1 năm 2025 để biết mức thuế bất động sản phải nộp cho năm 2024.

Mẫu 1099-S. Đối với một số giao dịch mua bán hoặc trao đổi bất động sản nhất định, người chịu trách nhiệm kết thúc giao dịch mua bán (thường là đại lý quyết toán) chuẩn bị Mẫu 1099-S, Tiền thu được từ giao dịch bất động sản, để khai báo một số thông tin nhất định cho IRS và cho người bán tài sản. Ô 2 của Mẫu 1099-S dành cho tổng số tiền thu được từ việc bán và phải bao gồm phần phân nghĩa vụ thuế bất động sản của người bán mà người mua sẽ trả sau ngày bán. Người mua bao gồm các khoản thuế này trong cơ sở giá gốc của bất động sản, và người bán vừa khấu trừ số tiền này như một khoản thuế đã trả vừa tính nó vào giá bán của bất động sản.

Đối với giao dịch bất động sản liên quan đến nhà ở, bất kỳ khoản thuế bất động sản nào mà người bán đã trả trước nhưng đó là trách nhiệm của người mua sẽ xuất hiện trên Mẫu 1099-S, ô 6. Người mua khấu trừ số tiền này như khoản thuế bất động sản, và người bán giảm khấu trừ thuế bất động sản của mình (hoặc đưa nó vào thu nhập) cùng một số tiền. Xem [Hoàn thuế \(hoặc hoàn lại\)](#) ở phần sau.

Thuế đặt trong quỹ bảo chứng. Nếu khoản thanh toán thế chấp hàng tháng của bạn bao gồm một khoản tiền được đưa vào quỹ bảo chứng (do bên thứ ba chăm sóc) để trả thuế bất động sản, bạn có thể không được khấu trừ tổng số tiền đã gửi vào quỹ bảo chứng. Bạn chỉ có thể khấu trừ thuế bất động sản mà bên thứ ba đã thực trả cho cơ quan thuế. Nếu bên thứ ba không thông báo cho bạn về số tiền thuế bất động sản đã trả, hãy liên hệ với bên thứ ba

Bảng 11-1. **Bạn có thể khấu trừ những loại thuế nào?**

Loại thuế	Bạn có thể khấu trừ	Bạn không thể khấu trừ
Lệ phí và Chi phí	Phí và lệ phí là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của bạn hoặc tạo ra thu nhập.	Các khoản phí và lệ phí không phải là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của bạn hoặc từ việc tạo ra thu nhập, chẳng hạn như phí lấy bằng lái xe, kiểm tra xe hơi, đậu xe hoặc phí cho hóa đơn tiền nước (xem Thuế và phí bạn không thể khấu trừ). Tiền phạt và hình phạt.
Thuế thu nhập	Thuế thu nhập địa phương và tiểu bang. Thuế thu nhập từ nước ngoài. Đóng góp của người lao động vào quỹ tiểu bang được liệt kê trong Đóng góp vào quỹ quyền lợi tiểu bang .	Thuế thu nhập liên bang. Đóng góp của người lao động cho các chương trình cho người khuyết tật tư nhân hoặc tự nguyện. Thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương nếu bạn chọn khấu trừ thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương.
Thuế tiêu thụ tổng quát	Thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương, bao gồm thuế sử dụng bù.	Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương nếu bạn chọn khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương.
Các khoản thuế khác	Thuế là chi phí của hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của bạn. Thuế áp dụng với tài sản tạo ra thu nhập từ cho thuê hoặc thu nhập từ tác quyền. Một nửa thuế tự kinh doanh đã trả.	Thuế tiêu thụ đặc biệt liên bang, ví dụ như thuế xăng dầu, không phải là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của bạn hoặc từ việc tạo ra thu nhập. Thuế tính theo đầu người.
Thuế tài sản cá nhân	Thuế tài sản cá nhân tiểu bang và địa phương.	Các loại thuế hải quan không phải là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của bạn hoặc để tạo ra thu nhập.
Thuế bất động sản	Thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương. Phần thuế bất động sản của chủ sở hữu được trả bởi doanh nghiệp hợp tác xã nhà ở.	Thuế bất động sản được coi là áp cho người khác (xem Phân chia thuế bất động sản giữa người bán và người mua). Thuế bất động sản từ nước ngoài. Thuế cho lợi ích địa phương (có ngoại lệ). Xem Các mục liên quan đến bất động sản bạn không thể khấu trừ . Phí nhặt và thu gom rác (có ngoại lệ). Xem Các mục liên quan đến bất động sản bạn không thể khấu trừ . Giá thuê tăng do thuế bất động sản cao hơn. Chi phí hiệp hội chủ sở hữu nhà ở.

hoặc cơ quan thuế để tìm số tiền thích hợp để khai trên hồ sơ khai thuế của bạn.

Chủ quyền trọn. Nếu bạn và vợ/chồng của bạn sở hữu toàn bộ tài sản và bạn nộp hồ sơ khai thuế liên bang riêng, mỗi người sẽ chỉ có thể khấu trừ các khoản thuế mà mỗi người đã trả cho tài sản đó.

Cá nhân đã ly hôn. Nếu thỏa thuận ly hôn hoặc ly thân của bạn quy định rằng bạn phải trả thuế bất động sản cho ngôi nhà thuộc sở hữu của bạn và vợ/chồng của bạn, một phần các khoản thanh toán của bạn có thể được khấu trừ dưới dạng tiền cấp dưỡng và một phần dưới dạng thuế bất động sản. Xem *Payments to a third party (Thanh toán cho bên thứ ba)* trong Ấn phẩm 504 để biết thêm thông tin.

Phục cấp nhà ở của các mục sư và quân nhân. Nếu bạn là mục sư hoặc thành viên của lực lượng đồng phục và nhận phụ cấp thuê nhà để ở mà bạn có thể loại trừ khỏi thu nhập, bạn vẫn có thể khấu trừ tất cả các khoản thuế bất động sản bạn phải trả cho ngôi nhà của mình.

Hoàn thuế (hoặc hoàn lại). Nếu bạn nhận được tiền hoàn lại hoặc giảm thuế vào năm 2024 đối với các khoản thuế bất động sản đã nộp vào năm 2024, bạn phải khấu trừ bằng số tiền được hoàn lại. Nếu bạn nhận được tiền hoàn lại hoặc giảm thuế vào

năm 2024 đối với các khoản thuế bất động sản mà bạn đã khấu trừ trong một năm trước đó, bạn thường phải nộp khoản tiền hoàn lại hoặc giảm thuế vào thu nhập trong năm bạn nhận được nó. Tuy nhiên, số tiền bạn nộp trong thu nhập bị giới hạn ở số tiền khấu trừ đã làm giảm thuế của bạn trong năm trước đó. Để biết thêm thông tin, xem *Recoveries (Phục hồi)* trong Ấn phẩm 525.

Các mục liên quan đến bất động sản bạn không thể khấu trừ

Các khoản thanh toán cho các mục sau đây thường không được khấu trừ dưới dạng thuế bất động sản.

- Thuế cho lợi ích địa phương.
- Các khoản phí thành phần cho các dịch vụ (ví dụ như phí nhặt và thu gom rác).
- Thuế chuyển tài sản (hoặc thuế trước bạ).
- Giá thuê tăng do thuế bất động sản cao hơn.
- Chi phí hiệp hội chủ sở hữu nhà ở.

Thuế cho lợi ích địa phương. Thuế bất động sản được khấu trừ thường không bao gồm thuế tính cho các lợi ích và các hoạt động cải tiến ở địa phương

có xu hướng làm tăng giá trị bất động sản của bạn. Chúng bao gồm các định giá về đường phố, vỉa hè, đường ống dẫn nước, đường cống, bãi đậu xe công cộng và các cải tiến tương tự. Bạn nên tăng cơ sở tài sản bằng số tiền định giá.

Thuế lợi ích địa phương chỉ được khấu trừ nếu chúng dành cho chi phí bảo trì, sửa chữa hoặc lãi suất liên quan đến những lợi ích đó. Nếu chỉ một phần thuế dành cho bảo trì, sửa chữa hoặc tiền lãi, bạn phải thể hiện được số tiền của phần đó để yêu cầu khấu trừ. Nếu bạn không thể xác định phần nào của thuế dành cho bảo trì, sửa chữa hoặc tiền lãi, thì không khoản nào được khấu trừ.



Thuế cho các lợi ích địa phương có thể được bao gồm trong hóa đơn thuế bất động sản của bạn. Nếu cơ quan thuế của bạn (hoặc người cho vay thế chấp) không cung cấp cầu được cung cấp. Bạn nên sử dụng quy định trên để xác định liệu thuế lợi ích địa phương có được khấu trừ hay không. Liên hệ với cơ quan thuế nếu bạn cần thêm thông tin về khoản phí cụ thể trên hóa đơn thuế bất động sản.

Chi phí từng khoản cho dịch vụ. Một chi phí từng khoản cho các dịch vụ được tính cho một tài sản cụ thể hoặc một số người nhất định không phải là thuế,

ngay cả khi khoản phí đó được trả cho cơ quan thuế. Ví dụ, bạn không thể khấu trừ khoản phí dưới dạng thuế bất động sản nếu đó là:

- Một khoản phí đơn vị cho việc cung cấp dịch vụ (ví dụ như phí \$5 tính cho mỗi 1.000 gallon nước bạn sử dụng),
- Một khoản phí định kỳ cho dịch vụ nhà ở (ví dụ như \$20 mỗi tháng hoặc \$240 phí hàng năm được tính cho mỗi chủ nhà để thu gom rác), hoặc
- Một khoản phí cố định được tính cho một dịch vụ duy nhất do chính quyền của bạn cung cấp (ví dụ phí cắt cỏ \$30 vì nó mọc cao hơn mức cho phép theo sắc lệnh địa phương).



Bạn phải nhìn vào hóa đơn thuế bất động sản để xác định có bất kỳ khoản phí thành phần nào không được khấu trừ, ví dụ như những khoản được liệt kê ở trên, được bao gồm trong hóa đơn thuế hay không. Nếu cơ quan thuế của bạn (hoặc người cho vay thế chấp) không cung cấp bản sao hóa đơn thuế bất động sản, bạn hãy yêu cầu được cung cấp.

Trường hợp ngoại lệ. Chi phí dịch vụ được sử dụng để duy trì hoặc cải thiện dịch vụ (chẳng hạn như thu gom rác hoặc cảnh sát và phòng cháy chữa cháy) được khấu trừ như thuế bất động sản nếu:

- Phí hoặc lệ phí đó được áp theo một tỷ lệ giống nhau đối với tất cả các bất động sản trong khu vực pháp lý đánh thuế;
- Số tiền thu được không được tính riêng; thay vào đó, chúng được nhập vào các quỹ thu nhập chung; và
- Số tiền được sử dụng để duy trì hoặc cải thiện dịch vụ không bị giới hạn hoặc được xác định bởi số tiền phí hoặc lệ phí thu được.

Thuế chuyển tài sản (hoặc thuế trước bạ). Thuế chuyển giao tài sản và các loại thuế và chi phí tương tự đối với việc bán nhà cá nhân sẽ không được khấu trừ. Nếu chúng được người bán thanh toán, chúng sẽ là chi phí bán hàng và làm giảm số tiền bán. Nếu được người mua thanh toán, chúng được tính vào giá của tài sản.

Giá thuê tăng do thuế bất động sản cao hơn. Nếu chủ nhà của bạn tăng tiền thuê nhà dưới lệ phí thu thêm do thuế bất động sản tăng, bạn không thể khấu trừ khoản tiền tăng này dưới dạng thuế.

Chi phí hiệp hội chủ sở hữu nhà ở. Những chi phí này không được khấu trừ vì chúng được áp bởi hiệp hội chủ nhà, chứ không phải chính quyền địa phương hoặc tiểu bang.

Thuế tài sản cá nhân

Thuế bất động sản cá nhân được khấu trừ nếu đó là thuế tiểu bang hoặc địa phương:

- Được tính trên tài sản cá nhân;
- Chỉ dựa trên giá trị của tài sản cá nhân; và
- Được thu hàng năm, ngay cả khi được thu nhiều hoặc ít hơn một lần mỗi năm.

Một loại thuế đáp ứng các yêu cầu trên có thể được coi là tính trên tài sản cá nhân ngay cả khi đó là để thực hiện một đặc quyền. Ví dụ, thuế hàng năm dựa trên giá trị dù điều kiện là thuế đánh trên tài sản cá nhân ngay cả khi nó được gọi là phí đăng ký và dành cho đặc quyền đăng ký xe cơ giới hoặc sử dụng chúng trên đường cao tốc.

Nếu thuế được dựa một phần trên giá trị và một phần trên các thử thách khác, nó có thể đủ điều kiện từng phần.

Ví dụ. Tiểu bang của bạn tính thuế trước bạ xe cơ giới hàng năm là 1% giá trị cộng với 50 xu cho mỗi tạ. Bạn đã trả \$32 dựa trên giá trị (\$1.500) và trọng lượng (3.400 lbs.) của chiếc xe của bạn. Bạn có thể khấu trừ \$15 (1% x \$1.500) như thuế đánh trên tài sản cá nhân vì nó dựa trên giá trị. Phần còn lại \$17 (\$0,50 x 34), dựa trên cân nặng, không được khấu trừ.

Thuế và Phí bạn không thể khấu trừ

Nhiều loại thuế chính quyền liên bang, tiểu bang và địa phương không được khấu trừ vì chúng không nằm trong các danh mục đã thảo luận ở phần trên. Các loại thuế và phí khác, chẳng hạn như thuế thu nhập liên bang, không được khấu trừ vì luật thuế đặc biệt nghiêm cấm việc khấu trừ đối với chúng. Xem [Bảng 11-1](#).

Các khoản thuế và phí thường không được khấu trừ bao gồm các khoản sau.

- **Thuế việc làm** Các loại thuế bao gồm an sinh xã hội, Medicare, và thuế hưu trí đường sắt được khấu trừ từ lương của bạn. Tuy nhiên, một nửa số thuế tự kinh doanh bạn phải trả sẽ được khấu trừ. Thêm vào đó, các khoản thuế an sinh xã hội và việc làm khác mà bạn phải trả dựa trên tiền lương của một người làm thuê tại gia có thể được gộp trong chi phí y tế mà bạn có thể khấu trừ hoặc chi phí chăm sóc trẻ em cho phép bạn yêu cầu tín thuế chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem Ấn phẩm 502, và Ấn phẩm 503.
- **Thuế di sản, thừa kế, di tặng hoặc kế thừa.** Bạn có thể khấu trừ thuế di sản được tính vào thu nhập của một người quá cố nếu bạn, với tư cách là người thụ hưởng, phải bao gồm thu nhập đó vào tổng thu nhập của bạn. Trong trường hợp đó, hãy khấu trừ thuế di sản trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 559.
- **Thuế thu nhập liên bang.** Khoản này bao gồm thuế thu nhập được khấu trừ từ lương của bạn.
- **Tiền phạt và hình phạt.** Bạn không thể khấu trừ tiền phạt và hình phạt đã trả cho chính quyền do vi phạm bất kỳ luật nào, bao gồm cả các khoản liên quan bị tịch thu làm tiền ký quỹ.
- **Thuế bất động sản hoặc thuế tài sản cá nhân từ nước ngoài.**
- **Thuế quà tặng.**
- **Lệ phí cấp giấy phép.** Bạn không thể khấu trừ lệ phí cấp giấy phép cho các mục đích cá nhân (chẳng hạn như phí chứng nhận kết hôn, giấy phép lái xe và thú cưng).
- **Thuế tính theo đầu người.** Bạn không thể khấu trừ thuế tính theo đầu người của tiểu bang hoặc địa phương.

Nhiều loại thuế và phí khác ngoài những loại thuế được liệt kê ở trên cũng không được khấu trừ, trừ khi chúng là những chi phí cần thiết theo thông thường của một hoạt động kinh doanh hoặc sản xuất tạo ra thu nhập. Để biết thêm các mục không được khấu trừ thuế khác, xem [Các mục liên quan](#)

[đến bất động sản bạn không thể khấu trừ](#) ở phần trước.

Khấu trừ ở đâu

Bạn khấu trừ thuế trên các bảng sau.

Thuế thu nhập địa phương và tiểu bang. Các khoản thuế này được khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a, ngay cả khi nguồn thu nhập duy nhất của bạn là từ kinh doanh, tiền thuê nhà hoặc bản quyền.

Giới hạn khoản khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương. Việc khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương được giới hạn ở mức \$10.000 (\$5.000 nếu vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế). Thuế tiểu bang và thuế địa phương là các loại thuế mà bạn gộp trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a, 5b và 5c. Bao gồm thuế được áp đặt bởi một vùng lãnh thổ Hoa Kỳ với thuế tiểu bang và thuế địa phương của bạn trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a, 5b và 5c. Tuy nhiên, không bao gồm bất kỳ khoản thuế nào áp bởi vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ mà bạn đã trả và được phân bổ cho thu nhập bị loại trừ.



Bạn có thể muốn nhận tín thuế cho thuế áp bởi vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ thay vì một khoản khấu trừ. Xem hướng dẫn cho Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 1, để biết chi tiết.

Thuế tiêu thụ tổng quát. Thuế tiêu thụ được khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a. Bạn phải đánh dấu vào ô ở dòng 5a. Nếu bạn chọn khấu trừ thuế tiêu thụ, bạn không thể khấu trừ thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a.

Thuế thu nhập từ nước ngoài. Thông thường, thuế thu nhập bạn trả cho một quốc gia nước ngoài hoặc vùng lãnh thổ thuộc Hoa Kỳ có thể được khai như khoản khấu trừ khoản trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 6, hoặc như tín thuế cho thuế thu nhập Hoa Kỳ của bạn trên Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 1. Để yêu cầu tín thuế, bạn có thể phải hoàn thành và đính kèm Mẫu 1116. Để biết thêm thông tin, hãy xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040, hoặc Ấn phẩm 514.

Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân. Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân được khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040), lần lượt ở dòng 5b và 5c, trừ khi chúng được thanh toán trên tài sản được sử dụng trong doanh nghiệp của bạn, trong trường hợp đó, chúng được khấu trừ trên Bảng C (Mẫu 1040) hoặc Bảng F (Mẫu 1040). Thuế áp dụng trên tài sản tạo ra thu nhập từ cho thuê hoặc thu nhập từ tác quyền được khấu trừ trên Bảng E (Mẫu 1040).

Thuế tự kinh doanh. Khấu trừ một nửa thuế tự doanh của bạn trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 15.

Các khoản thuế khác. Tất cả các loại thuế được khấu trừ khác được khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 6.

Khấu trừ từng khoản khác

Quy định mới

Mức vận phí tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Mức vận phí năm 2024 dành cho mỗi xe mà doanh nghiệp sử dụng là 67 xu một dặm.

Nhắc nhở

Không cho phép khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp. Bạn không thể tiếp tục yêu cầu khấu trừ từng khoản hỗn hợp nữa. Khấu trừ từng khoản khác là những khoản khấu trừ có thể đã chịu hạn mức 2% tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI). Xem phần [Khấu trừ từng khoản hỗn hợp](#) ở phần sau.

Tiền phạt và hình phạt. Các quy định liên quan đến khấu trừ hình phạt và hình phạt đã thay đổi. Xem phần [Tiền phạt và hình phạt](#) ở phần sau.

Giới thiệu

Chương này giải thích rằng bạn không thể tiếp tục yêu cầu khấu trừ từng khoản hỗn hợp, trừ khi trường hợp của bạn rơi vào các danh mục việc làm đủ điều kiện yêu cầu khấu trừ liên quan đến chi phí nhân viên chưa hoàn trả. Khấu trừ từng khoản hỗn hợp là những khoản khấu trừ có thể đã chịu hạn mức 2% của AGI. Bạn vẫn có thể yêu cầu một số chi phí nhất định để khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040), Bảng A (Mẫu 1040-NR) hoặc làm khoản điều chỉnh thu nhập trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Chương này trình bày về các chủ đề sau.

- Khấu trừ từng khoản hỗn hợp.
- Chi phí bạn không được khấu trừ.
- Chi phí bạn được khấu trừ.
- Cách khai báo khoản khấu trừ.



Bạn phải giữ lại hồ sơ để xác minh khoản khấu trừ. Bạn nên giữ lại các biên lai, séc đã hủy, séc thay thế, sao kê trường mục tài chính và các loại chứng từ hồ sơ khác. Để biết thêm thông tin về lưu giữ hồ sơ, xem [Tôi nên giữ những hồ sơ nào?](#) trong chương 1.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- ☐ **463** Chi phí đi lại, quà tặng, và xe hơi
- ☐ **525** Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế
- ☐ **529** Các khoản khấu trừ hỗn hợp
- ☐ **547** Thiệt hại, Thiên tai, và Trộm cắp
- ☐ **575** Thu nhập lương hưu và niên kim
- ☐ **587** Sử dụng nhà để kinh doanh

- ☐ **946** Cách khấu hao tài sản

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ☐ **Bảng A (Mẫu 1040)** Khấu trừ từng khoản
- ☐ **2106** Chi chi phí kinh doanh của Nhân viên
- ☐ **8839** Chi phí nhận con nuôi đủ điều kiện
- ☐ **Bảng K-1 (Mẫu 1041)** Phần thu nhập, Khoản khấu trừ, Tín thuế, v.v., của Người thụ hưởng

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms](https://irs.gov/forms) (tiếng Anh).

Khấu trừ từng khoản hỗn hợp

Bạn không thể tiếp tục yêu cầu khấu trừ từng khoản hỗn hợp mà phải chịu hạn mức 2% AGI, bao gồm cả chi phí nhân viên chưa hoàn trả. Tuy nhiên, bạn có thể khấu trừ một số chi phí kinh doanh cho nhân viên chưa hoàn trả nhất định nếu trường hợp của bạn rơi vào một trong các danh mục việc làm được liệt kê trong phần [Chi phí nhân viên chưa hoàn trả](#) tiếp theo.

Chi phí nhân viên chưa hoàn trả

Bạn không thể tiếp tục yêu cầu khấu trừ chi phí nhân viên chưa hoàn trả trừ khi trường hợp của bạn rơi vào một trong các danh mục việc làm sau đây.

- Quân nhân trừ bị của Lực lượng Vũ trang.
- Nghệ sĩ trình diễn đủ tiêu chuẩn.
- Viên chức chính quyền tiểu bang hoặc địa phương có thù lao từ phí.
- Nhân viên có chi phí công việc liên quan đến khuyết tật.

Thể loại việc làm

Bạn có thể khấu trừ chi phí nhân viên chưa hoàn trả chỉ khi bạn đủ tiêu chuẩn là quân nhân trừ bị của Lực lượng Vũ trang, nghệ sĩ trình diễn đủ tiêu chuẩn, viên chức chính quyền tiểu bang hoặc địa phương có thù lao từ phí hoặc một nhân viên có chi phí công việc liên quan đến khuyết tật.

Quân nhân trừ bị của Lực lượng Vũ trang (thành viên của một nhóm trừ bị). Bạn là thành viên của một nhóm trừ bị trong Quân lực Hoa Kỳ nếu tham gia Lực Quân, Thủy Quân, Thủy Quân Lục Chiến, Không Lực hoặc Tuần Duyên Trừ Bị; Vệ Binh Quốc Gia Hoa Kỳ; hoặc Binh Chung Trừ Bị của Cơ quan Dịch vụ Y tế công cộng.

Nghệ sĩ trình diễn đủ điều kiện. Bạn là nghệ sĩ trình diễn đủ điều kiện nếu bạn:

1. Đã trình diễn phục vụ trong bộ môn nghệ thuật biểu diễn với tư cách nhân viên cho ít nhất hai chủ lao động trong năm tính thuế,
2. Nhận thù lao từ ít nhất hai chủ lao động với mức tiền công \$200 trở lên từ mỗi chủ lao động,
3. Có chi phí kinh doanh được hỗ trợ do trình diễn nghệ thuật cao hơn 10% tổng thu nhập từ trình diễn nghệ thuật, và
4. Có AGI bằng \$16.000 trở xuống trước khi khấu trừ chi phí với tư cách nghệ sĩ trình diễn.

Viên chức chính quyền tiểu bang hoặc địa phương có thù lao từ phí. Bạn là viên chức có thù lao từ phí đủ tiêu chuẩn nếu làm việc cho một tiểu bang hoặc cơ quan chính trị của một tiểu bang và có toàn bộ hoặc một phần thù lao từ phí.

Nhân viên có chi phí công việc liên quan đến khuyết tật. Chi phí công việc liên quan đến khuyết tật là chi phí được phép của một cá nhân có khuyết tật thể chất hoặc tinh thần trả cho việc chăm sóc tận nơi ở nơi làm việc của người đó. Chi phí này cũng bao gồm các chi phí khác liên quan đến nơi làm việc cho phép nhân viên đó làm việc. Tham khảo Ấn phẩm 463, Chi phí đi lại, quà tặng, và xe hơi để biết thêm chi tiết.

Chi phí nhân viên chưa hoàn trả được phép. Nếu bạn đủ tiêu chuẩn là nhân viên thuộc một trong các danh mục nói trên, bạn có thể khấu trừ các khoản sau đây dưới dạng chi phí nhân viên chưa hoàn trả.

Chi phí nhân viên chưa hoàn trả dành cho các cá nhân trong những danh mục việc làm này được khấu trừ dưới dạng khoản điều chỉnh tổng thu nhập. Nhân viên đủ tiêu chuẩn được liệt kê ở một trong các danh mục nói trên phải hoàn thành Mẫu 2106, Chi chi phí kinh doanh của Nhân viên, để được khấu trừ.

Bạn chỉ có thể khấu trừ các khoản chi phí nhân viên chưa hoàn trả đã được thanh toán hoặc phát sinh trong năm tính thuế, để thực hiện hoạt động thương mại hay kinh doanh của bạn với tư cách nhân viên, một cách cần thiết theo thông lệ.

Một chi phí là theo thông lệ nếu chi phí đó là phổ biến và được chấp nhận trong ngành nghề, lĩnh vực hoặc chuyên môn của bạn. Một chi phí là cần thiết nếu chi phí đó thích hợp và giúp ích cho công việc của bạn. Một chi phí không cần phải là bắt buộc mới được coi là cần thiết.

Chi phí của Nhà giáo

Nếu bạn là một chuyên gia giáo dục đủ điều kiện trong năm 2024, bạn có thể khấu trừ tối đa \$300 chi phí đủ tiêu chuẩn mà bạn đã trả năm 2024 dưới dạng khoản điều chỉnh tổng thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 11, thay vì dưới dạng khấu trừ từng khoản khác. Nếu hai vợ chồng bạn khai thuế chung và cùng là chuyên gia giáo dục đủ điều kiện, khoản khấu trừ tối đa là \$600. Dù vậy, không người nào trong hai vợ chồng có thể khấu trừ trên \$300 từ chi phí đủ tiêu chuẩn của người đó. Để biết thêm thông tin, tham khảo phần *Educator Expenses* (Chi phí của Nhà giáo) trong Ấn phẩm 529, Các khoản khấu trừ hỗn hợp.



Chi phí của chuyên gia giáo dục bao gồm các khoản được thanh toán hoặc phát sinh trong năm 2024 cho thiết bị bảo hộ cá nhân, chất khử trùng và các vật tư khác được sử dụng để ngăn ngừa sự lây lan của vi-rút Corona. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem hướng dẫn cho Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 11 và Educator Expenses (Chi phí của Nhà giáo) trong Ấn phẩm 529, Các khoản khấu trừ hỗn hợp.

Chi phí bạn không được khấu trừ

Do việc tạm ngưng khấu trừ từng khoản khác, có hai loại chi phí bạn không thể khấu trừ: khấu trừ từng khoản khác phải chịu hạn mức 2% AGI và những chi phí vốn không được khấu trừ theo Bộ Luật Thuế vụ.

Cả hai loại khoản khấu trừ trên đều được giải thích ở phần tiếp theo.

Khoản khấu trừ khác chịu hạn mức 2% AGI

Nếu trường hợp của bạn không rơi vào các danh mục việc làm đủ tiêu chuẩn trong phần [Chi phí nhân viên chưa hoàn trả](#) ở trước, bạn không thể tiếp tục đòi hỏi khoản khấu trừ từng khoản khác phải chịu hạn mức 2% AGI. Với các chi phí không liên quan đến chi phí nhân viên chưa hoàn trả, ngay cả khi trường hợp của bạn rơi vào một trong các danh mục việc làm đủ tiêu chuẩn trong danh sách ở phần trước, thì thông thường bạn vẫn không thể khấu trừ các chi phí sau đây.

Phí thẩm định

Phí thẩm định mà bạn trả để tính toán thiệt hại vì tai biến hoặc giá cả phải chăng trên thị trường của tài sản được quyền tặng là khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa.

Mất mát do thiệt hại và trộm cắp

Tài sản bị hư hại hoặc mất cắp được sử dụng trong thi hành nhiệm vụ với tư cách nhân viên là một khoản khấu trừ hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa. Với các mất mát do thiệt hại và trộm cắp, tham khảo Ấn phẩm 547, Thiệt hại, Thiên tai, và Trộm cắp

Hỗ trợ hành chính và tiền thuê văn phòng

Các chi phí văn phòng như tiền thuê nhà và hỗ trợ hành chính mà bạn trả liên quan đến các khoản đầu tư và thu lợi tức chịu thuế trên các khoản đầu tư đó là khấu trừ từng khoản khác và không còn được khấu trừ nữa.

Phí tiện lợi thẻ tín dụng hoặc ghi nợ

Phí tiện lợi do nhà xử lý thẻ thu để trả tiền thuế thu nhập của bạn (bao gồm cả các khoản thuế ước tính) bằng thẻ tín dụng hoặc ghi nợ là khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Khoản hao máy tính gia đình

Nếu bạn sử dụng máy tính gia đình để tạo thu nhập (ví dụ như để quản lý các khoản đầu tư tạo ra thu nhập chịu thuế), thì khoản hao của máy tính đó cho phần sử dụng máy tính đó là một khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Phí để thu tiền lãi và cổ tức

Các khoản phí mà bạn trả cho người môi giới, ngân hàng, người được ủy thác hay đại diện tương tự để thu tiền lãi hoặc cổ tức chịu thuế trên cổ phần chứng khoán là khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không thể khấu trừ được nữa.

Chi phí cho sở thích

Sở thích không phải là một hoạt động kinh doanh vì nó không được thực hiện để sinh lời. Chi phí cho sở thích là khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không thể khấu trừ được nữa.

Khoản khấu trừ gián tiếp của thực thể truyền qua

Các thực thể truyền qua gồm có công ty hợp danh, công ty S và quỹ tương hỗ chưa được niêm yết công khai. Khoản khấu trừ của thực thể truyền qua được truyền qua cho những thành viên hoặc cổ đông. Phần khấu trừ truyền qua đối với chi phí đầu tư của thành viên hoặc cổ đông là khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Quỹ tương hỗ chưa được niêm yết công khai. Những quỹ này sẽ gửi cho bạn một Mẫu 1099-DIV, Cổ tức và khoản phân phối, hoặc một mẫu thay thế, thể hiện phần tổng thu nhập và chi phí đầu tư của bạn. Các chi phí đầu tư được khai báo trên Mẫu 1099-DIV là khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Phí và chi phí đầu tư

Phí đầu tư, phí giám hộ, phí quản lý quỹ tín thác và các chi phí khác mà bạn đã trả để quản lý các khoản đầu tư tạo ra thu nhập chịu thuế là khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Chi phí lập pháp

Thông thường, bạn có thể khấu trừ các chi phí lập pháp phát sinh khi cố gắng tạo hoặc truy thu thu nhập chịu thuế hoặc lệ phí mà bạn trả liên quan đến việc xác định, thu hoặc hoàn bất kỳ loại thuế nào.

Chi phí lập pháp phát sinh khi cố gắng tạo hoặc truy thu thu nhập chịu thuế hoặc lệ phí mà bạn trả liên quan đến việc xác định, thu hoặc hoàn bất kỳ loại thuế nào là khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Bạn có thể khấu trừ chi phí giải quyết các vấn đề về thuế liên quan đến lãi hoặc lỗ từ hoạt động kinh doanh được khai báo trên Bảng C (Mẫu 1040), Lợi nhuận hoặc Lỗ từ kinh doanh, từ tiền cho thuê hoặc tiền bản quyền được khai báo trên Bảng E (Mẫu 1040), Thu nhập và Lỗ bổ sung, hoặc từ thu nhập và chi phí hoạt động nông nghiệp được khai báo trên Bảng F (Mẫu 1040), Lợi nhuận hoặc Lỗ từ nông nghiệp, theo bảng liệt kê đó. Chi phí giải quyết các vấn đề thuế không liên quan đến hoạt động kinh doanh là khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Mất mát trên tiền ký gửi

Để biết thông tin về việc bạn có được khấu trừ một khoản mất mát trên tiền ký gửi ở một cơ quan tài chính đủ tiêu chuẩn không và nếu có thì phải làm thế nào, vui lòng tham khảo *Mất mát do ký gửi tiền* trong Ấn phẩm 547.

Hoàn trả thu nhập

Nhìn chung, các khoản hoàn trả số tiền mà bạn đã tính vào thu nhập trong năm trước là một khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa. Nếu bạn đã phải hoàn trả hơn \$3.000 mà bạn đã tính vào thu nhập trong năm trước, bạn có thể khấu trừ số tiền đó. Xem phần [Hoàn trả theo yêu cầu đòi quyền](#) ở phần sau.

Hoàn trả phúc lợi An sinh Xã hội

Để biết thông tin về cách khấu trừ các khoản hoàn trả phúc lợi an sinh xã hội nhất định, tham khảo phần [Hoàn trả nhiều hơn tổng phúc lợi](#) ở chương 7.

Tiền thuê kết ký quỹ an toàn

Tiền thuê mà bạn trả để có kết ký quỹ an toàn mà bạn sử dụng để bảo quản trái phiếu, chứng khoán tạo ra thu nhập chịu thuế hoặc giấy tờ liên quan đến đầu tư là khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa. Bạn cũng không được khấu trừ tiền thuê nếu sử dụng kết này để bảo quản trang sức, các vật dụng cá nhân khác hay chứng khoán miễn thuế.

Phí dịch vụ trên Chương trình Tái đầu tư cổ tức

Phí dịch vụ mà bạn trả với tư cách người tham gia một chương trình tái đầu tư cổ tức là khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa. Các khoản phí dịch vụ này bao gồm tiền trả để:

- Nắm giữ cổ phần mua được thông qua một chương trình,
- Thu và tái đầu tư cổ tức tiền mặt, và
- Lưu hồ sơ cá nhân và cung cấp sao kê tài khoản chi tiết.

Phí chuẩn bị thuế

Phí chuẩn bị thuế cho tờ khai thuế cho năm mà bạn trả là một khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa. Phí này bao gồm chi phí cho chương trình phần mềm chuẩn bị thuế và ấn phẩm về thuế. Nó còn gồm bất kỳ khoản phí nào mà bạn đã trả để khai thuế điện tử cho tờ khai thuế của bạn.

Phí hành chính của người được ủy thác cho IRA

Phí hành chính cho người được ủy thác được lập hóa đơn riêng và do bạn trả liên quan đến IRA của bạn là khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa. Để biết thêm thông tin về IRA, xem [chương 9](#).

Chi phí không được khấu trừ

Ngoài các khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp được giải thích ở phần trước, bạn không thể khấu trừ các chi phí sau.

Danh sách Chi phí không được khấu trừ

- Chi phí nhận con nuôi.
- Hoa hồng của người môi giới.
- Chi phí chôn cất hoặc tang lễ, bao gồm chi phí mua lô đất trong nghĩa trang.
- Chi phí vận động.
- Chi phí vốn.
- Phí viết séc.
- Phí hội viên câu lạc bộ.
- Chi phí đi lại.
- Các loại phí và giấy phép, chẳng hạn như giấy phép lái xe, giấy đăng ký kết hôn và phí nuôi chó.
- Tiền phạt hoặc hình phạt.
- Chi phí spa chăm sóc sức khỏe.

- Thiệt hại cho sở thích, nhưng hãy xem phần [Chi phí cho sở thích](#) ở phần trước.
- Sửa chữa, bảo hiểm và tiền thuê nhà.
- Hệ thống an ninh cho nhà ở.
- Hối lộ và lo lót bất hợp pháp.
- Hội thảo liên quan đến đầu tư.
- Phí bảo hiểm nhân thọ do bên được bảo hiểm thanh toán.
- Chi phí vận động hành lang.
- Lỗ do bán nhà, đồ đạc, xe hơi cá nhân, v.v.
- Tiền mặt hoặc tài sản mất mát hoặc để sai chỗ.
- Ăn trưa với đồng nghiệp.
- Bữa ăn khi làm việc trễ.
- Chi phí y tế dưới dạng chi phí kinh doanh ngoài các lần khám y tế theo yêu cầu của chủ lao động.
- Phí mua bảo hiểm khuyết tật cá nhân.
- Lệ phí cá nhân.
- Chi phí cá nhân, sinh hoạt hoặc của gia đình.
- Đóng góp chính trị.
- Phí cấp phép chuyên môn.
- Chi phí nâng cao uy tín nghề nghiệp.
- Đóng góp quỹ cứu trợ.
- Đường dây điện thoại cố định tại nơi ở.
- Chi phí tham dự cuộc họp cổ đông.
- Chi phí nhận/thu thập thu nhập được miễn thuế.
- Giá trị tiền công chưa từng nhận hay thời gian nghỉ phép đã mất.
- Chi phí công tác cho cá nhân khác.
- Phần góp tự nguyện trong quỹ trợ cấp thất nghiệp.
- Đồng hồ đeo tay.

Chi phí nhận con nuôi

Bạn không thể khấu trừ các chi phí nhận con nuôi nhưng có thể nhận tín thuế cho các chi phí này. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 8839, Chi Phí Nhận Con Nuôi Đủ Điều Kiện, để tìm hiểu thêm thông tin.

Chi phí vận động

Bạn không được khấu trừ chi phí vận động của một ứng viên cho bất kỳ chức vụ nào, ngay cả khi ứng viên đó đang vận động tái tranh cử cho chức vụ đó. Chi phí này bao gồm cả phí ghi danh và xét duyệt bầu cử sơ bộ.

Chi phí lập pháp. Bạn không thể khấu trừ chi phí lập pháp cho phí biện hộ phát sinh do việc tham gia một cuộc vận động chính trị.

Phí viết séc trên tài khoản cá nhân

Nếu bạn có một tài khoản chi trả bằng các séc cá nhân, bạn không thể khấu trừ các khoản phí mà ngân hàng thu để có đặc quyền viết séc, ngay cả khi tài khoản đó có trả tiền lãi.

Phí hội viên câu lạc bộ

Nói chung, bạn không được khấu trừ chi phí thẻ hội viên tại bất kỳ câu lạc bộ nào được tổ chức cho mục đích kinh doanh, vui chơi, giải trí hay giao lưu khác. Trong đó có câu lạc bộ kinh doanh, xã hội, thể dục

thể thao, nhà hàng, hàng không, khách sạn, golf, và câu lạc bộ xã giao.

Bạn không được khấu trừ phí hội viên trả cho một tổ chức nếu một trong các mục đích của phí này là để:

- Thực hiện các hoạt động giải trí cho hội viên hoặc khách của hội viên, hoặc
- Cung cấp quyền sử dụng các cơ sở giải trí cho hội viên hoặc khách của hội viên.

Phí hội viên được trả cho các câu lạc bộ hàng không, khách sạn hoặc nhà hàng không được khấu trừ.

Chi phí đi lại

Bạn không được khấu trừ chi phí đi lại (chi phí di chuyển từ nhà tới nơi làm việc chính hoặc thường xuyên và ngược lại). Nếu phải chuyển các công cụ, dụng cụ hoặc vật dụng khác lên xe riêng đến/từ nơi làm việc, bạn chỉ có thể khấu trừ chi phí bổ sung để chuyển vật dụng như tiền thuê xe kéo để chở vật dụng.

Tiền phạt và hình phạt

Nhìn chung, không được phép áp dụng khấu trừ cho hình phạt và hình phạt đã nộp cho chính quyền hoặc cơ quan phi chính phủ được chỉ định cho hành vi vi phạm bất kỳ điều luật nào ngoại trừ trong các trường hợp sau đây.

- Số tiền cấu thành khoản bồi thường.
- Số tiền được trả để tuân thủ luật pháp.
- Số tiền được trả hoặc phát sinh do một số trát tòa mà trong đó không có bên nào là cơ quan chính phủ hay cơ quan phi chính phủ được chỉ định.
- Số tiền được trả hoặc phát sinh do các khoản thuế phải trả.

Số tiền không được khấu trừ bao gồm số tiền được trả để dàn xếp trách nhiệm pháp lý trên thực tế hoặc có thể xảy ra bằng hình phạt hoặc hình phạt (dân sự hoặc hình sự). Tiền phạt hoặc hình phạt gồm số tiền được trả như vé phạt đậu xe, hình phạt thuế và hình phạt được khấu trừ từ phiếu lương của giáo viên sau một lần đình công phi pháp.

Không được áp dụng khấu trừ cho tiền bồi thường hoặc số tiền được trả để tuân thủ luật pháp, trừ khi số tiền đó được chỉ rõ cụ thể trong thỏa thuận dàn xếp hoặc trát tòa. Ngoài ra, bất kỳ số tiền nào được trả hoặc phát sinh dưới dạng bồi hoàn cho chính quyền chi phí của bất kỳ cuộc điều tra hay kiện tụng nào đều không đủ điều kiện xét ngoại lệ và không được khấu trừ.

Chi phí spa chăm sóc sức khỏe

Bạn không được khấu trừ chi phí spa chăm sóc sức khỏe, ngay cả khi công việc yêu cầu bạn phải duy trì tình trạng sức khỏe tốt, chẳng hạn như yêu cầu dành cho viên chức thi hành luật pháp.

Hệ thống an ninh cho nhà ở

Bạn không được khấu trừ chi phí hệ thống an ninh cho nhà ở dưới dạng khoản khấu trừ khác. Tuy nhiên, bạn có thể yêu cầu khấu trừ chi phí an ninh nhà ở dưới dạng chi phí kinh doanh nếu có văn phòng tại nhà. Xem về *Security system (Hệ thống an ninh)* trong phần *Figuring the Deduction (Tính khoản khấu trừ)* trong Ấn phẩm 587.

Hội thảo liên quan đến đầu tư

Bạn không được khấu trừ bất cứ chi phí nào cho việc tham gia một hội nghị, hội thảo hoặc cuộc họp tương tự cho mục đích đầu tư.

Phí bảo hiểm nhân thọ

Bạn không được khấu trừ phí mua bảo hiểm mà bạn trả cho bảo hiểm nhân thọ của mình. Bạn có thể khấu trừ phí bảo hiểm mà bạn trả cho hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho vợ/chồng cũ, dưới dạng trợ cấp ly hôn. Tham khảo Ấn phẩm 504, Cá nhân đã ly hôn hoặc ly thân để biết thông tin về trợ cấp ly hôn.

Chi phí vận động hành lang

Nói chung, bạn không được khấu trừ số tiền đã trả hoặc phát sinh cho chi phí vận động hành lang. Các chi phí này bao gồm chi phí để:

- Gây ảnh hưởng đến luật pháp;
- Tham gia hoặc can thiệp vào bất cứ cuộc vận động chính trị nào ủng hộ hoặc đối đầu với bất cứ ứng cử viên cho chức vụ công nào;
- Nỗ lực gây ảnh hưởng đến công chúng hoặc các tầng lớp trong công chúng về hoạt động bầu cử, vấn đề lập pháp hoặc trưng cầu dân ý; hoặc
- Trao đổi trực tiếp với các viên chức của nhánh điều hành mà mình hỗ trợ với ý định gây ảnh hưởng đến hành động hoặc lập trường chính thức của các viên chức đó.

Chi phí vận động hành lang cũng bao gồm bất cứ số tiền nào đã trả hoặc phát sinh để nghiên cứu, chuẩn bị, lập kế hoạch hoặc điều phối bất kỳ hoạt động nào trong số này.

Phí hội viên được sử dụng để vận động hành lang. Nếu một tổ chức miễn thuế thông báo với bạn rằng một phần phí hội viên hoặc số tiền khác mà bạn trả cho tổ chức đó được sử dụng để trả chi phí vận động hành lang không được khấu trừ, thì bạn không được khấu trừ phần đó. Xem phần *Lobbying Expenses (Chi phí vận động hành lang)* trong Ấn phẩm 529 để biết thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

Tiền mặt hoặc tài sản mất mát hoặc để sai chỗ

Bạn không được khấu trừ một tổn thất dựa trên sự biến mất đơn thuần của tiền bạc hay tài sản. Tuy nhiên, một mất mát hoặc sự biến mất ngẫu nhiên của tài sản có thể đủ tiêu chuẩn trở thành một tổn thất nếu nó xuất phát từ một sự kiện có thể nhận biết có tính chất bất ngờ, ngoài ý muốn hoặc bất thường. Tham khảo Ấn phẩm 547 để biết thêm thông tin.

Ăn trưa với đồng nghiệp

Bạn không được khấu trừ chi phí ăn trưa với đồng nghiệp, trừ trường hợp xảy ra khi đi công tác xa nhà. Tham khảo Ấn phẩm 463 để biết thông tin về các chi phí được khấu trừ khi đi công tác xa nhà.

Bữa ăn khi làm việc trễ

Bạn không được khấu trừ chi phí bữa ăn khi làm việc trễ. Tuy nhiên, bạn có thể yêu cầu khấu trừ nếu chi phí bữa ăn là chi phí giao tế có thể khấu trừ, hoặc nếu bạn đang đi công tác xa nhà. Tham khảo Ấn phẩm 463 để biết thông tin về chi phí giao tế được khấu trừ và chi phí được khấu trừ khi đi công tác xa nhà.

Chi phí lập pháp cá nhân

Bạn không được khấu trừ chi phí lập pháp cá nhân như các chi phí cho những mục đích sau đây.

- Trồng nom con cái.
- Kiện tụng do vi phạm lời hứa kết hôn.
- Lệ phí dân sự hoặc hình sự phát sinh từ mối quan hệ cá nhân.
- Tiền bồi thường thiệt hại do thương tích cá nhân, trừ trường hợp có khiếu nại người thổi còi và phân biệt đối xử bất hợp pháp nhất định.
- Chuẩn bị yêu sách (hoặc biện hộ hay hoàn thiện một yêu sách).
- Chuẩn bị di chúc.
- Khiếu nại về tài sản hoặc dàn xếp tài sản trong vụ ly hôn.

Bạn không được khấu trừ các chi phí này, ngay cả khi kết quả tố tụng là tổn thất tài sản tạo ra thu nhập.

Đóng góp chính trị

Bạn không được khấu trừ khoản đóng góp cho một ứng cử viên chính trị, một ủy ban chiến dịch hay một quỹ thư thông tin. Quảng cáo trong các bảng tin hội nghị và suất ăn tối hay chương trình có lợi cho một chính đảng hay ứng cử viên của chính đảng đều không được khấu trừ.

Phí cấp phép chuyên môn

Bạn không được khấu trừ các loại phí cấp phép chuyên môn như sau.

- Phí cấp chứng chỉ kế toán được trả để có quyền hành nghề kế toán ban đầu.
- Lệ phí thi vào hội luật sư và phụ phí để được kết nạp ban đầu vào hội luật sư.
- Phí giấy phép y khoa và nha khoa nộp để được cấp phép ban đầu.

Uy tín nghề nghiệp

Bạn không được khấu trừ chi phí xuất hiện trên phương tiện truyền thanh và truyền hình để nâng cao danh tiếng cá nhân hay xây dựng uy tín nghề nghiệp.

Đóng góp Quỹ cứu trợ

Bạn không được khấu trừ các khoản đóng góp vào một chương trình từ nhân chỉ trả quyền lợi cho bất kỳ nhân viên nào được bao trả và không thể lao động do có thương tích hoặc bệnh trạng không liên quan đến nghề nghiệp.

Dịch vụ điện thoại cố định tại nơi ở

Bạn không được khấu trừ bất cứ chi phí (đã bao gồm thuế) nào cho dịch vụ điện thoại cố định địa phương cơ bản để có đường dây điện thoại cố định đầu tiên cho nơi cư trú của mình, ngay cả khi nó được sử dụng trong hoạt động thương mại hay kinh doanh.

Hợp cổ đông

Bạn không được khấu trừ chi phí đi lại và các chi phí khác mà bạn trả để tham dự cuộc họp cổ đông của các công ty mà bạn sở hữu cổ phần nhưng không còn lợi nhuận nào khác. Bạn không được khấu trừ các chi phí này ngay cả khi tham dự cuộc họp để

tiếp nhận những thông tin có thể có ích để đầu tư thêm.

Chi phí cho thu nhập được miễn thuế

Bạn không được khấu trừ chi phí để tạo ra thu nhập được miễn thuế. Bạn không được khấu trừ thu nhập trên một khoản nợ phát sinh hoặc tiếp diễn để mua hoặc nắm giữ chứng khoán miễn thuế.

Nếu bạn có chi phí để tạo ra cả thu nhập chịu thuế và thu nhập miễn thuế nhưng không thể xác định được chi phí nào tạo ra loại lợi nhuận nào, bạn phải chia chi phí trên cơ sở số tiền của mỗi loại thu nhập để xác định số tiền mà bạn được khấu trừ.

Chi phí công tác cho cá nhân khác

Nói chung, bạn không được khấu trừ chi phí công tác mà bạn trả hoặc phát sinh cho vợ/chồng, người phụ thuộc hay cá nhân khác đi cùng bạn (hoặc nhân viên của bạn) trong chuyến công tác hoặc chuyển đi cá nhân, trừ khi người vợ/chồng, người phụ thuộc hoặc cá nhân khác đó là nhân viên của người đóng thuế, chuyển công tác có mục đích kinh doanh chân thật và chi phí đó sẽ được khấu trừ cho chính người vợ/chồng, người phụ thuộc hoặc cá nhân khác đó. Tham khảo Ấn phẩm 463 để biết thêm thông tin về chi phí công tác được khấu trừ.

Phần góp tự nguyện trong Quỹ Trợ cấp thất nghiệp

Bạn không được khấu trừ phần góp tự nguyện trong quỹ trợ cấp thất nghiệp cho một quỹ công đoàn hay quỹ từ nhân. Dù vậy, bạn được khấu trừ phần góp dưới dạng thuế nếu luật pháp tiểu bang yêu cầu bạn đóng góp vào một quỹ thất nghiệp tiểu bang bao trả cho bạn về tổn thất tiền công do thất nghiệp vì điều kiện kinh doanh.

Đồng hồ đeo tay

Bạn không được khấu trừ chi phí đồng hồ đeo tay, ngay cả khi công việc yêu cầu bạn nắm được chính xác thời gian để thực hiện đúng phận sự.

Chi phí bạn được khấu trừ

Bạn không được khấu trừ các khoản được liệt kê dưới đây dưới dạng khấu trừ từng khoản. Hãy khai báo các khoản này trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16, hoặc Bảng A (Mẫu 1040-NR), dòng 7.

Danh sách các Khoản khấu trừ

Mỗi khoản sau đây được trình bày chi tiết sau danh sách (trừ những chỗ được nói rõ).

- Tiền trả thêm có thể khấu hao trên trái phiếu dài hạn chịu thuế.
- Tổn thất do tai biến và trộm cắp tài sản tạo ra thu nhập.
- Khấu trừ vượt mức cho tài sản thừa kế hoặc tài sản tín chấp.
- Thuế tài sản thừa kế liên bang trên thu nhập liên quan đến một người quá cố.
- Tiền thua cược đến mức bằng tiền thắng cược.
- Chi phí công việc liên quan đến khuyết tật của người khuyết tật.

- Lỗ do mô hình đầu tư kiểu Ponzi (xem Ấn phẩm 547 để tìm hiểu thêm thông tin).
- Hoàn trả trên \$3.000 theo yêu cầu đòi quyền.
- Khiếu nại phân biệt đối xử bất hợp pháp.
- Khoản đầu tư vào niên kim chưa hoàn vốn.

Tiền trả thêm có thể khấu hao trên công khố phiếu chịu thuế

Nhìn chung, nếu số tiền mà bạn trả cho một trái phiếu dài hạn lớn hơn số tiền gốc ghi trên trái phiếu dài hạn đó, thì phần vượt quá chính là tiền trả thêm cho trái phiếu dài hạn. Bạn có thể chọn trừ dần số tiền trả thêm trên trái phiếu dài hạn chịu thuế đó. Nói chung, việc trừ dần số tiền trả thêm là cách đền bù cho thu nhập từ tiền lãi trên trái phiếu dài hạn đó chứ không phải là một khoản khấu trừ riêng.

Một phần số tiền trả thêm trên một số loại trái phiếu dài hạn có thể là khoản khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040). Để biết thêm thông tin, xem phần *Amortizable Premium on Taxable Bonds (Tiền trả thêm có thể khấu hao trên công khố phiếu chịu thuế)* trong Ấn phẩm 529 và *Bond Premium Amortization (Khấu hao tiền trả thêm cho trái phiếu)* trong chương 3, Ấn phẩm 550, Thu nhập và chi phí đầu tư.

Mất mát do thiệt hại và trộm cắp của tài sản tạo ra thu nhập

Bạn có thể khấu trừ mất mát do thiệt hại hoặc trộm cắp dưới dạng khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16, nếu tài sản bị hư hại hoặc mất cắp là tài sản tạo ra thu nhập (tài sản được giữ để đầu tư như cổ phiếu, trái phiếu trung hạn, trái phiếu dài hạn, vàng, bạc, lô đất trống và tác phẩm nghệ thuật). Trước hết, hãy khai báo mất mát trên Mẫu 4684, Đoàn B. Bạn cũng có thể phải khai mất mát trên Mẫu 4797 nếu được yêu cầu nộp mẫu đó. Để tính khoản khấu trừ của mình, bạn hãy thêm tất cả các mất mát do thiệt hại hoặc trộm cắp từ loại tài sản liên quan trên Mẫu 4684, dòng 32 và 38b, hoặc Mẫu 4797, dòng 18a. Để biết thêm thông tin về mất mát do thiệt hại và trộm cắp, tham khảo Ấn phẩm 547.

Khấu trừ vượt mức cho Di sản hoặc Quỹ tín thác

Thông thường, nếu di sản hoặc quỹ tín thác có một khoản khấu trừ vượt mức do tổng số tiền khấu trừ lớn hơn tổng thu nhập của nó trong năm thuế cuối cùng của di sản hoặc quỹ tín thác, người thụ hưởng có thể khấu trừ các khoản khấu trừ vượt mức, tùy thuộc vào đặc điểm của nó. Các khoản khấu trừ vượt mức giữ nguyên tính chất của chúng như một sự điều chỉnh để đạt được tổng thu nhập đã điều chỉnh trên Bảng 1 (Mẫu 1040), như một khoản không khấu trừ từng khoản được khai báo trên Bảng A (Mẫu 1040) hoặc như một khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp. Để biết thêm thông tin về các khoản khấu trừ vượt mức của di sản hoặc quỹ tín thác, xem Hướng dẫn cho Bảng K-1 (Mẫu 1041) cho Người thụ hưởng nộp Mẫu 1040.

Thuế Di sản Liên bang trên thu nhập liên quan đến một người quá cố

Bạn được khấu trừ thuế di sản liên bang từ thu nhập liên quan đến một người quá cố mà bạn tính vào tổng thu nhập với tư cách người thụ hưởng. Thu nhập liên quan đến người quá cố đó là tổng thu nhập mà người quá cố có thể đã nhận nếu chưa qua đời và chưa được tính hợp thức trong tờ khai thuế

thu nhập cuối cùng của người quá cố. Tham khảo Ấn phẩm 559, Người còn lại, Người thi hành, và Người quản lý, để biết thêm thông tin.

Tiền thua cược đến mức bằng tiền thắng cược

Bạn phải khai báo đầy đủ số tiền thắng cược của mình trong năm trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8b. Bạn khấu trừ số tiền thua cược của mình trong năm trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16. Bạn không được khấu trừ số tiền thua cược lớn hơn thắng cược.



Bạn không được lấy số tiền thắng cược trừ đi số tiền thua cược và khai báo phần chênh lệch. Bạn phải khai báo đủ số tiền thắng dưới dạng thu nhập và khai báo số tiền thua (tối đa bằng số tiền thắng) dưới dạng khấu trừ từng khoản. Vì vậy, hồ sơ của bạn phải thể hiện số tiền thắng và thua cược riêng rẽ.



Nhật ký thắng thua cược. Bạn phải lưu một nhật ký chính xác hoặc sổ ghi chép tương tự về các khoản thắng, thua cược.

Nhật ký của bạn nên có tối thiểu các thông tin sau.

- Ngày và loại khoản tiền hoặc hoạt động thanh toán tiền cụ thể của bạn.
- Tên và địa chỉ hoặc vị trí của cơ sở cá cược.
- Tên của những người khác cùng có mặt với bạn tại cơ sở cá cược.
- Số tiền bạn thắng hoặc thua.

Xem Ấn phẩm 529 để biết thêm thông tin.

Chi phí công việc liên quan đến khuyết tật

Nếu bạn bị khuyết tật thể chất hoặc tinh thần gây hạn chế khả năng nhận việc của bạn hoặc hạn chế về căn bản một hoặc nhiều hoạt động sinh hoạt quan trọng của bạn, như thực hiện các công việc chân tay, đi lại, trò chuyện, hít thở, học tập và lao động, bạn có thể khấu trừ chi phí công việc liên quan đến khuyết tật của mình.

Chi phí công việc liên quan đến khuyết tật là những chi phí kinh doanh cần thiết theo thông lệ cho dịch vụ chăm sóc tận nơi làm việc của bạn hoặc các chi phí khác liên quan đến nơi làm việc và là cần thiết để bạn đủ khả năng lao động.

Người tự kinh doanh. Nếu bạn tự kinh doanh, hãy nhập chi phí công việc liên quan đến khuyết tật trên mẫu thích hợp (Bảng C (Mẫu 1040), Bảng E (Mẫu 1040) hoặc Bảng F (Mẫu 1040)) được sử dụng để khai báo thu nhập và chi phí kinh doanh của bạn.

Hoàn trả theo yêu cầu đòi quyền

Nếu bạn đã phải hoàn trả trên \$3.000 mà bạn đã tính vào thu nhập trong năm trước vì tại thời điểm đó bạn cho rằng mình có quyền làm điều này không hạn chế, thì bạn có thể khấu trừ số tiền mà bạn đã hoàn trả hoặc nhận tín thuế để trừ vào thuế. Xem phần [Hoàn trả](#) ở chương 8 để biết thêm thông tin.

Khiếu nại phân biệt đối xử bất hợp pháp

Đối với phí luật sư và án phí cho các vụ kiện được hòa giải hoặc phán quyết sau ngày 22 tháng 10, 2004, liên quan đến một khiếu nại về hành vi phân biệt đối xử bất hợp pháp, khiếu nại chống lại Chính phủ Hoa Kỳ hoặc khiếu nại đưa ra theo điều 1862(b) (3)(A), Đạo luật An sinh Xã hội, bạn có thể khấu trừ các loại phí này dưới dạng điều chỉnh thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040 hoặc), dòng 24h. Tuy nhiên, số tiền bạn được khấu trừ trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 24h, chỉ giới hạn ở số tiền xét xử hoặc dàn xếp mà bạn tính vào thu nhập cho năm chịu thuế. Xem Ấn phẩm 525, Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế, để biết thêm thông tin.

Khoản đầu tư vào niên kim chưa hoàn vốn

Một người nghỉ hưu đã đóng góp vào chi phí niên kim có thể không tính vào thu nhập một phần của mỗi lần thanh toán nhận được dưới dạng lợi tức miễn thuế từ khoản đầu tư của người nghỉ hưu đó. Nếu người nghỉ hưu qua đời trước khi toàn bộ tiền đầu tư được hoàn vốn và miễn thuế, thì bất cứ số tiền đầu tư chưa hoàn vốn nào cũng được khấu trừ trên tờ khai thuế thu nhập cuối cùng của người nghỉ hưu đó. Xem Ấn phẩm 575, Thu nhập lương hưu và niên kim, để biết thêm thông tin về cách xử lý thuế đối với hưu bổng và niên kim.

Phần Bốn.

Tính thuế của bạn, và Tín thuế có thể hoàn lại và không hoàn lại

Hai chương trong phần này giải thích cách tính thuế của bạn. Các chương này cũng giải thích về các loại tín thuế, không giống như khấu trừ, mà được trừ thẳng vào tiền thuế của bạn và giảm thuế cho bạn từng đô la.

Các bảng liệt kê của Mẫu 1040 và 1040-SR được giải thích trong những chương này là:

- *Bảng 1, Thu nhập bổ sung và điều chỉnh cho thu nhập;*
- *Bảng 2, Thuế bổ sung; và*
- *Bảng 3, Tín thuế và Thanh toán bổ sung.*

13.

Cách tính thuế của bạn

Giới thiệu

Sau khi bạn tính xong thu nhập và các khoản khấu trừ, bước tiếp theo của bạn là tính thuế của bạn. Chương này thảo luận về:

- Các bước thông thường mà bạn thực hiện để tính thuế,
- Một khoản thuế bổ sung mà bạn có thể phải trả được gọi là thuế tối thiểu thay thế (alternative minimum tax, AMT), và
- Những điều kiện bạn phải đáp ứng nếu muốn IRS tính thuế cho bạn.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- ☐ **503** Chi phí chăm sóc Trẻ em và Người phụ thuộc
- ☐ **505** Khấu lưu thuế và Thuế ước tính
- ☐ **525** Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế
- ☐ **531** Khai báo thu nhập tiền boa
- ☐ **550** Thu nhập và chi phí đầu tư
- ☐ **560** Kế hoạch hưu trí cho Doanh nghiệp nhỏ (SEP, SIMPLE và các Chương trình đủ điều kiện)
- ☐ **575** Thu nhập lương hưu và niên kim
- ☐ **596** Tín thuế Thu nhập kiểm được (EITC)
- ☐ **926** Hướng dẫn thuế cho Chủ lao động tại gia
- ☐ **969** Tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe và các Chương trình sức khỏe được ưu đãi thuế khác
- ☐ **970** Lợi ích thuế cho Giáo dục
- ☐ **974** Tín thuế Bảo phí (PTC)

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ☐ **W-2** Báo cáo Tiền lương và thuế
- ☐ **Bảng R (Mẫu 1040)** Tín thuế cho Người cao niên hoặc Người khuyết tật
- ☐ **Bảng SE (Mẫu 1040)** Thuế tự kinh doanh
- ☐ **Bảng 8812 (Mẫu 1040)** Tín thuế cho Trẻ em và Người phụ thuộc khác đủ điều kiện
- ☐ **1116** Tín thuế Nước ngoài
- ☐ **3800** Tín thuế tổng quát cho Doanh nghiệp
- ☐ **4136** Tín thuế cho Thuế Liên bang đã trả cho nhiên liệu
- ☐ **4970** Thuế trên Phân phối tích lũy của Quỹ tín thác
- ☐ **5329** Thuế bổ sung cho các Chương trình đủ điều kiện (kể cả IRA) và các Tài khoản được ưu đãi về thuế khác
- ☐ **5405** Hoàn trả Tín thuế cho Người mua nhà lần đầu
- ☐ **5695** Tín thuế Năng lượng cho nhà ở
- ☐ **5884** Tín thuế Cơ hội việc làm
- ☐ **8396** Tín thuế Tiền lãi trên khoản vay mua nhà
- ☐ **8801** Tín thuế cho Thuế tối thiểu năm trước – Cá nhân, Di sản và Quỹ tín thác
- ☐ **8835** Tín thuế Sản xuất điện tại tạo
- ☐ **8839** Chi phí nhận con nuôi đủ điều kiện
- ☐ **8846** Tín thuế cho Thuế Medicare và An sinh Xã hội của Chủ lao động đã trả trên một số tiền boa của Nhân viên
- ☐ **8853** Archer MSA và Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn
- ☐ **8880** Tín thuế cho Đóng góp tiết kiệm hưu trí đủ điều kiện
- ☐ **8889** Tài khoản tiết kiệm dành cho Sức khỏe (HSA)
- ☐ **8910** Tín thuế Phương tiện động cơ thay thế khác
- ☐ **8912** Tín thuế cho Người có trái phiếu Tín thuế
- ☐ **8936** Tín thuế cho Xe sạch
- ☐ **8959** Thuế Medicare bổ sung

- ☐ **8960** Thuế thu nhập đầu tư ròng – Cá nhân, Di sản và Quỹ tín thác
- ☐ **8962** Tín thuế Bảo phí (PTC)

Tính thuế của bạn

Thuế thu nhập được tính căn cứ trên thu nhập chịu thuế. Sau khi bạn tính thuế thu nhập và AMT, nếu có, hãy trừ đi những tín thuế và cộng thêm mọi khoản thuế khác mà bạn nợ. Kết quả là tổng thuế của bạn. Hãy đối chiếu tổng thuế này với tổng các khoản thanh toán của bạn để xác định xem bạn được hoàn thuế hay phải trả tiền thuế.

Phần này cung cấp đề cương tổng quát về cách tính thuế. Bạn có thể tìm thấy hướng dẫn theo từng bước trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040.

Thuế. Hầu hết người đóng thuế đều sử dụng Bảng Thuế hoặc [Bảng tính Thuế](#) để tính thuế thu nhập của mình. Tuy nhiên, sẽ có các phương pháp đặc biệt nếu thu nhập của bạn có bao gồm bất kỳ khoản nào sau đây.

- Lãi vốn ròng. Xem Ấn phẩm 550.
- Cổ tức đủ điều kiện chịu cùng thuế suất như lãi vốn ròng. Xem Ấn phẩm 550.
- Phân phối một lần. Xem Ấn phẩm 575.
- Thu nhập từ nông nghiệp hoặc ngư nghiệp. Xem Bảng J (Mẫu 1040).
- Thuế đối với một số trẻ em có thu nhập phi lao động. Xem Mẫu 8615.
- Cha mẹ chọn khai báo tiền lãi và thu nhập của trẻ. Xem Mẫu 8814.
- Loại trừ thu nhập kiểm được hoặc nhà ở từ nước ngoài. (Xem Mẫu 2555, Thu nhập kiểm được ở nước ngoài, và Bảng tính thuế cho thu nhập kiểm được ở nước ngoài trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040.)

Tín thuế. Sau khi bạn tính ra thuế thu nhập và bất kỳ [AMT](#) nào của mình (được thảo luận sau), hãy xác định xem bạn có đủ điều kiện nhận tín thuế nào không. Thông tin về khả năng hội đủ điều kiện nhận các tín thuế này sẽ được thảo luận trong các ấn phẩm khác và phần hướng dẫn cho các mẫu của bạn. Các mục sau đây kê ra một số loại tín thuế mà bạn có thể trừ vào khoản thuế của mình và cho biết những nơi bạn có thể tìm thêm thông tin về mỗi loại tín thuế.

- Tín thuế nhận con nuôi. Xem Mẫu 8839.
- Tín thuế phương tiện động cơ thay thế. Xem Mẫu 8910.

- Tín thuế chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc. Xem Ấn phẩm 503.
- Tín thuế trẻ em. Xem Bảng 8812 (Mẫu 1040).
- Tín thuế cho thuế Medicare và an sinh xã hội chủ lao động đã trả trên một số tiền boia của nhân viên. Xem Mẫu 8846.
- Tín thuế cho người có trái phiếu tín thuế. Xem Mẫu 8912.
- Tín thuế giáo dục. Xem Ấn phẩm 970.
- Tín thuế cho người cao niên hoặc người khuyết tật. Xem Bảng R (Mẫu 1040).
- Tín thuế nước ngoài. Xem Mẫu 1116.
- Tín thuế tổng quát cho doanh nghiệp. Xem Mẫu 3800.
- Tín thuế tiền lãi nợ vay mua nhà. Xem Mẫu 8396.
- Tín thuế cho xe sạch. Xem Mẫu 8936.
- Tín thuế bảo phí. Xem Ấn phẩm 974.
- Tín thuế cho thuế tối thiểu của năm trước. Xem Mẫu 8801.
- Tín thuế sản xuất điện tái tạo. Xem Mẫu 8835.
- Tín thuế năng lượng sạch tư gia. Xem Mẫu 5695.
- Tín thuế đóng góp tiết kiệm hưu trí. Xem Mẫu 8880.
- Tín thuế cơ hội việc làm. Xem Mẫu 5884.

Một số tín thuế (như tín thuế thu nhập kiểm được) không được liệt kê ở đây vì các tín thuế này được xem như khoản tiền được thanh toán. Xem phần [Thanh toán](#) ở phần sau.

Các khoản thuế khác. Sau khi bạn trừ đi các khoản tín thuế, hãy xác định xem bạn có còn phải trả loại thuế nào nữa không. Chương này không giải thích các loại thuế khác này. Bạn có thể tìm thấy thông tin đó trong các ấn phẩm khác cũng như hướng dẫn cho mẫu. Xem danh sách sau để biết các loại thuế khác mà bạn có thể cần cộng vào thuế thu nhập của mình.

- Thuế Medicare bổ sung. Xem Mẫu 8959.
- Thuế bổ sung trên tài khoản ABLE. Xem Ấn phẩm 969.
- Thuế bổ sung trên các chương trình Archer MSA và các hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn. Xem Mẫu 8853.
- Thuế bổ sung trên Coverdell ESA. Xem Mẫu 5329
- Thuế bổ sung trên HSA. Xem Mẫu 8889.
- Thuế bổ sung trên thu nhập bạn nhận được từ một kế hoạch thù lao trì hoãn không đủ điều kiện mà không đáp ứng một số yêu cầu nhất định. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040.
- Thuế bổ sung trên các kế hoạch đủ điều kiện và các tài khoản được ưu đãi về thuế khác. Xem Mẫu 5329
- Thuế bổ sung trên kế hoạch hưu trí đủ điều kiện và các tài khoản hưu trí cá nhân. Xem Mẫu 5329
- Thuế bổ sung trên chương trình tiền học đủ điều kiện. Xem Ấn phẩm 970
- Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với khoản bồi thường cổ phiếu nội bộ từ một công ty nước ngoài. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040.
- Thuế việc làm tại gia. Xem Ấn phẩm 926.

- Lãi từ thuế trì hoãn trên thu nhập từ một số giao dịch bán trả góp với giá bán trên \$150.000. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040.
- Lãi từ thuế phải nộp trên thu nhập từng phần thu được do bán một số lô đất thổ cư nhất định và khung thời gian. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040.
- Thuế thu nhập đầu tư ròng. Xem Mẫu 8960.
- Thu hồi tín thuế giáo dục. Xem Ấn phẩm 970
- Thu hồi các loại tín thuế khác. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040.
- Hoàn trả tín thuế cho người mua nhà lần đầu. Xem Mẫu 5405.
- Đoạn 72(m)(5) thuế trên lợi ích vượt mức. Xem Ấn phẩm 560.
- Thuế tự kinh doanh. Xem Bảng SE (Mẫu 1040).
- Thuế Medicare và an sinh xã hội trên tiền boia. Xem Ấn phẩm 531.
- Thuế Medicare và an sinh xã hội trên tiền công. Xem Ấn phẩm 525.
- Thuế trên phân phối tích lũy của quỹ ủy thác. Xem Mẫu 4970.
- Thuế trên thanh toán cho dù vàng. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040.
- Thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu trên bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn. Xem Mẫu W-2.
- Thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu trên tiền boia. Xem Ấn phẩm 531.

Bạn cũng có thể phải trả [AMT](#) (được thảo luận ở phần sau của chương này).

Thanh toán. Sau khi bạn xác định tổng thuế, tính tổng số tiền bạn đã thanh toán cho năm đó. Bao gồm cả các loại tín thuế được coi như khoản thanh toán. Chương này không giải thích các khoản thanh toán và tín thuế này. Bạn có thể tìm thấy thông tin đó trong các ấn phẩm khác cũng như hướng dẫn cho mẫu. Xem danh sách các khoản thanh toán và tín thuế sau đây mà bạn có thể đưa vào tổng số khoản thanh toán của mình.

- Tín thuế cơ hội Mỹ. Xem Ấn phẩm 970
- Tín thuế trẻ em bổ sung. Xem Bảng 8812 (Mẫu 1040).
- Tín thuế cho thuế liên bang đã trả cho nhiên liệu. Xem Mẫu 4136.
- Tín thuế trên lãi vốn chưa phân phối. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040.
- Tín thuế thu nhập kiểm được. Xem Ấn phẩm 596.
- Thuế ước tính đã trả. Xem Ấn phẩm 505
- Khấu lưu thuế an sinh xã hội và RRTA vượt mức. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040.
- Khấu lưu thuế thu nhập liên bang. Xem Ấn phẩm 505
- Tín thuế bảo phí ròng. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 8962 hoặc Hướng dẫn cho Mẫu 1040.
- Tín thuế cho nghỉ bệnh và lý do gia đình đủ điều kiện. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040.
- Thuế đã đóng với gia hạn. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040.

Hoàn thuế hoặc nợ thuế Để xác định xem bạn được hoàn thuế hay phải thực hiện thanh toán, hãy đối chiếu tổng khoản thanh toán với tổng thuế. Nếu bạn được hoàn thuế, xem hướng dẫn cho mẫu để

biết thông tin về cách để ký gửi trực tiếp số tiền đó vào một hoặc nhiều tài khoản của bạn (bao gồm IRA truyền thống, IRA Roth hoặc IRA SEP).

Thuế tối thiểu thay thế (Alternative Minimum Tax, AMT)

Mục này giải thích ngắn gọn về một khoản thuế bổ sung mà bạn có thể phải đóng.

Luật thuế có xử lý đặc biệt với một số loại thu nhập và cho phép khấu trừ và tín thuế đặc biệt với một số loại chi phí. Người đóng thuế hưởng lợi từ sự xử lý đặc biệt này có thể phải đóng ít nhất là số tiền thuế tối thiểu thông qua một loại thuế bổ sung gọi là AMT.

Bạn có thể phải đóng AMT nếu thu nhập chịu thuế của bạn cho các mục đích thuế thông thường khi kết hợp với một số điều chỉnh nhất định và mục ưu đãi về thuế cho kết quả lớn hơn một số tiền nhất định. Xem Mẫu 6251, Thuế Tối Thiểu Thay Thế – Cá Nhân.

Các điều chỉnh và mục ưu đãi về thuế. Loại điều chỉnh thường gặp hơn và mục ưu đãi về thuế gồm có:

- Cộng thêm mức khấu trừ tiêu chuẩn (nếu yêu cầu);
- Cộng thêm mức khấu trừ từng khoản được yêu cầu cho thuế tiểu bang và địa phương và một số tiền lãi;
- Trừ ra mọi khoản hoàn thuế của tiểu bang và địa phương được tính trong tổng thu nhập;
- Thay đổi khấu hao tăng dần của một số tài sản;
- Chênh lệch giữa lợi nhuận hoặc khoản lỗ từ giao dịch bán tài sản được khai báo cho các mục đích thuế thông thường và mục đích tính AMT;
- Cộng thêm thu nhập nhất định từ quyền chọn cổ phiếu ưu đãi;
- Thay đổi về khấu trừ khoản lỗ từ một số hoạt động thụ động;
- Cộng thêm khoản hao hụt nhất định lớn hơn giá gốc đã điều chỉnh của tài sản;
- Cộng phần khấu trừ cho một số chi phí khoan vô hình; và
- Cộng thêm tiền lãi miễn thuế trên một số trái phiếu hoạt động tư nhân.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về AMT, xem Hướng dẫn cho Mẫu 6251.

Thuế do IRS tính

Nếu bạn nộp không muộn hơn hạn chót của tờ khai (không tính gia hạn) – tức ngày 15 tháng 4, 2025 với hầu hết mọi người – bạn có thể để IRS tính thuế cho mình trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Nếu IRS tính thuế cho bạn và bạn đã trả quá nhiều, bạn sẽ được hoàn thuế. Nếu bạn trả chưa đủ, bạn sẽ nhận được hóa đơn cho phần tiền còn thiếu. Để tránh phải trả lãi hoặc tiền phạt do đóng trễ, bạn phải trả hóa đơn trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn hoặc không muộn hơn hạn chót của tờ khai, tùy theo ngày nào muộn hơn.

IRS cũng có thể tính tín thuế dành cho người cao niên hay người bị khuyết tật và tín thuế thu nhập kiếm được cho bạn.

Khi nào IRS không thể tính thuế của bạn. IRS không thể tính thuế cho bạn nếu bất kỳ điều nào sau đây áp dụng.

1. Bạn muốn ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế vào tài khoản thanh toán hoặc tài khoản tiết kiệm.
2. Bạn muốn một phần tiền hoàn thuế được tính vào thuế ước tính 2025 của bạn.
3. Bạn đã có thu nhập trong năm từ những nguồn ngoài tiền công, tiền lương, tiền boa, tiền lãi, cổ tức, phúc lợi an sinh xã hội chịu thuế, bồi thường thất nghiệp, phân phối từ IRA, lương hưu, và niên kim.
4. Thu nhập chịu thuế của bạn từ \$100.000 trở lên.
5. Bạn có khấu trừ từng khoản.
6. Bạn nộp bất kỳ mẫu nào sau đây.
 - a. Mẫu 2555, Thu nhập kiếm được ở nước ngoài.
 - b. Mẫu 4137, Thuế An sinh Xã hội và Medicare trên thu nhập tiền boa không khai báo.
 - c. Mẫu 4970, Thuế trên Phân phối tích lũy của Quỹ tín thác.
 - d. Mẫu 4972, Thuế trên Phân phối một lần.
 - e. Mẫu 6198, Giới hạn rui ro.
 - f. Mẫu 6251, Thuế tối thiểu thay thế – Cá nhân.
 - g. Mẫu 8606, IRA không được khấu trừ.
 - h. Mẫu 8615, Thuế dành cho một số trẻ em có thu nhập phi lao động
 - i. Mẫu 8814, Cha mẹ chọn khai báo Tiền lãi và Cổ tức của con mình.
 - j. Mẫu 8839, Chi phí nhận con nuôi đủ điều kiện.
 - k. Mẫu 8853, Archer MSA và Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn.
 - l. Mẫu 8889, Tài khoản tiết kiệm dành cho Sức khỏe (HSA).
 - m. Mẫu 8919, Thuế An sinh Xã hội và Medicare trên tiền công chưa thu.

Nộp Tờ khai thuế

Sau khi bạn hoàn tất nhập các dòng cho mẫu đơn khai thuế mà bạn nộp, hãy điền tên và địa chỉ của bạn. Nhập số an sinh xã hội của bạn ở phần bỏ trống được cung cấp. Nếu bạn đã lập gia đình, hãy nhập số an sinh xã hội của bạn và vợ/chồng bạn, ngay cả khi vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế. Ký tên và đề ngày trên tờ khai thuế và nhập nghề nghiệp của bạn. Nếu bạn khai thuế chung, cả hai vợ/chồng bạn đều phải ký tên. Nhập số điện thoại ban ngày của bạn trong phần bỏ trống được cung cấp. Việc này có thể giúp đẩy nhanh tốc độ xử lý tờ khai thuế của bạn nếu chúng tôi có thắc mắc có thể giải đáp qua điện thoại. Nếu khai thuế chung, bạn có thể nhập số điện thoại ban ngày của một trong hai vợ/chồng.

Nếu bạn muốn cho phép người khai thuế, một người bạn, một người nhà hoặc bất kỳ người nào khác do bạn chọn để trao đổi về tờ khai thuế 2024 với IRS, hãy đánh dấu chọn “Yes (Có)” vào ô trong

mục “Third Party Designee (Người chỉ định thứ ba)” trên tờ khai thuế của bạn. Ngoài ra, nhập tên, số điện thoại của người được chỉ định và năm chữ số mà người được chỉ định chọn làm mã số nhận diện cá nhân (PIN). Nếu bạn đánh dấu vào ô “Yes (Có)”, bạn và vợ/chồng bạn trong trường hợp khai thuế chung, sẽ cho phép IRS gọi cho người được chỉ định để trả lời mọi câu hỏi có thể phát sinh trong quá trình xử lý tờ khai thuế của bạn.

Điền và đính kèm mọi bảng liệt kê và mẫu được yêu cầu cung cấp trên các dòng mà bạn đã hoàn tất vào bản cứng tờ khai thuế của bạn. Đính kèm một bản của mỗi Mẫu W-2 vào bản cứng tờ khai thuế của bạn. Đính kèm vào bản cứng tờ khai thuế bất kỳ Mẫu 1099-R nào mà bạn đã nhận có thuế khấu lưu trong ô 4.

Gửi tờ khai thuế qua đường bưu điện về Trung tâm phục vụ của Sở Thuế vụ phụ trách khu vực nơi bạn sinh sống. Trong phần hướng dẫn của tờ khai thuế có danh sách địa chỉ các Trung tâm phục vụ.

Các dòng nhập của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR

Nếu bạn muốn IRS tính thuế cho mình. Đọc mẫu 1040 hoặc 1040-SR, từ dòng 1 đến 15, và Bảng 1 (Mẫu 1040), nếu áp dụng. Điền vào các dòng áp dụng cho bạn và đính kèm Bảng 1 (Mẫu 1040), nếu áp dụng. Vui lòng không điền Mẫu 1040 hay 1040-SR, dòng 16 hay 17.

Nếu bạn khai thuế chung, hãy sử dụng phần bỏ trống trên vạch kẻ chấm bên cạnh từ “Adjusted Gross Income (Tổng thu nhập được điều chỉnh)” ở trang đầu tờ khai thuế để trình bày riêng thu nhập chịu thuế của bạn và thu nhập chịu thuế của vợ/chồng bạn.

Đọc Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, từ dòng 19 đến 33, cùng Bảng 2 và 3 (Mẫu 1040), nếu áp dụng. Điền vào các dòng áp dụng cho bạn và đính kèm Bảng 2 và 3 (Mẫu 1040), nếu áp dụng. Vui lòng không điền Mẫu 1040 hay 1040-SR, các dòng 22, 24, 33 hay từ 34 đến 38. Không điền Bảng 2 (Mẫu 1040), dòng 2 hoặc 3. Ngoài ra, vui lòng cũng không điền Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 6d, nếu bạn hoàn thành Bảng R (Mẫu 1040), hoặc Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 27, nếu bạn muốn IRS tính tín thuế trình bày trên các dòng này.

Thanh toán. Nếu bạn có thuế thu nhập liên bang được khấu lưu thể hiện trên Mẫu W-2, ô 2; Mẫu 1099, ô 4; Mẫu W-2G, ô 4; hoặc một mẫu khác (xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040 để biết thêm thông tin) nhập số tiền trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25. Nhập bất kỳ khoản thuế ước tính nào bạn đã thực hiện trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 26.

Tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc. Nếu bạn có thể nhận tín thuế này, hãy hoàn thành Mẫu 2441 và đính kèm mẫu này vào bản cứng tờ khai thuế của bạn. Nhập số tiền tín thuế trên Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 2 và/hoặc dòng 13g, cho cái nào áp dụng. IRS sẽ không tính tín thuế này.

Tín thuế bảo phí rông. Nếu bạn có nhận tín thuế này, hãy hoàn thành Mẫu 8962, Tín Thuế Bảo Phí và đính kèm mẫu này vào tờ khai thuế của bạn. Nhập số tiền tín thuế trên Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 9. IRS sẽ không tính tín thuế này.

Tín thuế dành cho người cao niên hay người bị khuyết tật. Nếu bạn có thể nhận tín thuế này, IRS có thể tính cho bạn. Nhập “CFE” trên dòng bên cạnh Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 6d, và đính kèm Bảng R (Mẫu 1040) vào tờ khai thuế bằng giấy. Trên Bảng R (Mẫu 1040), đánh dấu vào ô trong Phần I cho tu

cách khai thuế và độ tuổi của bạn. Hoàn thành các Phần II và III, dòng 11 và 13, nếu áp dụng.

Tín thuế thu nhập kiếm được. Nếu bạn có thể nhận tín thuế này, IRS có thể tính cho bạn. Nhập chữ “EIC” trên vạch kẻ chấm ở Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 27. Nếu bạn chọn sử dụng lương chiến đấu không chịu thuế khi tính EIC nhập số tiền trên vạch kẻ chấm ở Mẫu 1040 và 1040-SR, dòng 1i

Nếu có trẻ đủ điều kiện, bạn phải điền vào Bảng EIC (Mẫu 1040), Tín thuế Thu nhập kiếm được, và đính kèm bảng này vào tờ khai bằng giấy của bạn. Nếu bạn không cung cấp số an sinh xã hội của trẻ này trên Bảng EIC, dòng 2, tín thuế sẽ bị giảm hoặc không được phép trừ khi trẻ sinh ra và qua đời trong năm 2024.

Nếu tín thuế của bạn cho bất kỳ năm nào sau năm 1996 bị IRS giảm bớt hoặc không cho phép, bạn cũng có thể phải nộp Mẫu 8862 cùng với tờ khai thuế. Để biết chi tiết, xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040.

14.

Tín thuế Trẻ em và Tín thuế cho Người phụ thuộc khác

Quy định mới

Số tiền ACTC được tăng lên. Số tiền ACTC tối đa cho mỗi trẻ đủ điều kiện đã tăng lên \$1.700.

Nhắc nhở

Bảng 8812 (Mẫu 1040). Bảng 8812 (Mẫu 1040) và các hướng dẫn là nguồn duy nhất để tính toán và khai báo tín thuế trẻ em, tín thuế cho người phụ thuộc khác, và tín thuế trẻ em bổ sung. Các hướng dẫn hiện bao gồm tất cả các bảng tính áp dụng để tính các khoản tín thuế này. Kết quả là, Ấn phẩm 972, Tín thuế Trẻ em, sẽ không được sửa đổi. Đối với các phiên bản năm trước của Ấn phẩm 972, truy cập [IRS.gov/Pub972](https://www.irs.gov/pub972) (tiếng Anh).

Các từ viết tắt được sử dụng trong chương này. Các từ viết tắt sau đây sẽ được sử dụng trong chương này khi thích hợp.

- ACTC (additional child tax credit) có nghĩa là tín thuế trẻ em bổ sung.
- ATIN (adoption taxpayer identification number) có nghĩa là mã số thuế cho việc nhận con nuôi.
- CTC (child tax credit) có nghĩa là tín thuế trẻ em.
- ITIN (individual taxpayer identification number) có nghĩa là mã số thuế cá nhân.
- ODC (credit for other dependents) có nghĩa là tín thuế cho người phụ thuộc khác.
- SSN (social security number) có nghĩa là số an sinh xã hội.

- TIN (taxpayer identification number) có nghĩa là mã số thuế. TIN có thể là ATIN, ITIN, hoặc SSN.

Trong chương này có thể có các từ viết tắt khác được sử dụng và các từ này sẽ được định nghĩa nếu cần.

Chậm hoàn thuế cho tờ khai thuế yêu cầu ACTC. IRS chưa thể tiến hành hoàn thuế trước thời điểm giữa tháng 2 năm 2025 cho những tờ khai thuế yêu cầu ACTC. Khung thời gian này áp dụng cho toàn bộ khoản tiền hoàn thuế, thay vì chỉ phần có liên quan đến ACTC.

Giới thiệu

CTC là tín thuế có thể giúp giảm thuế của bạn tới \$2.000 cho mỗi trẻ đủ tiêu chuẩn để bạn nhận tín thuế. Xem phần [Hạn mức của CTC và ODC](#) ở phần sau.

ACTC là tín thuế mà bạn có thể được nhận nếu không thể yêu cầu toàn bộ số tiền CTC.

ODC là tín thuế có thể giúp giảm thuế của bạn tới \$500 cho mỗi người phụ thuộc đủ điều kiện.



Bạn không nên nhầm lẫn CTC và ACTC với tín thuế chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc được trình bày ở Ấn phẩm 503.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ☐ **Bảng 8812 (Mẫu 1040)** Tín thuế cho Trẻ em và Người phụ thuộc khác đủ điều kiện
- ☐ **8862** Thông tin để yêu cầu một số tín thuế sau khi không được phép

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms \(tiếng Anh\)](#).

Yêu cầu về Mã số thuế

Bạn phải có TIN trước ngày đến hạn của tờ khai thuế. Nếu bạn hoặc vợ/chồng của bạn nộp hồ sơ chung, không có SSN hay ITIN được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2024 (tính cả thời gian gia hạn), bạn không thể yêu cầu CTC, ODC hay ACTC trên tờ khai thuế 2024 bản gốc hay bản được điều chỉnh.

Nếu bạn nộp đơn xin cấp ITIN vào hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2024 của bạn (tính cả thời gian gia hạn) và IRS cấp ITIN cho bạn theo đơn đó, IRS sẽ xem như ITIN của bạn được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế.

Mỗi trẻ đủ điều kiện mà bạn sử dụng cho CTC, hoặc ACTC đều phải có SSN bắt buộc. Nếu bạn có trẻ đủ điều kiện nhưng chưa có SSN bắt buộc, bạn không được dùng trẻ này để yêu cầu CTC, hay ACTC trên tờ khai thuế 2024 bản gốc hay bản được điều chỉnh. SSN bắt buộc là số hợp lệ để đi làm và được cấp trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2024 của bạn (tính cả thời gian gia hạn).

Nếu trẻ đủ điều kiện của bạn được sinh ra và qua đời vào năm 2024 và bạn không có SSN cho đứa trẻ, hãy đính kèm bản sao giấy khai sinh, giấy chứng tử, hoặc hồ sơ bệnh viện của đứa trẻ. Tài liệu phải cho thấy đứa trẻ được sinh ra còn sống.

Nếu trẻ đủ điều kiện của bạn không có SSN bắt buộc nhưng có loại TIN khác được cấp vào hoặc

trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2024 của bạn (tính cả thời gian gia hạn), thì bạn có thể yêu cầu ODC tương ứng với trẻ đó. Xem phần [Tín thuế cho Người phụ thuộc khác \(ODC\)](#) ở phần sau.

Mỗi người phụ thuộc mà bạn dùng cho ODC phải có một TIN trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế của bạn. Nếu bạn có một người phụ thuộc không có SSN, ITIN hay ATIN được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2024 (tính cả thời gian gia hạn), thì bạn không thể dùng người phụ thuộc đó để yêu cầu ODC trên tờ khai thuế 2024 bản gốc hay bản được điều chỉnh của mình.

Nếu bạn nộp đơn xin cấp ITIN hoặc ATIN cho người phụ thuộc vào hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2024 của bạn (tính cả thời gian gia hạn) và IRS cấp ITIN hoặc ATIN theo đơn đó, thì IRS sẽ xem ITIN hoặc ATIN đó là được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế của bạn.

Yêu cầu không hợp lệ

Nếu bạn yêu cầu CTC, ACTC hoặc ODC và có sai sót, và sau này được xác định rằng sai sót đó là do coi thường hoặc cố tình không tuân thủ quy định của CTC, ACTC, hoặc ODC thì bạn sẽ không được phép yêu cầu bất kỳ loại tín thuế nào trong số này trong vòng 2 năm. Nếu sai sót được xác định là do gian lận, bạn sẽ không được phép yêu cầu bất kỳ loại tín thuế nào trong số này trong 10 năm. Bạn cũng có thể phải trả tiền phạt. Xem *How to appeal the disallowance period (Cách để kháng cáo khoản thời gian không cho phép)* trong Hướng dẫn cho Mẫu 8862, để biết thêm thông tin về những việc cần làm nếu bạn không đồng ý với quyết định của chúng tôi rằng bạn không thể yêu cầu tín thuế trong 2 hoặc 10 năm.

Có thể yêu cầu nộp Mẫu 8862. Nếu CTC của bạn (được hoàn lại hoặc không được hoàn lại tùy theo năm thuế), ACTC, hoặc ODC của bạn cho một năm nào đó sau năm 2015 đã bị từ chối hoặc giảm vì bất cứ lý do nào ngoài lỗi đánh máy hoặc toán học, bạn phải gửi kèm Mẫu 8862 trong tờ khai thuế để yêu cầu CTC, ACTC hoặc ODC, trừ khi có áp dụng ngoại lệ. Xem Mẫu 8862 và hướng dẫn cho mẫu này để biết thêm thông tin cũng như để biết có áp dụng ngoại lệ không.

Tín thuế Trẻ em (CTC)

CTC dành cho những cá nhân yêu cầu trẻ em là người phụ thuộc nếu trẻ đó đáp ứng các điều kiện bổ sung (được mô tả ở phần sau).

Ghi chú. Tín thuế này khác với và bổ sung cho tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc cũng như tín thuế thu nhập kiếm được mà bạn cũng có thể đủ điều kiện yêu cầu.

Số tiền tối đa bạn có thể yêu cầu cho tín thuế là \$2.000 cho mỗi trẻ đủ điều kiện là cơ sở để bạn nhận CTC. Nhưng vui lòng xem [Hạn mức của CTC và ODC](#) ở phần sau.

Để biết thêm thông tin về yêu cầu CTC, xem phần [Yêu cầu CTC và ODC](#) ở phần sau.

Trẻ đủ điều kiện cho CTC

Trẻ đủ điều kiện để bạn nhận CTC nếu trẻ đáp ứng tất cả các hoàn cảnh sau đây.

1. Trẻ là con trai, con gái, con riêng của vợ hay của chồng, con nuôi, anh/em trai, chị/em gái,

anh/em trai hoặc chị/em gái là con riêng của mẹ kế/cha dượng, anh/em trai hoặc chị/em gái cùng cha khác mẹ hoặc con cháu của bất kỳ người nào trong số những người này (ví dụ như cháu ruột, cháu trai hoặc cháu gái).

2. Trẻ dưới 17 tuổi tại thời điểm cuối năm 2024.
3. Trẻ không tự cung cấp được trên một nửa hỗ trợ cho năm 2024.
4. Trẻ sống cùng bạn hơn nửa năm 2024 (tham khảo phần [Ngoại lệ về thời gian sống cùng bạn](#) ở phần sau).
5. Trẻ được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của bạn. Xem [chương 3](#) để biết thêm thông tin về việc khai người khác làm người phụ thuộc.
6. Trẻ không nộp tờ khai thuế chung trong năm đó (hoặc chỉ khai để yêu cầu hoàn phần thuế thu nhập bị khấu lưu hoặc thuế ước tính đã đóng).
7. Trẻ là công dân Hoa Kỳ, quốc dân Hoa Kỳ, hoặc người nước ngoài thường trú của Hoa Kỳ. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 519. Nếu trẻ được nhận nuôi, xem [Trẻ được nhận nuôi](#) ở phần sau.

Ví dụ. Trẻ của bạn bước sang tuổi 17 vào ngày 30 tháng 12, 2024, và là công dân Hoa Kỳ và được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của bạn. Bạn không thể dùng trẻ để yêu cầu CTC hoặc ACTC vì trẻ không **dưới** 17 tuổi vào thời điểm cuối năm 2024.



Nếu vào thời điểm cuối năm 2024, trẻ của bạn 17 tuổi trở lên, xem [Tín thuế cho Người phụ thuộc khác \(ODC\)](#) ở phần sau.

Con nuôi. Con nuôi luôn được coi như con ruột của bạn. Trẻ được nhận nuôi bao gồm trẻ được giao cho bạn nuôi dưỡng hợp pháp theo pháp luật.

Nếu bạn là công dân Hoa Kỳ hoặc quốc dân Hoa Kỳ và con nuôi của bạn sống cùng bạn trọn năm như một thành viên trong hộ gia đình của bạn trong năm 2024, thì trẻ đó đáp ứng điều kiện 7 ở phần trước để trở thành trẻ đủ điều kiện tính tín thuế trẻ em (hoặc điều kiện 3 ở phần sau để là người đủ điều kiện tính ODC).

Ngoại lệ về thời gian sống cùng bạn. Trẻ được xem là đã sống cùng bạn hơn nửa năm trong năm 2024 nếu trẻ sinh ra hoặc qua đời vào năm 2024 và nhà bạn chính là nơi ở của trẻ này trong hơn nửa quãng thời gian trẻ còn sống. Khoảng thời gian mà bạn hoặc trẻ vắng mặt tạm thời vì các tình huống đặc biệt, chẳng hạn như đi học, đi nghỉ, công tác, chăm sóc y tế, nghĩa vụ quân sự hoặc giam giữ trong cơ sở dành cho trẻ vị thành niên được tính là thời gian trẻ sống cùng bạn.

Ngoài ra cũng có các ngoại lệ đối với trẻ bị bắt cóc hoặc con em có cha mẹ ly hôn hoặc ly thân. Để biết chi tiết, xem [Thủ tục tình trạng cư trú](#) ở chương 3.

Trẻ đủ điều kiện của nhiều hơn một người. Một quy định đặc biệt sẽ được áp dụng nếu trẻ đủ điều kiện của bạn là trẻ đủ điều kiện của nhiều hơn một người. Để biết chi tiết, xem [Trẻ đủ điều kiện của nhiều hơn một người](#) ở chương 3.

SSN bắt buộc

Ngoài việc là trẻ đủ điều kiện cho CTC, trẻ của bạn phải có SSN bắt buộc. SSN bắt buộc là số hợp lệ để

đi làm và do Sở An sinh Xã hội (SSA) cấp trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2024 của bạn (tính cả thời gian gia hạn).

TIP Nếu trẻ đủ điều kiện của bạn không có SSN bắt buộc, vui lòng tham khảo phần [Tín thuế cho Người phụ thuộc khác \(ODC\)](#) ở phần sau.

Nếu trẻ của bạn là công dân Mỹ ở thời điểm nhận SSN, thì SSN đó hợp lệ để đi làm. Nếu trên thẻ an sinh xã hội của trẻ có in dòng “Not Valid for Employment (Không Được Phép Đi Làm)” và tình trạng đi trú của trẻ đã thay đổi và hiện tại trẻ là công dân hoặc thường trú nhân tại Hoa Kỳ, hãy đề nghị SSA cấp thẻ an sinh xã hội mới và không có dòng ghi chú trên. Tuy nhiên, nếu trên thẻ an sinh xã hội của trẻ có in dòng “Valid for Work Only With DHS Authorization (Chỉ Được Phép Đi Làm Khi Được DHS Cho Phép)” thì con em bạn có SSN bắt buộc khi sự cho phép của Bộ An ninh Nội địa (DHS, Department of Homeland Security) còn hợp lệ.

Nếu trẻ chưa có SSN bắt buộc, bạn không được dùng trẻ này để yêu cầu CTC hoặc ACTC trên tờ khai thuế 2024 bản gốc hay bản được điều chỉnh.

Tín thuế cho Người phụ thuộc khác (ODC)

Tín thuế này áp dụng cho các cá nhân có người phụ thuộc đáp ứng các điều kiện bổ sung (mô tả sau).

Ghi chú. Tín thuế này khác với và bổ sung cho tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc mà bạn cũng có thể đủ điều kiện yêu cầu.

Số tiền tối đa bạn có thể yêu cầu cho tín thuế này là \$500 cho mỗi người phụ thuộc đủ tiêu chuẩn. Xem phần [Hạn mức CTC và ODC](#) ở phần sau.

Để biết thêm thông tin về yêu cầu ODC, xem phần [Yêu cầu CTC và ODC](#) ở phần sau.

Người đủ điều kiện cho ODC

Một người đủ điều kiện để bạn nhận ODC nếu người đó đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây.

- Người đó được kê khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của bạn. Xem [chương 3](#) để biết thêm thông tin về việc khai người khác làm người phụ thuộc.
- Bạn không thể dùng người này làm cơ sở yêu cầu CTC hoặc ACTC. Xem phần [Tín thuế Trẻ em \(CTC\)](#) ở trước.

- Người đó là công dân Hoa Kỳ, quốc dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú của Hoa Kỳ. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 519. Nếu người đó là con nuôi của bạn, vui lòng xem phần [Trẻ được nhận nuôi](#) ở trước.

Ví dụ. Con của anh chị em bạn 10 tuổi sống tại Mexico và đủ điều kiện làm người phụ thuộc của bạn. Đứa trẻ không phải là công dân Hoa Kỳ, quốc dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú của Hoa Kỳ. Bạn không thể dùng người phụ thuộc này để yêu cầu ODC.

CAUTION Bạn không thể dùng cùng một trẻ để yêu cầu CTC, ACTC, và ODC.

TIN được cấp đúng thời hạn

Ngoài việc là người đủ điều kiện cho ODC, người đó phải có SSN, ITIN hoặc ATIN được cấp cho người phụ thuộc vào hoặc trước ngày đến hạn khai thuế 2024 của bạn (tính cả thời gian gia hạn). Nếu tính đến ngày đó mà người này chưa được cấp SSN, ITIN hay ATIN thì bạn không thể dùng người này yêu cầu ODC trên tờ khai thuế gốc năm 2024 hoặc tờ khai được điều chỉnh được. Để biết thêm thông tin, xem [Yêu cầu về Mã số thuế](#) ở phần trước.

Hạn mức của CTC và ODC

Số tiền tín thuế cho CTC hoặc ODC của bạn có thể giảm nếu tổng thu nhập được điều chỉnh (AGI) đã sửa đổi của bạn nhiều hơn số tiền hiển thị ở phần dưới đây cho tư cách khai thuế của bạn. .

- Vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế — \$400.000
- Tất cả cá tư cách khác — \$200.000

AGI đã sửa đổi. Cho mục đích của CTC và OCD, AGI đã sửa đổi của bạn là khoản tiền trên dòng 3 của Bảng 8812.

Để biết thêm thông tin về hạn mức của CTC và ODC, xem Hướng dẫn của Bảng 8812 (Mẫu 1040).

Yêu cầu CTC và ODC

Để yêu cầu CTC hoặc ODC, hãy đảm bảo bạn đáp ứng các yêu cầu sau đây.

- Bạn phải nộp Mẫu 1040, 1040-SR, hoặc 1040-NR và điền tên cũng như TIN của từng người phụ thuộc mà bạn yêu cầu CTC hoặc ODC.

- Bạn phải nộp Bảng 8812 (Mẫu 8812).
- Bạn phải nộp Mẫu 8862 nếu áp dụng. Xem phần [Yêu cầu không hợp lệ](#) ở phần trước.
- Bạn phải nhập TIN được cấp đúng thời hạn trên tờ khai thuế cho mình và vợ/chồng của mình (nếu khai thuế chung). Xem phần [Yêu cầu về Mã số thuế](#) ở phần trước.
- Với mỗi trẻ đủ điều kiện dưới 17 tuổi mà bạn yêu cầu CTC, bạn phải nhập SSN bắt buộc cho trẻ trong cột (2) của mục *Dependents (Người phụ thuộc)* trong tờ khai thuế và đánh dấu chọn ô Child tax credit (Tín thuế trẻ em) ở cột (4). Xem phần [Tín thuế Trẻ em \(CTC\)](#) ở trước.
- Với mỗi người phụ thuộc mà bạn yêu cầu ODC, bạn phải nhập TIN được cấp đúng thời hạn cho người phụ thuộc đó trong cột (2) của mục *Dependents (Người phụ thuộc)* trong tờ khai thuế và đánh dấu chọn ô Credit for other dependent (Tín thuế cho người phụ thuộc khác) ở cột (4). Xem phần [Tín thuế cho Người phụ thuộc khác \(ODC\)](#) ở phần sau.

CAUTION Không đánh dấu chọn cả hai ô *Tín thuế trẻ em* và ô *Tín thuế cho người phụ thuộc khác* cho cùng một người.

Tín thuế Trẻ em bổ sung (ACTC)

Tín thuế này áp dụng cho một số cá nhân nhất định nhận được số tiền ít số tiền CTC đầy đủ.

CAUTION Bạn không thể sử dụng OTC để tính ACTC. Chỉ có thể dùng CTC để tính ACTC mà thôi. Nếu bạn không yêu cầu CTC mà yêu cầu ODC, bạn không thể yêu cầu ACTC.

Thu nhập kiểm được ở nước ngoài. Nếu bạn nộp Mẫu 2555 (liên quan đến thu nhập kiểm được ở nước ngoài), bạn không thể yêu cầu ACTC.

Cư dân chân thật của Puerto Rico. Cư dân chân thật của Puerto Rico không còn bắt buộc phải có ba hoặc nhiều hơn trẻ đủ điều kiện để đủ điều kiện yêu cầu ACTC. Xem Bảng 8812 (Form 1040) và hướng dẫn.

Cách yêu cầu ACTC. Để yêu cầu ACTC, xem Bảng 8812 (Mẫu 1040) và hướng dẫn.

Bảng Thuế năm 2024



Xem hướng dẫn cho dòng 16 để xem liệu bạn có phải sử dụng Bảng Thuế bên dưới để tính thuế của mình hay không.

Ví dụ. Một cặp vợ chồng khai chung hồ sơ thuế. Thu nhập chịu thuế của họ trên Mẫu 1040, dòng 15, là \$25.300. Trước tiên, họ tìm dòng thu nhập chịu thuế \$25.300–25.350. Tiếp theo, họ tìm cột cho vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và rà xuống theo cột đó. Số tiền hiện ở nơi giao nhau giữa dòng thu nhập chịu thuế và cột tư cách khai thuế là \$2.575. Đây là số tiền thuế mà họ nên nộp vào phần bố trống cần nhập trên Mẫu 1040, dòng 16.

Sample Table

At Least	But Less Than	Single	Married filing jointly*	Married filing separately	Head of a household
Your tax is—					
25,200	25,250	2,795	2,563	2,795	2,696
25,250	25,300	2,801	2,569	2,801	2,702
25,300	25,350	2,807	2,575	2,807	2,708
25,350	25,400	2,813	2,581	2,813	2,714

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của bạn là-					
0	5	0	0	0	0
5	15	1	1	1	1
15	25	2	2	2	2
25	50	4	4	4	4
50	75	6	6	6	6
75	100	9	9	9	9
100	125	11	11	11	11
125	150	14	14	14	14
150	175	16	16	16	16
175	200	19	19	19	19
200	225	21	21	21	21
225	250	24	24	24	24
250	275	26	26	26	26
275	300	29	29	29	29
300	325	31	31	31	31
325	350	34	34	34	34
350	375	36	36	36	36
375	400	39	39	39	39
400	425	41	41	41	41
425	450	44	44	44	44
450	475	46	46	46	46
475	500	49	49	49	49
500	525	51	51	51	51
525	550	54	54	54	54
550	575	56	56	56	56
575	600	59	59	59	59
600	625	61	61	61	61
625	650	64	64	64	64
650	675	66	66	66	66
675	700	69	69	69	69
700	725	71	71	71	71
725	750	74	74	74	74
750	775	76	76	76	76
775	800	79	79	79	79
800	825	81	81	81	81
825	850	84	84	84	84
850	875	86	86	86	86
875	900	89	89	89	89
900	925	91	91	91	91
925	950	94	94	94	94
950	975	96	96	96	96
975	1.000	99	99	99	99

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của bạn là-					
1.000					
1.000	1.025	101	101	101	101
1.025	1.050	104	104	104	104
1.050	1.075	106	106	106	106
1.075	1.100	109	109	109	109
1.100	1.125	111	111	111	111
1.125	1.150	114	114	114	114
1.150	1.175	116	116	116	116
1.175	1.200	119	119	119	119
1.200	1.225	121	121	121	121
1.225	1.250	124	124	124	124
1.250	1.275	126	126	126	126
1.275	1.300	129	129	129	129
1.300	1.325	131	131	131	131
1.325	1.350	134	134	134	134
1.350	1.375	136	136	136	136
1.375	1.400	139	139	139	139
1.400	1.425	141	141	141	141
1.425	1.450	144	144	144	144
1.450	1.475	146	146	146	146
1.475	1.500	149	149	149	149
1.500	1.525	151	151	151	151
1.525	1.550	154	154	154	154
1.550	1.575	156	156	156	156
1.575	1.600	159	159	159	159
1.600	1.625	161	161	161	161
1.625	1.650	164	164	164	164
1.650	1.675	166	166	166	166
1.675	1.700	169	169	169	169
1.700	1.725	171	171	171	171
1.725	1.750	174	174	174	174
1.750	1.775	176	176	176	176
1.775	1.800	179	179	179	179
1.800	1.825	181	181	181	181
1.825	1.850	184	184	184	184
1.850	1.875	186	186	186	186
1.875	1.900	189	189	189	189
1.900	1.925	191	191	191	191
1.925	1.950	194	194	194	194
1.950	1.975	196	196	196	196
1.975	2.000	199	199	199	199

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của bạn là-					
2.000					
2.000	2.025	201	201	201	201
2.025	2.050	204	204	204	204
2.050	2.075	206	206	206	206
2.075	2.100	209	209	209	209
2.100	2.125	211	211	211	211
2.125	2.150	214	214	214	214
2.150	2.175	216	216	216	216
2.175	2.200	219	219	219	219
2.200	2.225	221	221	221	221
2.225	2.250	224	224	224	224
2.250	2.275	226	226	226	226
2.275	2.300	229	229	229	229
2.300	2.325	231	231	231	231
2.325	2.350	234	234	234	234
2.350	2.375	236	236	236	236
2.375	2.400	239	239	239	239
2.400	2.425	241	241	241	241
2.425	2.450	244	244	244	244
2.450	2.475	246	246	246	246
2.475	2.500	249	249	249	249
2.500	2.525	251	251	251	251
2.525	2.550	254	254	254	254
2.550	2.575	256	256	256	256
2.575	2.600	259	259	259	259
2.600	2.625	261	261	261	261
2.625	2.650	264	264	264	264
2.650	2.675	266	266	266	266
2.675	2.700	269	269	269	269
2.700	2.725	271	271	271	271
2.725	2.750	274	274	274	274
2.750	2.775	276	276	276	276
2.775	2.800	279	279	279	279
2.800	2.825	281	281	281	281
2.825	2.850	284	284	284	284
2.850	2.875	286	286	286	286
2.875	2.900	289	289	289	289
2.900	2.925	291	291	291	291
2.925	2.950	294	294	294	294
2.950	2.975	296	296	296	296
2.975	3.000	299	299	299	299

(Tiếp tục)

* Cột này cũng phải được sử dụng bởi người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện.

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-					
3.000						6.000						9.000					
3.000	3.050	303	303	303	303	6.000	6.050	603	603	603	603	9.000	9.050	903	903	903	903
3.050	3.100	308	308	308	308	6.050	6.100	608	608	608	608	9.050	9.100	908	908	908	908
3.100	3.150	313	313	313	313	6.100	6.150	613	613	613	613	9.100	9.150	913	913	913	913
3.150	3.200	318	318	318	318	6.150	6.200	618	618	618	618	9.150	9.200	918	918	918	918
3.200	3.250	323	323	323	323	6.200	6.250	623	623	623	623	9.200	9.250	923	923	923	923
3.250	3.300	328	328	328	328	6.250	6.300	628	628	628	628	9.250	9.300	928	928	928	928
3.300	3.350	333	333	333	333	6.300	6.350	633	633	633	633	9.300	9.350	933	933	933	933
3.350	3.400	338	338	338	338	6.350	6.400	638	638	638	638	9.350	9.400	938	938	938	938
3.400	3.450	343	343	343	343	6.400	6.450	643	643	643	643	9.400	9.450	943	943	943	943
3.450	3.500	348	348	348	348	6.450	6.500	648	648	648	648	9.450	9.500	948	948	948	948
3.500	3.550	353	353	353	353	6.500	6.550	653	653	653	653	9.500	9.550	953	953	953	953
3.550	3.600	358	358	358	358	6.550	6.600	658	658	658	658	9.550	9.600	958	958	958	958
3.600	3.650	363	363	363	363	6.600	6.650	663	663	663	663	9.600	9.650	963	963	963	963
3.650	3.700	368	368	368	368	6.650	6.700	668	668	668	668	9.650	9.700	968	968	968	968
3.700	3.750	373	373	373	373	6.700	6.750	673	673	673	673	9.700	9.750	973	973	973	973
3.750	3.800	378	378	378	378	6.750	6.800	678	678	678	678	9.750	9.800	978	978	978	978
3.800	3.850	383	383	383	383	6.800	6.850	683	683	683	683	9.800	9.850	983	983	983	983
3.850	3.900	388	388	388	388	6.850	6.900	688	688	688	688	9.850	9.900	988	988	988	988
3.900	3.950	393	393	393	393	6.900	6.950	693	693	693	693	9.900	9.950	993	993	993	993
3.950	4.000	398	398	398	398	6.950	7.000	698	698	698	698	9.950	10.000	998	998	998	998
4.000						7.000						10.000					
4.000	4.050	403	403	403	403	7.000	7.050	703	703	703	703	10.000	10.050	1.003	1.003	1.003	1.003
4.050	4.100	408	408	408	408	7.050	7.100	708	708	708	708	10.050	10.100	1.008	1.008	1.008	1.008
4.100	4.150	413	413	413	413	7.100	7.150	713	713	713	713	10.100	10.150	1.013	1.013	1.013	1.013
4.150	4.200	418	418	418	418	7.150	7.200	718	718	718	718	10.150	10.200	1.018	1.018	1.018	1.018
4.200	4.250	423	423	423	423	7.200	7.250	723	723	723	723	10.200	10.250	1.023	1.023	1.023	1.023
4.250	4.300	428	428	428	428	7.250	7.300	728	728	728	728	10.250	10.300	1.028	1.028	1.028	1.028
4.300	4.350	433	433	433	433	7.300	7.350	733	733	733	733	10.300	10.350	1.033	1.033	1.033	1.033
4.350	4.400	438	438	438	438	7.350	7.400	738	738	738	738	10.350	10.400	1.038	1.038	1.038	1.038
4.400	4.450	443	443	443	443	7.400	7.450	743	743	743	743	10.400	10.450	1.043	1.043	1.043	1.043
4.450	4.500	448	448	448	448	7.450	7.500	748	748	748	748	10.450	10.500	1.048	1.048	1.048	1.048
4.500	4.550	453	453	453	453	7.500	7.550	753	753	753	753	10.500	10.550	1.053	1.053	1.053	1.053
4.550	4.600	458	458	458	458	7.550	7.600	758	758	758	758	10.550	10.600	1.058	1.058	1.058	1.058
4.600	4.650	463	463	463	463	7.600	7.650	763	763	763	763	10.600	10.650	1.063	1.063	1.063	1.063
4.650	4.700	468	468	468	468	7.650	7.700	768	768	768	768	10.650	10.700	1.068	1.068	1.068	1.068
4.700	4.750	473	473	473	473	7.700	7.750	773	773	773	773	10.700	10.750	1.073	1.073	1.073	1.073
4.750	4.800	478	478	478	478	7.750	7.800	778	778	778	778	10.750	10.800	1.078	1.078	1.078	1.078
4.800	4.850	483	483	483	483	7.800	7.850	783	783	783	783	10.800	10.850	1.083	1.083	1.083	1.083
4.850	4.900	488	488	488	488	7.850	7.900	788	788	788	788	10.850	10.900	1.088	1.088	1.088	1.088
4.900	4.950	493	493	493	493	7.900	7.950	793	793	793	793	10.900	10.950	1.093	1.093	1.093	1.093
4.950	5.000	498	498	498	498	7.950	8.000	798	798	798	798	10.950	11.000	1.098	1.098	1.098	1.098
5.000						8.000						11.000					
5.000	5.050	503	503	503	503	8.000	8.050	803	803	803	803	11.000	11.050	1.103	1.103	1.103	1.103
5.050	5.100	508	508	508	508	8.050	8.100	808	808	808	808	11.050	11.100	1.108	1.108	1.108	1.108
5.100	5.150	513	513	513	513	8.100	8.150	813	813	813	813	11.100	11.150	1.113	1.113	1.113	1.113
5.150	5.200	518	518	518	518	8.150	8.200	818	818	818	818	11.150	11.200	1.118	1.118	1.118	1.118
5.200	5.250	523	523	523	523	8.200	8.250	823	823	823	823	11.200	11.250	1.123	1.123	1.123	1.123
5.250	5.300	528	528	528	528	8.250	8.300	828	828	828	828	11.250	11.300	1.128	1.128	1.128	1.128
5.300	5.350	533	533	533	533	8.300	8.350	833	833	833	833	11.300	11.350	1.133	1.133	1.133	1.133
5.350	5.400	538	538	538	538	8.350	8.400	838	838	838	838	11.350	11.400	1.138	1.138	1.138	1.138
5.400	5.450	543	543	543	543	8.400	8.450	843	843	843	843	11.400	11.450	1.143	1.143	1.143	1.143
5.450	5.500	548	548	548	548	8.450	8.500	848	848	848	848	11.450	11.500	1.148	1.148	1.148	1.148
5.500	5.550	553	553	553	553	8.500	8.550	853	853	853	853	11.500	11.550	1.153	1.153	1.153	1.153
5.550	5.600	558	558	558	558	8.550	8.600	858	858	858	858	11.550	11.600	1.158	1.158	1.158	1.158
5.600	5.650	563	563	563	563	8.600	8.650	863	863	863	863	11.600	11.650	1.163	1.163	1.163	1.163
5.650	5.700	568	568	568	568	8.650	8.700	868	868	868	868	11.650	11.700	1.168	1.168	1.168	1.168
5.700	5.750	573	573	573	573	8.700	8.750	873	873	873	873	11.700	11.750	1.173	1.173	1.173	1.173
5.750	5.800	578	578	578	578	8.750	8.800	878	878	878	878	11.750	11.800	1.181	1.178	1.181	1.178
5.800	5.850	583	583	583	583	8.800	8.850	883	883	883	883	11.800	11.850	1.187	1.183	1.187	1.183
5.850	5.900	588	588	588	588	8.850	8.900	888	888	888	888	11.850	11.900	1.193	1.188	1.193	1.188
5.900	5.950	593	593	593	593	8.900	8.950	893	893	893	893	11.900	11.950	1.199	1.193	1.199	1.193
5.950	6.000	598	598	598	598	8.950	9.000	898	898	898	898	11.950	12.000	1.205	1.198	1.205	1.198

* Cột này cũng phải được sử dụng bởi người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện.

(Tiếp tục)

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-					
12.000						15.000						18.000					
12.000	12.050	1.211	1.203	1.211	1.203	15.000	15.050	1.571	1.503	1.571	1.503	18.000	18.050	1.931	1.803	1.931	1.832
12.050	12.100	1.217	1.208	1.217	1.208	15.050	15.100	1.577	1.508	1.577	1.508	18.050	18.100	1.937	1.808	1.937	1.838
12.100	12.150	1.223	1.213	1.223	1.213	15.100	15.150	1.583	1.513	1.583	1.513	18.100	18.150	1.943	1.813	1.943	1.844
12.150	12.200	1.229	1.218	1.229	1.218	15.150	15.200	1.589	1.518	1.589	1.518	18.150	18.200	1.949	1.818	1.949	1.850
12.200	12.250	1.235	1.223	1.235	1.223	15.200	15.250	1.595	1.523	1.595	1.523	18.200	18.250	1.955	1.823	1.955	1.856
12.250	12.300	1.241	1.228	1.241	1.228	15.250	15.300	1.601	1.528	1.601	1.528	18.250	18.300	1.961	1.828	1.961	1.862
12.300	12.350	1.247	1.233	1.247	1.233	15.300	15.350	1.607	1.533	1.607	1.533	18.300	18.350	1.967	1.833	1.967	1.868
12.350	12.400	1.253	1.238	1.253	1.238	15.350	15.400	1.613	1.538	1.613	1.538	18.350	18.400	1.973	1.838	1.973	1.874
12.400	12.450	1.259	1.243	1.259	1.243	15.400	15.450	1.619	1.543	1.619	1.543	18.400	18.450	1.979	1.843	1.979	1.880
12.450	12.500	1.265	1.248	1.265	1.248	15.450	15.500	1.625	1.548	1.625	1.548	18.450	18.500	1.985	1.848	1.985	1.886
12.500	12.550	1.271	1.253	1.271	1.253	15.500	15.550	1.631	1.553	1.631	1.553	18.500	18.550	1.991	1.853	1.991	1.892
12.550	12.600	1.277	1.258	1.277	1.258	15.550	15.600	1.637	1.558	1.637	1.558	18.550	18.600	1.997	1.858	1.997	1.898
12.600	12.650	1.283	1.263	1.283	1.263	15.600	15.650	1.643	1.563	1.643	1.563	18.600	18.650	2.003	1.863	2.003	1.904
12.650	12.700	1.289	1.268	1.289	1.268	15.650	15.700	1.649	1.568	1.649	1.568	18.650	18.700	2.009	1.868	2.009	1.910
12.700	12.750	1.295	1.273	1.295	1.273	15.700	15.750	1.655	1.573	1.655	1.573	18.700	18.750	2.015	1.873	2.015	1.916
12.750	12.800	1.301	1.278	1.301	1.278	15.750	15.800	1.661	1.578	1.661	1.578	18.750	18.800	2.021	1.878	2.021	1.922
12.800	12.850	1.307	1.283	1.307	1.283	15.800	15.850	1.667	1.583	1.667	1.583	18.800	18.850	2.027	1.883	2.027	1.928
12.850	12.900	1.313	1.288	1.313	1.288	15.850	15.900	1.673	1.588	1.673	1.588	18.850	18.900	2.033	1.888	2.033	1.934
12.900	12.950	1.319	1.293	1.319	1.293	15.900	15.950	1.679	1.593	1.679	1.593	18.900	18.950	2.039	1.893	2.039	1.940
12.950	13.000	1.325	1.298	1.325	1.298	15.950	16.000	1.685	1.598	1.685	1.598	18.950	19.000	2.045	1.898	2.045	1.946
13.000						16.000						19.000					
13.000	13.050	1.331	1.303	1.331	1.303	16.000	16.050	1.691	1.603	1.691	1.603	19.000	19.050	2.051	1.903	2.051	1.952
13.050	13.100	1.337	1.308	1.337	1.308	16.050	16.100	1.697	1.608	1.697	1.608	19.050	19.100	2.057	1.908	2.057	1.958
13.100	13.150	1.343	1.313	1.343	1.313	16.100	16.150	1.703	1.613	1.703	1.613	19.100	19.150	2.063	1.913	2.063	1.964
13.150	13.200	1.349	1.318	1.349	1.318	16.150	16.200	1.709	1.618	1.709	1.618	19.150	19.200	2.069	1.918	2.069	1.970
13.200	13.250	1.355	1.323	1.355	1.323	16.200	16.250	1.715	1.623	1.715	1.623	19.200	19.250	2.075	1.923	2.075	1.976
13.250	13.300	1.361	1.328	1.361	1.328	16.250	16.300	1.721	1.628	1.721	1.628	19.250	19.300	2.081	1.928	2.081	1.982
13.300	13.350	1.367	1.333	1.367	1.333	16.300	16.350	1.727	1.633	1.727	1.633	19.300	19.350	2.087	1.933	2.087	1.988
13.350	13.400	1.373	1.338	1.373	1.338	16.350	16.400	1.733	1.638	1.733	1.638	19.350	19.400	2.093	1.938	2.093	1.994
13.400	13.450	1.379	1.343	1.379	1.343	16.400	16.450	1.739	1.643	1.739	1.643	19.400	19.450	2.099	1.943	2.099	2.000
13.450	13.500	1.385	1.348	1.385	1.348	16.450	16.500	1.745	1.648	1.745	1.648	19.450	19.500	2.105	1.948	2.105	2.006
13.500	13.550	1.391	1.353	1.391	1.353	16.500	16.550	1.751	1.653	1.751	1.653	19.500	19.550	2.111	1.953	2.111	2.012
13.550	13.600	1.397	1.358	1.397	1.358	16.550	16.600	1.757	1.658	1.757	1.658	19.550	19.600	2.117	1.958	2.117	2.018
13.600	13.650	1.403	1.363	1.403	1.363	16.600	16.650	1.763	1.663	1.763	1.664	19.600	19.650	2.123	1.963	2.123	2.024
13.650	13.700	1.409	1.368	1.409	1.368	16.650	16.700	1.769	1.668	1.769	1.670	19.650	19.700	2.129	1.968	2.129	2.030
13.700	13.750	1.415	1.373	1.415	1.373	16.700	16.750	1.775	1.673	1.775	1.676	19.700	19.750	2.135	1.973	2.135	2.036
13.750	13.800	1.421	1.378	1.421	1.378	16.750	16.800	1.781	1.678	1.781	1.682	19.750	19.800	2.141	1.978	2.141	2.042
13.800	13.850	1.427	1.383	1.427	1.383	16.800	16.850	1.787	1.683	1.787	1.688	19.800	19.850	2.147	1.983	2.147	2.048
13.850	13.900	1.433	1.388	1.433	1.388	16.850	16.900	1.793	1.688	1.793	1.694	19.850	19.900	2.153	1.988	2.153	2.054
13.900	13.950	1.439	1.393	1.439	1.393	16.900	16.950	1.799	1.693	1.799	1.700	19.900	19.950	2.159	1.993	2.159	2.060
13.950	14.000	1.445	1.398	1.445	1.398	16.950	17.000	1.805	1.698	1.805	1.706	19.950	20.000	2.165	1.998	2.165	2.066
14.000						17.000						20.000					
14.000	14.050	1.451	1.403	1.451	1.403	17.000	17.050	1.811	1.703	1.811	1.712	20.000	20.050	2.171	2.003	2.171	2.072
14.050	14.100	1.457	1.408	1.457	1.408	17.050	17.100	1.817	1.708	1.817	1.718	20.050	20.100	2.177	2.008	2.177	2.078
14.100	14.150	1.463	1.413	1.463	1.413	17.100	17.150	1.823	1.713	1.823	1.724	20.100	20.150	2.183	2.013	2.183	2.084
14.150	14.200	1.469	1.418	1.469	1.418	17.150	17.200	1.829	1.718	1.829	1.730	20.150	20.200	2.189	2.018	2.189	2.090
14.200	14.250	1.475	1.423	1.475	1.423	17.200	17.250	1.835	1.723	1.835	1.736	20.200	20.250	2.195	2.023	2.195	2.096
14.250	14.300	1.481	1.428	1.481	1.428	17.250	17.300	1.841	1.728	1.841	1.742	20.250	20.300	2.201	2.028	2.201	2.102
14.300	14.350	1.487	1.433	1.487	1.433	17.300	17.350	1.847	1.733	1.847	1.748	20.300	20.350	2.207	2.033	2.207	2.108
14.350	14.400	1.493	1.438	1.493	1.438	17.350	17.400	1.853	1.738	1.853	1.754	20.350	20.400	2.213	2.038	2.213	2.114
14.400	14.450	1.499	1.443	1.499	1.443	17.400	17.450	1.859	1.743	1.859	1.760	20.400	20.450	2.219	2.043	2.219	2.120
14.450	14.500	1.505	1.448	1.505	1.448	17.450	17.500	1.865	1.748	1.865	1.766	20.450	20.500	2.225	2.048	2.225	2.126
14.500	14.550	1.511	1.453	1.511	1.453	17.500	17.550	1.871	1.753	1.871	1.772	20.500	20.550	2.231	2.053	2.231	2.132
14.550	14.600	1.517	1.458	1.517	1.458	17.550	17.600	1.877	1.758	1.877	1.778	20.550	20.600	2.237	2.058	2.237	2.138
14.600	14.650	1.523	1.463	1.523	1.463	17.600	17.650	1.883	1.763	1.883	1.784	20.600	20.650	2			

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –																				
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình															
Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-																				
21.000						24.000						27.000																				
21.000	21.050	2.291	2.103	2.291	2.192	24.000	24.050	2.651	2.419	2.651	2.552	27.000	27.050	3.011	2.779	3.011	2.912															
21.050	21.100	2.297	2.108	2.297	2.198	24.050	24.100	2.657	2.425	2.657	2.558	27.050	27.100	3.017	2.785	3.017	2.918															
21.100	21.150	2.303	2.113	2.303	2.204	24.100	24.150	2.663	2.431	2.663	2.564	27.100	27.150	3.023	2.791	3.023	2.924															
21.150	21.200	2.309	2.118	2.309	2.210	24.150	24.200	2.669	2.437	2.669	2.570	27.150	27.200	3.029	2.797	3.029	2.930															
21.200	21.250	2.315	2.123	2.315	2.216	24.200	24.250	2.675	2.443	2.675	2.576	27.200	27.250	3.035	2.803	3.035	2.936															
21.250	21.300	2.321	2.128	2.321	2.222	24.250	24.300	2.681	2.449	2.681	2.582	27.250	27.300	3.041	2.809	3.041	2.942															
21.300	21.350	2.327	2.133	2.327	2.228	24.300	24.350	2.687	2.455	2.687	2.588	27.300	27.350	3.047	2.815	3.047	2.948															
21.350	21.400	2.333	2.138	2.333	2.234	24.350	24.400	2.693	2.461	2.693	2.594	27.350	27.400	3.053	2.821	3.053	2.954															
21.400	21.450	2.339	2.143	2.339	2.240	24.400	24.450	2.699	2.467	2.699	2.600	27.400	27.450	3.059	2.827	3.059	2.960															
21.450	21.500	2.345	2.148	2.345	2.246	24.450	24.500	2.705	2.473	2.705	2.606	27.450	27.500	3.065	2.833	3.065	2.966															
21.500	21.550	2.351	2.153	2.351	2.252	24.500	24.550	2.711	2.479	2.711	2.612	27.500	27.550	3.071	2.839	3.071	2.972															
21.550	21.600	2.357	2.158	2.357	2.258	24.550	24.600	2.717	2.485	2.717	2.618	27.550	27.600	3.077	2.845	3.077	2.978															
21.600	21.650	2.363	2.163	2.363	2.264	24.600	24.650	2.723	2.491	2.723	2.624	27.600	27.650	3.083	2.851	3.083	2.984															
21.650	21.700	2.369	2.168	2.369	2.270	24.650	24.700	2.729	2.497	2.729	2.630	27.650	27.700	3.089	2.857	3.089	2.990															
21.700	21.750	2.375	2.173	2.375	2.276	24.700	24.750	2.735	2.503	2.735	2.636	27.700	27.750	3.095	2.863	3.095	2.996															
21.750	21.800	2.381	2.178	2.381	2.282	24.750	24.800	2.741	2.509	2.741	2.642	27.750	27.800	3.101	2.869	3.101	3.002															
21.800	21.850	2.387	2.183	2.387	2.288	24.800	24.850	2.747	2.515	2.747	2.648	27.800	27.850	3.107	2.875	3.107	3.008															
21.850	21.900	2.393	2.188	2.393	2.294	24.850	24.900	2.753	2.521	2.753	2.654	27.850	27.900	3.113	2.881	3.113	3.014															
21.900	21.950	2.399	2.193	2.399	2.300	24.900	24.950	2.759	2.527	2.759	2.660	27.900	27.950	3.119	2.887	3.119	3.020															
21.950	22.000	2.405	2.198	2.405	2.306	24.950	25.000	2.765	2.533	2.765	2.666	27.950	28.000	3.125	2.893	3.125	3.026															
22.000						25.000						28.000																				
22.000	22.050	2.411	2.203	2.411	2.312	25.000	25.050	2.771	2.539	2.771	2.672	28.000	28.050	3.131	2.899	3.131	3.032															
22.050	22.100	2.417	2.208	2.417	2.318	25.050	25.100	2.777	2.545	2.777	2.678	28.050	28.100	3.137	2.905	3.137	3.038															
22.100	22.150	2.423	2.213	2.423	2.324	25.100	25.150	2.783	2.551	2.783	2.684	28.100	28.150	3.143	2.911	3.143	3.044															
22.150	22.200	2.429	2.218	2.429	2.330	25.150	25.200	2.789	2.557	2.789	2.690	28.150	28.200	3.149	2.917	3.149	3.050															
22.200	22.250	2.435	2.223	2.435	2.336	25.200	25.250	2.795	2.563	2.795	2.696	28.200	28.250	3.155	2.923	3.155	3.056															
22.250	22.300	2.441	2.228	2.441	2.342	25.250	25.300	2.801	2.569	2.801	2.702	28.250	28.300	3.161	2.929	3.161	3.062															
22.300	22.350	2.447	2.233	2.447	2.348	25.300	25.350	2.807	2.575	2.807	2.708	28.300	28.350	3.167	2.935	3.167	3.068															
22.350	22.400	2.453	2.238	2.453	2.354	25.350	25.400	2.813	2.581	2.813	2.714	28.350	28.400	3.173	2.941	3.173	3.074															
22.400	22.450	2.459	2.243	2.459	2.360	25.400	25.450	2.819	2.587	2.819	2.720	28.400	28.450	3.179	2.947	3.179	3.080															
22.450	22.500	2.465	2.248	2.465	2.366	25.450	25.500	2.825	2.593	2.825	2.726	28.450	28.500	3.185	2.953	3.185	3.086															
22.500	22.550	2.471	2.253	2.471	2.372	25.500	25.550	2.831	2.599	2.831	2.732	28.500	28.550	3.191	2.959	3.191	3.092															
22.550	22.600	2.477	2.258	2.477	2.378	25.550	25.600	2.837	2.605	2.837	2.738	28.550	28.600	3.197	2.965	3.197	3.098															
22.600	22.650	2.483	2.263	2.483	2.384	25.600	25.650	2.843	2.611	2.843	2.744	28.600	28.650	3.203	2.971	3.203	3.104															
22.650	22.700	2.489	2.268	2.489	2.390	25.650	25.700	2.849	2.617	2.849	2.750	28.650	28.700	3.209	2.977	3.209	3.110															
22.700	22.750	2.495	2.273	2.495	2.396	25.700	25.750	2.855	2.623	2.855	2.756	28.700	28.750	3.215	2.983	3.215	3.116															
22.750	22.800	2.501	2.278	2.501	2.402	25.750	25.800	2.861	2.629	2.861	2.762	28.750	28.800	3.221	2.989	3.221	3.122															
22.800	22.850	2.507	2.283	2.507	2.408	25.800	25.850	2.867	2.635	2.867	2.768	28.800	28.850	3.227	2.995	3.227	3.128															
22.850	22.900	2.513	2.288	2.513	2.414	25.850	25.900	2.873	2.641	2.873	2.774	28.850	28.900	3.233	3.001	3.233	3.134															
22.900	22.950	2.519	2.293	2.519	2.420	25.900	25.950	2.879	2.647	2.879	2.780	28.900	28.950	3.239	3.007	3.239	3.140															
22.950	23.000	2.525	2.298	2.525	2.426	25.950	26.000	2.885	2.653	2.885	2.786	28.950	29.000	3.245	3.013	3.245	3.146															
23.000						26.000						29.000																				
23.000	23.050	2.531	2.303	2.531	2.432	26.000	26.050	2.891	2.659	2.891	2.792	29.000	29.050	3.251	3.019	3.251	3.152															
23.050	23.100	2.537	2.308	2.537	2.438	26.050	26.100	2.897	2.665	2.897	2.798	29.050	29.100	3.257	3.025	3.257	3.158															
23.100	23.150	2.543	2.313	2.543	2.444	26.100	26.150	2.903	2.671	2.903	2.804	29.100	29.150	3.263	3.031	3.263	3.164															
23.150	23.200	2.549	2.318	2.549	2.450	26.150	26.200	2.909	2.677	2.909	2.810	29.150	29.200	3.269	3.037	3.269	3.170															
23.200	23.250	2.555	2.323	2.555	2.456	26.200	26.250	2.915	2.683	2.915	2.816	29.200	29.250	3.275	3.043	3.275	3.176															
23.250	23.300	2.561	2.329	2.561	2.462	26.250	26.300	2.921	2.689	2.921	2.822	29.250	29.300	3.281	3.049	3.281	3.182															
23.300	23.350	2.567	2.335	2.567	2.468	26.300	26.350	2.927	2.695	2.927	2.828	29.300	29.350	3.287	3.055	3.287	3.188															
23.350	23.400	2.573	2.341	2.573	2.474	26.350	26.400	2.933	2.701	2.933	2.834	29.350	29.400	3.293	3.061	3.293	3.194															
23.400	23.450	2.579	2.347	2.579	2.480	26.400	26.450	2.939	2.707	2.939	2.840	29.400	29.450	3.299	3.067	3.299	3.200															
23.450	23.500	2.585	2.353	2.585	2.486	26.450	26.500	2.945	2.713	2.945	2.846	29.450	29.500	3.305	3.073	3.305	3.206															
23.500	23.550	2.591	2.359	2.591	2.492	26.500	26.550	2.951	2.719	2.951	2.852	29.500	29.550	3.311	3.079	3.311	3.212															
23.550	23.600	2.597	2.365	2.597	2.498	26.550	26.600	2.957	2.725	2.957	2.858	29.550	29.600	3.317	3.085	3.317	3.218															
23.600	23.650	2.603	2.371	2.603	2.504	26.600	26.650	2.963	2.731	2.963	2.864	29.600	29.650	3.323	3.091	3.323	3.224															
23.650	23.700	2.609	2.377	2.609	2.510	26.650	26.700	2.969	2.737	2.969	2.870	29.650	29.700	3.329	3.097																	

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-					
30.000						33.000						36.000					
30.000	30.050	3.371	3.139	3.371	3.272	33.000	33.050	3.731	3.499	3.731	3.632	36.000	36.050	4.091	3.859	4.091	3.992
30.050	30.100	3.377	3.145	3.377	3.278	33.050	33.100	3.737	3.505	3.737	3.638	36.050	36.100	4.097	3.865	4.097	3.998
30.100	30.150	3.383	3.151	3.383	3.284	33.100	33.150	3.743	3.511	3.743	3.644	36.100	36.150	4.103	3.871	4.103	4.004
30.150	30.200	3.389	3.157	3.389	3.290	33.150	33.200	3.749	3.517	3.749	3.650	36.150	36.200	4.109	3.877	4.109	4.010
30.200	30.250	3.395	3.163	3.395	3.296	33.200	33.250	3.755	3.523	3.755	3.656	36.200	36.250	4.115	3.883	4.115	4.016
30.250	30.300	3.401	3.169	3.401	3.302	33.250	33.300	3.761	3.529	3.761	3.662	36.250	36.300	4.121	3.889	4.121	4.022
30.300	30.350	3.407	3.175	3.407	3.308	33.300	33.350	3.767	3.535	3.767	3.668	36.300	36.350	4.127	3.895	4.127	4.028
30.350	30.400	3.413	3.181	3.413	3.314	33.350	33.400	3.773	3.541	3.773	3.674	36.350	36.400	4.133	3.901	4.133	4.034
30.400	30.450	3.419	3.187	3.419	3.320	33.400	33.450	3.779	3.547	3.779	3.680	36.400	36.450	4.139	3.907	4.139	4.040
30.450	30.500	3.425	3.193	3.425	3.326	33.450	33.500	3.785	3.553	3.785	3.686	36.450	36.500	4.145	3.913	4.145	4.046
30.500	30.550	3.431	3.199	3.431	3.332	33.500	33.550	3.791	3.559	3.791	3.692	36.500	36.550	4.151	3.919	4.151	4.052
30.550	30.600	3.437	3.205	3.437	3.338	33.550	33.600	3.797	3.565	3.797	3.698	36.550	36.600	4.157	3.925	4.157	4.058
30.600	30.650	3.443	3.211	3.443	3.344	33.600	33.650	3.803	3.571	3.803	3.704	36.600	36.650	4.163	3.931	4.163	4.064
30.650	30.700	3.449	3.217	3.449	3.350	33.650	33.700	3.809	3.577	3.809	3.710	36.650	36.700	4.169	3.937	4.169	4.070
30.700	30.750	3.455	3.223	3.455	3.356	33.700	33.750	3.815	3.583	3.815	3.716	36.700	36.750	4.175	3.943	4.175	4.076
30.750	30.800	3.461	3.229	3.461	3.362	33.750	33.800	3.821	3.589	3.821	3.722	36.750	36.800	4.181	3.949	4.181	4.082
30.800	30.850	3.467	3.235	3.467	3.368	33.800	33.850	3.827	3.595	3.827	3.728	36.800	36.850	4.187	3.955	4.187	4.088
30.850	30.900	3.473	3.241	3.473	3.374	33.850	33.900	3.833	3.601	3.833	3.734	36.850	36.900	4.193	3.961	4.193	4.094
30.900	30.950	3.479	3.247	3.479	3.380	33.900	33.950	3.839	3.607	3.839	3.740	36.900	36.950	4.199	3.967	4.199	4.100
30.950	31.000	3.485	3.253	3.485	3.386	33.950	34.000	3.845	3.613	3.845	3.746	36.950	37.000	4.205	3.973	4.205	4.106
31.000						34.000						37.000					
31.000	31.050	3.491	3.259	3.491	3.392	34.000	34.050	3.851	3.619	3.851	3.752	37.000	37.050	4.211	3.979	4.211	4.112
31.050	31.100	3.497	3.265	3.497	3.398	34.050	34.100	3.857	3.625	3.857	3.758	37.050	37.100	4.217	3.985	4.217	4.118
31.100	31.150	3.503	3.271	3.503	3.404	34.100	34.150	3.863	3.631	3.863	3.764	37.100	37.150	4.223	3.991	4.223	4.124
31.150	31.200	3.509	3.277	3.509	3.410	34.150	34.200	3.869	3.637	3.869	3.770	37.150	37.200	4.229	3.997	4.229	4.130
31.200	31.250	3.515	3.283	3.515	3.416	34.200	34.250	3.875	3.643	3.875	3.776	37.200	37.250	4.235	4.003	4.235	4.136
31.250	31.300	3.521	3.289	3.521	3.422	34.250	34.300	3.881	3.649	3.881	3.782	37.250	37.300	4.241	4.009	4.241	4.142
31.300	31.350	3.527	3.295	3.527	3.428	34.300	34.350	3.887	3.655	3.887	3.788	37.300	37.350	4.247	4.015	4.247	4.148
31.350	31.400	3.533	3.301	3.533	3.434	34.350	34.400	3.893	3.661	3.893	3.794	37.350	37.400	4.253	4.021	4.253	4.154
31.400	31.450	3.539	3.307	3.539	3.440	34.400	34.450	3.899	3.667	3.899	3.800	37.400	37.450	4.259	4.027	4.259	4.160
31.450	31.500	3.545	3.313	3.545	3.446	34.450	34.500	3.905	3.673	3.905	3.806	37.450	37.500	4.265	4.033	4.265	4.166
31.500	31.550	3.551	3.319	3.551	3.452	34.500	34.550	3.911	3.679	3.911	3.812	37.500	37.550	4.271	4.039	4.271	4.172
31.550	31.600	3.557	3.325	3.557	3.458	34.550	34.600	3.917	3.685	3.917	3.818	37.550	37.600	4.277	4.045	4.277	4.178
31.600	31.650	3.563	3.331	3.563	3.464	34.600	34.650	3.923	3.691	3.923	3.824	37.600	37.650	4.283	4.051	4.283	4.184
31.650	31.700	3.569	3.337	3.569	3.470	34.650	34.700	3.929	3.697	3.929	3.830	37.650	37.700	4.289	4.057	4.289	4.190
31.700	31.750	3.575	3.343	3.575	3.476	34.700	34.750	3.935	3.703	3.935	3.836	37.700	37.750	4.295	4.063	4.295	4.196
31.750	31.800	3.581	3.349	3.581	3.482	34.750	34.800	3.941	3.709	3.941	3.842	37.750	37.800	4.301	4.069	4.301	4.202
31.800	31.850	3.587	3.355	3.587	3.488	34.800	34.850	3.947	3.715	3.947	3.848	37.800	37.850	4.307	4.075	4.307	4.208
31.850	31.900	3.593	3.361	3.593	3.494	34.850	34.900	3.953	3.721	3.953	3.854	37.850	37.900	4.313	4.081	4.313	4.214
31.900	31.950	3.599	3.367	3.599	3.500	34.900	34.950	3.959	3.727	3.959	3.860	37.900	37.950	4.319	4.087	4.319	4.220
31.950	32.000	3.605	3.373	3.605	3.506	34.950	35.000	3.965	3.733	3.965	3.866	37.950	38.000	4.325	4.093	4.325	4.226
32.000						35.000						38.000					
32.000	32.050	3.611	3.379	3.611	3.512	35.000	35.050	3.971	3.739	3.971	3.872	38.000	38.050	4.331	4.099	4.331	4.232
32.050	32.100	3.617	3.385	3.617	3.518	35.050	35.100	3.977	3.745	3.977	3.878	38.050	38.100	4.337	4.105	4.337	4.238
32.100	32.150	3.623	3.391	3.623	3.524	35.100	35.150	3.983	3.751	3.983	3.884	38.100	38.150	4.343	4.111	4.343	4.244
32.150	32.200	3.629	3.397	3.629	3.530	35.150	35.200	3.989	3.757	3.989	3.890	38.150	38.200	4.349	4.117	4.349	4.250
32.200	32.250	3.635	3.403	3.635	3.536	35.200	35.250	3.995	3.763	3.995	3.896	38.200	38.250	4.355	4.123	4.355	4.256
32.250	32.300	3.641	3.409	3.641	3.542	35.250	35.300	4.001	3.769	4.001	3.902	38.250	38.300	4.361	4.129	4.361	4.262
32.300	32.350	3.647	3.415	3.647	3.548	35.300	35.350	4.007	3.775	4.007	3.908	38.300	38.350	4.367	4.135	4.367	4.268
32.350	32.400	3.653	3.421	3.653	3.554	35.350	35.400	4.013	3.781	4.013	3.914	38.350	38.400	4.373	4.141	4.373	4.274
32.400	32.450	3.659	3.427	3.659	3.560	35.400	35.450	4.019	3.787	4.019	3.920	38.400	38.450	4.379	4.147	4.379	4.280
32.450	32.500	3.665	3.433	3.665	3.566	35.450	35.500	4.025	3.793	4.025	3.926	38.450	38.500	4.385	4.153	4.385	4.286
32.500	32.550	3.671	3.439	3.671	3.572	35.500	35.550	4.031	3.799	4.031	3.932	38.500	38.550	4.391	4.159	4.391	4.292
32.550	32.600	3.677	3.445	3.677	3.578	35.550	35.600	4.037	3.805	4.037	3.938	38.550	38.600	4.397	4.165	4.397	4.298
32.600	32.650	3.683	3.451	3.683	3.584	35.600	35.650	4.043	3.811	4.043	3.944	38.600	38.650	4			

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –																				
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình															
Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-																				
39.000						42.000						45.000																				
39.000	39.050	4.451	4.219	4.451	4.352	42.000	42.050	4.811	4.579	4.811	4.712	45.000	45.050	5.171	4.939	5.171	5.072															
39.050	39.100	4.457	4.225	4.457	4.358	42.050	42.100	4.817	4.585	4.817	4.718	45.050	45.100	5.177	4.945	5.177	5.078															
39.100	39.150	4.463	4.231	4.463	4.364	42.100	42.150	4.823	4.591	4.823	4.724	45.100	45.150	5.183	4.951	5.183	5.084															
39.150	39.200	4.469	4.237	4.469	4.370	42.150	42.200	4.829	4.597	4.829	4.730	45.150	45.200	5.189	4.957	5.189	5.090															
39.200	39.250	4.475	4.243	4.475	4.376	42.200	42.250	4.835	4.603	4.835	4.736	45.200	45.250	5.195	4.963	5.195	5.096															
39.250	39.300	4.481	4.249	4.481	4.382	42.250	42.300	4.841	4.609	4.841	4.742	45.250	45.300	5.201	4.969	5.201	5.102															
39.300	39.350	4.487	4.255	4.487	4.388	42.300	42.350	4.847	4.615	4.847	4.748	45.300	45.350	5.207	4.975	5.207	5.108															
39.350	39.400	4.493	4.261	4.493	4.394	42.350	42.400	4.853	4.621	4.853	4.754	45.350	45.400	5.213	4.981	5.213	5.114															
39.400	39.450	4.499	4.267	4.499	4.400	42.400	42.450	4.859	4.627	4.859	4.760	45.400	45.450	5.219	4.987	5.219	5.120															
39.450	39.500	4.505	4.273	4.505	4.406	42.450	42.500	4.865	4.633	4.865	4.766	45.450	45.500	5.225	4.993	5.225	5.126															
39.500	39.550	4.511	4.279	4.511	4.412	42.500	42.550	4.871	4.639	4.871	4.772	45.500	45.550	5.231	4.999	5.231	5.132															
39.550	39.600	4.517	4.285	4.517	4.418	42.550	42.600	4.877	4.645	4.877	4.778	45.550	45.600	5.237	5.005	5.237	5.138															
39.600	39.650	4.523	4.291	4.523	4.424	42.600	42.650	4.883	4.651	4.883	4.784	45.600	45.650	5.243	5.011	5.243	5.144															
39.650	39.700	4.529	4.297	4.529	4.430	42.650	42.700	4.889	4.657	4.889	4.790	45.650	45.700	5.249	5.017	5.249	5.150															
39.700	39.750	4.535	4.303	4.535	4.436	42.700	42.750	4.895	4.663	4.895	4.796	45.700	45.750	5.255	5.023	5.255	5.156															
39.750	39.800	4.541	4.309	4.541	4.442	42.750	42.800	4.901	4.669	4.901	4.802	45.750	45.800	5.261	5.029	5.261	5.162															
39.800	39.850	4.547	4.315	4.547	4.448	42.800	42.850	4.907	4.675	4.907	4.808	45.800	45.850	5.267	5.035	5.267	5.168															
39.850	39.900	4.553	4.321	4.553	4.454	42.850	42.900	4.913	4.681	4.913	4.814	45.850	45.900	5.273	5.041	5.273	5.174															
39.900	39.950	4.559	4.327	4.559	4.460	42.900	42.950	4.919	4.687	4.919	4.820	45.900	45.950	5.279	5.047	5.279	5.180															
39.950	40.000	4.565	4.333	4.565	4.466	42.950	43.000	4.925	4.693	4.925	4.826	45.950	46.000	5.285	5.053	5.285	5.186															
40.000						43.000						46.000																				
40.000	40.050	4.571	4.339	4.571	4.472	43.000	43.050	4.931	4.699	4.931	4.832	46.000	46.050	5.291	5.059	5.291	5.192															
40.050	40.100	4.577	4.345	4.577	4.478	43.050	43.100	4.937	4.705	4.937	4.838	46.050	46.100	5.297	5.065	5.297	5.198															
40.100	40.150	4.583	4.351	4.583	4.484	43.100	43.150	4.943	4.711	4.943	4.844	46.100	46.150	5.303	5.071	5.303	5.204															
40.150	40.200	4.589	4.357	4.589	4.490	43.150	43.200	4.949	4.717	4.949	4.850	46.150	46.200	5.309	5.077	5.309	5.210															
40.200	40.250	4.595	4.363	4.595	4.496	43.200	43.250	4.955	4.723	4.955	4.856	46.200	46.250	5.315	5.083	5.315	5.216															
40.250	40.300	4.601	4.369	4.601	4.502	43.250	43.300	4.961	4.729	4.961	4.862	46.250	46.300	5.321	5.089	5.321	5.222															
40.300	40.350	4.607	4.375	4.607	4.508	43.300	43.350	4.967	4.735	4.967	4.868	46.300	46.350	5.327	5.095	5.327	5.228															
40.350	40.400	4.613	4.381	4.613	4.514	43.350	43.400	4.973	4.741	4.973	4.874	46.350	46.400	5.333	5.101	5.333	5.234															
40.400	40.450	4.619	4.387	4.619	4.520	43.400	43.450	4.979	4.747	4.979	4.880	46.400	46.450	5.339	5.107	5.339	5.240															
40.450	40.500	4.625	4.393	4.625	4.526	43.450	43.500	4.985	4.753	4.985	4.886	46.450	46.500	5.345	5.113	5.345	5.246															
40.500	40.550	4.631	4.399	4.631	4.532	43.500	43.550	4.991	4.759	4.991	4.892	46.500	46.550	5.351	5.119	5.351	5.252															
40.550	40.600	4.637	4.405	4.637	4.538	43.550	43.600	4.997	4.765	4.997	4.898	46.550	46.600	5.357	5.125	5.357	5.258															
40.600	40.650	4.643	4.411	4.643	4.544	43.600	43.650	5.003	4.771	5.003	4.904	46.600	46.650	5.363	5.131	5.363	5.264															
40.650	40.700	4.649	4.417	4.649	4.550	43.650	43.700	5.009	4.777	5.009	4.910	46.650	46.700	5.369	5.137	5.369	5.270															
40.700	40.750	4.655	4.423	4.655	4.556	43.700	43.750	5.015	4.783	5.015	4.916	46.700	46.750	5.375	5.143	5.375	5.276															
40.750	40.800	4.661	4.429	4.661	4.562	43.750	43.800	5.021	4.789	5.021	4.922	46.750	46.800	5.381	5.149	5.381	5.282															
40.800	40.850	4.667	4.435	4.667	4.568	43.800	43.850	5.027	4.795	5.027	4.928	46.800	46.850	5.387	5.155	5.387	5.288															
40.850	40.900	4.673	4.441	4.673	4.574	43.850	43.900	5.033	4.801	5.033	4.934	46.850	46.900	5.393	5.161	5.393	5.294															
40.900	40.950	4.679	4.447	4.679	4.580	43.900	43.950	5.039	4.807	5.039	4.940	46.900	46.950	5.399	5.167	5.399	5.300															
40.950	41.000	4.685	4.453	4.685	4.586	43.950	44.000	5.045	4.813	5.045	4.946	46.950	47.000	5.405	5.173	5.405	5.306															
41.000						44.000						47.000																				
41.000	41.050	4.691	4.459	4.691	4.592	44.000	44.050	5.051	4.819	5.051	4.952	47.000	47.050	5.411	5.179	5.411	5.312															
41.050	41.100	4.697	4.465	4.697	4.598	44.050	44.100	5.057	4.825	5.057	4.958	47.050	47.100	5.417	5.185	5.417	5.318															
41.100	41.150	4.703	4.471	4.703	4.604	44.100	44.150	5.063	4.831	5.063	4.964	47.100	47.150	5.423	5.191	5.423	5.324															
41.150	41.200	4.709	4.477	4.709	4.610	44.150	44.200	5.069	4.837	5.069	4.970	47.150	47.200	5.432	5.197	5.432	5.330															
41.200	41.250	4.715	4.483	4.715	4.616	44.200	44.250	5.075	4.843	5.075	4.976	47.200	47.250	5.443	5.203	5.443	5.336															
41.250	41.300	4.721	4.489	4.721	4.622	44.250	44.300	5.081	4.849	5.081	4.982	47.250	47.300	5.454	5.209	5.454	5.342															
41.300	41.350	4.727	4.495	4.727	4.628	44.300	44.350	5.087	4.855	5.087	4.988	47.300	47.350	5.465	5.215	5.465	5.348															
41.350	41.400	4.733	4.501	4.733	4.634	44.350	44.400	5.093	4.861	5.093	4.994	47.350	47.400	5.476	5.221	5.476	5.354															
41.400	41.450	4.739	4.507	4.739	4.640	44.400	44.450	5.099	4.867	5.099	5.000	47.400	47.450	5.487	5.227	5.487	5.360															
41.450	41.500	4.745	4.513	4.745	4.646	44.450	44.500	5.105	4.873	5.105	5.006	47.450	47.500	5.498	5.233	5.498	5.366															
41.500	41.550	4.751	4.519	4.751	4.652	44.500	44.550	5.111	4.879	5.111	5.012	47.500	47.550	5.509	5.239	5.509	5.372															
41.550	41.600	4.757	4.525	4.757	4.658	44.550	44.600	5.117	4.885	5.117	5.018	47.550	47.600	5.520	5.245	5.520	5.378															
41.600	41.650	4.763	4.531	4.763	4.664	44.600	44.650	5.123	4.891	5.123	5.024	47.600	47.650	5.531	5.251	5.531	5.384															
41.650	41.700	4.769	4.537	4.769	4.670	44.650	44.700	5.129	4.897	5.129	5.030	47.650	47.700	5.542	5.257	5.5																

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –																				
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình															
Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-																				
48.000						51.000						54.000																				
48.000	48.050	5.619	5.299	5.619	5.432	51.000	51.050	6.279	5.659	6.279	5.792	54.000	54.050	6.939	6.019	6.939	6.152															
48.050	48.100	5.630	5.305	5.630	5.438	51.050	51.100	6.290	5.665	6.290	5.798	54.050	54.100	6.950	6.025	6.950	6.158															
48.100	48.150	5.641	5.311	5.641	5.444	51.100	51.150	6.301	5.671	6.301	5.804	54.100	54.150	6.961	6.031	6.961	6.164															
48.150	48.200	5.652	5.317	5.652	5.450	51.150	51.200	6.312	5.677	6.312	5.810	54.150	54.200	6.972	6.037	6.972	6.170															
48.200	48.250	5.663	5.323	5.663	5.456	51.200	51.250	6.323	5.683	6.323	5.816	54.200	54.250	6.983	6.043	6.983	6.176															
48.250	48.300	5.674	5.329	5.674	5.462	51.250	51.300	6.334	5.689	6.334	5.822	54.250	54.300	6.994	6.049	6.994	6.182															
48.300	48.350	5.685	5.335	5.685	5.468	51.300	51.350	6.345	5.695	6.345	5.828	54.300	54.350	7.005	6.055	7.005	6.188															
48.350	48.400	5.696	5.341	5.696	5.474	51.350	51.400	6.356	5.701	6.356	5.834	54.350	54.400	7.016	6.061	7.016	6.194															
48.400	48.450	5.707	5.347	5.707	5.480	51.400	51.450	6.367	5.707	6.367	5.840	54.400	54.450	7.027	6.067	7.027	6.200															
48.450	48.500	5.718	5.353	5.718	5.486	51.450	51.500	6.378	5.713	6.378	5.846	54.450	54.500	7.038	6.073	7.038	6.206															
48.500	48.550	5.729	5.359	5.729	5.492	51.500	51.550	6.389	5.719	6.389	5.852	54.500	54.550	7.049	6.079	7.049	6.212															
48.550	48.600	5.740	5.365	5.740	5.498	51.550	51.600	6.400	5.725	6.400	5.858	54.550	54.600	7.060	6.085	7.060	6.218															
48.600	48.650	5.751	5.371	5.751	5.504	51.600	51.650	6.411	5.731	6.411	5.864	54.600	54.650	7.071	6.091	7.071	6.224															
48.650	48.700	5.762	5.377	5.762	5.510	51.650	51.700	6.422	5.737	6.422	5.870	54.650	54.700	7.082	6.097	7.082	6.230															
48.700	48.750	5.773	5.383	5.773	5.516	51.700	51.750	6.433	5.743	6.433	5.876	54.700	54.750	7.093	6.103	7.093	6.236															
48.750	48.800	5.784	5.389	5.784	5.522	51.750	51.800	6.444	5.749	6.444	5.882	54.750	54.800	7.104	6.109	7.104	6.242															
48.800	48.850	5.795	5.395	5.795	5.528	51.800	51.850	6.455	5.755	6.455	5.888	54.800	54.850	7.115	6.115	7.115	6.248															
48.850	48.900	5.806	5.401	5.806	5.534	51.850	51.900	6.466	5.761	6.466	5.894	54.850	54.900	7.126	6.121	7.126	6.254															
48.900	48.950	5.817	5.407	5.817	5.540	51.900	51.950	6.477	5.767	6.477	5.900	54.900	54.950	7.137	6.127	7.137	6.260															
48.950	49.000	5.828	5.413	5.828	5.546	51.950	52.000	6.488	5.773	6.488	5.906	54.950	55.000	7.148	6.133	7.148	6.266															
49.000						52.000						55.000																				
49.000	49.050	5.839	5.419	5.839	5.552	52.000	52.050	6.499	5.779	6.499	5.912	55.000	55.050	7.159	6.139	7.159	6.272															
49.050	49.100	5.850	5.425	5.850	5.558	52.050	52.100	6.510	5.785	6.510	5.918	55.050	55.100	7.170	6.145	7.170	6.278															
49.100	49.150	5.861	5.431	5.861	5.564	52.100	52.150	6.521	5.791	6.521	5.924	55.100	55.150	7.181	6.151	7.181	6.284															
49.150	49.200	5.872	5.437	5.872	5.570	52.150	52.200	6.532	5.797	6.532	5.930	55.150	55.200	7.192	6.157	7.192	6.290															
49.200	49.250	5.883	5.443	5.883	5.576	52.200	52.250	6.543	5.803	6.543	5.936	55.200	55.250	7.203	6.163	7.203	6.296															
49.250	49.300	5.894	5.449	5.894	5.582	52.250	52.300	6.554	5.809	6.554	5.942	55.250	55.300	7.214	6.169	7.214	6.302															
49.300	49.350	5.905	5.455	5.905	5.588	52.300	52.350	6.565	5.815	6.565	5.948	55.300	55.350	7.225	6.175	7.225	6.308															
49.350	49.400	5.916	5.461	5.916	5.594	52.350	52.400	6.576	5.821	6.576	5.954	55.350	55.400	7.236	6.181	7.236	6.314															
49.400	49.450	5.927	5.467	5.927	5.600	52.400	52.450	6.587	5.827	6.587	5.960	55.400	55.450	7.247	6.187	7.247	6.320															
49.450	49.500	5.938	5.473	5.938	5.606	52.450	52.500	6.598	5.833	6.598	5.966	55.450	55.500	7.258	6.193	7.258	6.326															
49.500	49.550	5.949	5.479	5.949	5.612	52.500	52.550	6.609	5.839	6.609	5.972	55.500	55.550	7.269	6.199	7.269	6.332															
49.550	49.600	5.960	5.485	5.960	5.618	52.550	52.600	6.620	5.845	6.620	5.978	55.550	55.600	7.280	6.205	7.280	6.338															
49.600	49.650	5.971	5.491	5.971	5.624	52.600	52.650	6.631	5.851	6.631	5.984	55.600	55.650	7.291	6.211	7.291	6.344															
49.650	49.700	5.982	5.497	5.982	5.630	52.650	52.700	6.642	5.857	6.642	5.990	55.650	55.700	7.302	6.217	7.302	6.350															
49.700	49.750	5.993	5.503	5.993	5.636	52.700	52.750	6.653	5.863	6.653	5.996	55.700	55.750	7.313	6.223	7.313	6.356															
49.750	49.800	6.004	5.509	6.004	5.642	52.750	52.800	6.664	5.869	6.664	6.002	55.750	55.800	7.324	6.229	7.324	6.362															
49.800	49.850	6.015	5.515	6.015	5.648	52.800	52.850	6.675	5.875	6.675	6.008	55.800	55.850	7.335	6.235	7.335	6.368															
49.850	49.900	6.026	5.521	6.026	5.654	52.850	52.900	6.686	5.881	6.686	6.014	55.850	55.900	7.346	6.241	7.346	6.374															
49.900	49.950	6.037	5.527	6.037	5.660	52.900	52.950	6.697	5.887	6.697	6.020	55.900	55.950	7.357	6.247	7.357	6.380															
49.950	50.000	6.048	5.533	6.048	5.666	52.950	53.000	6.708	5.893	6.708	6.026	55.950	56.000	7.368	6.253	7.368	6.386															
50.000						53.000						56.000																				
50.000	50.050	6.059	5.539	6.059	5.672	53.000	53.050	6.719	5.899	6.719	6.032	56.000	56.050	7.379	6.259	7.379	6.392															
50.050	50.100	6.070	5.545	6.070	5.678	53.050	53.100	6.730	5.905	6.730	6.038	56.050	56.100	7.390	6.265	7.390	6.398															
50.100	50.150	6.081	5.551	6.081	5.684	53.100	53.150	6.741	5.911	6.741	6.044	56.100	56.150	7.401	6.271	7.401	6.404															
50.150	50.200	6.092	5.557	6.092	5.690	53.150	53.200	6.752	5.917	6.752	6.050	56.150	56.200	7.412	6.277	7.412	6.410															
50.200	50.250	6.103	5.563	6.103	5.696	53.200	53.250	6.763	5.923	6.763	6.056	56.200	56.250	7.423	6.283	7.423	6.416															
50.250	50.300	6.114	5.569	6.114	5.702	53.250	53.300	6.774	5.929	6.774	6.062	56.250	56.300	7.434	6.289	7.434	6.422															
50.300	50.350	6.125	5.575	6.125	5.708	53.300	53.350	6.785	5.935	6.785	6.068	56.300	56.350	7.445	6.295	7.445	6.428															
50.350	50.400	6.136	5.581	6.136	5.714	53.350	53.400	6.796	5.941	6.796	6.074	56.350	56.400	7.456	6.301	7.456	6.434															
50.400	50.450	6.147	5.587	6.147	5.720	53.400	53.450	6.807	5.947	6.807	6.080	56.400	56.450	7.467	6.307	7.467	6.440															
50.450	50.500	6.158	5.593	6.158	5.726	53.450	53.500	6.818	5.953	6.818	6.086	56.450	56.500	7.478	6.313	7.478	6.446															
50.500	50.550	6.169	5.599	6.169	5.732	53.500	53.550	6.829	5.959	6.829	6.092	56.500	56.550	7.489	6.319	7.489	6.452															
50.550	50.600	6.180	5.605	6.180	5.738	53.550	53.600	6.840	5.965	6.840	6.098	56.550	56.600	7.500	6.325	7.500	6.458															
50.600	50.650	6.191	5.611	6.191	5.744	53.600	53.650	6.851	5.971	6.851	6.104	56.600	56.650	7.511	6.331	7.511	6.464															
50.650	50.700	6.202	5.617	6.202	5.750	53.650	53.700	6.862	5.977	6.862	6.110	56.650	56.70																			

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –																					
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình																
						Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-															
						57.000						60.000						63.000															
57.000	57.050	7.599	6.379	7.599	6.512	60.000	60.050	8.259	6.739	8.259	6.872	63.000	63.050	8.919	7.099	8.919	7.232																
57.050	57.100	7.610	6.385	7.610	6.518	60.050	60.100	8.270	6.745	8.270	6.878	63.050	63.100	8.930	7.105	8.930	7.238																
57.100	57.150	7.621	6.391	7.621	6.524	60.100	60.150	8.281	6.751	8.281	6.884	63.100	63.150	8.941	7.111	8.941	7.247																
57.150	57.200	7.632	6.397	7.632	6.530	60.150	60.200	8.292	6.757	8.292	6.890	63.150	63.200	8.952	7.117	8.952	7.258																
57.200	57.250	7.643	6.403	7.643	6.536	60.200	60.250	8.303	6.763	8.303	6.896	63.200	63.250	8.963	7.123	8.963	7.269																
57.250	57.300	7.654	6.409	7.654	6.542	60.250	60.300	8.314	6.769	8.314	6.902	63.250	63.300	8.974	7.129	8.974	7.280																
57.300	57.350	7.665	6.415	7.665	6.548	60.300	60.350	8.325	6.775	8.325	6.908	63.300	63.350	8.985	7.135	8.985	7.291																
57.350	57.400	7.676	6.421	7.676	6.554	60.350	60.400	8.336	6.781	8.336	6.914	63.350	63.400	8.996	7.141	8.996	7.302																
57.400	57.450	7.687	6.427	7.687	6.560	60.400	60.450	8.347	6.787	8.347	6.920	63.400	63.450	9.007	7.147	9.007	7.313																
57.450	57.500	7.698	6.433	7.698	6.566	60.450	60.500	8.358	6.793	8.358	6.926	63.450	63.500	9.018	7.153	9.018	7.324																
57.500	57.550	7.709	6.439	7.709	6.572	60.500	60.550	8.369	6.799	8.369	6.932	63.500	63.550	9.029	7.159	9.029	7.335																
57.550	57.600	7.720	6.445	7.720	6.578	60.550	60.600	8.380	6.805	8.380	6.938	63.550	63.600	9.040	7.165	9.040	7.346																
57.600	57.650	7.731	6.451	7.731	6.584	60.600	60.650	8.391	6.811	8.391	6.944	63.600	63.650	9.051	7.171	9.051	7.357																
57.650	57.700	7.742	6.457	7.742	6.590	60.650	60.700	8.402	6.817	8.402	6.950	63.650	63.700	9.062	7.177	9.062	7.368																
57.700	57.750	7.753	6.463	7.753	6.596	60.700	60.750	8.413	6.823	8.413	6.956	63.700	63.750	9.073	7.183	9.073	7.379																
57.750	57.800	7.764	6.469	7.764	6.602	60.750	60.800	8.424	6.829	8.424	6.962	63.750	63.800	9.084	7.189	9.084	7.390																
57.800	57.850	7.775	6.475	7.775	6.608	60.800	60.850	8.435	6.835	8.435	6.968	63.800	63.850	9.095	7.195	9.095	7.401																
57.850	57.900	7.786	6.481	7.786	6.614	60.850	60.900	8.446	6.841	8.446	6.974	63.850	63.900	9.106	7.201	9.106	7.412																
57.900	57.950	7.797	6.487	7.797	6.620	60.900	60.950	8.457	6.847	8.457	6.980	63.900	63.950	9.117	7.207	9.117	7.423																
57.950	58.000	7.808	6.493	7.808	6.626	60.950	61.000	8.468	6.853	8.468	6.986	63.950	64.000	9.128	7.213	9.128	7.434																
58.000						61.000						64.000																					
58.000	58.050	7.819	6.499	7.819	6.632	61.000	61.050	8.479	6.859	8.479	6.992	64.000	64.050	9.139	7.219	9.139	7.445																
58.050	58.100	7.830	6.505	7.830	6.638	61.050	61.100	8.490	6.865	8.490	6.998	64.050	64.100	9.150	7.225	9.150	7.456																
58.100	58.150	7.841	6.511	7.841	6.644	61.100	61.150	8.501	6.871	8.501	7.004	64.100	64.150	9.161	7.231	9.161	7.467																
58.150	58.200	7.852	6.517	7.852	6.650	61.150	61.200	8.512	6.877	8.512	7.010	64.150	64.200	9.172	7.237	9.172	7.478																
58.200	58.250	7.863	6.523	7.863	6.656	61.200	61.250	8.523	6.883	8.523	7.016	64.200	64.250	9.183	7.243	9.183	7.489																
58.250	58.300	7.874	6.529	7.874	6.662	61.250	61.300	8.534	6.889	8.534	7.022	64.250	64.300	9.194	7.249	9.194	7.500																
58.300	58.350	7.885	6.535	7.885	6.668	61.300	61.350	8.545	6.895	8.545	7.028	64.300	64.350	9.205	7.255	9.205	7.511																
58.350	58.400	7.896	6.541	7.896	6.674	61.350	61.400	8.556	6.901	8.556	7.034	64.350	64.400	9.216	7.261	9.216	7.522																
58.400	58.450	7.907	6.547	7.907	6.680	61.400	61.450	8.567	6.907	8.567	7.040	64.400	64.450	9.227	7.267	9.227	7.533																
58.450	58.500	7.918	6.553	7.918	6.686	61.450	61.500	8.578	6.913	8.578	7.046	64.450	64.500	9.238	7.273	9.238	7.544																
58.500	58.550	7.929	6.559	7.929	6.692	61.500	61.550	8.589	6.919	8.589	7.052	64.500	64.550	9.249	7.279	9.249	7.555																
58.550	58.600	7.940	6.565	7.940	6.698	61.550	61.600	8.600	6.925	8.600	7.058	64.550	64.600	9.260	7.285	9.260	7.566																
58.600	58.650	7.951	6.571	7.951	6.704	61.600	61.650	8.611	6.931	8.611	7.064	64.600	64.650	9.271	7.291	9.271	7.577																
58.650	58.700	7.962	6.577	7.962	6.710	61.650	61.700	8.622	6.937	8.622	7.070	64.650	64.700	9.282	7.297	9.282	7.588																
58.700	58.750	7.973	6.583	7.973	6.716	61.700	61.750	8.633	6.943	8.633	7.076	64.700	64.750	9.293	7.303	9.293	7.599																
58.750	58.800	7.984	6.589	7.984	6.722	61.750	61.800	8.644	6.949	8.644	7.082	64.750	64.800	9.304	7.309	9.304	7.610																
58.800	58.850	7.995	6.595	7.995	6.728	61.800	61.850	8.655	6.955	8.655	7.088	64.800	64.850	9.315	7.315	9.315	7.621																
58.850	58.900	8.006	6.601	8.006	6.734	61.850	61.900	8.666	6.961	8.666	7.094	64.850	64.900	9.326	7.321	9.326	7.632																
58.900	58.950	8.017	6.607	8.017	6.740	61.900	61.950	8.677	6.967	8.677	7.100	64.900	64.950	9.337	7.327	9.337	7.643																
58.950	59.000	8.028	6.613	8.028	6.746	61.950	62.000	8.688	6.973	8.688	7.106	64.950	65.000	9.348	7.333	9.348	7.654																
59.000						62.000						65.000																					
59.000	59.050	8.039	6.619	8.039	6.752	62.000	62.050	8.699	6.979	8.699	7.112	65.000	65.050	9.359	7.339	9.359	7.665																
59.050	59.100	8.050	6.625	8.050	6.758	62.050	62.100	8.710	6.985	8.710	7.118	65.050	65.100	9.370	7.345	9.370	7.676																
59.100	59.150	8.061	6.631	8.061	6.764	62.100	62.150	8.721	6.991	8.721	7.124	65.100	65.150	9.381	7.351	9.381	7.687																
59.150	59.200	8.072	6.637	8.072	6.770	62.150	62.200	8.732	6.997	8.732	7.130	65.150	65.200	9.392	7.357	9.392	7.698																
59.200	59.250	8.083	6.643	8.083	6.776	62.200	62.250	8.743	7.003	8.743	7.136	65.200	65.250	9.403	7.363	9.403	7.709																
59.250	59.300	8.094	6.649	8.094	6.782	62.250	62.300	8.754	7.009	8.754	7.142	65.250	65.300	9.414	7.369	9.414	7.720																
59.300	59.350	8.105	6.655	8.105	6.788	62.300	62.350	8.765	7.015	8.765	7.148	65.300	65.350	9.425	7.375	9.425	7.731																
59.350	59.400	8.116	6.661	8.116	6.794	62.350	62.400	8.776	7.021	8.776	7.154	65.350	65.400	9.436	7.381	9.436	7.742																
59.400	59.450	8.127	6.667	8.127	6.800	62.400	62.450	8.787	7.027	8.787	7.160	65.400	65.450	9.447	7.387	9.447	7.753																
59.450	59.500	8.138	6.673	8.138	6.806	62.450	62.500	8.798	7.033	8.798	7.166	65.450	65.500	9.458	7.393	9.458	7.764																
59.500	59.550	8.149	6.679	8.149	6.812	62.500	62.550	8.809	7.039	8.809	7.172	65.500	65.550	9.469	7.399	9.469	7.775																
59.550	59.600	8.160	6.685	8.160	6.818	62.550	62.600	8.820	7.045	8.820	7.178	65.550	65.600	9.480	7.405	9.480	7.786																
59.600	59.650	8.171	6.691	8.171	6.824	62.600	62.650	8.831	7.051	8.831	7.184	65.600	65.650	9.491	7.411	9.491	7.797																
59.650	59.700	8.182	6.697	8.182	6.830	62.650	62.700	8.842	7.057	8.842	7.190	65.650	65.700	9.502	7.417	9.502																	

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –																				
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình															
Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-																				
66.000						69.000						72.000																				
66.000	66.050	9.579	7.459	9.579	7.885	69.000	69.050	10.239	7.819	10.239	8.545	72.000	72.050	10.899	8.179	10.899	9.205															
66.050	66.100	9.590	7.465	9.590	7.896	69.050	69.100	10.250	7.825	10.250	8.556	72.050	72.100	10.910	8.185	10.910	9.216															
66.100	66.150	9.601	7.471	9.601	7.907	69.100	69.150	10.261	7.831	10.261	8.567	72.100	72.150	10.921	8.191	10.921	9.227															
66.150	66.200	9.612	7.477	9.612	7.918	69.150	69.200	10.272	7.837	10.272	8.578	72.150	72.200	10.932	8.197	10.932	9.238															
66.200	66.250	9.623	7.483	9.623	7.929	69.200	69.250	10.283	7.843	10.283	8.589	72.200	72.250	10.943	8.203	10.943	9.249															
66.250	66.300	9.634	7.489	9.634	7.940	69.250	69.300	10.294	7.849	10.294	8.600	72.250	72.300	10.954	8.209	10.954	9.260															
66.300	66.350	9.645	7.495	9.645	7.951	69.300	69.350	10.305	7.855	10.305	8.611	72.300	72.350	10.965	8.215	10.965	9.271															
66.350	66.400	9.656	7.501	9.656	7.962	69.350	69.400	10.316	7.861	10.316	8.622	72.350	72.400	10.976	8.221	10.976	9.282															
66.400	66.450	9.667	7.507	9.667	7.973	69.400	69.450	10.327	7.867	10.327	8.633	72.400	72.450	10.987	8.227	10.987	9.293															
66.450	66.500	9.678	7.513	9.678	7.984	69.450	69.500	10.338	7.873	10.338	8.644	72.450	72.500	10.998	8.233	10.998	9.304															
66.500	66.550	9.689	7.519	9.689	7.995	69.500	69.550	10.349	7.879	10.349	8.655	72.500	72.550	11.009	8.239	11.009	9.315															
66.550	66.600	9.700	7.525	9.700	8.006	69.550	69.600	10.360	7.885	10.360	8.666	72.550	72.600	11.020	8.245	11.020	9.326															
66.600	66.650	9.711	7.531	9.711	8.017	69.600	69.650	10.371	7.891	10.371	8.677	72.600	72.650	11.031	8.251	11.031	9.337															
66.650	66.700	9.722	7.537	9.722	8.028	69.650	69.700	10.382	7.897	10.382	8.688	72.650	72.700	11.042	8.257	11.042	9.348															
66.700	66.750	9.733	7.543	9.733	8.039	69.700	69.750	10.393	7.903	10.393	8.699	72.700	72.750	11.053	8.263	11.053	9.359															
66.750	66.800	9.744	7.549	9.744	8.050	69.750	69.800	10.404	7.909	10.404	8.710	72.750	72.800	11.064	8.269	11.064	9.370															
66.800	66.850	9.755	7.555	9.755	8.061	69.800	69.850	10.415	7.915	10.415	8.721	72.800	72.850	11.075	8.275	11.075	9.381															
66.850	66.900	9.766	7.561	9.766	8.072	69.850	69.900	10.426	7.921	10.426	8.732	72.850	72.900	11.086	8.281	11.086	9.392															
66.900	66.950	9.777	7.567	9.777	8.083	69.900	69.950	10.437	7.927	10.437	8.743	72.900	72.950	11.097	8.287	11.097	9.403															
66.950	67.000	9.788	7.573	9.788	8.094	69.950	70.000	10.448	7.933	10.448	8.754	72.950	73.000	11.108	8.293	11.108	9.414															
67.000						70.000						73.000																				
67.000	67.050	9.799	7.579	9.799	8.105	70.000	70.050	10.459	7.939	10.459	8.765	73.000	73.050	11.119	8.299	11.119	9.425															
67.050	67.100	9.810	7.585	9.810	8.116	70.050	70.100	10.470	7.945	10.470	8.776	73.050	73.100	11.130	8.305	11.130	9.436															
67.100	67.150	9.821	7.591	9.821	8.127	70.100	70.150	10.481	7.951	10.481	8.787	73.100	73.150	11.141	8.311	11.141	9.447															
67.150	67.200	9.832	7.597	9.832	8.138	70.150	70.200	10.492	7.957	10.492	8.798	73.150	73.200	11.152	8.317	11.152	9.458															
67.200	67.250	9.843	7.603	9.843	8.149	70.200	70.250	10.503	7.963	10.503	8.809	73.200	73.250	11.163	8.323	11.163	9.469															
67.250	67.300	9.854	7.609	9.854	8.160	70.250	70.300	10.514	7.969	10.514	8.820	73.250	73.300	11.174	8.329	11.174	9.480															
67.300	67.350	9.865	7.615	9.865	8.171	70.300	70.350	10.525	7.975	10.525	8.831	73.300	73.350	11.185	8.335	11.185	9.491															
67.350	67.400	9.876	7.621	9.876	8.182	70.350	70.400	10.536	7.981	10.536	8.842	73.350	73.400	11.196	8.341	11.196	9.502															
67.400	67.450	9.887	7.627	9.887	8.193	70.400	70.450	10.547	7.987	10.547	8.853	73.400	73.450	11.207	8.347	11.207	9.513															
67.450	67.500	9.898	7.633	9.898	8.204	70.450	70.500	10.558	7.993	10.558	8.864	73.450	73.500	11.218	8.353	11.218	9.524															
67.500	67.550	9.909	7.639	9.909	8.215	70.500	70.550	10.569	7.999	10.569	8.875	73.500	73.550	11.229	8.359	11.229	9.535															
67.550	67.600	9.920	7.645	9.920	8.226	70.550	70.600	10.580	8.005	10.580	8.886	73.550	73.600	11.240	8.365	11.240	9.546															
67.600	67.650	9.931	7.651	9.931	8.237	70.600	70.650	10.591	8.011	10.591	8.897	73.600	73.650	11.251	8.371	11.251	9.557															
67.650	67.700	9.942	7.657	9.942	8.248	70.650	70.700	10.602	8.017	10.602	8.908	73.650	73.700	11.262	8.377	11.262	9.568															
67.700	67.750	9.953	7.663	9.953	8.259	70.700	70.750	10.613	8.023	10.613	8.919	73.700	73.750	11.273	8.383	11.273	9.579															
67.750	67.800	9.964	7.669	9.964	8.270	70.750	70.800	10.624	8.029	10.624	8.930	73.750	73.800	11.284	8.389	11.284	9.590															
67.800	67.850	9.975	7.675	9.975	8.281	70.800	70.850	10.635	8.035	10.635	8.941	73.800	73.850	11.295	8.395	11.295	9.601															
67.850	67.900	9.986	7.681	9.986	8.292	70.850	70.900	10.646	8.041	10.646	8.952	73.850	73.900	11.306	8.401	11.306	9.612															
67.900	67.950	9.997	7.687	9.997	8.303	70.900	70.950	10.657	8.047	10.657	8.963	73.900	73.950	11.317	8.407	11.317	9.623															
67.950	68.000	10.008	7.693	10.008	8.314	70.950	71.000	10.668	8.053	10.668	8.974	73.950	74.000	11.328	8.413	11.328	9.634															
68.000						71.000						74.000																				
68.000	68.050	10.019	7.699	10.019	8.325	71.000	71.050	10.679	8.059	10.679	8.985	74.000	74.050	11.339	8.419	11.339	9.645															
68.050	68.100	10.030	7.705	10.030	8.336	71.050	71.100	10.690	8.065	10.690	8.996	74.050	74.100	11.350	8.425	11.350	9.656															
68.100	68.150	10.041	7.711	10.041	8.347	71.100	71.150	10.701	8.071	10.701	9.007	74.100	74.150	11.361	8.431	11.361	9.667															
68.150	68.200	10.052	7.717	10.052	8.358	71.150	71.200	10.712	8.077	10.712	9.018	74.150	74.200	11.372	8.437	11.372	9.678															
68.200	68.250	10.063	7.723	10.063	8.369	71.200	71.250	10.723	8.083	10.723	9.029	74.200	74.250	11.383	8.443	11.383	9.689															
68.250	68.300	10.074	7.729	10.074	8.380	71.250	71.300	10.734	8.089	10.734	9.040	74.250	74.300	11.394	8.449	11.394	9.700															
68.300	68.350	10.085	7.735	10.085	8.391	71.300	71.350	10.745	8.095	10.745	9.051	74.300	74.350	11.405	8.455	11.405	9.711															
68.350	68.400	10.096	7.741	10.096	8.402	71.350	71.400	10.756	8.101	10.756	9.062	74.350	74.400	11.416	8.461	11.416	9.722															
68.400	68.450	10.107	7.747	10.107	8.413	71.400	71.450	10.767	8.107	10.767	9.073	74.400	74.450	11.427	8.467	11.427	9.733															
68.450	68.500	10.118	7.753	10.118	8.424	71.450	71.500	10.778	8.113	10.778	9.084	74.450	74.500	11.438	8.473	11.438	9.744															
68.500	68.550	10.129	7.759	10.129	8.435	71.500	71.550	10.789	8.119	10.789	9.095	74.500	74.550	11.449	8.479	11.449	9.755															
68.550	68.600	10.140	7.765	10.140	8.446	71.550	71.600	10.800	8.125	10.800	9.106	74.550	74.600	11.460	8.485	11.460	9.766															
68.600	68.650	10.151	7.771	10.151	8.457	71.600	71.650	10.811	8.131	10.811	9.117																					

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –																				
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình															
Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-																				
75.000						78.000						81.000																				
75.000	75.050	11.559	8.539	11.559	9.865	78.000	78.050	12.219	8.899	12.219	10.525	81.000	81.050	12.879	9.259	12.879	11.185															
75.050	75.100	11.570	8.545	11.570	9.876	78.050	78.100	12.230	8.905	12.230	10.536	81.050	81.100	12.890	9.265	12.890	11.196															
75.100	75.150	11.581	8.551	11.581	9.887	78.100	78.150	12.241	8.911	12.241	10.547	81.100	81.150	12.901	9.271	12.901	11.207															
75.150	75.200	11.592	8.557	11.592	9.898	78.150	78.200	12.252	8.917	12.252	10.558	81.150	81.200	12.912	9.277	12.912	11.218															
75.200	75.250	11.603	8.563	11.603	9.909	78.200	78.250	12.263	8.923	12.263	10.569	81.200	81.250	12.923	9.283	12.923	11.229															
75.250	75.300	11.614	8.569	11.614	9.920	78.250	78.300	12.274	8.929	12.274	10.580	81.250	81.300	12.934	9.289	12.934	11.240															
75.300	75.350	11.625	8.575	11.625	9.931	78.300	78.350	12.285	8.935	12.285	10.591	81.300	81.350	12.945	9.295	12.945	11.251															
75.350	75.400	11.636	8.581	11.636	9.942	78.350	78.400	12.296	8.941	12.296	10.602	81.350	81.400	12.956	9.301	12.956	11.262															
75.400	75.450	11.647	8.587	11.647	9.953	78.400	78.450	12.307	8.947	12.307	10.613	81.400	81.450	12.967	9.307	12.967	11.273															
75.450	75.500	11.658	8.593	11.658	9.964	78.450	78.500	12.318	8.953	12.318	10.624	81.450	81.500	12.978	9.313	12.978	11.284															
75.500	75.550	11.669	8.599	11.669	9.975	78.500	78.550	12.329	8.959	12.329	10.635	81.500	81.550	12.989	9.319	12.989	11.295															
75.550	75.600	11.680	8.605	11.680	9.986	78.550	78.600	12.340	8.965	12.340	10.646	81.550	81.600	13.000	9.325	13.000	11.306															
75.600	75.650	11.691	8.611	11.691	9.997	78.600	78.650	12.351	8.971	12.351	10.657	81.600	81.650	13.011	9.331	13.011	11.317															
75.650	75.700	11.702	8.617	11.702	10.008	78.650	78.700	12.362	8.977	12.362	10.668	81.650	81.700	13.022	9.337	13.022	11.328															
75.700	75.750	11.713	8.623	11.713	10.019	78.700	78.750	12.373	8.983	12.373	10.679	81.700	81.750	13.033	9.343	13.033	11.339															
75.750	75.800	11.724	8.629	11.724	10.030	78.750	78.800	12.384	8.989	12.384	10.690	81.750	81.800	13.044	9.349	13.044	11.350															
75.800	75.850	11.735	8.635	11.735	10.041	78.800	78.850	12.395	8.995	12.395	10.701	81.800	81.850	13.055	9.355	13.055	11.361															
75.850	75.900	11.746	8.641	11.746	10.052	78.850	78.900	12.406	9.001	12.406	10.712	81.850	81.900	13.066	9.361	13.066	11.372															
75.900	75.950	11.757	8.647	11.757	10.063	78.900	78.950	12.417	9.007	12.417	10.723	81.900	81.950	13.077	9.367	13.077	11.383															
75.950	76.000	11.768	8.653	11.768	10.074	78.950	79.000	12.428	9.013	12.428	10.734	81.950	82.000	13.088	9.373	13.088	11.394															
76.000						79.000						82.000																				
76.000	76.050	11.779	8.659	11.779	10.085	79.000	79.050	12.439	9.019	12.439	10.745	82.000	82.050	13.099	9.379	13.099	11.405															
76.050	76.100	11.790	8.665	11.790	10.096	79.050	79.100	12.450	9.025	12.450	10.756	82.050	82.100	13.110	9.385	13.110	11.416															
76.100	76.150	11.801	8.671	11.801	10.107	79.100	79.150	12.461	9.031	12.461	10.767	82.100	82.150	13.121	9.391	13.121	11.427															
76.150	76.200	11.812	8.677	11.812	10.118	79.150	79.200	12.472	9.037	12.472	10.778	82.150	82.200	13.132	9.397	13.132	11.438															
76.200	76.250	11.823	8.683	11.823	10.129	79.200	79.250	12.483	9.043	12.483	10.789	82.200	82.250	13.143	9.403	13.143	11.449															
76.250	76.300	11.834	8.689	11.834	10.140	79.250	79.300	12.494	9.049	12.494	10.800	82.250	82.300	13.154	9.409	13.154	11.460															
76.300	76.350	11.845	8.695	11.845	10.151	79.300	79.350	12.505	9.055	12.505	10.811	82.300	82.350	13.165	9.415	13.165	11.471															
76.350	76.400	11.856	8.701	11.856	10.162	79.350	79.400	12.516	9.061	12.516	10.822	82.350	82.400	13.176	9.421	13.176	11.482															
76.400	76.450	11.867	8.707	11.867	10.173	79.400	79.450	12.527	9.067	12.527	10.833	82.400	82.450	13.187	9.427	13.187	11.493															
76.450	76.500	11.878	8.713	11.878	10.184	79.450	79.500	12.538	9.073	12.538	10.844	82.450	82.500	13.198	9.433	13.198	11.504															
76.500	76.550	11.889	8.719	11.889	10.195	79.500	79.550	12.549	9.079	12.549	10.855	82.500	82.550	13.209	9.439	13.209	11.515															
76.550	76.600	11.900	8.725	11.900	10.206	79.550	79.600	12.560	9.085	12.560	10.866	82.550	82.600	13.220	9.445	13.220	11.526															
76.600	76.650	11.911	8.731	11.911	10.217	79.600	79.650	12.571	9.091	12.571	10.877	82.600	82.650	13.231	9.451	13.231	11.537															
76.650	76.700	11.922	8.737	11.922	10.228	79.650	79.700	12.582	9.097	12.582	10.888	82.650	82.700	13.242	9.457	13.242	11.548															
76.700	76.750	11.933	8.743	11.933	10.239	79.700	79.750	12.593	9.103	12.593	10.899	82.700	82.750	13.253	9.463	13.253	11.559															
76.750	76.800	11.944	8.749	11.944	10.250	79.750	79.800	12.604	9.109	12.604	10.910	82.750	82.800	13.264	9.469	13.264	11.570															
76.800	76.850	11.955	8.755	11.955	10.261	79.800	79.850	12.615	9.115	12.615	10.921	82.800	82.850	13.275	9.475	13.275	11.581															
76.850	76.900	11.966	8.761	11.966	10.272	79.850	79.900	12.626	9.121	12.626	10.932	82.850	82.900	13.286	9.481	13.286	11.592															
76.900	76.950	11.977	8.767	11.977	10.283	79.900	79.950	12.637	9.127	12.637	10.943	82.900	82.950	13.297	9.487	13.297	11.603															
76.950	77.000	11.988	8.773	11.988	10.294	79.950	80.000	12.648	9.133	12.648	10.954	82.950	83.000	13.308	9.493	13.308	11.614															
77.000						80.000						83.000																				
77.000	77.050	11.999	8.779	11.999	10.305	80.000	80.050	12.659	9.139	12.659	10.965	83.000	83.050	13.319	9.499	13.319	11.625															
77.050	77.100	12.010	8.785	12.010	10.316	80.050	80.100	12.670	9.145	12.670	10.976	83.050	83.100	13.330	9.505	13.330	11.636															
77.100	77.150	12.021	8.791	12.021	10.327	80.100	80.150	12.681	9.151	12.681	10.987	83.100	83.150	13.341	9.511	13.341	11.647															
77.150	77.200	12.032	8.797	12.032	10.338	80.150	80.200	12.692	9.157	12.692	10.998	83.150	83.200	13.352	9.517	13.352	11.658															
77.200	77.250	12.043	8.803	12.043	10.349	80.200	80.250	12.703	9.163	12.703	11.009	83.200	83.250	13.363	9.523	13.363	11.669															
77.250	77.300	12.054	8.809	12.054	10.360	80.250	80.300	12.714	9.169	12.714	11.020	83.250	83.300	13.374	9.529	13.374	11.680															
77.300	77.350	12.065	8.815	12.065	10.371	80.300	80.350	12.725	9.175	12.725	11.031	83.300	83.350	13.385	9.535	13.385	11.691															
77.350	77.400	12.076	8.821	12.076	10.382	80.350	80.400	12.736	9.181	12.736	11.042	83.350	83.400	13.396	9.541	13.396	11.702															
77.400	77.450	12.087	8.827	12.087	10.393	80.400	80.450	12.747	9.187	12.747	11.053	83.400	83.450	13.407	9.547	13.407	11.713															
77.450	77.500	12.098	8.833	12.098	10.404	80.450	80.500	12.758	9.193	12.758	11.064	83.450	83.500	13.418	9.553	13.418	11.724															
77.500	77.550	12.109	8.839	12.109	10.415	80.500	80.550	12.769	9.199	12.769	11.075	83.500	83.550	13.429	9.559	13.429	11.735															
77.550	77.600	12.120	8.845	12.120	10.426	80.550	80.600																									

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –						Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –					
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-					
84.000						87.000						90.000					
84.000	84.050	13.539	9.619	13.539	11.845	87.000	87.050	14.199	9.979	14.199	12.505	90.000	90.050	14.859	10.339	14.859	13.165
84.050	84.100	13.550	9.625	13.550	11.856	87.050	87.100	14.210	9.985	14.210	12.516	90.050	90.100	14.870	10.345	14.870	13.176
84.100	84.150	13.561	9.631	13.561	11.867	87.100	87.150	14.221	9.991	14.221	12.527	90.100	90.150	14.881	10.351	14.881	13.187
84.150	84.200	13.572	9.637	13.572	11.878	87.150	87.200	14.232	9.997	14.232	12.538	90.150	90.200	14.892	10.357	14.892	13.198
84.200	84.250	13.583	9.643	13.583	11.889	87.200	87.250	14.243	10.003	14.243	12.549	90.200	90.250	14.903	10.363	14.903	13.209
84.250	84.300	13.594	9.649	13.594	11.900	87.250	87.300	14.254	10.009	14.254	12.560	90.250	90.300	14.914	10.369	14.914	13.220
84.300	84.350	13.605	9.655	13.605	11.911	87.300	87.350	14.265	10.015	14.265	12.571	90.300	90.350	14.925	10.375	14.925	13.231
84.350	84.400	13.616	9.661	13.616	11.922	87.350	87.400	14.276	10.021	14.276	12.582	90.350	90.400	14.936	10.381	14.936	13.242
84.400	84.450	13.627	9.667	13.627	11.933	87.400	87.450	14.287	10.027	14.287	12.593	90.400	90.450	14.947	10.387	14.947	13.253
84.450	84.500	13.638	9.673	13.638	11.944	87.450	87.500	14.298	10.033	14.298	12.604	90.450	90.500	14.958	10.393	14.958	13.264
84.500	84.550	13.649	9.679	13.649	11.955	87.500	87.550	14.309	10.039	14.309	12.615	90.500	90.550	14.969	10.399	14.969	13.275
84.550	84.600	13.660	9.685	13.660	11.966	87.550	87.600	14.320	10.045	14.320	12.626	90.550	90.600	14.980	10.405	14.980	13.286
84.600	84.650	13.671	9.691	13.671	11.977	87.600	87.650	14.331	10.051	14.331	12.637	90.600	90.650	14.991	10.411	14.991	13.297
84.650	84.700	13.682	9.697	13.682	11.988	87.650	87.700	14.342	10.057	14.342	12.648	90.650	90.700	15.002	10.417	15.002	13.308
84.700	84.750	13.693	9.703	13.693	11.999	87.700	87.750	14.353	10.063	14.353	12.659	90.700	90.750	15.013	10.423	15.013	13.319
84.750	84.800	13.704	9.709	13.704	12.010	87.750	87.800	14.364	10.069	14.364	12.670	90.750	90.800	15.024	10.429	15.024	13.330
84.800	84.850	13.715	9.715	13.715	12.021	87.800	87.850	14.375	10.075	14.375	12.681	90.800	90.850	15.035	10.435	15.035	13.341
84.850	84.900	13.726	9.721	13.726	12.032	87.850	87.900	14.386	10.081	14.386	12.692	90.850	90.900	15.046	10.441	15.046	13.352
84.900	84.950	13.737	9.727	13.737	12.043	87.900	87.950	14.397	10.087	14.397	12.703	90.900	90.950	15.057	10.447	15.057	13.363
84.950	85.000	13.748	9.733	13.748	12.054	87.950	88.000	14.408	10.093	14.408	12.714	90.950	91.000	15.068	10.453	15.068	13.374
85.000						88.000						91.000					
85.000	85.050	13.759	9.739	13.759	12.065	88.000	88.050	14.419	10.099	14.419	12.725	91.000	91.050	15.079	10.459	15.079	13.385
85.050	85.100	13.770	9.745	13.770	12.076	88.050	88.100	14.430	10.105	14.430	12.736	91.050	91.100	15.090	10.465	15.090	13.396
85.100	85.150	13.781	9.751	13.781	12.087	88.100	88.150	14.441	10.111	14.441	12.747	91.100	91.150	15.101	10.471	15.101	13.407
85.150	85.200	13.792	9.757	13.792	12.098	88.150	88.200	14.452	10.117	14.452	12.758	91.150	91.200	15.112	10.477	15.112	13.418
85.200	85.250	13.803	9.763	13.803	12.109	88.200	88.250	14.463	10.123	14.463	12.769	91.200	91.250	15.123	10.483	15.123	13.429
85.250	85.300	13.814	9.769	13.814	12.120	88.250	88.300	14.474	10.129	14.474	12.780	91.250	91.300	15.134	10.489	15.134	13.440
85.300	85.350	13.825	9.775	13.825	12.131	88.300	88.350	14.485	10.135	14.485	12.791	91.300	91.350	15.145	10.495	15.145	13.451
85.350	85.400	13.836	9.781	13.836	12.142	88.350	88.400	14.496	10.141	14.496	12.802	91.350	91.400	15.156	10.501	15.156	13.462
85.400	85.450	13.847	9.787	13.847	12.153	88.400	88.450	14.507	10.147	14.507	12.813	91.400	91.450	15.167	10.507	15.167	13.473
85.450	85.500	13.858	9.793	13.858	12.164	88.450	88.500	14.518	10.153	14.518	12.824	91.450	91.500	15.178	10.513	15.178	13.484
85.500	85.550	13.869	9.799	13.869	12.175	88.500	88.550	14.529	10.159	14.529	12.835	91.500	91.550	15.189	10.519	15.189	13.495
85.550	85.600	13.880	9.805	13.880	12.186	88.550	88.600	14.540	10.165	14.540	12.846	91.550	91.600	15.200	10.525	15.200	13.506
85.600	85.650	13.891	9.811	13.891	12.197	88.600	88.650	14.551	10.171	14.551	12.857	91.600	91.650	15.211	10.531	15.211	13.517
85.650	85.700	13.902	9.817	13.902	12.208	88.650	88.700	14.562	10.177	14.562	12.868	91.650	91.700	15.222	10.537	15.222	13.528
85.700	85.750	13.913	9.823	13.913	12.219	88.700	88.750	14.573	10.183	14.573	12.879	91.700	91.750	15.233	10.543	15.233	13.539
85.750	85.800	13.924	9.829	13.924	12.230	88.750	88.800	14.584	10.189	14.584	12.890	91.750	91.800	15.244	10.549	15.244	13.550
85.800	85.850	13.935	9.835	13.935	12.241	88.800	88.850	14.595	10.195	14.595	12.901	91.800	91.850	15.255	10.555	15.255	13.561
85.850	85.900	13.946	9.841	13.946	12.252	88.850	88.900	14.606	10.201	14.606	12.912	91.850	91.900	15.266	10.561	15.266	13.572
85.900	85.950	13.957	9.847	13.957	12.263	88.900	88.950	14.617	10.207	14.617	12.923	91.900	91.950	15.277	10.567	15.277	13.583
85.950	86.000	13.968	9.853	13.968	12.274	88.950	89.000	14.628	10.213	14.628	12.934	91.950	92.000	15.288	10.573	15.288	13.594
86.000						89.000						92.000					
86.000	86.050	13.979	9.859	13.979	12.285	89.000	89.050	14.639	10.219	14.639	12.945	92.000	92.050	15.299	10.579	15.299	13.605
86.050	86.100	13.990	9.865	13.990	12.296	89.050	89.100	14.650	10.225	14.650	12.956	92.050	92.100	15.310	10.585	15.310	13.616
86.100	86.150	14.001	9.871	14.001	12.307	89.100	89.150	14.661	10.231	14.661	12.967	92.100	92.150	15.321	10.591	15.321	13.627
86.150	86.200	14.012	9.877	14.012	12.318	89.150	89.200	14.672	10.237	14.672	12.978	92.150	92.200	15.332	10.597	15.332	13.638
86.200	86.250	14.023	9.883	14.023	12.329	89.200	89.250	14.683	10.243	14.683	12.989	92.200	92.250	15.343	10.603	15.343	13.649
86.250	86.300	14.034	9.889	14.034	12.340	89.250	89.300	14.694	10.249	14.694	13.000	92.250	92.300	15.354	10.609	15.354	13.660
86.300	86.350	14.045	9.895	14.045	12.351	89.300	89.350	14.705	10.255	14.705	13.011	92.300	92.350	15.365	10.615	15.365	13.671
86.350	86.400	14.056	9.901	14.056	12.362	89.350	89.400	14.716	10.261	14.716	13.022	92.350	92.400	15.376	10.621	15.376	13.682
86.400	86.450	14.067	9.907	14.067	12.373	89.400	89.450	14.727	10.267	14.727	13.033	92.400	92.450	15.387	10.627	15.387	13.693
86.450	86.500	14.078	9.913	14.078	12.384	89.450	89.500	14.738	10.273	14.738	13.044	92.450	92.500	15.398	10.633	15.398	13.704
86.500	86.550	14.089	9.919	14.089	12.395	89.500	89.550	14.749	10.279	14.749	13.055	92.500	92.550	15.409	10.639	15.	

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và bạn-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-						Thuế của bạn là-					
93.000						96.000						99.000					
93.000	93.050	15.519	10.699	15.519	13.825	96.000	96.050	16.179	11.232	16.179	14.485	99.000	99.050	16.839	11.892	16.839	15.145
93.050	93.100	15.530	10.705	15.530	13.836	96.050	96.100	16.190	11.243	16.190	14.496	99.050	99.100	16.850	11.903	16.850	15.156
93.100	93.150	15.541	10.711	15.541	13.847	96.100	96.150	16.201	11.254	16.201	14.507	99.100	99.150	16.861	11.914	16.861	15.167
93.150	93.200	15.552	10.717	15.552	13.858	96.150	96.200	16.212	11.265	16.212	14.518	99.150	99.200	16.872	11.925	16.872	15.178
93.200	93.250	15.563	10.723	15.563	13.869	96.200	96.250	16.223	11.276	16.223	14.529	99.200	99.250	16.883	11.936	16.883	15.189
93.250	93.300	15.574	10.729	15.574	13.880	96.250	96.300	16.234	11.287	16.234	14.540	99.250	99.300	16.894	11.947	16.894	15.200
93.300	93.350	15.585	10.735	15.585	13.891	96.300	96.350	16.245	11.298	16.245	14.551	99.300	99.350	16.905	11.958	16.905	15.211
93.350	93.400	15.596	10.741	15.596	13.902	96.350	96.400	16.256	11.309	16.256	14.562	99.350	99.400	16.916	11.969	16.916	15.222
93.400	93.450	15.607	10.747	15.607	13.913	96.400	96.450	16.267	11.320	16.267	14.573	99.400	99.450	16.927	11.980	16.927	15.233
93.450	93.500	15.618	10.753	15.618	13.924	96.450	96.500	16.278	11.331	16.278	14.584	99.450	99.500	16.938	11.991	16.938	15.244
93.500	93.550	15.629	10.759	15.629	13.935	96.500	96.550	16.289	11.342	16.289	14.595	99.500	99.550	16.949	12.002	16.949	15.255
93.550	93.600	15.640	10.765	15.640	13.946	96.550	96.600	16.300	11.353	16.300	14.606	99.550	99.600	16.960	12.013	16.960	15.266
93.600	93.650	15.651	10.771	15.651	13.957	96.600	96.650	16.311	11.364	16.311	14.617	99.600	99.650	16.971	12.024	16.971	15.277
93.650	93.700	15.662	10.777	15.662	13.968	96.650	96.700	16.322	11.375	16.322	14.628	99.650	99.700	16.982	12.035	16.982	15.288
93.700	93.750	15.673	10.783	15.673	13.979	96.700	96.750	16.333	11.386	16.333	14.639	99.700	99.750	16.993	12.046	16.993	15.299
93.750	93.800	15.684	10.789	15.684	13.990	96.750	96.800	16.344	11.397	16.344	14.650	99.750	99.800	17.004	12.057	17.004	15.310
93.800	93.850	15.695	10.795	15.695	14.001	96.800	96.850	16.355	11.408	16.355	14.661	99.800	99.850	17.015	12.068	17.015	15.321
93.850	93.900	15.706	10.801	15.706	14.012	96.850	96.900	16.366	11.419	16.366	14.672	99.850	99.900	17.026	12.079	17.026	15.332
93.900	93.950	15.717	10.807	15.717	14.023	96.900	96.950	16.377	11.430	16.377	14.683	99.900	99.950	17.037	12.090	17.037	15.343
93.950	94.000	15.728	10.813	15.728	14.034	96.950	97.000	16.388	11.441	16.388	14.694	99.950	100.000	17.048	12.101	17.048	15.354
94.000						97.000						\$100.000 hoặc nhiều hơn sử dụng Bảng Tính Thuế					
94.000	94.050	15.739	10.819	15.739	14.045	97.000	97.050	16.399	11.452	16.399	14.705						
94.050	94.100	15.750	10.825	15.750	14.056	97.050	97.100	16.410	11.463	16.410	14.716						
94.100	94.150	15.761	10.831	15.761	14.067	97.100	97.150	16.421	11.474	16.421	14.727						
94.150	94.200	15.772	10.837	15.772	14.078	97.150	97.200	16.432	11.485	16.432	14.738						
94.200	94.250	15.783	10.843	15.783	14.089	97.200	97.250	16.443	11.496	16.443	14.749						
94.250	94.300	15.794	10.849	15.794	14.100	97.250	97.300	16.454	11.507	16.454	14.760						
94.300	94.350	15.805	10.858	15.805	14.111	97.300	97.350	16.465	11.518	16.465	14.771						
94.350	94.400	15.816	10.869	15.816	14.122	97.350	97.400	16.476	11.529	16.476	14.782						
94.400	94.450	15.827	10.880	15.827	14.133	97.400	97.450	16.487	11.540	16.487	14.793						
94.450	94.500	15.838	10.891	15.838	14.144	97.450	97.500	16.498	11.551	16.498	14.804						
94.500	94.550	15.849	10.902	15.849	14.155	97.500	97.550	16.509	11.562	16.509	14.815						
94.550	94.600	15.860	10.913	15.860	14.166	97.550	97.600	16.520	11.573	16.520	14.826						
94.600	94.650	15.871	10.924	15.871	14.177	97.600	97.650	16.531	11.584	16.531	14.837						
94.650	94.700	15.882	10.935	15.882	14.188	97.650	97.700	16.542	11.595	16.542	14.848						
94.700	94.750	15.893	10.946	15.893	14.199	97.700	97.750	16.553	11.606	16.553	14.859						
94.750	94.800	15.904	10.957	15.904	14.210	97.750	97.800	16.564	11.617	16.564	14.870						
94.800	94.850	15.915	10.968	15.915	14.221	97.800	97.850	16.575	11.628	16.575	14.881						
94.850	94.900	15.926	10.979	15.926	14.232	97.850	97.900	16.586	11.639	16.586	14.892						
94.900	94.950	15.937	10.990	15.937	14.243	97.900	97.950	16.597	11.650	16.597	14.903						
94.950	95.000	15.948	11.001	15.948	14.254	97.950	98.000	16.608	11.661	16.608	14.914						
95.000						98.000											
95.000	95.050	15.959	11.012	15.959	14.265	98.000	98.050	16.619	11.672	16.619	14.925						
95.050	95.100	15.970	11.023	15.970	14.276	98.050	98.100	16.630	11.683	16.630	14.936						
95.100	95.150	15.981	11.034	15.981	14.287	98.100	98.150	16.641	11.694	16.641	14.947						
95.150	95.200	15.992	11.045	15.992	14.298	98.150	98.200	16.652	11.705	16.652	14.958						
95.200	95.250	16.003	11.056	16.003	14.309	98.200	98.250	16.663	11.716	16.663	14.969						
95.250	95.300	16.014	11.067	16.014	14.320	98.250	98.300	16.674	11.727	16.674	14.980						
95.300	95.350	16.025	11.078	16.025	14.331	98.300	98.350	16.685	11.738	16.685	14.991						
95.350	95.400	16.036	11.089	16.036	14.342	98.350	98.400	16.696	11.749	16.696	15.002						
95.400	95.450	16.047	11.100	16.047	14.353	98.400	98.450	16.707	11.760	16.707	15.013						
95.450	95.500	16.058	11.111	16.058	14.364	98.450	98.500	16.718	11.771	16.718	15.024						
95.500	95.550	16.069	11.122	16.069	14.375	98.500	98.550	16.729	11.782	16.729	15.035						
95.550	95.600	16.080	11.133	16.080	14.386	98.550	98.600	16.740	11.793	16.740	15.046						
95.600	95.650	16.091	11.144	16.091	14.397	98.600	98.650	16.751	11.804	16.751	15.057						
95.650	95.700	16.102	11.155	16.102	14.408	98.650	98.700	16.762	11.815	16.762	15.068						
95.700	95.750	16.113	11.166	16.113	14.419	98.700	98.750	16.773	11.826	16.773	15.079						
95.750	95.800	16.124	11.177	16.124	14.430	98.750	95.800	16.784	11.837	16.784	15.090						
95.800	95.850	16.135	11.188	16.135	14.441	98.800	98.850	16.795	11.848	16.795	15.101						
95.850	95.900	16.146	11.199	16.146	14.452	98.850	98.900	16.806	11.859	16.806	15.112						
95.900	95.950	16.157	11.210	16.157	14.463	98.900	98.950	16.817	11.870	16.817	15.123						
95.950	96.000	16.168	11.221	16.168	14.474	98.950	99.000	16.828	11.881	16.828	15.134						

Bảng Tính Thuế năm 2024– Dòng 16



Xem Dòng 16 trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040 để xem bạn có phải sử dụng bảng tính thuế dưới đây để tính thuế của bạn không.

Ghi chú. Nếu bạn bắt buộc phải sử dụng bảng tính thuế này để tính tiền thuế trên một số tiền từ một bảng tính khác, chẳng hạn như Bảng Tính Thuế của Cổ tức đủ điều kiện và lãi vốn, Bảng Tính Thuế của Bảng D, Bảng J, Mẫu 8615, hoặc Bảng Tính Thuế của Thu nhập kiếm được ở nước ngoài, hãy nhập số tiền từ mẫu đó hoặc bảng tính đó vào cột (a) của hàng tương ứng với số tiền mà bạn đang tra cứu. Nhập kết quả tìm được trên dòng thích hợp của mẫu hoặc bảng tính mà bạn đang điền.

Phần A–Sử dụng nếu tư cách khai thuế của bạn là **Độc Thân**. Hoàn thành hàng tương ứng với bạn dưới đây.

Thu nhập chịu thuế. Nếu dòng 15 là –	(a) Nhập số tiền từ dòng 15.	(b) Số nhân	(c) Nhân (a) với (b).	(d) Số trừ	Thuế. Lấy (c) trừ (d). Nhập kết quả ở đây và trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 16.
Ít nhất \$100.000 nhưng không quá \$100.525	\$	× 22% (0,22)	\$	\$ 4.947,00	\$
Trên \$100.525 nhưng không quá \$191.950	\$	× 24% (0,24)	\$	\$ 6.957,50	\$
Trên \$191.950 nhưng không quá \$243.725	\$	× 32% (0,32)	\$	\$ 22.313,50	\$
Trên \$243.725 nhưng không quá \$609.350		× 35% (0,35)		\$ 29.625,25	
Trên \$609.350	\$	× 37% (0,37)	\$	\$ 41.812,25	\$

Phần B–Sử dụng nếu tư cách khai thuế của bạn là **Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế** hoặc **Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện**. Hoàn thành hàng tương ứng với bạn dưới đây.

Thu nhập chịu thuế. Nếu dòng 15 là –	(a) Nhập số tiền từ dòng 15.	(b) Số nhân	(c) Nhân (a) với (b).	(d) Số trừ	Thuế. Lấy (c) trừ (d). Nhập kết quả ở đây và trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 16.
Ít nhất \$100.000 nhưng không quá \$201.050	\$	× 22% (0,22)	\$	\$ 9.894,00	\$
Trên \$201.050 nhưng không quá \$383.900	\$	× 24% (0,24)	\$	\$ 13.915,00	\$
Trên \$383.900 nhưng không quá \$487.450	\$	× 32% (0,32)	\$	\$44.627,00	\$
Trên \$487.450 nhưng không quá \$731.200	\$	× 35% (0,35)	\$	\$ 59.250,50	\$
Trên \$731.200	\$	× 37% (0,37)	\$	\$ 73.874,50	\$

Phần C–Sử dụng nếu tư cách khai thuế của bạn là **Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế**. Hoàn thành hàng tương ứng với bạn dưới đây.

Thu nhập chịu thuế. Nếu dòng 15 là –	(a) Nhập số tiền từ dòng 15.	(b) Số nhân	(c) Nhân (a) với (b).	(d) Số trừ	Thuế. Lấy (c) trừ (d). Nhập kết quả ở đây và trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 16.
Ít nhất \$100.000 nhưng không quá \$100.525	\$	× 22% (0,22)	\$	\$ 4.947,00	\$
Trên \$100.525 nhưng không quá \$191.950	\$	× 24% (0,24)	\$	\$ 6.957,50	\$
Trên \$191.950 nhưng không quá \$243.725	\$	× 32% (0,32)	\$	\$ 22.313,50	\$
Trên \$243.725 nhưng không quá \$365.600		× 35% (0,35)		\$ 29.625,25	
Trên \$365.600	\$	× 37% (0,37)	\$	\$ 36.937,25	\$

Phần D–Sử dụng nếu tư cách khai thuế của bạn là **Chủ gia đình**. Hoàn thành hàng tương ứng với bạn dưới đây.

Thu nhập chịu thuế. Nếu dòng 15 là –	(a) Nhập số tiền từ dòng 15.	(b) Số nhân	(c) Nhân (a) với (b).	(d) Số trừ	Thuế. Lấy (c) trừ (d). Nhập kết quả ở đây và trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 16.
Tối thiểu \$100.000 nhưng không quá \$100.500	\$	× 22% (0,22)	\$	\$ 6.641,00	\$
Trên \$100.500 nhưng không quá \$191.950	\$	× 24% (0,24)	\$	\$ 8.651,00	\$
Trên \$191.950 nhưng không quá \$243.700	\$	× 32% (0,32)	\$	\$ 24.007,00	\$
Trên \$243.700 nhưng không quá \$609.350		× 35% (0,35)		\$ 31.318,00	
Trên \$609.350	\$	× 37% (0,37)	\$	\$ 43.505,00	\$

Khung Thuế Suất 2024



Khung Thuế Suất được trình bày để bạn có thể xem mức thuế suất áp dụng cho tất cả các mức thu nhập chịu thuế. Vui lòng không sử dụng để tính tiền thuế của bạn. Thay vào đó, hãy xem [chương 13](#).

Bảng X —Sử dụng nếu tư cách khai thuế của bạn là **Độc thân**.

Nếu thu nhập chịu thuế của bạn:		Tiền thuế bằng:	
Trên—	Nhưng không quá —		của số tiền trên—
\$0	\$11.600	----- 10%	\$0
11.600	47.150	\$1.160,00 + 12%	11.600
47.150	100.525	5.426,00 + 22%	47.150
100.525	191.950	17.168,50 + 24%	100.525
191.950	243.725	39.110,50 + 32%	191.950
243.725	609.350	55.678,50 + 35%	243.725
609.350	-----	183.647,25 + 37%	609.350

Bảng Y-1 —Sử dụng nếu tư cách khai thuế của bạn là **Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện**.

Nếu thu nhập chịu thuế của bạn:		Tiền thuế bằng:	
Trên—	Nhưng không quá —		của số tiền trên—
\$0	\$23.200	----- 10%	\$0
23.200	94.300	\$2.320,00 + 12%	23.200
94.300	201.050	10.852,00 + 22%	94.300
201.050	383.900	34.337,00 + 24%	201.050
383.900	487.450	78.221,00 + 32%	383.900
487.450	731.200	111.357,00 + 35%	487.450
731.200	-----	196.669,50 + 37%	731.200

Bảng Y-2 —Sử dụng nếu tư cách khai thuế của bạn là **Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế**.

Nếu thu nhập chịu thuế của bạn:		Tiền thuế bằng:	
Trên—	Nhưng không quá —		của số tiền trên—
\$0	\$11.600	----- 10%	\$0
11.600	47.150	\$1.160,00 + 12%	11.600
47.150	100.525	5.426,00 + 22%	47.150
100.525	191.950	17.168,50 + 24%	100.525
191.950	243.725	39.110,50 + 32%	191.950
243.725	365.600	55.678,50 + 35%	243.725
365.600	-----	98.334,75 + 37%	365.600

Bảng Z—Sử dụng nếu tư cách khai thuế của bạn là **Chủ gia đình**.

Nếu thu nhập chịu thuế của bạn:		Tiền thuế bằng:	
Trên—	Nhưng không quá —	của số tiền trên—	
\$0	\$16.550	----- 10%	\$0
16.550	63.100	\$1.655,00 + 12%	16.550
63.100	100.500	7.241,00 + 22%	63.100
100.500	191.950	15.469,00 + 24%	100.500
191.950	243.700	37.417,00 + 32%	191.950
243.700	609.350	53.977,00 + 35%	243.700
609.350	-----	181.954,50 + 37%	609.350

Quyền của bạn với tư cách là Người đóng thuế

Đoạn này giải thích về quyền của bạn với tư cách là người đóng thuế và các quá trình kiểm xét, kháng cáo, thu thuế và hoàn thuế.

Bản Tuyên ngôn Quyền của Người đóng thuế

1. Quyền được Cho biết. Người đóng thuế có quyền được biết họ cần làm gì để tuân theo luật thuế. Họ có quyền được giải thích rõ ràng về luật và các thể thức của IRS ở tất cả các biểu thuế, chỉ dẫn, ấn phẩm, thông báo và thư từ. Họ có quyền được biết về các quyết định của IRS về trường mục thuế của mình và được giải thích rõ ràng về kết quả.

2. Quyền nhận Dịch vụ có Phẩm chất. Người đóng thuế có quyền được trợ giúp nhanh chóng, lịch sự và chuyên nghiệp trong khi giao dịch với IRS, được cho biết theo cách họ có thể hiểu dễ dàng, nhận được thông tin rõ ràng, dễ hiểu từ IRS, và nói chuyện với người giám thị về một dịch vụ không phù hợp.

3. Quyền không trả nhiều hơn số Tiền thuế đúng. Người đóng thuế có quyền chỉ trả số thuế đúng hạn theo pháp lý, gồm cả các khoản tiền lãi và tiền phạt, và được IRS áp dụng tất cả khoản trả tiền thuế đúng cách.

4. Quyền phản đối Quan điểm của IRS và được lắng nghe. Người đóng thuế có quyền phản đối và đưa ra thêm những tài liệu để phản hồi hành động chính thức của IRS hoặc hành động đề nghị, quyền đòi hỏi IRS sẽ duyệt xét phản đối của họ kịp thời, xem xét tài liệu của họ nhanh chóng và công bằng, và được phản hồi nếu IRS không đồng ý với lập luận của họ.

5. Quyền khiếu nại Quyết định của IRS tại một Diễn đàn độc lập. Người đóng thuế có quyền khiếu nại hành chính công bằng về hầu hết các quyết định của IRS, bao gồm những

khoản phạt, và có quyền được phân hồi bằng văn bản về quyết định của Văn phòng Kháng cáo Độc lập của IRS. Người đóng thuế nói chung có quyền mang vụ khiếu nại kiện ra tòa.

6. Quyền được Dứt điểm. Người đóng thuế có quyền biết số lần nhiều nhất họ có thể phản đối IRS cũng như thời gian nhiều nhất IRS có thể kiểm tra một niên thuế cụ thể hoặc truy thu nợ thuế. Người đóng thuế có quyền biết khi nào IRS kiểm tra xong.

7. Quyền được Riêng tư. Người đóng thuế có quyền đòi hỏi bất cứ câu hỏi, kiểm xét, hoặc hành động thực hiện nào của IRS phải tuân theo luật pháp và không nhiều hơn mức cần thiết, và sẽ tôn trọng tất cả các quyền tổ tụng, bao gồm tìm kiếm và được bảo vệ không bị truy thu, được cung cấp một phiên tòa tố tụng đầy đủ về việc truy thu.

8. Quyền được Bảo mật. Người đóng thuế có quyền đòi hỏi bất cứ thông tin nào họ cho IRS biết sẽ không được tiết lộ trừ khi được người đóng thuế hoặc pháp luật cho phép. Người đóng thuế có quyền đòi hỏi sẽ có những hành động thích hợp đối với nhân viên, người làm tờ khai thuế, và những người khác dùng sai hoặc tiết lộ sai thông tin khai thuế của người đóng thuế.

9. Quyền thuê Người đại diện. Người đóng thuế có quyền ủy quyền dùng một người đại diện được ủy quyền mà họ chọn để đại diện cho họ khi giao dịch với IRS. Người đóng thuế có quyền được trợ giúp từ Trung tâm cho Người đóng thuế có thu nhập thấp nếu họ không đủ tiền trả cho đại diện.

10. Quyền có một Hệ thống thuế Công bằng và Chính đáng. Người đóng thuế có quyền đòi hỏi hệ thống thuế vụ cân nhắc dữ liệu và điều kiện ảnh hưởng tới nợ tiềm ẩn, khả năng trả tiền hoặc khả năng cho biết thông tin kịp thời. Người đóng thuế có quyền được Dịch vụ Biện hộ Người đóng thuế trợ giúp nếu họ bị khó khăn tài

chính hoặc nếu IRS chưa giải quyết xong vấn đề thuế má hợp lý và kịp thời thông qua các kênh bình thường.

Kiểm tra (Kiểm xét)

Chúng tôi tiếp nhận tờ khai thuế của hầu hết những người đóng thuế với tình trạng như khi nộp. Nếu chúng tôi truy vấn về tờ khai thuế của bạn hoặc lựa chọn hồ sơ đó để kiểm tra, điều đó không ám chỉ là bạn không trung thực. Sự truy vấn hay kiểm tra đó có thể dẫn đến kết quả là bạn bị tăng thuế hoặc không. Chúng tôi có thể đóng lại vụ việc của bạn mà không có thay đổi nào; hoặc bạn có thể được hoàn thuế.

Quy trình lựa chọn tờ khai thuế để kiểm tra thường bắt đầu trong một hoặc hai ngày. Trước tiên, chúng tôi sử dụng các chương trình máy tính để xác định các hồ sơ thuế có thể có số tiền không chính xác. Các chương trình này có thể căn cứ theo bản kê khai dữ kiện để khai thuế, như Mẫu 1099 và W-2, căn cứ sự tìm hiểu các lần kiểm tra trước đây hoặc căn cứ các vấn đề nhất định do các dự án tuân thủ chỉ ra. Thứ hai, chúng tôi sử dụng thông tin từ các nguồn bên ngoài cho biết một tờ khai thuế có thể có số tiền không chính xác. Các nguồn này có thể bao gồm báo chí, hồ sơ công và cá nhân. Nếu chúng tôi xác định rằng thông tin là chính xác và đáng tin cậy, chúng tôi có thể căn cứ theo đó mà chọn một tờ khai thuế để kiểm tra.

Ấn phẩm 556, Kiểm tra Tờ khai, Quyền kháng cáo, và Yêu cầu hoàn thuế, giải thích các quy định và thủ tục mà chúng tôi tuân thủ trong hoạt động kiểm tra. Mục sau đây cho biết thông tin tổng quan về cách chúng tôi thực hiện kiểm tra.

Qua thư. Chúng tôi xử lý nhiều lần kiểm tra và truy vấn qua đường bưu điện. Chúng tôi sẽ gửi cho bạn một bức thư kèm yêu cầu cung cấp thêm thông tin hoặc lý do vì sao chúng tôi tin rằng tờ khai thuế của bạn có thể cần thay đổi. Bạn có thể phản hồi qua thư

hoặc có thể yêu cầu trao đổi riêng với chuyên viên kiểm tra. Nếu bạn gửi cho chúng tôi thông tin được yêu cầu qua thư hoặc đưa ra lời giải thích, chúng tôi có thể đồng ý với bạn hoặc không, và chúng tôi sẽ giải thích lý do của mọi thay đổi. Vui lòng gửi thư cho chúng tôi về bất cứ vấn đề nào mà bạn chưa hiểu.

Bảng cách phỏng vấn. Nếu chúng tôi thông báo với bạn rằng chúng tôi sẽ tiến hành kiểm tra bạn qua một cuộc trao đổi riêng, hoặc bạn yêu cầu có cuộc trao đổi đó, bạn có quyền yêu cầu tổ chức kiểm tra tại một địa điểm và thời gian hợp lý và thuận tiện cho các bạn và IRS. Nếu chuyên viên của chúng tôi đề xuất bất kỳ thay đổi nào cho tờ khai thuế của bạn, họ sẽ giải thích lý do cho các thay đổi đó. Nếu bạn không đồng ý với các thay đổi này, bạn có thể gặp người giám sát của chuyên viên kiểm tra đó.

Tái kiểm tra. Nếu chúng tôi đã kiểm tra cùng một mục trong tờ khai thuế của bạn ở một trong 2 năm trước và không đề xuất thay đổi nào đối với tiền thuế nợ của bạn, liên hệ với chúng tôi trong thời gian sớm nhất để chúng tôi có thể cân nhắc xem có nên ngừng việc kiểm tra đó không.

Kháng cáo

Nếu không đồng ý về thay đổi theo đề xuất của chuyên viên kiểm tra, bạn có thể kháng cáo lên Văn phòng Kháng cáo Độc lập của IRS. Hầu hết các sự khác biệt ý kiến đều có thể được dàn xếp mà không cần đến những phiên tòa tốn kém và mất thời gian. Quyền kháng cáo của bạn được giải thích chi tiết ở cả hai nội dung là Ấn phẩm 5, Quyền Kháng cáo của bạn và cách chuẩn bị Kháng nghị nếu bạn không đồng ý, và Ấn phẩm 556.

Nếu bạn không muốn dùng đến Văn phòng Kháng cáo Độc lập của IRS hoặc không đồng ý với kết luận của họ, bạn có thể đưa vụ việc lên Tòa án Thuế Hoa Kỳ, Tòa Sơ thẩm Liên

bang Hoa Kỳ hoặc Tòa án Khu vực Hoa Kỳ nơi bạn sinh sống. Nếu bạn đưa vụ việc ra tòa, IRS sẽ có nghĩa vụ chứng minh một số dữ kiện nhất định nếu bạn lưu đủ hồ sơ để cho thấy tiền thuế nợ của mình, đã hợp tác với IRS và đáp ứng các điều kiện nhất định khác. Nếu tòa đồng ý với bạn ở hầu hết các vấn đề trong vụ kiện và nhận thấy lập trường của chúng tôi quá phi lý, bạn có thể lấy lại một phần phí hành chính và kiện tụng của mình. Bạn sẽ không đủ điều kiện lấy lại các chi phí này nếu không cố gắng giải quyết vụ việc trên phương diện hành chính, bao gồm cả việc thông qua hệ thống kháng cáo, và bạn đã cung cấp cho chúng tôi thông tin cần thiết để giải quyết vụ việc.

Truy thu

Ấn phẩm 594, Quá trình truy thu của IRS, giải thích các quyền và trách nhiệm của bạn liên quan đến việc nộp thuế liên bang. Nội dung này mô tả:

- Những việc cần làm khi bạn nợ thuế. Nội dung này mô tả những việc bạn cần làm nếu nhận được một hóa đơn thuế và những gì cần làm nếu bạn cho rằng hóa đơn đó là sai. Phần này cũng đề cập đến việc nộp thuế theo hình thức trả góp, trì hoãn hành động thu thuế và gửi đề nghị thỏa hiệp.
- Hành động thu thuế của IRS. Phần này trình bày về sai áp, giải tòa sai áp, tịch biên, giải tòa tịch biên, tịch biên và bán lại, và tha nợ tài sản.
- Xác nhận của IRS với Cơ quan Tiểu bang về một khoản nợ thuế

trễ hạn nghiêm trọng, nhìn chung sẽ dẫn đến việc khước từ đơn xin cấp hộ chiếu và có thể kéo theo việc thu hồi hộ chiếu.

Quyền kháng cáo truy thu của bạn được giải thích chi tiết trong Ấn phẩm 1660, Quyền kháng cáo truy thu.

Miễn giảm cho vợ/chồng vô can. Nhìn chung, mỗi người trong hai vợ chồng bạn đều có trách nhiệm nộp đầy đủ tiền thuế, lãi và phạt đến hạn khi khai thuế chung. Tuy nhiên, nếu bạn đủ điều kiện được miễn giảm cho vợ/chồng vô can, bạn có thể được miễn giảm khỏi một phần hoặc toàn bộ khoản nợ phải trả chung. Để yêu cầu miễn giảm, bạn phải nộp Mẫu 8857, Yêu cầu miễn cho Người vợ/chồng vô can. Để biết thêm thông tin về miễn giảm cho vợ/chồng vô can, tham khảo Ấn phẩm 971, Miễn cho Vợ/Chồng vô can, và Mẫu 8857.

Có thể liên hệ với bên thứ ba. Nói chung, IRS sẽ làm việc trực tiếp với bạn hoặc người đại diện được ủy quyền hợp pháp của bạn. Tuy nhiên, đôi khi chúng tôi sẽ trao đổi với người khác nếu cần những thông tin mà bạn chưa thể cung cấp, hoặc để xác minh các thông tin chúng tôi đã nhận được. Nếu chúng tôi liên hệ với người khác, chẳng hạn như một người hàng xóm, ngân hàng, chủ lao động hoặc nhân viên, chúng tôi thường phải cho họ biết một số thông tin giới hạn, ví dụ như tên của bạn. Luật pháp nghiêm cấm chúng tôi tiết lộ bất cứ thông tin nào ngoài những gì cần thiết để có được hoặc xác minh thông tin mà chúng tôi đang tìm kiếm. Có thể chúng tôi vẫn cần tiếp tục liên hệ với người khác chừng nào vẫn còn hoạt động

cần thiết trong vụ việc của bạn. Nếu chúng tôi liên hệ với người khác, bạn có quyền yêu cầu cung cấp danh sách những người được liên hệ. Bạn có thể yêu cầu qua điện thoại, bằng văn bản hoặc trong cuộc trao đổi riêng.

Hoàn thuế

Bạn có thể nộp yêu cầu hoàn thuế nếu cho rằng mình đã nộp quá nhiều tiền thuế. Nói chung, bạn phải gửi yêu cầu đó trong vòng 3 năm kể từ ngày nộp tờ khai thuế ban đầu hoặc 2 năm kể từ ngày bạn nộp thuế, tùy theo thời điểm nào đến sau. Nhìn chung, luật pháp quy định tiền lãi trên tiền hoàn thuế của bạn nếu khoản này không được trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày bạn nộp tờ khai thuế hoặc yêu cầu hoàn thuế. Ấn phẩm 556 có thêm thông tin về hoàn thuế.

Nếu bạn đã đến hạn hoàn thuế nhưng chưa nộp tờ khai thuế, thường thì bạn phải nộp tờ khai thuế trong vòng 3 năm kể từ ngày đến hạn nộp tờ khai thuế (tính cả thời gian gia hạn) để nhận được số tiền hoàn thuế đó.

Dịch vụ Biện hộ Người đóng thuế (TAS)

TAS là một tổ chức **độc lập** trong IRS, có thể giúp bảo vệ quyền hạn của người đóng thuế cho bạn. Họ có thể đề xuất trợ giúp bạn nếu vấn đề thuế của bạn đang gây khó khăn hoặc bạn đã cố gắng nhưng chưa thể giải quyết được vấn đề với IRS. Nếu bạn đủ điều kiện nhận sự hỗ trợ vốn luôn miễn phí

của họ, thì họ sẽ làm mọi điều có thể để giúp bạn. Truy cập [TaxpayerAdvocate.IRS.gov](https://www.irs.gov/ taxpayeradvocate) (tiếng Anh) hoặc gọi số 877-777-4778.

Thông tin thuế

IRS cung cấp các nguồn sau đây, gồm các mẫu đơn, ấn phẩm và thông tin khác.

- Internet:** IRS.gov.
- Câu hỏi về thuế:** [IRS.gov/Help/Tax-Law-Questions](https://www.irs.gov/help/tax-law-questions) (tiếng Anh) và [Cách nhận trợ giúp về thuế](https://www.irs.gov/help/tax-law-questions).
- Mẫu và Ấn phẩm:** [IRS.gov/Forms](https://www.irs.gov/forms) (tiếng Anh) và [IRS.gov/OrderForms](https://www.irs.gov/orderforms).
- Thanh tra Doanh nghiệp nhỏ:** Doanh nghiệp nhỏ có thể tham gia quy trình quản lý và góp ý về các hành động thực thi của IRS bằng cách gọi số 888-REG-FAIR.
- Tổng Thanh tra của Bộ Tài chính về Điều hành thuế vụ:** Bạn có thể bí mật báo cáo các hành vi sai trái, lãng phí, gian lận hoặc lạm dụng của nhân viên IRS bằng cách gọi số 800-366-4484. Người điếc, khiếm thính hoặc có khuyết tật giọng nói và có thể sử dụng thiết bị điện báo đánh chữ (TTY, teletype)/thiết bị viễn thông cho người điếc (TDD, telecommunications device for the deaf) có thể gọi số 800-877-8339. Bạn có thể giấu tên.

Cách nhận trợ giúp về thuế

Nếu bạn có thắc mắc về một vấn đề thuế, cần hỗ trợ chuẩn bị tờ khai thuế, hoặc muốn tài xuống các ấn phẩm miễn phí, mẫu đơn hoặc hướng dẫn, hãy truy cập [IRS.gov](https://www.irs.gov) và tìm các tài nguyên có thể hỗ trợ ngay cho bạn.

Chuẩn bị và nộp tờ khai thuế. Sau khi bạn nhận được tất cả các bảng kê tiền lương và thu nhập của mình (các Mẫu W-2, W-2G, 1099-R, 1099-MISC, 1099-NEC, v.v.); bảng kê phụ cấp thất nghiệp (qua thư hoặc định dạng kỹ thuật số) hoặc bản kê khai thanh toán khác của chính phủ (Mẫu 1099-G); và sao kê tiền lãi, cổ tức và hưu bổng từ các ngân hàng và công ty đầu tư (Mẫu 1099), bạn có một số phương án để chuẩn bị và khai thuế. Bạn có thể tự mình chuẩn bị tờ khai thuế. xem mình có đủ điều kiện được chuẩn bị khai thuế miễn phí hay không hoặc thuê một chuyên gia thuế để chuẩn bị tờ khai thuế cho bạn.

Các tùy chọn miễn phí để khai thuế. Lựa chọn của bạn để chuẩn bị và nộp tờ khai thuế trực tuyến hoặc nộp tại cộng đồng địa phương, nếu bạn đủ điều kiện, bao gồm những điều sau đây.

- Direct File.** Direct File là một tùy chọn cố định để nộp tờ khai thuế liên bang cá nhân trực tuyến—miễn phí—trực tiếp và an toàn với IRS. Direct File là một tùy chọn dành cho người đóng thuế ở các tiểu bang tham gia có tờ khai thuế tương đối đơn giản khai báo một số loại thu nhập nhất định và yêu cầu một số khoản tín thuế và khấu trừ nhất định. Mặc dù Direct File không chuẩn bị tờ khai của tiểu bang, nhưng nếu bạn sống ở một tiểu bang tham gia, Direct File sẽ hướng dẫn bạn đến một công cụ do tiểu bang hỗ trợ mà bạn có thể sử dụng để chuẩn bị và nộp

tờ khai thuế của tiểu bang miễn phí. Truy cập [IRS.gov/DirectFile](https://www.irs.gov/directfile) (tiếng Anh) để biết thêm thông tin, cập nhật chương trình và các câu hỏi thường gặp.

- Free File.** Chương trình này cho phép bạn chuẩn bị và nộp tờ khai thuế thu nhập cá nhân liên bang miễn phí bằng cách sử dụng phần mềm hoặc Mẫu đơn Free File tự điền. Tuy nhiên, việc chuẩn bị thuế tiểu bang có thể không được thực hiện thông qua Free File. Truy cập [IRS.gov/FreeFile](https://www.irs.gov/freefile) để xem bạn có đủ điều kiện áp dụng các phương án chuẩn bị tờ khai thuế liên bang trực tuyến miễn phí, khai thuế điện tử và chuyển khoản trực tiếp hay nộp thuế trực tiếp hay không.
- VITA.** Chương trình Tình nguyện hỗ trợ thuế thu nhập (VITA) hỗ trợ miễn phí về thuế cho người có thu nhập từ thấp đến trung

binh, người khuyết tật và người đóng thuế có vốn tiếng Anh có hạn cần được giúp chuẩn bị tờ khai thuế của chính họ. Truy cập [IRS.gov/VITA](https://www.irs.gov/vita), tài xuống ứng dụng IRS2Go miễn phí hoặc gọi số 800-906-9887 để biết thông tin về dịch vụ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí.

- TCE.** Chương trình Tư vấn thuế cho Người cao niên (TCE) cung cấp trợ giúp về thuế miễn phí cho tất cả những người đóng thuế, đặc biệt là những người từ 60 tuổi trở lên. Tình nguyện viên của TCE chuyên giải đáp các câu hỏi về hưu bổng và các vấn đề liên quan đến hưu trí dành riêng cho người cao niên. Truy cập [IRS.gov/TCE](https://www.irs.gov/tce) (tiếng Anh) hoặc tải xuống ứng dụng IRS2Go miễn phí để biết thông tin về dịch vụ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí.

- **MilTax.** Các thành viên của Lực lượng Vũ trang Hoa Kỳ và các cựu chiến binh đủ điều kiện có thể sử dụng MilTax, một dịch vụ thuế miễn phí do Bộ Quốc phòng cung cấp thông qua Military OneSource. Để biết thêm thông tin, truy cập [MilitaryOneSource \(tiếng Anh\)](#) ([MilitaryOneSource.mil/MilTax](#))

Ngoài ra, IRS cung cấp các Mẫu đơn Free File tự điền, có thể điền trực tuyến và sau đó e-file bất kể thu nhập.

Sử dụng công cụ trực tuyến để giúp chuẩn bị tờ khai thuế. Truy cập [IRS.gov/Tools](#) để tìm các nội dung sau.

- [IRS.gov/DirectFile \(tiếng Anh\)](#) cung cấp Trình kiểm tra tính đủ điều kiện để giúp bạn xác định xem Direct File có phải là lựa chọn phù hợp cho nhu cầu khai thuế của bạn hay không.
- [Trợ lý Tín thuế Thu nhập kiểm được \(IRS.gov/EITCAssistant\)](#) sẽ xác định xem bạn có đủ điều kiện nhận tín thuế thu nhập kiểm được (EIC) hay không.
- [Đơn xin EIN trực tuyến \(IRS.gov/EIN\)](#) giúp bạn lấy mã số thuế của chủ lao động (EIN) miễn phí.
- [Công cụ Ước tính Khấu lưu thuế \(IRS.gov/W4App\)](#) giúp bạn ước tính thuế thu nhập liên bang mà bạn muốn chủ lao động khấu lưu từ tiền lương của mình dễ dàng hơn. Đây là khoản khấu lưu thuế. Xem khoản khấu lưu của bạn ảnh hưởng như thế nào đến khoản tiền hoàn thuế, tiền lương mang về nhà hoặc tiền thuế phải trả của bạn.
- Công cụ [Tra cứu tài khoản tín thuế cho người mua nhà lần đầu \(tiếng Anh\) \(IRS.gov/HomeBuyer\)](#) cung cấp thông tin về các khoản hoàn trả và số dư tài khoản của bạn.
- [Máy tính Khấu trừ Thuế tiêu thụ \(tiếng Anh\) \(IRS.gov/SalesTax\)](#) tính toán số tiền có thể kê khai nếu bạn liệt kê các khoản khấu trừ trong Bảng A (Mẫu 1040).



Nhận câu trả lời cho các thắc mắc về thuế của bạn. Trên IRS.gov, bạn có thể nhận được thông tin cập nhật về các sự kiện hiện tại và thay đổi mới nhất trong luật thuế.

- [IRS.gov/Help:](#) Các công cụ đa dạng sẽ giúp bạn được giải đáp một số câu hỏi thường gặp nhất về thuế.
- [IRS.gov/ITA \(tiếng Anh\):](#) Trợ lý thuế tương tác, một công cụ sẽ đặt câu hỏi cho bạn, và tùy thuộc đầu vào của bạn, cung cấp câu trả lời về một số đề tài luật thuế.

- [IRS.gov/Forms \(tiếng Anh\):](#) Tìm các mẫu, hướng dẫn và các ấn phẩm. Bạn sẽ tìm thấy thông tin chi tiết các thay đổi về thuế hiện tại và đường dẫn tương tác để giúp bạn tìm được câu trả lời cho các câu hỏi của mình.
- Bạn cũng có thể truy cập thông tin về luật thuế trong phần mềm e-file của mình.

Bạn cần ai đó giúp chuẩn bị tờ khai thuế? Có nhiều dạng người khai thuế khác nhau, bao gồm đại diện đã đăng ký, kế toán viên được chứng nhận (CPA), kế toán viên, và nhiều người khác không có chứng chỉ chuyên môn. Nếu bạn nhờ ai đó chuẩn bị tờ khai thuế, hãy chọn người khai thuế một cách khôn ngoan. Người khai thuế được trả công:

- Chịu trách nhiệm chính về tính chính xác và có thật chung trên tờ khai thuế của bạn,
- Bắt buộc phải ký tên trên tờ khai thuế, và
- Bắt buộc phải điền mã số thuế của người giúp khai thuế (PTIN) của họ.



Mặc dù người khai thuế luôn ký vào tờ khai nhưng cuối cùng bạn phải chịu trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin cần thiết để người khai thuế chuẩn bị chính xác tờ khai của bạn và đảm bảo tính chính xác của mọi mục được khai báo trên tờ khai. Bất kỳ ai được trả tiền để khai thuế cho người khác đều phải có hiểu biết thấu đáo về các vấn đề thuế. Để biết thêm thông tin về cách chọn người khai thuế, hãy truy cập [Meo chọn người khai thuế trên IRS.gov](#).

Chủ lao động có thể đăng ký sử dụng Dịch vụ cho Doanh nghiệp trực tuyến. Sở An sinh Xã hội (SSA) cung cấp dịch vụ trực tuyến tại [SSA.gov/employer \(tiếng Anh\)](#) với các tùy chọn nộp mẫu W-2 nhanh chóng, miễn phí và bảo mật cho CPA, kế toán viên, đại diện đã đăng ký và những người xử lý các Mẫu W-2, Báo cáo Tiền lương và thuế, và Mẫu W-2c, Báo cáo Tiền lương và thuế được chỉnh sửa.

Tài khoản thuế doanh nghiệp. Nếu bạn là doanh nghiệp cá thể, công ty hợp danh, hoặc công ty cổ phần S, bạn có thể xem thông tin thuế của mình được lưu trong hồ sơ của IRS và làm nhiều việc hơn với tài khoản thuế doanh nghiệp. Truy cập [IRS.gov/BusinessAccount](#) để biết thêm thông tin.

Truyền thông xã hội của IRS. Truy cập [IRS.gov/SocialMedia \(tiếng Anh\)](#) để xem các công cụ truyền thông xã hội khác nhau mà IRS sử dụng để chia sẻ thông tin mới nhất về các thay đổi về thuế, cảnh báo lừa đảo, sáng kiến, sản phẩm và dịch vụ. Tại IRS, quyền

riêng tư và bảo mật là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi. Chúng tôi sử dụng các công cụ này để chia sẻ thông tin công khai với bạn. Vui lòng **không** đăng số an sinh xã hội hay thông tin bí mật khác của bạn lên các trang mạng xã hội. Hãy luôn bảo vệ danh tính của mình khi sử dụng bất kỳ trang mạng xã hội nào.

Các kênh YouTube sau của IRS có các video thông tin ngắn gọn về các chủ đề khác nhau bằng tiếng Anh, Tây Ban Nha và ASL liên quan đến thuế.

- [Youtube.com/irsvideos \(tiếng Anh\).](#)
- [Youtube.com/irsvideomultilingual \(tiếng Anh\).](#)
- [Youtube.com/irsvidEOSASL \(tiếng Anh\).](#)

Thông tin thuế trực tuyến bằng ngôn ngữ khác. Bạn có thể xem thông tin tại [IRS.gov/MyLanguage \(tiếng Anh\)](#) nếu tiếng Anh không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ của bạn.

Dịch vụ Thông dịch qua điện thoại (OPI) miễn phí. IRS cam kết phục vụ người đóng thuế có trình độ tiếng Anh giới hạn (LEP) bằng cách cung cấp các dịch vụ OPI. Dịch vụ OPI là một chương trình do liên bang tài trợ và được cung cấp tại các Trung tâm Hỗ trợ Người đóng thuế (TAC), hầu hết các văn phòng của IRS, và tất cả các địa điểm khai thuế của VITA/TCE. Dịch vụ OPI có thể tiếp cận được trên 350 ngôn ngữ.

Đường dây Trợ giúp trợ năng sẵn có cho người đóng thuế khuyết tật. Người đóng thuế cần thông tin về dịch vụ trợ năng có thể gọi 833-690-0598. Đường dây Trợ giúp trợ năng có thể trả lời các câu hỏi liên quan đến các sản phẩm và dịch vụ trợ năng hiện tại và tương lai sẵn có ở các định dạng phương tiện thay thế (ví dụ, chữ nổi, chữ in lớn, âm thanh v.v.). Đường dây Trợ giúp trợ năng không có khả năng truy cập tài khoản IRS của bạn. Để được trợ giúp về luật thuế, hoàn thuế, hoặc vấn đề liên quan đến tài khoản, truy cập [IRS.gov/LetUsHelp](#).

Phương tiện thay thế ưa chuộng. Mẫu 9000, Phương tiện thay thế ưa chuộng, hoặc Mẫu 9000(SP) cho phép bạn chọn nhận một số thư từ hoặc văn bản ở các định dạng sau

- Bản in tiêu chuẩn.
- Bản in khổ lớn.
- Chữ nổi Braille.
- Âm thanh (MP3).
- Tập văn bản thuần túy (TXT).
- Tập chữ nổi sẵn sàng (BRF).

Thiên tai. Truy cập [IRS.gov/DisasterRelief \(tiếng Anh\)](#) để xem miễn giảm thuế do thiên tai có sẵn.

Lấy mẫu đơn và ấn phẩm về thuế. Truy cập [IRS.gov/Forms \(tiếng Anh\)](#) để

xem, tải xuống và in tất cả các mẫu, hướng dẫn và ấn phẩm mà bạn cần đến. Bạn cũng có thể truy cập [IRS.gov/OrderForms](#) để đặt hàng.

Các mẫu thân thiện với thiết bị di động. Bạn sẽ cần một Tài khoản trực tuyến của IRS (OLA) để hoàn thành các mẫu thân thiện với thiết bị di động yêu cầu chữ ký. Bạn sẽ có tùy chọn gửi mẫu trực tuyến hoặc tải xuống bản sao để gửi qua đường bưu điện. Bạn sẽ cần bản quét các tài liệu của mình để hỗ trợ việc nộp mẫu. Truy cập [IRS.gov/MobileFriendlyForms \(tiếng Anh\)](#) để biết thêm thông tin.

Lấy ấn phẩm và hướng dẫn thuế ở định dạng eBook. Tải xuống và xem hầu hết các ấn phẩm và hướng dẫn thuế phổ biến (bao gồm Hướng dẫn cho Mẫu 1040) trên thiết bị di động bằng eBook tại [IRS.gov/eBooks \(tiếng Anh\)](#).

eBook của IRS đã được kiểm tra bằng cách sử dụng iBooks cho iPad của Apple. eBook của chúng tôi chưa được kiểm tra trên các eBook chuyên dụng khác, và chức năng eBook có thể không hoạt động như ý định.

Truy cập tài khoản trực tuyến của bạn (chỉ áp dụng cho cá nhân đóng thuế). Truy cập [IRS.gov/Account](#) để truy cập thông tin về tài khoản thuế liên bang của bạn một cách an toàn.

- Xem số tiền bạn nợ và phân tích theo năm thuế.
- Xem chi tiết kế hoạch thanh toán hoặc đăng ký kế hoạch thanh toán mới.
- Thực hiện thanh toán, xem lịch sử thanh toán 5 năm và mọi khoản thanh toán đang chờ xử lý hoặc đã lên lịch.
- Truy cập hồ sơ thuế của bạn, bao gồm dữ liệu quan trọng từ tờ khai thuế gần đây nhất, số tiền thanh toán tác động kinh tế của bạn và bản ghi.
- Xem bản sao điện tử của các thông báo được chọn lọc từ IRS.
- Phê duyệt hoặc từ chối các yêu cầu ủy quyền từ các chuyên gia thuế.
- Cập nhật địa chỉ của bạn hoặc quản lý các cách liên lạc ưa chuộng của bạn.

Lấy bản ghi của tờ khai thuế. Với tài khoản trực tuyến, bạn có thể truy cập nhiều thông tin khác nhau để trợ giúp bạn trong mùa thuế. Bạn có thể lấy bản ghi, xem lại tờ khai thuế đã nộp gần đây nhất và nhận được tổng thu nhập được điều chỉnh của mình. Tạo hoặc truy cập tài khoản trực tuyến của bạn tại [IRS.gov/Account](#).

Tài khoản Chuyên gia thuế. Công cụ này cho phép chuyên gia thuế của bạn gửi ủy quyền yêu cầu truy cập OLA của IRS của cá nhân đóng thuế.

Để biết thêm thông tin, truy cập [IRS.gov/TaxProAccount](https://www.irs.gov/TaxProAccount) (tiếng Anh).

Sử dụng ký gửi trực tiếp. Cách an toàn và dễ dàng nhất để nhận tiền hoàn thuế là e-file và chọn ký gửi trực tiếp, việc này sẽ chuyển trực tiếp tiền hoàn thuế vào tài khoản tài chính của bạn một cách an toàn bằng phương thức điện tử. Phương thức chuyển khoản trực tiếp cũng giúp tránh khả năng thất lạc, mất cắp, phá hủy, hoặc chuyển trả lại séc gửi không thành công về IRS. Cứ 10 người đóng thuế lại có 8 người chọn hình thức chuyển khoản trực tiếp để nhận tiền hoàn thuế. Nếu bạn không có tài khoản ngân hàng, truy cập [IRS.gov/DirectDeposit](https://www.irs.gov/DirectDeposit) để biết thêm thông tin về nơi tìm ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có thể mở tài khoản trực tuyến.

Báo cáo và giải quyết vấn đề trộm cắp danh tính liên quan đến thuế.

- Hành vi trộm cắp danh tính liên quan đến thuế xảy ra khi ai đó đánh cắp thông tin cá nhân của bạn để thực hiện hành vi gian lận thuế. Thuế của bạn có thể bị ảnh hưởng nếu SSN của bạn được sử dụng để khai báo gian lận hoặc để yêu cầu hoàn lại tiền hoặc tín thuế.
- IRS không chủ động liên lạc với người đóng thuế bằng thư điện tử, gọi điện thoại, tin nhắn văn bản (bao gồm cả đường dẫn rút ngắn) hay các kênh truyền thông xã hội để yêu cầu cung cấp hoặc xác minh thông tin cá nhân hoặc tài chính. Điều này bao gồm các yêu cầu về số nhận dạng cá nhân (PIN), mật khẩu hoặc thông tin tương tự đối với thẻ tín dụng, ngân hàng hoặc các tài khoản tài chính khác.
- Truy cập [IRS.gov/IdentityTheft](https://www.irs.gov/IdentityTheft), trang mạng của IRS về Trung tâm về trộm cắp danh tính, để biết thêm thông tin về hành vi trộm cắp danh tính và bảo vệ an toàn dữ liệu cho người đóng thuế, người hành nghề thuế và doanh nghiệp. Nếu bạn bị mất hoặc lấy cắp số an sinh xã hội hoặc bạn nghi ngờ mình là nạn nhân của hành vi mạo danh liên quan đến thuế, bạn có thể tìm hiểu các bước mình nên thực hiện.
- Lấy PIN bảo vệ danh tính (IP PIN). Mã IP PIN là các số gồm sáu chữ số được cấp cho người đóng thuế để giúp ngăn chặn việc lạm dụng SSN của họ trong gian lận trên tờ khai thuế thu nhập liên bang. Khi bạn có một IP PIN, điều đó sẽ ngăn người khác nộp tờ khai thuế với SSN của bạn. Để tìm hiểu thêm, hãy truy cập [IRS.gov/IPPIN](https://www.irs.gov/IPPIN).

Những cách để kiểm tra tình trạng hoàn thuế của bạn.

- Truy cập [IRS.gov/Refunds](https://www.irs.gov/Refunds).
- Tải ứng dụng chính thức IRS2Go về thiết bị di động để kiểm tra tình trạng hoàn thuế của bạn.
- Gọi đến đường dây nóng trợ giúp về hoàn thuế theo số 800-829-1954.



IRS không thể cấp tiền hoàn thuế trước giữa tháng 2 cho những tờ khai có yêu cầu EIC hoặc tín thuế trẻ em bổ sung (ACTC). Điều này áp dụng cho toàn bộ số tiền hoàn thuế, không chỉ phần liên quan đến các khoản tín thuế này.

Thực hiện thanh toán thuế. Các khoản thanh toán thuế Hoa Kỳ phải được nộp cho IRS bằng đô la Mỹ. [Tài sản điện tử](https://www.irs.gov/Payments) không được chấp nhận. Truy cập [IRS.gov/Payments](https://www.irs.gov/Payments) để biết thêm thông tin về cách thực hiện thanh toán bằng bất kỳ tùy chọn nào sau đây.

- Direct Pay của IRS:** Thanh toán hóa đơn thuế cá nhân hoặc khoản thuế ước tính trực tiếp từ tài khoản thanh toán hoặc tiết kiệm miễn phí.
- Thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, hoặc ví điện tử:** Chọn một nhà xử lý thanh toán đã được phê duyệt để thanh toán qua mạng hoặc qua điện thoại.
- Trích ngân điện tử:** Lên lịch thanh toán khi nộp thuế liên bang bằng phần mềm khai thuế hoặc thông qua một chuyên gia thuế.
- Hệ thống thanh toán thuế Liên bang bằng điện tử:** Lựa chọn tốt nhất cho các doanh nghiệp. Việc ghi danh là bắt buộc.
- Séc hoặc lệnh phiếu:** Gửi phương tiện thanh toán của bạn qua đường bưu điện về địa chỉ được nêu trong thông báo hoặc hướng dẫn.
- Tiền mặt:** Bạn có thể nộp thuế bằng tiền mặt tại một cửa tiệm bán lẻ có tham gia.
- Chuyển khoản trong ngày:** Bạn có thể thực hiện chuyển khoản trong ngày từ cơ quan tài chính của mình. Hãy liên hệ với cơ quan tài chính của bạn để biết khả năng thực hiện, chi phí và khung thời gian.

Ghi chú. IRS sử dụng công nghệ mã hóa mới nhất để đảm bảo rằng các khoản thanh toán điện tử bạn thực hiện trực tuyến, qua điện thoại, hoặc từ một thiết bị di động sử dụng IRS2Go là an toàn và bảo đảm. Việc thanh toán điện tử là nhanh chóng, dễ dàng và nhanh hơn việc gửi séc hoặc lệnh phiếu.

Sẽ ra sao nếu tôi không thể trả ngay? Truy cập [IRS.gov/Payments](https://www.irs.gov/Payments)

để biết thêm thông tin về các phương án cho bạn.

- Nộp đơn xin [thỏa thuận thanh toán trực tuyến \(IRS.gov/OPA\)](https://www.irs.gov/OPA) để hoàn thành nghĩa vụ thuế của bạn bằng hình thức trả góp hàng tháng nếu hiện tại bạn chưa thể nộp hết toàn bộ tiền thuế. Sau khi hoàn thành quy trình trên mạng, bạn sẽ được thông báo ngay để biết hợp đồng của mình có được chấp thuận hay không.
- Sử dụng [Công cụ Thẩm định Đề nghị Thỏa hiệp \(tiếng Anh\)](https://www.irs.gov/OPA) để xem bạn có thể giải quyết khoản nợ thuế với số tiền ít hơn tổng số tiền bạn còn nợ hay không. Để biết thêm thông tin về chương trình Đề nghị Thỏa hiệp, vui lòng vào trang [IRS.gov/OIC](https://www.irs.gov/OIC).

Nộp tờ khai được điều chỉnh. Truy cập [IRS.gov/Form1040X](https://www.irs.gov/Form1040X) để biết thông tin và nội dung cập nhật.

Kiểm tra tình trạng của tờ khai được điều chỉnh. Truy cập [IRS.gov/WMAR](https://www.irs.gov/WMAR) để theo dõi tình trạng của tờ khai được điều chỉnh Mẫu 1040-X. Xin lưu ý rằng có thể mất tới 3 tuần kể từ ngày bạn nộp bản chỉnh sửa cho hồ sơ thuế thì thông tin này mới hiển thị trên hệ thống của chúng tôi, và thời gian xử lý có thể lên tới 16 tuần.



Có thể mất tới 3 tuần kể từ ngày bạn nộp tờ khai được điều chỉnh thì thông tin này mới hiển thị trên hệ thống của chúng tôi, và thời gian xử lý có thể lên tới 16 tuần.

Am hiểu về thông báo hoặc thư từ của IRS mà bạn nhận được. Truy cập [IRS.gov/Notices](https://www.irs.gov/Notices) để tìm thêm thông tin về việc phản hồi một thông báo hay thư từ của IRS.

Công cụ Tải lên tài liệu của IRS. Bạn có thể sử dụng Công cụ Tải lên tài liệu để phản hồi bằng điện tử một số các thông báo và thư đủ điều kiện của IRS bằng cách tải lên an toàn các tài liệu bắt buộc trực tuyến thông qua IRS.gov. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập [IRS.gov/DUT](https://www.irs.gov/DUT) (tiếng Anh).

Bảng LEP. Bạn có thể sử dụng Bảng LEP (Mẫu 1040), Yêu cầu thay đổi tùy chọn ngôn ngữ, để nêu lên ưu tiên nhận thông báo, thư, hoặc các thông báo bằng văn bản khác từ IRS bằng một ngôn ngữ khác. Bạn có thể không nhận được thông tin liên lạc bằng văn bản bằng ngôn ngữ được yêu cầu ngay lập tức. Cam kết của IRS đối với người đóng thuế LEP là một phần của lịch trình nhiều năm dự kiến bắt đầu cung cấp bản dịch vào năm 2023. Bạn sẽ tiếp tục nhận được thông tin liên lạc, bao gồm thông báo và thư bằng tiếng Anh cho đến khi chúng được dịch sang ngôn ngữ ưa thích của bạn.

Liên lạc với TAC tại địa phương bạn. Xin lưu ý rằng nhiều câu hỏi có

thể được giải đáp trên trang IRS.gov mà không cần đến TAC. Truy cập [IRS.gov/LetUsHelp](https://www.irs.gov/LetUsHelp) để xem các chủ đề mà mọi người thắc mắc nhiều nhất. Nếu bạn vẫn cần trợ giúp, TAC sẽ trợ giúp về thuế khi có vấn đề về thuế không thể giải quyết được qua mạng hoặc điện thoại. Hiện tại, tất cả các TAC đều cung cấp dịch vụ với hình thức hẹn trước để bạn biết trước là mình có thể nhận dịch vụ cần đến mà không mất thời gian dài chờ đợi. Trước khi đến đó, hãy vào trang [IRS.gov/TACLocator](https://www.irs.gov/TACLocator) (tiếng Anh) để tìm TAC gần nhất và kiểm tra giờ làm việc, dịch vụ cung cấp và các cuộc hẹn để lựa chọn. Hoặc trên ứng dụng IRS2Go, dưới thẻ Stay Connected, hãy chọn tùy chọn Contact Us và nhấp vào "Local Offices".

Dưới đây là thông điệp gửi đến bạn từ Dịch vụ Biện hộ Người đóng thuế, một tổ chức độc lập do Quốc hội thành lập.

Dịch vụ Biện hộ Người đóng thuế (TAS) sẵn sàng trợ giúp bạn

Dịch vụ Biện hộ Người đóng thuế là gì?

Dịch vụ Biện hộ Người đóng thuế (TAS) là một tổ chức độc lập trong Sở Thuế vụ (IRS). TAS giúp người đóng thuế giải quyết các vấn đề với IRS, đưa ra các khuyến nghị về mặt hành chính và lập pháp để ngăn ngừa hoặc khắc phục các vấn đề và bảo vệ quyền của người đóng thuế. Chúng tôi nỗ lực để đảm bảo rằng mọi người đóng thuế đều được đối xử công bằng và rằng bạn biết và hiểu các quyền của mình theo Bản Tuyên ngôn Quyền của Người đóng thuế. Chúng tôi là Tiếng nói của bạn tại IRS.

Cách TAS có thể giúp bạn?

TAS có thể giúp bạn giải quyết các vấn đề mà bạn không thể tự mình giải quyết với IRS. Luôn cố gắng giải quyết vấn đề của bạn với IRS trước, nhưng nếu bạn không thể, hãy đến với TAS. Các dịch vụ của chúng tôi là miễn phí.

- TAS hỗ trợ tất cả người đóng thuế (và đại diện của họ), bao gồm cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức được miễn thuế. Bạn có thể đủ điều kiện để được TAS hỗ trợ nếu vấn đề IRS của bạn đang gây khó khăn về tài chính, nếu bạn đã cố gắng và không thể giải quyết vấn đề của mình với IRS hoặc nếu bạn tin rằng hệ thống, quy trình hoặc thủ tục của IRS không hoạt động như mong đợi.

- Để được trợ giúp bất cứ lúc nào về các chủ đề thuế tổng quát, hãy truy cập www.TaxpayerAdvocate.IRS.gov (tiếng Anh). Trang web này có thể giúp bạn giải quyết các vấn đề và tình huống thuế phổ biến, chẳng hạn như phải làm gì nếu bạn mắc lỗi khi khai thuế hoặc nếu bạn nhận được thông báo từ IRS.
- TAS hoạt động để giải quyết các vấn đề quy mô lớn (có hệ thống) ảnh hưởng đến nhiều người

đóng thuế. Bạn có thể báo cáo các vấn đề có hệ thống tại www.IRS.gov/SAMS. (Hãy đảm bảo không bao gồm bất kỳ thông tin nhận dạng cá nhân nào.)

Cách để liên hệ với TAS?

TAS có văn phòng ở mỗi bang, Đặc khu Columbia, và Puerto Rico. Để tìm số điện thoại của người biện hộ:

- Truy cập TaxpayerAdvocate.IRS.gov/Contact-Us (tiếng Anh);

- Kiểm tra danh bạ địa phương; hoặc
- Gọi TAS miễn phí tại 877-777-4778.

Quyền hạn của tôi với tư cách Người đóng thuế là gì?

Bản Tuyên ngôn Quyền của Người đóng thuế mô tả mười quyền cơ bản mà tất cả người đóng thuế có khi giao

dịch với IRS. Truy cập www.TaxpayerAdvocate.IRS.gov/Taxpayer-Rights (tiếng Anh) để biết thêm thông tin về các quyền, ý nghĩa của chúng đối với bạn và cách chúng áp dụng vào các tình huống cụ thể mà bạn có thể gặp phải với IRS. TAS nỗ lực bảo vệ quyền của người đóng thuế và đảm bảo IRS đang quản lý luật thuế một cách công bằng và bình đẳng.

Chỉ mục



Để giúp chúng tôi phát triển một chỉ mục hữu ích hơn, vui lòng cho chúng tôi biết nếu bạn có ý tưởng cho các mục nhập chỉ mục. Xem "Ý kiến và đề xuất" trong phần "Giới thiệu" để biết cách liên hệ với chúng tôi.

10% thuế cho rút tiền sớm từ IRA hoặc kế hoạch hưu trí (Xem Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoàn thuế, tiêu đề phụ: Thuế trên)

A

Anh chị em họ [35](#)

Archer MSA:

Đóng góp [48](#)

ATIN (Mã số thuế cho việc nhận con nuôi) [14](#)

Â

Ấn phẩm (Xem Trợ giúp về thuế)

B

Bạc (Xem Vàng và bạc)

Bán nhà [77](#)

Phân chia thuế bất động sản [97](#)

Bản quyền:

Tiền bản quyền [72](#)

Thiệt hại do vi phạm [75](#)

Bán tài sản:

Mất hàng cá nhân [77](#)

Bảng A (Mẫu 1040):

Khấu trừ thuế khoản [93](#)

Bảng A-F, R, SE (Mẫu 1040) (Xem Mẫu 1040)

Bảng liệt kê [17, 47, 51, 54](#)

(Cũng xem Mẫu 1040)

(Cũng xem Mẫu 1040 hoặc 1040-SR)

K-1:

Thu nhập từ công ty hợp danh [70](#)

Thu nhập từ công ty S [71](#)

K-1, Mẫu 1041 [55](#)

Mẫu 1040, A-F, R, SE (Xem Mẫu 1040)

Bảng tính:

Phúc lợi an sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt, để tính thuế [63, 64](#)

Quý hưu trí cá nhân (IRA), tính toán AGI đã sửa đổi (Bảng tính 9-1) [82](#)

Tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi (MAGI) IRA Roth, tính toán (Bảng tính 9-2) [88](#)

Tư cách chủ gia đình và chi phí duy trì nhà ở [25](#)

Thử thách hỗ trợ [31](#)

Bảng tính thuế [123](#)

Bảng Thuế [111-122](#)

Bảng và Hình:

Thuế ước tính, ai phải thực hiện thanh toán (Hình 4-A) [43](#)

Bảng và số liệu:

Bảng khấu trừ tiêu chuẩn [95](#)

Chủ gia đình, người đủ điều kiện (Bảng 2-1) [25](#)

IRA Roth và bãi miễn tổng thu nhập đã điều chỉnh theo luật thuế mới (MAGI) (Bảng 9-3) [88](#)

Quý hưu trí cá nhân (IRA):

AGI đã sửa đổi, ảnh hưởng đến khấu trừ nếu được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc (Bảng 9-1) [81](#)

AGI đã sửa đổi, ảnh hưởng đến khấu trừ nếu không được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc (Bảng 9-2) [82](#)

IRA Roth, AGI đã sửa đổi (Bảng tính 9-2) [88](#)

IRA Roth, ảnh hưởng của AGI đã sửa đổi lên các khoản đóng góp (Bảng 9-3) [88](#)

Tính Toán AGI đã sửa đổi (Bảng tính 9-1) [82](#)

Tờ khai thuế:

Các bước để chuẩn bị (Bảng 1-6) [12](#)

Ngày đến hạn (Bảng 1-5) [11](#)

Thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Yêu cầu nộp:

Mức tổng thu nhập (Bảng 1-1) [6](#)

Người phụ thuộc (Bảng 1-2) [7](#)

Bảo hiểm:

Các khoản bồi hoàn:

Từ bảo hiểm do thiệt hại [74](#)

Nhân thọ [40, 49](#)

(Cũng xem Bảo hiểm nhân thọ)

(Cũng xem Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn)

Tai nạn (Xem Bảo hiểm tai nạn)

Bảo hiểm nhân thọ [49, 70](#)

(Cũng xem Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn)

(Cũng xem Quyền lợi bồi thường từ vong trả trước)

Bảo phí [103](#)

Giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt [70](#)

Khấu lưu [40](#)

Mẫu 1099-R Giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt [70](#)

Nhân viên an ninh công cộng từ vong hoặc bị giết khi thi hành công vụ, miễn thuế [70](#)

Tiền thu về [60](#)

Dưới dạng thu thập [70](#)

Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn:

Chi phí chịu thuế, tính toán [49](#)

Định nghĩa [49](#)

Loại trừ khỏi thu nhập [50](#)

Hạn mức [49](#)

Quyền lợi vĩnh viễn [49](#)

Tiền tử tuất do tai nạn [49](#)

Bảo hiểm tai nạn [48](#)

Chăm sóc dài hạn [48, 54](#)

Chương trình tự chọn [53](#)

Bảo hiểm thiệt hại:

Hoàn trả từ [74](#)

Bảo hiểm trách nhiệm:

Hoàn trả từ [74](#)

Bảo hiểm y tế (Xem Bảo hiểm tai nạn)

Bảo tồn năng lượng:

Phương pháp và cách sửa đổi [75](#)

Tiền hoàn lại của tiện ích [78](#)

Trợ cấp [75](#)

Bảng sáng chế:

Tiền bản quyền [72](#)

Thiệt hại do vi phạm [75](#)

Bất động sản:

Các mục liên quan đến bất động sản không thể khấu trừ [99](#)

Chi phí từng khoản cho các dịch vụ sẽ không được khấu trừ [99](#)

Mẫu 1099-S báo cáo tiền bán [98](#)

Nợ kinh doanh được hủy, xử lý [69](#)

Phân chia thuế bất động sản [97](#)

Thuế chuyển giao tài sản [100](#)

Bên thứ ba:

Người được chỉ định để IRS thảo luận về tờ khai [14](#)

Thu nhập từ tài sản của người đóng thuế trả cho [13](#)

Bệnh giai đoạn cuối:

Dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ [70](#)

Thanh toán trả trước tiền bảo hiểm nhân thọ (Xem Quyền lợi bồi thường từ vong trả trước)

Bệnh mãn tính:

Chăm sóc dài hạn (Xem Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn)

Thanh toán trả trước tiền bảo hiểm nhân thọ (Xem Quyền lợi bồi thường từ vong trả trước)

Biến thủ:

Khai báo quỹ biến thủ [76](#)

Biểu tượng, sử dụng [5](#)

Bỏ qua nợ (Xem Hủy nợ)

Bồi thường:

Thất nghiệp [73](#)

Bồi thường thất nghiệp [73](#)

Hoàn trả các quyền lợi [73](#)

Khai báo trên Mẫu 1040 [73](#)

Khấu lưu [41](#)

Khấu lưu thuế [73](#)

Quy tư nhân, từ [73](#)

Quyền lợi bổ sung [73](#)

Bồi thường thôi việc [48](#)

Dịch vụ hỗ trợ tìm việc [48](#)

Tiền lương nghỉ phép tích lũy [48](#)

Bù trừ các khoản nợ [10, 15](#)

C

Cá nhân đóng thuế (Xem Người đóng thuế độc thân)

Các chương trình thưởng cổ phiếu [40](#)

Các điều chỉnh [107](#)

Các hoạt động không vì lợi nhuận [74](#)

Các khoản khấu trừ [71, 92](#)

(Cũng xem Phục hồi các khoản đã khấu trừ trước đó)

Hoàn trả [72](#)

Khấu trừ tiêu chuẩn [92, 94](#)

Khấu trừ lãi tiền vay sinh viên (Xem Khoản vay sinh viên)

Liệt kê các chi tiết (Xem Khấu trừ từng khoản)

Mất mát do thiệt hại [104](#)

Mất mát do trộm cắp [104](#)

Phúc lợi an sinh xã hội và hưu trí đường sắt [66](#)

Thay đổi yêu cầu sau khi nộp, cần điều chỉnh [19](#)

Thực thể truyền qua [102](#)

Các khoản thanh toán theo Đạo luật Lương bổng cho Nhân viên Liên bang (FECA) [54](#)

Các khoản thanh toán và chi phí chăm sóc con nuôi tạm [32, 36](#)

Các khoản thuế [38, 96-100, 106](#)

Gián thu (Xem Thuế gián thu)

Khấu trừ [96](#)

Bảng liệt kê để sử dụng [100](#)

Loại thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Không thể khấu trừ [100](#)

Tài sản thừa kế (Xem Thuế di sản)

Thuế bất động sản (Xem Thuế bất động sản)

Thuế của chính quyền bộ lạc thổ dân, khấu trừ [96](#)

Thuế đánh trên tài sản thừa kế [100](#)

Thuế kinh doanh, khoản khấu trừ [96](#)

Thuế quà tặng [100](#)

Thuế tài sản cá nhân:

Khấu trừ [100](#)

Thuế tối thiểu thay thế [107](#)

Thuế từ nước ngoài [96](#)

Thuế thu nhập, khấu trừ của [97](#)

Thuế thu nhập liên bang, không được khấu trừ [100](#)

Thuế thu nhập, khấu trừ [96](#)

Thuế trẻ em (Xem Trẻ em, tiêu đề phụ: Thu nhập phi lao động của)

Các khoản thuế khác [107](#)

Các tiện ích công cộng:

Trợ cấp bảo tồn năng lượng [75](#)

Các thẩm phán liên bang:

Bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động [80](#)

Cản trở hoạt động kinh doanh:

Thiệt hại dưới dạng thu nhập [75](#)

Canada:

Thường trú nhân của [27, 34](#)

Canh tác:

Hoạt động không vì lợi nhuận [74](#)

Cao đẳng và đại học:

Chi phí giáo dục [77](#)

(Cũng xem Chương trình tiền học đủ điều kiện)

Cấp dưỡng:

Khai báo thu nhập [74](#)

Cha mẹ chưa từng kết hôn [30](#)

Cha mẹ đã ly hôn [29, 33](#)

Cha mẹ đã ly thân [29, 33](#)

Cha mẹ, đã ly hôn hoặc ly thân [29](#)

Chăm sóc nuôi dưỡng:

Chăm sóc nuôi dưỡng khẩn cấp, đảm bảo không gian trong nhà cho [76](#)

Thanh toán cho dịch vụ chăm sóc khó khăn [76](#)

Trợ cấp cho người chăm sóc [76](#)

Chăm sóc nuôi tằm:
Tín thuế trẻ em [109](#)

Chăm sóc trẻ em:
Chi phí [37](#)
Người chăm sóc [47](#)
Trông trẻ [47](#)

Chi phí chôn cất [102](#)

Chi phí công chứng [76](#)

Chi phí cuộc họp cổ đông [104](#)

Chi phí đi lại [103](#)

Chi phí đi lại thường xuyên:
Xe đi lại thường xuyên do chủ lao động cung cấp [50](#)

Chi phí đi lại và vận chuyển:
Chi phí đi lại thường xuyên:
Xe đi lại thường xuyên do chủ lao động cung cấp [50](#)
Chi phí tìm kiếm việc làm [76](#)
Chi phí trả cho người khác [104](#)
Phí đỗ xe:
Quyền lợi phụ do chủ lao động cung cấp [50](#)
Quyền lợi phụ [50](#)
Trẻ em đến trường, đưa đón [78](#)
Vé phương tiện giao thông [50](#)

Chi phí được trả bởi người khác [75](#)

Chi phí giáo dục:
Chủ lao động cung cấp (Xem Hỗ trợ giáo dục)
Tiền học (Xem Chương trình tiền học đủ điều kiện)

Chi phí kinh doanh:
Các khoản hoàn lại [47](#)
Các khoản hoàn trả [40](#)
Chi phí tìm kiếm việc làm [76](#)
Hoàn trả chi phí kinh doanh vượt mức [40](#)

Chi phí kinh doanh cho nhân viên:
Các khoản hoàn lại [47](#)
Các khoản hoàn trả [40](#)
Hoàn trả bị vượt mức [40](#)

Chi phí lập pháp [102](#), [104](#)

Chi phí nhân viên:
Hôn hợp [101](#)
Máy tính gia đình [102](#)

Chi phí quản trị [75](#)

Chi phí tang lễ [37](#)

Chi phí tạo thu nhập [101](#)

Chi phí vận động [103](#)

Chi phí vận động chính trị [103](#), [104](#)

Chi phí vận động hành lang [103](#)

Chi phí vốn [36](#)

Chi phí y tế và nha khoa:
Bồi hoàn, xử lý [54](#)

Chính phủ nước ngoài, nhân viên của [52](#)

Chính quyền liên bang:
Nhân viên (Xem Nhân viên liên bang)

Chính quyền tiểu bang hoặc địa phương:
Người lao động:
Bồi thường thất nghiệp [73](#)

Chỗ ở [36](#)

Chủ gia đình [22](#), [24](#)

Chu kỳ kế toán [13](#)
Năm dương lịch [48](#)
Năm theo lịch tài chính [13](#), [43](#)
Niên lịch [11](#), [13](#)
Quyền lợi phụ [48](#)
Thay đổi, không được phép khấu trừ tiêu chuẩn [92](#)

Chủ lao động:
Hỗ trợ giáo dục từ (Xem Hỗ trợ giáo dục)
Mẫu W-4 dành cho nhân viên mới [39](#)
Quy tắc khấu lưu [39](#)
Tùy chọn e-file [10](#)
Việc làm ở hải ngoại (Xem Việc làm nước ngoài)
Việc làm ở nước ngoài (Xem Việc làm nước ngoài)

Chủ Nhật, thời hạn rơi vào [43](#)

Chủ quyền tron:
Thuế bất động sản, phân phối khi khai riêng hồ sơ thuế [99](#)

Chuyến đi [103](#) kế hoạch hưu trí hoặc IRA cụ thể

Chuyến lui:
Chuyến lui tín thuế kinh doanh [20](#)

Chuyến tiếp [83](#)
Chuyến tiếp một phần [84](#)
Định nghĩa của [83](#)
Giới hạn thời gian (quy tắc 60 ngày) [83](#)
Khai báo:
Tư chương trình của chủ lao động sang IRA [84](#)
Tư IRA này sang IRA khác [84](#)
Tính chất thuế [83](#), [88](#)
Tư chương trình 403 đến IRA [83](#)
Tư chương trình của chủ lao động sang IRA [83](#), [84](#)
Tư chương trình theo đoạn 457 đến IRA [83](#)
Tư IRA này sang IRA khác [83](#)
Tư IRA Roth sang IRA Roth [91](#)
Tư IRA sang IRA Roth [90](#)
Tư IRA SIMPLE sang IRA Roth [91](#)
Thời gian chờ giữa [83](#)
Trương mục Hưu trí Cá nhân (IRA thừa kế) [84](#)
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)
Vượt mức do thông tin chuyến tiếp không chính xác [87](#)
Xử lý của [83](#)

Chữ ký [15](#)
Cha mẹ cho con [15](#)
Không đủ năng lực về tinh thần [15](#)
Khuyết tật về thể chất [15](#)
Người đại diện, sử dụng của [15](#)
Tờ khai thuế chung [23](#)

Chứng khoán:
Quyền chọn [51](#)
Quyền tặng giá cổ phiếu [48](#)
Yêu cầu hoàn thuế [20](#)

Chứng thư gửi tiền định kỳ (CD) [61](#), [78](#)
(Cũng xem Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))

Chứng thư thị trường tiền tệ [56](#)

Chương trình 401(k):
Xử lý thuế đối với các khoản đóng góp [50](#)

Chương trình 403(b):
Chuyến tiếp [84](#), [90](#)

Chương trình chia sẻ lợi nhuận:
Khấu lưu [40](#)
Khấu lưu thuế [14](#)

Chương trình Dinh dưỡng cho Người cao niên [74](#)

Chương trình Đồng hành với Người cao niên [52](#)

Chương trình đủ điều kiện [83](#)
(Cũng xem Chuyến tiếp)

Chương trình hưu trí [24](#), [38](#), [62](#)
(Cũng xem IRA Roth)
(Cũng xem Phúc lợi hưu trí đường sắt)
Đầu tư chưa hoàn vốn của người quá cố trong [14](#)
Đóng góp [50](#)
Đánh thuế [50](#)
Tín thuế cho (Xem Tín thuế đóng góp cho tiết kiệm hưu trí)
Giáo sĩ [51](#)
Hạn mức hoàn thuế tự chọn [50](#)
Hưu bổng thương tật [53](#)
Khấu lưu [40](#)
Khấu lưu thuế [14](#)
Quản đội (Xem Lực lượng Vũ trang)

Chương trình Ông Bà nuôi [52](#)

Chương trình SIMPLE:
Chuyến tiếp IRA Roth [91](#)

Chương trình tiền học đủ điều kiện [77](#)

Chương trình tiền học, đủ điều kiện (Xem Chương trình tiền học đủ điều kiện)

Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA [76](#)

Chương trình Tình nguyện viên cao niên đã nghỉ hưu [52](#)

Chương trình tự chọn [53](#)

Con nuôi [27](#), [29](#), [35](#), [37](#)

Con nuôi tạm [29](#), [32](#), [34](#), [36](#)

Cổ đông [20](#)
(Cũng xem Chứng khoán)
Nợ [68](#)

Cổ phiếu [20](#)
(Cũng xem Chứng khoán)

Cổ tức:
Khoản nợ cổ đông được hủy khi [68](#)
Phí để thu [102](#)
Quỹ Thường trực Tiểu bang Alaska (Xem Cổ tức Quỹ Thường trực Tiểu bang Alaska)
Cổ tức Quỹ Thường trực Tiểu bang Alaska [74](#)

Công cụ nợ (Xem Trái phiếu hoặc Phiếu nợ)

Công dân bên ngoài Hoa Kỳ:
Khấu lưu từ phân phối IRA [86](#)
Loại trừ của thu nhập kiếm được [3](#)
Việc làm (Xem Việc làm nước ngoài)
Yêu cầu nộp [7](#)

Công dân bên ngoài Hoa Kỳ.:
Gia hạn thời gian nộp [12](#)

Công dân di du lịch hoặc công tác ở nước ngoài [8](#)
(Cũng xem Việc làm nước ngoài)

Công dân Hoa Kỳ ở nước ngoài [7](#)
(Cũng xem Công dân bên ngoài Hoa Kỳ)
Việc làm (Xem Việc làm nước ngoài)

Công dân hoặc thường trú nhân Hoa Kỳ [27](#)

Công dân Mỹ ở nước ngoài:
Việc làm (Xem Việc làm nước ngoài)

Công đoàn [40](#), [73](#), [78](#)
(Cũng xem Công đoàn lao động)

Công đoàn lao động [40](#)
Khấu lưu tiền nghỉ bệnh theo các thỏa thuận công đoàn [40](#)
Phí và lệ phí [78](#)
Quyền lợi đình công và khóa xuống [78](#)
Thanh toán bồi thường thất nghiệp từ [73](#)

Công ty bảo hiểm:
Các thủ tục vi phạm pháp luật của tiểu bang, các phân phối IRA không được thực hiện do [88](#)

Công ty cổ phần [71](#)
(Cũng xem Công ty S)
Chi phí quản trị là thu nhập tự kinh doanh [75](#)

Công ty môi giới:
IRA với [79](#)
Hoa hồng [79](#), [80](#)

Công ty S [102](#)
Cổ đông [71](#)

Công trái của Hoa Kỳ, tiền lãi [56](#), [57](#)

Công việc ở nước ngoài (Xem Việc làm nước ngoài)

Công việc tình nguyện [52](#)
Tư vấn thuế (Chương trình Tình nguyện hỗ trợ thuế thu nhập) [10](#), [52](#)

Cứu trợ thiên tai [53](#), [74](#)
(Cũng xem Tấn công khủng bố)
Đạo luật Cứu trợ thiên tai và Hỗ trợ khẩn cấp:
Hỗ trợ thất nghiệp [73](#)
Trợ cấp [73](#)
Trợ cấp hoặc thanh toán [73](#)

D

Đầu mỏ, khí đốt và khoáng sản:
Bán quyền lợi của tài sản [73](#)
Sản xuất trong tương lai đã bán [73](#)
Tiền bản quyền từ [72](#)
Bảng C hoặc C-EZ [72](#)

Di sản [75](#)
(Cũng xem Người thụ hưởng di sản)
Thu nhập [75](#)
Thuế [100](#), [104](#)
(Cũng xem Thuế di sản)

Di sản thừa kế [75](#)
(Cũng xem Người thụ hưởng di sản)

Dịch vụ chuyển phát [11](#)

Dịch vụ chuyển phát tư nhân [11](#)

Dịch vụ hỗ trợ tìm việc [48](#)

Dịch vụ lập kế hoạch hưu trí [50](#)

Dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ [70](#)

Đ

Đá quý:
Các giao dịch bị IRA cấm về [87](#)

Đám tang:
Chi phí [102](#)
Giáo sĩ, thanh toán cho [51](#)

Đạo luật Bảo hiểm thất nghiệp đường sắt [54](#)

Đạo luật Cứu trợ Thiên tai năm 1988:
Khấu lưu [41](#)

Đạo luật Giảm bớt thủ tục giấy tờ năm 1980 [3](#)

Đạo luật Nhà ở Quốc gia:
Hỗ trợ vay thế chấp [74](#)

Đạo luật Thương mại năm 1974:
Điều chỉnh thương mại cho phép trong [73](#)

Đạo luật về Quyền riêng tư và Đạo luật Giảm bớt thủ tục giấy tờ [3](#)

Đầu tư:
Hội thảo [103](#)
Phí [102](#)

Đi chung xe [74](#)

Địa chỉ [17](#)
Hộp thư [17](#)
Nước ngoài [17](#)
Thay đổi của [19](#)

Địa điểm nộp [17](#)

Điện thoại [104](#)
Hành vi gian lận hoặc sai trái của nhân viên IRS, số điện thoại khai báo ẩn danh [3](#)

Đính kèm tờ khai thuế [14](#)

Đoạn 457 chương trình lương được tri hoãn:
Chuyến tiếp:
Đến IRA [90](#)

Đoàn Phục vụ của các Lãnh đạo đã nghỉ hưu (SCORE) [52](#)

Đóng góp [17](#), [74](#)
(Cũng xem Đóng góp cho bầu cử)
(Cũng xem Đóng góp từ thiện)
Các khoản hoàn trả của lính dự bị [79](#)
Chính trị [104](#)
Lương chiến đấu không chịu thuế [79](#)

Đóng góp chính trị (Xem Đóng góp cho bầu cử)

Đóng góp cho bầu cử [74](#)

Đóng góp cho chiến dịch:
Quỹ Vận động tranh cử Tổng thống [14](#)

Đóng góp quỹ cứu trợ [104](#)

Đóng góp từ thiện:
Quà tặng để giảm nợ công [17](#)

Đồ cổ (Xem Đồ sưu tầm)

Đồ sưu tầm:
Đầu tư IRA vào [86](#), [87](#)

Đồ uống có cồn:
Các giao dịch bị IRA cấm về [87](#)

Đồng hồ đeo tay [104](#)

Đơn giản hóa hưu trí cho nhân viên (SEP):
IRA là [79](#)

Đơn vị nhà ở:
Tập thể (Xem Hợp tác xã nhà ở)

E

E-file [3](#), [6](#), [8](#)
Gia hạn thời gian nộp [11](#)

EIC (Xem Tín thuế thu nhập kiếm được)

G

Ghi ngày trên tờ khai của bạn [15](#)

Ghi sổ (Xem Yêu cầu lưu giữ hồ sơ)

Gia đình [8](#), [109](#)
(Cũng xem Tín thuế trẻ em)
(Cũng xem Trẻ em)

Giá được giảm sau khi mua [69](#)

Giá gốc:
Vốn giá gốc:
IRA cho đóng góp không thể khấu trừ [82](#), [86](#)

Gia hạn thời gian nộp [11](#)
Bao gồm trong tờ khai [12](#)

Gia hạn thời gian nộp (Tiếp tục)

Công dân bên ngoài Hoa Kỳ [12](#)
Tùy chọn e-file [11](#)
Tự động [11, 12](#)
Giá trị cho thuế hợp lý [36](#)
Giải thưởng Nobel [77](#)
Giải thưởng Pulitzer [77](#)
Giải thưởng và phần thưởng [47, 77](#)
(*Cũng xem* Tiền thưởng)
Giải thưởng học bổng [77](#)
Giải thưởng Pulitzer, Nobel, và giải thưởng tương đương. [77](#)
Loại trừ khỏi thu nhập [47](#)
Giảm giá phát hành gốc (OID) [60](#)
Giảm giá, trái phiếu dài hạn và trái phiếu trung hạn phát hành với [60](#)
Giám hộ trẻ em [30](#)
Gian lận:
Hình phạt [20, 40](#)
Khai báo ẩn danh cho IRS [3](#)
Giáo dục:
Chương trình trái phiếu tiết kiệm [59](#)
Giáo sĩ [8](#)
Hưu bổng [51](#)
Nhà ở [51](#)
Thuế bất động sản khi nhận phụ cấp thuê nhà để ở [99](#)
Quy định thu nhập đặc biệt [51](#)
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tuyên úy chết trong quá trình thi hành công vụ [70](#)
Giấy ủy quyền [15, 23](#)
Giúp việc nhà:
Khấu lưu [38](#)
Guam:
Thu nhập từ [8](#)
Gửi tờ khai qua đường bưu điện
(*Xem* Tờ khai thuế)

H

HAMP:
Điều chỉnh giá nhà hợp lý:
Tiền trả-cho-hiệu suất [74](#)
Hạn mức:
Khoản khấu trừ hỗn hợp [101](#)
Hao hụt cho phép [72](#)
Hiệp hội chủ sở hữu nhà ở:
Chi phí [100](#)
Khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)
Hình phạt [43, 45](#)
Biện hộ [21](#)
Cổ ý không khai thuế [21](#)
Gian lận [20, 21](#)
Hình phạt dân sự [20](#)
Hình sự [21](#)
IRA [86](#)
Đóng góp vượt mức [87](#)
Khai báo thừa đóng góp không được khấu trừ [82](#)
Không khai Mẫu 8606 cho đóng góp không được khấu trừ [82](#)
Mẫu 8606 không dùng cho các khoản đóng góp không được khấu trừ [78](#)
Phân phối bắt buộc, không thực hiện được [85](#)
Phân phối sớm [87](#)
IRA Roth:
Đóng góp chuyển đổi được rút trong khoảng thời gian 5 năm [91](#)
Đóng góp vượt mức [90](#)
Khả năng khấu trừ [103](#)
Khai báo thấp đáng kể thuế thu nhập [21](#)
Khai báo thấp giao dịch phải khai báo [21](#)
Khấu lưu [40, 41](#)
Khấu lưu dự phòng [41](#)
Không cung cấp số an sinh xã hội [14, 21](#)
Không khai Mẫu 8606 cho đóng góp không thể khấu trừ [82](#)
Không trả tiền thuế [20](#)
Liên quan đến tính chính xác [20](#)
Mẫu 8606 không dùng cho các khoản đóng góp không thể khấu trừ [78](#)
Nộp tờ khai thuế phụ phẩm [21](#)
Nộp trễ [11, 20](#)

Ngoại lệ [20](#)
Sơ suất [20](#)
Tiền lãi trên [16](#)
Thanh toán thiếu thuế ước tính [38, 45](#)
Thanh toán trễ [20](#)
Thuế ước tính (*Xem* tiêu đề này: Thanh toán thiếu thuế ước tính)
Trả thiếu thuế ước tính [43](#)
Trốn thuế [21](#)
Hình phạt do sơ suất [20](#)
Hình phạt do thanh toán thiếu [38, 45](#)
Tính toán của IRS [45](#)
Hình phạt do trả thiếu [43](#)
Hình phạt liên quan đến tính chính xác [20](#)
Hình phạt thuế dân sự (*Xem* Hình phạt)
Hoa hồng [40](#)
Chia sẻ (tiền lại quả) [76](#)
Chưa được hưởng, khấu trừ để hoàn trả cho [47](#)
IRA với công ty môi giới [79, 80](#)
Ứng trước [47](#)
Hoàn lại (*Xem* Hoàn thuế)
Hoàn lại tiền mặt [74](#)
Hoàn thuế [107](#)
Bù trừ:
Áp cho khoản thuế của năm tới [15](#)
Các khoản nợ [10](#)
Cho các khoản nợ [15](#)
Bù trừ thuế của năm tới [43](#)
Các khoản thuế (*Xem* Hoàn thuế)
Các quy tắc chung [10](#)
Chuyển lùi lỗ hoạt động ròng [20](#)
Chuyển lùi tín thuế kinh doanh [20](#)
Chứng khoán không có giá trị [20](#)
Dưới \$1 [15](#)
Giảm [20](#)
Giới hạn [19](#)
Hạn mức [19](#)
Ngoại lệ [20](#)
Hoàn thuế sai sót [18](#)
Hoàn thuế thu nhập liên bang [71](#)
Hoàn thuế thu nhập tiểu bang và địa phương [96, 97](#)
Khấu lưu thuế [8](#)
Không có khả năng tài chính [19](#)
Ký gửi trực tiếp [15](#)
Ngày hết hạn của séc [15](#)
Nhiều hơn hoặc ít hơn mong đợi [15](#)
Nợ thuế liên bang, ảnh hưởng đến [20](#)
Nợ xấu [20](#)
Quá hạn [10, 18](#)
Rút séc [15](#)
Tiền lãi [56](#)
Tiền lãi trên [18, 20](#)
Tờ khai nộp muộn [3](#)
Thỏa thuận với IRS về gia hạn thời gian định mức thuế, yêu cầu dựa trên [20](#)
Thuế bất động sản, xử lý của [99](#)
Thuế nước ngoài đã trả hoặc tích lũy [20](#)
Thuế tiểu bang [71](#)
Truy vấn [10](#)
Yêu cầu [20](#)
Kiện tụng [20](#)
Yêu cầu cho [18, 19](#)
Khoảng thời gian giới hạn [19](#)
Hoàn thuế tự chọn:
Hạn mức [50](#)
Hoàn trả [71, 72](#)
(*Cũng xem* Phục hồi các khoản đã khấu trừ trước đó)
Bồi thường thất nghiệp [73](#)
Phúc lợi an sinh xã hội [64, 72](#)
Phúc lợi hưu trí đường sắt [64](#)
Số tiền đã tính vào thu nhập từ trước [105](#)
Hoạt động bất hợp pháp:
Khai báo về [76](#)
Hoạt động thụ động:
Lỗ [24](#)
Học bổng [32, 35, 37](#)

Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh:
Học bổng cho giảng dạy hay nghiên cứu [77](#)
Loại trừ khỏi tổng thu nhập [77](#)
Thu nhập kiếm được bao gồm [93](#)
Học phí, quyền lợi theo GI Bill [37](#)
Học sinh:
Định nghĩa [29](#)
Miễn khấu lưu [39](#)
Nước ngoài [28](#)
Học sinh nước ngoài [28](#)
Hồ sơ khai thuế chung:
Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, khấu trừ [97](#)
Hỗ trợ (*Xem* Trợ giúp về thuế)
Hỗ trợ giáo dục:
Chủ lao động cung cấp [49](#)
Học bổng (*Xem* Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh)
Tiền học (*Xem* Chương trình tiền học đủ điều kiện)
Hỗ trợ hành chính, khấu trừ [102](#)
Hỗ trợ năng lượng [74](#)
Hỗ trợ thanh toán trước [75](#)
Hỗ trợ, thuế (*Xem* Trợ giúp về thuế)
Hối lộ [103](#)
Hội thảo:
Liên quan đến đầu tư [103](#)
Hôn nhân bị hủy bỏ:
Tư cách khai thuế [22](#)
Hôn nhân theo thông luật [22](#)
Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn [54](#)
Cá nhân bị bệnh mãn tính [54, 70](#)
Định nghĩa dịch vụ đủ tiêu chuẩn [54](#)
Loại trừ, hạn mức [54](#)
Hợp tác xã nhà ở:
Thuế bất động sản, khấu trừ [97](#)
Thuế bất động sản, khấu trừ của: Thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)
Hủy nợ [68](#)
Ngoại lệ đối với xử lý như thu nhập [68](#)
Hướng dẫn viên du lịch:
Du lịch miễn phí khi tổ chức du lịch [76](#)
Hưu bổng:
Chương trình của chủ lao động: Chuyển tiếp IRA [84, 90](#)
Đóng góp:
Đánh thuế [50](#)
Tín thuế đóng góp cho tiết kiệm hưu trí [24](#)
Giáo sĩ [51](#)
Hạn mức hoàn thuế tự chọn [50](#)
Hưu bổng được thừa kế [76](#)
Hưu bổng thương tật [53](#)
Kế hoạch của chủ lao động:
Các trường hợp không được bao trả [81](#)
Quyền lợi từ kế hoạch của chủ lao động trước [81](#)
Quân đội (*Xem* Lực lượng Vũ trang)

I

Internet:
Nộp bằng điện tử qua (*Xem* E-file)
IRA (*Xem* Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))
IRA Roth [88-91](#)
(*Cũng xem* Chuyển tiếp)
Ảnh hưởng của AGI đã sửa đổi lên các khoản đóng góp (Bảng 9-3) [88](#)
Chuyển đổi [90](#)
Chuyển qua IRA đến [83, 84](#)
Đóng góp [88](#)
Chỉ IRA Roth [89](#)
Cho IRA truyền thống trong cùng năm [89](#)
Không khấu trừ cho [88](#)
Thời gian thực hiện [90](#)
Đóng góp của vợ/chồng [88](#)
Đóng góp vượt mức [90](#)
Hạn mức đóng góp [89](#)
Dưới 50 tuổi, [89](#)
Từ 50 tuổi trở lên, [89](#)

Hình phạt:
Đóng góp chuyển đổi được rút trong khoảng thời gian 5 năm [91](#)
Đóng góp vượt mức [90](#)
Khái niệm [88](#)
Phân phối:
Phân phối đủ điều kiện [91](#)
Rút tiền [91](#)
Đóng góp vượt mức [90](#)
Không chịu thuế [91](#)
Tái xác định [85](#)
Tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi (MAGI) [88](#)
Giảm dần (Bảng 9-3) [88](#)
Tính toán (Bảng tính 9-2) [88](#)
Tuổi:
Không giới hạn cho đóng góp [88](#)
Không yêu cầu tuổi phân phối [91](#)
Phân phối sau tuổi 59 1/2 [91](#)
Thiết lập tài khoản [88](#)
Thủ lao, được xác định [88](#)
Trách nhiệm đóng thuế [91](#)
IRA Truyền thống (*Xem* Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))
ITIN (*Xem* Mã số thuế cá nhân (ITIN))

K
Kết ký quỹ an toàn [102](#)
Kế hoạch 529 (*Xem* Chương trình tiền học đủ điều kiện)
Kế hoạch hưu trí:
Chương trình của chủ lao động: Chuyển tiếp IRA [84, 90](#)
IRA (*Xem* Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))
Kế hoạch của chủ lao động: Các trường hợp không được bao trả [81](#)
Quyền lợi từ kế hoạch của chủ lao động trước [81](#)
Kế hoạch hưu trí:
Hưu bổng được thừa kế [76](#)
Khai báo:
Chuyển tiếp [84](#)
Khai báo bằng điện tử:
Tờ khai (*Xem* E-file)
Khai thuế điện tử:
Nộp hồ sơ đúng hạn [11](#)
Khấu hao:
Máy tính gia đình [102](#)
Khấu lưu [37](#)
Bồi thường thất nghiệp [41](#)
Các khoản vay tín dụng hàng hóa [41](#)
Các quy tắc chung [38](#)
Các thanh toán theo Đạo luật Cứu trợ Thiên tai năm 1988 [41](#)
Các thanh toán theo luật Nông nghiệp năm 1949 [41](#)
Chủ lao động, quy tắc đối với [39](#)
Công việc mới [38](#)
Định nghĩa [38](#)
Hình phạt [38, 40, 41](#)
Hoàn trả thuế đã khấu lưu [39](#)
Khấu giảm cho [38, 44](#)
Kiểm tra số tiền của [39](#)
Lương bổ sung [40](#)
Lương hưu và niên kim [40](#)
Mẫu không chính xác [45](#)
Mẫu W-4:
Do chủ lao động cung cấp [39](#)
Miễn [39](#)
Mức cao nhất, chủ lao động phải khấu lưu nếu không có W-4 [39](#)
Phân phối IRA [86](#)
Phúc lợi an sinh xã hội [41](#)
Phúc lợi hưu trí đường sắt [41](#)
Phương pháp tính công cộng dồn [39](#)
Quyền lợi phụ [40](#)
Tiền boia (*Xem* Thu nhập từ tiền boia)
Tiền lương và tiền công [38](#)
Tiền nghỉ bệnh [40](#)
Tiền thắng cược [40, 45](#)
Tờ khai thuế riêng [45](#)
Thay đổi số tiền khấu lưu [38](#)
Cho năm 2026 [39](#)

Khấu lưu (Tiếp tục)

Thuế thu nhập liên bang, không được khấu trừ [100](#)

Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, khấu trừ cho [96](#)

Xác định số tiền khấu lưu [38, 39](#)

Hình phạt [41](#)

Khấu lưu FICA [12, 38, 48](#)
(*Cũng xem* Khấu lưu)
(*Cũng xem* Khấu lưu thuế)
(*Cũng xem* Thuế an sinh xã hội và Medicare)

Khấu lưu thuế [12](#)
(*Cũng xem* Mẫu W-2)

Bồi thường thất nghiệp [73](#)

Lương hưu và niên kim [14](#)

Phúc lợi an sinh xã hội [64](#)

Phúc lợi hưu trí đường sắt [64](#)

Yêu cầu hoàn thuế [8](#)

Khấu trừ lương [100](#)

Khấu trừ tiêu chuẩn [92, 94](#)

Khấu trừ từng khoản:

Chọn khấu trừ từng khoản [93](#)

Khấu trừ tiêu chuẩn so sánh với [93](#)

Mẫu 1040 được sử dụng [71](#)

Phục hồi [71](#)

Thay đổi từ khấu trừ tiêu chuẩn sang từng khoản (hoặc ngược lại) [94](#)

Thuế tiểu bang, cho [94](#)

Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24, 94](#)

Một bên vợ/chồng đã liệt kê từng khoản [92](#)

Khoản hoàn lại:

Chi phí kinh doanh cho nhân viên [47](#)

Khoản khấu trừ khác [101](#)

Khoản nhận suy định của thu nhập [61](#)

Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc [84, 85](#)
(*Cũng xem* Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))

Khoản vay [20](#)
(*Cũng xem* Nợ)

Khoản vay sinh viên:

Hủy nợ [68](#)

Khấu trừ tiền lãi:

Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)

Khoản vay thế chấp:

Giảm [68](#)

Không tuân thủ luật thuế (*Xem* Hình phạt)

Khu vực chiến sự:

Gia hạn thời gian nộp tờ khai [12](#)

Ký tờ khai thuế cho vợ/chồng [23](#)

Khu vực chiến tranh (*Xem* Khu vực chiến sự)

Khung Thuế Suất 2024 [124](#)

Khuyết tật:

Người phụ thuộc [35](#)

Trẻ em [29](#)

Khuyết tật, người bị:

Bị mù (*Xem* Người mù)

Chi phí bảo hiểm [53](#)

Chương trình hưu trí, hưu bổng và chia sẻ lợi nhuận [53](#)

Chương trình tự chọn [53](#)

Hưu bổng thương tật của chính phủ và quân đội [53](#)

Khai báo thu nhập hưu bổng thương tật [53](#)

Ký tờ khai thuế bồi đại diện do tòa án chỉ định [15](#)

Lực lượng Vũ trang [52](#)

Phúc lợi an sinh xã hội và hưu trí đường sắt, các khoản khấu trừ cho [66](#)

Quyền lợi hỗ trợ công cộng [73](#)

Tiền bồi thường cho người lao động [54](#)

Tiền lương nghỉ phép tích lũy [53](#)

Tín thuế cho (*Xem* Người cao niên hoặc người khuyết tật, tín thuế cho)

Kiên tụng dân sự [75](#)
(*Cũng xem* Tồn thất từ kiện tụng)

Kiên tụng thương tật cá nhân:

Tồn thất từ [75](#)

Ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế [15](#)

Ký tờ khai thuế của bạn [9](#)

L

Lãi hoặc lỗ vốn:

Bán mặt hàng cá nhân [77](#)

Sở thích, mua bán từ bộ sưu tập [76](#)

Lãi miễn thuế từ cổ tức [56](#)

Lãi và lỗ [24](#)
(*Cũng xem* Lỗ)

Cá cược [105](#)

Hoạt động thụ động [24](#)

Khoản lỗ từ sở thích [76](#)

Yêu cầu hoàn thuế cho khoản lỗ [20](#)

Lãi và lỗ thông thường (*Xem* Lãi và lỗ)

Làm tròn số tiền [14](#)

Lãnh thổ của Hoa Kỳ:

Thu nhập từ [8](#)

Lao động tại gia, không thể khai là người phụ thuộc [27](#)

Lệ phí cấp giấy phép:

Khả năng khấu trừ [100](#)

Tính chất không được khấu trừ của [102](#)

Lệnh tịch biên tiền lương [13](#)

Lính cứu hỏa:

Lính cứu hỏa tình nguyện:

IRA [81](#)

Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ [70](#)

Lính cứu hỏa tình nguyện:

IRA [81](#)

Lính dự bị:

Hoàn trả [79](#)

IRA [81](#)

Loại trừ khỏi tổng thu nhập:

Bán nhà [77](#)

Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn [50](#)

Chương trình Trái phiếu Tiết kiệm Giáo dục [76](#)

Hoãn thuế tự chọn, hạn mức loại trừ [50](#)

Học bổng [77](#)

Hỗ trợ giáo dục từ chủ lao động [49](#)

Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn [54](#)

Hưu bổng thương tật của nhân viên liên bang và quân nhân [53](#)

Lãi từ tiền gửi đóng băng [76](#)

Nhân viên an ninh công cộng từ vòng hoặc bị giết khi thi hành công vụ, tiền từ tuất [70](#)

Nợ được hủy [69](#)

Phần thưởng cho nhân viên [47](#)

Phí đỗ xe, do chủ lao động cung cấp [50](#)

Phụ cấp di lại cho nhân viên [50](#)

Quyền lợi bồi thường từ vòng trả trước [70](#)

Quyền lợi cực tiểu [49](#)

Quyền lợi đình công [78](#)

Thu nhập kiếm được ở nước ngoài [3](#)

Trợ cấp bảo tồn năng lượng [75, 78](#)

Lỗ [20, 24](#)
(*Cũng xem* Lãi và lỗ)

Cá cược (*Xem* Tiền thắng và thua cược)

Vốn [24](#)

Lỗ hoạt động ròng:

Hoãn thuế của chuyển lồi [20](#)

Lực lượng Vũ trang:

Hưu bổng thương tật [53](#)

Khấu lưu từ lương của người về hưu [38](#)

Khu vực chiến sự:

Gia hạn thời gian nộp tờ khai [12](#)

Ký tờ khai thuế cho vợ/chồng [23](#)

Quyền lợi GI Bill [37](#)

Tiền cho người nghỉ hưu:

Thu nhập chịu thuế [52](#)

Tiền công [52](#)

Tiền phân bổ cho người phụ thuộc [35](#)

Tiền phân bổ trợ cấp nhà ở cho quân đội [35](#)

Thanh toán cho chương trình phục hồi [52](#)

Thuế bất động sản khi nhận phụ cấp thuế nhà để ở [99](#)

Trợ cấp thương tật [52](#)

Lương bổ sung [40](#)

Lương hưu [38, 62](#)
(*Cũng xem* Phúc lợi hưu trí đường sắt)

Đầu tư chưa hoàn vốn của người quá cố trong [14](#)

Đầu tư chưa hoàn vốn vào [105](#)

Khấu lưu [40](#)

Khấu lưu thuế [14](#)

Lương truy lĩnh, lệnh yêu cầu trả:

Thiệt hại về tinh thần theo tiêu đề VII của Đạo luật Dân quyền năm 1964 [75](#)

Lưu giữ hồ sơ:

Cá cược [105](#)

M

Mã số thuế (TIN):

Cá nhân (ITIN) [14, 37](#)

Nhận con nuôi (ATIN) [14](#)

Số an sinh xã hội (*Xem* Số an sinh xã hội (SSN))

Mã số thuế cá nhân (ITIN) [14, 37](#)

MAGI (*Xem* Tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi (MAGI))

Mất mát:

Thiệt hại [102, 104](#)

Trộm cắp [102, 104](#)

Mất mát do thiệt hại [102, 104](#)

Mất mát do trộm cắp [102, 104](#)

Mất mát tài sản [103](#)

Mất [11, 51, 62](#)

1040 [27, 108](#)

Chi phí công chứng [76](#)

Chi phí quản trị công ty [75](#)

Hưu bổng của giáo sĩ [51](#)

Khai báo tiền công và tiền lương [47](#)

Mã số thuế cho người nước ngoài [37](#)

Người chăm sóc nuôi dưỡng [76](#)

Nhà giữ trẻ [47](#)

Quyền lợi FECA [54](#)

Tiền bản quyền từ quyền lợi dầu mỏ, khí đốt hoặc khoáng sản [72](#)

Tiền bồi thường cho người lao động [54](#)

Tiền hưu trí của Lực lượng Vũ trang [52](#)

Tiền hưu trí thương tật [53](#)

Tiền lại quả [76](#)

Thu nhập và chi phí cho thuê [72](#)

1040 hoặc 1040-SR:

Địa chỉ [17](#)

Đính kèm theo [14](#)

IRA [86, 88](#)

Phúc lợi an sinh xã hội, khai báo trên [64](#)

Phúc lợi hưu trí đường sắt, khai báo trên [64](#)

Quỹ Vận động tranh cử Tổng thống [14](#)

Việc sử dụng của [22, 23](#)

1040 hoặc 1040-SR, Bảng A:

Đóng góp từ thiện [17](#)

1040 hoặc 1040-SR, Bảng SE [8](#)

1040-NR:

Tờ khai của người nước ngoài tạm trú [11](#)

1040-X:

Đang hoàn thành [19](#)

Hôn nhân bị hủy bỏ [22](#)

Khấu trừ tiêu chuẩn, thay đổi thành khấu trừ từng khoản [94](#)

Khấu trừ từng khoản, thay đổi thành khấu trừ tiêu chuẩn [94](#)

Nộp [19](#)

Tờ khai cá nhân được điều chỉnh [19](#)

Thay đổi tư cách khai thuế [24](#)

1040, Bảng A:

Tiền hoa hồng chưa được hưởng, khấu trừ để hoàn trả cho [47](#)

1040, Bảng C:

Bỏ qua nợ [68](#)

Chi phí công chứng [76](#)

Chi phí quản trị công ty [75](#)

Người chăm sóc nuôi dưỡng [76](#)

Nhà giữ trẻ [47](#)

Tiền bản quyền từ quyền lợi dầu mỏ, khí đốt hoặc khoáng sản [72](#)

Tiền lại quả [76](#)

Thu nhập từ trao đổi [67](#)

Thu nhập và chi phí cho thuê [72](#)

1040, Bảng E:

Tiền bản quyền [72](#)

1040, Bảng SE [51](#)

1065:

Thu nhập từ công ty hợp danh [70](#)

1098:

Báo cáo lãi vay thế chấp [71](#)

1099:

Báo cáo thu nhập chịu thuế [13](#)

1099-B:

Thu nhập từ trao đổi [67](#)

1099-C:

Hủy nợ [68](#)

1099-DIV:

Báo cáo thu nhập từ cổ tức [51](#)

1099-G:

Hoãn thuế tiểu bang [71](#)

1099-INT [55, 62](#)

1099-MISC:

Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên [75](#)

1099-OID [61](#)

1099-R [59](#)

Giải ước hợp đồng bảo hiểm nhân thọ để nhận tiền mặt [70](#)

Phân phối IRA [86, 88](#)

Phân phối từ chương trình hưu trí [14](#)

1120S:

Thu nhập từ công ty S [71](#)

2555 [110](#)

2848:

Giấy ủy quyền và tuyên bố của người đại diện [15, 23](#)

3115 [58](#)

3800:

Tín thuế chung cho kinh doanh [20](#)

4506 [17](#)

4506-T:

Yêu cầu bản ghi tờ khai thuế [18](#)

4868 [11, 37](#)

Nộp mẫu bằng giấy [12](#)

Nộp mẫu đơn điện tử [12](#)

Tự động gia hạn thời gian khai thuế [37](#)

Tự động gia hạn thời gian nộp [11](#)

5329:

Phân phối tối thiểu bắt buộc, không thực hiện được [88](#)

56:

Thông báo về Quan hệ ủy thác [15](#)

6251 [107](#)

8275:

Tuyên bố tiết lộ [21](#)

8275-R:

Báo cáo công khai quy định [21](#)

8379:

Yêu cầu của người phối ngẫu bị tổn hại [16](#)

8606:

Các khoản đóng góp IRA, Tái xác định [85](#)

Đóng góp IRA, Không được khấu trừ [78, 82, 86](#)

8615 [55](#)

8814 [55](#)

8815 [59](#)

8822:

Thay đổi địa chỉ [19](#)

8839:

Chi phí nhận con nuôi đủ điều kiện [49](#)

Mẫu (Tiếp tục)

8853: Archer MSA và hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn [48](#)
Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước [70](#)

8857: Miễn cho vợ/chồng vô can [23](#)

8879: Ủy quyền cho nhà cung cấp E-file sử dụng mã PIN tự chọn [11](#)

9465: Yêu cầu thỏa thuận trả góp [17](#)

Mẫu 8919: Thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu trên tiền công [47](#)

RRB-1042S: Phúc lợi hưu trí đường sắt cho người nước ngoài tạm trú [62](#)

RRB-1099: Phúc lợi hưu trí đường sắt [62](#)

SS-5: Đề nghị cấp số an sinh xã hội [37](#)
Yêu cầu số an sinh xã hội [14](#)

SSA-1042S: Phúc lợi an sinh xã hội cho người nước ngoài tạm trú [62](#)

SSA-1099: Phúc lợi an sinh xã hội [62](#)

W-2: Báo cáo thu nhập do chủ lao động khai báo [14](#), [47](#), [48](#), [51](#)
Báo cáo thu nhập do chủ lao động lập [12](#)
Chi phí của viên chức khu bầu cử [76](#)
Được xác định tham gia kế hoạch hưu trí của chủ lao động [80](#)
Quyền lợi phụ [48](#), [49](#)

W-2G: Báo cáo khấu lưu tiền thắng bài bạc [76](#)

W-4V: Yêu cầu khấu lưu tự nguyện [73](#)

W-7: Yêu cầu mã số thuế cá nhân [37](#)

W-7A: Yêu cầu mã số thuế cho việc nhận con nuôi [14](#), [37](#)

Mẫu 1040:
Bù trừ khoản thanh toán vượt mức vào thuế của năm tới [43](#)
Các khoản thuế ước tính [45](#)
Tiền thắng cược [41](#)

Mẫu 1040 hoặc 1040-SR:
Bảng A:
Các khoản thuế, khấu trừ [100](#)
Quý quyền lợi tiểu bang, đóng góp bắt buộc vào [97](#)
Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, khấu trừ [100](#)

Bảng C:
Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân đối với tài sản được sử dụng trong kinh doanh, khấu trừ [100](#)

Bảng E:
Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân đối với tài sản cho thuê, khấu trừ [100](#)

Bảng F:
Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân đối với tài sản được sử dụng trong kinh doanh, khấu trừ [100](#)
Thuế tự kinh doanh, khấu trừ [100](#)
Thuế thu nhập từ nước ngoài, khấu trừ [100](#)

Mẫu 1040-ES:
Thuế ước tính [42](#), [44](#)

Mẫu 1099-45

Mẫu 1099-K:
Thẻ thanh toán và các giao dịch qua mạng của bên thứ ba [77](#)

Mẫu 1099-MISC:
Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu [96](#)

Mẫu 1099-NEC:
Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu [96](#)

Mẫu 1099-R:
Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu được thể hiện trên [96](#)

Mẫu 1099-S:
Tiền giao dịch bất động sản [98](#)

Mẫu 1116:
Tín thuế nước ngoài [100](#)

Mẫu 8332:
Miễn miễn trừ thuế cho cha mẹ không giám hộ [30](#)

Mẫu đơn thay thế [12](#)

Mẫu W-2 (Xem Mẫu W-2)
Báo cáo thu nhập do chủ lao động lập [44](#)
Mẫu riêng từ mỗi chủ lao động [44](#)
Nộp với tờ khai [44](#)
Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu [96](#)

Mẫu W-2c:
Báo cáo tiền lương và thuế đã sửa đổi [45](#)

Mẫu W-2G:
Báo cáo khấu lưu tiền thắng cược [41](#), [45](#)
Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu được thể hiện trên [96](#)

Mẫu W-4:
Chứng nhận cho phép khấu lưu thuế của nhân viên [38](#), [39](#), [41](#)

Mẫu W-4S:
Yêu cầu khấu lưu tiền nghỉ bệnh [40](#)

Mẫu W-4V [41](#)
Bồi thường thất nghiệp, yêu cầu khấu lưu tự nguyện [41](#)

Medicare [48](#), [52](#)
(Cũng xem Thuế an sinh xã hội và Medicare)
Các lợi ích [74](#)
Tài khoản Tiết kiệm Y tế Medicare Advantage (Xem Tài khoản tiết kiệm y tế (MSA))

Mexico:
Thường trú nhân của [27](#), [34](#)

Miễn:
Khấu lưu [39](#)

Miễn cho vợ/chồng vô can:
Mẫu 8857 [23](#)
Tờ khai thuế chung [23](#)

Miễn công bằng (Xem Miễn cho vợ/chồng vô can)

Miễn thuế:
Tiền lãi [60](#)
Thu nhập [104](#)
Trái phiếu và các công trái khác [60](#)

Miễn trừ cá nhân [37](#)

MSA (Xem Tài khoản tiết kiệm y tế (MSA))

Mua bán và trao đổi:
Trái phiếu [60](#)

Mục 457 chương trình lương được trì hoãn:
Chuyển tiếp:
Đến IRA [84](#)

Mục sư (Xem Giáo sĩ)

Mục ưu đãi về thuế [107](#)

N

Năm tính thuế ngắn:
Thay đổi chu kỳ kế toán hàng năm [92](#)

Năm theo lịch tài chính [13](#), [43](#)

Năm thuế [11](#), [13](#)
(Cũng xem Chu kỳ kế toán)

Ngày đến hạn [10](#), [11](#)
Gia hạn (Xem Gia hạn thời gian nộp)
Ngày trong năm 2025 (Bảng 1-5) [11](#)
Tờ khai của người nước ngoài tạm trú [11](#)

Ngày đến hạn chung, thuế ước tính [43](#)

Ngày hết hạn quy chế:
Yêu cầu hoàn thuế [16](#), [19](#)

Ngày lễ, thời hạn rơi vào [43](#)

Ngân hàng:
IRA với [79](#)

Ngân phiếu:
Đã chiết khấu [60](#)

Ngư dân:
Quyền đánh cá của Thổ dân [76](#)

Ngư gia:
Thuế ước tính [41](#)

Người cao niên:
Chương trình Dinh dưỡng cho Người cao niên [74](#)
Miễn khấu lưu [39](#)
Tín thuế cho (Xem Người cao niên hoặc người khuyết tật, tín thuế cho)
Tư vấn thuế cho Người cao niên [10](#)

Người cao niên hoặc người khuyết tật, tín thuế cho:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)

Người cao tuổi:
Chăm sóc dài hạn (Xem Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn)
Khấu trừ tiêu chuẩn cho tuổi 65 trở lên [92](#)
Nhà cho người cao tuổi [36](#)

Người chuẩn bị tờ khai thuế [15](#)

Người chưa kết hôn (Xem Người đóng thuế độc thân)

Người có thương tật (Xem Khuyết tật, người bị)

Người đại diện:
Ký tờ khai [15](#)
Thu nhập trả cho [13](#)

Người đại diện cá nhân (Xem Người được ủy thác)

Người đóng thuế có tình trạng kép [8](#)
Khấu trừ tiêu chuẩn [92](#)
Không được khai thuế chung [23](#)

Người đóng thuế có thu nhập cao hơn:
Thuế ước tính [41](#)

Người đóng thuế đã kết hôn [22-24](#)
(Cũng xem Tờ khai thuế chung)
(Cũng xem Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế)
Chữ ký khi vợ/chồng không thể ký [15](#)
IRA [79](#), [80](#)
Vợ/chồng được bao trả theo chương trình của chủ lao động [80](#), [81](#)

IRA Roth [88](#)
Người vợ/chồng đã qua đời [6](#), [7](#)
(Cũng xem Người vợ/chồng còn lại)
Người vợ/chồng quá cố [22](#), [23](#)
(Cũng xem Người vợ/chồng còn lại)
Phúc lợi an sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt, tính thuế [63](#)
Sống xa nhau [22](#)
Tư cách khai thuế [6](#), [7](#), [22](#)
Thuế ước tính [42](#)
Vợ/chồng bị mù:
Khấu trừ tiêu chuẩn [93](#)
Vợ/chồng là người nước ngoài có tình trạng kép [23](#)
Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú [14](#), [23](#)
Vợ/chồng từ 65 tuổi trở lên:
Khấu trừ tiêu chuẩn [93](#)

Người đóng thuế đã ly hôn [74](#)
(Cũng xem Cấp dưỡng)
Các khoản thanh toán thuế ước tính [45](#)
Giám hộ trẻ em [30](#)
IRA [80](#), [84](#)
Tư cách khai thuế [22](#), [23](#)
Thuế bất động sản, phân phối [99](#)

Người đóng thuế đã ly thân [22](#)
IRA [80](#)
Tư cách khai thuế [23](#), [24](#)
Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú [25](#)

Người đóng thuế đã qua đời (Xem Người quá cố)

Người đóng thuế độc thân [22](#)
Tư cách khai thuế [7](#), [22](#)
Yêu cầu nộp [7](#)
Yêu cầu nộp dựa trên tổng thu nhập (Bảng 1-1) [6](#)

Người đóng thuế quá cố (Xem Người quá cố)

Người đóng thuế theo năm dương lịch:
Chu kỳ kế toán [48](#)

Người đóng thuế theo niên lịch:
Chu kỳ kế toán [11](#), [13](#)
Ngày đến hạn nộp [11](#)

Người đóng thuế theo phương pháp kế toán tích lũy:
Các khoản thuế đã nộp trong năm tính thuế, khấu trừ [96](#)

Người đóng thuế theo phương pháp tích lũy [13](#)

Người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt [13](#)
Các khoản thuế đã nộp trong năm tính thuế, khấu trừ của [96](#)
Giao dịch bất động sản, phân phối thuế [98](#)

Người được chỉ định [56](#), [61](#)

Người được ủy thác [7](#), [79](#), [80](#)
(Cũng xem Người thi hành và người quản lý)
Giao dịch bị cấm [86](#)
IRA [102](#)
Chuyển qua từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác [83](#), [90](#)
Phí [79](#), [80](#)
Phí dịch vụ [75](#)
Phí hành chính [102](#)

Người giúp việc nhà, không thể khai là người phụ thuộc [27](#)

Người không có khả năng tài chính [19](#)

Người không đủ năng lực về tinh thần [53](#)
(Cũng xem Khuyết tật, người bị)
Ký tờ khai thuế bởi đại diện do tòa án chỉ định [15](#)

Người khuyết tật (Xem Khuyết tật, người bị)

Người làm tay gia (Xem Giúp việc nhà)

Người lao động:
Thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm [76](#)
Việc làm ở nước ngoài (Xem Việc làm nước ngoài)

Người lao động nông nghiệp (Xem Công nhân nông trại)

Người lao động trong ngành nông nghiệp (Xem Nông gia)

Người mù:
Khấu trừ tiêu chuẩn cho [92](#), [93](#)
Miễn khấu lưu [39](#)

Người Mỹ bản xứ (Xem Thổ dân)

Người ngoại quốc (Xem Người nước ngoài thường trú)

Người nước ngoài (Xem Người nước ngoài thường trú)
Bắt buộc khai thuế [8](#)
Cư dân (Xem Người nước ngoài thường trú)
Người tạm trú (Xem Người nước ngoài tạm trú)
Tạm trú (Xem Người nước ngoài tạm trú)
Tình trạng kép (Xem Người đóng thuế có tình trạng kép)
Thường trú nhân (Xem Người nước ngoài thường trú)

Người nước ngoài tạm trú [8](#)
Khấu trừ tiêu chuẩn [92](#)
Mã số thuế [37](#)
Mã số thuế cá nhân (ITIN) [14](#)
Ngày đến hạn [11](#)
Tư bố tình trạng người nước ngoài [52](#)
Thuế ước tính [42](#)
Vợ/chồng [14](#)
Đã ly thân [25](#)
Tờ khai thuế chung không khả dụng [23](#)

Người nước ngoài thường trú:
Phân phối IRA, khấu lưu từ [86](#)
Số an sinh xã hội (SSN) [14](#)
Thuế ước tính [42](#)
Vợ/chồng được coi là [25](#)

Người phụ thuộc [8](#), [27](#)
(Cũng xem Tín thuế trẻ em)
Đã kết hôn, nộp tờ khai thuế chung [27](#), [32](#)
Được sinh ra [35](#)
Khấu trừ tiêu chuẩn cho [93](#)
Qua đời [35](#)

Người phụ thuộc (Tiếp tục)

Sinh và mất trong năm [37](#)
Sinh và qua đời trong năm [14](#)
Số an sinh xã hội [13](#)
Mã số thuế cho việc nhận con nuôi [14, 37](#)
Người phụ thuộc là người nước ngoài [37](#)
Thân nhân đủ điều kiện [34](#)
Trẻ đủ điều kiện [28](#)
Yêu cầu nộp [8](#)

Mức thu nhập kiểm được, thu nhập phi lao động và tổng thu nhập (Bảng 1-2) [7](#)

Người phụ thuộc đã kết hôn, nộp tờ khai thuế chung [27, 32](#)

Người phụ thuộc được sinh ra [35](#)

Người phụ thuộc không được phép khai người phụ thuộc [27](#)

Người phụ thuộc qua đời [35](#)

Người quá cố [7](#)

(*Cũng xem* Người thi hành và người quản lý)

Khấu trừ tiêu chuẩn [92](#)

Ngày đến hạn [11](#)

Người vợ/chồng đã qua đời [7](#)

Trái phiếu tiết kiệm [58](#)

Vợ/chồng qua đời [22, 23](#)

Yêu cầu nộp [7](#)

Người quản lý, di sản (*Xem* Người thi hành và người quản lý)

Người tổ chức [70](#)

Người tự kinh doanh [100](#)
(*Cũng xem* Thuế tự kinh doanh)

Công dân Hoa Kỳ được tuyển dụng bởi Chính phủ nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế [8](#)

Định nghĩa [8](#)

IRA [79](#)

Mục sư [8](#)

Quản trị công ty là [75](#)

Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên [75](#)

Tổng thu nhập [7](#)

Người thi hành và người quản lý [7](#)

Người thụ hưởng [75](#)

(*Cũng xem* Người thụ hưởng di sản)
(*Cũng xem* Người thụ hưởng quỹ tín thác)

Chung [55](#)

Toàn bộ [55](#)

Người thụ hưởng di sản:

IRA (*Xem* Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))

Khoản lỗ từ di sản [75](#)

Nhận thu nhập từ di sản [75](#)

Người thụ hưởng quỹ tín thác:

Khoản lỗ từ quỹ tín thác [75](#)

Nhận thu nhập từ quỹ tín thác [75, 76](#)

Người về hưu:

Lực lượng Vũ trang:

Thu nhập chịu thuế [52](#)

Người vợ/chồng còn lại (*Xem* Người vợ/chồng còn lại)

Tư cách khai thuế [22](#)

Với trẻ phụ thuộc [25](#)

Tư cách khai thuế độc thân [22](#)

Thuế (*Xem* Thuế di sản)

Yêu cầu nộp dựa trên tổng thu nhập (Bảng 1-1) [6](#)

Nhà dưỡng lão:

Bảo hiểm chăm sóc tại (*Xem* Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn)

Nhà ở [25](#)

Chi phí duy trì [25](#)

Bảng tính [25](#)

Giáo sĩ [51](#)

Hệ thống an ninh [103](#)

Người cao tuổi, nhà cho [36](#)

Tập thể (*Xem* Hợp tác xã nhà ở)

Nhà trẻ [47](#)

(*Cũng xem* Chăm sóc trẻ em)

Nhằm lẫn (*Xem* Sai sót)

Nhận con nuôi:

ATIN [14](#)

Hỗ trợ của chủ lao động [49](#)

Mã số thuế [14, 37](#)

Tín thuế:

Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)

Tín thuế trẻ em [109](#)

Nhân viên [40, 48, 49](#)
(*Cũng xem* Quyền lợi phụ)
Cần phải điền Mẫu W-4 khi bắt đầu công việc mới [39](#)
Chi phí kinh doanh (*Xem* Chi phí kinh doanh cho nhân viên)
Phần thưởng do phục vụ [47](#)
Quyền lợi phụ [40](#)

Nhân viên chính phủ:
Liên bang (*Xem* Nhân viên liên bang)

Nhân viên dịch vụ y tế khẩn cấp:
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ [70](#)

Nhân viên liên bang:
Các khoản thanh toán FECA [54](#)
Hưu bổng thương tật [53](#)
Dựa trên số năm tại ngũ [53](#)
Loại trừ, điều kiện để [53](#)
Tấn công khủng bố [53](#)
Phụ cấp sinh hoạt phí [48](#)
Tiền lương nghỉ phép tích lũy [48](#)

Nhân viên phụ vụ xe cứu thương:
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ [70](#)

Nhân viên thi hành pháp luật:
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ [70](#)

Niên kim:
Đầu tư chưa hoàn vốn [105](#)
Đầu tư chưa hoàn vốn của người quá cố trong [14](#)
IRA là [79](#)
Khấu lưu [40](#)
Khấu lưu thuế [14](#)

Nội thất gia đình:
Đồ cổ (*Xem* Đồ sưu tầm)

Nông gia:
Khấu lưu [38](#)
Thuế ước tính [41](#)

Nông nghiệp (*Xem* Nông nghiệp)
Nợ được hủy, xử lý [69](#)

Nộp bằng điện tử (*Xem* E-file)

Nộp muộn [3](#)

Nộp trễ:
Hình phạt [11, 20](#)

Nợ [20, 71](#)
(*Cũng xem* Nợ khó đòi)
(*Cũng xem* Nợ xấu)

Công, quà tặng để giảm [17](#)

Do người khác trả [13](#)

Đã hủy (*Xem* Hủy nợ)

Hoàn thuế bù trừ [10](#)

Hoàn thuế bù trừ cho [15](#)

Không truy đòi [68](#)

Truy đòi [68](#)

Nợ công:

Quà tặng để giảm [17](#)

Nợ khó đòi:

Phục hồi [71](#)

Nợ thuế [107](#)

Nợ xấu:

Yêu cầu hoàn thuế [20](#)

Nơi cư trú chính (*Xem* Nhà ở)

Nơi nộp [17](#)

O

OASDI [74](#)

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

O

Phân phối:
Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc [84, 85](#)
(*Cũng xem* Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))
Từ thiện đủ điều kiện [86](#)
Phân phối từ thiện, đủ điều kiện [86](#)
Phân phối trước kỳ hạn (*Xem* Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế)

Phân thưởng (*Xem* Giải thưởng và phần thưởng)

Phí [75](#)
(*Cũng xem* Loại khấu trừ và thu nhập cụ thể)

Giấy phép chuyên môn [104](#)

Phí bảo hiểm:
Nhân thọ [37, 103](#)
Tiền ứng trước [56](#)
Y tế [37](#)

Phí bảo hiểm nhân thọ [37](#)

Phí bảo hiểm sức khỏe [37](#)

Phí bảo hiểm y tế [37](#)

Phí dịch vụ [102](#)

Phí đồ xe:
Quyền lợi phụ do chủ lao động cung cấp:

Loại trừ khỏi thu nhập [50](#)

Phí giám hộ [102](#)

Phí giấy phép chuyên môn [104](#)

Phí hội viên:

Câu lạc bộ [103](#)

Phí luật sư [102, 104](#)

Phí luật sư dự phòng:

Dưới dạng thu thập [75](#)

Phí luật sư, tiền thưởng cho người tố giác:

Dưới dạng thu thập [75](#)

Phí tiện lợi [102](#)

Phí thẩm định [102](#)

Phí viết séc [103](#)

Phiếu nợ:

Đã chiết khấu [48](#)

Nhận được cho phục vụ [48](#)

Phiếu thanh toán thuế [43, 44](#)

Phiếu thực phẩm [36](#)

Phụ cấp của Đoàn Hòa bình [52](#)

Phụ cấp sinh hoạt phí [48](#)

Phục hồi các khoản đã khấu trừ trước đó [71](#)

Hoàn thuế [71](#)

Hoàn thuế từ lãi vay thế chấp [71](#)

Khấu trừ từng khoản [71](#)

Trong nhiều năm [71](#)

Phúc lợi an sinh xã hội [36, 62, 67](#)
Các kế hoạch hưu trí của chủ lao động khác với [81](#)

Các khoản khấu trừ liên quan đến [66](#)

Chủ lao động nước ngoài [52](#)

Do chủ lao động trả [48](#)

Hoàn trả [102](#)

Hoàn trả các phúc lợi [72](#)

Hoàn trả phúc lợi [64](#)

IRA cho người nhận phúc lợi [81](#)

Khai báo về [64](#)

Khấu lưu [41](#)

Khấu lưu cho [64](#)

Không thể khấu trừ [100](#)

Mẫu SSA-1042S cho người nước ngoài tạm trú [62](#)

Mẫu SSA-1099 [62](#)

Tờ khai thuế chung [66](#)

Tùy chọn nhận một lần [64](#)

Thuế tính cho [63, 64](#)

Thuế ước tính [64](#)

Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24, 64](#)

Phúc lợi hưu trí đường sắt [62-67](#)

Các kế hoạch hưu trí của chủ lao động khác với [81](#)

Các khoản khấu trừ liên quan đến [66](#)

Hoàn trả phúc lợi. [64](#)

Khai báo về [64](#)

Khấu lưu [41](#)

Không được khấu trừ thuế [100](#)

Khấu lưu cho [64](#)

Mẫu RRB-1042S cho người nước ngoài tạm trú [62](#)
Mẫu RRB-1099 [62](#)
Tờ khai thuế chung [66](#)
Tùy chọn nhận một lần [64](#)
Tương đương bậc 1 (phúc lợi an sinh xã hội tương đương (SSEB)) [62](#)
Thuế tính cho [63, 64](#)
Thuế ước tính [64](#)
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24, 64](#)

Phúc lợi trợ cấp xã hội [36](#)

Phúc lợi xã hội [73](#)

Phương pháp kế toán [13](#)
Phương pháp tích lũy (*Xem* Người đóng thuế theo phương pháp tích lũy)

Phương pháp tiền mặt (*Xem* Người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt)

Phương thức nộp thay thế:
Điện tử (*Xem* E-file)

Puerto Rico:
Cư dân [8](#)

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Q

Quỹ hưu trí cá nhân (IRA) (Tiếp tục)

Hạn mức đóng góp [79](#)
Dưới 50 tuổi, [79](#)
Từ 50 tuổi trở lên, [79](#)

Hình phạt [86](#)
Đóng góp vượt mức [87](#)
Giao dịch bị cấm [86](#)
Khai báo thừa đóng góp không được khấu trừ [82](#)
Không khai Mẫu 8606 cho đóng góp không được khấu trừ [82](#)
Mẫu 8606 không dùng cho các khoản đóng góp không được khấu trừ [78](#)
Phân phối bắt buộc, không thực hiện được [85, 88](#)
Phân phối sớm (*Xem* [Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế](#))

IRA của Người phối ngẫu Kay Bailey Hutchison [80, 81](#)
IRA thừa kế [83](#)
Khai báo về:
Phân phối [86](#)
Tái xác định khoản đóng góp [85](#)
Khấu lưu [40, 86](#)
Khấu lưu thuế [14](#)
Khấu trừ cho [80](#)
Giảm dần [81](#)
Người tham gia được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-1) [81](#)
Người tham gia không được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-2) [82](#)
Người đóng thuế đã ly hôn [84](#)
Người tự kinh doanh [79](#)
Người tham gia kế hoạch hưu trí của chủ lao động [80, 81](#)

Phân phối:
Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc (*Xem* [tiêu đề này: Phân phối bắt buộc](#))
Ở tuổi 59 1/2 [87](#)
Phân phối bắt buộc [84, 85](#)
Tích lũy vượt mức [88](#)
Phân phối sớm (*Xem* [Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế](#))
Phí hành chính [79, 80, 102](#)
Phí hành chính cho người được ủy thác [102](#)
Rút tiền [85, 87](#)
Bắt buộc (*Xem* [tiêu đề này: Phân phối bắt buộc](#))
Sớm (*Xem* [Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế](#))

Tái xác định đóng góp [85](#)
Tiền lãi trên, tính thuế [78](#)
Tín thuế đóng góp cho tiết kiệm hưu trí [24](#)

Tính chất thuế [87](#)
Phân phối [86](#)

Tính Toán AGI đã sửa đổi (Bảng tính 9-1) [82](#)

Tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi (MAGI):
Ảnh hưởng đến khấu trừ nếu được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-1) [81](#)
Ảnh hưởng đến khấu trừ nếu không được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-2) [82](#)
Bảng tính 9-1 [82](#)
Tính toán [81](#)
Tuổi 59 1/2 cho phân phối [87](#)
Ngoại lệ của quy định [87](#)

Tuổi 73:
Phân phối bắt buộc ở [85, 88](#)
Thiết lập tài khoản [79](#)
Nơi mở tài khoản [79](#)
Thời gian của [79](#)
Thời điểm đánh thuế [79](#)
Thủ lao, định nghĩa [79](#)
Thu nhập thông thường, phân phối như [86](#)
Thư kế IRA:
Phân phối bắt buộc [85](#)
Thừa kế IRA [76](#)

Trương mục Hưu trí Cá nhân (IRA thừa kế [84](#)
Vốn giá gốc [82, 86](#)

Quỹ Quyền lợi cho Người bị khuyết tật không nghề nghiệp
California [97](#)

Quỹ Quyền lợi cho Người bị khuyết tật không nghề nghiệp New Jersey [97](#)

Quỹ Quyền lợi cho Người bị khuyết tật không nghề nghiệp New York [97](#)

Quỹ Quyền lợi cho người bị khuyết tật tạm thời Đảo Rhode [97](#)

Quy tắc 59 1/2:
Quy tắc tuổi 59 1/2 [87](#)

Quy tắc 60 ngày [83](#)

Quy tắc 73:
Quy tắc tuổi 73 [85](#)

Quy tắc phá hòa [32](#)

Quỹ tín thác [75](#)
(*Cũng xem* [Người thụ hưởng quỹ tín thác](#))
Quỹ tín thác của người ký thác [75](#)
Thu nhập [75](#)

Quỹ tương hỗ:
Chưa được niêm yết công khai [102](#)

Quỹ trí cá nhân (IRA):
Phân phối:
Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc (*Xem* [tiêu đề này: Phân phối bắt buộc](#))

Quỹ Trợ cấp công nhân bổ sung Tiểu bang Washington [97](#)

Quỹ Trợ cấp thất nghiệp Alaska [97](#)

Quỹ Trợ cấp thất nghiệp New Jersey [97](#)

Quỹ Trợ cấp thất nghiệp Pennsylvania [97](#)

Quỹ Vận động tranh cử Tổng thống [14](#)

Quyền chọn [51](#)

Quyền chọn cổ phiếu [51](#)

Quyền góp (*Xem* [Đóng góp từ thiện](#))

Quyền lợi bồi thường tử vong:
Nhân viên an ninh công cộng từ vong hoặc bị giết khi thi hành công vụ, miễn thuế [70](#)
Tiền bảo hiểm nhân thọ (*Xem* [Bảo hiểm nhân thọ](#))
Trả trước [70](#)

Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước [70](#)

Quyền lợi cho cựu chiến binh [52](#)

Quyền lợi của nhân viên [48, 49](#)
(*Cũng xem* [Quyền lợi phụ](#))

Quyền lợi cực tiểu [49](#)

Quyền lợi đình công [78](#)

Quyền lợi GI Bill [37](#)

Quyền lợi hỗ trợ cộng đồng [73](#)

Quyền lợi hưu trí đường sắt [77](#)
Bậc tương đương 1 (quyền lợi tương đương an sinh xã hội (Social Security Equivalent Benefit, SSEB)) [77](#)

Quyền lợi khóa xương [78](#)

Quyền lợi phụ:
Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe [48](#)
Chu kỳ kế toán [48](#)
Dịch vụ lập kế hoạch hưu trí [50](#)
Đóng góp cho Archer MSA [48](#)
Hỗ trợ giáo dục [49](#)
Khấu lưu [40](#)
Mẫu W-2 [48](#)
Nhận con nuôi, hỗ trợ của chủ lao động [49](#)
Phí bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn [49](#)
Quà tặng ngày lễ [49](#)
Quyền lợi cực tiểu [49](#)
Thu nhập chịu thuế [48](#)
Vận chuyển [50](#)

Quyền tăng giá cổ phiếu [48](#)

R

Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế:
Chi phí giáo dục đại học, ngoại lệ không bị phạt tiền [78](#)

IRA:
Hình phạt [85, 87](#)
Phân phối sớm, định nghĩa [87](#)

Rút thưởng [76](#)

S

Sai áp và lệnh tịch biên [13](#)

Sai sót:
Bảo cáo tiền lương và thuế đã sửa đổi [45](#)
Hoàn thuế [18](#)
Phát hiện sau khi nộp, cần điều chỉnh tờ khai [19](#)

Samoa thuộc Hoa Kỳ:
Thu nhập từ [8](#)

Séc:
Nhận suy định [13](#)

SEP (*Xem* [Đơn giản hóa hưu trí cho nhân viên \(SEP\)](#))

Sinh viên:
Chương trình tiền học, đủ điều kiện (*Xem* [Chương trình tiền học đủ điều kiện](#))
Học bổng (*Xem* [Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh](#))
Khoản vay (*Xem* [Khoản vay sinh viên](#))

Số an sinh xã hội (SSN) [13](#)
Của trẻ em [2](#)
Hình phạt cho hành vi không cung cấp [14](#)
Mẫu SS-5 để yêu cầu [14](#)
Người nước ngoài thường trú [14](#)
Người phụ thuộc [2, 13](#)
Trường hợp ngoại lệ [14](#)
Số an sinh xã hội (SSN):
Mã số cần lấy khi sinh [37](#)
Thư từ vợ IRS, bao gồm SSN [14](#)
Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú [14](#)

Sở thích [102](#)
Hoạt động không vì lợi nhuận. [74](#)
Lỗ [76](#)

Sở Thuế vụ (IRS):
Hành vi gian lận hoặc sai trái của nhân viên, khai báo ẩn danh [3](#)

Spa chăm sóc sức khỏe [103](#)

SSN (*Xem* [Số an sinh xã hội \(SSN\)](#))

Sự cố bệnh than (*Xem* [Tấn công khủng bố](#))

Sửa đổi (*Xem* [Sai sót](#))

Sức khỏe:
Bảo hiểm y tế [48](#)
(*Cũng xem* [Bảo hiểm tai nạn](#))
Tài khoản chi tiêu linh hoạt [49](#)
Tài khoản hoàn lại [49](#)
Tài khoản tiết kiệm [49](#)

T

Tài khoản chung [55](#)

Tài khoản tiết kiệm y tế (MSA) [48, 76](#)
(*Cũng xem* [Archer MSA](#))
Tài khoản Tiết kiệm Y tế Medicare Advantage [76](#)

Tài sản:
Đánh cắp [78](#)
Được tìm thấy [76](#)

Tài sản cá nhân:
Thu nhập cho thuê từ [72](#)

Tài sản căn bản:
Than và quặng sắt [72](#)

Tài sản chung [58](#)
IRA [79](#)
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)

Tài sản cộng đồng [7](#)

Tài sản đánh cắp [78](#)

Tài sản được tìm thấy [76](#)

Tái xác định:
Đóng góp IRA [85](#)

Tấn công khủng bố:
Hưu bổng thương tật cho nhân viên liên bang [53](#)

Tem (*Xem* [Đồ sưu tầm](#))

Tiền bản quyền [72](#)

Tiền bản quyền khi đốt [72](#)

Tiền bản quyền khoáng sản [72](#)

Tiền bảo hiểm:
Cổ tức, tiền lãi từ [56](#)
Nhân thọ [60](#)
Thanh toán từng đợt [60](#)

Tiền bồi thường cho người lao động [54](#)
Đóng góp bắt buộc vào quỹ tiêu bang, khấu trừ [97](#)
Quay trở lại làm việc [54](#)

Tiền công và tiền lương [12, 47-54](#)
(*Cũng xem* [Mẫu W-2](#))
Bảo hiểm chăm sóc dài hạn [48](#)
Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe [48](#)
Bổ sung [40](#)
Bồi thường thời việc [48](#)
Các khoản phụ cấp và hoàn lại [47](#)
Các khoản phụ cấp và hoàn trả [40](#)
Chủ lao động nước ngoài [52](#)
Công nhân nông trại [38](#)
Công việc tình nguyện [52](#)
Dịch vụ hỗ trợ tìm việc [48](#)
Đồng tu [51](#)
Đóng góp cho Archer MSA [48](#)
Đóng góp chương trình hưu trí của chủ lao động [50](#)
Giáo sĩ [51](#)
Hoàn thuế tự chọn [50](#)
Khấu lưu (*Xem* [Khấu lưu](#))
Mẫu W-2 (*Xem* [Mẫu W-2](#))
Nghĩa vụ quân sự [52](#)
Người làm tại gia [38](#)
Nhà giữ trẻ [47](#)
Nhận con nuôi, hỗ trợ của chủ lao động [49](#)
Phần thưởng của tiền truy lĩnh [47](#)
Phần thưởng thành tích cho nhân viên [47](#)
Phần thưởng và giải thưởng [47](#)
Phiếu nợ cho phục vụ [48](#)
Phụ cấp sinh hoạt phí của chính phủ [48](#)
Quân nhân về hưu [38, 52](#)
Quyền chọn cổ phiếu [51](#)
Quyền lợi cực tiểu [49](#)
Quyền lợi phụ [48](#)
Quyền tăng giá cổ phiếu [48](#)
Sai áp [13](#)
Tài sản bị hạn chế [51](#)
Cổ tức trên cổ phiếu bị hạn chế [51](#)
Tiền hoa hồng ứng trước [47](#)
Tiền kiếm được của trẻ em [8](#)
Tiền lương nghỉ bệnh [48](#)
Tiền lương nghỉ phép tích lũy [48](#)
Tiền lương trả khi nghỉ bệnh [54](#)
Tiền thưởng [47](#)
Thủ lao của nhân viên [47](#)
Thủ lao hỗn hợp [47](#)
Thuế an sinh xã hội và Medicare do chủ lao động trả [48](#)
Trồng trẻ [47](#)

Tiền gửi đóng băng:
Gia hạn thời gian chuyển tiếp của IRA [83](#)
Tiền lãi [76](#)

Tiền hoc:
Chương trình đủ điều kiện (*Xem* [Chương trình tiền học đủ điều kiện](#))

Tiền hối lộ [74](#)

Tiền ích:
Tiền hoàn lại [78](#)
Trợ cấp bảo tồn năng lượng [78](#)

Tiền ký gửi:
Mất mát trên [102](#)

Tiền lãi:
Nặng lãi [57](#)
Phí để thu [102](#)
Tiền gửi đóng băng [57](#)

Tiền lại quả [76](#)

Tiền lãi từ cho vay nặng lãi [57](#)

Tiền làm thêm giờ [40](#)

Tiền lương (*Xem* [Tiền công và tiền lương](#))

Tiền lương chênh lệch:
Tiền lương của quân nhân từ bị: Quân đội trừ bị [52](#)

Tiền lương nghỉ bệnh:
Đạo luật Bảo hiểm thất nghiệp đường sắt [54](#)
Thu nhập [48](#)

Tiền lương trả khi nghỉ bệnh:
Các khoản thanh toán FECA [54](#)

Tiền mặt:
Tiền hoàn lại [74](#)

Tiền nghỉ bệnh:
Khẩu lưu [40](#)
Thỏa ước lao động tập thể [40](#)

Tiền phạt [11](#)
(*Cũng xem* Hình phạt)
Khả năng khấu trừ [103](#)

Tiền Phạt [20, 21](#)
(*Cũng xem* Hình phạt)

Tiền tử tuất do tai nạn [49](#)

Tiền thắng và thua cược [76, 105](#)
Khẩu lưu [40, 45](#)

Tiền thu được từ hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp [70](#)

Tiền thù lao:
Không phải nhân viên [75](#)

Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên [75](#)

Tiền thuế văn phòng, khấu trừ [102](#)

Tiền thường [40, 47, 77](#)

Tiền truy lĩnh, phần thưởng cho [47](#)

Tiết kiệm:
Chứng thư [56, 61](#)
Trái phiếu [57, 62](#)
Trái phiếu sử dụng cho giáo dục [59](#)

Tiểu bang:
Công trái, tiền lãi trên [60](#)

Tìm kiếm việc làm:
Khấu trừ chi phí cho phỏng vấn [76](#)

Tín thuế [106, 108](#)
Cơ hội Mỹ [24](#)
Giáo dục trọn đời (*Xem* Tín thuế giáo dục trọn đời)
Tín thuế cho người phụ thuộc khác [108](#)
Thu nhập kiếm được (*Xem* Tín thuế thu nhập kiếm được)
Thuế trẻ em (*Xem* Tín thuế trẻ em)

Tín thuế bao trả cho sức khỏe [8](#)

Tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc [108](#)

Tín thuế cho người phụ thuộc khác [108, 110](#)
Hạn mức tín thuế [110](#)
Người đủ điều kiện [110](#)
Yêu cầu tín thuế [110](#)

Tín thuế dành cho người cao niên hay người bị khuyết tật [108](#)

Tín thuế dành cho việc chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)

Tín thuế đóng góp cho tiết kiệm hưu trí:
Giới hạn tổng thu nhập được điều chỉnh [24](#)

Tín thuế giáo dục:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)

Tín thuế giáo dục trọn đời:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)

Tín thuế hy vọng:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)

Tín thuế kinh doanh:
Yêu cầu hoàn thuế [20](#)

Tín thuế thu nhập kiếm được [108](#)
Nộp đơn yêu cầu [8](#)
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)

Tín thuế trẻ em [8, 27, 108-110](#)
Hạn mức [24](#)
Hạn mức tín thuế [110](#)
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)
Yêu cầu tín thuế [110](#)

Tinh nguyện viên VISTA [52](#)

Tính thuế [14](#)
Làm tròn số tiền [14](#)
Số tiền âm [14](#)
Số tiền bằng nhau [14](#)

Tính thuế và tín thuế [63, 106](#)
(*Cũng xem* Bảng tính)

Tính trạng cư trú:
Nhà bên ngoài Hoa Kỳ. (*Xem* Công dân bên ngoài Hoa Kỳ.)

Tổ chức quốc tế, nhân viên của [52](#)

Tổ chức tài chính [79](#)
(*Cũng xem* Ngân hàng)

Tổ chức tôn giáo [8, 51](#)
(*Cũng xem* Giáo sĩ)

Tôn thất từ kiện tụng [75](#)

Tổng số tiền hỗ trợ [36](#)

Tổng thu nhập:
Định nghĩa [7](#)
Yêu cầu nộp (Bảng 1-1) [6](#)
Tuổi, ngưỡng khai thuế cao hơn sau 65 tuổi [7](#)
Yêu cầu nộp đối với người phụ thuộc (Bảng 1-2) [7](#)

Tổng thu nhập được điều chỉnh (AGI):
Đã sửa đổi (*Xem* Tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi (MAGI))
Tín thuế đóng góp cho tiết kiệm hưu trí [24](#)

Tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi (MAGI):
IRA Roth, việc tính thuế cho [88](#)
Bảng tính 9-2 [88](#)
Giảm dần (Bảng 9-3) [88](#)
IRA, việc tính thuế cho:
Ảnh hưởng đến khấu trừ nếu được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-1) [81, 82](#)
Ảnh hưởng đến khấu trừ nếu không được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-2) [82](#)
Bảng tính 9-1 [82](#)

Tổng Thanh tra của Bộ Tài chính:
Số điện thoại khai báo ẩn danh hành vi gian lận hoặc sai trái của nhân viên IRS [3](#)

Tờ khai:
Được điều chỉnh [94](#)
Trẻ em [15](#)

Tờ khai cuối cùng của người quá cố:
Khấu trừ tiêu chuẩn [92](#)

Tờ khai được điều chỉnh [19](#)
(*Cũng xem* Mẫu 1040-X)

Tờ khai giấy và điện tử (*Xem* E-file)

Tờ khai thông tin [12-14, 47, 48, 51](#)
(*Cũng xem* Mẫu 1099)
(*Cũng xem* Mẫu W-2)
Hợp danh phải cung cấp [70](#)

Tờ khai thuế [11, 15, 23](#)
(*Cũng xem* Chữ ký)
(*Cũng xem* Ngày đến hạn)
(*Cũng xem* Tờ khai thuế chung)
Ai phải nộp [6, 8](#)
Bản ghi của [18](#)
Bản sao của [17](#)
Các bước để chuẩn bị (Bảng 1-6) [12](#)
Các mẫu để sử dụng [8](#)
Cách nộp [12](#)
Dịch vụ chuyển phát tư nhân [11](#)
Điều chỉnh [19](#)
Đính kèm tờ khai thuế [14](#)
Được điều chỉnh [19](#)
(*Cũng xem* Mẫu 1040-X)
Ghi ngày [15](#)
Gửi qua đường bưu điện [17](#)
Hỗ trợ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí [10](#)
Người được chỉ định làm bên thứ ba [14](#)
Người khai thuế được trả tiền [15](#)
Người nước ngoài [8](#)
Nộp của [6](#)
(*Cũng xem* Yêu cầu nộp)
Thanh toán với [16](#)

Tờ khai thuế chung:
Chu kỳ kế toán [23](#)
Gia hạn cho công dân ở bên ngoài Hoa Kỳ [12](#)
Hành phạt gian lận [21](#)
Ký tên [15, 23](#)
Người đóng thuế đã ly hôn [23](#)
Người giám hộ của vợ/chồng, ký tên với tư cách [23](#)
Người phụ thuộc trên [34](#)
Người vợ/chồng quá cố [23](#)
Phúc lợi an sinh xã hội và hưu trí đường sắt [66](#)

Sau tờ khai thuế riêng [24](#)
Tờ khai thuế riêng sau tờ khai chung [24](#)
Tư cách khai thuế [22](#)
Thuế ước tính [42](#)
Trách nhiệm đối với [23](#)
Vợ/chồng bị tổn hại [16](#)
Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú hoặc có tình trạng kép [23](#)
Vợ/chồng vô can [23](#)

Tờ khai thuế được điều chỉnh:
Khấu trừ tiêu chuẩn, thay đổi thành khấu trừ từng khoản [94](#)
Khấu trừ từng khoản, thay đổi thành khấu trừ tiêu chuẩn [94](#)

Tờ khai thuế riêng (*Xem* Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế)

Tờ khai thuế, thuế (*Xem* Tờ khai thuế)

Tờ khai, thuế (*Xem* Tờ khai thuế)

Tuổi:
IRA:
Phân phối bắt buộc ở tuổi 73 [85, 88](#)
Phân phối trước tuổi 59 1/2 [87](#)
IRA Roth [88, 91](#)
Khấu trừ tiêu chuẩn cho tuổi 65 trở lên [92](#)
Khoản đầu tư của trẻ em (*Xem* Trẻ em, tiêu đề phụ: Thu nhập đầu tư của trẻ em dưới 18 tuổi)
Tổng thu nhập và yêu cầu khai thuế (Bảng 1-1) [6](#)

Tùy chọn thanh toán điện tử [3](#)

Tuyên bố tiết lộ [21](#)

Tuyên bố về quyền của người đóng thuế:
IRS yêu cầu cung cấp thông tin [3](#)

Tuyên úy:
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ [70](#)

Tư cách khai thuế [7, 22-27](#)
Chủ gia đình [22, 24](#)
Người đủ điều kiện để nộp với tư cách [25](#)
Hôn nhân bị hủy bỏ [22](#)
Người chưa kết hôn [7, 22](#)
(*Cũng xem* Người đóng thuế độc thân)
Người đóng thuế đã ly hôn [22](#)
Người vợ/chồng còn lại [22](#)
Tờ khai thuế chung [22](#)
Thay đổi, sau thời điểm khai thuế [19](#)
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [23](#)

Tự động gia hạn thời gian nộp [11, 12](#)
Mẫu 4868 [11](#)

Tư vấn thuế cho Người cao niên [10](#)

TH

Than và quặng sắt [72](#)

Thanh toán [107, 108](#)
Cửu trợ thiên tai [74](#)

Thanh toán cho chương trình phục hồi [52](#)

Thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm [76](#)

Thanh toán tiền công chênh lệch [48](#)

Thanh toán tiền lãi [71](#)
(*Cũng xem* Vay thế chấp)
Khấu trừ khoản vay sinh viên [24](#)
Nợ được hủy bao gồm [68](#)

Thanh toán thuế [3, 10, 16, 17, 19, 44](#)
Bảng thể tin dụng hoặc thẻ ghi nợ [12](#)
Dịch vụ chuyển phát [11](#)
Tiền phạt do thanh toán trễ [20](#)
Thỏa thuận trả góp (*Xem* Thỏa thuận trả góp)
Thuế ước tính [16](#)

Thanh toán thuế ước tính [43](#)
Bảng séc hoặc lệnh phiếu [43](#)
Khấu giảm cho khoản thanh toán vượt mức [43](#)

Thanh toán trễ:
Hành phạt đối với việc thanh toán thuế [20](#)

Thanh toán vượt mức thuế [15](#)
(*Cũng xem* Hoàn thuế)

Thành viên đội cứu hộ:
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ [70](#)

Thành viên hộ gia đình [22](#)
(*Cũng xem* Chủ gia đình)

Thành viên và công ty hợp danh [102](#)
Thu nhập [70](#)

Thay đổi địa chỉ [19](#)

Thay đổi tên [13, 45](#)

Thảm phán, liên bang:
Bảo trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động [80](#)

Thân nhân đủ điều kiện [34](#)

Thân nhân, đủ điều kiện [34](#)

Thẻ tín dụng:
Quyền lợi, tính thuế của bảo hiểm [75](#)
Thanh toán thuế [3](#)

Thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ:
Thanh toán thuế [12](#)

Thiệt hại mang tính chất trừng phạt:
Dưới dạng thu thập [75](#)

Thiệt hại về cảm xúc [75](#)

Thỏa thuận cấp dưỡng đa phương [37](#)

Thỏa thuận trả góp [17](#)

Thổ dân:
Quyền đánh cá [76](#)
Thuế do chính quyền bộ lạc thu, khấu trừ [96](#)

Thổ dân Mỹ (*Xem* Thổ dân)

Thông tin mặt:
Đạo luật về Quyền riêng tư và Đạo luật Giám sát thủ tục giấy tờ [3](#)

Thông tin TTY/TDD [126](#)

Thời hạn (*Xem* Ngày đến hạn)

Thu gom rác:
Khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Thù lao [47](#)
(*Cũng xem* Tiền công và tiền lương)
Định nghĩa cho các mục đích IRA [79](#)
Nhân viên [47](#)
Thù lao hỗn hợp [47](#)
Xác định cho mục đích IRA Roth [88](#)

Thù lao hoàn thuế:
Chương trình không đủ điều kiện [48](#)
Hạn mức [50](#)

Thu nhập [47, 67, 74](#)
(*Cũng xem* Cấp dưỡng)
(*Cũng xem* Tiền công và tiền lương)
Công ty Hợp danh [70](#)
Công ty S [71](#)
Hoạt động bất hợp pháp [78](#)
Khai báo thuế [19](#)
Khoản nhận suy định của [61](#)
Miễn thuế [35](#)
Nhận suy định [13](#)
Nhận suy định của [13](#)
Nợ được hủy [68](#)
Phục hồi [71](#)
Tiền bản quyền [72](#)
Tiền bảo hiểm nhân thọ [70](#)
Tiền lãi [54](#)
Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên [75](#)
Tổng [35](#)
Thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm [76](#)
Trả cho bên thứ ba [13](#)
Trả cho người đại diện [13](#)
Trả trước [13](#)
Trao đổi [67](#)

Thu nhập được miễn thuế [35](#)

Thu nhập kiếm được:
Định nghĩa:
Cho mục đích khấu trừ tiêu chuẩn [93](#)
Yêu cầu nộp đối với người phụ thuộc (Bảng 1-2) [7](#)

Thu nhập nhận suy định [13](#)

Thu nhập phi lao động:
Trẻ em [55](#)

Thu nhập phi lao động của trẻ em (*Xem* Trẻ em, tiêu đề phụ: Thu nhập phi lao động của)

Thu nhập từ nước ngoài:
Khai báo của [3](#)
Loại trừ của thu nhập kiếm được [3](#)

Thu nhập từ tiền boa:
Khấu lưu [40](#)
Khấu lưu chưa đủ [40](#)
Tiền boa được phân bổ [40](#)

Thu nhập từ tiền lãi [54](#)
Hoàn thuế, từ [18](#)
Mẫu 1099-INT [13](#)
Phục hồi thu nhập, trên [71](#)
Tiền gửi đóng băng, từ [76](#)
Trái phiếu tiết kiệm [76](#)
(*Cũng xem* Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ)

Thu nhập từ trao đổi [67](#)
Định nghĩa của trao đổi [67](#)
Mẫu 1099-B [67](#)

Thu nhập và chi phí cho thuê:
Cho thuê tài sản cá nhân [72](#)
Giá tăng vì thuế bất động sản cao hơn [100](#)
Giá tăng vì thuế bất động sản cao hơn.:
Khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)
Lỗ từ hoạt động cho thuê bất động sản [24](#)

Thuế:
Cách tính

Thuế an sinh xã hội và Medicare:
Hỗ trợ, không tính vào [37](#)

Thuế bất động sản:
Định giá (*Xem* Việc định giá ở địa phương)
Hoàn thuế, xử lý của [99](#)
Hợp tác xã nhà ở [97](#)
Khấu trừ:
Bảng A, C, E hoặc F (Mẫu 1040) [100](#)
Danh mục thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)
Khấu trừ của [97](#)

Thuế chuyển giao tài sản:
Giao dịch bất động sản và [100](#)

Thuế di sản:
Khấu trừ [100](#)

Thuế do IRS tính [107](#)

Thuế đánh trên tài sản thừa kế:
Khả năng Khấu trừ [100](#)
Khấu trừ [100](#)

Thuế gián thu [85](#)
(*Cũng xem* Hình phạt)
IRA do không thực hiện được các phân phối tối thiểu [85](#)
IRA Roth [90](#)
Khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Thuế Medicare, không phải tiền hỗ trợ [37](#)

Thuế nghề nghiệp:
Khấu trừ:
Thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Thuế quá hạn:
Giao dịch bất động sản, phân phối thuế [98](#)

Thuế quà tặng:
Không thể khấu trừ [100](#)

Thuế suất [22](#)
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế (Bảng Y-2) [23](#)

Thuế tài sản cá nhân:
Các khoản thuế (*Xem* Thuế tài sản cá nhân)
Khấu trừ [100](#)
Bảng A, C, E hoặc F (Mẫu 1040) [100](#)

Thuế tiền lương [48](#)
(*Cũng xem* Thuế an sinh xã hội và Medicare)

Thuế tiểu bang hoặc địa phương:
Hoàn thuế [71](#)

Thuế tính theo đầu người:
Khả năng khấu trừ [100](#)

Thuế tối thiểu thay thế (AMT) [107](#)

Thuế tự kinh doanh:
Khấu trừ [100](#)
Danh mục thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Thuế thu nhập:
Liên bang (*Xem* Thuế thu nhập liên bang)

Nước ngoài (*Xem* Thuế thu nhập từ nước ngoài)

Tiểu bang hoặc địa phương (*Xem* Thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương)

Thuế thu nhập địa phương, các khoản khấu trừ từng khoản [94](#)

Thuế thu nhập liên bang:
Không thể khấu trừ [100](#)
Khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương [94](#)
Hoàn thuế, cách xử lý [96](#)
Hoàn thuế, xử lý của [97](#)
Khai chung thuế tiểu bang và địa phương nhưng khai riêng thuế liên bang [97](#)
Khấu trừ [96](#)
Bảng A (Mẫu 1040) [100](#)
Danh mục thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)
Mẫu W-2 thể hiện thuế được khấu lưu [96](#)
Ngoại lệ đối với khoản khấu trừ [96](#)
Tờ khai thuế điện tử nộp cho liên bang [9](#)
Thay đổi liên bang, ảnh hưởng đến [20](#)
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [97](#)

Thuế thu nhập từ nước ngoài:
Định nghĩa của [96](#)
Khấu trừ [97](#)
Bảng A hoặc báo cáo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR [100](#)
Mẫu 1116 để yêu cầu tín thuế [100](#)

Thuế trẻ em (*Xem* Trẻ em, tiêu đề phụ: Thu nhập phi lao động của)

Thuế trước bạ:
Giao dịch bất động sản và [100](#)

Thuế ước tính [37](#)
Định nghĩa [38](#)
Hình phạt cho trả thiếu [43](#)
Hình phạt do thanh toán thiếu [38, 45](#)
Hình phạt thanh toán thiếu [45](#)
Khấu giảm cho [38, 44](#)
Khoản thanh toán vượt mức được áp dụng cho [15](#)
Không bắt buộc [41](#)
Kỳ đầu tiên, không có thu nhập chịu thuế ước tính trong [43](#)
Người đóng thuế đã kết hôn [42](#)
Người đóng thuế đã ly hôn [45](#)
Người đóng thuế theo năm tài chính [43](#)
Phiếu thanh toán [44](#)
Phúc lợi an sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt [64](#)
Số tiền phải trả để tránh bị phạt. [43](#)
Tính toán số tiền thuế [42](#)
Tờ khai thuế riêng [45](#)
Thanh toán [16, 43](#)
Ai phải thực hiện [41](#)
Bảng liệt kê [43](#)
Khi nào bắt đầu [43](#)
Tính số tiền của từng kỳ thanh toán [43](#)
Thay đổi tên [45](#)
Thay đổi thuế ước tính [43](#)
Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, khấu trừ [96](#)
Thứ Bảy, Chủ Nhật, quy tắc ngày lễ [43](#)
Tránh [41](#)
Trợ cấp thất nghiệp [73](#)

Thuế việc làm [38, 44](#)

Thuế, không phải tiền hỗ trợ [37](#)

Thuộc địa của Hoa Kỳ:
Khấu trừ của thuế thu nhập được trả cho [97](#)

Thứ Bảy, thời hạn rơi vào [43](#)

Thử thách cho người đóng thuế là người phụ thuộc [27](#)

Thử thách công dân hoặc thường trú nhân [27](#)

Thử thách hỗ trợ:
Thân nhân đủ điều kiện [35](#)
Trẻ đủ điều kiện [30](#)

Thử thách mối quan hệ [29, 34](#)

Thử thách tình trạng cư trú [29](#)

Thử thách tổng thu nhập [35](#)

Thử thách tuổi tác [29](#)

Thử thách thành viên hộ gia đình hoặc mối quan hệ [34](#)

Thử thách về khai thuế chung [27, 32](#)

Thừa kế:
IRA (*Xem* Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))
Không đánh thuế [76](#)

Thực thể truyền qua [102](#)

Thường [77](#)

TR

Trà trước:
Bảo hiểm [56](#)

Trách nhiệm của cha mẹ (*Xem* Trẻ em)

Trái phiếu:
Giảm giá [60](#)
Giảm giá phát hành gốc [60](#)
Miễn thuế [60](#)
Phát hành với giá chiết khấu [60](#)
Tiết kiệm [57](#)
Trừ dần tiền trả thặng [104](#)

Trái phiếu cưỡng [61](#)

Trái phiếu đô thị [60](#)

Trái phiếu Hoa Kỳ ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn [60](#)

Trái phiếu ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn [60](#)

Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ:
Giáo dục, được sử dụng cho [24](#)
Tiền lãi [76](#)

Trái phiếu tiết kiệm Sê-ri EE và E [57](#)

Trái phiếu tiết kiệm Sê-ri HH và H [57](#)

Trái phiếu tiết kiệm Sê-ri I [57](#)

Trái phiếu trung hạn [56](#)

Trẻ chết trước khi sinh [29](#)

Trẻ còn sống khi sinh [29](#)

Trẻ đủ điều kiện [28](#)

Trẻ được sinh ra [29](#)
Chủ gia đình, người đủ điều kiện khai thuế với tư cách [25, 27](#)
Số an sinh xã hội cần lấy [37](#)

Trẻ em [49](#)
(*Cũng xem* Nhận con nuôi)
Bị bắt cóc [29, 34](#)
Chết trước khi sinh [29](#)
Cổ tức của (*Xem* tiêu đề này: Thu nhập đầu tư của trẻ em dưới 18 tuổi)
Đưa đón trẻ em đến trường [78](#)
Giám hộ [30](#)
Khấu trừ tiêu chuẩn cho [92, 93](#)
Ký tên tờ khai, cha mẹ cho con [15](#)
Người chăm sóc [47](#)
(*Cũng xem* Chăm sóc trẻ em)
Người trông trẻ [47](#)
Nhận con nuôi (*Xem* Con nuôi)
Quà tặng [55](#)
Tín thuế (*Xem* Tín thuế trẻ em)
Tín thuế cho [8](#)
(*Cũng xem* Tín thuế trẻ em)
Tín thuế trẻ em bổ sung [110](#)
Thu nhập của [8](#)
Thu nhập đầu tư của trẻ em dưới 18 tuổi:
Lợi nhuận và cổ tức [8](#)
Lựa chọn của cha mẹ để khai báo trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR [8](#)
Yêu cầu nộp đối với người phụ thuộc (Bảng 1-2) [7](#)

Thu nhập phi lao động của [55](#)

Trẻ được sinh ra:
Chủ gia đình, người đủ điều kiện khai thuế với tư cách [25, 27](#)
Số an sinh xã hội cần lấy [37](#)

Trẻ qua đời:
Chủ gia đình, người đủ điều kiện khai thuế với tư cách [25, 27](#)
Trợ cấp của (*Xem* Trợ cấp cho con)
Yêu cầu nộp [8](#)
Với tư cách là người phụ thuộc (Bảng 1-2) [7](#)

Trẻ em bị bắt cóc:
Thân nhân đủ điều kiện [34](#)
Trẻ đủ điều kiện [29](#)

Trẻ mất tích:
Ảnh chụp, có trong các ấn phẩm của IRS [3](#)

Trẻ qua đời [29](#)

Trẻ, đủ điều kiện [28](#)

Trạm cấp danh tính [2, 21](#)

Trốn thuế [21](#)

Trông trẻ [47](#)

Trợ cấp cho con [75](#)

Trợ cấp cho cựu chiến binh:
Quyết định hồi tố [53](#)
Thời hiệu đặc biệt. [53](#)

Trợ cấp cựu chiến binh:
Hỗ trợ giáo dục [77](#)

Trợ cấp nghiên cứu sinh (*Xem* Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh)

Trợ cấp sử dụng năng lượng cho mùa đông [75](#)

Trợ cấp thất nghiệp:
Bảo hiểm thất nghiệp chi trả [75](#)
Đóng góp bắt buộc vào quỹ tiểu bang, khấu trừ [97](#)
Phần góp tự nguyện trong quỹ trợ cấp [104](#)

Trợ cấp thực phẩm:
Chương trình dinh dưỡng cho người cao niên [74](#)

Trợ cấp, cứu trợ thiên tai [73](#)

Trợ giúp (*Xem* Trợ giúp về thuế)

Trợ giúp về thuế [5, 10, 126](#)
Tinh nguyện tư vấn (chương trình Tinh nguyện hỗ trợ thuế thu nhập) [52](#)
Tư vấn tinh nguyện (chương trình Tinh nguyện hỗ trợ thuế thu nhập) [10](#)
Tư vấn thuế cho Người cao niên [10](#)

U

Uy tín nghề nghiệp [104](#)

Ư

Ước tính:
Khấu giảm cho [45](#)
Phiếu thanh toán [43](#)

V

Vàng và bạc:
Đầu tư IRA vào [87](#)

vay thế chấp:
Tiền trả trợ cấp [74](#)

Vay thế chấp:
Tiền lãi:
Hoàn thuế của [71](#)
Vay thế chấp được chiết khấu [68](#)

Vãng mặt tạm thời [29, 35](#)

Vãng mặt, tạm thời [29, 35](#)

Vật di tặng [75, 76](#)
(*Cũng xem* Người thụ hưởng di sản)
(*Cũng xem* Thừa kế)

Vé phương tiện công cộng, chủ lao động cung cấp [50](#)

Vé phương tiện giao thông [50](#)

Vé phương tiện giao thông đại chúng, chủ lao động cung cấp [50](#)

Vi phạm hợp đồng:
Tổn thất dưới dạng thu nhập [75](#)

Vi phạm luật địa phương [35](#)

Việc định giá ở địa phương:
Khả năng Khấu trừ [99](#)

Việc làm:
Các khoản thuế [48](#)
(*Cũng xem* Thuế an sinh xã hội và Medicare)
Khấu lưu FICA [12](#)
(*Cũng xem* Khấu lưu thuế)
Phí môi giới [75](#)

Việc làm nước ngoài [8, 52](#)
Công dân Hoa Kỳ [52](#)
Từ bỏ tình trạng người nước ngoài [52](#)
Thuế an sinh xã hội và Medicare [52](#)
Việc làm ở nước ngoài [52](#)

Việc làm quốc tế (*Xem* Việc làm nước ngoài)

Viên chức khu bầu cử:
Chi phí, khai báo về [76](#)

Vốn giá gốc:
IRA cho đóng góp không thể khấu trừ [82, 86](#)

Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [23](#)
Các khoản khấu trừ:
Thay đổi phương thức từ hoặc sang khấu trừ từng khoản [94](#)
Xử lý [24](#)
Cách nộp tờ khai thuế [23](#)
Chủ quyền trọn, phân phối thuế bất động sản [99](#)
Chuyển tiếp [24](#)
Khai chung thuế thu nhập tiểu bang và địa phương nhưng khai riêng thuế liên bang [97](#)
Khấu trừ từng khoản [24, 94](#)
Một bên vợ/chồng đã liệt kê từng khoản nên người kia cũng phải làm như vậy [92](#)

Phúc lợi an sinh xã hội và hưu trí đường sắt [64](#)
Tiểu bang có tài sản chung [24](#)
Tín thuế thu nhập kiếm được [24](#)
Tín thuế, xử lý [24](#)
Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương [97](#)

Vỡ Nợ:
Nợ được hủy không được coi là thu nhập [69](#)

Vợ/chồng [7, 14, 15, 22, 23, 70](#)
(*Cũng xem* Người đóng thuế đã kết hôn)
(*Cũng xem* Vợ/chồng còn lại)

Vợ/chồng bị tổn hại [16](#)
Yêu cầu hoàn thuế [16](#)

Vợ/chồng còn lại:
Tiền bảo hiểm nhân thọ được trả cho [70](#)

Vợ/chồng qua đời [93](#)

X

Xe hơi [50, 78](#)
(*Cũng xem* Đi lại và vận chuyển)
Thuế tài sản cá nhân trên, khấu trừ [100](#)

Xóa sổ (*Xem* Hủy nợ)
Xổ số và rút thưởng [76](#)
(*Cũng xem* Tiền thắng và thua cược)

Y

Yêu cầu khai thuế [23](#)
(*Cũng xem* Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế)
Khai thuế chung [22, 23](#)
(*Cũng xem* Tờ khai thuế chung)

Yêu cầu lưu giữ hồ sơ [17](#)
Bản sao tờ khai thuế [17](#)
Bảng chứng thanh toán [18](#)
Cả cược [76](#)

Hồ sơ cơ bản [18](#)
Hồ sơ điện tử [17](#)
Tại sao cần lưu giữ hồ sơ [17](#)
Thời gian lưu giữ [18](#)

Yêu cầu nộp [6-21](#)
Ai phải nộp [6, 8](#)
Cá nhân đóng thuế [7](#)
Công dân bên ngoài Hoa Kỳ [7](#)
Đa số người đóng thuế (Bảng 1-1) [6](#)
Điện tử (*Xem* E-file)
Gia hạn [11](#)
Hình phạt do khai thuế trễ (*Xem* Hình phạt)
Khi nào nộp [11](#)
Mức tổng thu nhập (Bảng 1-1) [6](#)
Người chưa kết hôn (*Xem* Người đóng thuế độc thân)
Người nộp theo niên lịch [11](#)
Người phụ thuộc [7, 8](#)
Nơi nộp [17](#)
Tiền phạt do nộp trễ (*Xem* Hình phạt)

Nơi nộp tờ khai

Hãy gửi tờ khai thuế của bạn về địa chỉ được nêu dưới đây mà áp dụng cho bạn. Nếu bạn muốn sử dụng dịch vụ giao thư riêng tư, tham khảo *Dịch vụ giao thư riêng tư* ở [chương 1](#).



Các bì thư không có đủ dấu bưu chính sẽ bị bưu điện gửi hoàn lại cho bạn. Bì thư của bạn có thể cần thêm dấu bưu chính nếu dài hơn năm trang hoặc ngoại cỡ (ví dụ như dày trên 1/4 inch). Ngoài ra, hãy cung cấp cả địa chỉ hồi âm hoàn chỉnh của bạn.

NẾU bạn sống ở...	THÌ gửi hồ sơ hoàn thuế tới địa chỉ bên dưới nếu bạn yêu cầu hoàn thuế hoặc KHÔNG gửi kèm thanh toán...	HOẶC gửi hồ sơ hoàn thuế về địa chỉ dưới đây nếu bạn CÓ gửi kèm thanh toán (séc hoặc lệnh phiếu)...
Alabama, Georgia, North Carolina, South Carolina, Tennessee	Department of the Treasury Internal Revenue Service Austin, TX 73301-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 1214 Charlotte, NC 28201-1214
Alaska, California, Colorado, Hawaii, Idaho, Kansas, Michigan, Montana, Nebraska, Nevada, North Dakota, Ohio, Oregon, South Dakota, Utah, Washington, Wyoming	Department of the Treasury Internal Revenue Service Ogden, UT 84201-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 802501 Cincinnati, OH 45280-2501
Arizona, New Mexico	Department of the Treasury Internal Revenue Service Austin, TX 73301-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 802501 Cincinnati, OH 45280-2501
Arkansas, Oklahoma	Department of the Treasury Internal Revenue Service Austin, TX 73301-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 931000 Louisville, KY 40293-1000
Connecticut, Delaware, District of Columbia, Illinois, Indiana, Iowa, Kentucky, Maine, Maryland, Massachusetts, Minnesota, Missouri, New Hampshire, New Jersey, New York, Rhode Island, Vermont, Virginia, West Virginia, Wisconsin	Department of the Treasury Internal Revenue Service Kansas City, MO 64999-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 931000 Louisville, KY 40293-1000
Florida, Louisiana, Mississippi, Texas	Department of the Treasury Internal Revenue Service Austin, TX 73301-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 1214 Charlotte, NC 28201-1214
Pennsylvania	Department of the Treasury Internal Revenue Service Kansas City, MO 64999-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 802501 Cincinnati, OH 45280-2501
Nước ngoài, lãnh thổ của Hoa Kỳ,* hoặc sử dụng APO hay FPO, hoặc nộp Mẫu 2555 hay 4563, hoặc là người nước ngoài có tình trạng kép	Department of the Treasury Internal Revenue Service Austin, TX 73301-0215	Internal Revenue Service P.O. Box 1303 Charlotte, NC 28201-1303
* Nếu bạn sinh sống tại Samoa thuộc Mỹ, Puerto Rico, Guam, Quần đảo Virgin Hoa Kỳ hoặc Bắc Quần đảo Mariana, xem Ấn phẩm 570.		